ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

TỔ VĂN - SỬ - ĐỊA - GDCD

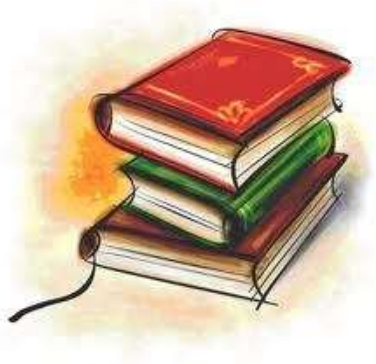

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

NGỮ VĂN 9

HỌC KÌ I

Giáo viên thực hiện: NGUYỄN VĂN TÁM

NĂM HỌC: 2021 – 2022

Ngày soạn:
Ngày dạy
Tiết :
Tuần 1 **Tiết 1:**
Văn bản: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
(Lê Anh Trà)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

+ Nắm một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và trong sinh hoạt.

+ Hiểu ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Nắm đặc điểm của kiểu bài Nghị luận xã hội qua một số đoạn văn cụ thể.

*** Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh:**

+ Lối sống giản dị, phong thái ung dung, tự tại: Vẻ đẹp trong phong cách lãnh tụ Hồ Chí Minh: sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, vĩ đại và bình dị, thanh cao và khiêm tốn…

Môn Lịch sử:

- Lịch sử 9: bài Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 đến 1925.

c. Môn Giáo dục công dân:

- Giáo dục công dân 7, bài 1: Sống giản dị
- Giáo dục công dân 9, bài 7: Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

d. Môn Âm nhạc: Một số bài hát ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Năng lực

-**Năng lực chung**: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc hiểu một văn bản nghị luận:bố cục, luận điểm.

+ Viết: rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận. Viết đoạn văn thể hiện những suy nghĩ tình cảm về một tác phẩm văn nghệ.

3. Phẩm chất

-Yêu quý và tự hào về ngôn ngữ dân tộc.

- Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc diễn đạt trong văn bản và đời sống.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Đọc kĩ SGK, SGV, Bình giảng ngữ văn 9, tài liệu (Tranh ảnh, bài viết về lối sống của Bác- "Làm theo tấm gương đạo đức HCM", "Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ", "HCM Gương Người sáng mãi".

+ Chân dung tác giả, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, tham khảo bài "Đức tính giản dị của Bác Hồ", soạn bài theo gợi ý của SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS phân tích tìm ra được công dụng và sự ảnh hưởng của tác phẩm đối với mình và mọi người

b. Nội dung: HS theo dõi câu hỏi và suy ngẫm và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ GV giao câu hỏi: GV: Tổ chức cuộc thi "Bác Hồ trong em"

HS thi đọc những bài thơ , câu chuyện ca ngợi lối sống giản dị, thanh cao của Bác

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe câu hỏi và trả lời cá nhân.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt vào bài: Hồ Chí Minh không những là nhà yêu nước- nhà cách mạng vĩ đại mà còn là danh nhân văn hoá thế giới (UNESCO phong tặng năm 1990). Vẻ đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh. Để giúp các em hiểu được phong cách Hồ Chí Minh được tạo bởi những yếu tố nào và được biểu hiện cụ thể ở những khía cạnh gì, bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được điều đó.

HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI **Hoạt động : Giới thiệu chung vê tác giả, tác phẩm** **a. Mục đích:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b. Nôi dung :** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên:** Giới thiệu đôi nét về tác giả Lê Anh Trà ? Cho biết xuất xứ của văn bản " Phong cách Hồ Chí Minh" ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: trình bày theo nhóm. + Một nhóm trình bày. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS - GV chốt kiến thức: **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bố cục VB** **a. Mục đích:** Giúp HS nắm được thể loại, PTBĐ **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** hướng dẫn cách đọc: Chậm rãi, nhấn mạnh những lời bình + Giáo viên đọc mẫu một đoạn, học sinh đọc tiếp GV đặt câu hỏi: ? Văn bản có tựa đề Phong cách HCM. Tác giả không giải thích phong cách là gì nhưng qua nội dung văn bản em hiểu từ phong cách trong trường hợp này có ý nghĩa như thế nào ? ? Xét về nội dung, văn bản trên thuộc loại văn bản nào? Tại sao em lại khẳng định như vậy? ? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? ? Chỉ ra bố cục của văn bản? ? Nhận xét gì về bố cục của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **+** HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS hoạt động nhóm. + HS thảo luận. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS =>GV chốt: *** Giáo viên** giải thích thêm các từ: + Bất giác: 1 cách tự nhiên, ngẫu nhiên, không dự định trước. + Đạm bạc: Sơ sài, giản dị, không cầu kỳ, bày vẽ * GV bổ sung kiến thức : + VB Nhật dụng (Nhật dụng: Không chỉ có ý	**A. Giới thiệu chung** **1. Tác giả:** **2, Tác phẩm:** + Trích trong bài "Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị" (1990) **B. Đọc - hiểu văn bản** **1. Đọc - Chú thích:** a. Đọc: b. Chú thích: - Phong cách: đặc điểm có tính ổn định trong lối sống,sinh hoạt,làm việc của một người, tạo nên nét riêng của người đó. **2. Bố cục:** + Thể loại: Văn bản nhật dụng.

nghĩa cập nhật mà còn có ý nghĩa lâu dài, là việc làm thiết thực, thường xuyên). + Chủ đề của văn bản là: Sự hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. + Thuyết minh. *** Giáo viên:** Văn bản mang ý nghĩa cập nhật và ý nghĩa lâu dài. Bởi lẽ việc học tập, rèn luyện theo phong cách HCM là việc làm thiết thực, thường xuyên của các thế hệ người VN, nhất là lớp trẻ. Chính vì thế Ban chỉ đạo Trung ương đã triển khai thực hiện cuộc vận động " Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" ngày 22-10-2007. **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần 1** **a. Mục đích:** Giúp HS nắm được Con đường hình thành phong cách văn hoá Hồ Chí Minh **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: ? Ở phần 1, tác giả giới thiệu như thế nào về phong cách văn hoá của Bác Hồ? ? Bác Hồ tiếp xúc với văn hoá nhân loại trong điều kiện nào? ? Đi nhiều, tiếp xúc nhiều với văn hoá nhân loại thì vốn văn hoá của Bác như thế nào? ? Biểu hiện nào chứng tỏ Bác có vốn văn hoá sâu rộng?(H khá) ? Vậy Bác Hồ đã tiếp thu văn hóa nhân loại bằng cách nào? ? Qua phần tìm hiểu trên, giúp em hiểu gì về Hồ Chí Minh ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức - GV bổ sung: Năm 1911, Bác ra đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn). Người làm phụ bếp trên 1 con tàu của Pháp. Người đã ghé lại nhiều hải cảng, thăm nhiều nước Châu Phi, Á, Mỹ, đã sống dài ngày ở Anh. HCM đã từng đi khắp 5 châu 4 biển, lao động kiếm sống và học tập khắp mọi nơi	+ PTBĐC: thuyết minh. + Bố cục: 2 đoạn

trên thế giới, tiếp xúc đủ mọi dân tộc, chủng tộc của các màu da: vàng, đen, trắng, đỏ...Lúc Người làm nghề bồi bàn, cuốc tuyết, làm nghề rửa ảnh. CLV trong bài thơ "Người đi tìm hình của nước" đã viết: " Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể Người đi hỏi khắp bóng cờ Châu Mĩ, Châu Phi Những đất tự do, những trời nô lệ Những con đường cách mạng đang tìm đi" Biểu hiện nào chứng tỏ Bác có vốn văn hoá sâu rộng: + Bác nói và viết thạo nhiều tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Nga: Viết văn bằng tiếng Pháp (Bản án chế độ thực dân). Làm thơ bằng tiếng Hán (NKTT) + Am hiểu nhiều về các dân tộc, nhân dân thế giới + Am hiểu văn hoá thế giới.... *** Giáo viên:** Để có một vốn kiến thức uyên thâm đó không phải trời phú mà nhờ thiên tài, nhờ Bác đã dày công học tập, rèn luyện ngôn ngữ - phương tiện giao tiếp. Đây chính là chìa khoá để mở ra kho văn hoá tri thức của nhân loại. Bác đã nói và viết khoảng 28 ngôn ngữ (tiếng nói) của các nước. Cha ông ta xưa có câu: " Đi một ngày đàng học một sàng khôn" Bác đã đi nhiều nơi, được học hỏi tiếp xúc nhiều. Nhưng vấn đề là học như thế nào, bằng cách nào? Bác Hồ đã tiếp thu văn hóa nhân loại bằng cách: - Luôn học hỏi: trong hoạt động cách mạng, trong lao động, mọi lúc, mọi nơi - Nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ - Học hỏi, tìm hiểu đến mức sâu sắc - Tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài + Không chịu ảnh hưởng một cách thụ động + Tiếp thu cái đẹp, hay, phê phán những hạn chế, tiêu cực (trên nền tảng của văn hoá dân tộc) + Giữ vững giá trị văn hóa dân tộc ➔ Cách sống, học tập của Bác thật đúng đắn, mang tính khoa học cao. HCM là người sáng suốt, thông minh, cần cù, yêu lao động, ham học hỏi.Mục đích của Bác là ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Người đã tự mình tìm hiểu những mặt	**3. Phân tích:** a. Con đường hình thành phong cách văn hoá Hồ Chí Minh: + Bác Hồ đi và tiếp xúc với nhiều nền văn hoá trên thế giới -> có vốn văn hoá uyên thâm. ***** Cách tiếp thu văn hóa nhân loại của Bác: +Nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ. + Luôn học hỏi, tìm hiểu đến mức sâu sắc + Tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài. + Tiếp thu cái đẹp, hay, phê phán những hạn chế, tiêu cực (trên

tích cực của triết học P.Đông: Muốn giải phóng dân tộc phải đánh đuổi TD Pháp & CNTB. Muốn vậy, phải thấy được những mặt tích cực, ưu việt của các nền văn hoá đó.	nền tảng của văn hoá dân tộc) + Không chịu ảnh hưởng một cách thụ động. + Giữ vững giá trị văn hóa dân tộc. * Nghệ thuật: Liệt kê nhằm khẳng định sự miệt mài học hỏi của Bác. => Nhân cách rất Việt Nam, rất bình dị, rất Phương Đông, rất hiện đại.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức nào?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Nghe câu hỏi
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV định hướng:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức

+ Giáo viên cần cho học sinh nắm chắc nội dung của phần 1: Vẻ đẹp phong cách văn hoá HCM là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Nắm chắc về tác giả, tác phẩm, nội dung phần phân tích.

+Em học tập gì về phương pháp thuyết minh của tác giả?

+ Soạn tiếp phần còn lại: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, soạn bài tiếp: Nét đẹp trong lối sống giản dị mà thanh cao của chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghệ thuật, Nội dung của văn bản,

-Tìm những câu chuyên nói về sự giản dị của Bác: câu chuyện chiếc gối, nấu cháo bằng cơm nguội, câu chuyện về đôi dép cao su của Bác....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 1

Tiết 2 (Tiếp)

Văn bản: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
(Lê Anh Trà)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và trong sinh hoạt.

+ Hiểu ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Nắm đặc điểm của kiểu bài Nghị luận xã hội qua một số đoạn văn cụ thể.

2. Năng lực:

+ Xác định giá trị bản thân: Mục tiêu phấn đấu theo phong cách Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giao tiếp:

+ Trình bày, trao đổi về nội dung của phong cách Hồ Chí Minh trong bài, hợp tác...

3. Phẩm chất:

- Học sinh có ý thức tu dưỡng, học tập, rèn luyện theo gương Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Đọc kĩ SGK, SGV, Bình giảng ngữ văn 9, tài liệu (Tranh ảnh, bài viết về lối sống của Bác - "Làm theo tấm gương đạo đức HCM", "Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ", "HCM Gương Người sáng mãi".

+ Chân dung tác giả, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, tham khảo bài "Đức tính giản dị của Bác Hồ", soạn bài theo gợi ý của SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trên slide và trả lời: Đôi dép và chiếc áo kaki, chiếc mũ cối bạc trên gợi đến hình ảnh của ai?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Đúng vậy Bác luôn sống giản dị, lối sống, tư tưởng đạo đức HCM luôn là kim chỉ nam, là tấm gương cho chúng ta noi theo:

"Ta bên người, Người sáng tỏ bên ta
Ta bỗng lớn ở bên người một chút"

Để rõ hơn về điều này, chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của bài Phong cách Hồ Chí Minh.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu phần 2** **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Đoạn 2 của văn bản cho ta thấy đặc điểm gì về con người của Bác? ? Tác giả đã thuyết minh phong cách sinh hoạt của Bác trên những khía cạnh nào? Mỗi khía cạnh đã có những biểu hiện cụ thể ra sao? ? Nhận xét về hệ thống dẫn chứng của tác giả khi nói về lối sống của Bác? ? Từ đó, vẻ đẹp nào trong cách sống của Bác được làm sáng tỏ ? ? Cụ thể tác giả so sánh cách sống của Bác như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** + Ngỡ như tất cả áo quần, trang phục tinh túy nhất, tiêu biểu nhất ở mọi miền đất nước, của dân tộc trong mọi công việc, lao động, chiến đấu được gạn lọc, lựa chọn về đây họp thành trang phục của Người. Bộ trang phục thật giản dị thanh cao. Những món ăn đậm hương vị quê nhà, những sản vật thân quen tinh túy của đất Việt từ ngàn xưa để	b. Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác: + Lối sống giản dị của Bác Hồ: - Nơi ở, làm việc đơn sơ: nhà sàn, vài căn phòng nhỏ - Trang phục giản dị: áo bà ba nâu, áo trấn thủ, đôi dép lốp - Ăn uống đạm bạc, không cầu kì: cá kho, dưa cà muối, cháo hoa - Tư trang: ít ỏi.

lại hết sức thân thương, gắn bó. + Bác Hồ không bao giờ đòi hỏi chủ tịch nước được ăn món nọ món kia. Bác sống như một người bình thường: Người thường bỏ lại đĩa thịt gà, mà ăn hết: Mấy quả cà xứ Nghệ Tránh nói to mà đi rất nhẹ trong vườn (Viễn Phương) + Khi ăn, có món gì ngon, Bác không bao giờ ăn một mình. Bác sẻ cho người này, người kia rồi sau cùng mới đến phần mình thường là ít nhất. Ăn xong, thu xếp bát đĩa gọn gàng để đỡ vất vả cho người phục vụ **GV cho HS quan sát hình ảnh nhà sàn của Bác:** Ngôi nhà giản dị: lợp rơm, đồ đạc đơn sơ, ngoài vườn trồng cây ăn quả (cam, bòng, mít, cau) trước nhà có ruộng đỗ, lạc (mùa nào thức ấy) chứng tỏ Người rất tiết kiệm, quan tâm tới việc sản xuất (vườn không trồng cây cảnh sang trọng mà chỉ có những loài hoa dân dã- hoa dâm bụt)- sự giản dị của gia đình góp phần hình thành phong cách sống của Bác. **Nhận xét về hệ thống dẫn chứng của tác giả:** - Dẫn chứng tiêu biểu (toàn diện) chọn lọc tuy không nhiều GV: Sự trình bày hệ thống dẫn chứng như trên đã thuyết phục người đọc. Hơn thế, văn bản còn hấp dẫn bởi tác giả đã kết hợp một cách khá khéo léo việc trình bày dẫn chứng và nội dung bình luận → Tác giả bài viết khiến người đọc hình dung trong sự đối chiếu các hình ảnh: cung điện của những ông vua ngày xưa, những tòa nhà nguy nga tráng lệ của các vị nguyên thủ quốc gia và ngôi nhà sàn của Bác. -" Chiếc nhà sàn bằng gỗ cạnh chiếc ao": có ai ngờ đó là nơi ở, làm việc của 1 vị chủ tịch nước. - Phạm Văn Đồng khi nói về Bác cũng nhắc tới ngôi nhà sàn " luôn luôn lộng gió và ánh sáng phảng phất hương thơm của hoa vườn" - Còn Tố Hữu viết: Nơi Bác ở: rào mây, vách gió Sáng nghe chim hót sau nhà Đêm trăng một ngọn đèn khêu nhỏ "Tiếng suối trong như tiếng hát xa"	+ Ngôn ngữ giản dị với các từ chỉ SL ít ỏi, cách nói dân dã (chiếc, vài, vẻn vẹn). + Phương pháp thuyết minh: Liệt kê các biểu hiện cụ thể xác thực trong đời sống sinh hoạt của Bác. -> Giản dị mà thanh cao, trong sáng

Tác giả so sánh cách sống của Bác: + "Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống đến sức giản dị và tiết chế như vậy". + "Ta nghĩ đến các vị hiền triết ngày xưa như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn hay Nguyễn Bỉnh Khiêm sống ở quê nhà với những thú quê thuần đức: "Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao" **Hoạt động 2: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **- GV** đặt tiếp câu hỏi: ? Văn bản " Phong cách Hồ Chí Minh" có ý nghĩa như thế nào Để làm rõ và nổi bật những vẻ đẹp và phẩm chất cao quý của phong cách Hồ Chí Minh, người viết đã dùng những biện pháp nghệ thuật? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **GV chốt kiến thức:** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	⇔ Là bài học cho mỗi chúng ta càng cảm phục, kính yêu Bác. - So sánh cách sống của Bác với lãnh tụ của các nước khác, với các vị hiền triết xưa. => Lối sống vô cùng thanh cao, giản dị là cách sống có văn hoá theo quan niệm thẩm mĩ cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên, là cách di dưỡng tinh thần của chủ tịch HCM **4 Tổng kết:** a Nội dung- Ý nghĩa: * ND: + Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, giữa thanh cao và giản dị. * Ý nghĩa của văn bản: Bằng lập luận chặt chẽ, chúng cứ xác thực, tg Lê Anh Trà đã cho thấy cốt cách văn hoá HCM trong nhận thức và trong hành động. Từ đó đặt ra một vấn đề của thời kì hội nhập: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. b. Nghệ thuật: + Đan xen giữa tự sự và bình luận + Dẫn chứng chọn lọc tiêu biểu, có sức thuyết phục cao + Nghệ thuật đối lập, sử dụng nhiều từ ngữ Hán Việt, thơ cổ.

	c Ghi nhớ: SGK/ T5

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi

- GV đặt câu hỏi:? Viết một đoạn văn ngắn (10 dòng) nêu những cảm nhận của em về vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

* Gợi ý:

+ Cảm nhận về những điểm đã tạo nên vẻ đẹp trong p/c HCM: Con người HCM là sự kết hợp hài hoà, trọn vẹn giữa truyền thống văn hoá dân tộc với văn hoá tinh hoa nhân loại. Lối sống rất dân tộc, rất VN của Bác gợi cho ta nhớ đến các vị hiền triết trong lịch sử như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn với lối sống giản dị, thanh cao "Ao cạn vớt bèo...sen" hay Nguyễn Bỉnh Khiêm với lối sống thanh bạch" Thu ăn măng trúc…tắm ao"

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Cách học của Bác có còn phù hợp trong bối cảnh học tập hiện nay không? Em có thể học tập được gì từ phương pháp học tập của Bác

? Em học tập và rèn luyện theo phong cách của Bác như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Hòa nhập với khu vực, quốc tế nhưng phải giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc.

+ Cuộc sống giản dị, thanh cao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Hs viết thành bài hoàn chỉnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài, trình bày, nhận xét lẫn nhau
- Giáo viên quan sát, động viên, hỗ trợ khi học sinh cần.

Bước 3: Báo cáo thảo luận: Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

Ngày soạn:

Ngày dạy

Tiết

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nắm được nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.

2. Năng lực

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,…
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

3.Phẩm chất

-Yêu quý và tự hào về ngôn ngữ dân tộc.

- Có ý thức giao tiếp phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích để đạt hiệu quả giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc kĩ SGK, SGV, chuẩn KTKN,
- Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo; chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập,…)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan
- Trả lời các câu hỏi trong SGK và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS phân tích tìm ra được công dụng và sự ảnh hưởng của tác phẩm đối với mình và mọi người

b. Nội dung: HS theo dõi câu hỏi và suy ngẫm và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: kể chuyện con rắn vuông "Con rắn dài 40 mét, ngang 40 mét" và đặt câu hỏi gợi mở:

? Nói như vậy có chấp nhận được không?

? Em rút ra bài học từ câu chuyện này là gì

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe câu hỏi và trả lời cá nhân.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Nói như vậy không được. Phải nói sự thật, nói phải có bằng chứng, không vu vơ

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV: Vi phạm quy tắc trong hội thoại => Phương châm

Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được các phương châm sẽ được sử dung như thế nào qua bài **Các phương châm hội thoại.**

HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI **Hoạt động : Tìm hiểu phương châm về lượng** **a. Mục đích:** hiểu về phương châm về lượng **b. Nôi dung :** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu** HS đọc ví dụ SGK và trả lời câu hỏi: Thế nào là phương châm? Phương châm hội thoại *** GV yêu cầu** HS tìm hiểu về các ngữ liệu 1, 2 Và phân công: **Tổ 1:** Khi An hỏi "Học bơi ở đâu?" mà Ba trả lời "ở dưới nước" thì câu trả lời đó có đáp ứng điều mà An cần biết không? Vì sao? **Tổ 2:** Vậy câu trả lời có đáp ứng được điều mà An mong muốn không?Vậy điều mà An cần biết ở đây là gì?Ba cần trả lời như thế nào? **Tổ 3:** Phân tích ngữ liệu 2 ? Vì sao truyện lại gây cười?Lẽ ra anh "Lợn cưới" và anh "áo mới" phải hỏi và trả lời như thế nào để người nghe đủ biết được điều cần hỏi và trả lời? Banhóm, đại diện báo cáo kết quả , thu phiếu các nhóm còn lại * Từ đó, GV yêu cầu HS : Qua ví dụ 1, hãy cho biết khi giao tiếp ta cần phải tuân thủ yêu cầu gì? Hãy lấy ví dụ trong thực tế người nói không tuân thủ phương châm về lượng khi giao tiếp? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: trình bày theo nhóm. + Một nhóm trình bày. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	**I. Phương châm về lượng** **1. Phân tích ngữ liệu:** (SGK- Tr 8) 1.1. Đoạn đối thoại - Ba không trả lời vào điều An muốn hỏi (không mang đầy đủ nội dung cần trả lời nói) 1.2. Truyện cười "Lợn cưới áo mới" - Các nhân vật nói nhiều hơn những gì cần nói (thừa từ ngữ). → Nhận xét: Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung đáp ứng đúng yêu cầu giao tiếp, cần nói đầy đủ, không thiếu không thừa.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Đáp án **Tổ 1:** - Bơi là hoạt động di chuyển trong nước hoặc trên mặt nước bằng cử động của cơ thể. **Tổ 2:** - Không vì không mang nội dung mà An cần biết nghĩa là nói ít hơn điều cần nói mà cuộc giao tiếp đòi hỏi. - An muốn biết Ba học bơi ở địa điểm nào "ở đâu?" chứ không phải An hỏi bơi là gì? Ví dụ: "Mình học bơi ở bể bơi trong Lựng Xanh". **Tổ 3:** - Truyện gây cười vì cách nói của hai nhân vật (nói nhiều hơn những gì cần nói) - Lẽ ra chỉ cần hỏi "Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không?" - Trả lời "(Nãy giờ) tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả!" - Như vậy, các nhân vật ở đây nói nhiều hơn những gì cần nói. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS - GV chốt kiến thức: **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu phương châm về chất** **a. Mục đích:** Giúp HS hiểu được phương châm về chất **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** : 1. Gọi học sinh đọc truyện cười " Quả bí khổng lồ" và đặt câu hỏi: ? Truyện cười phê phán điều gì? ? "Nói khoác" là nói như thế nào? ? Như vậy trong giao tiếp có điều gì cần tránh? 2. Nếu không biết chắc ngày 1/9 lớp có được nghỉ học không hoặc không biết chắc lý do vì sao vì sao một bạn trong lớp nghỉ học em có thông báo nội	**II. Phương châm về chất** **1. Phân tích ngữ liệu** (SGK- Tr 9) Truyện Quả bí khổng lồ -Truyện phê phán tính nói khoác.

dung đó không? ? Nếu không chắc chắn một điều gì mà phải trả lời (về điều đó) thì nên dùng thêm từ ngữ nào ở đầu câu? 3. Qua tình huống trên em rút ra nhận xét gì khi giao tiếp? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **+** HS đọc yêu cầu. + HS hoạt động cá nhân. + HS hoạt động nhóm. + HS thảo luận. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS =>GV chốt: 1. Phê phán tính nói khoác. "Nói khoác" là nói không đúng sự thật. Trong giao tiếp, không nên nói những điều không đúng sự thật hoặc không có bằng chứng xác thực. 2. Nếu không chắc chắn, có thể thêm cụm từ: Hình như là; em nghĩ là; em nghe nói; chắc là... Như vậy, Đừng nói những điều mình không có bằng chứng xác thực, chưa có cơ sở để xác định là đúng. 3. Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.	-> Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS làm bài tập theo nhóm:

Nhóm 1: bài 2

Nhóm 2,3: bài 3

Nhóm 4: bài 4

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Nghe câu hỏi
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV định hướng:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bài tập 2 (SGK- Tr 11)
a. Nói có sách, mách có chứng
b. Nói dối
c. Nói mò
d. Nói nhăng, nói cuội
e. Nói trạng
Bài tập 3 (SGK- Tr 11) Truyện cười "Có nuôi được không".
- Ở đây phương châm về lượng đã không được tuân thủ vì câu hỏi "Rồi có nuôi được không?"
-> Thừa.
Bài tập 4 (SGK- Tr 11)
a. Để đảm bảo phương châm về chất, người nói phải dùng cách nói trên nhằm báo cho người nghe biết tính xác thực của thông tin mà mình đưa ra chưa được kiểm chứng.
b. Để đảm bảo phương châm về lượng, người nói dùng cách nói đó nhằm báo cho người nghe biết việc nhắc lại nội dung cũ là do chủ ý của người nói.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức
+ Giáo viên cần cho học sinh nắm chắc nội dung của phần 1: Vẻ đẹp phong cách văn hoá HCM là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
+ Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Đọc câu chuyện cười sau:
Hai người đàn ông với bộ dạng rất mệt mỏi bước vào một nhà hàng gọi hai ly nước uống. Mỗi người lấy từ trong cặp của mình ra một ổ bánh mỳ ngồi ăn.
Phục vụ nhà hàng nhanh chóng nhắc nhở:
– Thưa quý khách, nhà hàng chúng tôi có quy định được ghi rõ trên bảng kia: "Nhà hàng chúng tôi có phục vụ đồ ăn. Quý khách vui lòng không ăn thức ăn tự mình mang vào nhà hàng".
Hai người cảm ơn phục vụ rồi trao đổi bánh mỳ cho nhau và …ăn tiếp.
a.Xác định lời thoại vi phạm phương châm hội thoại? Lời thoại đó vi phạm phương châm hội thoại nào?
b.Sự vi phạm phương châm hội thoại đó đã tạo ra tiếng cười như thế nào
c.Chỉ ra mối liên hệ giữa việc sáng tác truyện cười với các phương châm hội thoại
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- Nghe câu hỏi
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV định hướng:
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức*****
HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ
*** Hướng dẫn học ở nhà:** Học thuộc ghi nhớ và hoàn chỉnh các bài tập.
*** Hướng dẫn chuẩn bị cho bài sau:** Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh
- Đọc kĩ nội dung bài học.

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Tuần 1
Tiết 4 :
Bài: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.
+ Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.
2. Năng lực:
- Nhận thức, lắng nghe tích cực, giao tiếp- trao đổi, hợp tác để đặt câu, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp thuyết minh.
- Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin hợp tác: tìm hiểu, thu thập tài liệu.
- Thể hiện sự tự tin, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề khi trình bày về đoạn văn của mình đã chuẩn bị ở nhà.
3. Phẩm chất:
+ Yêu thích viết văn thuyết minh có sử dụng một số BPNT.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Đọc kĩ SGK, SGV, Tư liệu (“ Bồi dưỡng ngữ văn 9”, Bài tập rèn kĩ năng tích hợp ngữ văn 9”...), bảng phụ, các bài văn mẫu, phiếu học tập.
2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại đặc điểm, phương pháp thuyết minh ở lớp 8. Trả lời các câu hỏi trong SGK. Đọc kỹ bài, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn SGK.
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU
a. Mục tiêu: :
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.
b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho hs quan sát Video về hình ảnh hàng mai, hàng tùng ở Yên Tử. Viết đoạn văn miêu tả về chúng trong đó có sử dụng phép tu từ so sánh.(GV chiếu phần HS gửi đoạn văn chuẩn bị ở nhà trên trường học kết nối)

GV lấy 1 đoạn văn mẫu :

Đến với Yên Tử ta không thể không đến với rừng mai. Vào mùa xuân, thường vào dịp khai hội (10/1) mai tưng bừng khoe sắc. Sắc vàng của hoa mai làm sáng bừng không gian nơi rừng thiêng Yên Tử. Sắc màu ấy như níu chân du khách khi hành hương về đất phật.

<table>
<tr><th>HĐ CỦA THẦY VA TRÒ</th><th>SẢN PHẨM DỰ KIẾN</th></tr>
<tr><td>

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.

Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức văn bản thuyết minh

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS thảo luận theo nhóm bàn (3 phút)

Phiếu học tập

<table>
<tr><td></td><td>Đặc điểm</td><td colspan="6">Phương pháp được sử dụng trong văn thuyết minh</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các biện pháp Nt, tác dụng</td><td colspan="7"></td></tr>
</table>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.

- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

</td><td>

I .Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh:

1.Phân tích ngữ liệu:

Văn bản " Hạ Long - Đá và
</td></tr>
</table>

Hoạt động 2: Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh: **a. Mục tiêu:** HS nắm được việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** **- GV** đưa ví dụ lên màn hình máy chiếu. **- GV** gọi học sinh đọc văn bản "Hạ Long - Đá và nước". GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi những câu hỏi sau : ? Văn bản này thuyết minh đối tượng nào? ? Bài văn thuyết minh đặc điểm gì của vịnh Hạ Long? ? Thông thường khi thuyết minh về cảnh đẹp Hạ Long, người ta sẽ thuyết minh những khía cạnh nào? Nhà văn Nguyên Ngọc có thuyết minh theo những khía cạnh đó không? ? Để làm rõ " Sự kỳ lạ của Hạ Long là vô tận" một động, hấp dẫn, tác giả còn vận dụng biện pháp ng nào? Thể hiện cụ thể ra sao? **Nhiệm vụ 2 :** GV đặt câu hỏi, HS trả lời cá nhân ? Như vậy, tác giả đã trình bày được sự kỳ lạ của Hạ Long chưa? Nhờ biện pháp gì? ? Để bài văn thuyết minh được sinh động, hấp dẫn ta cần phải làm gì ? Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật đó? ? Ngoài các biện pháp nghệ thuật như liên tưởng, tưởng tượng, nhân hóa còn có thể sử dụng biện pháp nghệ thuật nào khác? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Nhiệm vụ 1: 1. Đối tượng: Sự kỳ lạ vô tận của Hạ Long do đá và nước tạo nên. Đó chính là vẻ đẹp hấp dẫn kỳ diệu của Hạ Long.	nước". + Văn bản thuyết minh vấn đề: Sự tận của Hạ Long. + Văn bản cung cấp tri thức khác quan về đối tượng đó là sự kỳ lạ củ Hạ Long là vô tận. + Đối tượng thuyết minh: Trừu tượng (Giống như trí tuệ, tâm hồn, có tình cảm, đạo đức). Nhận xét: + Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật: tưởng tượng, liên tưởng, nhân hóa... => Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật: Làm cho cảnh vật có hồn sống động, bài văn hấp dẫn 2. Ghi nhớ: (SGK-13)

2. Những đối tượng sẽ thường thuyết minh : + Lịch sử, vị trí địa lí, độ dài + Có bao nhiêu hòn đảo lớn, nhỏ, bao nhiêu động đá. + Có những hòn đấ mang hình thù kì lạ như thế nào, có những hang đá đẹp ra sao 3. Đá và nước Hạ Long đem đến cho du khách những cảm giác thú vị. 4. Các biện pháp nghệ thuật : - " Chính nước làm cho đá sống dậy… tâm hồn". - " Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách" tạo nên sự thú vị của cảnh sắc. - Tuỳ theo góc độ và tốc độ di chuyển của du khách, tuỳ theo cả hướng ánh sáng dọi vàocác đảo đá, mà thiên nhiên tạo nên thế giới sống động, biến hoá đến lạ lùng: Biến chúng từ những vật vô tri thành vật sống động có hồn. => Tác giả sử dụng biện pháp tưởng tượng và liên tưởng, tưởng tượng những cuộc dạo chơi với các khả năng dạo chơi (Tám chữ "Có thể"), khơi gợi những cảm giác có thể có (Thể hiện qua các từ: Đột nhiên, bỗng, bỗng nhiên, hoá thân). - Giới thiệu Vịnh Hạ Long không chỉ là đá và nước mà còn là một thế giới sống có hồn. Nhiệm vụ 2: + Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật: tưởng tượng, liên tưởng, nhân hóa... => Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật: Làm cho cảnh vật có hồn sống động, bài văn hấp dẫn **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS - GV tổng kết qua phần ghi nhớ. - GV bổ sung : lưu ý : * Khi sử dụng các BPNT tạo lập các VBTM, cần phải: + Đảm bảo T/chất của VB. + Thực hiện được mục đích thuyết minh. + Thể hiện các phương thuyết minh. Trong Vb thuyết minh, có thể sử dụng các biện pháp nghệ thuật khác như : + Biện pháp tự thuật: Ví dụ thuyết minh về chiếc kèn, có thể để cho những chiếc kèn tự kể chuyện mình (Chúng tôi là các kim khâu, bằng kim loại, bề ngang độ nửa mili mét	

+ Biện pháp kể chuyện: Ngọc Hoàng xử tội ruồi xanh. + Vè: vè các chữ cái: O tròn như quả trứng gà Ô thời thêm mũ Ơ thì thêm râu **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** củng cố kiến thức về sử dụng biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh; rèn luyện kĩ năng áp dụng cách sử dụng biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi **Thảo luận nhóm lớn GV phát phiếu học tập** - Thời gian: (3 phút) - Văn bản: Ngọc hoàng xử tội Ruồi Xanh Học sinh đọc văn bản và điền phiếu học tập - Tích hợp liên môn: sinh vật(bài 1, 2: đặc tính sinh học của loài ruồi) **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV tích hợp: tác hại của loài ruồi và ý thức trách nhiệm trong việc diệt ruồi Ruồi là loại côn trùng gây hại cho môi trường sống của con người, gây nhiều bệnh như: Đường ruột, hô hấp... Biện pháp : + Dùng thuốc nước có chất độc diệt ruồi + Keo dính ruồi + Vỉ ruồi (đập ruồi)	**II. Luyện tập:** Bài tập số 1: (SGK-14) + Văn bản là một câu chuyện vui có tính chất thuyết minh: Giới thiệu về họ, giống, loài, về các tập tính sinh sống, sinh đẻ đặc điểm cơ thể của Ruồi xanh + Phương pháp: Định nghĩa, phân loại, liệt kê. + Các biện pháp nghệ thuật: Nhân hoá, hư cấu, tưởng tượng có tình iết > gây hứng thú, hấp dẫn

Nhóm 1: **Phương pháp thuyết minh**				**Nhóm 2:** **Nét đặc sắc của văn bản**			**Nhóm 3:** **Biện pháp NT**	
Phân loại	Số liệu	Liệt kê		Hình thức	Cấu trúc	Nội dung	Kể chuyện	Tác dụng

Ruồi Giấm, Ruồi Xanh...	Vi khuẩn	Mắt lưới, chất dính		Phiên tòa	Biên bản tranh luận về mặt pháp lí	Kể về loài ruồi	Nhân hóa	- Văn bản sinh động - Người đọc hứng thú

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

GV đặt câu hỏi : Dựa vào văn bản tre Việt Nam(Nguyễn Duy), hãy viết một đoạn văn thuyết minh về cây tre trong đó có sử dụng các biện pháp nghệ thuật như liên tưởng, so sánh, nhân hóa...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc ghi nhớ

+ Hoàn chỉnh các bài tậP: Chú ý bài thuyết minh về YT**(Tích hợp di sản)**

+ Tập viết đoạn thuyết minh ngắn có sử dụng các BPNT(Bài tập thêm)

+ Chuẩn bị : Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản ...

(Cần lập dàn ý, viết phần mở bài cho đề văn đã cho ở sgk/15.

+ Nhóm 1: Thuyết minh cái quạt.

+ Nhóm 2: Thuyết minh cái bút.)

Ngày soạn:

Ngày dạy

Tiết :

Tuần 1 **Tiết theo PPCT: 5**

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hiểu cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng(cái quạt, cái bút, cái kéo.v.v.)
- Hiểu tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh .

2. Năng lực

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,…

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

3.Phẩm chất

- Có ý thức trong việc sử dụng các biện pháp nghệ thuạt vào văn bản thuyết minh.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Đọc kĩ SGK, SGV, Bình giảng ngữ văn 9, tài liệu.

+ Chân dung tác giả, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, tham khảo bài "Đức tính giản dị của Bác Hồ", soạn bài theo gợi ý của SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS phân tích tìm ra được công dụng và sự ảnh hưởng của tác phẩm đối với mình và mọi người

b. Nội dung: HS theo dõi câu hỏi và suy ngẫm và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Hãy đóng vai một đồ vật (cái quạt hay chiếc bút) tự giới thiệu về mình

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe câu hỏi và trả lời cá nhân.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV: Giờ trước chúng đã tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh. Để tạo lập một văn bản thuyết minh có sức thuyết phục cao các em cần vận dụng các biện pháp nghệ thuật một cách có hiệu quả. Hôm nay, chúng ta cùng nhau luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

HĐ CỦA THẦY VÀ TRÒ	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI **Hoạt động : lập dàn ý đề văn thuyết minh** **a. Mục đích:** HS biết cách lập dàn bài **b. Nôi dung :** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**	**Đề bài** **Thuyết minh một trong những đồ dùng sau: Quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón** I. Xác định yêu cầu của đề - Kiểu bài: Thuyết minh - Nội dung: Nêu nguồn gốc, lịch sử phát triển, cấu tạo, công dụng, cách dùng, chủng loại, cách làm(Cách bảo quản) của cái quạt (hoặc cái kéo, cái bút, chiếc nón) - Hình thức: Vận dụng một số biện pháp nghệ thuật để làm cho bài viết hấp dẫn như kể

*** GV : yêu cầu trả lời câu hỏi** ? HS xác định kiểu bài, nội dung thuyết minh? ? Bài văn thuyết minh có thể sử dụng các yếu tố kết hợp nào? *** Giáo viên:** yêu cầu HS đọc nội dung SGK va thảo luận theo nhóm : Nhóm 1,3 : đề 1 Nhóm 2,4 : đề 2 **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: trình bày theo nhóm. * Học sinh các nhóm trao đổi, thảo luận, thống nhất dàn ý (2 bàn 1 nhóm). - Báo cáo kết quả thảo luận. - Các nhóm khác bổ sung **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS - GV chốt kiến thức:	chuyện, tự thuật, hỏi đáp theo lối nhân hoá. **II. Dàn bài** **1. Thuyết minh về cái quạt.** a. Mở bài: - Giới thiệu quạt máy là một vật dụng quen thuộc đối với đời sống B. Thân bài: Giới thiệu cụ thể về cái quạt: - Nguồn gốc- Quá trình phát triển + Người tạo ra quạt máy đầu tiên là Omar-Rajeen Jumala vào năm 1832 + Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các loại quạt chạy bằng cơ học đã cải tiến thành quạt điện + Giữa năm 1882 đến năm 1886, phát triển thành loại quạt bàn và quạt điện cá nhân + Năm 1882, Philip Diehl đã giới thiệu đến chiếc quạt điện trần và Diehl được xem là cha đẻ của chiếc quạt điện hiện đại ngày nay. - Cấu tạo: + Thành phần chính của quạt máy gồm: động cơ điện, trục động cơ, cánh quạt, công tắc quạt, vỏ quạt. + Khi hoạt động, quạt điện gồm các cánh quạt xoay nhanh tạo ra các dòng khí. + Mỗi quạt điện có nhiều mức độ quay khác nhau từ mức cao nhất đến mức thấp nhất - Phân loại: quạt treo tường, quạt để bàn, quạt đứng, quạt trần, quạt âm trần , quạt âm tường, quạt hút gió, quạt thổi gió,… Có rất nhiều cỡ quạt từ quạt gắn trong máy tính nhỏ xíu đến quạt công nghiệp to đùng. Môtơ chạy quạt cũng rất nhiều loại khác nhau, điện một pha , điện ba pha, công suất từ nhỏ tới lớn. - Công dụng + Chống nóng chủ yếu trong mùa hè vì nó đơn giản và ít tốn kém về mặt kinh tế + Thường dùng để làm khô quần áo, tóc, khăn tắm,… + Nếu sử dụng không hợp lý thì có thể ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ - Cách dùng

	+ Thời gian ngồi quạt mỗi lần khoảng 30- 60 phút là hợp lý + Dùng đúng công suất, thời gian sử dụng hợp lí và đem đi bảo trì nếu thấy có trục trặc gì để tránh nguy hiểm C. Kết bài: Quạt máy là một vật dụng rất cần thiết cho đời sống của chúng ta. Nếu ta sử dụng đúng cách, nó sẽ đạt hiểu quả cao, hết công suất. **Đề bài: Thuyết minh cái nón** A. Mở bài: Nón là một vật dụng, quen thuộc của người phụ nữ VN B. Thân bài: Giới thiệu, trình bày đặc điểm của chiếc nón - Lịch sử của cái nón: + Từ rất lâu khi con người lao động sản xuất...=> nhu cầu bảo vệ bản thân trước sự bất thường của thời tiết. + Nơi làm nón nổi tiếng và lâu đời nhất: Làng Tây Hồ, thành phố Huế. - Cấu tạo: + Trước: nón phẳng như cái mâm, ngoài cùng có đường thành nhô cao + Nay: Nón hình chóp nhọn Gồm: Khung nón, lá nón, quai nón - Cách làm nón: + Chuẩn bị nguyên liệu: cật tre, lá nón, chỉ màu, quai nón + Cách làm: Làm khung, cách khâu, trang trí - Công dụng: che mưa, nắng, tôn thêm vẻ đẹp duyên dáng cho người phụ nữ. C. Kết bài: Nón là nét đẹp tinh tế mang bản sắc độc đáo văn hoá Việt Nam cần được giữ gìn, lưu truyền.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Giáo viên chia nhóm để viết đoạn văn thuyết minh cái quạt.
- Thời gian: 10 phút
- Yêu cầu: Viết bài

Phân công
- Tổ 1: Viết đoạn văn phần mở bài và kết bài.
- Tổ 2: Viết đoạn văn phần thân bài(nguồn gốc, lịch sử phát triển, cấu tạo,).
- Tổ 3: Viết đoạn văn phần thân bài (công dụng, cách dùng, và cách bảo quản)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- Nghe câu hỏi
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV định hướng:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

II. Luyện tập: Viết đoạn văn
- GV cung cấp cho h.sinh đoạn văn mẫu (sử dụng phương pháp tự thuật) để các em học tập.

MB: Tôi là quạt máy. Tôi là một vật dụng quen thuộc đối với đời sống của người dân Việt Nam hiện nay.

KB: Quạt máy chúng tôi là một vật dụng rất cần thiết cho đời sống của con người. Nếu con người sử dụng tôi đúng cách sẽ đạt hiểu quả cao, hết công suất. Và nhớ, dùng chúng tôi nhiều quá là cũng không tốt lắm đâu nhé!

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức

*** Giáo viên** lưu ý học sinh có sử dụng biện pháp nghệ thuật:

Có thể để cho cái quạt tự thuật, kể chuyện, hoặc tạo ra tình huống: thăm một nhà sưu tầm các loại quạt, sử dụng phương pháp thuyết minh: định nghĩa quạt là một dụng cụ như thế nào? Họ nhà quạt đông đúc và có nhiều loại như thế nào? Cấu tạo, công dụng? (có thể sử dụng biện pháp nghệ thuật: kể chuyện, tự thuật....)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú...
- Lấy 1VD
- Phân tích tác dụng

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- Nghe câu hỏi
- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV định hướng:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

*** Hướng dẫn học ở nhà**

- Hoàn chỉnh các bài tập (viết thành bài văn).
- Xác định và chỉ ra tác dụng của BPNT được sử dụng trong VBTM "Họ nhà kim"

*** Hướng dẫn chuẩn bị cho bài sau:** Đấu tranh cho một thế giới hoà bình

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 2- Tiết 6:

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

(Ga-bri-en Gác-xi-a Mác- ket)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.
+ Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

2. Năng lực:

+ Suy nghĩ, phê phán, sáng tạo, đánh giá, bình luận về hiện trạng nguy cơ chiến tranh hạt nhân.
+ Giao tiếp: trình bày ý tưởng của cá nhân, trao đổi về hiện trạng và giải pháp để đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, xây dựng một thế giới hoà bình.
+ Ra quyết định về những việc làm cụ thể của cá nhân và xã hội vì một thế giới hoà bình.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Tư liệu, bài tập trắc nghiệm, tranh ảnh về sự huỷ diệt của vũ khí hạt nhân, hậu quả của c.tranh để lại.
+ Tìm thêm các thông tin thời sự trên báo, ti vi về chiến tranh hạt nhân

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kỹ văn bản, xác định các luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản. Sưu tầm bài hát phản đối chiến tranh (thiếu nhi thế giới liên hoan).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hỏi học sinh: Sau khi nghe bài hát này, em mong muốn điều gì nhất?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Có lẽ mong ước lớn nhất của mọi người dân trên thế giới là có được cuộc sống hòa bình, yên ổn, không có chiến tranh, mất mát hay đau thương. Tuy nhiên, hiểm họa chiến tranh có thể xảy đến bất cứ lúc nào và đe dọa cuộc sống của hàng tỉ người trên thế giới. Vì vậy đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta phần nào ý thức được trách nhiệm của chính mình....

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy nêu một số nét cơ bản về tác giả Ga-bri-en Gác–xi a Mác-két ? Văn bản ra đời trong hoàn cảnh nào ? Có ý nghĩa gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** + Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.	**A. Giới thiệu chung** 1. Tác giả: + Mác- két sinh năm 1928- là nhà văn của Cô-lôm-bi-a có nhiều đóng góp cho nền hoà bình nhân loại thông qua các hoạt động sáng tác văn học và hoạt động xã hội. + Nhận giải thưởng Nô-ben về văn học 1982. 2. Tác phẩm: + Trích tham luận của Mac-ket đọc tại cuộc họp các nguyên thủ quốc gia Mêhicô viết 8/1986.

- Năm 1982, được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học. + Tháng 8/1986, ông được mời tham dự cuộc gặp gỡ của nguyên thủ 6 nước (Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thuỵ Điển, Ác- hen- ti- na, Hi Lạp, Tan-da-ni-a tại Mê-hi-cô, với nội dung kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khi hạt nhân để đảm bảo an ninh và hoà bình thế giới. + Văn bản này trích từ tham luận của ông đọc tại hội nghị chống c.tranh hạt nhân(8/1986)-> mang ý nghĩa như một bức thông điệp của lương tri thức tri thức tỉnh con người. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** nêu yêu cầu đọc: Đọc chính xác, rõ ràng, giọng điệu kêu gọi thống thiết (chú ý con số,thuật ngữ, tên riêng). **GV đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở:** ? Em hiểu gì về các tổ chức UNICEF, FAO? ? Em biết gì về điển tích: Thanh gươm Đamôclet? ? Hạt nhân là gì? ? Hành tinh là gì? ? VB đề cập đến vấn đề gì? Xét về nội dung, VB thuộc kiểu Vb gì? Vì sao? ? VB có thể chia làm mấy phần? Nội dung từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	**B. Đọc - Hiểu văn bản:** 1. Đọc- chú thích: 2.Bố cục: + Kiểu loại văn bản: Nhật dụng + PTBĐC: Nghị luận + Bố cục: 3 phần + Phần 1: Cảnh báo nguy cơ của chiến tranh hạt nhân + Phần 2: Sự phi lý và tốn kém của chiến tranh hạt nhân. + Phần 3: Nhiệm vụ

+ Cuộc c.tranh dùng vũ khí có các chất hoá học huỷ diệt sự sống và để lại những hậu quả vô cùng khủng khiếp + Hành tinh chính là trái đất thân yêu của chúng ta + Nội dung: Chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Kiểu văn bản nhật dụng. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** ? Nêu luận điểm chính của văn bản? ? Luận điểm này được triển khai bằng một hệ thống luận cứ ntn? ? Em có nhận xét gì về hệ thống luận điểm và luận cứ trong bài viết này? ? Tác giả mở đầu bài viết như thế nào? ? Em có nhận xét gì về cách mở đầu của tác giả trong đoạn văn bản này ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Luận điểm chính: Hiểm họa của chiến tranh hạt nhân và nhiệm vụ đấu tranh loại bỏ chiến tranh hạt nhân cho thế giới hòa bình. + Luận cứ: (1) Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ có nguy cơ hủy diệt trái đất và các hành tinh trong hệ mặt trời. (2) Sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang. (3) Chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí loài người, tự nhiên.	**3. Phân tích văn bản:** a. Tìm hiểu luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản: + Luận điểm: Chiến tranh hạt nhân là một hiểm hoạ khủng khiếp đang đe doạ toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất. Vì vậy đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại. -> Mạch lạc, chặt chẽ, sâu sắc tạo sức thuyết phục của lập luận

(4) Nhiệm vụ của mọi người là ngăn chặn chiến tranh hạt nhân. → Nhận xét: Chặt chẽ, rõ ràng, rành mạch. - Cách mở đầu: + "Chúng ta đang ở đâu? Hôm nay ngày 8 + "Nói nôm na ra… mỗi người, không trừ trẻ con, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ: Tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy… mọi dấu vết của sự sống trên trái đất". Cách mở đầu dưới dạng 1câu hỏi tự trả lời "Chúng ta đang ở đâu" → Gây ấn tượng đối với người đọc. **Hoạt động 4: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu nguy cơ chiến tranh hạt nhân và sự phi lí của cuộc chạy đua vũ trang** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo phiếu học tập** ? Để khẳng định nguy cơ to lớn và sức huỷ diệt khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân, tác giả đã đưa ra những con số và lí lẽ nào ? ? Em nhắc lại sự kiện Mĩ ném hai quả bom xuống 2 thành phố của Nhật? ? Để gây ấn tượng mạnh hơn nguy cơ chiến tranh hạt nhân còn được tác giả so sánh ntn? ? Tác dụng của biện pháp so sánh đó? ? Việc so sánh thể hiện thái độ gì của tác giả? ? Tác giả muốn cảnh báo điều gì trong đoạn đầu VB? ? Dụng ý của tác giả khi đưa ra những con số và lí lẽ ấy là gì ? Nhận xét về dẫn chứng tác giả đưa ra? Tại sao tác giả đưa ra thời gian, số liệu cụ thể như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	b. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân và sự phi lí của cuộc chạy đua vũ trang: * Nguy cơ chiến tranh hạt nhân:

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: 1. Những con số và số liệu: + Ngày 8.8.1986 hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. + Có nghĩa là mỗi người ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ. + Tất cả nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy không phải một lần mà là 12 lần mọi dấu vết của sự sống trên trái đất. 2. Sự kiện Mĩ ném bom xuống 2 TP của Nhật Ngày 8/8/1986 (kỷ niệm ngày Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hiroxima &Nagasaki (Nhật Bản) vào tháng 8/1945 (Khi sắp kết thúc c.tranh thế giới lần 2) và lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, vũ khí hạt nhân được sử dụng Hiện nay TG đã có kho vũ khí hạt nhân có sức tàn phá gấp hàng triệu lần quả bom nguyên tử đầu tiên đó. đủ để tiêu diệt hàng chục lần sự sống trên trái đất. Số nước có vũ khí này đã lên tới hàng chục... 3. Tác giả đã so sánh + So sánh với điển tích phương Tây (Thần thoại Hy Lạp) Thanh gươm Đamôclet& dịch hạch (lan truyền nhanh và gây chết người hàng loạt. + Điển tích này có ý tương đương với hình ảnh trong tục ngữ VN: "Ngàn cân treo sợi tóc" → Tác dụng: Tác giả muốn nhấn mạnh trong thời đại hiện nay, đó là nguy cơ - là thảm hoạ tiềm tàng, ghê gớm, khủng khiếp nhất. → Qua đó, thể hiện sự hồi hộp, lo âu về cái chết có thể xảy ra trong thực tế bất cứ lúc nào đối với trái đất. 4. Giáo viên: Tất cả những con số cụ thể tác giả nêu ra tuy vô cảm nhưng tác động đến miền nhạy cảm nhất của con người. Dụng ý : + Gây ấn tượng, chỉ cho người đọc thấy rõ nguy cơ của chiến tranh hạt nhân.	+ Dẫn chứng và lí lẽ xác thực, vào đề trực tiếp thu hút được người đọc, gây ấn tượng mạnh về tính hệ trọng của vấn đề. => Chiến tranh hạt nhân có nguy cơ to lớn, có sức huỷ diệt khủng khiếp, đe doạ sự sống của trái đất sống, nó có tính chất quyết định đến vận mệnh thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập trắc nghiệm: từ câu 1-10,11,12,13(Sách BTTN NV.9)

* GV gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét, GV sửa, lưu ý những câu dễ mắc lỗi

2.Qua văn bản giúp em cảm nhận được điều gì về tác giả?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

C. Luyện tập:

+ Tự do nêu cảm nhận

- Am hiểu về tình hình thời sự thế giới, về khoa học, đặc biệt rất quan tâm đến hoà bình thế giới, cuộc sống của nhân loại. Ông ghê tởm, lên án nguy cơ hạt nhân "dịch hạch hạt nhân và cái cảnh tận thế tiềm tàng trong bệ phóng cái chết."

- Người đọc thấy rõ mong muốn, khát vọng hoà bình của tác giả, thái độ lên án mạnh mẽ những kẻ cố tình đi ngược lại lợi ích của nhân loại đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu: Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học? Tìm một vài thông tin về tình hình chính trị bất ổn định trên thế giới. Suy nghĩ của em về thông tin đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về thảm họa hạt nhân.

+ Tìm hiểu thái độ của nhà văn với chiến tranh hạt nhân và hòa bình của nhân loại được thể hiện trong văn bản.

+ Soạn tiếp phần còn lại (Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân và những hậu quả của nó; Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lí trí của loài người mà còn ngược lại lí trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hoá; Lời kêu gọi đấu tranh vì một thế giới hòa bình, không có chiến tranh; tìm hiểu làn sóng di cư sang châu Âu và nguyên nhân của nó, tìm hiểu tình hình thế giới hiện nay.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 2- Tiết 7:

ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

(Ga-bri-en Gác-xi-a Mác- ket)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.

+ Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

2. Năng lực:

+ Suy nghĩ, phê phán, sáng tạo, đánh giá, bình luận về hiện trạng nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

+ Giao tiếp: trình bày ý tưởng của cá nhân, trao đổi về hiện trạng và giải pháp để đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, xây dựng một thế giới hoà bình.

+ Ra quyết định về những việc làm cụ thể của cá nhân và xã hội vì một thế giới hoà bình.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Tư liệu, bài tập trắc nghiệm, tranh ảnh về sự huỷ diệt của vũ khí hạt nhân, hậu quả của c.tranh để lại.

+ Tìm thêm các thông tin thời sự trên báo, ti vi về chiến tranh hạt nhân

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kỹ văn bản, xác định các luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản. Sưu tầm bài hát phản đối chiến tranh (thiếu nhi thế giới liên hoan).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV cho HS quan sát video về người dân Syria chạy tị nạn
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt: Nhìn những hình ảnh thương tâm này, có lẽ điều đang hiện lên trong suy nghĩ của nhiều người là "Chúng ta phải làm gì để bảo vệ thế giới này, bảo vệ người thân khi chiến tranh xảy ra? Nhất là chiến tranh hạt nhân?" Câu hỏi đó sẽ được mở ra sau khi chúng ta tìm hiểu tiếp đoạn còn lại của văn bản.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân và những hậu quả của nó** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** gọi học sinh đọc đoạn 2: " Niềm an ủi....cho toàn thế giới". * GV yêu cầu HS thảo luận **Nhóm 1,3:** ? Em có nhận xét gì về cách nói của tác giả ở đầu đoạn văn ? * Gợi ý: Mở đầu đoạn văn là 1 mệnh đề khái quát, thể hiện qua câu văn nào? ? Em hiêu mệnh đề này trình bày vấn đề gì? ? Cách nói như vậy có tác dụng gì ? ? Tác giả làm sáng tỏ điều đó bằng những dẫn chứng nào? ? Những hình ảnh so sánh trên gợi cho em suy nghĩ gì ? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? **Nhóm 2,4:** ? Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lí trí của loài người mà còn ngược lại lí trí của tự nhiên, phản	*Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân và những hậu quả của nó:

lại sự tiến hoá. Theo em có đúng không? Vì sao? *** Gợi ý:** ? Em hiểu lí trí tự nhiên có ý nghĩa là gì? ? Để làm nổi bật luận cứ này, tác giả đã đưa ra các chứng cứ gì ? ? Có được cuộc sống ngày hôm nay là một sự tiến hoá rất lâu bền nhưng nếu cuộc tranh hạt nhân xảy ra thì kết quả sẽ ra sao ? ? Trong phần văn bản hai chữ " trái đất" được nhắc đến nhiều, em có suy nghĩ gì khi nhắc đến danh từ này ? ? Câu văn cuối của đoạn văn " trong thời đại...của nó" giống như một lời bình, nội dung lời bình ấy là gì ? ? Cụm từ " bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới hoà bình" có ý nghĩa ntn ? ? Qua đoạn văn em thấy nhà văn bày tỏ thái độ và có những kiến nghị như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** + Mệnh đề: " Niềm an ủi…hạt nhân" thể hiện Cán cân công lí đã mất đi sự thăng bằng, nó đang nghiêng về 1 phía: phía bất công, phi lí. + Dịch hạch : Bệnh truyền nhiễm rất nguy hiểm do một loại vi khuẩn từ bọ chét của chuột đã mắc bệnh truyền sang người, khi thành dịch lây lan rất nhanh đe doạ tính mạng nhiêù người + Dịch hạch hạt nhân : Cách nói ẩn dụ : Vũ khí hạt nhân đe doạ loài người như nguy cơ bệnh dịch hạch. → tác dụng: Gây ấn tượng đối với người đọc, cách nói cụ thể giúp cho người dễ hình dung. + Tác giả đề cập đến 4 lĩnh vực quan trọng và bức xúc trong cuộc sống của loài người hiện nay : + Chăm sóc trẻ em. + Y tế. + Thực phẩm. + Giáo dục.	+ Sự tốn kém ghê gớm của cuộc chạy đua hạt nhân. + Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho cuộc chiến tranh hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện đời sống của con người, nhất là ở các nước nghèo trên các lĩnh vực: Chăm sóc trẻ em, y tế, thực phẩm, giáo dục. => Nghệ thuật lập luận sắc bén, chứng cứ cụ thể xác thực. Dùng cách so sánh đối lập. Sự tốn kém ghê gớm và tính chất phi lí của cuộc chạy đua vũ trang. * Sự phi lí của chiến tranh hạt nhân:

- Tác giả lần lượt đưa ra những ví dụ so sánh:

Các lĩnh vực của đời sống xã hội	**Chi phí chuẩn bị chiến tranh hạt nhân**
100 tỉ USD g/quyết n vấn đề cấp bách, cứu trợ y tế gdục cho 500 triệu trẻ em nghèo trên toàn thế giới	Gần bằng chi qhí cho 100 m/bay ném bọm B, 1B & 7 000 tên lửa vượt đại châu.
K/phí ctrình phòng bệnh 14 năm & bệnh sốt rét cho 1 tỉ người	Bằng giá 10 tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân của Mĩ dự định sản xuất từ 1986-2000
1985 có 575 tr người thiếu ddưỡng	Gần bằng kinh phí sản xuất 149 tên lửa MX
Tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo trong 4 năm	Bằng tiền 27 tên lửa MX
Xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới	Bằng tiền đóng 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân

Nhóm 2,4:

*** H**ọc sinh đọc " không những đi ngược lại lí trí của con người ... điểm xuất phát của nó"

+ Lí trí tự nhiên là qui luật tự nhiên, lô gíc tất yếu của tự nhiên.

Các chứng cứ:

+ Tác giả đưa ra chứng cứ từ khoa học địa chất và cổ sinh học về nguồn gốc và sự tiến hoá của sự sống trên trái đất. Tất cả cho thấy :

+ "Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên trái đất…380 triệu năm con bướm mới bay được, 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở… 4 kỷ địa chất, con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu".

+ "Chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó".

+ Cuộc tranh hạt nhân là hành động ngu ngốc, cực kì dã man, phi lí, đáng lên án, nó đi ngược lại lí trí của con người.

+ Cụm từ " bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới hoà bình" :

+ Đó là tiếng nói của tất cả các công luận trên thế giới

+ Sự sống ngày nay trên trái đất và con người là kết quả của một quá trình tiến hoá hết sức lâu dài của tự nhiên.

+ Tính chất của cuộc tranh hạt nhân phản tiến hoá, phản tự nhiên-> Hành động phi lí.

b. Lời kêu gọi đấu tranh vì một thế giới hòa bình, không có chiến tranh:

chống cuộc tranh, là tiếng nói yêu chuộng hoà bình của nhân dân thế giới. - Thái độ của nhà văn: + Rất tích cực phản đối, ngăn chặn chạy đua vũ trang, tàng trữ vũ khí hạt nhân, tác giả không dẫn người đọc đến sự lo âu mang tính bi quan về vận mệnh của nhân loại. + Nhưng tiếng nói ấy có thể không ngăn chặn được hiểm hoạ hạt nhân, nó có thể vẫn cứ xảy ra => Đưa ra kiến nghị : Cần lập ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ tồn tại được cả sau thảm hoạ hạt nhân, để nhân loại các thời đại sau biết đến cuộc sống của chúng ta đã từng tồn tại trên trái đất và không quên những kẻ đã vì những lợi ích ti tiện mà đẩy nhân loại vào hoạ diệt vong. ➔ Qua đây Mác – két muốn kêu gọi: Hãy ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ con người bảo vệ sự sống. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** + Tác giả là một nhà văn đầy tâm huyết, quan tâm sâu sắc đến vấn đề hạt nhân, yêu chuộng hoà bình và có những hành động thiết thực xây dựng một c/sống hoà bình hạnh phúc cho nhân loại -> Vì lẽ đó, ông cũng là nhà văn được nhận giải thưởng Nô ben văn học vào năm 1982. *** Giáo viên:** Hiện nay cuộc xâm lược I – Rắc của Mĩ ... bị loài người lên án, phản đối những hành động chạy đua vũ trang. Và chúng ta đang cố gắng chống lại hành động đó, đem tiếng nói của mình tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình, công bằng **Hoạt động 2: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi:	+ Tất cả chúng ta phải có trách nhiệm chống, ngăn chặn chiến tranh hạt nhân. + Nhân loại cần giữ gìn kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến đẩy con người vào thảm hoạ hạt nhân.

? Em hãy nêu ý nghĩa của văn bản? ? Theo em, tính thuyết phục và hấp dẫn của văn bản nhật dụng nghị luận chính trị này là ở những yếu tố nghệ thuật nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	4. Tổng kết: a Nội dung- Ý nghĩa: *Nội dung: + Chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy-> Giữ gìn ngôi nhà chung của trái đất, bảo vệ môi trường sống bình yên. * Ý nghĩa của văn bản: Văn bản thể hiện những suy nghĩ nghiêm túc, đầy trách nhiệm của Mác két đối với hoà bình nhân loại b Nghệ thuật: + Có lập luận chặt chẽ + Có chứng cứ cụ thể, xác thực + Sử dụng NT so sánh sắc sảo, giàu sức thuyết phục. c. Ghi nhớ SGK-21

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Vì sao văn bản này lại được đặt tên " đấu tranh cho một thế giới hoà bình"?

? Bác Hồ là một nhân vật tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hoà bình nhân loại. Bằng kiến thức bản thân em hãy chứng minh điều đó?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung, NT và ý nghĩa của văn bản Đấu tranh cho một thế giới hoà bình

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về thảm họa hạt nhân.

+ Tìm hiểu thái độ của nhà văn với chiến chiến tranh hạt nhân và hòa bình của nhân loại được thể hiên trong văn bản.

+ Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản

+ Chuẩn bị: "Các phương châm hội thoại" (Tiếp)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tiết 28

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

- Biết, hiểu và vận dụng được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự trong hội thoại

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,…

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc kĩ SGK, SGV, chuẩn KTKN,

- Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo; chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập,…)

2. Chuẩn bị của học sinh: - Đọc sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan

- Trả lời các câu hỏi trong SGK và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức trò chơi " Đuổi hình bắt thành ngữ", HS nhìn hình đoán các thành ngữ

- GV yêu cầu giải nghĩa các thành ngữ trên?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trong giao tiếp, người ta không chỉ cần chú ý tới lượt lời mà cần chú ý tới việc tuân thủ các phương châm hội thoại. Ngoài việc phải tuân thủ phương châm về chất , phương châm về lượng chúng ta cần phải đảm bảo những điều gì? Trong giờ học hôm nay cô cùng các em tiếp tục tìm hiểu vấn đề này. Các thành ngữ ấy sẽ liên quan đến nội dung các phương châm mà các em học hôm nay

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu phương châm quan hệ** **a. Mục tiêu:** hiểu được phương châm quan hệ **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **NV1: GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu (SGK- Tr 21)** **GV phân công** Tổ 1: **Em hiểu gì về nghĩa của thành ngữ: "Ông nói gà, bà nói vịt"** Tổ 2**: Thành ngữ chỉ tình huống này như thế nào?** Tổ 3: **Điều gì sẽ xảy ra nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như vậy?** **V2: GV giao việc cả lớp** **- GV đặt tiếp câu hỏi:** ? Qua đó, em rút ra bài học gì khi giao tiếp? ? Hãy lấy ví dụ trong thực tế người nói vi phạm phương châm quan hệ khi giao tiếp?	**I. Phương châm quan hệ: (7')** **1. Phân tích ngữ liệu:** **(SGK/21)** - Thành ngữ **"ông nói gà, bà nói vịt"**: Hai người đối thoại mỗi người nói 1 đằng, không hiểu nhau -> cuộc thoại không thực hiện được.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: **Đáp án** Tổ 1: - Trường hợp 2 người đối thoại mỗi người nói 1 phách không ăn nhập với nhau, do không hiểu nhau (vi phạm phương châm về lượng) Tổ 2: - Đây là tình huống hội thoại mà trong đó mỗi người nói một đề tài khác nhau không ăn khớp với nhau Tổ 3: - Con người sẽ không hiểu nhau, không giao tiếp được với nhau, các hoạt động của xã hội sẽ trở nên rối loạn **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **Gv bổ sung** GV: Trong quá trình hội thoại những người tham gia có thể thay đổi đề tài: có những hình thức ngôn ngữ để báo hiệu sự thay đổi đó. Ví dụ: - à này, còn chuyện hôm qua thì sao? - Thôi, nói chuyện khác cho vui đi. **Hoạt động 2: Tìm hiểu phương châm cách thức** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương châm cách thức **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Nhiệm vụ 1: Giáo viên** chia nhóm thảo luận: **- Nhóm 1,3:** ? Thành ngữ "Dây cà ra dây muống", "Lúng búng như ngậm hột thị" dùng để chỉ những cách nói ntn? ? Những cách nói như vậy có ảnh hưởng đến giao	=> Nói đúng đề tài mà hội thoại đang đề cập, tránh nói lạc đề. **2. Ghi nhớ : (SGK/21)** *** Lưu ý:** Trong quá trình hội thoại những người tham gia có thể thay đổi đề tài: có những hình thức ngôn ngữ để báo hiệu sự thay đổi đó. **II Phương châm cách thức (6')** **1. Phân tích ngữ liệu:** **(SGK/21)** **+ Thành ngữ:** - "Dây cà ra dây muống": Chỉ

tiếp ? ? Từ đó, em rút ra bài học gì trong giao tiếp? Nhóm 2,4: ? Hãy nêu cách hiểu của em về câu: "Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy". ? Để người nghe không hiểu lầm, phải nói ntn? ? Qua đó em rút ra kết luận gì? *** Nhiệm vụ 2:** GV yêu cầu cả lớp ? Phân tích truyện cười "Cháy" ? Đây chính là phương châm cách thức. Để đảm bảo phương châm cách thức, khi giao tiếp chúng ta cần chú ý điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: Nhóm 1,3: - "Dây cà ra dây muống"-> Chỉ cách nói dài dòng, rườm rà - "Lúng búng như ngậm hột thị" -> chỉ cách nói ấp úng không rành mạch, không thành lời. - Làm cho người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung truyền đạt -> Làm cho giao tiếp không đạt được hiệu quả mong muốn. Nhóm 2,4: + Có thể hiểu theo hai cách tuỳ thuộc vào việc xác định cụm từ "của ông" bổ nghĩa cho từ "nhận định" hay "truyện ngắn" Để người nghe không hiểu lầm, có thể nói: - Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn - Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn mà ông ấy sáng tác. - Tôi đồng ý với những nhận định của các bạn về tr/ngắn của ông ấy **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Khi giao tiếp, nếu không vì một lý do nào đó đặc biệt thì không nên nói những câu mà	cách nói dài dòng, rườm rà - "Lúng búng như ngậm hột thị": chỉ cách nói ấp úng, không rành mạch, không thành lời. -> Khi giao tiếp phải nói ngắn gọn, rành mạch + Câu: "Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy" có 2 cách hiểu khác nhau -> Diễn đạt không rõ ràng.

người nghe có thể hiểu theo nhiều cách, bởi những câu nói như vậy khiến người nói và người nghe không hiểu nhau gây trở ngại cho qúa trình giao tiếp. **Hoạt động 3: Tìm hiểu phương châm lịch sự** **a. Mục tiêu:** HS nắm được PC lịch sự **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **- GV** yêu cầu HS đọc truyện: **"Người ăn xin"** ? Nêu nội dung câu chuyện? ? Vì sao cả ông lão ăn xin và cậu bé đều cảm thấy mình đã nhận được từ người kia một điều gì đó? ? Em nhận ra tình cảm nào của cậu bé dành cho ông lão ăn xin qua cái nắm tay ấy? ? Điều đó được thể hiện qua những chi tiết nào? ? Vậy cậu bé đã thể hiện điều gì qua giao tiếp? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: - Mặc dù cả hai người đều không có của cải, tiền bạc để cho nhau nhưng cả hai đều cảm nhận được tình cảm mà người kia dành cho mình (qua cái nắm chặt tay). Tình cảm của cậu bé với ông lão: Đặc biệt là tình cảm chân thành tôn trọng và quan tâm của cậu bé dành cho ông lão ăn xin. Thể hiện qua chi tiết: + Bàn tay run run nắm chặt (hành động) + Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả (lời nói) - Cậu bé chú ý đến vai xã hội: người dưới - người trên **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: - Trong giao tiếp dù địa vị xã hội hay hoàn cảnh của người đối thoại có ntn thì người nói cũng vẫn phải có những hành động và lời lẽ lịch sự thể	**2.Ghi nhớ:(SGK/22)** **III. Phương châm lịch sự: (5p)** **1. Phân tích ngữ liệu: (SGK/22)** - Người ăn xin và cậu bé đều cảm nhận đc sự chân thành và tôn trọng của nhau -> Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác

hiện sự tôn trọng. - Không nên thấy người đối thoại thấp kém hơn mình mà có lời lẽ và hành động thiếu lịch sự. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập theo nhóm Nhóm 1: bài 1 Nhóm 2: bài 2 Nhóm 3: bài 3 Nhóm 4: bài 4 **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**2. Ghi nhớ. (SGK/23)** **III. Luyện tập** **Bài 1: (SGK/23)** a.Những câu ca dao, tục ngữ khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong đời sống và khuyên ta trong giao tiếp nên dùng những lời lẽ lịch sự nhã nhặn. b.Những câu có nội dung tương **Bài 2 (SGK/23)** VD: Bài văn của bạn chưa hay lắm => bài văn viết dở (Nói giảm, nói tránh). **Bài 3 (SGK/23)** a-nói mát b-nói hớt c-nói móc

	d-nói leo e-nói ra đầu ra đũa **Bài 4 (SGK/23** Khi người nói chuẩn bị hỏi về một vấn đề không đúng vào đề tài mà hai người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu là mình không tuân thủ phương châm quan hệ, người nói dùng cách diễn đạt trên

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu: **GV tổ chức trò chơi tiếp sức**

- Thời gian: 2 phút
- Yêu cầu: Tìm nhanh các thành ngữ theo yêu cầu
- Phân công:

Tổ 1: Tìm những thành ngữ ,ca dao, tục ngữ có nội dung liên quan đến p/c cách thức

Tổ 2: Tìm những thành ngữ ca dao, tục ngữ có nội dung liên quan đến p/c quan hệ

Tổ 3: Tìm những thành ngữ ca dao, tục ngữ có nội dung liên quan đến p/c lịch sự

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Đáp án mong muốn

Tổ 1:- Nửa úp nửa mở

- Người khôn ăn nói nửa chừng

Để cho người dại nửa mừng nửa lo

-Ăn không nên miếng nói không nên lời

Tổ 2 - Đánh trống lảng

- Ông nói gà bà nói vịt

Tổ 3 - Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

-Nói như đấm vào tai

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, hoàn chỉnh các bài tập.

+ Tìm một số ví dụ về việc không tuân thủ p/c về lượng, p/c về chất trong một hội thoại.

+ Chuẩn bị: " Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh" (Đọc kĩ ngữ liệu, trả lời câu hỏi, chuẩn bị các bài tập)

+ Hãy chỉ rõ những câu văn đã sử dụng yếu tố miêu tả khi tả sự biến đổi của hình ảnh đảo đá.

+ Viết đoạn văn thuyết minh về cây lúa trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả.

+ Tìm các hình ảnh về lăng Bác,Khuê Văn Các, các trò chơi dân gian: cờ người, múa lân, đập niêu đất, ...(gửi trên trường học kết nối) và viết các đoạn văn miêu tả về các sự vật đó)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 3- Tiết 9:

Tập làm văn:

SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

- Biết và hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh : làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận hoặc gây ấn tượng.
- Vai trò của miêu tả trong văn bản TM: phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần TM

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,…
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc kĩ SGK, SGV, chuẩn KTKN,
- Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo; chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập,…)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan
- Trả lời các câu hỏi trong SGK và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Quan sát đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Không có ai sinh ra và lớn lên ở các làng quê VN mà lại không có tuổi thơ gắn bó với con trâu. Thuở nhỏ, đưa cơm cho cha đi cày, mải mê ngắm nhìn những con trâu **được thả lỏng đang say sưa gặm cỏ 1 cách ngon lành**. Lớn lên 1 chút thì **nghễu nghện cưỡi trên lưng trâu trong những buổi chiều đi chăn thả trở về**. Cưỡi trâu ra đồng, cưỡi trâu lội xuống sông, cưỡi trâu thong dong và cưỡi trâu phi nước đại,.... Thú vị biết bao! Con trâu **hiền lành, ngoan ngoãn** đã để lại trong kí ức tuổi thơ mỗi người biết bao kỉ niệm ngọt ngào!

Chiều chiều, khi một ngày lao động đã tạm dừng, con trâu được tháo cày và **đủng đỉnh bước trên đường làng, miệng luôn "nhai trầu" bỏm bẻm.** Khi ấy cái dáng đi **khoan thai, chậm rãi** của con trâu khiến cho ta có cảm giác không khí của làng quê VN sao mà thanh bình và thân quen quá đỗi!

? Em hãy lược bỏ những từ in đậm và nhận xét đoạn văn mới có được?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trong VBTM, khi trình bày các đối tượng cụ thể trong đời sống hàng ngày như các loài cây, các di tích, thắng cảnh...bên cạnh việc thuyết minh rõ ràng, mạch lạc các đặc điểm giá trị, quá trình hình thành của các đối tượng...cũng cần vận dụng biện pháp miêu tả. Vậy sử dụng yếu tố miêu tả ntn trong văn bản TM, chúng ta cùng tim hiểu....

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: HD học sinh ôn tập về văn thuyết minh** **a. Mục tiêu:** hiểu được khái niệm, đặc điểm văn bản TM **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm** - Thời gian: 2 phút - Yêu cầu: Viết ra bảng nhóm nội dung câu hỏi	

- Phân công: **Tổ 1** ? Nhắc lại k/n văn bản TM? **Tổ 2** ? Đặc điểm chủ yếu của văn bản TM? **Tổ 3**: Các phương pháp TM. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Đáp án mong muốn * Nhóm 1: Là kiểu vb thông dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống nhằm cung cấp tri thức khách quan về đặc điểm, t/c, nguyên nhân...của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích... 67 * Nhóm 2: - Tri thức khách quan, hữu ích, chính xác. - Trình bày chính xác, rõ ràng. * Nhóm 3 Phân tích phân loại, nêu ví dụ, liệt kê, số liệu, so sánh **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh** **a. Mục tiêu:** HS nắm được các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi:** ? Nhan đề của VB có ý nghĩa gì? ? Nêu đối tượng thuyết minh của VB? ? Bố cục của văn bản? **Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm**	**I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh** **1.Phân tích ngữ liệu SGK/24** Văn bản: "Cây chuối trong đời

- Thời gian: 5 phút - Yêu cầu: Viết ra bảng nhóm nội dung câu trả lời đại diện trình bày Phân công **Tổ 1+2:** ? Văn bản TM những đặc điểm gì của cây chuối? Tìm các câu văn trong bài thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối Việt Nam? Nhóm 3: ? Chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả về cây chuối trong VB? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. ***Đáp án mong muốn** NV1: Nhan đề nhấn mạnh vai trò của cây chuối trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam từ xưa đến nay, thái độ đúng đắn của con người trong việc nuôi trồng, chăm sóc, sử dụng có hiệu quả giá trị của cây chuối Đối tượng: Cây chuối Việt Nam. Bố cục của văn bản: + Đoạn 1: Từ đầu-> con đàn cháu lũ. + Đoạn 2: Người phụ nữ -> ngày nay. + Đoạn 3: Còn lại **NV2:** **Nhóm 1+2** - Hầu như ở nông thôn nhà nào cũng trồng chuối . - Cây chuối rất ưa nước ... bạt ngàn vô tận - Người phụ nữ nào ...từ gốc đến hoa quả - Quả chuối là một món ăn ngon . - Nào chuối hương... hương thơm hấp dẫn mỗi cây chuối đều cho một buồng chuối - Có buồng chuối trăm quả nghìn quả . - Quả chuối chín ... da dẻ mịn màng - Nến chuối chín... bữa ăn hàng ngày - Chuối xanh nấu ... không thay thế được . - Người ta có thể ... trên mâm ngũ quả chuối thờ ... dùng nguyên nải . - ngày lễ tết ...thờ chuối chín **Nhóm 3**	sống Việt Nam” + Nhan đề của VB **:** - Vai trò của cây chuối trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam từ xưa đến nay. -Thái độ đúng đắn của con người đối với cây chuối + Đối tượng: Cây chuối Việt Nam + Bố cục : 3 đoạn - TM những đặc điểm tiêu biểu của cây chuối : Nơi trồng, đặc điểm sống, các loại chuối, buồng chuối, quả chuối. - Câu văn có yếu tố miêu tả : +Thân chuối mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng +Toả ra vòm tán lá xanh mướt. + Khi chín vỏ chuối có những vệt lốm đốm như vỏ trứng cuốc. +Cách ăn chuối xanh...

+ Tả thân cây chuối: Thân chuối mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng ... + Tả vòm tán lá: Toả ra vòm tán lá xanh mướt che rợp từ vườn tược đến núi rừng + Tả chuối trứng cuốc : Vỏ chuối có những vệt lốm đốm như vỏ trứng quốc. + Tả cách ăn chuối: Chuối xanh có vị chát, để sống cắt lát ăn cặp với thịt lợn luộc...hay ăn gỏi. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức và bổ sung: Tác dụng của yếu tố miêu tả : - Tác dụng : Gợi hình ảnh cụ thể, nổi bật, ấn tượng để thuyết minh về cây chuối đc sinh động và hấp dẫn hơn V/b chưa cung cấp đầy đủ tri thức về cây chuối chưa. Có thể bổ sung thêm + Các loại chuối: chuối tây, chuối hột, chuối lá... + Cấu tạo của chuối: - Thân chuối: Gồm nhiều lớp bẹ xếp lại với nhau - Lá chuối: Gồm lávà cuống - Hoa chuối: Màu hồng có nhiều bẹ - Gốc: có củ và rễ + Công dụng của chuối.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV phân công làm việc nhóm:

Nhóm 1,3: Bài tập 1/trang 26

Nhóm 2,4: Bài tập 2/trang 26

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bài 1:

- Thân cây chuối có hình dáng thẳng tròn như cây cột trụ mọng nước, mịn màng.(tròn mát rượi, mọng nước, gồm nhiều lớp bẹ có cuống lá.

- Lá chuối tươi xanh rờn phơi mình dưới nắng, Thỉnh thoảng vẫy lên phần phật như gọi mời ai đó

- Lá chuối khô: khi giá lá chuối ngả màu vàng rồi quắt lại ngả màu đất, dọc lá rủ xuống quanh thân dùng gói bánh gai dễ bóc lại thơm.

- Nõn chuối xanh non cuốn tròn như một phong thư còn kín chưa được mở ra.

- Bắp chuối hình thuỷ lôi màu tím là một món nộm tuyệt ngon (Bắp chuối màu phớt

hồng đung đưa như một búp lửa của thiên nhiên kỳ diệu)
- Quả chuối cong cong
Bài 2:
+ Chén (tách) uống trà: Tách là loại chén của Tây, nó có tai. Chén của ta không có tai
+ Cách uống trà: khi mời ai uống trà thì bưng hai tay mà mời. Có uống cũng nâng hai tay xoa xoa rồi mới uống, mà uống rất nóng.
- Vai trò:
- Tác dụng:
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
- GV yêu cầu: Viết một đoạn văn thuyết minh về cây phượng, trong đó có ít nhất hai câu có yếu tố miêu tả
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
+ Nghe yêu cầu.
+ Viết bài.
+ Trình bày cá nhân.
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
Chuẩn bị cho bài sau: "Luyện tập...trong văn bản thuyết minh"
+ Đề bài "Con trâu ở làng quê Việt Nam"
Đọc bài , xây dựng dàn bài, Xác định những yếu tố miêu tả sẽ đưa vào bài thuyết minh

Ngày soạn: **Tiết theo PPCT:10**
Ngày dạy:

Tập làm văn:
LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ
TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Những yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.
+ Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.
2. Năng lực:
+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, ra quyết định, giải quyết vấn đề, quản lí thời gian, tìm kiếm và xử lí thông tin,
3. Phẩm chất:
+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Tư liệu, bài tập trắc nghiệm, tranh ảnh

2. Chuẩn bị của học sinh: Tham khảo tư liệu, lập dàn ý, dự kiến các yếu tố miêu tả sử dụng trong bài

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS hãy kể tên 1 bài thơ, bài hát hoặc bài ca dao nói về con trâu.

Gợi ý:

Ta ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày nối nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công

Hoặc:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Con trâu là loài vật gần gũi gắn bó với người nông dân Việt Nam. Để cung cấp tri thức khách quan(đặc điểm sinh học, sự gắn bó với nó trong đời sống vật chất và tinh thần)hình dung về nó một cách sống động như những bức tranh này chúng ta cần sử dụng yếu tố miêu tả. Cách sử dụng yếu tố miêu tả như thế nào-> Tìm hiểu bài hôm nay.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu đề và lập dàn ý** **a. Mục tiêu:** Biết cách tìm ý và lập dàn ý cho bài văn TM **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.	1. Đề bài: Con trâu ở làng quê Việt nam. 2. Yêu cầu: 2.1. Tìm hiểu đề: + Thể loại: Thuyết minh. + Vấn đề: Vai trò, vị trí của con trâu trong đời sống người nông dân. + Phạm vi**:** Thuyết minh về con

d) Tổ chức thực hiện: **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1 :** *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc đề bài và đặt câu hỏi : ? Đề bài thuộc thể loại? yêu cầu trình bày vấn đề gì ? Phạm vi của đề bài ? ? Với vấn đề này ta cần phải trình bày những ý nào ? ? Ta có thể sử dụng những ý nào trong bài thuyết minh khoa học ? **Nhiệm vụ 2 :** *** Giáo viên** hướng dẫn học sinh lập dàn ý theo nhóm(10 phút) **Nhóm 1**: mở bài và phần đặc điểm sinh học **Nhóm 2**: Con trâu trong đời sống vật chất. **Nhóm 3**: con trâu trong đời sống tinh thần và kết bài. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:**	trâu ở làng quê Việt Nam 2.2. Tìm ý: + Đặc điểm sinh học + Con trâu trong đời sống vật chất + Con trâu trong đời sống tinh thần 3. Lập ý: a) Mở bài: + Giới thiệu chung về con trâu ở làng quê VN b) Thân bài: * Đặc điểm sinh học: + Trâu là động vật thuộc họ Bò, phân bộ nhai lại, nhóm sừng rỗng, bộ guốc chẵn, lớp thú có vú. + Trâu Việt Nam có nguồn gốc từ trâu rừng thuần hoá, thuộc nhóm trâu đầm lầy. * Con trâu trong đời sống vật chất: + Là tài sản lớn của người nông dân. cung cấp sức kéo để cày, bừa, kéo xe, trục lúa…cung cấp nguồn phân bón dồi dào cho sản xuất nông nghiệp. + Nguồn cung cấp thực phẩm (thịt), da để bịt mặt trống, sừng trâu để làm đồ mĩ nghệ. * Con trâu trong đời sống tinh thần: + Gắn bó với người nông dân như người bạn thân thiết. + Gắn bó với tuổi thơ nông thôn. + Trong lễ hội đình đám: chọi trâu, đâm trâu c) Kết bài: Con trâu trong tình cảm của người nông dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

NV1 : GV đặt câu hỏi : Khi thuyết minh, để văn bản sinh động hấp dẫn cần phải làm gì ?

+ Sử dụng biện pháp NT

+ Sử dụng yếu tố miêu tả?

NV2 : Ta có thể sử dụng yếu tố miêu tả ở phần nào?

* Hoạt động nhóm lớn (7 phút)

Nhóm 1: Con trâu khi làm việc.

Nhóm 2: Con trâu trong lễ hội.

Nhóm 3: Con trâu với tuổi thơ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

II. Luyện tập:

* Xây dựng đoạn mở bài :

Có lẽ trong tâm trí mỗi người nông dân Việt Nam cho dù đến khi đã trưởng thành, đã đi xa thì hình ảnh con trâu vẫn luôn là hình ảnh thân thuộc gần gũi. Là một đất nước gắn liền với nền sản xuất nông nghiệp lúa nước nên ở bất cứ vùng quê nào ta cũng thấy xuất hiện hình bóng con trâu trên đồng ruộng. Với thân hình vạm vỡ, to khoẻ, sức kéo lớn gấp nhiều lần sức người, con trâu đã trở thành một công cụ sản xuất quan trọng không thể thiếu của bà con nông dân Việt Nam..

* Mở bài: Bao đời nay, hình ảnh con trâu kéo cày trên đồng ruộng đã trở thành hình ảnh quen thuộc gần gũi của làng quê VN, trâu trở thành người bạn tâm tình của người nông dân: " Trên đồng cạn....đi bừa"

*** Đoạn văn giới thiệu con trâu khi làm ruộng** :

Có thể nói, trước kia khi các tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa được áp dụng, các loại máy cày, máy kéo chưa được đưa vào đồng ruộng thì con trâu là con vật kéo cày rất đắc lực cho nhà nông. Với sức kéo khoẻ và bền bỉ, một ngày trâu có thể cày được 3- 4 sào ruộng. Ngoài cày bừa ra, trâu còn kéo xe, chở lúa, trục lúa.

* Con trâu trong lễ hội :

Không chỉ là người bạn thân thiết trong việc đồng áng, con trâu còn là nhân vật rất quan trọng trong một số lễ hội truyền thống ở các vùng quê Việt Nam . Con trâu là một trong những vật tế thần trong lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên ; là n/vật chính trong lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn.

* Con trâu với tuổi thơ :

Không có ai sinh ra và lớn lên ở các làng quê Việt Nam mà lại không có tuổi thơ gắn bó với con trâu. Thuở nhỏ, khi đưa cơm cho cha đi cày, được ngắm nhìn những con trâu đang mải mê gặm cỏ trên triền đê một cách ngon lành. Lớn lên một chút, nghễu nghện cưỡi trên lưng trâu trong những buổi chiều trên bờ đê, tắm cho trâu dưới dòng sông xanh mát, cùng thả diều khi đứng trên lưng trâu....thật là thú vị biết bao. Con trâu hiền lành, ngoan ngoãn để để lại trong kí ức tuổi thơ biết bao kỉ niệm êm đềm nhung nhớ

* Thân bài: Chiều chiều, khi 1 ngày lao động đã tạm dừng, con trâu được tháo cày và lững thững, thủng thẳng bước trên đường làng, miệng luôn "nhai trầu bỏm bẻm". Khi

ấy cái dáng đi khoan thai, chậm rãi của con trâu khiến cho người ta có cảm giác không khí của làng quê VN sao mà thanh bình, thân quen quá đỗi

* Đoạn văn kết bài:

Với rất nhiều bản tính tốt và ích lợi như vậy nên tất cả những người nông dân đều thực sự yêu mến và quý trọng con trâu. Chẳng thế mà họ coi " con trâu là đầu cơ nghiệp", nhà có nhiều trâu tức là nhà có nhiều của. Hình ảnh con trâu đã, đang và sẽ mãi mãi đi sâu vào trong tâm trí của người nông dân. Một hình ảnh luôn gợi lên trong họ đời sống của một làng quê yên bình, no ấm

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

	Các phương pháp thuyết minh						Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng					Yêu tố miêu tả
Tác dụng												

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

	Các phương pháp thuyết minh						Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng					Yêu tố miêu tả
	phân loại	phân tích	liệt kê	so sánh, đối chiếu	Lấy VD	định nghĩa	Kể chuyện	Tự thuật	đối thoại	vè	Diễn ca	
Tác dụng	**Sự vật được thuyết minh nổi bật, có hồn, trở nên gần gũi với con người, gây hứng thú cho người đọc.**											

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Xem lại các yếu tố kết hợp trong văn bản thuyết minh.

+ Chọn đề văn thuyết minh để luyện tập tìm ý, lập ý. Viết một đoạn văn TM có sử dụng yếu tố miêu tả.

+ Chuẩn bị: "Tuyên bố thế giới về sự sống còn ..."(Tìm hiểu thực trạng, những thách thức, nhiệm vụ...)

+ Sưu tầm toàn bộ văn bản“ Tuyên bố với thế giới về sự sống còn quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em" Sưu tầm tư liệu: tranh ảnh, bài viết, về quyền trẻ em,
+ Đọc kỹ văn bản, sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Tác giả, tác phẩm, bố cục văn bản, Tìm hiểu thực trạng, những thách thức, nhiệm vụ...)Soạn bài, xem lại các công ước về quyền trẻ em, liên hệ thực tế nội dung bài học.
+ Video về hình ảnh những trẻ em châu Phi trong nạn đói, trẻ em VN trong chiến tranh, hình ảnh những em bé chết đuối do là sóng di cư(gửi trên Trường học kết nối)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 3 - Tiết 11
VĂN BẢN:
TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Thấy được thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.
+ Nắm được những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt nam.
2. Năng lực:
+ Tự nhận thức về quyền được bảo vệ và chăm sóc của trẻ em và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
+ Xác định giá trị bản thân cần hướng tới để bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay.
+ Giao tiếp: thể hiện sự cảm thông với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh của trẻ em.
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục sự nhận thức đúng đắn về ý thức, nhiệm vụ của xã hội và bản thân với nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
+ Có tấm lòng nhân hậu, cảm thông và chia sẻ sâu sắc đối với những em nhỏ có hoàn cảnh thiệt thòi, có thái độ tích cực đối với những hàng vi vi phạm quyền trẻ em.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
+ Đọc kĩ SGK, SGV, Bình giảng ngữ văn 9, tài liệu về quyền trẻ em.
2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kỹ văn bản, xác định các luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS quan sát các hình ảnh và nhận xét về sự đối lập giữa cuộc sống của con người ở nhiều quốc gia trên thế giới

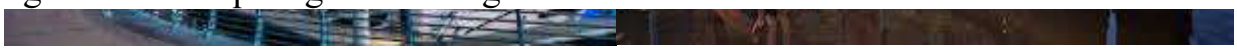

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Cuộc sống không phải lúc nào cũng màu hồng, trọn vẹn và ngọt ngào mà nó giống như chính bức tranh. Một mặt của nó là tươi đẹp, hào nhoáng. Nhưng mặt còn lại là sự thiếu thốn, đói khổ, bất hạnh, đau thương. Và trẻ em-vốn là "những búp trên cành" nên thường phải hứng chịu những thiệt thòi nhiều nhất. Điều đó, không chỉ ảnh hưởng đến thực tại mà còn ảnh hưởng đến cả tương lai của các em nói riêng và của nhân loại nói chung. Để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, một phần lớn của bản "Tuyên bố..."tại hội nghị cấp cao thế giới họp tại liên hợp quốc Mĩ cách đây 29 năm đã nói lên tầm quan trọng của vấn đề này.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** biết đuọc tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên:** yêu cầu HS dựa vào SGK và trả lời câu hỏi: Hãy nêu xuất xứ của văn bản? Văn bản này được tuyên bố vào thời gian nào? Tại đâu trong hoàn cảnh nào ? Văn bản này ra đời trong tình hình thế giới như thế nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm.	**A.Giới thiệu chung:** * Tác phẩm: + Trích "Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em" họp tại trụ sở Liên hợp quốc tại Niu-oóc ngày 30/9/1990

- Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** **-** Văn bản này không phải là toàn bộ lời tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em mà sau phần nhiệm vụ (hết mục 17) bản tuyên bố còn phần cam kết, những bước tiếp theo và nêu ra một chương trình, các bước cụ thể cần phải làm. Điều này cũng khẳng định: Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ngày càng được các quốc gia, các tổ chức quốc tế quan tâm đầy đủ và sâu sắc hơn. - Bối cảnh thế giới mấy chục năm cuối thế kỉ XX: + Khoa học kỹ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng tạo điều kiện thuận lợi để quan tâm đến trẻ em. + Khó khăn, những vấn đề đặt ra: Sự phân hoá rõ rệt về mức sống giữa các nước, trong một nước. Chiến tranh và bạo lực nổ ra ở nhiều nơi, có nhiều trẻ em hòan cảnh khó khăn, tàn tật, bị bóc lột, thất học..... **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu chú thích, bố cục văn bản** **a. Mục tiêu:** HS nắm được bố cục, PTBĐ của văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** nêu yêu cầu đọc: Đọc rõ ràng, khúc triết từng mục để cho thấy tính cấp thiết của vấn đề tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em. *** Giáo viên**: Văn bản gồm 17 mục giáo viên đọc mẫu phần 1,2. Gọi học sinh đọc tiếp. - GV đặt câu hỏi: ? Em hiểu chế độ Apacthai như thế nào? ? Giải thích các từ tăng trưởng, vô gia cư?	**B. Đọc - Hiểu văn bản**: 1. Đọc- chú thích:

? Nhận xét về ND văn bản này thuộc cụm văn bản nào? ? Xét về hình thức, cách trình bày văn bản này thuộc kiểu văn bản nào? ? Phương thức biểu đạt chính của văn bản? ? Vấn đề cần đề cập là gì ? ? Đoạn còn lại có thể chia làm mấy phần ? Dựa vào đâu em xác định bố cục đó ? ? Em có nhận xét gì về bố cục trên của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Giải thích các từ + Tăng trưởng: Phát triển theo hướng tiến bộ, tốt đẹp + Vô gia cư: Không gia đình, không nhà cửa + VB thuộc nhóm văn bản nhật dụng + VB Nghị luận ctrị xã hội Nội dung: Quyền được bảo vệ, chăm sóc và phát triển của trẻ em. **Bố cục: 4 phần** + Phần mở đầu:(2 mục) Lý do của bản tuyên bố + Sự thách thức :(5 mục): Nêu thực trạng cuộc sống của nhiều trẻ em... + Cơ hội: (2 mục) Những điều kiện thuận lợi để con người có thể quan tâm đến trẻ em được nhiều hơn. + Nhiệm vụ: (8 mục):Những nhiệm vụ cụ thể .... ? Em có nhận xét gì về bố của trên của văn bản? + Rất rõ ràng mạch lạc, các phần liên kết chặt chẽ và lôgíc.Văn bản đi từ nghiên cứu chung đến thực tế (kk, thuận lợi) và từ thực tế đề ra nhiệm vụ cụ thể. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Tìm hiểu Nhận thức của cộng đồng về trẻ em và quyền trẻ em** **a. Mục tiêu:** biết đuọc nội dung và nghệ thuật của văn bản. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.	2. Bố cục- Kiểu văn bản + Kiểu văn bản: nhật dụng + PTBĐ: nghị luận (chính trị -xã hội) + Bố cục: 4 phần

d) Tổ chức thực hiện: **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** ?Đọc lại phần mở đầu và cho biết: Nội dung và ý nghĩa của từng mục vừa đọc ? ? Mở đầu văn bản Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp ở Niu Ooc ngày 30/9/1990 đã kêu gọi điều gì về quyền trẻ em? ? Bản tuyên bố đã thể hiện cách nhìn về trẻ em ntn? ? Hội nghị đã khẳng định trẻ em có những quyền gì ? Em có nhận xét gì về cách nhìn nhận, đánh giá của cộng đồng thế giới về trẻ em? ? Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em trên toàn thế giới là một vấn đề mang tính chất như thế nào? ? Là học sinh thế hệ trẻ, em có cảm xúc gì khi biết đến lời tuyên bố này ? ? Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nội dung + Mục 1: Mở đầu nêu vấn đề giới thiệu mục đích và nhiệm vụ của hội nghị cấp cao thế giới.Tại sao phải họp hội nghị này. + Mục 2: Khái quát những đặc điểm, yêu cầu của trẻ em, khẳng định quyền của trẻ em. Hội nghị đã khẳng định trẻ em có những quyền: + Phải được sống trong vui tươi thanh bình, được chơi được học và phát triển, tương lai của chúng phải được trưởng thành trong sự hoà hợp và tương trợ (sống trong bình đẳng giúp đỡ và không bị phân biệt) → Nhận xét: + Cách nhìn tiến bộ đầy tin yêu và giàu trách nhiệm đối với thế hệ trẻ-> Hội nghị cấp cao thế giới thể hiện sự quan tâm rất đặc biệt và cần thiết với trẻ em. Liên hệ: + Vui sướng vì: Quyền sống của trẻ em là vấn đề quan trọng cấp thiết trong thế giới hiện đại. + Cộng đồng thế giới đã quan tâm đặc biệt đến vấn đề này-> Trẻ em có quyền hi vọng vào những lời tuyên	3. Phân tích: a Nhận thức của cộng đồng về trẻ em và quyền trẻ em: + Bản tuyên bố mở đầu bằng lời kêu gọi khẩn thiết: "Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em 1 tương lai tốt đẹp hơn". -> Lí do đề ra bản tuyên bố. + Cách nhìn nhận trẻ em thông qua đặc điểm tâm sinh lí: Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. => Khẳng định về Quyền trẻ em: được sống trong thanh bình, được chơi, được học, được phát triển. => Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là một vấn đề mang tính chất nhân bản. + Cách nêu vấn đề gọn, rõ có tính chất khẳng định, giới thiệu mục đích, nhiệm vụ của Hội nghị cấp cao thế giới

bố đó. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên:** Hội đồng bộ trưởng nước CHXHCN Việt Nam đã quyết định chương trình hoạt động vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và chăm sóc, bảo vệ và phát triển của trẻ em từ 1991-2000 đặt thành bộ phận chiến lược phát triển k.tế xã hội.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Nêu nhận thức của cộng đồng về Trẻ em và Quyền trẻ em thông qua phần một, hai của bản Tuyên bố?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Bản tuyên bố mở đầu bằng lời kêu gọi khẩn thiết: "Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em 1 tương lai tốt đẹp hơn"-> Lí do đề ra bản tuyên bố.

+ Cách nhìn nhận trẻ em thông qua đặc điểm tâm sinh lí: Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.
+ Khẳng định về Quyền trẻ em: được sống trong thanh bình, được chơi, được học, được phát triển.
=> Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là một vấn đề mang tính chất nhân bản.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học bài, nắm xuất xứ tác phẩm, nội dung mục1,2
+ Soạn tiếp phần còn lại (Những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta. Những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 3- Tiết 12: (Tiếp)
Văn bản:
TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Thấy được thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.
+ Nắm được những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt nam.
2. Năng lực:
+ Tự nhận thức về quyền được bảo vệ và chăm sóc của trẻ em và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
+ Xác định giá trị bản thân cần hướng tới để bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay.
+ Giao tiếp: thể hiện sự cảm thông với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh của trẻ em.
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục sự nhận thức đúng đắn về ý thức, nhiệm vụ của xã hội và bản thân với nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
+ Có tấm lòng nhân hậu, cảm thông và chia sẻ sâu sắc đối với những em nhỏ có hoàn cảnh thiệt thòi, có thái độ tích cực đối với những hàng vi v i phạm quyền trẻ em.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Đọc kĩ SGK, SGV, Bình giảng ngữ văn 9, tài liệu về quyền trẻ em
2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, soạn bài theo gợi ý của SGK, chuẩn bị GV giao tiết trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho học sinh xem video bạo hành trẻ em (ở VN)và yêu cầu học sinh nêu suy nghĩ của mình về video

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Bác Hồ từng nói: Trẻ em như búp trên cành/ Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan. Tuy nhiên không phải lúc nào những "chiếc búp" non nớt ấy cũng được nâng niu, trân trọng, yêu thương. Video các con vừa xem là một minh chứng cho điều này. Vậy để bảo vệ cho trẻ em, chúng ta cần phải làm gì? Tiết 2 của bài "Tuyến bố....." sẽ giúp chúng ta có câu trả lời

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Những thách thức phản ánh thực trạng của trẻ em trên thế giới** **a. Mục tiêu:** nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** Gọi học sinh đọc từ mục 3 đến mục 7 (SGK-32) và trả lời câu hỏi - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi ? Hãy cho biết vai trò và vị trí của mục 3? ? Trình bày những dẫn chứng cụ thể cho các nhận xét trên? ? Em có nhận xét gì về cách nói và con số được đưa ra? ? Tuy ngắn gọn nhưng phần "sự thách thức" đã nêu lên điều gì về tình trạng của trẻ em?	b. Những thách thức phản ánh thực trạng của trẻ em trên thế giới: + Trẻ em có cuộc sống khổ cực không được hưởng những quyền lợi của mình

? Theo em, những bất hạnh trên của trẻ em là mang tính khách quan hay chủ quan? Nhân loại có thể cải thiện tình hình đó được hay không? ? Em có nhận xét gì về cách lập luận ở đoạn văn nghị luận này? **?**Hiện nay trẻ em ở VNam nói chung và thế giới nói riêng phải chịu đựng những thách thức nào ngoài những thách thức nêu trên? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: + Mục 3 : Vai trò chuyển ý, chuyển đoạn, giới hạn vấn đề: Trong thực tế cuộc sống thời thơ ấu của nhiều trẻ em trên thế giới không được hưởng "quyền trẻ em" bằng phép tương phản, thu hút người nghe. - Những dẫn chứng cụ thể : + Mỗi ngày có 40.000 trẻ em bị chết + Hàng ngày có vô số trẻ em..bất hạnh + Mỗi ngày có hàng triệu...đói nghèo → Nhận xét : + Cho thấy số trẻ em chịu bất hạnh là vô cùng lớn, các em phải chịu những bất hạnh, hiểm hoạ giáng xuống từng ngày từng giờ-> kìm hãm khả năng phát triển, quyền trẻ em bị xâm phạm. Mục 3 đã nêu lên những tình trạng ở trẻ em : + Bị trở thành nạn nhân của của chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài. + Chịu đựng những thảm hoạ đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. + Nhiều trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng và bệnh tật. - Nhận xét cách lập luận ? Em có nhận xét gì về cách lập luận ở đoạn văn nghị luận này? + Phân tích theo trình tự tổng- phân -hợp + Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng bằng những con số xác thực, tiêu biểu + Giải thích thực trạng bằng nguyên nhân	+ Nạn nhân của chiến tranh, bạo lực, phân biệt chủng tộc, đói nghèo, dịch bệnh, chết vì suy dinh dưỡng, + Lí lẽ xác thực, lập luận chặt chẽ, đầy đủ, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, mang tính liệt kê dồn dập. => Trẻ em trên toàn thế giới phải chịu những thảm hoạ, bất hạnh về nhiều mặt.

+ Luận cứ liệt kê dồn dập ->gây tác động truyền cảm + Ba điều nói về thực trạng đều mở đầu bằng sự lặp lại của 1 cụm từ mang nghĩa khẩn cấp: " Hàng ngày....Mỗi ngày và những cụm từ có sự gợi cảm mạnh mẽ " những hiểm họa.., nỗi bất hạnh, những thảm họa..." **- Trẻ em tại VN :** + Buôn bán, bắt cóc trẻ em qua biên giới: T.Quốc& T.Lan + Nạn nhân của những vụ hiếp dâm, cưỡng dâm, xâm phạm tình dục, bạo hành trẻ em.v.v.. + Nạn nhân của văn hoá phẩm đồ truy, ma tuý + Đói nghèo, khủng hoảng k.tế + Dịch bệnh nguy hiểm: Viêm cơ Đen ta, H1N1 HIV/AIDS, xương thuỷ tinh, ảnh hưởng chất độc màu da cam.v.v.. + Nạn nhân của sóng thần, động đất, bão lụt, lũ quét.v.v.. + Môi trường xuống cấp **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên: Chiếu video sóng thần ở Nhật bản** Sóng thần, động đất mạnh nhất trong vòng 140 năm tại Nhật Bản ngày 11/3/2011 có 15.365 người thiệt mạng, 5.363 người bị thương và 8.206 người bị mất tích. 125. công trình nhà ở bị hư hại hoặc phá huỷ hoàn toàn. Một loạt các nhà máy điện hạt nhân bị ảnh hưởng ngừng hoạt động khiến cho việc rò rỉ chất phóng xạ- nỗi lo lớn của toàn thể nhân dân thế giới. Trẻ em ở các nước nghèo Châu Á, Châu Phi bị chết đói. Vào tháng 1 năm 2008 cả nước ta đã trào dâng làn sóng phẫn nộ về trường hợp " bảo mẫu" Quảng Thị Kim Hoa ở số 1/2 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai hành hung 10 đứa trẻ trong quá trình trông giữ các cháu tại nhà (Bị xử phạt 12 tháng tù giam vì tội: "ngược đãi trẻ em" theo điều 11 Bội luật hình sự).v.v... + Họ phải trăn trở suy nghĩ và tìm các giải pháp thích hợp để giảm bớt và xoá bỏ bất hạnh cho trẻ em. Họ phải làm tất cả những gì tốt đẹp nhất có thể vì trẻ em *** Giáo viên kết luận:** Tuy ngắn gọn nhưng phần "Thách thức" đã nêu lên khá đầy đủ, cụ thể hiện trạng bị rơi vào hiểm hoạ cuộc sống khổ cực về mọi mặt của trẻ em trên thế giới và ở VNam cũng vậy. Đặt ra yêu	-> Đó là thách thức lớn với các chính phủ, các tổ chức quốc tế và mỗi cá nhân.

cầu đối với cộng đồng thế giới: Cần quan tâm, bảo vệ & chăm sóc trẻ em như thế nào, ta cùng tiếp tục tìm hiểu. **Hoạt động 2: Tìm hiểu Những thuận lợi để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu học sinh** theo dõi mục 8 – 9 (SGK-32,33) và trả lời câu hỏi theo cặp đôi : ? Em hiểu cơ hội là gì? ? Tại sao sau khi nêu phần "Sự thách thức" Hội nghị cấp cao lại chỉ ra những cơ hội để quan tâm chăm sóc trẻ em? ? Bối cảnh thế giới vẫn có nhiều cơ hội để bảo vệ quyền sống và phát triển của trẻ em. Đó là những cơ hội nào? ? Hãy lấy ví dụ chứng minh: Sự liên kết của các quốc gia và sự hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực để bảo vệ và chăm sóc phát triển trẻ em? ? Nêu những hiểu biết của em về công ước quốc tế về quyền trẻ em? (L.hệ GDCD6) **?** + Trẻ em có quyền vui chơi, học tập, có quyền tham gia, góp ý.v.v.. ? Cách lập luận ở đoạn văn bản này có đặc điểm gì? **?**Liên hệ Đảng và Nhà nước ta, đã quan tâm đến Quyền trẻ em như thế nào?(- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: + Cơ hội là những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc bảo vệ & chăm sóc trẻ em.	c Những thuận lợi để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em: + Sự liên kết giữa các quốc gia. + Công ước về Quyền trẻ em. + Bầu không khí chính trị quốc tế được cải thiện. + Sự hợp tác đoàn kết quốc tế trên nhiều lĩnh vực. => những thuận lợi lớn nhằm cải thiện tình hình, bảo đảm quyền trẻ em.

+ Hội nghị cấp cao lại chỉ ra những cơ hội để quan tâm chăm sóc trẻ em vì: Thế giới và trẻ em đang đứng trước rất nhiều thách thức song không phải là không có cơ hội để giành những điêù kiện tốt nhất cho trẻ em. Chúng ta có thể cải thiện cuộc sống của trẻ em nếu biết vượt qua những thách thức và tận dụng mọi cơ hội thuận lợi + Các cơ hội: + Sự hợp tác và đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực, phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh tạo điều kiện cho một số tài nguyên to lớn có thể được chuyển sang phục vụ các mục tiêu kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội + Công ước quốc tế về quyền trẻ em quy định: Trẻ em có quyền vui chơi, học tập, có quyền tham gia, góp ý.v.v.. - Nhận xét nghhệ thuật + Giải thích + chứng minh : lấy sự việc để chứng minh lấy(công ước) để khẳng định ý nghĩa của sự liên kết các nước được giải thích bằng thực tại đã có(sự hợp tác, đoàn kết) kết hợp giải thích, dự báo (tài nguyên to lớn phục vụ mục đích phi quân sự) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **GV bổ sung:** * Đảng và Nhà nước ta đã cải thiện đ/sống của trẻ em trên mọi lĩnh vực: + Xây dựng Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em + Gdục: Thực hiện Luật Phổ cập giáo dục, trường học cho trẻ khuyết tật, lớp học dành cho trẻ em nghèo, cơ nhỡ.v.v.. + Sức khoẻ: Các bệnh viện nhi, tiêm phòng, tư vấn sức khoẻ bà mẹ và trẻ em. Trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí +Vui chơi giải trí: Công viên, nhà hát, các câu lạc bộ.v.v.. - Đất nước ta hiện nay cũng có những cơ hội thuận lợi nào để có thể chăm sóc trẻ em tốt hơn: + Ở Việt Nam tình hình chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng. + Sự quyết tâm cụ thể của Đảng và Nhà nước.	

+ Sự nhận thức và tham gia tích cực của nhiều tổ chức xã hội và phong trào chăm sóc, bảo vệ trẻ em, ý thức cao của toàn dân về vấn đề này .. **Hoạt động 3: Tìm hiểu những đề xuất nhằm đảm bả em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** *** GV yêu cầu** học sinh đọc phần 3 và trả lời câu hỏi: ? Đứng trước những thách thức và cơ hội đó, nhân loại có những nhiệm vụ gì vì sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em? ? Em có nhận xét gì về nhiệm vụ của cộng đồng để thực hiện quyền trẻ em? ? Dựa vào cơ sở nào để Hội nghị xác định những nhiệm vụ về quyền trẻ em? ? Theo em nhiệm vụ nào là quan trọng nhất? ? Để thực hiện các nhiệm vụ đó, các nước phải có biện pháp gì? ? Nhận xét về lời văn, ý văn trong phần này? ? Điều đó khẳng định đây là nhiệm vụ ntn của nhân loại? ? Ở Việt Nam đã thực hiện và chưa thực hiện được những nhiệm vụ nào mà bản tuyên bố đưa ra? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nhiệm vụ của cộng đồng để thực hiện quyền trẻ em: + T/c toàn diện: từ tăng cường sức khỏe -> học hành, từ c/s hiện tại -> tương lai... + Từ các đối tượng cần quan tâm hàng đầu đến củng cố g/đình, củng cố môi trường xã hội	d Những đề xuất nhằm đảm bảo cho trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển: + Tăng cường sức khoẻ, chế độ dinh dưỡng. + Quan tâm trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn. + Tăng cường vai trò phụ nữ, bình đẳng giới. + Xoá nạn mù chữ ở trẻ em. + Quan tâm đến bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ. + Tạo cơ hội tìm biết nguồn gốc lai lịch của mình. + Khuyến khích trẻ tham gia một số hđộng văn hoá, xã hội.

+ Từ bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ đến k.khích trẻ em tham gia các h/động xhội, văn hoá Cơ sở: xuất phát từ thách thức, cơ hội. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: - Giáo viên mở rộng: Hội nghị các nước phát triển (G7) thế giới họp tại Tô-ki-ô bàn cách xoá nợ, hoãn nợ, tăng viện trợ nhân đạo cho các nước Đông Nam Á bị nạn sóng thần, động đất đã lên tới 5 tỉ USD: Nhật Bản 500 triệu, Mĩ 350 triệu, Ngân hàng thế giới 250 triệu, V.Nam 450 nghìn USD.v.v.. Ở Việt Nam đã thực hiện và chưa thực hiện được những nhiệm vụ mà bản tuyên bố đưa ra: * Đã thực hiện: + C/sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em +Chăm sóc trẻ em khó khăn, khuyết tật + C/trình phổ cập Gdục + Đảm bảo quyền bình đẳng giới, tạo đ/kiện vui chơi giải trí,xây dựng môi trường trong sạch,lành mạnh * Chưa làm được hoặc hiệu quả chưa cao: +Trẻ em còn cơ nhỡ, thất học, + Nhiều khu vực chưa có khu vui chơi cho trẻ em.v.v.. **Hoạt động 4: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Nhận xét về nội dung và nghệ thuật văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	+ Khôi phục sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. -> Nhiệm vụ toàn diện, cụ thể, sát thực tế để mang lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho trẻ em.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV giao việc cho HS .** **+ Bài 1:** Làm bài tập trắc nghiệm: SBT trắc nghiệm Ngữ văn 9(từ câu 1=> câu10) *Yêu cầu HS trình bày đáp án đã trọn. **+ Bài 2**. * GV yêu cầu học sinh thảo luận v/đ sau : a) Nêu suy nghĩ của em về sự quan tâm của Đảng và nhà nước ta đối với trẻ em? b) Để xứng đáng với sự quan tâm đó em phải làm gì? **+ Bài 3**: Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về thực tế việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em của nước ta hiện nay? - GV gợi ý: Cảm nhận về những gì mình đang được hưởng, được ưu tiên… **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**4. Tổng kết:** a. Nội dung - Ý nghĩa + ND: Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là 1 trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. + Ý nghĩa của văn bản: Văn bản nêu nên nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em. b Nghệ thuật: + Trình bày rõ ràng hợp lí. + Mối liên kết lô-gíc giữa các phần làm cho văn bản có kết cấu chặt chẽ. + Sử dụng phương pháp pháp nêu số liệu, phân tích khoa học. c Ghi nhớ: (SGK-35) **III.Luyện tập.** **1.Bài 1**: làm bài tập trắc nghiệm **2. Bài 2. Thảo luận** **3. Bài 3**: Viết đoạn văn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV đưa ra yêu cầu: Ở nước ta hiện nay có những chương trình nào ưu tiên vì sự phát triển của trẻ em? Bản thân em và gia đình đã có hành động thiết thực nào để bảo vệ trẻ

em? Em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề gần đây có rất nhiều trẻ em bị xâm hại tình dục. Hãy gợi ý một vài giải pháp để không trở thành nạn nhân của vấn nạn này

GV gợi ý: Chương trình cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi, ưu tiến khám bệnh cho trẻ nhỏ trước, chương trình Trái tim cho em, miễn học phí cho học sinh tiểu học, phổ cập giáo dục các cấp, các chương trình về tết Trung thu....

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh:

+ Các nhóm đọc nội dung thảo luận của nhóm mình, thảo luận trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.

+ Các nhóm lần lượt trao đổi phiếu học tập cho nhau và bổ sung ý kiến bằng bút màu khác.

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày

Bước 3: Báo cáo thảo luận

+ HS dán kết quả lên bảng

+ Trình bày ý kiến phiếu học tập

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài: Phân tích các nội dung chính của văn bản

+ Nêu suy nghĩ của em khi nhận được sự chăm sóc, giáo dục đầy đủ của gia đình, nhà trường và xã hội ? Em phải làm gì để xứng đáng với sự chăm lo ấy

+ Chuẩn bị: "Các phương châm hội thoại" (Tiếp)

(Đọc, tìm hiểu, trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn SGK).

Ngày soạn : **Tiết theo PPCT: 13**

Ngày dạy : **Tiết chủ đề: 3**

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.

+ Những trường hợp không tuân thủ hội thoại .

2. Năng lực:

+ Ra quyết định: lựa chọn cách vận dụng các phương châm hội thoại trong giao tiếp của bản thân.

+ Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi về đặc điểm, cách giao tiếp đảm bảo các phương châm hội thoại

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ lịch sự trong giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Các phương châm hội thoại (Đọc, tìm hiểu, trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn SGK).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho học sinh thể hiện tiểu phẩm 1"Chào hỏi" sgk/36(phần học sinh chuẩn bị ở nhà)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: đây là phương châm hội thoại không phù hợp với tình huống giao tiếp, tạo tình huống gây cười. Chúng ta cần sử dụng các phương châm hội thoại như thế nào cho có hiệu quả bài học hôm nay sẽ giúp ta có câu trả lời.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp** **a. Mục tiêu:** hiểu được mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu HS:** Nhắc lại tiểu phẩm1 (SGK-36) và trả lời câu hỏi: ? Anh chàng trong câu truyện được giới thiệu trong hoàn cảnh như thế nào? . ? Anh ta có thực hiện đúng lời dặn ấy không? Thực hiện như thế nào? ? Theo em tại sao khi chàng rể ra hiệu thì người đốn cành lại dừng việc, lật đật trèo xuống ?	**1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp:** 1. Phân tích ngữ liệu sgk/36 + Truyện cười: " Chào hỏi" + Chàng rể không tuân thủ phương châm lịch sự vì lời chào không đúng lúc, đúng chỗ, không phù hợp với tình huống giao tiếp (áp dụng máy móc)

? Trong tình huống này chàng rể đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? ? Hãy tìm những tình huống mà lời hỏi thăm như trên được dùng một cách thích hợp bảo đảm tuân thủ là người có phong cách lịch sự? ? Từ câu chuyện trên em rút ra bài học gì trong giao tiếp? ? Em hiểu thế nào là đặc điểm của tình huống giao tiếp? ? Đặc điểm của tình huống giao tiếp bao gồm các yếu tố nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Anh chàng được giới thiệu: Ở nhà vợ tại một vùng quê. Được người nhà dặn là phải luôn chào hỏi mọi người xung quanh. . + Anh chàng thực hiện đúng lời dặn, thấy người đốn cành trên một cây cao cũng vẫy xuống để chào. Chàng rể đã vi phạm: Không tuân thủ phương châm lịch sự vì không phù hợp với tình huống giao tiếp. Gây phiền hà, ảnh hưởng công việc của người khác. + Nếu anh chàng đốn cành dưới đất hoặc đang đi trên đường thì lời chào phù hợp, lịch sự. - Đặc điểm của tình huống giao tiếp : + Nói với ai. (Đối tượng giao tiếp) + Nói khi nào. (Thời điểm giao tiếp) + Nói ở đâu. (Địa điểm giao tiếp) + Nói để làm gì. (Mục đích giao tiếp) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS. GV chuẩn kiến thức và ghi bảng **Hoạt động 2: Tìm hiểu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại** **a. Mục tiêu:** HS nắm được những nguyên tắc khi vận dụng PC hội thoại. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:**	-> Cần vận dụng các phương châm hội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp 2.Ghi nhớ: (SGK-36)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phâ công làm việc nhóm: *** Nhóm 1: GV** gọi học sinh đọc yêu cầu phần 1 (SGK - 37) Các ví dụ 1 (SGK- 8), truyện cười " Quả bí khổng lồ" (SGK-9), đọc 1 số thành ngữ (SGK- 21), truyện " người ăn xin" (SGK-22). ? Trong các ví dụ đã phân tích trên khi học về các phương châm hội thoại, trong những tình huống nào phương châm hội thoại không được tuân thủ *** Nhóm 2: HS** đọc đoạn đối thoại phần 2, chú ý từ in đậm. ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu cầu thông tin đúng như An mong muốn hay không ? ? Trong tình huống này thì phương châm hội thoại nào không được tuân thủ ? ? Vì sao Ba trả lời như vậy mà không tuân thủ phương châm hội thoại đã nêu ? ? Vậy Ba đã tuân thủ phương châm nào trong trường hợp này? *** Nhóm 3:** gọi học sinh đọc phần 3 trong (SGK-37) ? Khi bác sĩ nói với một người mắc bệnh nan y về tình trạng sức khoẻ của bệnh nhân đó thì phương châm hội thoại nào có thể không được tuân thủ ?? Tại sao bác sĩ phải làm như vậy? ? Em hãy tìm những tình huống giao tiếp khác mà phương châm hội thoại cũng không được tuân thủ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nhóm 2: + Phương châm về lượng không được tuân thủ vì Ba không cung cấp đủ thông tin như An mong muốn là năm nào-> cụ thể, rõ ràng chứ không phải chung chung đầu TK 20. + Vì Ba không biết cụ thể, chắc chắn, chính xác chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo vào năm nào nên không dám khẳng định, không dám trả lời An.....	2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại: 2.1.Phân tích VD + Tình huống trong truyện " Người ăn xin" phương châm lịch sự được tuân thủ. + Tất cả các tình huống còn lại không tuân thủ PC hội thoại. + Nhân vật Ba: Vi phạm phương châm về lượng để đảm bảo phương châm về chất. + Bác sĩ: vi phạm phương châm về chất để người bệnh không rơi vào trạng thái bi quan, tuyệt vọng. + Người nói muốn người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý khác. + Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ một số nguyên nhân khác nhau. 2. Ghi nhớ: (SGK- 37)

+ Ba tuân thủ phương châm về chất (Ba trả lời chung chung, không nói những điều mà chưa có bằng chứng xác thực, không biết chính xác, chắc chắn.) **Nhóm 3:** + Bác sĩ chỉ có thể nói thật với người nhà bệnh nhân. Tình huống tương tự: + Giả thiết người chiến sĩ, người lính, nhà hoạt động Cách mạng khi bị rơi vào tay địch. Không khai thật hết những thông tin bí mật mà mình biết về đơn vị hay những bí mật quân sự vì có thể dẫn đến hậu quả rất tệ hại -> vi phạm phương châm về chất vì điều đó có lợi cho đơn vị, cho nhân dân đất nước thì vẫn phải làm. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Trong bất kì tình huống giao tiếp nào nếu có một yêu cầu nào đó quan trọng hơn, cao hơn yêu cần tuân thủ 1 phương châm hội thoại khác thì người nói có thể không tuân thủ một phương châm hội thoại nào đó. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phân công: **Tổ 1,3 : bài 1** **Tổ 2,4 : bài 2** **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**II. Luyện tập:** **Bài tập số1 (SGK-37)** Ông bố không tuân thủ PCCT vì cậu bé chỉ 5 tuổi chưa biết cuốn sách Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao" cho nên sẽ không tìm được quả

	bóng.=> Cách nói không rõ, không phù hợp đối tượng. **Bài tập số 2: (SGK- 38)** Lời nói của Chân, Tay, Tai, Mắt không tuân thủ PC lịch sự. + Qua tìm hiểu nội dung câu chuyện: Sự giận dữ và nói năng nặng nề như vậy là không có lí do chính đáng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

? Để không vi phạm các phương châm hội thoại cần phải làm gì?

? Những nguyên nhân nào dẫn tới sự vi phạm phương châm hội thoại?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp.

+ Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá giao tiếp .

+ Phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn .

+ Muốn gây sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó...

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về thảm họa hạt nhân.

+ Chuẩn bị cho Viết bài Tập làm văn số 1 (Văn thuyết minh): (Xem lại các kiến thức liên quan đến thể loại văn thuyết minh, Bố cục bài văn thuyết minh theo các dạng đề khác nhau (Con vật, cây cối), các yếu tố cần kết hợp trong văn bản thuyết minh: Biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự. Tìm hiểu đề và tìm ý cho những đề trong SGK - 42, chú ý tới hai đề: Con trâu ở làng quê Việt Nam và Thuyết minh về cây lúa.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 3

TIẾT 14 +15:

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng :

1 Kiến thức:

+ Giúp học sinh hiểu những yêu cầu khi viết một văn bản thuyết minh: Vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh, ngoài ra còn phải kết hợp với yếu tố miêu tả, biện

pháp tu từ khi thuyết minh thì đối tượng thuyết minh mới hay và hấp dẫn người đọc, người nghe.

2 Kỹ năng:

+ Rèn kĩ năng phân tích đề, tìm ý và lập dàn ý cho văn bản bản thuyết minh trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả, biện pháp nghệ thuật.

3 Thái độ:

+ Nghiêm túc, yêu thích viết văn thuyết minh trong đó có sử dụng các yếu tố m/ tả.

B. CHUẨN BỊ

* Giáo viên: Ra đề, đáp án, biểu điểm

* Học sinh: Ôn tập tốt phương pháp viết bài văn thuyết minh, xem lại lí thuyết văn thuyết minh có sử dụng các yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật. Chuẩn bị dàn ý cho 2 đề: Thuyết minh về con trâu và Thuyết minh về cây lúa.

C. PHƯƠNG PHÁP

+ Thực hành viết trên giấy 2 tiết tại lớp.

D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Ổn định lớp: (1 phút) Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình luyện tập

3. Bài mới:

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 4 Tiết 16

VĂN BẢN: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích: "Truyền kỳ mạn lục" -Nguyễn Dữ)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

+ Hiện thực về số phận người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

+ Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể truyện.

+ Mối liên hệ giữa tác phẩm và Vợ chàng Trương.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: Trình bày, suy nghĩ, nhận xét đánh giá, liên hệ thực tế

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Sưu tầm Tác phẩm Truyền kì mạn lục"(bản dịch của Ngô Văn Triện) sưu tầm ảnh đền thờ Vũ Nương bên sông Hoàng Giang.

+ Tham khảo các tư liệu có liên quan:

+ Chân dung Nguyễn Dữ

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kỹ văn bản, tìm hiểu các nội dung đã được hướng dẫn ở tiết trước. Soạn bài theo câu hỏi SGK, thêm phần tóm tắt, tìm hiểu thêm tác giả, tác phẩm Truyền kì mạn lục, các tác phẩm có cùng nội dung tư tưởng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS: Đọc những bài thơ/ ca dao viết về đề tài người phụ nữ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Người phụ nữ VN vốn có nhiều phẩm chất tốt đẹp song lại phải chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội, đặc biệt là xã hội phong kiến. Chính vì lẽ đó mà họ đi vào thơ văn với những nét đẹp phẩm hạnh nhưng cũng biết bao cay đắng, truân chuyên. Vũ Nương trong đoạn trích Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những nhân vật như thế. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích này để tự hào và trân quý phụ nữ Việt hơn.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên yêu cầu HS :** Hãy nêu một số nét cơ bản về tác giả ? ? Em hiểu gì về thể loại truyền kì mạn lục ? * Giáo viên giới thiệu chân dung nhà văn và bổ sung: - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	**A. Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: Nguyễn Dữ + Sống ở thế kỷ 16 + Học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm + Học rộng, tài cao 2. Tác phẩm:

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** * Giáo viên giới thiệu chân dung nhà văn và bổ sung: **(chiếu slide)** - Nguyễn Dữ là con của Nguyễn Tướng Phiên (Tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 27, đời vua Lê Thánh Tông 1946 Quê: huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Ông là học trò của Nguyễn Sinh Khiêm.Tuy học rộng, tài cao nhưng Nguyễn Dữ tránh vòng danh lợi, chỉ làm quan một năm rồi về sống ẩn dật ở quê nhà . - Hiện chưa rõ cụ thể năm sinh, năm mất nhưng theo các tài liệu dự đoán ông sống vào nửa đầu TK 16, là học trò giỏi của Tuyết giang phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm. Chế độ pk nhà Hậu Lê sau một thời kì phát triển rực rỡ cuối thế kỉ 15 đã bắt đầu lâm vào khủng hoảng, chính sự suy yếu, tập đoàn phong kiến Lê- Trịnh – Mạc tranh giành quyền lực gây loạn lạc liên miên. Chán nản trước thời cuộc, lại ảnh hưởng từ thầy học, sau khi đi hương cống Nguyễn Dữ làm quan một năm rồi ở ẩn vùng rừng núi Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của người trí thức đương thời. - Truyện truyền kì thường mô phỏng những cốt truyện dân gian hoặc dã sử vốn được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân (cũng có khi cốt truyện là của Trung Quốc nhưng lại được phát triển trên cơ sở bối cảnh của xã hội Việt Nam. Hầu hết các nhân vật đều là người nước ta, sự việc diễn ra hầu hết ở nước ta). Chuyện người con gái Nam Xương là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của truyền kì mạn lục, có nguồn gốc từ một truyện dân gian trong “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam ” được gọi là truyện “ Vợ chàng Trương”-> Có thể nói Nguyễn Dữ đã gửi gắm vào tác phẩm những tâm tư, tình cảm, nhận thức và khát vọng của người trí thức có lương tri trước những vấn đề lớn của thời đại, của con người. Cái chết bi thảm của Vũ Nương đã từng làm rung động bao tâm hồn thi sĩ, để lại nhiều bài thơ viếng Vũ Thị rất hay như bài thơ của Lê thánh Tông trong phần đọc thêm – Sgk tr/52.	+ Truyền kì mạn lục(Sgk- 49) Gồm 20 truyện. Viết bằng chữ Hán. + Truyện thứ 16 của tập "Truyền kỳ mạn lục" + Nhân vật mà Nguyễn Dữ lựa chọn để kể: Những người phụ nữ, tri thức, ở đây là Vũ Nương.

- Tác phẩm được chuyển thể thành vở chèo " Chiếc bóng oan khiên" **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** cho học sinh xác định giọng đọc : Đọc chính xác, rõ ràng, giọng điệu kêu gọi thống thiết (chú ý con số, thuật ngữ, tên riêng). *** Giáo viên** yêu cầu HS đọc bài ? Tìm hiểu chú thích từ 1 đến 6? ? Văn bản được viết theo phương thức nào ? ? Truyện kể về ai? Kể về việc gì? ? Truyện có thể chia làm mấy đoạn? Nêu ý từng đoạn ? Tóm tắt ngắn gọn Chuyện người con gái Nam Xương - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Hs tóm tắt truyện: + Trương Sinh và Vũ Nương lấy nhau, đang sum họp đầm ấm, đất nước xảy ra nạn binh đao, Trương Sinh phải đi lính, Vũ Nương ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi con nhỏ. Để dỗ con, nàng thường chỉ vào cái bóng của mình trên tường và bảo là cha nó. Khi Trương Sinh trở về thì con đã biết nói. đứa bé ngây thơ kể với Trương Sinh về chuyện người cha đêm đêm đến với mẹ con nó. Chàng nổi máu ghen mắng nhiếc vợ thậm tệ rồi đánh đuổi vợ đi khiến nàng phẫn uất chạy ra bến Hoàng Giang đâm đầu xuống sông tự tử. Khi hiểu ra nỗi oan của vợ, Trương Sinh đã lập đàn giải oan cho vợ ở nơi ấy.Bến sông hiện nay ở Lí Nhân – Hà Nam vẫn còn đền thờ Vũ Nương. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**B. Đọc hiểu văn bản:** 1. Đọc- chú thích: 2. Bố cục: + PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm + Bố cục : 3 phần

GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Đặc trưng của văn bản tự sự trung đại Việt Nam nổi bật là: cách xây dựng tình huống truyện như kịch,các tình tiết tiêu biểu xoay quanh các nhân vật chính chứ không phải ở ngôn từ + Câu chuyện kể về số phận oan nghiệt của người phụ nữ có nhan sắc, có đức hạnh dưới chế độ phong kiến, chỉ vì một lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng-> Tự kết liễu cuộc đời mình. Tác phẩm còn thể hiện mơ ước ngàn đời của nhân dân: Người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, dù chỉ là ở một thế giới huyền bí. Bố cục : + Đoạn 1: Từ đầu đến "lo liệu như cha mẹ đẻ mình" -> Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách và phẩm hạnh của nàng. + Đoạn 2: Tiếp đến " đã qua rồi" -> Nỗi oan khuất và cái chết bị thảm của Vũ Nương. + Đoạn 3: Còn lại -> Vũ Nương được giải oan. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương** **a. Mục tiêu:** HS nắm được vẻ đẹp về phẩm chất, tính cách của Vũ Nương. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV phân công HS thảo luận theo nhóm:** **Nhóm 1:** ? Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh khác nhau n.t.nào? ? Vũ Nương được giới thiệu n.t.nào? ? Qua cách giới thiệu của tác giả, em thấy Vũ Nương là người như thế nào? Cách giới thiệu của tác giả về nhân vật chính như thế nào? **Nhóm 2 :** ? Vũ Nương xử sự n.t.nào trong cuộc sống trước tính hay ghen của T.Sinh? ? Em hãy tìm chi tiết miêu tả cử chỉ, lời nói của Vũ Nương khi tiễn chồng đi lính ?	3.Phân tích: a Vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương: + Tính cách: Thùy mị, nết na + Ngoại hình: xinh đẹp

? Qua cử chỉ và lời dặn dò ấy giúp em hiểu gì về tình cảm của Vũ Nương với chồng ? **Nhóm 3 :** ? Khi Trương Sinh đi vắng, tình cảm của nàng đối với chồng được thể hiện qua câu văn nào? ? Em hiểu tâm trạng của nàng lúc đó ra sao? ? Qua đó ta thấy tình cảm của Vũ Nương đối với chồng ntn? ? Khi chàng ra trận, ở nhà nàng đối xử với mẹ chồng ra sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Vũ Nương ý thức được thân phận mình xuất thân từ con nhà kẻ khó. Nàng ý tứ, cư xử đúng mực, nết na hiền dịu. Vì vậy hạnh phúc gia đình vẫn được bảo vệ. + Những cử chỉ và lời dặn dò đầy tình nghĩa thể hiện sự thông cảm trước nỗi vất vả mà chồng sẽ phải chịu đựng vừa nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình. ***Giáo viên bình:** Câu văn biền ngẫu như nhịp đập của trái tim. Trái tim ấy giàu tình yêu thương, biết chịu đựng, chờ đợi để yên lòng người đi xa, thật đáng trân trọng. Trong những ngày tháng xa chồng, tình cảm của nàng lại càng đáng trân trọng hơn. **Hoạt động 4: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu nỗi oan của Vũ Nương** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo phiếu học tập** ? Khi chồng trở về, Vũ Nương bị nghi oan ntn?	* Đối với chồng: + Thuận hòa, giữ gìn khuôn phép để cuộc sống gia đình êm đẹp. + Khi chồng ra trận: Lo lắng, ân cần, cảm thông, thủy chung -> Sử dụng câu văn biền ngẫu => Tình cảm yêu thương chồng tha thiết, mong mỏi cuộc sống bình yên * Đối với mẹ chồng & con trai: + Lấy lời ngọt ngào khuyên lơn, lo thuốc thang, chăm sóc khi mẹ chồng ốm đau. + Lo ma chay chu đáo khi mẹ chồng mất. + Đối với con trai: Nuôi dạy, chăm sóc, an ủi khi cha vắng nhà

? Nguyên nhân dẫn tới bi kịch của Vũ Nương? ? Những yếu tố nào đã khiến cho tính đa nghi của Tr. Sinh trở nên mù quáng? ? Vũ Nương đã làm gì khi bị chồng nghi oan? *** GV yêu cầu HS :** Hãy đọc những lời thoại của Vũ Nương và phân tích ý nghĩa từng lời thoại đó? ? Kịch tính truyện được đẩy lên cao hơn bởi hành động nào của Vũ Nương? ? Vì sao Vũ Nương phải tìm đến cái chết? ? Qua bi kịch của Vũ Nương, em có suy nghĩ gì về số phận của người phụ nữ xưa?	=> Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh,đảm đang, hiếu thảo, thủy chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình, rất mực yêu thương con.(nàng hội tụ các phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ xưa: công- dung- ngôn -hạnh)
? Em có nhận xét gì, suy nghĩ gì về hành động tự trẫm mình xuống dòng sông tự vẫn của Vũ nương	*. Nỗi oan của Vũ Nương: + Nguyên nhân: Trương Sinh ghen tuông, ngờ vực. đa nghi vợ không thủy chung
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức và bổ sung:	+ Hành động của Vũ Nương: Phân trần, thanh minh để hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. + Đau đớn, thất vọng, không thể thanh minh =>Tự vẫn để bảo toàn danh dự, nhân phẩm
*** Giáo viên liên hệ với số phận người phụ nữ Vn qua khi xưa:** thơ H.X.Hương " Bảy nổi ba chìm với nước non, rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn. + Truyện Kiều: Đạm Tiên:tài sắc khi chết đi nấm mồ vô chủ, không ai hương khói,tài sắc vẹn toàn như T.Kiều mà 15 năm lưu lạc, bị dập vùi,chìm nổi... => Có thể nói hạnh phúc gia đình là điều quí giá nhất đối với nàng, là điều nàng sẵn sàng hi sinh mọi thứ để đánh đổi, nàng hết chăm lo vun đắp hạnh phúc nhưng giờ đều tan vỡ, nàng không thể cứu vãn trước người chồng đa nghi, bảo thủ và độc đoán như Trương Sinh. + Hành động tự vẫn là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. + Đây không phải là hành động bột phát như truyện cổ tích miêu tả (Vũ Nương chạy một mạch ra bến H.Giang đâm đầu xuống nước) Mà đây là hành động có sự chỉ đạo của lí trí, có sự chuẩn bị, sắp đặt và cũng thể hiện dụng ý của nhà văn. → Đây là một hiện tượng không hiếm trong văn học mà thực tế đời sống xã hội phong kiến sau này trong	=> Phản ánh sự bế tắc, vô vọng của Vũ Nương. Tố cáo XHPK nam quyền, xem trọng quyền uy của người giàu. ->Thể hiện niềm cảm thông của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ

truyện Kiều của Nguyễn Du -> Nàng Kiều cũng trẫm mình xuống sông Tiền Đường khi quá đau khổ. *** Giáo viên kết luận:** Vũ Nương - người phụ nữ đáng thương, đáng trân trọng. Với nàng, không còn con đường nào khác, nàng đã hành động quyết liệt nhất sau bao đắng cay, giãi bày, đấu tranh và van nài. Còn ngày nay, nếu ai đó bị rơi vào hoàn cảnh tương tự chắc sẽ không như V.N - tìm đến cái chết tuyệt vọng, mà phải bình tĩnh kiên trì, tìm mọi cách bằng lời nói, việc làm cụ thể để tự bảo vệ, minh oan cho mình, chống lại tất cả bất công phi lý, độc đoán, nhẫn tâm.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Qua phần 1 em hãy làm rõ phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh, hiếu thảo, thủy chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình (dẫn chứng)

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm tiểu sử tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

+ Học thuộc lòng tóm tắt văn bản "Chuyện người con gái Nam Xương

+ Soạn tiếp phần còn lại của văn bản.

(Đọc kĩ một lần toàn bộ văn bản, phân tích Nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh, bé Đản=> ý nghĩa tố cáo qua nhân vật Trương Sinh)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 4 - Tiết 17: (Tiếp)

Văn bản: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Trích: "Truyền kỳ mạn lục"Nguyễn Dữ)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

+ Hiện thực về số phận người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

+ Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể truyện.

+ Mối liên hệ giữa tác phẩm và Vợ chàng Trương.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: Trình bày, suy nghĩ, nhận xét đánh giá, liên hệ thực tế

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Sưu tầm Tác phẩm Truyền kì mạn lục"(bản dịch của Ngô Văn Triện) sưu tầm ảnh đền thờ Vũ Nương bên sông Hoàng Giang.

+ Tham khảo các tư liệu có liên quan:

+ Chân dung Nguyễn Dữ

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kỹ văn bản, tìm hiểu các nội dung đã được hướng dẫn ở tiết trước. Soạn bài theo câu hỏi SGK, thêm phần tóm tắt, tìm hiểu thêm tác giả, tác phẩm Truyền kì mạn lục, các tác phẩm có cùng nội dung tư tưởng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv cho học sinh xem hình ảnh: Chiếc bóng trên tường. GV đặt câu hỏi: Hình ảnh này khiến em liên tưởng đến điều gì?

GV: Điều gì khiến em cười khi xem vi deo

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

HS: sự hồn nhiên, ngây thơ, đáng yêu của em bé

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trẻ em luôn có những cái nhìn, suy nghĩ rất ngây ngô, đáng yêu khiến người lớn phải bật cười. Tuy nhiên, có đôi lúc, sự ghen tuông, ích kỉ, mù quáng của người lớn đã che đi lí trí khiến người lớn hiểu sai sự những lời nói ngây thơ của con trẻ khiến cho nó không còn là niềm vui nữa mà là nguồn cơn của những bất hạnh, đau thương, oan trái. Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của đoạn trích " Chuyện người con gái Nam Xương để thấy được điều này.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chi tiết chiếc bóng** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV đặt câu hỏi:** Sau khi Vũ Nương tự vẫn Trương Sinh biết vợ bị oan nhờ chi tiết nào? **?**Em hãy phân tích ý nghĩa của cái bóng (được nhắc lại nhiều lần) trong tác phẩm? ? Vũ Nương bị nghi oan vì cái bóng và được minh oan cũng nhờ cái bóng. Theo em chi tiết này có phải là tình tiết trung tâm của câu chuyện không? Vì sao? ? Vậy cái bóng thể hiện tài năng gì của nhà văn Nguyễn Dữ ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Trương sinh biết được sự thật**: nhờ chi tiết cái bóng **Ý nghĩa chi tiết:** + Với bé Đản: Là người đàn ông xa lạ + Đối với Vũ Nương: Là nguyên nhân dẫn đến nỗi oan + Đối với T.Sinh: Là bằng chứng về sự hư hỏng của vợ, là sự thật về tội lỗi mình gây ra cho vợ. → đây là chi tiết đặc sắc. Nếu không có nó sẽ theo tình huống khác, bi kịch sẽ kém hấp dẫn. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** + Chi tiết chiếc bóng là chi tiết nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn trong truyện lên đỉnh điểm thắt nút là cái bóng mà cởi nút cũng là cái bóng *** Giáo viên:** Vũ Nương dùng cái bóng để dỗ con, cho nguôi nỗi nhớ chồng nhưng mang tai hoạ.Cái bóng	* chi tiết chiếc bóng + Với bé Đản: Là người đàn ông xa lạ + Đối với Vũ Nương: Là nguyên nhân dẫn đến nỗi oan + Đối với T.Sinh: Là bằng chứng về sự hư hỏng của vợ, là sự thật về tội lỗi mình gây ra cho vợ. ->Chi tiết đặc sắc. Nếu không có nó sẽ theo tình huống khác, bi kịch sẽ kém hấp dẫn. -> Đó là nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn trong truyện lên đỉnh điểm thắt nút là cái bóng mà cởi nút cũng là cái bóng

xuất hiện lần 2 lại để gieo oan và để giải oan cho nàng .Thầy Vũ Hiền Lương đã có bài thơ " Bóng gieo oan rồi bóng lại giải oan Con người thực cả hai đều đau khổ Chuyện đời xưa ngàn năm sau còn nhớ Bởi mỗi người đều có bóng mang theo" **Hoạt động 2: Tìm hiểu khi Vũ Nương sống dưới thuỷ cung** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu Hs thảo luận theo cặp đôi các câu hỏi:** ? Tóm tắt phần Vũ Nương sống dưới thuỷ cung? ? Khi gặp Phan Lang ở dưới thuỷ cung Vũ Nương đã nói gì? ? Qua đó cho ta hiểu thêm vẻ đẹp nào của Vũ Nương? ? Vũ Nương nhắn gửi Phan Lang với Trương Sinh lập đàn... nhưng cuối cùng chỉ hiện về trên sông nước nói vọng vào chi tiết đó có ý nghĩa gì? ? Vũ Nương trở về được miêu tả như thế nào? ? Em có nhận xét gì về các chi tiết: Vũ Nương sống dưới thuỷ cung, gặp Phan Lang, trở về? ? Cách thức đưa các yếu tố kì ảo vào trong truyện của Nguyễn Dữ? Tác dụng của nó? ? Qua việc xây dựng nhân vật cho ta thấy thái độ của tác giả đối với nhân vật Vũ Nương? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV** bổ sung: Cách thức đưa các yếu tố kì ảo vào trong truyện của Nguyễn Dữ và tác dụng:	* Vũ Nương sống dưới thuỷ cung: + Luôn nhớ chồng con, quê hương-> Bao dung, vị tha, ân nghĩa, nặng lòng với gia đình, khao khát được phục hồi danh dự. + Các yếu tố kì ảo đan xen yếu tố thực (điểm sáng tạo của Nguyễn Dữ) để hoàn chỉnh những nét đẹp của nhân vật tạo kết thúc có hậu thể hiện ước mơ về sự công bằng, về sự bất tử của cái thiện, cái đẹp của nhân dân.

+ Các yếu tố được đưa vào xen kẽ với nhiều yếu tố thực về địa danh đò Hoàng Giang, ải Chi Lăng, thời đại nhà Hồ, quân Minh x.lược... ->Thế giới kì ảo lung linh mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy. + Tạo kết thúc có hậu, thể hiện ước mơ của nhân dân: Khát khao được phục hồi danh dự, nhân phẩm. + Thức tỉnh người đọc: Chỉ vì sự ghen tuông mù quáng, vì sự hồ đồ, vũ phu mà kẻ làm chồng đã đẩy một người vợ thủy chung, đức hạnh đến chỗ chết oan ức. => Câu chuyện trước sau vẫn là bi kịch của người phụ nữ trong chế độ xã hội cũ. **Hoạt động 3: Tìm hiểu nhân vật Trương Sinh** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu Hs thảo luận theo cặp đôi các câu hỏi:** ? Phần đầu truyện, cuộc hôn nhân của T.Sinh và Vũ Nương được giới thiệu ntn? ? Việc tác giả đưa chi tiết trên ở phần đầu truyện có dụng ý nghệ thuật gì ? *** GV** gọi hs đọc "Qua năm sau ... việc đã qua rồi ". ? C/tranh kết thúc,Trương Sinh trở về,đã có điều gì xảy ra trong gia đình chàng? Tâm trạng của chàng lúc này ra sao? ? Trong h/cảnh và tâm trạng như vậy lời nói của bé Đản có tác động ntn đến Trương Sinh ? Hãy phân tích ? ? Từ sự nghi ngờ Trương Sinh đã có lời nói và hành động đối với Vũ Nương ntn? ? Qua cách xử sự em thấyTrương Sinh là người ntn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi**	=> Thái độ của tác giả: Ca ngợi người phụ nữ tiết hạnh, phê phán sự ghen tuông mù quáng. b Nhân vật Trương Sinh: + Đa nghi, vô học, độc đoán + Hành động nông nổi, hồ đồ, vũ phu, thô bạo => là hiện thân của chế độ phụ quyền bất công. ->Thái độ của tác giả: Phê phán sự ghen tuông mù quáng.

Khi nghe lời nói của bé Đản, Trương Sinh đã thể hiệ tâm trạng: + Thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả. + Lời nói ngây thơ đã gieo vào lòng Tr.Sinh mối nghi nghờ không thể giải tỏa được. -> Trương Sinh đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được. Chàng không đủ bình tĩnh để phán đoán. Đến đây kịch tính câu chuyện lên đến đỉnh điểm. **Tâm trạng của TS:** + La um cho hả giận . + Giấu không kể lời con nói, chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, đánh đuổi đi. + Không thay đổi kể cả khi họ hàng làng xóm biện bạch cho nàng. + Mà đáng giận hơn cái chết của Vũ nương vẫn không làm cho Trương Sinh tỉnh ngộ để tin nàng trong sạch mà chỉ động lòng thương. → Nhận xét: + Nghe lời con trẻ một cách hồ đồ cùng chế độ nam quyền độc đoán đã dẫn đến cái chết đầy oan khuất của người p/nữ đức hạnh. + Cái chết của Vũ Nương là lời tố cáo đanh thép chế độ PK. Người phụ nữ như Vũ Nương lẽ ra phải được hưởng h/phúc trọn vẹn nhưng XHPK đã đối xử với họ thật bất công **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. *** Giáo viên bổ sung:** Tác giả đi sâu m/tả nội tâm nhân vật. Đó là sáng tạo của Ng.Dữ trong thể loại truyền kỳ. Hiện lên từ đầu đến cuối một T.Sinh phàm phu tục tử, hồ đồ, thiển cận ... mối ngờ vợ ngoại tình ngày càng cao. Tác giả đã thể hiện tài năng của mình trong việc nắm bắt tâm lý n/v ở tình huống éo le. ***** Trương Sinh là hiện thân của chế độ nam quyền phong kiến bất công, sự độc đoán chuyên quyền đã làm tê liệt lí trí, đã giết chết tình người đã dẫn đến bi kịch. **Hoạt động 2: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.	

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi: ? Em hãy nêu giá trị nội dung của tác phẩm? ? Em hiểu gì về người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua nhân vật Vũ Nương ? ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật viết truyện của tác giả ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	4. Tổng kết: a. Nội dung- ý nghĩa: *Nội dung: + Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam=> Cảm thông với số phận đầy bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ. *Ý nghĩa: + Với quan niệm cho rằng hạnh phúc khi đã tan vỡ không thể hàn gắn được, truyện phê phán thói ghen tuông mù quáng và ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. b Nghệ thuật: + Khai thác vốn văn học dân gian. + Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kỳ.

	+ Sáng tạo nên một kết thúc tác phẩm không mòn sáo. c. Ghi nhớ: (SGK-51)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- Giáo viên phát phiếu thảo luận cho các nhóm lớn - 7 phút (sử dụng KN tự tin, trình bày một phút, giao tiếp, lắng nghe...)

Nhóm 1:

? Các hình ảnh: "bình rơi trâm gãy, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió" có ý nghĩa n.t.nào?

Nhóm 2:

? Hãy tìm những chi tiết khác nhau thể hiện sự sáng tạo của N.Dữ so với chuyện cổ tích?

Nhóm 3:

? Trong chuyện cổ tích, khi bị oan, Vũ Nương chạy ra sông tự tử. Còn trong Chuyện người con gái N.Xương , Vũ Nương tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang thề cùng trời đất rồi mới gieo mình xuống sông. Hai cách kể đó tạo nên ý nghĩa khác nhau n.t.nào?

Nhóm 4:

? Thân phận người phụ nữ xưa & nay khác nhau n.t.nào? Lấy ví dụ minh hoạ?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

Vẽ bản đồ tư duy khái quát văn bản Chuyện người con gái Nam Xương

- HS thực hiện theo nhóm bàn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc, tóm tắt lại văn bản, phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật.

+ Đọc thêm bài thơ của Lê Thánh Tông.

+ Tìm hiểu thêm về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục.

+ Nhớ được một số từ Hán Việt được sử dụng trong văn bản.

+ Chuẩn bị: Cách dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp:

Đọc kĩ các nội dung trong SGK, trả lời các câu hỏi, nghiên cứu bài tập, tập lấy ví dụ minh hoạ nội dung bài học (đặt câu, viết đoạn văn)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 4 - Tiết 18

Tiếng Việt: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.

+ Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo tư liệu soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ chép bài thơ: "Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông" - lớp 8, chuẩn bị các phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức về ẩn dụ, hoán dụ(lớp 6 tập 2), xem lại nghĩa của các từ ngữ in đậm trong Từ điển Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV nêu vấn đề: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh về hành động ném đá và một bài báo trên mạng XH nói về hiện tượng ném đá. Theo em, có sự liên quan gì giữa hai sự việc này không?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Ném đá ban đầu nó chỉ một hành động, nhưng sau này, đặc biệt là khi mạng xã hội phát triển thì nó lại có thêm một nét nghĩa khác như các em vừa chỉ ra. Từ đó, chúng ta có thể rút ra được môt kết luận là ngôn ngữ không ngừng biến đổi theo sự vận động của xã hội. Bài học hôm nay giúp ta hiểu được phần nào sự phát triển của từ vựng và các phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Phân tích ví dụ** **a. Mục tiêu:** hiểu được sự biến đổi và phát triển của từ ngữ **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** yêu cầu : Nhắc lại thế nào là ẩn dụ, hoán dụ? *** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm** **Nhóm 1,3 :** Ví dụ 1 Đọc bài thơ " Vào nhà ngục Quảng đông" của Phan Bội Châu *** GV** gọi học sinh đọc và trả lời câu hỏi : ? Câu " Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế ". Hãy cho biết từ " kinh tế" trong bài thơ này có nghĩa gì? ? Ngày nay chúng ta có hiểu nghĩa của từ này theo cách hiểu của cụ Phan Bội Châu nữa không? Em hiểu nghĩa từ này theo quan niệm ngày nay như thế nào? ? Tại sao lại có sự thay đổi đó? Nhóm 2,4 : Ví dụ 2 ? Hãy giải nghĩa từ " Xuân", " Tay" theo từ điển tiếng Việt ? ? Em hãy xác định trong trường hợp có nghĩa chuyển thì nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	**I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ:** 1.Phân tích VD/ SGK/55. * Ví dụ 1: Câu: " Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế " + Kinh tế: Hình thức nói tắt của "Kinh bang tế thế"-> trị nước cứu đời . + Ngày nay" Kinh tế" được hiểu: Toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra.

Kết quả mong đợi: **Nhóm 1,3 :** Từ " kinh tế" trong bài thơ : Có cách nói khác là" Kinh thế tế dân", nghĩa là trị đời cứu dân-> Cả câu thơ ý nói tác giả ôm ấp hoài bão trông coi việc nước, cứu giúp người đời. + Nghĩa cũ của từ kinh tế không còn được sử dụng nữa, thay vào đó là một nghĩa mới. + Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó có thể thay đổi theo thời gian, có những nghĩa cũ bị mất đi, và có những nghĩa mới được hình thành. ***Nhóm 2,4 :** + Xuân 1: Mùa chuyển tiếp từ Đông sang Hạ, thời tiết ấm dần lên, thường được coi là mở đầu của năm + Xuân 2: Năm dùng để tính thời gian đã trôi qua, hay tuổi của con người (cách nói văn chương) + Tay 1: Bộ phận phía trên của cơ thể người từ vai đến các ngón dùng để cầm nắm. + Tay 2: Người chuyên hoạt động hay giỏi về một môn, một nghề nào đó. Nghĩa chuyển được hình thành theo phương thức : + Xuân: Chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. + Tay: Chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ (lấy bộ phận chỉ toàn thể) → Là những từ nhiều nghĩa **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** - Ẩn dụ, hoán dụ là hiện tượng gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật,hiện tượng khác có nét tương đồng hoặc tương cận nhằm tăng sức gợi hình,gợi cảm cho sự diễn đạt. Là biện pháp tu từ làm xuất hiện nghĩa lâm thời của từ ngữ chỉ hiểu trong văn cảnh. Vậy ở lớp 6 ẩn dụ và hoán dụ chỉ có nghĩa lâm thời trong giao tiếp. Còn ở lớp 9 các ẩn dụ và hoán dụ là từ vựng học làm cho từ ngữ thêm nghĩa (được sử dụng phổ biến trong văn chương, giải thích trong từ điển) - Nghĩa của từ không phải là bất biến . Nó có thể thay đổi theo thời gian. Có nhiều nghĩa cũ bị mất đi & có những nghĩa mới được hình thành. Bên cạnh đó có những từ có thêm những nghĩa mới do sự phát triển của xã hội cũng như nhu cầu có thêm những nghĩa để	* Ví dụ 2: + "Xuân"1: Mùa xuân (nghĩa gốc) + " Xuân" 2: Thuộc về tuổi trẻ (nghĩa chuyển) + " Tay" 1: Bộ phận của cơ thể (nghĩa gốc). + " Tay" 2: Người chuyên giỏi về một môn, một nghề (nghĩa chuyển)

biểu thị sự vật mới, khái niệm mới. Chúng ta tiếp tục tìm hiểu những từ như thế. **Hoạt động 2: Tìm hiểu sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ** **a. Mục tiêu:** HS thấy được sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV** đặt câu hỏi: Dựa trê phần phân tích ví dụ, hãy cho biết: ? Qua phân tích ví dụ, em có nhận xét gì về sự phát triển của từ vựng? ? Trên cơ sở nào để từ ngữ có thể phát triển thêm nghĩa? ? Phương thức ẩn dụ, hoán dụ ở các ví dụ phần 2 có giống với biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ mà các em đã được học ở lớp 6? ? Giải thích? ? Dựa vào kết luận mà chúng ta vừa rút ra, hãy phân biệt đâu là ẩn dụ, hoán dụ từ vựng & đâu là ẩn dụ, hoán dụ tu từ? - **HS** tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức:** - Trên cơ sở nghĩa gốc, đóng vai trò quan trọng để từ vựng có thể phát triển thêm nhiều nghĩa. Hình thành các nghĩa mới cùng tồn tại với nghĩa gốc & có quan hệ với nghĩa gốc. Ví dụ: + Đầu: Bộ phận trên hết, trước hết của người, động vật, có chứa bộ óc. + Đầu đề: Bộ phận trên hết của văn bản + Đi đầu: Vị trí trước đoàn người	+ Từ vựng không ngừng được bổ xung và phát triển. + Một trong những cách phát triển từ vựng Tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng. + Có hai phương thức chủ yếu biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ: phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ.

+ Cứng đầu: chỉ thái độ bướng bỉnh, không dễ từ bỏ ý kiến riêng của mình để nghe theo người mà mình phải phục tùng. + Mụ đầu: chỉ khả năng tư duy trí tuệ kém Phương thức ẩn dụ, hoán dụ giống và khác với biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ mà các em đã được học ở lớp 6 : - Tuy đều là h.tượng gọi tên sự vật, h.tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng (ẩn dụ) hoặc có quan hệ tương cận (hoán dụ) + Nhưng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ chỉ làm xuất hiện nghĩa lâm thời của từ có tác dụng tạo sắc thái biểu cảm, diễn đạt sinh động => người ta gọi là ẩn dụ, hoán dụ tu từ học. + Còn phương thức ẩn dụ, hoán dụ làm cho từ nghĩa có thêm nghĩa mới (nghĩa chuyển) được ghi trong từ điển => ẩn dụ, hoán dụ từ vựng học *** Giáo viên kết luận:** Chúng ta có thể khẳng định rằng phát triển thêm ý nghĩa mới là một trong những con đường làm giàu từ vựng T.Việt. Theo con đường này, mặt ngữ âm của các đơn vị từ vựng vốn có vẫn giữ nguyên, nhưng mặt ngữ nghĩa lại biến đổi, phát triển, phong phú hơn nhiều. Muốn hiểu và sử dụng đúng nghĩa của các từ ngữ trong văn cảnh đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất, các em tự rèn cho mình thói quen tra từ điển, tìm nghĩa từ để dùng cho chính xác. Tránh các trường hợp chúng ta dùng sai từ ngữ vì chưa hiểu hết nghĩa của nó, gây buồn cười cho người nghe, đọc. **Hoạt động 3: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** HS nắm lí thuyết và vận dụng **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm:** **Nhóm 1: bài 1 ý a,b** **Nhóm 2: bài 1 ý c,d** **Nhóm 3,4: bài 2** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày.	2. Ghi nhớ: (SGK-56) **II. Luyện tập:**

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	**Bài tập số 1 (SGK- 56)** a, " Chân": nghĩa gốc: bộ phận dưới cùng của người hay động vật dùng để di chuyển. b, "chân": nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ-> chân con người biểu trưng cho cương vị, vị trí trong tập thể, tổ chức. c, "chân"-> chuyển theo p/thức ẩn dụ : Phần dưới cùng của đồ vật dùng để đỡ. d, "chân"-> chuyển theo p/thức ẩn dụ : Phần dưới cùng của đồ vật tiếp xúc với mặt đất. **Bài tập số 2: (SGK- 57)** + "Trà" trong trà A-ti-sô-> dùng với nghĩa chuyển: sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô dùng để pha nước uống. + Chuyển theo phương thức ẩn dụ. **Bài tập số 3 (SGK-57)** + Đồng hồ được dùng với nghĩa chuyển theo p/thức ẩn dụ-> Chỉ những khí cụ dùng để đo có bề ngoài giống đồng hồ: có chức năng dùng để đo. + Đồng hồ điện: Đo lượng điện tiêu thụ trong một thời gian nhất định. + Đồng hồ nước: Đo lượng nước tiêu thụ... + Đồng hồ xăng: Đo lượng xăng đã mua của khách hàng để tính tiền.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

Hãy phân biệt đâu là ẩn dụ, hoán dụ từ vựng & đâu là ẩn dụ, hoán dụ tu từ?

* Ví dụ 1 ;

a) Há m**iệng** ra nào cô bé

b) **Miệng** cốc

c) Nhà có năm **miệng** ăn
* Ví dụ 2:
a) Ngày ngày **mặt trời** đi qua trên lăng
Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ
b**) Áo chàm** đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.
* Ví dụ 1 ;
a) Há miệng ra nào cô bé => nghĩa gốc
b) Miệng cốc => nghĩa chuyển- ẩn dụ
c) Nhà có năm miệng ăn => nghĩa chuyển - hoán dụ.=> ẩn dụ, hoán dụ từ vựng học
* Ví dụ 2:
a) Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
b) Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.
=> Mặt trời - Bác Hồ (ẩn dụ)
Áo chàm - đồng bào Việt Bắc (hoán dụ)
=> Nhưng đây không phải là nghĩa ổn định của các từ đó (không có trong từ điển) mà nó chỉ có nghĩa tạm thời trong hoàn cảnh mà tác giả sử dụng.=> ẩn dụ tu từ
d) Tổ chức thực hiện:
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu: Tìm ví dụ về sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ có liên quan đến môi trường. Những từ mượn của nước ngoài về môi trường
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
+ Nghe yêu cầu.
+ Viết bài.
+ Trình bày cá nhân.
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học bài, hoàn chỉnh các bài tập.
+ Đọc một số mục từ trong từ điển và xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đó. Chỉ ra trình tự trình bày nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ trong từ điển.
+ Đọc và soạn "Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh"
(Tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh lịch sử khi tác phẩm ra đời, tóm tắt văn bản: Chiếc lá cuối cùng và sự việc trong đời sống) tìm bố cục, PTBĐ, các nội dung chính)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tiết 30:

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

- Biết và hiểu được thế nào là cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp.
- Biết và hiểu được thế nào là cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,…
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

3. Phẩm chất:

- Có ý thức giao tiếp phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích để đạt hiệu quả giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc kĩ SGK, SGV, chuẩn KTKN,
- Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo; chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập,…)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan
- Trả lời các câu hỏi trong SGK và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV nêu vấn đề:

Khi em được cô giáo phân công nhắc các bạn lịch đi học: Có thể truyền đạt thông tin bằng hai cách

+ Cách 1: Cô giáo nhắc : " Đúng 14 giờ lớp mình đi học"

+ Cách 2 : Chiều nay lớp mình đi học vào lúc 14 giờ, Cô giáo nhắc thế
Theo em, cách nào truyền đạt nguyên văn lời cô giáo, cách nào chỉ truyền đạt nôi dung chính mà cô giáo muốn nhắc
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
Cách 1: truyền đạt nguyên văn lời cô giáo
Cách 2 : chỉ truyền đạt nôi dung chính mà cô giáo muốn nhắc

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt: Cách 1 người ta gọi là cách dẫn trực tiếp, cách 2 người ta gọi là cách dẫn gián tiếp Vậy thế nào là cách dẫn trực tiếp, thế nào là cách dẫn gián tiếp bài ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân và những hậu quả của nó** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV:** Chiếu bảng phụ – ngữ liệu/SGK và yêu cầu HS đọc ngữ liệu *** HS thảo luận nhóm bàn và trả lời câu hỏi:** ? Hãy cho biết các từ in đậm trên bảng trong các ngữ liệu a,b thì: 1.Phần in đậm nào là lời nói được phát ra thành lời? Vì sao em xác định như vậy? Phần gạch chân nào là ý nghĩ trong đầu? Vì sao em xác định như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	**I. Cách dẫn trực tiếp**: (7') 1. Phân tích ngữ liệu /sgk: a- Lời nói b- ý nghĩ.

- Phần in đậm trong ngữ liệu a là lời nói được phát ra thành lời vì trước nó có từ "nói". - Phần in đậm trong ngữ liệu b là ý nghĩ trong đầu vì trước nó có từ "nghĩ". **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV chuẩn kiến thức:** Phần in đậm trong ngữ liệu a được gọi là dẫn lời nói, ngữ liệu b là dẫn ý nghĩ. - Dẫn lời nói: Là ý nghĩ đã được nói ra (lời nói bên ngoài). - Dẫn ý nghĩ: Là lời nói chưa được nói ra (lời nói bên trong). → Nội dung các từ in đậm được nhắc lại một cách nguyên vẹn. GV **Lưu ý:** Ngoài ra lời đối thoại của các nhân vật cũng được xem là lời dẫn trực tiếp Ví dụ: "Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó khẽ hỏi: - Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai? - Là con thầy mấy lị con u Thế nhà ta ở đâu? - Nhà ta ở làng chợ Dầu" (Làng – Kim Lân) **Hoạt động 2: Tìm hiểu cách dẫn gián tiếp** **a. Mục tiêu:** HS hiểu được các dẫn gián tiếp **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV đặt câu hỏi: *** GV** chiếu ngữ liệu và yêu cầu HS đọc NL a) Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó **hãy dằn lòng bỏ đám này, để dùi giắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ.** (Nam Cao, Lão Hạc) b) Nhưng chớ hiểu lầm rằng **Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật**	-> được dẫn nguyên văn, đặt trong dấu ngoặc kép và đứng sau dấu hai chấm. -> Dẫn trực tiếp. 2.Ghi nhớ: SGK/54 **II. Cách dẫn gián tiếp**: (8') 1.Phân tích ngữ liệu /sgk:

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại) **- GV đặt câu hỏi:** ? Phần in đậm trong VD a, b đâu là lời nói, đâu là ý nghĩ? Vì sao em khẳng định như vậy? ? Các từ đó được dẫn ntn? (Có giữ nguyên lời nói của nhân vật không?) ? Các từ đó được tách ra khỏi phần đứng trước nó bằng dấu hiệu gì? ? Có thể thay từ "rằng" bằng từ "là" được không? ? Cách dẫn như 2 VD trên gọi là cách dẫn gián tiếp. Vậy em hiểu thế nào là dẫn gián tiếp? - HS: Đọc ghi nhớ. **Nhiệm vụ 2:** HS thảo luận nhóm: (2 bàn 1 nhóm- dùng phiếu học tập) - Thời gian: 2 phút - Yêu cầu: Nắm được điểm giống và khác nhau giữa lời dẫn trực tiếp và lời dãn gián tiếp . Biết cách chuyển từ lời dẫn trực tiếp sang lời dãn gián tiếp và ngược lại **- Phân công:** **Nhóm 1:** Em hãy so sánh điểm giống và khác nhau giữa dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp **Nhóm 2+3:** Em hãy nêu cách chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp. Lấy ví dụ minh họa - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhiệm vụ 1:** - VD a là lời nói. Đây là DN 1 lời khuyên vì trước nó có từ "khuyên" trong lời người dẫn. - VD b là ý nghĩ vì trước nó có từ "hiểu". - Các từ được dẫn có sự điều chỉnh. - Dấu hiệu: + VD a: Không có dấu hiệu gì. + VD b: Trước nó có từ "rằng". - Có thể thay "rằng" = "là". **Nhiệm vụ 2:** HS các nhóm tự lấy ví dụ **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	- Dẫn lời nói, ý nghĩ có sự điều chỉnh không đặt trong ngoặc kép, trước nó có từ "rằng" ("là"). -> Dẫn gián tiếp. 2. Ghi nhớ: SGK/56

Cách chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:

1/Bỏ dấu hai chấm, dấu ngoặc kép.

2/chuyển chủ ngữ ở lời dẫn trực tiếp theo ngôi thích hợp.

*** GV đưa thêm ví dụ :**

-Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói : "Chỗ này là chỗ con ta ở được đây."

=> Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói rằng đây là chỗ con bà ở được.

So sánh cách dẫn

Dẫn trực tiếp	**Dẫn gián tiếp**
Giống : Đều là dẫn lời nói hay ý nghĩ của một người, một nhân vật	
- Dẫn nguyên văn. - Đặt trong dấu ngoặc kép.	- Thuật lại có điều chỉnh. -Không đặt trong dấu ngoặc kép.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

GV phân công :

Nhóm 1,3 : bài 1/trang 56

Nhóm 2,4 : bài 2/trang 56

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

III. Luyện tập

Bài 1/trang 56

a. Dẫn ý: dẫn trực tiếp.

b. Dẫn ý: dẫn trực tiếp

Bài 2/trang 56

a: Dẫn trực tiếp: Trong báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chúng ta phải…".

+ Dẫn gián tiếp: Trong báo cáo chính trị Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng chúng ta phải…

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung, NT và ý nghĩa của văn bản Đấu tranh cho một thế giới hoà bình

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

*** Hướng dẫn học ở nhà**

- Học thuộc ghi nhớ.

-Hoàn chỉnh các bài stập.

*** Hướng dẫn chuẩn bị cho bài sau:**

- Đọc, trả lời câu hỏi bài: Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự

+ Ôn lại thế nào là tóm tắt văn bản tự sự .(lớp 8)

+ Cách tóm tắt văn bản tự sự (Trả lời câu hỏi SGK.)

+ Tóm tắt các văn bản đã học và sẽ học trong chương trình Ngữ văn 9.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Đọc thêm: **CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

(Trích: "Vũ Trung tuỳ bút")

Phạm Đình Hổ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Sơ giản về thể văn tùy bút thời trung đại.

+ Cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê-Trịnh

+ Những đặc điểm nghệ thuật của một văn bản viết theo thể loại tùy bút thời kì trung đại ở "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh"

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh lòng căm ghét thói xa hoa, sự nhũng nhiễu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Đọc tham khảo "Các triều đại phong kiến VN" về chúa Trịnh Sâm

+ Tích hợp tác phẩm "Thượng kinh kí sự" của Lê Hữu Trác

* Học sinh: Đọc và tóm tắt kỹ văn bản.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và tóm tắt kỹ văn bản.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hỏi học sinh:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Cùng viết về những năm tháng cuối cùng của triều đình Lê-Trịnh, cùng phê phán sự xa hoa hưởng lạc của Chúa, sự tham nhũng, lộng hành thối nát của đám quan lại thừa cơ đục nước béo cò, nếu " Hoàng Lê nhất thống chí" chọn thể loại tiểu thuyết lịch sử, Lê Hữu Trác chọn thể kí sự (Thượng kinh kí sự) thì Phạm Đình Hổ chọn thể tuỳ bút với cốt truyện đơn giản, kết cấu bố cục tự do tuỳ theo cảm xúc mà ghi chép những điều mắt thấy tai nghe. " Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh" là một trong 88 mẩu chuyện nhỏ mà tác giả tuỳ theo ngọn bút viết trong mưa một cách tự nhiên, thoải mái, chân thực xen những lời bình chú ngắn gọn. Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung của văn bản này trong giờ học hôm nay.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Hãy nêu vài nét cơ bản mà em biết về tác giả? ? " Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh" trích từ tác phẩm nào ? Em hiểu gì về tác phẩm này ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	**A.Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: + Phạm Đình Hổ (1768–1839) tục gọi Chiêu Hổ-Quê Hải Dương. + Là một nho sĩ mang tâm sự bất đắc chí vì không gặp thời. + Để lại một số lượng sáng tác rất đồ sộ, vừa có ý nghĩa văn học vừa có ý nghĩa xã hội 2. Tác phẩm: + "Vũ trung tuỳ bút" (SGK-) + "Chuyện cũ...Trịnh" là một trong những áng văn xuôi giàu chất hiện thực.Ghi chép về cuộc sống và sinh hoạt ở phủ Chúa thời Trịnh Sâm.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** + Phạm Đình Hổ là một nho sĩ sống trong thời chế độ phong kiến đã khủng hoảng trầm trọng nên có tư tưởng muốn ẩn cư và sáng tác những tác phẩm văn chương khảo cứu về nhiều lĩnh vực. Ông đã để lại nhiều công trình biên soạn khảo cứu có giá trị thuộc đủ các lĩnh vực: Văn học, triết học, lịch sử, địa lí... bằng chữ Hán. Là bạn thơ rất thân của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, cũng từng có mặt trong nhiều bài thơ của bà. + "Vũ trung tuỳ bút" là tập tuỳ bút đặc sắc được viết khoảng đầu thời Nguyễn, đề cập đến nhiều vấn đề của đời sống như nghi lễ, phong tục, tập quán, những sự việc xảy ra trong đời sống, những nghiên cứu về địa lí, lịch sử, xã hội. * Giáo viên bổ sung: Vũ trung tuỳ bút là một tác phẩm văn xuôi ghi lại một cách sinh động, hấp dẫn hiện thực đen tối của lịch sử nước ta thời đó, cung cấp những kiến thức về văn hoá truyền thống (Lối chữ viết, cách uống chè, Khoa cử, Cuộc bình văn trong nhà Giám...), về phong tục (Lễ đội mũ, Hôn lễ, Lễ tế giao, Phong tục...) Tác phẩm không chỉ có giá trị văn chương đặc sắc mà còn cung cấp những tàu liệu quý về lịch sử, địa lí, xã hội học. +“ Chuyện cũ....Trịnh” ghi chép về cusống và sinh hoạt ở phủ Chúa thời Thịnh vương Trịnh Sâm (1742 – 1782), một vị chúa nổi tiếng thông minh quyết đoán và kiêu căng xa xỉ, càng về cuối đời càng bỏ bê triều chính, đắm chìm trong xa hoa hưởng lạc cùng Tuyên phi Đặng Thị Huệ. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Giáo viên nêu yêu cầu đọc: Giọng bình thản, chậm rãi, hơi buồn, hàm ý phê phán kín đáo.	**B. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản:** 1. Hướng dẫn đọc- Chú thích:

GV đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở: ? Văn bản này được viết theo thể loại gì ? ? Em hiểu thể văn tuỳ bút là như thế nào ? ? Em hãy tìm các PTBĐ được sử dụng trong văn bản? ? Theo em, văn bản này có thể được chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Tuỳ bút: Một loại bút kí thuộc thể loại tự sự nhưng cốt truyện đơn giản (thậm chí không có chuyện), kết cấu tự do, tả người, kể việc và trình bày cảm xúc ấn tượng của người viết. Bố cục: + Đoạn 1: Từ đầu...triệu bất tường-> Cuộc sống xa hoa hưởng lạc của Chúa Trịnh Sâm. + Đoạn 2: Còn lại-> Nói về bọn quan lại hầu cận trong phủ Chúa. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu Cuộc sống hưởng thụ của Trịnh Sâm** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi lại đoạn văn đầu tiên. **GV đặt câu hỏi,** ? Qua việc theo dõi đoạn văn bản đầu tiên em nhận xét gì về thói ăn chơi của Chúa Trịnh Sâm? ? Nó có phải là thói ăn chơi bình thường không? ? Tác giả làm rõ thói ăn chơi xa xỉ đó bằng việc chỉ ra những thú vui nào của Trịnh Sâm? ? Để thoả mãn thú vui đó, Chúa Trịnh Sâm đã làm gì?	2. Hướng dẫn tìm hiểu bố cục: + Thể loại: Tuỳ bút + PTBĐ:Tự sự + miêu tả+ biểu cảm + Bố cục: 2 phần. 3. Hướng dẫn phân tích: a. Cuộc sống hưởng thụ của Trịnh Sâm:

? Em có nhận xét gì về cách miêu tả những cuộc dạo chơi của Chúa trên bờ Tây Hồ? Hãy tìm những chi tiết miêu tả đó? ? Qua đó em có nhận xét gì về những cuộc dạo chơi của Chúa? ? Ngoài những thông tin trong tác phẩm, em hiểu gì về cuộc sống đế vương của Trịnh Sâm? ? Không chỉ có thế thú vui chơi chậu hoa cây cảnh của Chúa được ghi lại như thế nào ? ? Em hiểu trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch là như thế nào? ? Chúa đều " sức" thu lấy có nghĩa là như thế nào ? ? Sau khi thu được những cây quí và lạ, Chúa cho vận chuyển về bằng cách nào ? ? Theo em, việc làm của Chúa Trịnh Sâm để thoả mãn những thú vui đó thực chất là việc làm như thế nào ? ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả của tác giả trong đoạn văn trên? ? Từ phân tích trên , em có nhận xét gì về cuộc sống ở phủ Chúa Trịnh ? Cuộc sống tất yếu ấy sẽ dẫn tới điều gì ? ? Dựa vào thế Chúa, bọn quan lại hầu cận đã nhũng nhiễu dân bằng những thủ đoạn nào? ? Em hiểu "phụng thủ" là gì ? + Lấy để dâng lên Vua Chúa ? Đêm đến, bọn quan lại, hầu cận đã sách nhiễu dân lành như thế nào? ? Theo em vì sao bọn chúng lại có thể làm được như vậy? ? Tác giả kết thúc bài tuỳ bút bằng cách ghi lại một sự việc có thực đã xảy ra ngay trong nhà mình đó là việc gì? Mục đích của việc ghi lại ấy là gì? ? Em có nhận xét gì về cách ghi chép sự việc, sử dụng từ ngữ của tác giả? ? Qua phân tích trên, hình ảnh bọn quan lại hiện lên như thế nào dưới nhà bút của nhà văn ? ? Theo em tác giả đã khéo léo gửi gắm cảm xúc gì ở đây? ? Qua văn bản trên, em hiểu gì về bộ mặt Vua Chúa và quan lại dưới thời Lê-Trịnh ?	- Thói ăn chơi xa xỉ được biểu hiện ở hai thú vui: + Thú chơi đèn đuốc, bày đặt nghi lễ, xây dựng đề đài...-> ý nghĩa khách quan của sự việc cho thấy cuộc sống của nhà chúa thật xa hoa, vô độ. + Thú chơi trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: + Trịnh Sâm thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thuý. + Chúa Trịnh Sâm đã cho xây dựng nhiều đình đài, cung điện ở nhiều nơi, việc xây dựng đình đài cứ liên miên. + Khiến hao phí thời gian và tiền bạc của nhân dân, đất nước. → Nhận xét: + Được miêu tả rất tỉ mỉ. + Diễn ra thường xuyên (mỗi tháng 3-> 4 lần). + Huy động rất nhiều người hầu hạ (lính canh dàn hầu hết vòng quanh bốn mặt hồ) + Bày đặt những trò giải trí lố lăng và tốn kém... → Đó là những cuộc dạo chơi tốn kém, xa xỉ, xô bồ, thiếu văn hoá. Để chiều lòng Tuyên phi Đặng Thị Huệ, mỗi năm cứ đến tết trung thu, Trịnh Sâm lại tổ chức " Hội Long Trì" treo hàng ngàn chiếc đèn lồng, trông xa tưởng hàng vạn ngôi sao sáng, bày yến tiệc linh đình để vui chơi thoả thích thâu đêm suốt sáng, rất tốn kém. + Bao nhiêu loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở khắp chốn dân gian Chúa đều sức thu lấy không thiếu một thứ gì . + Chúa Trịnh Sâm dùng uy quyền để vơ vét của cải của nhân dân, cách ăn chơi rất công phu tốn kém mà lố bịch, sẵn sàng cướp đoạt những của quí trong thiên hạ để tô điểm nơi ở của Chúa. → Dự báo sự suy vong tất yếu của triều đại Lê- Trịnh-> triều đình Lê-Trịnh cứ thế mà suy vong... *** Giáo viên** bổ sung: Đặng Thị Huệ liên kết với Hoàng Đình Bảo phế truất Thái tử Trịnh Khải (Con trưởng	cảnh...Để thỏa mãn thú chơi, chúa cho thu lấy sản vật quý từ khắp kinh thành đưa vào trong phủ. + Vua chúa chỉ lo ăn chơi xa xỉ, không lo việc nước, dùng quyền lực để cướp đoạt của cải của dân lành. Đó là những kẻ tham lam bạo ngược…

Trịnh Sâm) để đưa Trịnh Cán (con Thị Huệ) làm Thái tử khi mới 5 tuổi. Sau khi Trịnh Sâm qua đời Trịnh Cán lên ngôi Chúa và bắt đầu xảy ra loạn kiêu binh. Trịnh Cán ngồi ở ngôi chúa chưa đầy 2 tháng bị tay chân của Trịnh Khải nổi loạn truất ngôi của Trịnh Cán. Hai mẹ con Đặng Thị Huệ không tránh khỏi cái chết. Trịnh Khải lên ngôi chưa đầy 4 năm lại có loạn khắp nơi. Nguyễn Huệ với danh nghĩa Phù Lê diệt Trịnh kéo quân ra Bắc Hà. Trịnh Khải bị bắt nộp cho quân Tây Sơn, trên đường đi y đã dùng dao tự tử. Nhà Trịnh tan rã. + Nghệ thuật miêu tả sinh động: Từ nghi lễ mà chúa bày đặt ra đến kì công đưa cây quí về trong phủ, những âm thanh khác lạ... * Giáo viên: Nạn cướp bóc, sách nhiễu ở thời Trịnh Sâm đã trở thành cơn lốc trong xã hội, không chỉ gây đau khổ cho dân thường mà còn đe doạ cả gia đình quyền quý, quan lại, không chỉ cướp bóc của cải vật chất mà còn phá huỷ cả những thú vui tao nhã mang tính văn hoá truyền thống của biết bao gia đình Việt Nam chúng ta. Bộ mặt Vua Chúa và quan lại dưới thời Lê-Trịnh: + Vua Chúa chỉ lo ăn chơi xa xỉ, không lo việc nước, dùng quyền lực để cướp đoạt của cải của dân lành. Đó là những kẻ tham lam bạo ngược... + Bọn quan lại lợi dụng bóng Chúa, ra sức vơ vét, sách nhiễu dân lành, đó là những kẻ tham quan vô lại, đáng lên án + Thái độ của tác giả thể hiện qua giọng điệu, qua một số từ ngữ lột tả bản chất của bọn quan lại. **Hoạt động 4: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo phiếu học tập** ? Em hãy nêu ý nghĩa của văn bản? ? Hãy khái quát những nét đặc sắc nghệ thuật của văn bản này?	=> báo trước sự suy vong tất yếu của triều đại. b. Thói những nhiễu của bọn quan lại: +Thủ đoạn: Nhờ gió bẻ măng, vu khống + Hành động: Dọa dẫm, cướp, tống tiền... -> Người dân khốn khổ... + Sử dụng liên tục các động từ miêu tả thái độ, hành động và câu văn đặc tả nhấn mạnh. Nghệ thuật miêu tả sinh động. Các sự việc đưa ra đều tiêu biểu, cụ thể, chân thực và khách quan. -> Bọn quan lại lợi dụng bóng Chúa, ra sức vơ vét, sách nhiễu dân lành, đó là những kẻ tham quan vô lại đáng lên án

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức	-> Thái độ của tác giả: Xót xa, tiếc muối, bất bình, lên án vương triều phong kiến hỗn loạn, mục nát. **4. Hướng dẫn tổng kết:** a Nội dung- Ý nghĩa: *ND: Phản ánh được đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê Trịnh. * ý nghĩa của văn bản: + Hiện thực lịch sử và thái độ của"kẻ thức giả" trước những vấn đề của đời sống xã hội. b. Nghệ thuật : + Lựa chọn ngôi kể phù hợp. + Lựa chọn sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa p/á bản chất s/việc, con người. + Miêu tả sinh động, tỉ mỉ, chân thực, khách quan, cảm xúc được bộc lộ một cách kín đáo sâu sắc + Sử dụng ngôn ngữ khách quan thể hiện thái độ bất bình của tác giả. c. Ghi nhớ: (SGK-63)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Truyện hiện thực, cuộc sống được phản ánh thông qua số phận con người cụ thể, thường có cốt truyện và nhân vật.

+ Tuỳ bút ghi chép những con người, sự việc có thực tác giả bộc lộ suy nghĩ, nhận thức, cảm xúc của mình -> Có thể tản mạn, không cần gò bó theo hệ thống kết cấu gì nhưng vẫn tuân theo một thứ tự, cảm xúc chủ đạo...

+ Lối ghi chép của tuỳ bút giàu chất trữ tình hơn các loại ghi chép khác(bút kí, kí sự)

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Qua văn bản" Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh" có thể khái quát 1 trong những nguyên nhân chính khiến chính quyền Lê-Trịnh suy tàn và sụp đổ là gì?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Vua chúa chỉ lo ăn chơi xa xỉ, không lo việc nước, dùng quyền lực để cướp đoạt của cải của dân lành. Đó là những kẻ tham lam bạo ngược…

+ Bọn quan lại lợi dụng bóng Chúa, ra sức vơ vét, sách nhiễu dân lành, đó là những kẻ tham quan vô lại, đáng lên án.

-> Cuộc sống của nhân dân đói khổ, cơ cực, luôn sợ hãi

<=> Chế độ phong kiến hỗn loạn và mục nát-> suy tàn, diệt vong là điều khó tránh khỏi.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Hãy viết đoạn văn ngắn trình bày những điều em nhận thức được về hoàn cảnh lịch sử đất nước ta vào thời vua Lê- Chúa Trịnh cuối thế kỉ XVIII.

+ Học ghi nhớ, nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

+ Tìm đọc một số tư liệu về tác phẩm " Vũ trung tùy bút"

+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt trông dụng được sử dụng trong văn bản.

+ Chuẩn bị: “Hoàng Lê nhất thống chí”.

(+ Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, Tóm tắt ý chính. Trả lời các câu hỏi phần “Đọc – hiểu văn bản”.)

+ Tìm hiểu kiến thức lịch sử về trận đánh của vua Quang Trung khi diệt quân Thanh.

+ Tìm hiểu bối cảnh lịch sử đầy biến động ở nước ta trong khoảng 3 thập kỉ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 5 - Tiết 21

Văn bản: **HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

(Hồi thứ mười bốn)

(NGÔ GIA VĂN PHÁI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung-Nguyễn Huệ.

+ Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.

+ Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quan Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo các tư liệu-> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập. Tranh ảnh về hình tượng QTrung, Lược đồ trận "QT đại phá quân Thanh" lịch sử 7.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kĩ văn bản, tóm tắt nội dung chính của văn bản. Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK. Tìm hiểu lịch sử giai đoạn cuối thế kỉ XVIII.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên tổ chức một trò chơi mang tên: **Mảnh ghép bí mật.**

Hình ảnh bị che bằng 6 miếng ghép, để mở miếng ghép, hs phải trả lời đúng câu hỏi của gv. Có 6 câu hỏi tương ứng với 6 miếng ghép

Câu 1: Ai là người cầu cứu viện trợ từ quân Thanh, là kẻ cõng rắn cắn gà nhà?

Câu 2: Tên thật của vua Quang Trung là gì?

Câu 3: Vua Quang Trung sau khi đánh bại quân Thanh đã lập ra triều đại nào?

Câu 4: Vua Quang Trung đã lấy công chúa nào của triều nhà Lê?

Hình ảnh bí mật là Kinh thành Huế(Phú Xuân)

Câu 5: Ranh giới để phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài ở đâu?

Câu 6: Bộ máy nhà nước phong kiến Đàng Ngoài có gì đặc biệt

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
Giáo viên tổ chức một trò chơi mang tên: **Mảnh ghép bí mật.**
Hình ảnh bị che bằng 6 miếng ghép, để mở miếng ghép, hs phải trả lời đúng câu hỏi của gv. Có 6 câu hỏi tương ứng với 6 miếng ghép
Câu 1:
Lê Chiêu Thống
Câu 2:
Nguyễn Huệ
Câu 3:
Tây Sơn
Câu 4:
Ngọc Hân
Hình ảnh bí mật là Kinh thành Huế(Phú Xuân)
Câu 5:
Sông Gianh
Câu 6:
Tồn tại cả vua và chúa (vua Lê Chúa Trịnh)
Hình ảnh: Kinh thành Huế (Phú Xuân)
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Dựa vào chú thích, em hãy giới thiệu về tác giả của văn bản? ? Em hiểu gì về tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”? ? Hồi 14 của" Hoàng Lê nhất thống chí " kể lại việc gì?	**A.Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: + Ngô Gia Văn Phái: Nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì quê ở Thanh Oai (Nay thuộc Hà Nội)

? Hãy nêu cách đọc văn bản (hồi 14)? ? Giải thích nhan đề "Hoàng Lê nhất thống chí"? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: Tác phẩm " Hoàng Lê nhất thống chí " ra đời trong hoàn cảnh xã hội: **- HS chuẩn bị ở nhà và trình bày** Với bối cảnh lịch sử đầy biến động ở nước ta trong khoảng 3 thập kỉ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX: Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến, mưu đồ của kẻ xâm lược. Khởi đầu là sự sa đọa, thối nát của các tập đoàn phong kiến, các ông vua thời Lê-Mạc bất lực, vua Lê Hiển Tông chắp tay rũ áo, phủ chúa Trịnh Sâm ăn chơi xa hoa, hoang dâm vô độ gây nên loạn, sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái phong kiến xảy ra...Cuộc nổi dậy của phong trào Tây Sơn là một tất yếu trong lịch sử. + Viết theo thể chí. Viết về những sự kiện lịch sử. + Hoàng Lê....là cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán viết theo lối chương hồi-> Là tác phẩm có qui mô lớn nhất và đạt được nhiều thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật và văn học thời kì trung đại. + Cấu trúc: Tác phẩm gồm 17 hồi. Mỗi hồi đều mở đầu bằng 2 câu tóm tắt nội dung chính và kết thúc bằdung sự việc gây ra tình huống chưa có lời giải đáp "Muốn biết sự việc ra sao hồi sau sẽ rõ". **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên bổ sung:** Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX có gia đình họ Ngô Thì (Sở, Nhiệm, Chí, Du...) quê ở làng Tả Thanh Oai Hà Tây nổi tiếng đỗ cao, có tài văn học. Một số người trong gia đình họ đã viết tác phẩm " Hoàng Lê nhất thống chí" trong đó có hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du. - Ngô Thì Chí (1753 - 1788) là em ruột Ngô Thì Nhậm làm quan dưới triều Ngô Chiêu Thống, ông tuyệt đối	2. Tác phẩm: + "Hoàng Lê nhất thống chí" viết bằng chữ Hán, gồm 17 hồi. Là cuốn tiểu thuyết lịch sử có quy mô lớn, phản ánh những biến động lịch sử nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu TK XIX + Đoạn trích nằm ở hồi thứ 14.

trung thành với với triều Lê, ông đã từng chạy theo Lê Chiêu Thống khi Nguyễn Huệ sai Nguyễn Văn Nhậm ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh (1787), ông được cử đi chiêu tập những kẻ lưu vong lập binh nghĩa chống Tây Sơn nhưng trên đường đi ông bị bệnh và mất tại Gia Bình. Nhiều người nói ông viết 7 hồi đầu của " Hoàng Lê nhất thông chí". - Ngô Thì Du (1772 - 1840) Anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí học giỏi nhưng không đỗ đạt gì, dưới triều Tây Sơn ông ẩn mình ở vùng Kim Bảng (nay thuộc Hà Nam). Thời Nguyễn ông làm quan và bổ nhiệm làm đốc học Hải Dương 1827 về nghỉ và ông là tác giả của 7 hồi tiếp theo. - Tác phẩm miêu tả hiện thực xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX->tập trung vào hai nội dung chính: + Vạch trần sự thối nát dẫn đến sự sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Trịnh Lê. + Phong trào nông dân khởi nghĩa Tây Sơn và người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. - Giá trị: bức tranh hiện thực có tính nghệ thuật cao. + Kể lại chiến công oanh liệt của Quang trung đại phá quân Thanh một cách chân thực hào hùng tiêu diệt 20 vạn quân Thanh. Nó không chỉ nêu nên chân dung lẫm liệt của người anh hùng dân tộc mà còn làm rõ sự thất bại của bọn xâm lược nhà Thanh và sự phản bội nhục nhã của bè lũ vua quan hèn hạ Lê Chiêu Thống **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Giáo viên nêu yêu cầu đọc: Giọng bình thản, chậm rãi, hơi buồn, hàm ý phê phán kín đáo. **GV đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở:** ? Giải thích nhan đề "Hoàng Lê nhất thống chí"? ? Đốc xuất đại binh là gì? ? Hãy kể tóm tắt đoạn trích ?(các sự việc)	**B. Đọc- hiểu văn bản:** 1. Đọc- Chú thích &TT

? Tác phẩm được viết theo thể loại nào? Nêu đặc điểm thể loại? ? Đoạn trích có mấy sự kiện chính? Hãy tách các đoạn theo những sự kiện đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Giải thích nhan đề "Hoàng Lê nhất thống chí" + Hoàng Lê ...: Là cuốn sách ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê. Kể tóm tắt đoạn trích: + Quân Thanh chiếm Thăng Long. + 20/11/1788, Ngô Văn Sở lui về Tam Điệp + Quang Trung lên ngôi ở Phú Xuân: Vua tự đốc xuất đại binh, tiến quân ra Bắc diệt quân Thanh (Vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân)-1788. +Kén thêm binh lính, mở cuộc duyệt binh lớn, chia quân thành các đạo, phủ dụ binh lính. + Phán xét công tội của các tướng Sở, Lân. + 30 tháng chạp mở tiệc khao quân, hẹn ngày mùng 7 thắng giặc sẽ mở tiệc ăn mừng ở Thăng Long. +Tiến quân đến sông Gián, Hà Hồi ta đều đánh thắng giặc đến đó.-> Quân Thanh đại bại. + Ngày mùng 3 tết QT đến Hà Hồi, mờ sáng tới Ngọc Hồi, trưa kéo vào thành Thăng Long, tướng Thanh là Tôn Sỹ Nghị chạy trốn về nước, quân Thanh đại bại. Vua Lê chiêu Thống vội vã chạy theo. Thể loại: - Chịu ảnh hưởng của cách viết "Tam quốc chí" Mở đầu: Nêu tinh thần, sự kiện chủ yếu Kết thúc bằng câu: Muốn biết sự kiện sau thế nào xin xem hồi sau sẽ rõ. Bố cục: + Đoạn 1: Từ đầu đến năm 1788: Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi vua, thân chinh đi dẹp giặc. + Đoạn 2: Tiếp theo đến "kéo vào thành"> Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng của Quang Trung. + Đoạn 3: Còn lại: Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm bại của Lê Chiêu Thống	2. Kết cấu, bố cục: + Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi + Bố cục: 3 phần

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi lại đoạn văn đầu tiên. **GV đặt câu hỏi,** ? Trong khoảng thời gian ngắn từ 20/11 đến 30/12/1788, khi nhận được tin cấp báo của Đô đốc Nguyễn Văn Thiếp thì Nguyễn Huệ đã có thái độ và quyết định gì? Ông đã làm được những việc gì? Những việc làm đó cho ta thấy Bắc Bình Vương là người như thế nào? Chặng đường từ Phú Xuân ra Nghệ An (từ 25 đến 29/12/1788) Quang Trung đã làm được những việc gì? ? Qua lời phủ dụ của Quang Trung giúp em hiểu thêm điều gì về ông cũng như sức mạnh dân tộc trong cuộc chiến đấu chống xâm lược Thanh? ? Ngày 30 tết tại vùng núi Tam Điệp vua Quang Trung đã làm gì? ? Tại sao vua Quang Trung lại quyết định xuất quân vào những ngày cuối năm? ? Trong vòng hơn 1 tháng Quang Trung đã làm được bao việc lớn: Tế cáo trời đất, lên ngôi vua, đốc xuất đại binh... chứng tỏ điều gì? Nhận xét về sự chuẩn bị của Quang Trung cho trận đánh? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	3. Phân tích: a. Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ và sức mạnh dân tộc trong cuộc chiến đấu chống xâm lược Thanh: * Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ: + Ngày 20,22,24/11 ông lên ngôi hoàng đế và xuất quân ra Bắc ngày 25 tháng chạp năm mậu thân 1788 - Đến Nghệ An: + Tuyển thêm quân + Mở cuộc duyệt binh lớn

+ Nhận được tin báo cấp, giận lắm, vua họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân để đánh đuổi chúng ngay. + Nghe lời tướng sĩ lên ngôi hoàng đế để giữ lấy lòng người. Làm lễ tế trời đặt niên hiệu Quanh Trung, ngày25/12/1788 hạ lệnh xuất quân, tổ chức cuộc hành quân thần tốc. → **Nhận xét:** Từ đầu đến cuối Nguyễn Huệ luôn tỏ ra là con người có hành động mạnh mẽ, nhanh nhẹn, quả quyết, xông xáo và có chủ đích rõ ràng, nhưng không phải là xốc nổi và độc đoán, mà có tính toán trước sau, có tham khảo ý kiến những cộng sự, những người giúp việc chỉ trong vòng hơn một tháng ông đã làm nên nhiều việc lớn - Lời dụ có ý nghĩa như bài hịch ngắn gọn, hào hùng, kích động tinh thần tướng sĩ quyết tâm đánh giặc. + Khẳng định chủ quyền dân tộc của ta, lên án hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo tín của giặc "Đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng" + Nêu bật dã tâm của giặc "Giết hại nhân dân, vơ vét của cải" + Nhắc lại truyền thống lịch sử của nhân dân chống xâm lược + Tin tưởng ở chính nghĩa, kêu gọi tướng lĩnh đồng tâm hiệp lực, đề ra kỉ luật nghiêm minh Ngày 30 tết tại vùng núi Tam Điệp vua Quang Trung đã: + Khi 2 tướng Sở và Lân " đều mang gươm trên lưng mà xin chịu tội"-> Xử trí thông minh, đúng mực, khen chê đúng người, đúng việc nhạy bén trong việc xét đoán, dùng người + Quang Trung khẳng định chắc chắn như đinh đóng cột " Phương lược tiến đánh ... Thanh" + Quang Trung tính sẵn kế hoạch ngoại giao khi chiến thắng với nước láng giềng " lớn gấp 10 lần" + Tình hình khẩn cấp, nhận định thời cơ chín muồi: Trước & sau tết quân Thanh vui chơi mà lơ là việc quân. + Chu đáo, chu toàn mọi mặt: lòng dân, lực lượng, thời gian, tinh thần quân sĩ. *** Giáo viên:** Qua phần 1 của v.bản, chúng ta đã thấy Nguyễn Huệ - Quang trung là 1 người chính trực, thẳng thắn, hành động quyết đoán, mục đích tốt đẹp. Ngoài những phẩm chất, tính cách trên, vua Quang	+ Lời phủ dụ với quân lính Khẳng định quyền độc lập tự chủ của đất nước, truyền thống đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta, kêu gọi sự đồng tâm hiệp lực của quân sĩ. - Đến Tam Điệp: + Xử lý thông minh, nhạy bén trong việc dùng người + Khẳng định chắc chắn phương lược tiến đánh đã có sẵn. + Tính đến kế hoạch ngoại giao → Quang Trung là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén khi lựa chọn thời cơ, hành động quyết đoán, mạnh mẽ, tầm nhìn xa trông rộng, ý chí quyết thắng.

Trung còn có nhiều những phẩm chất tốt đẹp của 1 vị tướng tài ba mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở tiết sau. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Trí tuệ sáng suốt nhạy bén, một vị tướng tài ba. Phân tích tình hình thời cuộc đưa ra lời phủ dụ quân lính để khích lệ quân sĩ lòng tự hào, tự tôn dân tộc, chiến đấu vì nghĩa lớn. Đó là trách nhiệm đối với lịch sử. Qua phần 1 của v.bản, chúng ta đã thấy Nguyễn Huệ - Quang trung là 1 người chính trực, thẳng thắn, hành động quyết đoán, mục đích tốt đẹp. Ngoài những phẩm chất, tính cách trên, vua Quang Trung còn có nhiều những phẩm chất tốt đẹp của 1 vị tướng tài ba mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở tiết sau.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức nào?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.

+ Soạn tiếp tiết 2: xem diễn biến trận chiến năm Kỉ Dậu (1789) đại phá 20 vạn quân Thanh

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 5 - Tiết 23

Văn bản: **HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

(Hồi thứ mười bốn)

(NGÔ GIA VĂN PHÁI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung-Nguyễn Huệ.

+ Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.

+ Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quan Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo các tư liệu-> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập. Tranh ảnh về hình tượng QTrung, Lược đồ trận "QT đại phá quân Thanh" lịch sử 7.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kĩ văn bản, tóm tắt nội dung chính của văn bản. Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK. Tìm hiểu lịch sử giai đoạn cuối thế kỉ XVIII.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Theo quan niệm của một số nước phương Đông, trong đó có VN và TQ, Tết đến xuân về là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ. Mọi người sẽ tạm gác tất cả công việc để nghỉ ngơi sau một năm làm việc vất vả, thậm chí nhiều người kiêng việc vào ngày tết vì sợ cả năm sẽ phải làm lụng vất vả. Thế mà vua Quang Trung-Nguyễn Huệ đã chọn ngày Tết để tiêu diệt quân Thanh. Sự khác thường, bất ngờ này đã mang lại điều gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của bài

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hỏi học sinh: Sau khi nghe bài hát này, em mong muốn điều gì nhất?
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt: : Theo quan niệm của một số nước phương Đông, trong đó có VN và TQ, Tết đến xuân về là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ. Mọi người sẽ tạm gác tất cả công việc để nghỉ ngơi sau một năm làm việc vất vả, thậm chí nhiều người kiêng việc vào ngày tết vì sợ cả năm sẽ phải làm lụng vất vả. Thế mà vua Quang Trung-Nguyễn Huệ đã chọn ngày Tết để tiêu diệt quân Thanh. Sự khác thường, bất ngờ này đã mang lại điều gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của bài.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Diễn biến trận chiến năm Kỉ Dậu (1789) đại phá 20 vạn quân Thanh và hình tượng vua QT trong trận đấu** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc & chú ý đoạn 2 GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **Nhóm 1,3:** ? Em hãy tóm tắt 2 trận đánh Phú Xuyên và Hạ hồi? ? Em hãy thuật lại trận đánh Ngọc Hồi? (trên bản đồ) ? Có gì đặc biệt trong cách đánh của Quang trung trong hai trận đánh này? **Nhóm 2,4 :** ? Theo dõi phần tiến công thần tốc của vua Quang Trung từ Phú Xuân ra Thăng Long tiêu diệt quân Thanh em có suy nghĩ gì? ? Qua toàn bộ đoạn trích em cảm nhận được điều gì về người anh hùng Nguyễn Huệ ? ? Tại sao nhóm tác giả vốn là những người cựu thần nhà Lê, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê lại xây dựng hình ảnh Quang Trung đẹp như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ	* Diễn biến trận chiến năm Kỉ Dậu (1789) đại phá 20 vạn quân Thanh: + Đánh táo bạo và quyết liệt, thắng giòn giã, kẻ thù không kháng cự được. * Hình tượng vua Quang Trung trong chiến trận: + Tài tổ chức của người cầm quân. + Tiên đoán chính xác + Kì tài trong việc dùng binh: Vừa vạch ra phương lược, vừa trực tiếp chỉ huy một mũi tấn công, xông pha tên đạn. -> Oai phong, lẫm liệt trong chiến trận.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** + Vừa thấy bóng quân Tây Sơn... bỏ chạy... bắt sống được hết. + Trận Hạ Hồi: Bí mật vây kín làng, bắc loa truyền gọi khiến cho quân địch trong đồn sợ hãi xin hàng. - Thuật lại trận đánh trên bản đồ. + Truyền lấy 60 tám ván ... + Vua Quang Trung oai phong cưỡi voi... + Quân Thanh bỏ chạy toán loạn ... Nét đặc biệt trong cách đánh của Quang trung trong hai trận đánh này : + Bắt sống hết quân do thám của địch ở Phú Xuyên, giữ được bí mật để tạo ra thế bất ngờ, vây kín làng Hà Hồi, công phá Nhồi, lấy ván ghép phủ rơm dấp nước để làm mộc che dàn trận tiến đánh. -> Thần tốc, bí mật, bất ngờ, đảm bảo thắng lợi mà không thương vong. **Nhóm 2,4 :** Hình ảnh vua QT đẹp, xông pha trận tiền làm nức lòng quân sĩ, tạo niềm tin quyết chiến, quyết thắng, đồng thời khiến kẻ thù kinh hồn, bạt vía => đại bại nhanh chóng. + Đó là sự thật lịch sử mà tác giả đã được chứng kiến trực tiếp, là người trí thức có lương tâm, là người có tâm huyết, tài năng nên các ông không thể không tôn trọng sự thực lịch sử và ý thức dân tộc + Mặt khác, các ông cũng thấy rõ sự thối nát, kém cỏi, hèn mạt của vua, chúa Trịnh – Lê. Được thấy cảnh hèn hạ của vua Lê "cõng rắn cắn gà nhà" và chiến công lẫy lừng của Quang Trung là niềm tự hào dân tộc. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** Ngày mùng 5 tết Quang Trung ngồi trên bành voi mặc áo bào đỏ đã sạm vì thuốc súng dẫn đầu đoàn tượng binh vào Thăng Long thật oai phong lẫm liệt hiếm có trong lịch sử. Có sách kể rằng Quang Trung đã sử dụng biện pháp cáng võng khi hành quân. Để tranh thủ thời gian cứ 2	=> Người anh hùng QT quả cảm, có tài cầm quân & dụng binh như thần, là người tổ chức & là linh hồn của cuộc khởi nghiã với những chiến công vang dội. b.Hình ảnh bọn cướp nước và bán nước: * Quân Thanh: - Tôn Sĩ Nghị: + Chủ quan, kiêu căng, tự mãn + Khi thua trận thì sợ hãi bỏ chạy trước -> Là 1 tên tướng bất tài, hèn nhát - Quân: hoảng loạn, tan tác, thất bại thảm hại -> Đội quân bất tài, vô tổ chức => Thất bại nhục nhã và thảm hại.

người khiêng thì 1 người được nằm võng nghỉ, thay phiên nhau đi suốt ngày đêm không nghỉ, vừa đi vừa đánh giặc khiến cho quân giặc bất ngờ, không kịp trở tay. **Hoạt động 2: Tìm hiểu hình ảnh bọn cướp nước và bán nước và hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Mục đích sang An Nam của Tôn sĩ Nghị là gì? ? Khi kéo quân vào Thăng Long, lấy được thành dễ dàng Tôn Sĩ Nghị có thái độ ra sao? ? Khi Tây Sơn đang kéo quân tiến đánh thì cuộc sống của tướng sĩ nhà Thanh như thế nào? ? Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh được tác giả miêu tả như thế nào? + ? Quân tướng nhà Thanh có thái độ n.t. nào khi Tây Sơn đánh đến nơi? ? Số phận của chúng như thế nào? Vì sao chúng lại bị thát bại thảm hại như vậy? ? Cảnh thua chạy của quân Thanh có gì giống với cảnh thua chạy của quân Minh đầu thế kỉ 15? ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự thất bại đó? ? Việc Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh chứng tỏ đây là 1 vị vua như thế nào? ? Vua tôi Lê Chiêu Thống đã có hành động gì khi nghe tin quân Tây Sơn tiến đến nơi? ? Em có đánh giá gì về bọn vua tôi bán nước Lê Chiêu Thống? ? Kết cục của vua tôi nhà Lê được m.tả ra sao? ? So sánh 2 đoạn văn miêu tả cuộc tháo chạy của quân Tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	* Số phận của vua tôi Lê Chiêu Thống: + "Cõng rắn cắn gà nhà" -> Là bọn đớn hèn, nhục nhã, số phận gắn chặt với bọn giặc xâm lược, mù quáng, từ bỏ dân tộc, phản dân hại nước.

Kết quả mong đợi: + Mục đích của Tôn Sĩ Nghị : Biến An Nam thành quận, huyện của nhà Thanh + Thái độ quân tướng nhà Thanh khi khi Tây Sơn đánh đến nơi : + Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao. + Quân: ai nấy đều rụng rời, sợ hãi, xin hàng, bỏ chạy toán loạn, giày xéo lên nhau mà chết...bỏ chạy, tranh nhau qua cầu rơi xuống sông chết… - Nguyên nhân thất bại: + Chủ quan, khinh địch, kiêu căng + Chiến đấu không vì mục đích chính nghĩa + Quân Tay Sơn quá hùng mạnh Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh chứng tỏ đây là 1 vị vua vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược "cõng rắn cắn gà nhà", rước voi rầy mả tổ, mất tư cách của bậc quân vương Hành động của vua tôi Lê Chiêu Thống khi nghe tin quân Tây Sơn tiến đến nơi : + Chiêu Thống vội cùng bọn thân tín " đưa Thái hậu ra ngoài", chạy bán sống bán chết, cướp thuyền dân,…mấy ngày không ăn. + Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. + Kết cục : Chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin không còn tư cách của bậc quân vương: chạy bán sống, bán chết mấy ngày đêm không ăn không nghỉ, sống lưu vong **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Khi Lê Chiêu Thống chạy sang tầu phải cạo đầu, tết tóc, ăn mặc giống như người Mãn. Cuối cùng phải gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người. So sánh 2 đoạn văn miêu tả cuộc tháo chạy của quân Tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống + Vua tôi nhà Lê: M.tả tỉ mỉ - Giống: Đều tả thực với nhiều chi tiết cụ thể - Khác nhau về âm hưởng	

+ Cuộc tháo chạy của quân tướng nhà Thanh được miêu tả khách quan trong đó ẩn chứa sự hả hê, sung sướng của người thắng trận + Miêu tả cuộc tháo chạy của vua tôi nhà Lê mang cảm quan, ngậm ngùi, mủi lòng trước sự sụp đổ của vương họ từng thờ phụng, ngậm ngùi chua xót. Vì tác giả là nl thần của nhà Lê, chịu ơn sâu, nghĩa nặng của nhà Lê, trước sự sụp đổ của 1 vương triều. Nhưng không thể k nhận sự hèn nhát, phản bội của vua tôi nhà Lê cũng r nhận những chiến thắng lẫy lừng của Quang Trung- niề lớn của cả dân tộc. **Hoạt động 2: Tìm hiểu hình ảnh bọn cướp nước và bán nước và hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Văn bản " Hoàng Lê nhất thống chí có ý nghĩa lịch sử như thế nào? ? Nêu nghệ thuật cơ bản tác giả sử dụng để làm nổi bật chủ đề? + ? Em có nhận xét gì về cách kể, cách giới thiệu nhân vật, ngôn ngữ của tác giả? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**4. Tổng kết:** a. Nội dung- ý nghĩa : *ND : Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ: văn võ song toàn với chiến công đại phá 20 vạn quân Thanh. Tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước, cướp nước. * Ý nghĩa của văn bản: + Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và

	hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789) b. Nghệ thuật: + Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử + Khắc họa các nhân vật lịch sử. + Ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động. + Giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả. c. Ghi nhớ (SGK-7)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi: Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

Khái quát bằng hệ thống bản đồ tư duy nội dung văn bản Hoàng Lê Nhất thống trí (nhóm lớn)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.

+ Cảm nhận và phân tích được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích.

+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.

+ Chuẩn bị: "Sự phát triển của từ vựng." (Tiếp theo) (Tham khảo các tư liệu, tra Từ điển, chuẩn bị các bài tập SGK...)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 5- Tiết 24

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (TIẾP)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Việc tạo từ ngữ mới

+ Việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc lại từ mượn, từ Hán Việt (lớp 6,7) tra Từ điển Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv trình chiếu ví dụ:

Yêu cầu hs đọc văn bản và chỉ ra những từ mà em cho rằng mới xuất hiện trong thời gian gần đây và giải nghĩa từ đó (nếu có thể)

"Thế kỷ hai mốt là thế kỷ của công nghệ thông tin, gọi bằng cái tên khác là thời kỳ công nghệ số, mạng xã hội ra đời như một phần tất yếu, và một "loại" anh hùng cũng từ đó sinh ra.

"Anh hùng bàn phím" – cụm từ này cư dân mạng chắc chắn đã... quen quen, hãy cứ bắt đầu bằng cái tên, từ cái tên để dễ dàng nhận diện: Đó là những kẻ thường chẳng được ai biết đến, luôn giấu mình trong thế giới ảo, thích che giấu thân phận mình và đặc biệt luôn tìm thú vui bằng bàn phím với đôi tay.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Tiếng Việt của ta vô cùng phong phú và giàu đẹp. Cùng với sự chảy trôi của thời gian và sự phát triển không ngừng của cuộc sống, xã hội. Để đáp ứng được nhu cầu sử dụng Tiếng Việt đã không ngừng phát triển, không chỉ dừng lại ở sự phát triển

nghĩa trên cơ sở nghĩa gốc mà còn nhiều hướng phát triển khác nữa đó là sự phát triển của từ vựng còn do nhiều từ ngữ mới được tạo ra và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài (đó là sự phát triển từ ngữ về lượng) Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu tạo từ ngữ mới:** **a. Mục tiêu:** biết cách tạo từ ngữ mới **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *** GV** gọi học sinh đọc yêu cầu phần 1 SGK ? Có các từ: Điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, tri thức, đặc khu, trí tuệ. Em hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ trên ? ? Hãy giải thích nghĩa của những từ mới đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. + Điện thoại di động: Điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao. + Kinh tế tri thức: Nền kinh tế dựa chủ yếu vào lưu thông phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao. + Đặc khu kinh tế: Khu vực dành riêng để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài với những chính sách ưu đãi. + Sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại được pháp luật bảo hộ như: quyền tác giả, quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích kiểu dáng công nghiệp. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:**	**I. Tạo từ ngữ mới:** 1. Phân tích ngữ liệu SGK/72 * Các từ ngữ mới được tạo thành: - Điện thoại di động - Kinh tế tri thức - Đặc khu kinh tế - Sở hữu trí tuệ * Cấu tạo từ ngữ theo mô hình X + tặc: + Lâm tặc + Tin tặc + Nghịch tặc + Hải tặc => Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên. 2.Ghi nhớ: (SGK-73)

Như vậy, từ 1 số các từ ngữ mà ta đã tạo ra được 1 số các từ mới làm giàu cho vốn từ tiếng Việt? Những từ ngữ trên đó được cấu tạo theo mô hình như thế nào? - X + Y (x, y là những từ có sẵn) -> được hình thành theo cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau ? Trong TiếngViệt có những từ được cấu tạo theo mô hình X + tặc (như: Không tặc, hải tặc ...) . Em hãy tìm những từ ngữ mới xuất hiện cấu tạo theo mô hình đó ? + Lâm tặc: Kẻ cướp tài nguyên rừng + Tin tặc: Kẻ dùng kĩ thuật tiên tiến nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác hoặc phá hoại. + Nghịch tặc: kẻ phản bội làm giặc + Hải tặc: Những kẻ chuyên cướp trên tàu biển ? Tạo từ ngữ mới trong từ vựng nhằm mục đích gì? + Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng Việt. **Giáo viên:** gọi học sinh đọc Ghi nhớ (SGK- 73)	
Hoạt động 2: Tìm hiểu mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài **a. Mục tiêu:** HS nắm được nguyên tắc mượn từ tiếng nước ngoài. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Gv đặt câu hỏi:** **Nhóm 1,3: Các từ Hán Việt** ? Trong ngôn ngữ tiếng Việt có một bộ phận là từ mượn. Theo em từ mượn của chúng ta nhiều nhất là từ ở nước nào? ? Tìm từ mượn Hán Việt ở hai đoạn trích? ? Theo em tại sao trong 2 đoạn trích tác giả lại dựng từ Hán Việt ? ? Theo em trong Tiếng Việt, số từ Hán Việt được sử dụng như thế nào? ? Tiếng Việt dùng từ nào để chỉ khái niệm ? ? Những từ này có nguồn gốc ở đâu ? ? Hãy tìm một số ví dụ khác ? ? Từ tìm hiểu trên, em rút ra được kết luận gì?	**II. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài:** 1.Phân tích ngữ liệu SGK/73 * Các từ Hán Việt: a. Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân. b. Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc. * Các từ biểu thị khái niệm: - AIDS (ét) - Marketting (ma- két-tinh)

Nhóm 2,4: Các từ biểu thị khái niệm ? Em hiểu gì về các tổ chức UNICEF, FAO? ? Em biết gì về điển tích: Thanh gươm Đamôclet? ? Hạt nhân là gì? ? Hành tinh là gì? ? VB đề cập đến vấn đề gì? Xét về nội dung, VB thuộc kiểu Vb gì? Vì sao? ? VB có thể chia làm mấy phần? Nội dung từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: **Nhóm 1,3:** + Tác dụng từ Hán Việt: Trong đoạn thơ Truyện Kiều: thêm hay, hàm súc và tăng giá trị biểu cảm + Văn bản: " Chuyện người con gái Nam Xương" viết bằng chữ Hán, tiếng Việt không đủ số từ diễn đạt -> Mượn từ Hán Việt + Từ HV được sử dụng phổ biến rộng rãi trong cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết . **Nhóm 2,4:** Tiếng Việt dùng từ để chỉ khái niệm: + Bệnh mất khả năng miễn dịch gây tử vong: AIDS + Nghiên cứu một cách có hệ thống ...hàng hoá: maketing + Nguồn gốc: Tiếng Anh, tiếng nước ngoài. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Từ vựng phát triển bằng cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài. Bộ phận quan trọng nhất trong tiếng Việt là tiếng Hán. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : Nhóm 1: bài 1	-> Mượn tiếng Anh -> Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng từ vựng Tiếng Việt. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong Tiếng Việt là mượn Tiếng Hán - >Ngoài ra còn mượn của một số nước Châu Âu(Anh, Pháp...) 2. Ghi nhớ: (SGK-74)

Nhóm 2,3: bài 2 Nhóm 4: bài 3 - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	III. Luyện tập Bài tập 1: * X + trường: Chiến trường, công trường, nông trường, ngư trường, thương trường... * X+ hóa: xã hội hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa... * X+ điện tử: Thư điện tử, thương mại điện tử, Giáo dục điện tử, chính phủ điện tử... Bài tập 2(SGK-74) + Cầu truyền hình: Hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống camêra giữa các điểm cách xa nhau + Khu chế xuất: Khu công nghiệp sản xuất hàng hoá với công nghệ cao. + Cơm bụi: Cơm giá rẻ, thường bán trong các hàng, quán nhỏ, tạm bợ. + Đường cao: Đường xây dựng theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho các loại xe cơ giới chạy với tốc độ cao. + Thương hiệu: nhãn hiệu thương mại. + Bàn tay vàng + Công nghệ cao + Công viên nước + Đa dạng sinh học + Đường vành đai + Hiệp định khung Bài tập 3(SGK-74)

	Từ mượn tiếng Hán	Từ mượn ngôn ngữ Châu Âu
	Mãng xà. tô thuế Biên phòng, phê phán Tham ô, phê bình Nô lệ, ca sĩ	Xà phòng, ô tô Ra đi ô Cà phê Ca nô

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

? Chỉ ra từ được dùng theo nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong các từ in đậm sau và giải thích ý nghĩa của từng từ:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng **xuân**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc nội dung bài học (Ghi nhớ), hoàn chỉnh bài tập.

+ Tra từ điển để xác định nghĩa của một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong các văn bản đã học.

+ Đọc và xem lại đề bài kiểm tra tập làm văn số 1 (tự lập dàn ý chi tiết)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 5 - Tiết 25

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng:

1. Kiến thức:

+ Củng cố kiến thức về văn thuyết minh có kết hợp yếu tố miêu tả.

+ Nhận ra ưu điểm, nhược điểm trong bài tập làm văn số 1 và biết sửa các lỗi về diễn đạt và chính tả, dấu câu...

2. Năng lực:

- Năng lực viết, cảm thụ, hiểu biết về sự vật có trong đời sống
- Năng lực sửu dụng các giá trị NT và yếu tố miêu tả giúp sự vật thêm sinh động, hấp dẫn.

3. Phẩm chất

+ Giáo dục học sinh ý thức tự giác học tập, tích cực khi chữa lỗi và học hỏi bạn kĩ năng, phương pháp làm tập làm văn qua đọc rút kinh nghiệm bài viết của những học sinh khá.

B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

* Giáo viên: Bài chấm và nhận xét cụ thể. chuẩn bị các phiếu học tập, bảng phụ

* Học sinh: Xem lại phương pháp làm bài văn thuyết minh, lập dàn ý chuẩn bị cho giờ trả bài.

C. PHƯƠNG PHÁP- KĨ THUẬT DẠY HỌC

+ Thuyết trình, hỏi đáp, phân tích, qui nạp, thảo luận.

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ:

(Kết hợp trong quá trình trả bài kiểm tra)

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: - Mục tiêu: tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập - Phương pháp, kĩ thuật: quan sát tranh ; - Thời gian:
GV dẫn dắt: Phương pháp thuyết minh là một phương pháp quan trọng trong cuộc sống của chúng ta Vì nó không những chỉ được sử dụng khi làm văn mà còn được sử dụng khi thuyết minh, giới thiệu, trình bày về một đối tượng nào đó trong cuộc sống giúp người nghe hiểu được một cách chính xác về đối tượng qua những kiến thức của các ngành khoa học được sử dụng khi trình bày. Thế nhưng khi kết hợp các phương pháp, các yếu tố cần thiết trong 1 bài thuyết minh thì chúng ta còn rất nhiều những hạn chế mà qua giờ trả bài viết số 1 hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu để các em rút kinh nghiệm cho bản thân các em khi làm văn thuyết minh.
HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC - Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/ vấn đề nêu ra ở hoạt động khởi động - Phương pháp, kĩ thuật: Tổ chức các hoạt động tìm hiểu và phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm, báo cáo kết quả, thảo luận cặp đôi - Thời gian:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
*** Giáo viên** chép lại đề bài và yêu cầu học sinh đọc lại đề bài. ? Xác định thể loại, yêu cầu của đề văn trên? ? Nội dung, hình thức cần đảm bảo cho đề bài thuyết minh trên? *** Giáo viên** cho học sinh trình bày dàn ý đã chuẩn bị ở nhà ->	Đề bài: Cây lúa ở làng quê Việt Nam? I. Dàn bài: (Giáo án tiết 14+15) **MB:** Giới thiệu khái về cây lúa, người bạn thân thuộc, gần gũi đối với người dân Việt Nam nói chung, người dân làng quê nói riêng. **Thân bài:** 1. Nguồn gốc- cấu tạo của cây lúa:

Học sinh khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh.	+Từ loài lúa nước tự nhiên, cha ông lai tạo, thuần hóa được giống lúa cho năng suất như hiện nay. + Lúa là cây có một lá mầm, rễ chùm. Lá bao quanh thân, có phiến lá dài và mỏng, hơi giáp + Có loại lúa nước, lúa cạn (lúa nương) 2. Cách trồng lúa: * Lúa nước phải trải qua nhiều công đoạn khác nhau: Gieo mạ, nhổ mạ, đi cấy, gặt lúa, xay xát - Lúc mới cấy: + Cây lúa còn yếu ớt có màu hơi vàng vì cây lúa chưa bén rễ. + Sau một tuần lúa đã xanh hẳn, rễ chắc khỏe, phải khó khăn mới có thể tách bớt vài rảnh để cấy lại khóm khác đã bị lụi. + Được làm cỏ, bón phân, nước vừa đủ, dần dần cây lúa phát triển rất đẹp: Thân đã cao hơn, tạo thành khóm lúa khỏe đẹp, lá xanh như vẫy chào trong nắng mới. - Sau một tháng, lúc này lúa có màu xanh xanh mượt, người ta gọi đó là lúa thời con gái: đẹp, và tràn trề nhựa sống, nhìn từ xa cánh đồng lúa như một tấm thảm xanh ngút ngàn vô tận, khi có gió cả cánh đồng lúa lại rì rào, tạo thành những lớp sóng xanh đuổi nhau, nhìn không chán mắt. + Do đủ nước, đủ phân bón, nên khi trổ bông rất đều - Lúa chín: cả cánh đồng lúa như tấm thảm vàng: Bông to, hạt to đều, chắc, những bông lúa uốn câu trông thật hấp dẫn. Mỗi sào có thể cho từ tạ rưỡi đến hai tạ rưỡi thóc. + Người ta gặt lúa, phơi khô, xay, xát mới được hạt gạo trắng ngần. 3. Phân loại lúa: Có nhiều loại lúa: + Lúa tẻ: Mộc toàn, mộc hương, lai u...nấu cơm, nấu cháo, làm bánh đa, bánh cuốn.v.v.. + Lúa nếp: Nếp hoa vàng, nếp Thái Bình .. cho những đĩa xôi, những chiếc bánh chưng, bánh rẻo, bánh dày vừa thơm ngon, vừa hấp dẫn. 4. Vai trò của cây lúa: - Là một trong những cây lương thực quan trọng của người Việt Nam nói riêng và của người dân Châu Á nói chung. Nuôi sống con

	người (Trích câu nói của Lang Liêu: Lúa gạo: là quí nhất, nó nuôi sống tất cả mọi người mà ta ăn không chán. Những thứ khác tuy ngon nhưng hiếm, con người không thể tự làm, còn lúa gạo con người tự làm được, lại còn có thể ra rất nhiều) (Miêu tả, tự sự) - Là những món ăn không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, những bữa tiệc, dịp lễ hội quan trọng dưới những cách thức chế biến khác nhau: Nấu cơm, nấu cháo, làm bánh, làm cốm, đồ xôi.v.v. (Miêu tả) - Tất cả các bộ phận của cây lúa đều có tác dụng: + Cám dùng để nấu làm thức ăn cho lợn, cá, + Thóc để chăn nuôi gia cầm: gà, vịt + Rơm: làm thức ăn cho trâu, bò, tạo mặt hàng xuất khẩu nấm rơm, một chất đốt đỡ chi phí cho người nông dân. + Rạ: làm phân bón ruộng + Trấu: dùng để trồng trọt, dùng để đun nấu hàng ngày. - Nhờ có cây lúa, nền nông nghiệp phát triển, lai tạo được nhiều giống lúa, cuộc sống của người nông dân đỡ lam lũ vất vả hơn, nước ta từ một nước đói nghèo đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan) **KB:** + Cây lúa có vai trò quan trọng trong đời sống của nhân dân ta. + Cây lúa không chỉ mang lại cuộc sống no đủ mà còn trở thành một nét đẹp trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam ta. **II. Nhận xét chung:** **1. Ưu điểm:** a. Kiểu bài: Đa số đều đúng kiểu bài thuyết minh b. Nội dung: Hầu hết đảm bảo nội dung thuyết minh về cây lúa. c. Phương pháp: Đã nắm được phương pháp làm bài, phương pháp thuyết minh. Biết kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả khi thuyết minh về cây lúa. + Nhìn chung một số em hiểu đề, tập trung thuyết minh được về cây lúa, khong có học sinh nào nhầm lẫn đối tượng, yêu cầu thuyết minh.

*** Giáo viên** dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả) *** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ, đặt câu(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ đặt câu)	* Một số học sinh có sự tiến bộ trong học tập: chuẩn bị kiến thức, xem lại phương pháp thuyết minh, sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật khi làm bài, bài viết có sự tiến bộ 9a1 Thúy Hằng; Thương, Ngọc Hà, Hương 9ª2: Hà Phương, Hiền Linh, Hiền, Lê Huyền * Một số em có bài viết khá: + Nắm chắc phương pháp, có kiến thức sâu rộng về đối tượng thuyết minh, sử dụng yếu tố miêu tả khá tốt nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn. + Cách trình bày bài nhìn chung là khoa học, sạch đẹp, diễn đạt trôi chảy, lời văn trong sáng có sức thuyết phục nhờ hình ảnh, cảm xúc chân thành. **II. Nhược điểm:** + Một số học sinh chưa biết tách các ý thuyết minh thành các đoạn văn(Thân bài) mà viết liền rất dài tất cả các nội dung. - Một số em chưa đọc kĩ đề, chưa xác định rõ yêu cầu của đề nên khi viết còn bị lạc hướng hoặc không tập trung: các em chưa xác định được nội dung cần thuyết minh chính(kĩ) về cây lúa là vai trò, vị trí chứ không phải là quá trình cấy lúa, chăm sóc và gặt hái lúa, + Một số bài viết quá sơ sài về nội dung(kiến thức về đối tượng thuyết minh không có, chưa vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp, các yêu tố kết hợp khi thuyết minh-> quá sơ sài, thiếu ý: + Một số bài viết cẩu thả về chữ, cách trình bày, dập xoá nhiều: + Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng, + Một số bài viết còn không sử dụng dấu câu đúng lúc, đúng chỗ, câu cụt chưa rõ nghĩa, thiếu sự hoàn chỉnh về nội dung.v.v.. + Một bài còn viết tắt nhiều: **III. Trả bài học sinh:** **IV. Chữa lỗi:** **1. Chính tả:**

*** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm để chữa lỗi sai phương pháp(lập luận-> Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh	+ da đời-> Ra đời. + chổ bông-> trổ bông + cuốc lộ-> Quốc lộ. + Bánh dầy-> bánh giày + bánh trưng-> bánh chưng + gặt núa -> gặt lúa + say sát-> xay xát + tươi sanh-> tươi xanh + nâng liu-> nâng niu + trở lúa về nhà-> chở lúa + phát truyển -> phát triển + nâu đời-> lâu đời **2. Dùng từ:** + xịt thuốc sâu dầy-> phun thuốc trừ sâu + những bụi lúa-> khóm lúa + người dân ta còn một thứ đặc sản-> dân ta có một thứ đặc sản + lúa đẻ con-> lúa đẻ nhánh + layg cho năng xuất như ngày nay là thành quả của việc cải tạo nhiều lần-> lúa… của việc lai tạo nhiều lần + Lúa là cây lương thực hàng đầu có vị trí rất quan trọng trong ngành công nghiệp-> ….ngành nông nghiệp + cây lúa cao từ 50-> 60 milimét-> 50-> 60 cm + Thóc phơi 3, 4 ngày nếu trời nắng sẽ được ăn-> sẽ đem cất đi
*** Giáo viên** tiếp tục cho học sinh thảo luận nhóm(mỗi phiếu học tập chỉ gồm 2 đoạn văn chưa hoàn chỉnh cần sửa chữa) chỉ ra lỗi sai trong các phần của Bố cục-> Đưa ra một đoạn văn Mở bài và Kết bài đầy đủ nội dung và trình bày rõ ràng mạch lạc-> các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh	+ lúa cạn trồng trên đá->…các khu vực đồi, núi cao **3. Câu:** + Sau đó say sát thành gạo -> Người nông dân mang thóc đi xay xát mới thành gạo như chúng ta thấy. + Cây lúa có vai trò rất quan trọng-> Cây lúa là cây lương thực rất quan trọng của người dân Việt Nam nói riêng và người dân Châu Á nói chung. + Ngày tháng trôi qua, chúng đã trở thành thời kì con- thời kì đẹp nhất của cây-> cây lúa phát triển ở thời kì đẹp nhất- người ta gọi đó là lúa thời con gái. + Gạo không những ăn ngon mà còn thật chất-> Gạo không những ăn ngon, mà còn cung cấp cho cơ thể con người các chất dinh dưỡng cần thiết. + Đất nước tân tiến, cây lúa vẫn là thực phẩm chủ yếu của người dân Việt Nam-> Dù cuộc sống có hiện đại bao nhiêu đi chăng nữa, thì cây lúa vẫn

*** Giáo viên** dùng các phiếu học tập cho học sinh đọc rút kinh nghiệm các đoạn, các phần bài viết của nhữnh học sinh Khá, Giỏi để các em nhận xét và rút ra kinh nghiệm làm bài cho bản thân. thống kê điể*** Giáo viên** m bài viết số 1 cho học sinh nghe.	là cây lương thực quan trọng của người dân Việt Nam. **4. Phương pháp (lập luận)** + Ngày nay nước ta được hơn 30 giống lúa được công nhận là giống lúa quốc gia. Việt Nam từ một nước đói nghèo đã trở thành nước đứng thứ hai sau Thái Lan về sản xuất lua gạo. Cây lúa đã đi vào thơ ca nhạc hoạ và đời sống tâm hồn của con người Việt Nam. Lúa cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho con người chúng ta. + Nhân dân ta đã tận dụng cây lúa cây lúa không lãng phí điều đó cho thấy nhân dân ta biết quý những giọt mồ hôi, xương máu của mình. + Trong những bữa cơm thường ngày của người dân Việt thì những hạt cơm là điều không thể thiếu từ các bữa ăn, tiệc tùng đến các bữa ăn hàng ngày không thể thiếu. + Lúa là hạt gạo- hạt ngọc của trời ban cho, Lang Liêu đã làm nên bánh chưng bánh giày dâng lên Vua Hùng. Đó là một sự tích về cây lúa Việt Nam. + Năm tháng qua đi nền công nghiệp hoá hiện đại hoá được thịnh hành nhưng hình ảnh cây lúa và giá trị tiềm năng của nó vẫn là vị trí số 1 trong quá trình phát triển của đất nước, chẳng những thế nó còn được lấy làm biểu tượng của các nước trong khối ASEAN như một báu vật cao quý. *** Mở bài:** + Cây lúa có mặt ở tất cả các vùng quê Việt Nam. Lúa là tài sản quan trọng của người nông dân. Thuộc loại cỏ dại được cha ông ta cải tạo dần trở thành cây lúa có trữ lượng và năng xuất như ngày nay. (Bùi Hoàng 9a2) + Cây lúa là bạn thân của người nông dân Việt Nam, hình ảnh cây lúa dã trở thành biểu tượng quen thuộc của người dân Việt Nam. + Việt Nam là một nước nông nghiệp, chính vì thế cây lúa là một loại cây quan trọng trong đời sống người Việt Nam.(Bình 9ª2) + Cây lúa là một loại cây trồng phổ biến ở Việt Nam. Cây lúa phục vụ cho nhu cầu lương thực trong nước và ngoài nước. Số lượng gạo xuất khẩu ở Việt Nam đứng thứ 2 sau Thái Lan. Và cây lúa là loại cây một lá mầm. (Phương a1)

	*** Kết bài:** + Cây lúa giúp ích cho đời. Cây lúa đã biểu tượng của người nông dân Việt Nam. Chúng ta hãy quý trọng cây lúa. (Điệp 9ª2) + Cây lúa đã gắn bó với với đời sống và làng quê của người Việt. Là niềm tự hào của chúng ta. Chúng ta phải giữ gìn và phát huy nó để nó mãi trường tồn và rực rỡ hơn trước. (Nguyệt a2) V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu: VI. Thống kê điểm:

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2
9a1					
9a2					

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Ôn tập phương pháp làm bài văn thuyết minh: Các phương pháp, các yếu tố cần kết hợp.

+ Đọc và soạn: " Truyện Kiều"- Nguyễn Du

(Tìm đọc Truyện Kiều toàn tập, sưu tầm tư liệu về tác giả Nguyễn Du, những nhận định, đánh giá về Truyện Kiều, các giá trị về nội dung và nghệ thuật, tìm dẫn chứng minh hoạ các giá trị nghệ thuật và nội dung đó)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 6 - Tiết 26

Văn bản: TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Cuộc đời và sự nghiệp của tác giả Nguyễn Du
+ Nhân vật, sự kiện, cốt truyện của Truyện Kiều.
+ Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học Trung đại.
+ Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp, trình bày, tìm kiếm và xử lí thông tin, lắng nghe, hợp tác, nêu và giải quyết vấn đề, liên hệ các văn bản có nội dung tương tự, quản lí thời gian.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Đọc thêm toàn tập Truyện Kiều, sưu tầm tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Du. Chân dung nhà thơ Nguyễn Du.

2. Chuẩn bị của học sinh:

Sưu tầm Truyện Kiều đọc thêm, đọc và tìm hiểu các giá trị về nội dung và nghệ thuật chính, lấy ví dụ trong Truyện Kiều minh họa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Có một nhà thơ mà người Việt Nam không ai không mến yêu & kính phục. Có một truyện thơ mà hơn hai trăm năm qua không mấy người Việt Nam không thuộc lòng nhiều đoạn hoặc vài câu. Nhà thơ ấy, truyện thơ ấy đã trở thành niềm tự hào của dân tộc Việt Nam: Danh nhân văn hoá thế giới, đỉnh cao của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

"Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày

Hoạt động của GV và	Nội dung cơ bản
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu tác giả Nguyễn Du** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả Nguyễn Du **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV	***Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: - Cuộc đời Nguyễn Du: + Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quí tộc. + Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** giới thiệu tranh chân dung Nguyễn Du ? Nguyễn Du sống vào khoảng thời gian nào? ? Em biết những gì về bối cảnh lịch sử nước ta thời kì đó? ? Nêu những nét chính về tác giả Nguyễn Du? ? Hoàn cảnh xã hội tác động như thế nào đến con người và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du? ? Em có nhận xét gì về sự nghiệp sáng tác văn học của Ông? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** - Tác giả Nguyễn Du : + Cha là Nguyễn Nghiễm là tiến sĩ, nhà sử học, tể tướng triều Lê Trịnh. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản từng làm quan Thượng thư bộ lại- triều Lê Trịnh, say mê nghệ thuật. " Bao giờ ngàn Hống (Hồng Lĩnh) hết cây Sông Rum (sông Lam) hết nước họ này hết quan!" + Nguyễn Du mồ côi cha khi 9 tuổi, mồ côi mẹ khi 12 tuổi + Bản thân học giỏi nhưng chỉ đỗ tam trường (1783) + Cuộc đời ông trải qua những năm tháng gian truân, trôi giạt, vất vả long đong: 10 năm sống ở đất Bắc(1786-1796)- quê vợ ở Thái Bình & ở ẩn tại quê hương(1796-1820) + Làm quan dưới thời nhà Nguyễn, 1820 nhận lệnh đi sứ Trung Quốc lần 2, chưa kịp đi thì ông đã mất ở Huế. Sự nghiệp sáng tác văn học của Ông? + Thơ chữ Hán: 243 bài + 3 tập thơ nổi tiếng: Thanh hiên thi tập, Bắc hành tạp lục, Nam trung tạp ngâm + Thơ Nôm: Truyện Kiều, Văn chiêu hồn, Thác lời trai phường nón, Văn tế sống 2 cô gái trường lưu	kiến Việt Nam. Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội. + Những thăng trầm trong cuộc sống riêng tư làm cho tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương con người. * Sáng tác: + Các tác phẩm được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm + Đong góp to lớn cho kho tàng văn học dân tộc, nhất là ở thể loại truyện thơ.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** - Có nhiều biến động, Xã hội phong kiến Việt Nam bước vào thời kỳ khủng hoảng sâu sắc: Đời sống nhân dân vô cùng cơ cực, xã hội loạn lạc đen tối, giai cấp phong kiến tham bạo tranh bá đồ vương, chém giết, tàn sát lẫn nhau. Trịnh Nguyễn phân tranh, vua Lê bù nhìn cõng rắn cắn gà nhà -> phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn. Phong trào Tây Sơn thất bại, chế độ triều Nguyễn được thiết lập, đây là vương triều phong kiến cuối cùng với những chính sách chuyên chế tàn bạo. Những thay đổi kinh thiên động địa đó đã tác động mạnh tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực: "Trải qua mấy cuộc bể dâu Những điều trông thấy mà đau đớn lòng". Hoàn cảnh xã hội tác động đến con người và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du: + Gia đình là chiếc nôi văn hoá -> cung cấp tri thức + Xã hội biến động -> cách nhìn nhận của tác giả + Sống cùng dân -> hiểu & đồng cảm với nhân dân **Hoạt động 2: Tìm hiểu tác phẩm Truyện Kiều** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Giáo viên nêu yêu cầu: HS thảo luận theo cặp đôi **GV đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở:** ? Xuất xứ của Truyện Kiều? ? Sáng tác truyện Kiều, Nguyễn Du dựa vào cốt truyện nào? Từ đâu ? ? Nguyễn Du có sáng tạo như thế nào trong Truyện Kiều? ? Tác phẩm Truyện Kiều được chia làm mấy phần? Nội dung chính từng phần ? ? Hãy tóm tắt từng phần?	-> Thiên tài văn học cả chữ Hán & chữ Nôm. 2.Tác phẩm Truyện Kiều: 2.1. Nguồn gốc: + Cốt truyện: Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. + Truyện Kiều có tên là Đoạn Trường Tân Thanh. + Viết bằng chữ Nôm, thể thơ lục bát (6-8), gồm 3254 câu.

? Truyện Kiều có những giá trị gì về nội dung? ? Tác phẩm phản ánh hiện thực nào trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ? ? Giá trị nhân đạo thể hiện ở những khía cạnh nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Xuất xứ: Đoạn trường Tân Thanh (tiếng kêu mới về nỗi đau xé lòng, đứt ruột.) + Dựa theo cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (một nhà văn Trung Quốc đời Thanh) đây không phải là tác phẩm dịch mà là sáng tạo của Nguyễn Du. Bằng thiên tài nghệ thuật và tấm lòng nhân đạo Nguyễn Du đó làm cho tác phẩm trở thành một kiệt tác vĩ đại. ? Tác phẩm Truyện Kiều được chia làm mấy phần? Nội dung chính từng phần ? **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: - Giới thiệu nguồn gốc TK: Ng.Du viết TK vào đầu TK 19 (1805- 1809). Mượn cốt truyện "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân ở Trung Quốc viết thành "Đoạn trường tân thanh" (tiếng nói mới đứt ruột) tên thường gọi là Truyện Kiều. - Truyện gồm 3254 câu thơ lục bát. Giữ lại cốt truyện, các NV, TG sáng tạo thay thế các chi tiết ngôn ngữ tâm lý NV tạo ra thể giới n/vật đặc sắc. Với cảm hứng nhân đạo cao cả, xuất phát cuộc sống con λ Việt. TK là sáng tác văn chương đích thực của thiên tài Nguyễn Du => Truyện Kiều đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới - Truyện kể về cuộc đời người con gái tên Thúy Kiều. Nàng là con nhà lương thiện, tài sắc tuyệt vời, giàu lòng thương người, can đảm có tình yêu tuyệt vời với Kim Trọng. Nhưng tai hoạ đã xảy ra với gia đình nàng, Kiều phải bán mình chuộc cha. Từ đó cuộc đời nàng trải qua 15 năm lưu lạc. Hai lần làm kỹ nữ, làm nô tỳ	2.2. Tóm tắt tác phẩm: 3 phần. 1. Gặp gỡ và đính ước 2.Gia biến và lưu lạc. 3. Đoàn tụ. 2.3. Giá trị nội dung và nghệ thuật: a. Giá trị nội dung: * Giá trị hiện thực: + Tr.Kiều đã lên án các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người. + Truyện Kiều là bức tranh tố cáo xã hội phong kiến bất công, chà đạp lên quyền sống, phẩm hạnh con người, đặc biệt là người phụ nữ: đó là bọn quan lại, sai nha, bọn buôn thịt bán người, lên án thế lực đồng tiền. + Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, bạc mệnh trong xã hội phong kiến. * Giá trị nhân đạo: + Lên án chế độ phong kiến vụ nhân đạo. + Cảm thông trước số phận con người. + Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và ước mơ khát vọng chân chính của con người: tình yêu tự do, khát vọng công lí, phẩm chất tốt đẹp của con người.

bị hành hạ, vùi dập cho đến khi Từ Hải chuộc khỏi lầu xanh. Nhưng sự phản bội hèn hạ của bọn quan triều đình đã hại chết Từ Hải. Thúy Kiều tự trẫm mình ở sông Tiền Đường và được cứu sống. Cuối cùng nàng được đoàn tụ cùng gia đình. + Giá trị hiện thực: Tác phẩm đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với tất cả bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị & số phận những con λ bị áp bức đau khổ, đ/biệt là số phận bi kịch của λ phụ nữ. Bộ mặt xã hội phong kiến hiện lên qua nhân vật: Thằng bán tơ, Mã Giám Sinh, Tú bà, Sở Khanh, Bạc Hà, Bạc Hạnh, Hồ Tôn Hiến... + Giá trị nhân đạo: Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, trân trọng đề cao vẻ đẹp của con người, hướng tới những giải pháp xã hội đem lại hạnh phúc cho con λ *** Giáo viên** lấy dẫn chứng trong Truyện Kiều phân tích + Hồ Tôn Hiến tuy nói là: " kinh luân gồm tài" nhưng không có tài gì cao hơn ngoài tài phản trắc, dâm ô: " Nghe càng đắm, ngắm càng say Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình." + Quan xử kiện: người cầm cân nảy mực của xã hội lại xử theo thế lực của đồng tiền, nghe lời cha Thúc Sinh là Thúc Ông kiện Kiều rồi xử: " Một là cứ phép gia hình Hai là lại cứ lầu xanh phó về." + Lũ buôn thịt bán người: Kiều trở thành món hàng để trao đổi, mua bán: " Cò kè bớt một thêm hai Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm." +Sức phá hoại của đồng tiền thật đáng sợ: " Một ngày lại thói sai nha Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền." & " Tiền lưng đã sẵn việc gì chẳng xong." + Bản tình ca về tình yêu nam nữ giữa Kim Trọng & Thuý Kiều: " Vầng trăng vằng vặc giữa trời Đinh ninh hai mặt một lời song song." + Khát vọng công lí: Từ Hải dám đứng lên chống giai cấp p.kiến bất công: " Chọc trời khuấy nước mặc dầu Dọc ngang nào biết trên đầu có ai. "	b. Giá trị nghệ thuật: + Thơ lục bát nhuần nhuyễn sáng tạo. + Ngôn ngữ dân tộc trong sáng, mĩ lệ, dạt dào sắc thái biểu cảm. + Tả cảnh ngụ tình. + Sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

+ Thuý Kiều tập trung cả vẻ đẹp hình thức lẫn tâm hồn: “ Kiều càng sắc sảo mặn mà So bề tài sắc lại là phần hơn ....mặc ai” “ Duyên kì ngộ, đức cù lao Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn.” “ Để lời thệ hải minh sơn Làm con trước phải đền ơn sinh thành.” “ Quyết tình nàng mới hạ tình Dẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha.” + Khi bị bán vào lầu xanh phải chịu bao hờn tủi, xót xa nàng vẫn nhớ người yêu, nhớ cha mẹ vì chưa giữ trọn đạo con: “ Xót người tựa cửa hôm mai Quạt nồng ấp lạnh những ao đó giờ.” ? Nguyễn Du đã sử dụng nghệ thuật nào trong tác phẩm? + Truyện Kiều là 1 kiệt tác với bút pháp của 1 nghệ sĩ thiên tài trên tất cả các phương diện của nghệ thuật truyện thơ Nôm: Thể loại, ngôn từ có chức năng biểu đạt, biểu cảm, chức năng thẩm mĩ, bố cục, kết cấu, hình tượng nhân vật, nghệ thuật thể hiện nội tâm, miêu tả ngoại hình, + Miêu tả thiên nhiên đa dạng: Cảnh chân thực, sinh động, tả cảnh ngụ tình + Ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ. Nó có khả năng thiên biến vạn hoá trong Truyện Kiều từ luật bằng trắc, cách ngắt nhịp, vần đối trong câu thơ đều được khai thác triết để nhằm biểu đạt nội dung. Chính sự kết hợp tài tình giữa văn học dân gian và bác học nên chinh phục người đọc từ thế hệ này sang thế hệ khác. + Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc: Ngôn ngữ kể chuyện đã có cả 3 hình thức: + Trực tiếp: Lời nhân vật + Gián tiếp: Lời tác giả. + Nửa trực tiếp: Lời tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật. + Nhân vật: Nhân vật chính, phản diện với nội tâm điển hình *** Giáo viên minh hoạ:** Nguyễn Du giết chết hay ca ngợi nhân vật cũng chỉ bằng một từ : Qua đó ông đã lột tả bản chất nhân vật=> điển hình mà vẫn có cá tính mạnh mẽ.	+ Xây dựng nhân vật bất hủ.

+ Mã Giám Sinh anh sinh viên trường Q.T.Giám mà “ Ghế trên ngồi tót sỗ sàng & “ Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.” “ Cò kè bớt một thêm hai” + Tú Bà: “Thoắt trông nhờn nhợt màu da Ăn chi cao lớn đẫy đà làm sao.” + Kim Trọng: “ Nền phú hậu bậc tài danh Văn chương nết đất, thông minh tính trời.” + Từ Hải: “Râu hùm hàm én mày ngài Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.” ? Các nhân vật trong tác phẩm Truyện Kiều là những nhân vật như thế nào? + Bất hủ, sống mãi trong lòng người đọc *** Giáo viên** khái quát: Không chỉ người đọc nhớ về những nhân vật tiêu biểu mà Truyện Kiều được phổ biến rộng rãi, đề tài bàn luận của nhiều thế hệ, dần dần tạo nên những hình thức sinh hoạt văn hoá rất phong phú & đa dạng: lẩy Kiều, đố Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều & cả bói Kiều nữa. Điều đó chứng tỏ Truyện Kiều đã xâm nhập sâu rộng vào tâm thức người Việt Nam, văn hoá Việt Nam, người dân Việt Nam. Người dân Việt Nam thừa nhận cuộc đời của Kiều là cuộc đời của người dân nước mình, con người của Truyện Kiều là người Việt Nam.v.v.Truyện Kiều có sức sống mãnh liệt đến như vậy là vì có những yếu tố nghệ thuật: Lời văn tả hình như máu chảy ở đầu những ngọn bút. Nước mắt thấm trên trang giấy. Khiến ai đọc cũng đọc cũng phải thấm thía, ngậm ngùi.” (Mộng Đường Liên Chủ nhân đã viết.) *** Giáo viên:** Nhà phê bình Hoài Thanh đã khẳng định giá trị và hạn chế của Truyện Kiều bằng 4 vế sau:“Đó là một bản án, một tiếng kêu đau thương, một ước mơ, một cái nhìn bế tắc”.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: ? Giá trị nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

a. Giá trị nội dung:

* Giá trị hiện thực:

+ Truyện Kiều đã lên án các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người

+ Truyện Kiều là bức tranh tố cáo xã hội phong kiến bất công, chà đạp lên quyền sống, phẩm hạnh con người, đặc biệt là người phụ nữ: đó là bọn quan lại, sai nha, bọn buôn thịt bán người, lên án thế lực đồng tiền.

+ Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, bạc mệnh trong xã hội phong kiến.

* Giá trị nhân đạo:

+ Lên án chế độ phong kiến vụ nhân đạo.

+ Cảm thông trước số phận con người.

+ Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và ước mơ khát vọng chân chính của con người: đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người

b. Giá trị nghệ thuật:

+ Thơ lục bát nhuần nhuyễn sáng tạo.

+ Ngôn ngữ dân tộc trong sáng, mĩ lệ, dạt dào sắc thái biểu cảm.

+ Tả cảnh ngụ tình.

+ Sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

=> Xây dựng nhân vật bất hủ.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc ghi nhớ, tóm tắt tác phẩm.

+ Tóm tắt truyện Kiều 20 dòng.

+ Nắm đươc tác giả & tác phẩm của 'Truyện Kiều"

+ Đọc phần đọc thêm, rõ hơn các giá trị nội dung & nghệ thuật

+ Đọc & soạn bài tiếp theo "Chị em Thuý Kiều",

(Học thuộc lòng đoạn trích, tìm bố cục, tìm hiểu các chú thích khó, phân tích các nội dung và nghệ thuật của đoạn trích, sưu tầm tranh Chị em Thuý Kiều.)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 6 - Tiết 27

Văn bản: CHỊ EM THUÝ KIỀU

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Bút pháp nghệ thuật tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.

+ Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người qua một đoạn trích cụ thể.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh biết yêu quý, trân trọng cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: đọc lại một số đoạn trích trong Truyện Kiều (có liên quan tới đoạn trích sẽ học) và một số lời bình về đoạn trích. Chuẩn bị phiếu học tập, bảng phụ

2. Học sinh

Đọc kỹ văn bản soạn theo câu hỏi và hướng dẫn của giáo viên. Sưu tầm tư liệu phục vụ việc phân tích đoạn trích, sưu tầm chân dung chị em Thuý Kiều

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi gợi mở: Nhà bạn nữ nào có chị hay em gái không? Nêu cảm nhận của em khi có chị hoặc em gái

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Vậy chị em gái trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều của Nguyễn Du có gì đặc biệt, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản này để giải mã cho câu hỏi

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** biết được vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đối :** **?** Nêu vị trí đoạn trích? ? Giải thích các chú thích 1,2,5,6,8? ? Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn trích? Phương thức nào là chủ yếu? Nêu bố cục đoạn trích? ? Em có nhận xét gì về bố cục của văn bản?	**A. Giới thiệu chung:** *.Vị trí đoạn trích: + Nằm ở phần thứ nhất của Truyện Kiều (từ câu -> câu) **B. Đọc hiểu văn bản:** 1. Đọc- Chú thích:

? Nội dung trọng tâm nằm ở phần nào của văn bản? Vì sao em lại nghĩ như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Thuộc phần 1: Gặp gỡ và đính ước + Đoạn trích nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu gia cảnh Thuý Kiều. Khi giới thiệu những người trong gia đình Thuý Kiều tác giả tập trung tả tài sắc Thuý Vân và Thuý Kiều. **Bố cục :** + Bốn câu đầu: Giới thiệu khái quát hai chị em Thuý Kiều. + Bốn câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân + Mười hai câu còn lại: Gợi tả vẻ đẹp Thuý Kiều + Bốn câu cuối: Nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em . **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên:** Nổi bật là miêu tả. Đoạn thơ miêu tả nhân vật theo bút pháp ước lệ quen thuộc trong văn học trung đại (ước lệ: Sử dụng nhiều qui ước trong biểu hiện nghệ thuật) + Dùng nhiều hình tượng thiên nhiên: Trăng, hoa, tuyết, ngọc dùng để miêu tả con người. Tùng, trúc, cúc, mai để nói về vẻ đẹp tâm hồn, bản lĩnh, trí khí + Ngôn ngữ trang nhã, nhiều điển tích, điển cố nghiêng về gợi tác động tới người đọc thông qua sự phán đoán, tưởng tượng so sánh mà không trực tiếp miêu tả tỉ mỉ chân dung nhân vật + Bố cục hợp lý, chặt chẽ, các phần gắn bó với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, một mẫu mực về văn miêu tả nhân vật tinh tế của tác giả, miêu tả từ khái quát đến cụ thể, lấy Thuý Vân làm nền để miêu tả Thuý Kiều (giới thiệu chung, tả từng người...) ? Nội dung trọng tâm là phần miêu tả tài sắc của Kiều: vì chiếm lượng câu chữ nhiều nhất.	2. Bố cục: + 4 phần

Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về hai chị em Thuý Kiều **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Đọc 4 câu thơ đầu và cho biết 4 câu thơ này giới thiệu điều gì ? ? Đọc 2 câu thơ đầu, em hiểu gì qua hai câu thơ này? ? Em có nhận xét gì về cách giới thiệu và cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ đó? ? Em hiểu như thế nào về câu thơ "Mai cốt cách, tuyết tinh thần"? ? Nhận xét gì về nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong câu thơ? ? Qua cách giới thiệu đó, em thấy bức chân dung của chị em Thuý Kiều có gì đặc biệt ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + 4 câu đầu: Giới thiệu khái quát tài sắc hai chị em Thuý Kiều + Giới thiệu thứ bậc: Chị là Thuý Kiều và em là Thuý Vân và đánh giá chung về hai chị em. + Sự kết hợp giữa từ thuần Việt với từ Hán Việt (2 ả tố nga) khiến cho lời giới thiệu tự nhiên, trang trọng. Hai cô có vẻ đẹp trong trắng, cao quí của nàng tiên trên cung quế theo truyền thuyết. + Hai chị em đều duyên dáng, thanh cao, trong trắng. Cốt cách giống như cây mai(ẩn dụ) và tâm hồn trong trắng như tuyết (ẩn dụ). Vẻ đẹp của 2 chị em được so sánh với cái tinh hoa nhất của thiên nhiên. Được tôn lên đến đỉnh cao của cái đẹp nhưng cái chung ấy vẫn có cái đẹp riêng của từng người " mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười"	3. Phân tích: a. Giới thiệu chung về hai chị em Thuý Kiều: + Giới thiệu thứ bậc bằng phương pháp đảo ngữ: Chị là Thuý Kiều và em là Thuý Vân + Lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để miêu tả vẻ đẹp của con người(bút pháp ước lệ) Cốt cách giống như cây mai(ẩn dụ) và tâm hồn trong trắng như tuyết (ẩn dụ)=>vóc dáng thanh tao, mảnh dẻ, duyên dáng, tâm hồn trong sáng

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Qua câu thơ giúp ta hiểu Nguyễn Du tả cốt cách chỉ biểu hiện được cái hồn, cái thần của vẻ đẹp chứ không đi sâu vào miêu tả tỉ mỉ. + Hình ảnh ẩn dụ, ví ngầm. Bút pháp ước lệ (dùng hình tượng đẹp của thiên nhiên -> nói về con người) Dùng thành ngữ "mười phân vẹn mười" *** Giáo viên bình:** Chỉ với 4 câu thơ kết hợp 3 phương thức biểu đạt 2 câu thơ đầu tâm sự, câu thơ thứ 3 miêu tả, câu thơ thứ 4 biểu cảm) Nguyễn Du viết theo phép tắc có sẵn nhưng không sao chép và gửi vào đó là tình cảm yêu mến trân trọng. Lời khen chia đều cho hai người, nét bút lại muốn đậm nhạt "mỗi người một vẻ". Vì thế liền sau đó, thi sĩ tập trung rọi sáng từng người. **Hoạt động 2: Tìm hiểu vẻ đẹp của Thuý Vân** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc 4 câu thơ tiếp theo ? Em hiểu câu thơ " Vân xem trang trọng khác vời" có nghĩa là như thế nào? ? Bức chân dung của Thuý Vân được miêu tả cụ thể qua những chi tiết nào? ? Em hãy dựng lại bức chân dung của Thuý Vân qua cách miêu tả của nhà thơ Nguyễn Du? ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả bức chân dung Thuý Vân của Nguyễn Du? ? Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì ở đây? Tác dụng của các biện pháp đó? ? Em dự cảm được điều gì qua bức chân dung Thuý Vân? **(H khá giỏi)** - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	-> Bút pháp ước lệ, tượng trưng, sử dụng thành ngữ, => Vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ đạt tới độ hoàn mĩ "mười phân vẹn mười" b Vẻ đẹp của Thuý Vân: + Quý phái, cao sang.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi** + 4 câu thơ vừa giới thiệu vừa khái quát đặc điểm nhân vật: Thuý Vân có vẻ đẹp cao sang, quí phái, ít người sánh kịp. Bức chân dung của Thuý Vân: + khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang, + hoa cười ngọc thốt, + mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da → Nhận xét: + Khuôn mặt: Xinh đẹp, đầy đặn như mặt trăng rằm + Miệng cười tươi thắm như hoa nở + Giọng nói trong trẻo thoát ra từ hàm răng ngọc ngà + Mái tóc đen óng, mượt và nhẹ hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV bổ sung:** + Cụ thể trong phép liệt kê: khuôn mặt, nét ngài, lông mày, miệng cười, giọng nói, màu tóc, nước da. + Cụ thể trong việc sử dụng từ ngữ để làm nổi bật vẻ đẹp riêng: đầy đặn, nở nang, đoan trang. + Bút pháp nghệ thuật ước lệ, với những hình tượng thiên nhiên: trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc -> vẻ đẹp đoan trang của Thuý Vân. + Nghệ thuật so sánh, ẩn dụ -> vẻ đẹp phúc hậu, quí phái của Thuý Vân. + Nhún nhường, vị nể, cảm mến: thua, nhường + Vẻ đẹp Thuý Vân tạo ra sự hoà hợp, êm đềm với cảnh vật xung quanh. + Chân dung Thuý Vân mang tính cách, số phận tạo sự hoà hợp êm đềm xung quanh, nên nàng sẽ có cuộc đời bình lặng, suôn sẻ, hạnh phúc. *** Giáo viên bình:** Với phương pháp đặc tả Nguyễn Du đã vẻ lên bức chân dung cụ thể, sinh động. Thuý Vân tiêu biểu cho vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu, một vẻ đẹp tươi tắn, trẻ trung, đang độ trăng tròn. Vẻ đẹp của nàng đạt đến chuẩn mực vẻ đẹp của người phụ nữ phong kiến" 10 phân vẹn 10" không gây khó chịu. Một sắc đẹp mà trời đất phải chịu thua, nhường nhịn không đố kị ghen ghét nên dự báo một cuộc sống suôn sẻ, bình lặng. **Hoạt động 3: Tìm hiểu vẻ đẹp của Thuý Kiều**	- Chân dung được miêu tả cụ thể: + Khuôn mặt: xinh đẹp, đầy đặn, tươi sáng như vầng trăng tròn, phúc hậu. + Nét ngài: nở nang + Miệng tươi như hoa + Tiếng nói: nhẹ nhàng đằm thắm + Tóc: óng ả, mượt mà, bồng bềnh như làn mây nhẹ trôi khiến mây phải thua +Làn da: mịn màng, trắng sáng đầy sức sống khiến tuyết phải nhường -> Nghệ thuật: Liệt kê, so sánh, ẩn dụ, ước lệ tượng trưng - Lấy báu vật của thiên nhiên: trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc để làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt mĩ của Thuý Vân ->Vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang, nhân từ, hoà hợp với thiên nhiên-> số phận, cuộc đời nàng sẽ bình lặng, suôn sẻ, hạnh phúc.

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp ? Hãy theo dõi và nhận xét về số lượng câu thơ dùng để miêu tả Thuý Kiều so sánh với Thuý Vân? Tác giả có mục đích gì khi miêu tả như vậy? ? Từ nào trong câu thơ mở đầu cho chân dung có tính chất so sánh, đối chiếu? ? Tác giả nhấn mạnh vẻ đẹp của Kiều " càng sắc sảo mặn mà' em hiểu đây là vẻ đẹp như thế nào? Nhiệm vụ 2: *** Thảo luận nhóm:** 5 phút Câu hỏi thảo luận: Nhóm 1,3: ? Khi gợi tả nhan sắc của Thuý Kiều tác giả cũng sử dụng hình tượng nghệ thuật mạng tính ước lệ, theo em có điểm nào giống và khác so với tả Thuý Vân ? ? Cách miêu tả trên cho thấy Kiều có vẻ đẹp như thế nào? ? Điểm khác nhau cơ bản khi tác giả miêu tả Thuý Kiều khác Thuý Vân ở chỗ nào? **Nhóm 2,4:** ? Tác giả Nguyễn Du đã giới thiệu sự tài hoa của Thuý Kiều bằng những chi tiết nào? ? Tài nào là sở trường của Kiều? chi tiết nào thể hiện điều đó? ? Từ "ăn" trong" nghề riêng ăn đứt" được dùng theo nghĩa nào? ? Kiều còn có tài soạn nhạc và đó đặt tên cho khúc nhạc do mình sáng tác là "Bạc mệnh"có ý nghĩa gì? ? Điều đó cho ta thấy vẻ đẹp Kiều là sự kết hợp của những yếu tố nào? ? Chân dung của Thuý Kiều đã dự cảm số phận của nàng sẽ ra sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	b Vẻ đẹp, tài năng của Thuý Kiều: * Vẻ đẹp Thuý Kiều: + Vẻ đẹp đằm thắm cả về trí tuệ và tâm hồn + Đặc tả đôi mắt:Làn thu thuỷ, nét xuân sơn + Hoa ghen, liễu hờn

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi** + 12 câu-> thấy được vị trí của nhân vật Thuý Kiều là nhân vật chính, trung tâm của truyện. + Kiều không chỉ đẹp mà còn có rất nhiều tài. + Tác giả dùng bút pháp ước lệ "thu thuỷ", "xuân sơn", "hoa", "liễu" -> gợi tả thiên nhiên viên mãn, ổn định, tròn đầy-> vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế. + Đặc biệt tác giả đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt. Đôi mắt ấy được so sánh với nước mùa thu vừa trong sáng, vừa long lanh, vừa gợn sóng. Điểm khác nhau cơ bản khi tác giả miêu tả Thuý Kiều khác Thuý Vân ở chỗ: Tài năng của Kiều Tác giả Nguyễn Du đã giới thiệu sự tài hoa của Thuý Kiều bằng những chi tiết : + Thông minh sẵn tính trời, + Tài năng: Cầm (đàn), kì (cờ), thi (thơ) hoạ (vẽ) -> Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp cả sắc và tài **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV bổ sung:** + Đôi mắt được coi là cửa sổ tâm hồn, thể hiện những gì tốt đẹp nhất của con người: tình cảm, tâm hồn, nhận thức, trí tuệ.v.v.Đôi mắt ấy không chỉ đẹp mà còn có tình, có sức cuốn hút mạnh mẽ, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, mặn mà, trí tuệ -> thiên nhiên sống động hơn, biến hoá hơn. Thành ngữ nghiêng nước nghiêng thành lấy từ ý thơ của Diên Niên đời Hán Trung Quốc ở phương Bắc có người con gái đẹp vô song đến nỗi nàng nhìn 1 cái thì xiêu thành đổ luỹ, nhìn lần thứ 2 thì nước mất-> Kiều sánh ngang vẻ đẹp của các mĩ nhân T.Quốc: Tây Thi, Đắc Kỉ, Dương Quý Phi, Điêu Thuyền... + Nếu vẻ đẹp của Thuý Vân đạt đến đỉnh cao vẻ đẹp của người phụ nữ phong kiến. Thì vẻ đẹp của Thuý Kiều đã phá vỡ mọi khuôn khổ của cái đẹp ấy =>Thuý Kiều một tuyệt sắc, tuyệt tài + Tác giả không tả cụ thể mà chỉ gợi cho người đọc liên tưởng; một tuyệt thế giai nhân mà không bút nào tả được, vẽ được. Vẻ đẹp của Thúy Kiều đã phá vỡ mọi khuôn khổ, chuẩm mực của cái đẹp-> vẻ đẹp hoàn mỹ + Cung đàn "Bạc mệnh" mà Kiều sáng tác ghi lại tiếng lòng của tâm hồn đa sầu, đa cảm, gợi sự buồn bã, sầu	+Nghiêngnước,nghiêng thành -> Bút pháp ước lệ, tượng trưng, nhân hoá, dùng thành ngữ, điển tích, điển cố, ngôn ngữ miêu tả tài tình. -> Vẻ đẹp trẻ trung, tươi tắn, lộng lẫy, kiêu sa khiến thiên nhiên phải hờn, ghen, đố kị => Vẻ đẹp đạt đến độ hoàn mỹ: một tuyệt thế giai nhân. * Tài năng:

thương lâm li. Dự báo trước số phận mong manh, trôi nổi bất hạnh của nàng suốt 15 năm lưu lạc của Kiều sau này. + Tóm lại bức chân dungThuý Kiều hiện lên có đủ sắc-tài-tình-mệnh, tác giả dành lượng gấp 3 lần thơ để tả so với Thuý Vân, trời xanh phú cho nàng nhiều phẩm hạnh đẹp đẽ thì cũng đày đoạ nàng nhiều nỗi truân chuyên theo triết lí định mệnh phong kiến "chữ tài chữ mệnh khéo đà ghét nhau" hay như Nguyễn Du đã viết mở đầu "chữ tài đi với chữ tai một vần" + Thanh Tâm Tài Nhân chủ yếu kể về hai chị em Kiều. Nguyễn Du thì thiên về gợi tả sắc đẹp Thuý Vân, tài sắc Thuý Kiều. Thanh Tâm Tài Nhân tả về Kiều trước, Vân sau; còn Nguyễn Du ngược lại: Tả vẻ đẹp Thuý Vân trước tôn lên vẻ đẹp Thuý Kiều. Như vậy vừa miêu tả vẻ đẹp của 2 chị em, tác giả lại vừa dự báo trước chính xác số phận của các nhân vật bằng nghệ thuật liên tưởng, lí tưởng hoá nhân vật (ước lệ tượng trưng là cách xây dựng nhân vật chính diện của Nguyễn Du, khác với cách xây dựng nhân vật phản diện của tác giả (vật cách hoá hay hiện thực hoá nhân vật) GV bổ sung: 4 câu thơ cuối gợi lên đức hạnh, gia giáo, nề nếp, khuôn phép trong gia đình của hai chị em Kiều, cả 2 đến tuổi cập kê mà không vướng bận tình cảm lứa đôi → Sự đề cao giá trị con người, vẻ đẹp con người: nhân phẩm, tài năng, khát vọng ý thức và thân phận cá nhân **Hoạt động 4: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp ? Dựa vào cảm hứng đó hãy nêu nội dung của đoạn trí ? Đoạn trích " Chị em Thuý Kiều" có ý nghĩa như thế nào? ? Giá trị nghệ thuật của đoạn trích? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**	+ Tài: Cầm, kì, thi, hoạ (đàn chơi cờ, thơ, vẽ)- >đạt tới mức lí t-ưởng theo quan niệm phong kiến. -> Vẻ đẹp của sự kết hợp: Sắc – Tài – Tình. Tạo hoá phải ghét ghen, đố kị => Dự cảm về cuộc đời, số phận éo le, trắc trở, bể dâu. -> Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy, làm nổi bật vẻ đẹp của Thuý Kiều

- Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS Gv chuẩn kiến thức: + Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ. Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. + Thủ pháp đòn bẩy làm nổi bật vẻ đẹp Thuý Kiều. + Sử dụng nghệ thuật so sánh, điển cố. + Nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật giàu sức gợi hình.	d. Nếp sống hàng ngày của hai chị em: + Phong lưu, quí phái, êm đềm, đoan chính, gia phong -> nếp sống khuôn phép, gia giáo, đức hạnh. 4. Tổng kết: a Nội dung - ý nghĩa * ND: Ca ngợi vẻ đẹp hoàn hảo của 2 chị em Thuý Kiều & dự báo cuộc đời, số phận của 2 chị em. * Ý nghĩa của văn bản: + "Chị em Thuý Kiều" thể hiện tài năng nghệ thuật & cản hứng nhân văn ca ngợi vẻ đẹp & tài năng con người của tác giả Nguyễn Du. b. Nghệ thuật: + Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ. + Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. + Thủ pháp đòn bẩy. c. Ghi nhớ: (SGK-83)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV đặt câu hỏi: ? Hình ảnh của Thúy Kiều gợi lên vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Em có suy nghĩ về công dung ngôn hạnh của phụ nữ Việt Nam ngày nay, đặc biệt là các bạn gái?
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu:
? Em hiểu bút pháp ước lệ tượng trưng là gì? Lấy một ví dụ trong đoạn trích để làm rõ bút pháp này?
? Đọc đoạn giới thiệu Thúy Kiều và Thúy Vân trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân sau đây và so sánh về cách miêu tả chân dung của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích Chị em TK của ND
"…Con gái trưởng là Thúy Kiều, gái thứ là Thúy Vân, hai cô đều có nhan sắc diễm lệ, tính nết nhu mì, và giỏi thơ phú. Riêng phần Thúy Kiều lại có thái độ phong lưu, tính thích hào hoa và lại tinh về âm luật, sở trường nhất là món Hồ cầm.
Thúy Vân thì trời phú cho cái tính điềm đạm, nên thấy chị quá say mê Hồ cầm, thường can gián chị rằng: Món âm nhạc đâu phải là công việc của bọn khuê phòng, sợ khi tai tiếng ra ngoài thì cũng bất nhã. v. v…
Kể ra Vân nói cũng có lí đấy. Nhưng với tính tình của Kiều thì không cho là đúng, lại còn sáng tác ra khúc "Bạc mệnh oán" để phả vào đàn, mỗi khi dạo lên nghe rất não nuột, khiến người nghe bên cạnh ứa lệ rơi châu.
(Phạm Đan Quế - Truyện Kiều đối chiếu)
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Đọc diễn cảm, học thuộc lòng đoạn trích. Học ghi nhớ, hiểu nội dung, nghệ thuật của văn bản.
+ Tham khảo đoạn văn tương ứng trong Kim Vân KiềuTruyện của Thanh Tâm Tài Nhân.
+ Nắm chắc được bút pháp nghệ thuật cổ điển và cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du thể hiện qua đoạn trích
+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.
+ Đọc bài đọc thêm và so sánh với đoạn vừa học.
+ Soạn "Cảnh ngày xuân"
(đọc kĩ đoạn trích, vị trí, nội dung chính, nghệ thuật chính của đoạn trích?)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần -Tiết 28

Văn bản: CẢNH NGÀY XUÂN

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của thi hào dân tộc Nguyễn Du.

+ Sự đồng cảm của Nguyễn Du với những tâm hồn trẻ tuổi.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kĩ năng ra quyết định tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bình giảng N.văn 9, Ngữ văn 9 nâng cao, Tư liệu ngữ văn 9, .v.v...=> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập.Tranh minh hoạ: Chị em Kiều du xuân.

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài cũ, đọc & soạn bài mới.(Chuẩn bị theo sách giáo khoa)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chức cuộc thi đọc những câu thơ, bài thơ viết về mùa xuân?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Đề tài về bốn mùa, đặc biệt là mùa xuân chưa bao giờ hết hấp dẫn trong mắt các nhà thơ. Nguyễn Du cũng không ngoại lệ. Đoạn trích Cảnh ngày xuân trong Truyện Kiều là một trong những đoạn thơ hay viết về mùa xuân. Hôm nay, cô cùng các con sẽ tìm hiểu đoạn trích này

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** biết được vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đối :** **?** Nêu vị trí đoạn trích? ? Đoạn trích có bao nhiêu chú thích, những chú thích nào cần hiểu kĩ ? (2,3,4,5,6,7) ? Hãy giải thích các chú thích đó? ? Em hiểu gì về lễ thanh minh trong tháng ba? ? Em hiểu " vàng vó" là gì ? Tiền giấy dùng trong lễ thanh minh là loại tiền như thế nào? ? Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn trích là gì? (miêu tả) ? Theo em, đoạn trích được kết cấu theo trình tự nào? ? Gồm mấy phần chính ? Nội dung từng phần ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Đoạn trích nằm ở phần I của tác phẩm: Gặp gỡ và đính ước. Sau khi tả chân dung 2 chị em Thuý Kiều, đoạn này tả cảnh ngày xuân trong tiết thanh minh và cảnh du xuân của 2 chị em Kiều + Bố cục: + 4 câu thơ đầu: Vẻ đẹp TN mùa xuân. + 8 câu thơ tiếp: Cảnh hội mùa xuân + 6 câu cuối: Chị em Kiều du xuân trở về. + Trình tự miêu tả từ khái quát (khung cảnh chung mùa xuân) đến cụ thể (cảnh lễ hội và con người) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.	**A. Giới thiệu chung:** 1. Vị trí đoạn trích: + Thuộc phần 1: Gặp gỡ và đính ước **B. Đọc- hiểu văn bản:** 1. Đọc- Chú thích: 2. Bố cục: + 3 phần (Theo trình tự thời gian)

GV bổ sung: **Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV gọi học sinh đọc lại 4 câu thơ đầu.** ? Ý nghĩa khái quát của 4 câu thơ đầu là gì? + Khung cảnh ngày xuân hiện lên với vẻ đẹp như thế nào ? ? Trong hai câu thơ đầu, khung cảnh mùa xuân được miêu tả qua những chi tiết nào? Gợi: ? "Con én đưa thoi" gợi cho em thấy thời gian trôi đi như thế nào? ? Nguyễn Du đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong hai câu thơ này ? ? Hai câu thơ là bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân. Em hãy bình về bức họa đó? ? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của Nguyễn Du khi gợi tả mùa xuân? ? Tại sao tác giả chọn hoa lê chứ không phải loài hoa khác? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** *** GV gọi học sinh đọc lại 4 câu thơ đầu.** + Nội dung 4 câu đầu: Khung cảnh thiên nhiên với vẻ đẹp riêng của mùa xuân. Ý nghĩa hình ảnh + Con én đưa thoi: Gợi thời gian trôi đi nhanh + Thiều quang chín chục đã ngoài 60: ánh sáng đẹp của mùa xuân trở đi, trở lại đã hơn 60 ngày, hết tháng 2 sang tháng 3	3. Phân tích: a Vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân: - Thời gian, không gian mùa xuân: + Con én đưa thoi +Thiều quang chín chục ...60 ->Vào tháng 3 mùa xuân tươi đẹp thấm thoát qua nhanh->gợi cảm giác nuối tiếc ngày xuân cũng như tiếc nuối thời tuổi trẻ qua nhanh(trong cảm nhận, suy nghĩ của chị em Thuý Kiều) - Cảnh mùa xuân: + Thảm cỏ non trải tít tắp tới tận chân trời- hạn cuối cùng của tầm mắt con người- sức sống mãnh liệt dâng trào của mùa xuân + Hoa lê trắng điểm xuyết trên thảm cỏ xanh non

- Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ nhân hoá: con én đưa thoi, gợi đường nét trong bức tranh mùa xuân. **Hai câu: Ngày xuân con én...** + Thảm cỏ non (xanh non) trải rộng tới chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân -> khoáng đạt mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, trong trẻo, thanh khiết, có hồn. + Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết vài bông hoa lê trắng, nhẹ nhàng, thanh khiết... => Màu sắc có sự hài hoà tuyệt diệu.	-> Hình ảnh quen thuộc, tín hiệu tiêu biểu của mùa xuân.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Hai câu thơ đầu vừa nói thời gian vừa gợi không gian. Ngày xuân thấm thoắt trôi mau, tiết trời đã bước sang tháng ba, trong tháng cuối cùng của mùa xuân, những cánh én vẫn rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời trong sáng. + Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo câu thơ cổ Trung Quốc: "Phương thảo liên thiên bích" (cỏ thơm liền với trời xanh), "Lê chi sổ điểm hoa" (Trên cành lê có điểm mấy bông hoa) để tạo nên một khung cảnh xuân sống động, có hồn. + Thêm từ trắng tạo điểm nhấn làm nổi bật sắc của hoa lê và bổ sung vào bức tranh xuân một màu mới => Tác giả thổi vào bức tranh xuân vẻ đẹp trinh nguyên trong sáng đó là sự mới lạ và sáng tạo của Nguyễn Du một nghệ sĩ ngôn ngữ bậc thầy. Chỉ bằng 1 nét về thời gian, 2 nét về không gian, 2 nét tả cảnh vật mà tác giả đã làm nổi bật được cái hồn của mùa xuân với những đặc điểm rất riêng.Nếu như trong tả người là bút pháp ước lệ tượng trưng thì khi tả cảnh lại dùng những nét chấm phá, giảm nhẹ tính ước lệ, đi sâu vào tính chân thực của thiên nhiên => bức tranh tuyệt đẹp của mùa xuân. **Hoạt động 2: Tìm hiểu cảnh hội mùa xuân** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV gọi học sinh đọc 8 câu thơ tiếp theo.**	=> Bức tranh mùa xuân được khắc họa qua cái nhìn của nhân vật trước ngưỡng cửa của tình yêu hiện ra thanh mảnh, mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt, trong trẻo, thanh khiết, có hồn.

GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Trong ngày lễ thanh minh có những hoạt động nào được diễn ra? ? Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh được miêu tả ra sao? ? Em hãy nêu những nhận xét của em về cách sử dụng từ ngữ của tác giả qua đoạn thơ này ? ? Cách nói ẩn dụ " nô nức", " yến anh" có tác dụng gì ? gợi tả điều gì? ? Thông qua buổi du xuân của chị em Thuý Kiều, tác giả khắc hoạ một truyền thống lễ hội xa xưa. Em có cảm nhận ntn về lễ hội truyền thống ấy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi** *** GV gọi học sinh đọc 8 câu thơ tiếp theo.** + Lễ tảo mộ: đi viếng mộ, quét tước, sửa sang phần mộ của người thân. + Hội đạp thanh: đi chơi xuân ở chốn đồng quê Cách sử dụng từ ngữ của tác giả qua đoạn thơ này ? + Danh từ: Yến anh, chị em, tài tử, giai nhân -> gợi sự đông vui, người người cùng đến lễ hội. + Động từ: Sắm sửa, dập dìu: Gợi tả sự rộn ràng náo nhiệt của ngày hội. + Tính từ: Gần xa, nô nức: làm rõ tâm trạng người đi lễ hội → Câu thơ gợi tả đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít, trong lễ hội nhộn nhịp nhất là những nam thanh, nữ tú. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV bổ sung:** Tết Thanh minh, mọi người sắm sửa lễ vật đi tảo mộ, sắm sửa áo quần để đi hội đạp thanh. Người ta rắc những thoi vàng vó, đốt tiền giấy hàng mã để tưởng nhớ người thân đã mất -> một lễ hội truyền thống mang nét đẹp văn hoá. Ngày nay chúng ta không nên quá lạm dụng trở thành hành động mê tín dị đoan tốn kém. **Hoạt động 3: Tìm hiểu cảnh chị em Kiều du xuân trở về**	b. Cảnh hội mùa xuân: - Lễ tảo mộ. - Hội đạp thanh. -> Một loạt từ 2 âm tiết là các danh từ, động từ, tính từ ; Cách nói ẩn dụ -> Gợi lên không khí lễ hội thật rộn ràng, náo nức, vui tươi & những nghi thức trang nghiêm mang tính truyền thống của người Việt.

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp *** GV gọi học sinh đọc 6 câu thơ cuối và thảo luận:** ? Bức tranh cảnh vật và con người qua 6 câu thơ cuối có gì khác với bức tranh ở những câu thơ trên ? Vì sao ? ? Theo em cảnh vật được cảm nhận qua lăng kính nào? 6 câu cuối có đơn thuần là tả cảnh nữa không ? Vì sao ? ? Qua cảnh vật ấy cho thấy sự linh cảm có điều gì sẽ xảy ra với nàng Kiều sau đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi** + Nắng nhạt: tà tà bóng ngả về tây + Bước chân người thơ thẩn ra về + Dòng nước uốn quanh -> Sự khác nhau về thời gian, không gian thay đổi: Sáng – chiều . Lúc vào hội – lúc tan hội. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV bổ sung:** Qua cảnh vật ấy cho thấy sự linh cảm có điều xảy ra với nàng Kiều sau đó: Ngay từ lúc này, Kiều đó gặp nấm mồ Đạm Tiên, gặp chàng thư sinh Kim Trọng rồi bắt đầu một cuộc đời lênh đênh gió bụi. **Hoạt động 4: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.	c. Cảnh chị em Kiều du xuân trở về: + Nắng nhạt: tà tà bóng ngả về tây + Bước chân người thơ thẩn ra về -> Hội đã hết, ngày đã tàn, cảnh chuyển động nhẹ nhàng, thanh dịu, nên thơ, vắng lặng, không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa, tất cả đang nhạt dần, lặng dần. + Nao nao dòng nước uốn quanh + Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh -> Không gian êm đềm, vắng lặng, gợi sự lắng xuống nhẹ nhàng -> Cảnh vật nhuốm màu tâm trạng(nao nao): buồn,

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp ? Em có liên tưởng gì về bức tranh mùa xuân và cảnh ngày xuân qua đoạn trích? ? Nét đặc săc về nghệ thuật của đoạn trích này là gì? ? Theo em đoạn trích này có ND - ý nghĩa gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS Gv chuẩn kiến thức: Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên kết cấu theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều, sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật Kiều.	bângkhuâng(về một ngày vui đang còn mà đã linh cảm về một điều sắp xảy ra, cảnh hoàng hôn dự báo, linh cảm cho một đoạn trường mà đời Kiều sắp bước qua. **4. Tổng kết:** a Nội dung- Ý nghĩa: *ND: Cảnh mùa xuân đẹp & tràn đầy sức sống * Ý nghĩa của văn bản: + " Cảnh ngày xuân" là đoạn trích miêu tả bức tranh mùa xuân tươi đẹp qua ngôn ngữ và bút pháp nghệ thuật giàu tính chất tạo hình của Nguyễn Du. b Nghệ thuật: + Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật.

	+ Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều. c Ghi nhớ: (SGK- 87)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

Câu 1: Nhận định nào nói đầy đủ nhất nội dung chính của đoạn trích"Cảnh ngày xuân"?

A: Tả lại vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều

B:Tả lại cảnh chị em Thuý Kiều đi chơi xuân.

C: tả lại cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết Thanh Minh

D: Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ.

Câu 2: Dòng nào nói đóng nhất giá trị nghệ thuật của đoạn trích" Cảnh ngày xuân"

A: Sử dụng nhiều từ láy.

B:Tạo dựng được không gian, thời gian.

C: Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá.

D: Từ ngữ, miêu tả giàu chất tạo hình độc đáo.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

Đáp án: 1- B, 2- D

d) Tổ chức thực hiện:

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

?Viết đoạn văn từ 5-7 câu trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ

"Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc diễn cảm, học thuộc lòng đoạn trích.

+ Học bài, hoàn chỉnh bài luyện tập.

+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.

+ Chuẩn bị: " Thuật ngữ" (Đọc và tìm hiểu các nội dung có trong bài học, nghiên cứu các bài tập SGK)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 6 - Tiết 29

Tiếng Việt: THUẬT NGỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Khái niệm thuật ngữ.
+ Những đặc điểm của thuật ngữ.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về đặc điểm, vai trò, cách sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng thuật ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp. **3. 3. Phẩm chất:**

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc lại từ mượn, từ Hán Việt (lớp 6,7) tra Từ điển Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Thuật ngữ là một lớp từ đặc biệt của 1 ngôn ngữ. Tuy là một lớp từ vựng đặc biệt nhưng thuật ngữ không tách rời vốn từ chung của một ngôn ngữ. Ngày nay do trình độ văn hoá của người dân ngày càng cao, khoa học công nghệ ngày càng phát triển. Nhiều thuật ngữ nhanh chóng trở thành từ ngữ thông thường được dùng phổ biến hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng. Vậy thuật ngữ là gì, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ** **a. Mục tiêu:** nắm được khái niệm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV	**I.Thuật ngữ là gì:** 1 Phân tích VD(SGK- 87) * Ví dụ 1: + Cách giải thích thứ 1: Giải thích nghĩa của từ thông thường

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhóm 1,3:** Giáo viên treo bảng phụ ví dụ SGK -học sinh đọc ví dụ ? So sánh hai cách giải thích nghĩa của từ "nước" và từ " muối"? + ? Cách giải thích nào thông dụng ai cũng có thể hiểu được? ? Hãy cho biết cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học ? Vì sao? **Nhóm 2,4:** ? Em có nhận xét gì về những từ in đậm (gạch chân) trong các định nghĩa trên? ? Em đã học những định nghĩa này ở những bộ môn nào? ? Vậy từ tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** + Cách giải thích 1: Chỉ dừng lại ở những đặc tính bên ngoài của sự vật hình thành trên cơ sở kinh nghiệm có tính chất cảm tính + Cách giải thích 2: Thể hiện đặc tính bên trong của sự vật, phải qua nghiên cứu, bằng lí thuyết và phương pháp khoa học qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ đặc tính của nó. Không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học. Nhóm 2,4: + Là những khái niệm, những thuật ngữ. ? Em đã học những định nghĩa này ở những bộ môn nào? + Thạch nhũ : Địa lý + Ba- dơ : Hoá học + Ẩn dụ : Ngữ văn + Phân số thập phân : Toán học	+ Cách giải thích thứ 2: Là cách giải nghĩa yêu cầu phải có kiến thức hoá học(cách giải thích nghĩa của thuật ngữ) * Ví dụ 2: Những từ ngữ được định nghĩa chủ yếu dùng trong văn bản về khoa học, công nghệ. 2. Ghi nhớ: (SGK-88)

? Những từ ngữ trên chủ yếu được dùng trong các loại văn bản nào? + Trong các văn bản khoa học và công nghệ (các loại văn bản khác ít dùng hơn) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** **Giáo viên:** Các em cần chú ý từ "thường" ở đây, như vậy có nghĩa là thuật ngữ đôi khi được dùng trong những loại văn bản khác. Chẳng hạn: Một bản tin, một phóng sự hay một bài bình luận báo chí có thể sử dụng thuật ngữ khi đề cập đến những khái niệm có liên quan ->Thuật ngữ rất cần trong đời sống. *** GV gọi học sinh đọc ghi nhớ trong SGK.** **Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ** **a. Mục tiêu:** HS nắm các đặc điểm thuật ngữ **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **NV 1: GV đặt câu hỏi:** Cho học sinh quan sát lại những định nghĩa SGK-88 mục I. 2. ? Em hãy thử tìm xem những thuật ngữ dẫn trên có còn nghĩa nào khác nữa không ? ? Vậy từ nhận xét trên em rút ra được đặc điểm nào của thuật ngữ? **NV2: Giáo viên** yêu cầu học sinh theo dõi mục II . 2 ? Trong hai ví dụ đó, từ muối nào được coi là thuật ngữ ? ? Trong ví dụ, từ muối nào có sắc thái biểu cảm ? Vì sao? ? Từ ví dụ trên, ta có thể rút ra đặc điểm gì nữa của thuật ngữ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi:	**II. Đặc điểm của thuật ngữ:** 1. Phân tích VD(SGK -88) + Những thuật ngữ trong ví dụ không có nghĩa nào khác -> Thuật ngữ có tính chính xác + Trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm.

+ Thuật ngữ có tính chính xác + Trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm, và ngược lại mỗi khái niệm chỉ biểu thị bằng một thuật ngữ. + Muối (B): là ẩn dụ chỉ mức độ sâu đậm trong tình cảm. (không phải là thuật ngữ) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Thuật ngữ có 2 đặc điểm: Tính chính xác (chỉ có một nghĩa) và không có tính biểu cảm. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : Nhóm 1: bài 1 Nhóm 2: bài 2 Nhóm 3: bài 3 Nhóm 4: bài 4 Nhóm 5: bài 5 - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	- Từ " muối" (b) có sắc thái biểu cảm. -> Thuật ngữ không có tính biểu cảm. 2. Ghi nhớ: (SGK- 89) **II. Luyện tập:** **Bài tập số 1(SGK- 89)** + Thứ tự điền: Lực, xâm thực, hiện tượng hoá học, trường từ vựng, di chỉ, thụ phấn, lưu lượng trọng lực, khí áp, đơn chất, thị tộc phụ hệ, đường trung trực. **Bài tập số 2 (SGK-90)** + " Điểm tựa": Là một thuật ngữ vật lý có ý nghĩa là điểm cố định của một đòn bẩy thông qua đó lực được tác động truyền đến lực cản. + Trong đoạn trích này nó không được dựng như một thuật ngữ, ở đây điểm tựa chỉ nơi làm chỗ dựa chính (ví như điểm tựa của đòn bẩy) - > nơi gửi gắm niềm tin và hy vọng

	của Cách mạng (trong những năm chống Mỹ ác liệt) **Bài tập số 3 (SGK- 90)** A : Từ " Hỗn hợp" được dùng như một thuật ngữ. B. Từ " Hỗn hợp" được dùng như một từ thông thường. **Bài tập số 4 (SGK-90)** + Định nghĩa "Cá" theo lĩnh vực sinh học: Động vật có xương sống ở dưới nước bơi bằng vây, thở bằng mang + Theo cách hiểu của người Việt thì cá Voi, cá heo, cá sấu cũng là cá là hiểu theo trực giác, còn thực chất chúng thuộc lớp thú. **Bài tập số 5 (SGK-90)** + Không, vì: chúng được dùng trong hai lĩnh vực khoa học riêng biệt là kinh tế và quang học. Có thể coi đây chỉ là một hiện tượng đồng âm do sự trùng hợp ngẫu nhiên về vỏ âm thanh của từ.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV yêu cầu: Gạch chân những thuật ngữ có trong đoạn văn sau

Khí quyển của Sao Hỏa quá mỏng để hỗ trợ cho sự sống. Thành phần chủ yếu của khí quyển là khí cacbonic (95%). Lớp khí quyển rất mỏng này còn có thể rất bụi, bởi bụi từ lớp vỏ bề mặt Hỏa Tinh liên lục bị cuốn vào khí qyển do các cơn lốc xoáy khổng lồ. Đôi khi, có thể tìm thấy cả tuyết trên Sao Hỏa, nhưng là những bông tuyết bằng cacbonic, chứ không phải nước. Những bông tuyết này được cho là có kích thước rất nhỏ, cỡ khoảng tế bào máu

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, hoàn chỉnh các bài tập.

+ Tìm và sửa lỗi do sử dụng thuật ngữ không đúng trong một văn bản cụ thể.
+ Đặt câu có sử dụng thuật ngữ.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 7 - Tiết 30

Văn bản: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH
(Trích "Truyện Kiều"-Nguyễn Du)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng
+ Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kĩ năng ra quyết định tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất:

+ Có ý thức học tập cách miêu tả thiên nhiên của tác giả để viết văn, lòng yêu mến, sự khâm phục tài miêu tả của Nguyễn.Du.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bình giảng N.văn 9, Ngữ văn 9 nâng cao, Tư liệu ngữ văn 9, .v.v...=> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài cũ, đọc & soạn bài mới.(Chuẩn bị theo sách giáo khoa)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Sau khi bị Mã Giám Sinh giả danh cưới nàng về làm thiếp, Kiều bị đưa về thanh lâu. Tú Bà phát hiện ra Kiều đã thất thân với Mã Giám Sinh liền đánh đập Kiều. Nàng rút dao tự tử nhưng chỉ bị thương nhẹ. Tú Bà sợ Kiều chết thì sẽ mất vốn, nên đã dỗ dành lo thuốc thang & cho nàng ra ở lầu Ngưng Bích hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng

cho người tử tế, thực chất là giam lỏng nàng để chờ dịp giở mưa ma chước quỷ khác, thực hiện âm mưu mới đê tiện, tàn bạo hơn. Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích sẽ cho ta biết tâm trạng của nàng khi ở đây.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** biết được vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **NV1: GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi :** Em hãy cho biết đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích nằm ở đoạn nào của tác phẩm Truyện Kiều"? ? Đoạn trích được chia làm mấy phần? Nội dung mỗi phần như thế nào? ? Giải thích như thế nào về từ " khoá xuân, chén đồng, quạt nồng ấp lạnh, Sân Lai…"? **NV2 : GV** hướng dẫn cách đọc: Giọng chậm, buồn thương, đồng cảm, thể hiện tâm trạng buồn tủi, cô đơn. đoạn đầu chú ý ngắt nhịp, đoạn sau đọc dồn, ngắt nhịp 2 câu 1 cặp. Nhấn mạnh các từ: bẽ bàng, buồn trông, các từ ngữ miêu tả, điệp ngữ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Đoạn trích nằm ở phần thứ hai của tác phẩm. + Bố cục: + 4 câu thơ đầu: Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích. + 10 câu tiếp: Tâm trạng nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích (Nỗi nhớ của Kiều đối với Kim Trọng, đối với cha mẹ) + 8 câu thơ cuối: Tâm trạng của Kiều qua cách nhìn cảnh vật.	**A. Giới thiệu chung:** + Vị trí đoạn trích: nằm ở phần thứ hai của tác phẩm. " Gia biến và lưu lạc" **B. Đọc hiểu văn bản:** 1. Đọc- Chú thích: 2. Bố cục: + 3 phần + PTBĐ: Biểu cảm (miêu tả nội tâm nhân vật).

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV gọi học sinh đọc lại 4 câu thơ đầu.** ? Kiều đang ở trong cảnh ngộ như thế nào? ? Ở đây tác giả dùng từ "khoá xuân" theo em có phù hợp với cảnh ngộ của Kiều không? Em hiểu như thế nào về cách dùng từ ấy? ? Trong hoàn cảnh ấy, Kiều cảm nhận khung cảnh xung quanh như thế nào? ? Em hiểu như thế nào về hình ảnh "vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung"? + ? Tại sao Nguyễn Du lại viết là "non xa - trăng gần" có phải vô lý không? ? Em hãy miêu tả lại cảnh Thuý Kiều cảm nhận khi ở lầu Ngưng Bích bằng ngôn ngữ của em? ? Nhận xét gì về cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích? ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật m.tả của tác giả ở đây? ? Giữa mênh mông hoang vắng, tình cảnh và tâm trạng Kiều như thế nào? ? Cảm giác bẽ bàng là cảm giác như thế nào? ? Hình ảnh ước lệ tượng trưng: "mây sớm đèn khuya" giúp em hiểu ntn về tình cảnh của Kiều? ? Cách hiểu của em về câu "nửa tỉnh..... tấm lòng"? ? Qua những câu thơ đầu tiên ta thấy hoàn cảnh của Kiều hiện nay ra sao? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Hoàn cảnh : Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích (lầu cao bốn bề quạnh vắng, không bóng người)	3. Phân tích : a. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích : - Hoàn cảnh : "Khoá xuân". -> cảnh ngộ trớ trêu, bất hạnh của Thuý Kiều ; bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích Khung cảnh : + non xa trăng gần + bốn bề bát ngát, mây sớm đèn khuya + cát vàng, bụi hồng, => hình ảnh chơi vơi giữa mênh mông trời đất, cảnh bao la, hoang vắng,xa lạ và cách biệt, thiếu bóng dáng, sự sống, không sự giao lưu giữa người với người. Cảnh thực cũng có thể mang tính ước lệ gợi sự mênh mang, rợn ngợp của không gian : tâm trạng cô đơn của Kiều. * Từ ngữ chọn lọc cô đọng, xúc tích = 1 vài nét chấm phá dựng lên cả 1 bức tranh thiên nhiên toàn cảnh rộng lớn. - Tâm trạng : sớm làm bạn với mây, khuya làm bạn với đèn, thui thủi một mình.

+ Khoá xuân: khoá kín tuổi xuân, ý nói cấm cung. Song thực chất Kiều ở lầu Ngưng Bích là bị giam lỏng => dùng từ mỉa mai cảnh ngộ trớ trêu,bi kịch của Thuý Kiều. Trong hoàn cảnh ấy, Kiều cảm nhận khung cảnh xung quanh : + non xa trăng gần + bốn bề bát ngát, mây sớm đèn khuya + cát vàng, bụi hồng, Miêu tả cảnh Kiều ở lầu NB : Từ lầu cao ngước mắt xa trông. Thuý kiều chỉ thấy trong tầm mắt cảnh vật được trải rộng ra mênh mông có núi, mảnh trăng ở bầu trời như gần lại với người. Nhìn xuống phía dưới, một bên là cồn cát nhấp nhô như sóng lượn, bên thì bụi đường trải dài trên dặm đường xa. Cảnh vật nối tiếp nhau như kéo dài mãi đến tận chân trời xa, không một bóng người. → Cảnh đẹp rộng lớn, nhưng vắng vẻ, hiu quạnh Hình ảnh ước lệ tượng trưng: "mây sớm đèn khuya" - Bẽ bàng: cảm giác hổ thẹn, cảm giác bị người ta cười chê. - Mây sớm đèn khuya: sớm làm bạn với mây, khuya làm bạn với đèn, thui thủi một mình, thui thủi triền miên → cô đơn, buồn tủi (gợi thời gian tuần hoàn khép kín của một ngày) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức:** - Cảnh gợi lên hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa bốn bề mênh mông trời nước, bên này là dải cát vàng, bên kia gió bụi cuốn. Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cảnh "non xa", "trăng gần" như gợi lên hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Cái lầu ấy giam 1 thân phận trơ trọi, không 1 bóng người, không 1 sự giao lưu giữa người với người. Câu thơ 3 có 6 chữ, chữ nào cũng gợi lên sự rợn ngợp của không gian-> cảnh hoang vắng, thiếu bóng dáng con người, ngổn ngang như những tâm sự nhiều nỗi của Thuý Kiều - Sớm khuya, ngày đêm Kiều thui thủi một mình, Kiều sống trong cảm giác cô đơn, buồn tủi, lẻ loi giữa chốn mênh mông đất trời. Dường như không gian càng rộng	->cô đơn, buồn tủi (gợi thời gian tuần hoàn khép kín của một ngày) "nửa tỉnh..... tấm lòng" ->Kiều chỉ thui thủi một mình, nàng rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối, nàng đau đớn, xót xa như thấy rằng mình bị chia cắt. => cảnh đối xứng từng cặp gợi sự bao la, hoang vắng, xa lạ và cách biệt. + Nghệ thuật "tả cảnh ngụ tình" thể hiện nỗi cô đơn, hờn tủi, xót xa, đau đớn của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích -> tình cảnh đáng thương, tội nghiệp

lớn, con người càng lẻ loi, cô độc trong lúc lòng mình ngổn ngang trăm nỗi: phải xa gia đình, xa người yêu, không biết cha mẹ, các em, người yêu thế thế nào. Chính vì vậy mà khi nghĩ đến hoàn cảnh của mình, Kiều thấy đau đớn, xót xa như thấy rằng mình bị chia cắt "nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng" - Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả, còn tâm trạng là mục đích miêu tả -> biện pháp "tả cảnh ngụ tình" tạo khung cảnh để Kiều bộc lộ tâm trạng, lấy cái rợn ngợp của không gian kết hợp sự tuần hoàn khép kín về thời gian để nói về tâm trạng, tình cảnh của mình. - Trước thiên nhiên hoang vắng, lạnh lẽo, Kiều thật nhỏ bé, đơn độc. Thời gian cũng như không gian giam hãm con người. Thúy Kiều rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối. Như 1 cô gái bị cấm cung, giam lỏng không có ai để bầu bạn, tâm sự, xẻ chia, chỉ có mảnh trăng, dãy núi phía xa, mây đèn bầu bạn, mất tự do đau khổ đến tột cùng. Càng nhìn cảnh Kiều càng nhớ tới những người thân, nàng nhớ tới những ai, chúng ta cùng theo dõi tiếp. **Hoạt động 2: Tìm hiểu tâm trạng nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Học sinh đọc 8 câu thơ tiếp** * GV đặt câu hỏi : ? Trong hoàn cảnh cô đơn, buồn tủi, xót xa, Thúy Kiều nhớ tới những ai ? ? Khi nhớ về Kim Trọng, Kiều nhớ về những kỉ niệm gì ? ? Trong ý nghĩ của Kiều, Kim Trọng hiện lên như thế nào? ? Trong hai câu thơ: " Bên trời góc biển bơ vơ Tấm son gột rửa bao giờ mới cho phai"	b. Tâm trạng nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích: * Nhớ người yêu: + Nhớ cảnh thề nguyền, hẹn ước + Hình dung cảnh Kim Trọng ngày đêm mong đợi, cũng đang hướng về mình

Em hiểu câu thơ này như thế nào? Có thể hiểu theo mấy cách? ? Nhận xét lời thơ, ý thơ, hình ảnh thơ trong 4 câu thơ đó? ? Khi hình dung về Kim Trọng, Thúy Kiều nghĩ tới điều gì? ? Những suy nghĩ của Thuý Kiều về Kim Trọng cho em biết gì về tâm trạng Kiều và tình cảm của nàng với chàng Kim? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi** + Trong 8 câu thơ viết về nỗi thương nhớ của Kiều được chia đều + 4 câu dành cho người yêu. + 4 câu dành cho cha mẹ + Tin sương, rày trông, mai chờ-> tưởng tượng Kim Trọng đang mong ngóng Kiều, nhớ về mình, đêm ngày đau đáu chờ tin nhưng cũng thật uổng công vô ích vì cuộc đời nàng bơ vơ nơi chân trời góc bể. - Câu thơ « Bên trời… cho phai » có 2 cách hiểu: + Lòng chung thuỷ, son sắt nỗi nhớ Kim Trọng không bao giờ phai nhạt dù thời gian, hoàn cảnh thay đổi. + Tấm lòng son của Kiều đó bị hoen ố biết bao giờ gột rửa được (Kiều không còn là người con gái trắng trong xứng đáng với Kim Trọng nữa) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức** **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp	- Bên trời góc biển bơ vơ Tấm son gột rửa bao giờ cho phai” Có 2 cách hiểu: + Lòng chung thuỷ, son sắt nỗi nhớ Kim Trọng không bao giờ phai nhạt dù thời gian, hoàn cảnh thay đổi. + Tấm lòng son của Kiều đó bị hoen ố biết bao giờ gột rửa được . + Lời ít, ý nhiều, từ ngữ chọn lọc, giàu sắc thái biểu cảm, phù hợp tâm trạng nhân vật. => Kiều là người con gái thuỷ chung, son sắt, nặng ân tình. => Đau đớn, xót xa nhớ về Kim Trọng.

Học xong văn bản, em rút ra những nội dung gì cần ghi nhớ? ? Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn thơ này? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS Gv chuẩn kiến thức: Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên kết cấu theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều, sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật Kiều.	**III. Tổng kết:** **1.Nội dung:** - Tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích: Đau đớn xót xa nhớ về Kim Trọng; day dứt, nhớ thương gia đình. - Hai bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong cảm nhận của Thuý Kiều. **2. Nghệ thuật:** - Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ. * **Ghi nhớ/** SGK/ 96.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

Câu 1: Nhận định nào nói đầy đủ nhất nội dung chính của đoạn trích"Kiều ở lầu Ngưng Bích"?

A: Thể hiện tâm trạng cô đơn, tội nghiệp của Kiều

B: Nói lên tấm lòng thuỷ chung , hiếu thảo của Kiều.

C: Nói lên tâm trạng buồn bã, lo âu của Kiều

D: Cả A, B, C đều đóng.

Câu 2: Dòng nào nói đóng nhất giá trị nghệ thuật của đoạn trích.

A:Miêu tả nội tâm nhân vật rất thành công qua ngôn ngữ độc thoại và bút pháp tả cảnh ngụ tình

B: Sử dụng nhiều từ láy

C: Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá.

D: Từ ngữ, miêu tả giàu chất tạo hình độc đáo.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

=> Đáp án: 1- D, 2- A

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

- GV đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì lòng hiếu thảo với cha mẹ của lớp trẻ hiện nay

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc đoạn trích, phân tích lại nội dung của phần vừa học.

+ Đọc và chuẩn bị đoạn trích còn lại: Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

+ Sưu tầm các đoạn trích tả cảnh ngụ tình khác trong Truyện Kiều

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 7 - Tiết 31:

Văn bản: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH (Tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng

+ Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kĩ năng ra quyết định tìm kiếm và xử lí thông tin

3. Phẩm chất:

+ Có ý thức học tập cách miêu tả thiên nhiên của tác giả để viết văn, lòng yêu mến, sự khâm phục tài miêu tả của Nguyễn.Du.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bình giảng N.văn 9, Ngữ văn 9 nâng cao, Tư liệu ngữ văn 9, .v.v...=> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài cũ, đọc & soạn bài mới.(Chuẩn bị theo sách giáo khoa)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu nỗi nhớ cha mẹ của Kiều** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản thể hiện **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Khi nhớ về cha mẹ, Kiều hình dung ra điều gì? ? Tình cảm của Kiều đối với cha mẹ như thế nào? Hãy diễn đạt tình cảm của Kiều bằng lời văn của mình? ? Việc tả nỗi nhớ người yêu, cha mẹ có giống nhau không? ? Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh của tác giả ở đây? ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?	* Nỗi nhớ cha mẹ: + Tựa cửa hôm mai + Sân Lai cách mấy nắng mưa-> điển cố + Gốc tử vừa người ôm-> điển cố + Quạt nồng ấp lạnh-> thành ngữ -> Kiều xót thương cha mẹ lúc sáng,chiều tựa cửa ngóng trông con mà nhớ mong vô vọng. Kiều xót xa cho cha mẹ lúc tuổi già sức yếu mà nàng không được trông nom, chăm sóc để trả công sinh thành dưỡng dục. + Nghệ thuật: sử dụng thành ngữ, điển tích, điển cố, câu hỏi tu từ

? Qua đó em hiểu gì về tâm trạng của Kiều lúc này? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Khi nhớ về cha mẹ, Kiều hình dung ra + Tựa cửa hôm mai + Sân Lai cách mấy nắng mưa-> điển cố + Gốc tử vừa người ôm-> điển cố + Quạt nồng ấp lạnh-> thành ngữ → Kiều xót thương cha mẹ lúc sáng, rồi lại chiều tựa cửa ngóng trông con mà nhớ mong vô vọng. Kiều xót xa cho cha mẹ lúc tuổi già sức yếu mà nàng không được trông nom, chăm sóc để trả công sinh thành dưỡng dục. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** ***** Kiều day dứt khôn nguôi là giờ đây ai là người phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi già yếu (mùa hè ai quạt cho cha mẹ ngủ, mùa đông ai ủ ấm chỗ nằm cho cha mẹ). Nàng cảm thấy thời gian xa nhà đã là rất lâu và tưởng tượng cha mẹ đã già yếu vì tuổi tác, đau buồn. Kiều luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, nuôi dạy của cha mẹ, chưa làm tròn bổn phận của mình với cha mẹ. + Gốc tử vừa người ôm: Cha mẹ ngày một thêm già yếu. + Cách mấy nắng mưa: Thời gian xa cách bao mùa mưa nắng và sức mạnh tàn phá của tự nhiên với cảnh vật và con người. *** Giáo viên:** Ngôn ngữ nhân vật có 2 hình thức tồn tại + Ngôn ngữ độc thoại: Thường là lời nói thầm bên trong, nhân vật tự nói với chính mình. + Ngôn ngữ đối thoại: Lời nhân vật được bộc lộ ra bên ngoài đối thoại với nhân vật khác. -> Hoàn cảnh: Nàng Kiều độc thoại nội tâm. (Sau này chúng ta sẽ có dịp tìm hiểu kĩ hơn về đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự)	=> Nỗi day dứt, nhớ thương gia đình. + Ngôn ngữ độc thoại-> Bộc lộ nội tâm nhân vật => Kiều thuỷ chung, hiếu thảo, có tấm lòng vị tha sâu sắc

***** Trong hoàn cảnh cô đơn, buồn tủi, mất mát,…Kiều đã quên bản thân mà lo nghĩ cho mọi người => thể hiện tấm lòng vị tha đáng trọng. (Phải chăng đó chính là phẩm chất truyền thống của người Phụ nữ Việt Nam tự ngàn xưa cho đến mãi về sau.)- **Hoạt động 2: Tìm hiểu tâm trạng của Thuý Kiều trong hoàn cảnh thực tại** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV gọi học sinh đọc 8 câu thơ cuối: chú ý ngắt nhịp, từ "buồn trông"** GV đặt câu hỏi : ? Theo em nét đặc sắc nhất về nghệ thuật trong đoạn thơ này là gì? ? Trong cái nhìn của Thuý Kiều, thiên nhiên như thế nào ? Cảnh vật ấy được gợi lên qua chi tiết, hình ảnh nào? Cảnh đó có gì khác cảnh ban đầu ? ? Hãy phân tích mối quan hệ giữa hình ảnh cảnh vật mà Thuý Kiều trông thấy, tưởng tượng…với tâm trạng buồn của nàng? ? Nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng trong các hình ảnh thơ này? ? Ai cũng thấy rõ điệp ngữ "Buồn trông" được đặt ở đầu các câu lục (6) – 4 lần. Tác dụng của cách sử dụng điệp ngữ ấy như thế nào trong việc tả tâm trạng Thuý Kiều? ? Qua văn bản, em cảm nhận được tâm trạng của Kiều n.t.n? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	c. Tâm trạng của Thuý Kiều trong hoàn cảnh thực tại:

*** GV gọi học sinh đọc 8 câu thơ cuối: chú ý ngắt nhịp, từ "buồn trông"** + Tả cảnh ngụ tình. Điệp ngữ "Buồn trông" được đặt ở đầu các câu lục (6) – 4 lần. Tác dụng : + Nỗi buồn như những đợt sóng dâng cao + Âm điệu hiu hắt, trầm buồn **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Mượn cảnh vật để(ngụ) gửi gắm tình cảm, tâm trạng. Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả còn tâm trạng là mục đích miêu tả. (ví dụ: Tả cảnh thiên nhiên đơn thuần Nguyễn Du viết: "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" Ở đây, tâm trạng nàng Kiều được gửi gắm vào cảnh lầu Ngưng Bích... + "buồn trông"-> trông(nhìn) mà thấy buồn. Điệp ngữ đặt ở đầu câu lục(6) ngắt 8 câu thành 4 cấu trúc diễn tả nỗi buồn nhiều cung bậc, nhấn mạnh nỗi buồn càng lúc càng dâng cao mãi, trong cảnh vật mênh mang vắng vẻ, càng dữ dội hơn, liên tiếp từng đợt trào dâng trong lòng Kiều. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS tổng kết nội dung bài học: ? Qua đoạn trích cho em biết gì về hoàn cảnh, tâm trạng của Kiều? ? Nêu nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích? ? Nghệ thuật m.tả của N.Du có gì khác với những đoạn trích trước? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày.	+ Nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình, cảnh miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động : miêu tả nội tâm nhân vật - Cảnh vật : buồn ,gợi thân phận con người trong cuộc đời vô định + Cánh buồm thấp thoáng--> gợi sự cô đơn, lẻ loi=> Nhớ nhà, nhớ quê hương da diết + Hoa trôi man mác - gợi nỗi buồn về thân phận nổi trôi, vô định. + Nội cỏ rầu rầu - nội cỏ nhạt nhoà mênh mông, gợi sự úa tàn buồn bã, nỗi chán chường vô vọng vì cuộc sống vô vị, nhớp nhơ, tương lai mù mịt. + Gió cuốn mặt duềnh - cảnh tượng hãi hùng báo trước dông bão sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều. + Tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi- âm thanh dữ dội báo trước sóng gió, bão tố cuộc đời sắp ập xuống đời Kiều. + Điệp ngữ ; ẩn dụ, điệp cấu trúc: " Buồn trông" : nỗi buồn nhiều vẻ, kéo dài nặng nề tạo âm hưởng trầm buồn => sự trông đợi trong vô vọng, nỗi sầu buồn mênh mang, nỗi buồn dâng lên lớp lớp trong lòng Kiều tưởng không bao giờ dứt(điệp khúc của đoạn thơ và cũng là điệp khúc của tâm trạng) 4. Tổng kết:

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức:	a. Nội dung- Ý nghĩa : * Nội dung : + Tâm trạng của Thuý Kiều + Tấm lòng nhân đạo của nhà thơ Nguyễn Du * Ý nghĩa : ĐT thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của TK. b Nghệ thuật : - NT miêu tả nội tâm nhân vật : diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. - Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ. c Ghi nhớ : SGK/

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

GV đặt câu hỏi: Đọc phần đọc thêm và đối chiếu đoạn trích, phân tích để thấy được thành công của Nguyễn Du?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

- Đoạn văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân có tính chất tự sự, kể lại sự việc. Phần diễn tả nội tâm diễn xuôi; phần đoạn trích là sự sáng tạo của Nguyễn Du (thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh, đặc biệt là đoạn diễn tả tâm trạng, biện pháp tả cảnh ngụ tình…)

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV đặt câu hỏi:
1. Vẽ Bản đồ tư duy khái quát văn bản Kiều ở lầu Ngưng Bích
2. Viết đoạn văn ngắn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Thuý Kiều qua đoạn trích.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.
+ Soạn tiếp tiết 2: xem diễn biến trận chiến năm Kỉ Dậu (1789) đại phá 20 vạn quân Thanh

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 6 - Tiết 32

TRAU DỒI VỐN TỪ
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Những định hướng định hướng chính để trau dồi vốn từ
2. Năng lực:
+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp
3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt, tự làm giàu vốn từ của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tham khảo tư liệu, soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, ví dụ minh hoạ

2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị theo sách giáo khoa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Từ là chất liệu để tạo nên câu. Muốn diễn tả chính xác và sinh động những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của con người, người nói phải biết rõ những từ mà mình dùng và có vốn từ phong phú. Từ đó trau dồi vốn từ là việc rất quan trọng để phát triển kĩ năng diễn đạt.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Rèn luyện để nắm nghĩa của từ và cách dùng từ** **a. Mục tiêu:** hiểu được nghĩa của từ và cách dùng từ **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Gọi học sinh đọc ví dụ trên bảng phụ ? Qua ví dụ vừa đọc, em hiểu tác giả muốn nói gì? ? Tiếng Việt đáp ứng nhu cầu giao tiếp của chúng ta như thế nào ? ? Khi nói "một chữ có thể dùng để diễn đạt nhiều ý" là nói đến hiện tượng gì trong từ vựng ? ? Khi nói "một ý nhưng có bao nhiêu chữ để diễn tả"là nói đến hiện tượng nào? ? Như vậy Tiếng Việt có khả năng đáp ứng	**I. Rèn luyện để nắm nghĩa của từ và cách dùng từ:** 1. Phân tích VD:(SGK-99, 100) * Ví dụ 1: Khẳng định Tiếng Việt chúng ta giàu đẹp, phong phú + Đáp ứng được nhu cầu giao tiếp, diễn đạt của người Việt. + Cần phát huy hết khả năng của Tiếng Việt, không ngừng trau dồi vốn từ và sử dụng vốn từ 1 cách nhuần nhuyễn, đúng… * Ví dụ 2: Sửa lỗi diễn đạt: + Lỗi sai dùng từ: a: Thừa từ " đẹp" b: Dùng từ chưa đúng: "dự đoán" c: Dùng từ chưa đúng: "đẩy mạnh"

những nhu cầu ?Vì sao? ? Muốn phát huy hết khả năng của Tiếng Việt, chúng ta phải làm gì? Thế nào là biết dùng Tiếng ta? ? Em hãy xác định lỗi diễn đạt trong các câu đó? ? Hãy sửa lại những từ dùng sai, cho biết tại sao em lại sửa như vậy? ? Giải thích vì sao có những lỗi này, vì "tiếng ta nghèo" hay vì người viết "không biết dùng tiếng ta" ? ? Vậy muốn sử dụng tiếng ta được tốt ta phải làm gì? * HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Tiếng Việt đáp ứng nhu cầu giao tiếp của chúng ta : + Một chữ diễn tả nhiều ý + Một ý dùng nhiều chữ để diễn tả + Có khả năng lớn diễn đạt tư tưởng, tình cảm. Khi nói "một chữ có thể dùng để diễn đạt nhiều ý" là nói đến hiện tượng :A.Từ nhiều nghĩa → Tiếng Việt có khả năng đáp ứng những nhu cầu vì Tiếng Việt là một ngôn ngữ có khả năng rất lớn để đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt. Tiếng Việt rất giàu và đẹp Xác định lỗi diễn đạt trong các câu : + Ví dụ a: Thừa từ " đẹp" b: Dùng từ chưa đúng: "dự đoán" c: Dùng từ chưa đúng: "đẩy mạnh" Sửa lại những từ dùng sai : + Câu a: có từ "thắng"nghĩa là đẹp -> bỏ từ "đẹp". + Câu b: Dự đoán: Đoán trước sự việc xảy ra trong tương lai->không thể dùng dự đoán mà chỉ là phỏng đoán, ước tính. + Câu c: Qui mô: là độ rộng lớn về mặt tổ chức -> không dùng từ qui mô mà dùng từ mở rộng hoặc thu hẹp. ? **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV chuẩn kiến thức:**	+ Sửa lại: a. Bỏ từ "đẹp". b. Thay bằng từ: phỏng đoán, ước đoán, ước tính,… c. Thay bằng từ: mở rộng, thu hẹp,.. =>Muốn sử dụng tốt từ Tiếng Việt phải trau dồi vốn từ (Hiểu đầy đủ và chính xác nghĩa của từ, biết cách dùng từ cho đúng nghĩa và phù hợp với văn cảnh) 2 Ghi nhớ: (SGK-100)

- Muốn phát huy hết khả năng của Tiếng Việt, chúng ta phải : + Mỗi cá nhân cần trau dồi ngôn ngữ của mình mà trước hết là trau dồi vốn từ. Vận dụng tốt tiếng Việt trong nói, viết vì đó là cách giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt, thể hiện lòng tự hào dân tộc, ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc - Như vậy muốn sử dụng tốt tiếng Việt phải trau dồi vốn từ - Không phải Tiếng Việt nghèo mà do ta không biết dùng tiếng ta. (Vì người viết không biết chính xác nghĩa và cách dùng của từ mà mình sử dụng.) **Hoạt động 2: Rèn luyện để tăng vốn từ** **a. Mục tiêu:** biết những cách để tăng vốn từ **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Gọi học sinh đọc VD và trả lời câu hỏi : ? Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Nhà văn Tô Hoài nói về vấn đề gì có liên quan đến trau dồi vốn từ? ? So sánh hình thức trau dồi vốn từ đó nêu ở phần 1 với hình thức trau dồi vốn từ của Nguyễn Du qua đoạn văn phân tích của Tô Hoài ? * HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Nhà văn Tô Hoài phân tích: Quá trình trau dồi vốn từ của đại thi hào Nguyễn Du bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân-> học, sáng tạo ngôn ngữ, tạo nhiều ngôn ngữ mới. So sánh hình thức trau dồi vốn từ đó nêu ở phần 1 với hình thức trau dồi vốn từ của Nguyễn Du qua đoạn văn phân tích của Tô Hoài: + Phần 1 đề cập đến việc trau dồi vốn từ bằng cách sử dụng đúng nghĩa từ, biết cách dùng từ.	**II. Rèn luyện để tăng vốn từ:** 1. Phân tích VD:(SGK-100) - Phải thường xuyên trau dồi vốn từ bằng cách tích lũy thêm những yếu tố cấu tạo từ chưa biết, làm phong phú vốn từ của bản thân. 2 Ghi nhớ: (SGK-101)

Còn về trau dồi vốn từ mà Tô Hoài bằng cách học hỏi từ chưa biết, thường xuyên làm tăng vốn từ. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung** * Tôi đọc câu thơ ông viết trong đó " ở trong ruộng bói để học câu hát của người trồng dâu" -> học, trau dồi vốn từ ở mọi lúc, mọi nơi -> học tiếng nói của nhân dân. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm:** Nhóm 1: bài 1 Nhóm 2: bài 2 Nhóm 3: bài 3 Nhóm 4: bài 4 - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	**III. Luyện tập:** Yêu cầu 1: Xác định nghĩa của tiếng và của từ trong cụm từ hoặc câu cụ thể? Bài tập số 1 (SGK-101) Chọn cách giải thích đúng? + Hậu quả: kết quả xấu. + Đoạt: Chiếm được phần thắng. + Tinh tú: Sao trên trời Bài tập số 2 (SGK-101) Xác định nghĩa từ Hán Việt? a. Tuyệt: dứt, không còn gì + Tuyệt chủng: Mất hẳn nòi giống + Tuyệt giao: Cắt đứt giao thiệp + Tuyệt tự: Không có người nối dõi + Tuyệt thực: Nhịn đói, không chịu ăn - Tuyệt: Cực kì, nhất: Tuyệt đỉnh, tuyệt mật, tuyệt tác, tuyệt tràn b. Đồng âm: Có những âm giống nhau Bài tập số 3 (SGK-102) Sửa lỗi dùng từ ?

	a. Im lặng -> sửa thành "yên tĩnh, vắng lặng" b. Thành lập -> sửa thành " thiết lập" Bài tập số 4: (SGK-102) Bình luận ý kiến + Chỉ 1 cây lúa thôi mà ngôn ngữ, miêu tả về nó đủ khiến cho nhà thơ phải giật mình.. + Muốn học tập có được ngôn ngữ đẹp phải học tập ngôn ngữ toàn dân.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

1. Muốn sử dụng tốt vốn từ của mình, trước hết chúng ta phải biết làm gì?

A. Phải hiểu đầy đủ và chính xác nghĩa và cách dùng từ.

B. Phải biết sử dùng thành thạo câu chia theo mục đích nói.

C. Phải nắm được các từ có một nét chung về nghĩa.

D. Phải nắm chắc các kiểu cấu tạo ngữ pháp của câu.

2. Nối từ thích hợp ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B để có các cách giải thích đúng về nội dung các từ?

A	B
1.Đồng âm	a. Là những lời hát truyền miệng của trẻ em
2. Đồng dao	b. Là những người cùng học một thầy
3. Đồng môn	c. Là những từ có cách phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, hoàn chỉnh bài luyện tập.

+ Phân tích một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả đã học.

+ Chuẩn bị: "

(Đọc kĩ đoạn trích, tìm hiểu vị trí đoạn trích trong tác phẩm Truyện Kiều, nội dung và nghệ thuật chính đoạn trích.v.v. Soạn các nội dung trong SGK)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần - Tiết

Tập làm văn: **MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

+ Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự

2. Năng lực:

+ Kĩ năng ra quyết định, hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp, lắng nghe tích cực.v.v.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tham khảo tư liệu, soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, ví dụ minh hoạ

2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị theo sách giáo khoa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Việc đưa ra các phương thức biểu đạt là để dễ phân biệt & rèn luyện những phương thức cơ bản về tập làm văn cho học sinh. Nhưng trong thực tế không có kiểu văn bản nào thuần nhất 1 phương thức biểu đạt, mà thường kết hợp đan xen giữa các phương thức biểu đạt trong đó có 1 phương thức biểu đạt chính. Bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự. Trong đó miêu tả là phụ & tự sự là chính.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn băn tự sự** **a. Mục tiêu:** hiểu được các yếu tố miêu tả trong VB tự sự.	**I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn băn tự sự:** **1. Phân tích VD SGK/91**

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** yêu cầu HS đọc đoạn văn trên bảng phụ và trả lời câu hỏi: ? Nêu xuất xứ đoạn trích ? ? Em hãy chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích này? **? Một bạn đó kể lại nội dung đoạn trích trên bằng các sự việc như sau:** + Vua Quang Trung cho ghép ván lại cứ 10 người khiêng một bức rồi tiến sát đến đồn Ngọc Hồi + Quân Thanh bắn ra không trúng người nào, sau đó phun khói lửa + Quân của vua Quang Trung khiêng ván nhất tề xông lên mà đánh + Quân Thanh chống đỡ không nổi, tướng nhà Thanh là Sầm Nghi Đống thắt cổ chết, quân Thanh đại bại. => Nếu ghép các sự việc lại, ta sẽ có một đoạn văn tóm tắt. ? Em có nhận xét gì về đoạn văn tóm tắt với đoạn trích từ văn bản? Nếu chỉ kể lại sự việc diễn ra như thế thì câu chuyện có sinh động không? Tại sao? ? Em hãy chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn trích và cho biết các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào? ? So sánh đoạn văn tóm tắt và doạn trích, em thấy tác dụng của yếu tố miêu tả như thế nào? ? Từ tất cả những phân tích trên, em hãy kết luận về vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự? Nó có cần thiết không? Vì sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** *** Giáo viên** đưa đoạn văn trên bảng phụ *** GV** gọi học sinh đọc	+ Đoạn trích kể về trận đánh Ngọc Hồi do vua Quang Trung trực tiếp chỉ huy vào mờ sáng mùng 5 tết

+ Xuất xứ: Đây là đoạn trích từ văn bản“ Hoàng Lê nhất thống chí” hồi 14 của Ngô Gia Văn Phái + PTBĐ: Tự sự + Đoạn trích có yếu tố miêu tả. + Đối tượng được miêu tả: • Hình ảnh vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc => tả nhân vật • Không khí trận đánh: Khí thế của quân Tây Sơn, Sự thất bại của quân tướng nhà Thanh => Tả cảnh vật → Nhờ có yếu tố miêu tả nhân vật, đoạn văn tả vua Quang Trung thêm nổi bật. Hình ảnh một vị vua oai phong lẫm liệt xụng trận, trận đánh thêm sinh động bừng bừng khí thế chiến thắng của nghĩa quân Tây Sơn và sự thất bại thảm hại quân Thanh. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** Khi đưa các yếu tố miêu tả vào văn bản tự sự người viết nên chú ý: + Tự sự: Chủ đạo + Miêu tả: Phụ trợ. Khi đưa vào chú ý vị trí của những yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự. Số lượng của những yếu tố, chi tiết miêu tả đó → Như vậy khi viết văn tự sự, ta có thể kết hợp các yếu tố: Miêu tả cảnh vật, sự vật, con người: hình dáng, đặc điểm, tính chất **Hoạt động 2: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Nhóm 1,3: GV** đọc bài tập 1, xác định yêu cầu bài tập số 1 SGK Tìm yếu tố miêu tả trong đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” Tìm yếu tố miêu tả trong “Cảnh ngày xuân”? * Thảo luận - ghi ý kiến vào bảng nhóm, cử đại diện trình bày. *** Nhóm 2,4:** bài tập 2	+ Văn bản tự sự cũng rất cần yếu tố miêu tả -> Tác dụng: Yếu tố miêu tả tái hiện lại những hình ảnh, trạng thái, đặc điểm, tính chất...của sự vật, con người và cảnh vật trong tác phẩm. Việc miêu tả làm cho lời kể trở lên cụ thể, sinh động và hấp dẫn hơn. **2. Ghi nhớ: (SGK-92)** **II. Luyện tập:** Bài tập số 1: (SGK-92) Tìm yếu tố miêu tả - Phân tích yếu tố miêu tả trong việc thực hiện nội dung đoạn trích: + Tả Thuý Vân: đoan trang, phúc hậu, hiền dịu. + Tả Thuý Kiều: tuyệt sắc, tuyệt tài, sắc sảo, có tình, thông minh -> Vẻ đẹp: mỗi người một vẻ đẹp riêng qua biện pháp ước lệ tượng trưng.

Kể lại diễn biến một sự việc trong đó có các chi tiết miêu tả tâm trạng bản thân ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	- Đoạn tả cảnh: Gợi cảnh sắc: Tươi tắn -> buổi sáng Buồn vắng -> buổi chiều Bài tập số 2: (SGK-92) Kể lại diễn biến một sự việc trong đó có các chi tiết miêu tả tâm trạng bản thân ?

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

? Hãy nêu một số văn bản tự sự em học gần đây có yếu tố miêu tả?

? Chỉ ra đoạn văn bản có sử dụng yếu tố miêu tả, tác dụng của các yếu tố miêu tả đó trong đoạn trích?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Chuyện người con gái..., Chuyện cũ ....Hoàng Lê nhất thống chí .. đoạn trích của Truyện Kiều.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, hoàn chỉnh bài luyện tập.

+ Phân tích một doạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả đã học.

+ Chuẩn bị: " Kiều ở lầu Ngưng Bích"

(Đọc kĩ đoạn trích, tìm hiểu vị trí đoạn trích trong tác phẩm Truyện Kiều, nội dung và nghệ thuật chính đoạn trích.v.v. Soạn các nội dung trong SGK)

Tuần 7- Tiết 34,35

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 VĂN TỰ SỰ

A. Mục tiêu bài dạy:

1. Kiến thức:

+ Vận dụng những kiến thức đã học để viết bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người và sự việc.

2. Kỹ năng:

+ Rèn luyện kĩ năng viết bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người và sự việc. Đặc biệt là cách diễn đạt, trình bày bài viết.

3. Đánh giá năng lực:

+ Năng lực hình thành văn bản

+ Ra quyết định khi tạo lập văn bản.

4. Thái độ:

+ Giáo dục tình cảm, ý thức đối với con người, cảnh vật và sự việc.

B. Chuẩn bị:

* Giáo viên: Ra đề, đáp án, biểu điểm

* Học sinh: Ôn tập lại phương pháp làm bài văn tự sự kết hợp các yếu tố khác: miêu tử, phép tư từ

C. Phương pháp:

+ Thực hành viết trên giấy kiểm tra

D.Tiến trình bài dạy:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Ma trận đề

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài mới:

*BTVN :

- Tự đánh giá bài viết của mình, tiếp tục tập làm dàn ý chi tiết các đề còn lại ở sgk/105.
- Ôn tập và tìm đọc văn bản tự sự có yếu tố miêu tả.

* Chuẩn bị bài tiết sau: Đọc và soạn" Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"

(Tìm đọc tác phẩm" Lục Vân Tiên" toàn tập, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, .v.v. Đọc và phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.v.v.)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 8 -Tiết 36:

Văn bản: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA

(Trích truyện " Lục Vân Tiên" – Nguyễn Đình Chiểu)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những hiểu biết bước đầu về tác giả NĐC và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên .

+ Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên
+ Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.
+ Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh thêm yêu mến trân trọng tài năng đức độ của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu được gửi gắm qua một số nhân vật trong truyện
+ Yêu quý các nhân vật có phẩm chất tốt đẹp như Lục Vân Tiên & Kiều Nguyệt Nga, học tập các phẩm chất tốt đẹp của họ: Có thái độ đúng đắn trong cuộc sống trước những khó khăn hoạn nạn của người khác => Tình yêu thương & sự giúp đỡ mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu; Tác phẩm Lục Vân Tiên, tham khảo tư liệu, bảng phụ, tranh minh hoạ đoạn trích, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Nghiên cứu, soạn bài, tìm đọc Lục Vân Tiên toàn tập, tóm tắt truyện Lục Vân Tiên, trả lời câu hỏi SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV phát phiếu học tập cho hs:

Nhớ lại một vài tác phẩm mà em biết, liệt kê vào vở theo gợi ý trong bảng rồi thảo luận với bạn những câu hỏi bên dưới:

Tên tác phẩm	**Nhân vệt hiền lành gặp may mắn, hạnh phúc**	**Nhân vật độc ác bị trừng trị thích đáng**

* Hệ thống nhân vật này thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân? Và chủ yếu ở thể loại nào?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt: Ước mơ về xã hội công bằng, cái xấu cái ác bị trừng trị, người ở hiền thì sẽ gặp lành là ước mơ ngàn đời của nhân dân ta. Ước mơ ấy không chỉ được gửi gắm qua truyện cổ tích mà còn được cụ Đồ Chiểu gửi gắm trong truyện "Lục Vân Tiên", đặc biệt là ở đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga". Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích để thấy được điều này

Hoạt động cảu GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả và sự nghiệp sáng tác** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm** ? Qua phần chú thích, em hãy nêu những nét chính về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu? ? Từ phần giải thích trên em có nhận xét gì về phẩm chất, tính cách, những bài học từ cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu? ? Em có nhận xét gì về sự nghiệp văn thơ Nguyễn Đình Chiểu? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **1. tác giả** Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), là nhà thơ Nam Bộ, sống và sáng tác ở thời kì đau thương mà anh dũng của dân tộc ta vào thế kỉ XIX.	**A.Giới thiệu chung:** **1. Tác giả:** Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), là nhà thơ Nam Bộ, sống và sáng tác ở thời kì đau thương mà anh dũng của dân tộc ta vào thế kỉ XIX. + Là một nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều áng văn chương có giá trị. + Là nhà thơ bất hạnh (bị mù, bị bội hôn), là tấm gương sáng về nghị lực sống và nhân cách sống giàu khí tiết, nhà thơ mù yêu nước vĩ đại, lương y nổi danh, nhà giáo đức độ. -> Sống thanh cao trong sáng giữa tình thương, kính trọng của đồng bào cho đến hơi thở cuối cùng ông thật xứng đáng là ngọn cờ đầu của thơ văn yêu nước chống Pháp của nước ta thế kỷ XI X.

+ Là một nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều áng văn chương có giá trị. + Là nhà thơ bất hạnh (bị mù, bị bội hôn), là tấm gương sáng về nghị lực sống và nhân cách sống giàu khí tiết, nhà thơ mù yêu nước vĩ đại, lương y nổi danh, nhà giáo đức độ. -> Sống thanh cao trong sáng giữa tình thương, kính trọng của đồng bào cho đến hơi thở cuối cùng ông thật xứng đáng là ngọn cờ đầu của thơ văn yêu nước chống Pháp của nước ta thế kỷ XI X. **2. Sự nghiệp văn thơ :** - Ông để lại nhiều áng thơ văn có giá trị: + Truyền bá đạo lý làm người: Lục Vân Tiên,… + Cổ vũ lòng yêu nước: Chạy giặc, Văn tế…, thơ điếu + Truyện thơ dài: Ngư tiều y thuật vấn đáp. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên** giới thiệu chân dung nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và bổ sung một vài chi tiết: Sinh tại quê mẹ Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh). quê nội: Thừa Thiên Huế. Đỗ tú tài Gia Định năm 1843 (21 tuổi). Chưa kịp thi tiếp thì mẹ mất, bị mù, bị bội hôn (26 tuổi).Về quê mẹ làm ông lang chữa bệnh, mở lớp dạy học cho dân. Khi thực dân Pháp xâm lược, cùng lãnh tụ nghĩa quân Trương Định Phan Tòng bàn mưu kế đánh giặc giữ nước, sáng tác nhiều thơ văn khích lệ tinh thần yêu nước, chiến đấu của nhân dân Nam Bộ. - Trung thành với đất nước cho đến khi ốm nặng qua đời trong sự tiếc thương của nhân dân Miền Nam.(Khi cụ đồ mất, cả cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang của các thế hệ học trò 40 năm trời. của nhân dân…) - Bài học về cuộc đời chính là khát vọng cống hiến cho đời và 1 nghị lực sống tiềm tàng. Bước vào đời đầy hăm hở, tham vọng: “ Làm trai trong cõi người ta Trước là báo bổ, sau là hiển vinh” - Không gục ngã trước số phận, ngẩng cao đầu mà sống, sống có ích đến hơi thở cuối cùng: + Làm thầy giáo danh tiếng đức độ khắp miền lục tỉnh. + Làm thầy thuốc không tiếc sức mình cứu dân độ thế + Là nhà thơ, ông để lại cho đời bao trang thơ bất hủ, lưu truyền khắp chợ, cùng quê với quan niệm:	

" Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" - Mù loà, bệnh tật, gia cảnh khó khăn nhưng ông quyết không hợp tác với giặc mà tìm đến căn cứ kháng chiến, gipú nghĩa quân, khích lệ tinh thần quân sĩ…sống ngay thẳng, thanh cao giữa tình yêu thương kính trọng của đồng bào cho đến cuối đời, trọn 1 tấm lòng son. - Viết khoảng 1846-1854 khi ông bỏ thi, bị mù, lấy v Chính vợ ông là người đã ghi chép tác phẩm hộ ông. K cấu của tác phẩm theo kiểu truyền thống của loại truyệ phương Đông. Nghĩa là theo từng chương, hồi xoay xun quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục tác phẩm** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận: **Nhóm 1,3:** ? Truyện " Lục Vân Tiên" được sáng tác vào khoảng thời gian nào?Truyện có kết cấu như thế nào? ? Viết ra nhằm mục đích gì? ? Hãy nêu các sự việc chính của truyện " Lục Vân Tiên"? Có thể khái quát thành mấy phần? Đặt tiêu đề cho từng phần ? Tóm tắt ngắn gọn truyện " Lục Vân Tiên"? **Nhóm 2,4 :** ? Xuất xứ đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"? ? Đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"được kết cấu theo kiểu thông thường của các loại truyện truyền thống xưa như thế nào? ? Hãy xác định nhân vật chính của truyện? ? Căn cứ vào nội dung đoạn trích, em chia đoạn trích thành mấy đoạn nhỏ? Nội dung của từng đoạn? ? Em có nhận xét gì về cách xây dựng nhân vật của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu? Khác nhà thơ Nguyễn Du ở chỗ nào?	**2. Tác phẩm:** + Truyện "Lục Vân Tiên" là truyện thơ Nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát, ra đời khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ 19 (1850).Thể hiện rõ lí tưởng đạo đức của NĐC muốn được gửi gắm qua tác phẩm + Kết cấu : Theo từng chương hồi xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. Có tính ước lệ, khuôn mẫu -> Nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người, phản ánh khát vọng của nhân dân. * Tóm tắt tác phẩm: - 4 phần + Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga + Lục Vân Tiên gặp nạn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Thời gian sáng tác :** Viết khoảng 1846-1854 khi ông bỏ thi, bị mù, lấy vợ. Chính vợ ông là người đã ghi chép tác phẩm hộ ông. Kết cấu của tác phẩm theo kiểu truyền thống của loại truyện phương Đông. Nghĩa là theo từng chương, hồi xoay xung quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. **+ Mục đích :** Truyện được viết ra nhằm mục đích trực tiếp truyền dạy đạo lí làm người + **Kết cấu** có tính ước lệ, khuôn mẫu: người tốt gặp nhiều gian truân vất vả trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại nhưng họ lại được phù trợ cứu mạng(người hoặc thần linh), cuối cùng đều tai qua nạn khỏi, được đền trả xứng đáng, kẻ xấu bị trừng trị -> thể hiện ước mơ, khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp ở trên đời, cái thiện luôn chiến thắng cái ác. - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, cứu giúp người: - Nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người (tình cảm cha con, chồng vợ, tình bạn, tình yêu,…) Ca ngợi những con người sống ân nghĩa thuỷ chung. **Nhóm 2,4 :** **Bố cục** + Đoạn 1: "…phi anh hùng" Nhân vật Lục Vân Tiên + Đoạn 2: còn lại Nhân vật Kiều Nguyệt Nga + Đặc điểm thể loại: Truyện thơ Nôm (tự sự) (chú trọng hoạt động của nhân vật hơn miêu tả nội tâm, tính cách nhân vật được bộc lộ qua cử chỉ, hành động, lời nói,…) + Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần gũi với nhân dân, thể hiện tính cách người dân Nam Bộ. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Truyện được viết ra nhằm mục đích trực tiếp truyền dạy đạo lí làm người. Mở đầu truyện "Lục Vân Tiên"N.Đ.C viết: " Trước đèn xem truyện Tây Minh Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le	+ Lục Vân Tiên gặp nạn được cứu. + Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga, sum vầy, hạnh phúc * Vị trí đoạn trích: + Gồm 58 câu, nằm ở phần đầu của truyện.

Hỡi ai lẳng lặng mà nghe Dữ răn việc trước, lành dè thân sau Trai thời trung hiếu làm đầu - Đối với loại văn chương tuyên truyền đạo đức, kết cấu đã vừa phản ánh chân thực cuộc sống vốn đầy rẫy bất công vô lí, vừa nói lên khát vọng ngàn đời của nhân dân ta: ở hiền gặp lành, cái thiện luôn chiến thắng cái ác, chính nghĩa thắng gian tà… **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi lại đoạn văn đầu tiên. **GV đặt câu hỏi,** ? Qua phần tóm tắt truyện em hãy cho biết: LVT được giới thiệu là một nhân vật như thế nào ? ? Trong đoạn trích, hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc hoạ qua mô túp quen thuộc đó là gì? ? Em đó gặp nhân vật nào trong truyện dân gian giống mô túp đó? ? Mô túp quen thuộc đó biểu hiện ước mơ gì của nhân dân ta? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Cuộc đời và số phận của nhân vật Lục Vân Tiên có Diểm giống và khác với nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu : + Giống: N.Đ.C lấy một số sự việc của cuộc đời mình để xây dựng câu chuyện, nhân vật Lục Vân Tiên + Khác: LVT nhờ thần tiên giúp đỡ đã sáng mắt và được hưởng hạnh phúc Còn N.Đ.C mù loà, sống cuộc đời nghèo khó.	**3. Phân tích:** a Nhân vật Lục Vân Tiên: Lục Vân Tiên là một nhân vật lí tưởng của tác phẩm: hàng trai tài giỏi cứu cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo.

- Lục Vân Tiên là một nhân vật lí tưởng của tác phẩm: 1 chàng trai vừa rời trường học bước vào đời, tuổi vừa hai tám, lòng đầy hăm hở, muốn lập công danh, mong thi thố tài năng cứu đời, cứu người . **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: Đây là một motip quen thuộc trong truyện dân gian, ta từng bắt gặp trong truyện cổ tích Thạch Sanh. Qua đó, thể hiện mong ước của tác giả, của nhân dân trong xã hội hỗn loạn có người tài đức ra tay cứu giúp dân lành.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức nào?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc và tóm tắt lại tác phẩm (đoạn trích)

+ Đọc và tìm hiểu, soạn: "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" (Hành động, lời nói, cử chỉ của các nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga thể hiện tính cách, phẩm chất gì của họ? Ý nghĩa của đoạn trích?)

+ Học sinh có năng khiếu: Vẽ tranh, đọc tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 8 - Tiết 38:

Văn bản: **MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nội tâm nhân vật và miêu tả nhân vật trong tác phẩm tự sự.

+ Tác dụng của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

2. Năng lực:

+ Năng lực giao tiếp, lắng nghe tích cực, kĩ năng hợp tác, kĩ năng ra quyết định tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh ý thức vận dụng miêu tả nội tâm khi giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ, tìm kiến thức tích hợp trong các văn bản đã học để làm phiếu học tập phục vụ dạy học

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv trình chiếu ví dụ:

Cho HS đóng hoạt cảnh lão Hạc đang cùng trò chuyện với ông giáo. Chú ý nét mặt lão Hạc: đau khổ, buồn rầu...

? Trong cuộc trò chuyện của lão hạc với ông giáo, nhìn nét mặt lão Hạc ta thấy tâm trạng của lão thế nào? Đó là một yếu tố giúp nhà văn xây dựng nhân vật thành công

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn tự sự/ Phân tích ví dụ 1** **a. Mục tiêu:** hiểu được các yếu tố miêu tả nội tâm trong văn tự sự **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên đặt câu hỏi:** Em hiểu nội tâm là gì ? *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc ví dụ SGK- ? Tìm những câu thơ tả cảnh và những câu thơ	**I Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn băn tự sự:** 1. Phân tích VD(SGK-117) * Ví dụ 1: - Những câu thơ tả cảnh(1) " Trước lầu Ngưng Bích…bụi hồng dặm kia"… -> Đối tượng miêu tả: Cảnh sắc thiên nhiên (không gian, thời gian, màu sắc, cảnh vật,..) -(Miêu tả ngoài, quan sát trực tiếp) - Những câu thơ tả tâm trạng : "Bên.....trời

miêu tả tâm trạng của Thuý Kiều? ? Nhờ dấu hiệu nào mà em biết được đó là những câu thơ tả cảnh? ? Dấu hiệu nào cho thấy đây là những câu thơ miêu tả tâm trạng Thuý Kiều? ? Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật? ? Tác giả dùng biện pháp gì để miêu tả nội tâm nhân vật? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Nội tâm là suy nghĩ, tâm trạng, thái độ, tình cảm sâu kín của nhân vật. Những câu thơ tả cảnh và những câu thơ miêu tả tâm trạng của Thuý Kiều : - Những câu thơ tả cảnh: " Trước lầu Ngưng Bích…bụi hồng dặm kia"… - Những câu thơ tả nội tâm: "Bên.....trời Có khi gốc tử ... ". "Buồn trông…" Dựa vào những dấu hiệu nhận biết câu thơ tả cảnh : • Miêu tả bên ngoài, là cảnh sắc tự nhiên, người đọc có thể quan sát trực tiếp được bằng các giác quan: Hình dáng, màu sắc... • Tả cảnh : Đối tượng miêu tả: Cảnh sắc thiên nhiên (không gian, thời gian, màu sắc, cảnh vật,..) -> Miêu tả ngoài, quan sát trực tiếp(ghi 1) Dấu hiệu cho thấy đây là những câu thơ miêu tả tâm trạng Thuý Kiều : + Vì đó là những câu thơ tái hiện suy nghĩ, tình cảm của Kiều: Xót xa về cảnh ngộ bơ vơ, dày vò day dứt vì tình yêu không giữ được trọn vẹn, lo lắng nhớ thương cha mẹ già ở chốn quê nhà không ai chăm sóc phụng dưỡng …) + Diễn tả tâm trạng nhiều chiều của Thuý Kiều: nhớ nhà- cô đơn; nghĩ đến số phận trôi nổi của mình- buồn tủi; tuyệt vọng- chán chường, cảm giác chao đảo, ngả nghiêng,…	Có khi gốc tử ... ". "Buồn trông…" -> Tái hiện ý nghĩ, tình cảm, cảm xúc, diễn biến tâm trạng của Kiều -> **Miêu tả trực tiếp** ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. *** Giáo viên lưu ý:** Sự phân biệt giữa miêu tả cảnh sắc TN và miêu tả nội tâm chỉ tương đối bởi trong miêu tả cảnh TN đã gửi gắm tình cảm và trong miêu tả nội tâm cũng có những yếu tố ngoại cảnh đan xen. + Những câu thơ tả cảnh và nội tâm nv có quan hệ chặt chẽ với nhau, từ việc miêu tả ngoại hình, hoàn cảnh mà người viết cho ta thấy được tâm trạng bên trong của nhân vật và ngược lại, từ việc miêu tả tâm trạng, người ta hiểu được hình thức bên ngoài. => Như vậy miêu tả nội tâm không quan sát trực tiếp mà phải dựa vào hiểu biết, vốn kiến thức, kinh nghiệm sống và tâm lí người. **Hoạt động 2: Phân tích ví dụ 2** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nguyên tắc mượn từ tiếng nước ngoài. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1 : Gọi học sinh đọc ví dụ 2** *** Giáo viên đặt câu hỏi:** ? Để lột tả nội tâm nhân vật tác giả làm cách nào? ? Miêu tả nội tâm có thể nhìn bằng mắt như miêu tả ngoại cảnh không? cần phải có yếu tố nào? Em có nhận xét gì về cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả? ? Qua phân tích ví dụ, em thấy miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong văn bản tự sự? ? Từ đó em hãy cho biết: thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ? Có mấy cách miêu tả nội tâm của nhân vật ? **Nhiệm vụ 2 : Giáo viên** chia lớp thành 2 khu vực mỗi khu vực thành 1 nhóm- thực hiện phiếu học tập **Nhóm 1,3 :** **? Đọc đoạn văn sau & trả lời câu hỏi bên dưới;** “ Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. ánh mặt trời tô điểm con đường tôi	* Ví dụ 2: Đoạn trích “Lão Hạc” – Nam Cao miêu tả nội tâm thông qua cách miêu tả ngoại hình (nét mặt, cử chỉ của lão Hạc) **-> Miêu tả gián tiếp.** - Các cách miêu tả nội tâm nhân vật : + Cách trực tiếp: diễn tả suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật + Cách gián tiếp: miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật **2. Ghi nhớ (Sgk-117)**

đi, mặt đất rắn mùa thu trải dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu tím. Từng cụm bông lau khô vun vút bay lên như những tia lửa lập loè. Mặt trời rọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn vá tôi đang mặc. Và tôi cứ chạy đi, trong lòng hoan hỉ nói với đất trời, gió mây: " Hãy nhìn tôi đây ! Hãy nhìn xem tôi đáng kiêu hãnh chừng nào. Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường & dẫn cả các bạn khác đến..." a, Tìm những câu văn m.tả bên ngoài với m.tả nội tâm bên trong của nhân vật? b, Phân tích mối quan hệ giữa m.tả bên ngoài & mtả nội tâm bên trong? **Nhóm 2,4 :** ? Khi làm bài văn: Kể về 1 kỉ niệm đáng nhớ đối với con vật nuôi mà em yêu thích. 1 bạn đã kể việc để lạc mất chú chó yêu như sau: " Mải xem bác ấy nặn con gà trống, em quên mất Mi-lu. Lát sau qay lại chẳng thấy Mi-lu đâu, em vội vàng đi tìm khắp công viên mà vẫn không thấy nó đâu. Mãi sau đang nhớn nhác gọi, em thấy nó trong cái vườn nhỏ, đang loay hoay tìm lối ra." a, Theo em vì sao cách kể của bạn chưa phong phú? b, Hãy viết lại đoạn văn trên cho sinh động hơn? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhiệm vụ 1:** - Để lột tả nội tâm nhân vật tác giả làm bằng cách : Bằng cách miêu tả ngoại hình qua khuôn mặt, ánh mắt, cái miệng. + Miêu tả nội tâm là miêu tả những biến đổi trên nét mặt → diễn tả nội tâm đau đớn, dằn vặt, đau khổ của lão Hạc -> gián tiếp. - Các cách miêu tả nội tâm nhân vật + Cách trực tiếp: diễn tả suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật + Cách gián tiếp: miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật **Nhiệm vụ 2 :** HS tự làm bài tập và trả lời	

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS *** Giáo viên khái quát:** Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất trong văn bản tự sự. Để xây dựng được nhà văn thường miêu tả ngoại hình (hình dáng bên ngoài) của nhân vật và miêu tả nội tâm (chân dung tinh thần) của nhân vật; tái hiện lại những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tư tưởng, tình cảm của nhân vật…những yếu tố này nhiều khi không thể tái hiện bằng miêu tả ngoại hình. Vì thế miêu tả nội tâm có vai trò lớn trong việc khắc hoạ đặc điểm tính cách nhân vật, làm cho nhân vật thêm sinh động. * Gọi học sinh đọc Ghi nhớ SGK-117 **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về lí thuyết để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : **Bài 1 :** Xác định được các chi tiết miêu tả ý nghĩ, tâm trạng, thái độ, cảm xúc của nhân vật trong một văn bản tự sự đã học và cho biết đó là các chi tiết miêu tả trực tiếp hay gián tiếp nội tâm nhân vật ? **Bài 2 :** Phát hiện, nhận biết được những câu văn, câu thơ miêu tả nội tâm nhân vật trong một văn bản tự sự đã học và chỉ rõ tác dụng của nó? **Bài 3 :** ? Đọc và xác định yêu cầu của bài tập số 3? ? Kể lại diễn biến một sự việc trong đó có các chi tiết miêu tả tâm trạng bản thân? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**II. Luyện tập:** **Bài 1 :** Xác định được các chi tiết miêu tả ý nghĩ, tâm trạng, thái độ, cảm xúc của nhân vật trong một văn bản tự sự đã học và cho biết đó là các chi tiết miêu tả trực tiếp hay gián tiếp nội tâm nhân vật? **Bài 2 :** Phát hiện, nhận biết được những câu văn, câu thơ miêu tả nội tâm nhân vật trong một văn bản tự sự đã học và chỉ rõ tác dụng của nó? a. "Tà tà bóng ngả về tây, Chị em thơ thẩn dan tay ra về Bước dần theo ngọn tiểu khê,

	Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh. Nao nao dòng nước uốn quanh Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.” (Cảnh ngày xuân- Truyện Kiều) ->Miêu tả gián tiếp=>T/d : Bộc lộ tâm trạng luyến tiếc, lặng buồn trong tâm hồn một cô gái trẻ. b. “Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng: - Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng. ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.” (Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ) -> Miêu tả trực tiếp nội tâm nhân vật=>T/d: Tâm trạng đau buồn, cố giãi bày, mong chồng đừng nghi oan. **Bài tập 3 (SGK- 117)** Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu phía dưới:

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin là có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bẫy chim giữa cánh đồng lúa bay trên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi.
Nhưng những tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm bẩm đọc:
Bài tập viết : Tôi đi học !
a.Nêu những cảm xúc của nhân vật "tôi" khi ngắm nhìn lớp học và người bạn mới
b.Vì sao nhân vật "tôi" bỗng nhiên nhớ về kỉ niệm cũ của những ngày đi bẫy chim? Điều gì đưa ý nghĩ của nhân vật "tôi" quay trở lại lớp học, bài học?
Theo em, diễn biến tâm của nhân vật tôi trong đoạn trích trên có được miêu tả hợp lí không? Vì sao?
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học thuộc ghi nhớ, nắm được nội dung bài học.
+ Phân tích một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật đã học.
+ Đọc và chuẩn bị " Chương trình Ngữ Văn địa phương phần Văn"

Tuần 8 -Tiết 39
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 9- Tiết 40:
Tiếng Việt: TỔNG KẾT TỪ VỰNG
(Từ đơn, từ phức ... từ nhiều nghĩa)
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Hiểu và nhớ một số khái niệm liên quan đến từ vựng.
2. Năng lực:
+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng hệ thống kiến thức.Tài liệu liên quan đến kiến thức từ vựng lớp 6,7,8,9, Bảng phụ, bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập kiến thức về từ vựng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Giới thiệu khái quát các nội dung ôn tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hỏi học sinh: Sau khi nghe bài hát này, em mong muốn điều gì nhất?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: :

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu lí thuyết** **a. Mục tiêu:** hiểu được các kiến thức lí thuyết đã học. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV	**A.Lí thuyết:** I. Từ đơn và từ phức: (xét về đặc điểm cấu tạo) 1. Từ đơn là từ do 1 tiếng có nghĩa tạo thành. Ví dụ: hoa, quả, nhà, cửa ... 2.Từ phức: Do 2 hay nhiều tiếng tạo thành Ví dụ: Hoa hồng

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

Nhóm 1:

? Thế nào là từ đơn, từ phức? Cho ví dụ ?

? Thế nào là từ ghép? Có mấy loại từ ghép? Cho ví dụ?

? Có mấy loại từ láy ? Cho ví dụ ?

Nhóm 2 :

? Thế nào là thành ngữ?

? Phân biệt thành ngữ, tục ngữ?

Nhóm 3 :

? Em hiểu thế nào là nghĩa của từ?

? Cho ví dụ minh họa?

Nhóm 4:

? Thế nào là từ nhiều nghĩa ?

? Nghĩa gốc là nghĩa nào?

? Nghĩa chuyển là nghĩa nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.

- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết quả mong đợi:

- Những tiếng được dùng độc lập đều là từ đơn.

- Từ láy

+ Láy hoàn toàn: Đo đỏ, tim tím, xinh xinh...

+ Láy vần: Loanh quanh, luẩn quẩn...

+ Láy phụ âm đầu: Hổn hển, thập thò, mênh mông...

* Tác dụng phương thức láy:

+ Giảm nghĩa.

+ Tăng nghĩa.

- Có 3 cách chính để giải nghĩa của từ:

+ Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

Từ phức gồm: Từ ghép và từ láy

* Từ ghép: ghép các tiếng có nghĩa với nhau. Trong từ ghép có ghép chính phụ và ghép đẳng lập.

+ Ghép đẳng lập: Là từ ghép trong đó các từ tố bình đẳng với nhau về ngữ pháp, không có từ tố chính, không có từ tố phụ.

+ Ghép chính phụ: Là từ ghép trong đó các từ tố không bình đẳng với nhau về ngữ pháp, có từ tố chính và từ tố phụ.

+Về mặt trật tự từ: Từ tố chính đứng trước, Từ tố phụ đứng sau.

* Từ láy: có sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng.

- Căn cứ vào phụ âm đầu và phần vần, người ta chia từ láy ra làm 2 loại:

+ Láy bộ phận .

+ Láy toàn bộ.

II. Thành ngữ:

+ Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

+ Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa bóng. Nhiều thành ngữ tiêu biểu trong Tiếng Việt thường có cấu tạo đối xứng:

* Ví dụ: Trèo cao ngã đau; Giấu đầu hở đuôi; Ăn trên ngồi trốc

Thành ngữ	Tục ngữ
+ Hình thức: Là câu nói dân gian có tính chất ổn định, có vần và nhịp điệu.	+ Hình thức: Cũng: Là câu nói dân gian, có vần và nhịp điệu.
+ Chỉ có tính chất định danh để gọi tên sự vật, nêu ra một đặc điểm nào đó -> tương đương với từ và cụm từ.	+ Tục ngữ là một phán đoán, một câu mang nghĩa trọn vẹn, nó không phải là cụm từ cho dù số chữ của nó bằng thành ngữ.
Thành ngữ như hoa	Tục ngữ như quả
+ Sử dụng: Phải luôn kết hợp với tiền tố và hậu tố khác.	đầy đủ, hoàn thiện hơn.
VD : Anh ta đen như cột nhà cháy.	+ Sử dụng: Tục ngữ chỉ cần nói độc lập.

+ Miêu tả sự việc, hoạt động, đặc điểm mà từ biểu thị |+ Đưa ra từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ cần giải thích. - Từ nhiều nghĩa + Trong từ nhiều nghĩa, nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác. + Nghĩa chuyển được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc, có quan hệ với nghĩa gốc. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** **Hoạt động 2: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** hiểu được các kiến thức lí thuyết đã học và vận dụng bài tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV** hướng dẫn HS làm các bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:**	+ Thường là một ngữ cố định biểu thị khái niệm. | Ví dụ: Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. + Biểu thị một phán đoán về kinh nghiệm trong đời sống. III. Nghĩa của từ: + Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị. + Trong sử dụng từ ngữ, nghĩa đúng vai trò rất quan trọng. Do hiện tượng nhiều nghĩa mà nghĩa của từ rất đa dạng, phức tạp. Muốn hiểu đúng nghĩa của từ phải đặt trong câu cụ thể. Khi ở trong câu, do sự kết hợp giữa các từ mà mỗi từ được hiểu theo 1 nghĩa duy nhất. IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ: - Từ nhiều nghĩa là từ có từ 2 nghĩa trở lên. VD: mắt người, mắt na, mắt dứa, mắt tre,… - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ là quá trình mở rộng của từ, hiện tượng đổi nghĩa từ (Nghĩa đen- nghĩa bóng -> nghĩa gốc, nghĩa chuyển) **B. Luyện tập:** Bài tập về: Từ đơn và từ phức Bài tập 2: + Từ láy: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh. + Từ ghép: những từ còn lại Lưu ý: những từ ghép có cấu tạo giống nhau về phần vỏ ngữ âm nhưng chúng được coi là từ ghép vì giữa các yếu tố có quan hệ ngữ nghĩa với nhau (sự giống nhau về ngữ âm có tính chất ngẫu nhiên.) Từ láy có tiếng gốc và tiếng láy phần âm thanh của tiếng gốc. * Ví dụ: "bằng lăng, bằng bằng, bằng bặn…"

	Chỉ có từ "bằng bặn" là từ láy; "Bằng lăng" là từ đơn đa âm (nhiều âm mới ghép thành 1 từ có nghĩa) " Bằng bằng" không phải là dạng láy đích thực mà là láy lặp, láy hoàn toàn. Bài tập 3: + Giảm nghĩa: Trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xôm xốp. + Tăng nghĩa: Sạch sành sanh, Sát sàn sạt, nhấp nhô. 2. Bài tập về: Thành ngữ Bài tập 2: * Thành ngữ: + Đánh trống bỏ dùi: Làm việc không đến nơi đến chốn, bỏ dở, thiếu trách nhiệm. + Được voi đòi tiên: Tham lam, được cái này lại muốn có cái khác. + Nước mắt cá sấu: Sự thông cảm, thương xót... giả dối nhằm đánh lừa người khác. * Tục ngữ: + Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng: Hoàn cảnh, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến đạo đức, tính cách của con người. + Chó treo, mèo đậy: Muốn gìn giữ thức ăn với chó thì phải treo, với mèo thì phải đậy -> Tuỳ thuộc vào đối tượng có hành động ứng phó phù hợp. Bài tập 3: + Như chó với mèo. + Mèo mả gà đồng. + Lên voi xuống chó. + Đầu voi đuôi chuột. + Rồng đến nhà tôm. + Như vịt nghe sấm. * Đặt câu: An ngồi nghe giảng bài mà như vịt nghe sấm. + Bèo dạt mây trôi. + Cắn rơm cắn cỏ. + Cây cao bóng cả. + Cây nhà lá vườn. + Bẻ hành bẻ tỏi. + Dây cà ra dây muống. Bài tập 4: Sử dụng thành ngữ trong văn chương + Cá chậu chim lồng: Cảnh tù túng, bó buộc, mất tự do. * Ví dụ: Một đời được mấy anh hùng Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi.

	(Truyện Kiều- Nguyễn Du) + Cửa các buồng khuê: Nơi ở của con gái nhà giàu sang thời xưa, chỉ người con gái khuê các. * Ví dụ: Xót mình cửa các buồng khuê Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay (Truyện Kiều- Nguyễn Du) + Bảy nổi ba chìm: Sống lênh đênh, gian truân, lận đận. * Ví dụ: Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non. (Bánh trôi nước- Hồ xuân Hương) + Màn trời chiếu đất: Cảnh sống không nhà cửa, dãi dầu, khổ cực. * Ví dụ: Xiết bao ăn tuyết nằm sương Màn trời chiếu đất dặm trường lao đao. (Truyện Lục Vân Tiên- N.Đ.Chiểu) 3.Bài tập về nghĩa của từ: Bài tập 2: + Chọn cách hiểu a: giải thích đầy đủ nội dung mà từ biểu thị + Không chọn b: nghĩa của từ "mẹ" chỉ khác "bố" ở từ "người phụ nữ" + Không chọn c: nghĩa của từ "mẹ"có sự thay đổi: mẹ em rất hiền -> gốc là mẹ thành công-> nghĩa chuyển. + Không chọn d: nghĩa của từ "mẹ-bà": có nghĩa chung là chỉ người phụ nữ. 4.Bài tập về: Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ: Bài tập: Từ "hoa" trong "thềm hoa, lệ hoa" được dùng theo nghĩa chuyển. Tuy nhiên nó chưa được coi là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì nghĩa chuyển này của từ "hoa" chỉ là nghĩa lâm thời, chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa thể đưa vào từ điển.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.
b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV đăt câu hỏi: Phân tích cách lựa chọn từ ghép, từ láy trong một văn bản cụ thể.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Hoàn chỉnh các bài tập
+ Chuẩn bị: Tổng kết từ vựng tiết 2
(Đọc và tìm hiểu kiến thức về từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, cấp độ khái quát của từ ngữ (lớp 7,8)Xem lại các đơn vị kiến thức, các bài tập trong mỗi phần)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 9- Tiết 41:

Tiếng Việt: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (Tiếp)
(Từ đồng âm…Trường từ vựng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Hiểu và nhớ một số khái niệm liên quan đến từ vựng.
2. Năng lực:
+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo các tư liệu-> soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập. Tranh ảnh về hình tượng QTrung, Lược đồ trận "QT đại phá quân Thanh" lịch sử 7.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc kĩ văn bản, tóm tắt nội dung chính của văn bản. Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK. Tìm hiểu lịch sử giai đoạn cuối thế kỉ XVIII.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Giới thiệu khái quát các nội dung ôn khác: từ đồng âm, từ trái nghĩa…

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hỏi học sinh: Sau khi nghe bài hát này, em mong muốn điều gì nhất?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: : Theo quan niệm của một số nước phương Đông, trong đó có VN và TQ, Tết đến xuân về là dịp để các thành viên trong gia đình đoàn tụ. Mọi người sẽ tạm gác tất cả công việc để nghỉ ngơi sau một năm làm việc vất vả, thậm chí nhiều người kiêng việc vào ngày tết vì sợ cả năm sẽ phải làm lụng vất vả. Thế mà vua Quang Trung-Nguyễn Huệ đã chọn ngày Tết để tiêu diệt quân Thanh. Sự khác thường, bất ngờ này đã mang lại điều gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của bài.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu lí thuyết** **a. Mục tiêu:** hiểu được các kiến thức lí thuyết đã học.	**A. Lí thuyết:** V.Từ đồng âm: * Khái niệm: Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** **Nhóm 1:** ? Thế nào là từ đồng âm? Cho ví dụ về từ đồng âm? ? Phân biệt sự khác nhau giữa hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm ? ? Chỉ ra hiện tượng từ nhiều nghĩa ? ? Chỉ ra hiện tượng đồng âm? **Nhóm 2 :** *** Giáo viên**: Đưa ví dụ lên bảng phụ: a, Rủ nhau xuống bể mò cua Đem về nấu quả mơ chua trên rừng b, Chim xanh ăn trái xoài xanh Ăn no tắm mát rủ nhau đi nằm ? Có thể thay thế vị trí giữa từ quả & trái được không, tai sao? ? Qua ví dụ trên em hiểu thế nào là những từ đồng nghĩa? ? Lấy ví dụ về từ đồng nghĩa? ? Lấy ví dụ về 1 từ nhiều nghĩa thuộc nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau? ? Đặt 2 câu có chứa từ đồng nghĩa hoàn toàn và 2 câu có chứa từ đồng nghĩa không hoàn toàn ? **Nhóm 3:** ? Nhận xét gì về nghĩa của các từ này? ? Qua đó em hiểu thế nào là từ trái nghĩa? ? Lấy ví dụ về từ trái nghĩa? ? Hiện tượng trái nghĩa xảy ra nhiều nhất ở phạm vi từ loại nào ? ? Cho ví dụ cặp từ trái nghĩa? ? Lấy ví dụ về trường hợp 1 từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau? **Nhóm 4:** ? Thế nào là trường từ vựng ? ? Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn được không? Vì sao? ? Em hãy cho một ví dụ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ	nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau. VI. Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm: 1. Từ đồng âm khác từ nhiều nghĩa: + Trong từ đồng âm, nghĩa của các từ hoàn toàn khác nhau, không có mối liên hệ gì với nhau. + Trong từ nhiều nghĩa: các ý nghĩa khác nhau của từ có sự liên hệ với nhau. 2. Ví dụ: Từ " đầu" trong các trường hợp: đi đầu, đầu bài, đầu súng....đều có liên quan đến nghĩa gốc. VI. Từ đồng nghĩa: 1. Khái niệm: Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. 2. Phân loại: 2 loại. * Đồng nghĩa hoàn toàn: * Ví dụ: Gan dạ - Dũng cảm ; Kiên cường - Anh dũng Má - Mẹ ; Nhà thơ - Thi sĩ - Thi nhân... + Đồng nghĩa không hoàn toàn: * Đều có nét nghĩa chính giống nhau nhưng khác nhau về sắc thái biểu cảm. * Ví dụ: Chết - Hi sinh ; Từ trần - Tạ thế - Toi mạng... - Khác về phạm vi sử dụng: Phi – phóng - lao - chạy; phát triển - bành trướng - mở rộng..... VII. Từ trái nghĩa: 1. Khái niệm: + Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau xét trên một cơ sở chung nào đó. + Hiện tượng trái nghĩa xảy ra nhiều nhất ở phạm vi tính từ, ít xảy ra ở phạm vi danh từ và động từ. Để giải thích quan hệ trái nghĩa ở các danh từ và động từ,

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:**	người ta phải gán cho các sự vật và hành động những tính chất nhất định và giải thích thông qua sự trái nghĩa của các tính chất đó. 2. Ví dụ: Xấu- đẹp, hiền- dữ, ác- lành, lành-rách.v.v. VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ: 1. Khái niệm: Từ ngữ có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. + Từ ngữ có nghĩa rộng là từ ngữ mà phạm vi nghĩa của nó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác. + Từ ngữ có nghĩa hẹp là từ ngữ mà phạm vi nghĩa của nó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác. 2.Ví dụ: Thực vật > cỏ > cỏ gà, cỏ tranh. V. Trường từ vựng: 1. Khái niệm: + Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ có nét chung về nghĩa. + Trường từ vựng bao giờ cũng được đặt trong một phạm vi nhất định. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn. 2.Ví dụ: Chân -> Bộ phận của chân. -> Hoạt động của chân. -> Đặc điểm của chân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi: Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu:
Khái quát bằng hệ thống bản đồ tư duy nội dung văn bản Hoàng Lê Nhất thống trí (nhóm lớn)
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.
+ Cảm nhận và phân tích được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích.
+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.
+ Chuẩn bị: "Sự phát triển của từ vựng." (Tiếp theo)
(Tham khảo các tư liệu, tra Từ điển, chuẩn bị các bài tập SGK...)

Soạn: 14/10/2019 Tuần 9- Tiết 42

TẬP LÀM VĂN: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

A. Mục tiêu bài dạy:
1 Kiến thức:
+ Củng cố kiến thức, phương pháp làm văn tự sự, kết hợp các yếu tố khác
2 Kỹ năng:
+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kĩ năng, phương pháp đã học để viết một bài văn tự sự hoàn chỉnh
3 Thái độ:
+ Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, có ý thức học hỏi chữa lỗi trong bài kiểm tra
B. Chuẩn bị:
* Giáo viên: Bài chấm và nhận xét cụ thể. chuẩn bị các phiếu học tập, bảng phụ
* Học sinh: Xem lại phương pháp làm bài tự sự, lập dàn ý chuẩn bị cho giờ trả bài.
C. Phương pháp:
+ Thuyết trình, hỏi đáp, phân tích, qui nạp, thảo luận.
D. Tiến trình bài dạy:
1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.

Ngày giảng	Lớp	Sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ:
(Kết hợp trong quá trình trả bài kiểm tra
3. Giảng bài mới:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:(Trải nghiệm)

- Mục tiêu: tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập
- Phương pháp, kĩ thuật: quan sát tranh ;
- Thời gian:

Bài viết Tập làm văn số 2 là bài văn yêu cầu phải kể chuyện tưởng tượng là cuộc gặp gỡ sau khoảng thời gian 20 nămkhi về thăm trường cũ nhưng ở bài viết này còn rất nhiều nhược điểm mà giờ trả bài hôm nay cô trò ta cùng rút kinh nghiệm cho các bài văn tự sự tưởng tượng sau.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/ vấn đề nêu ra ở hoạt động khởi động
- Phương pháp, kĩ thuật: Tổ chức các hoạt động tìm hiểu và phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm, báo cáo kết quả, thảo luận cặp đôi
- Thời gian:

Hoạt động của giáo viên- học sinh	**Nội dung**
* Giáo viên chép lại đề bài và yêu cầu học sinh đọc lại đề bài. ? Xác định thể loại, yêu cầu của đề văn trên? ? Nội dung, hình thức cần đảm bảo cho đề bài thuyết minh trên? * Giáo viên cho học sinh trình bày dàn ý đã chuẩn bị ở nhà -> Học sinh khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh. **(Kĩ thuật động não và KN giao tiếp, tự tin…)**	Đề bài: I. Dàn bài:(Giáo án tiết 34+ 35 Viết bài Tập làm văn số 2-Văn tự sự) II. Nhận xét chung: **LỚP 9A1:** 1. Ưu điểm: a. Kiểu bài: Đa số đều đúng kiểu bài văn tự sự b. Nội dung: Hầu hết đảm bảo nội dung của một bài văn mang yếu tố tưởng tượng. c. Phương pháp: Đa số học sinh đã nắm được phương pháp làm bài, phương pháp làm bài văn tự sự. Biết kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả + Nhìn chung một số em hiểu đề, tập trung kể về cuộc gặp gỡ sau 20 năm với người bạn thân hồi học THCS.

Không có học sinh nào nhầm lẫn đối tượng, yêu cầu của đề văn tự sự.

* Một số em phương pháp, có kiến thức sâu rộng về thể loại văn tự sự có bài viết khá:

+ Nắm chắc, sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm khá tốt nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn.

+ Cách trình bày bài nhìn chung là khoa học, sạch đẹp, diễn đạt trôi chảy, lời văn trong sáng có sức thuyết phục nhờ hình ảnh, cảm xúc chân thành: Hằng, Nguyệt Hà, Hương, Phương Anh

II. Nhược điểm:

+ Một số học sinh chưa biết tách các sự việc khi kể thành các đoạn văn (thân bài) mà viết liền rất dài tất cả các nội dung: Quách Cường, Khánh.

+ Một số các em chưa đọc kĩ đề, chưa xác định rõ yêu cầu của đề nên khi viết còn bị lạc hướng hoặc không tập trung, còn lan man: Cường, Gia Huy,

+ Một số bài viết quá sơ sài về nội dung: Khánh, Cường, Minh.

+ Một số bài viết cẩu thả về chữ, cách trình bày, dập xoá nhiều: Thái Sơn

+ Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng: Thành

+ Một số bài văn tự sự xong không có lời thoại chỉ đơn thuần là câu kể hoặc trình bày lời thoại không phân biệt với câu kể: Hiếu

+ Một số bài viết còn không sử dụng dấu câu đúng lúc, đúng chỗ, câu cụt chưa rõ nghĩa, thiếu sự hoàn chỉnh về nội dung.v.v.: Tuấn, Sơn

LỚP 9A2:

1. Ưu điểm:

a. Kiểu bài: Đa số đều đúng kiểu bài văn tự sự

b. Nội dung: Hầu hết đảm bảo nội dung của một bài văn tự sự: kể về giấc mơ gặp lại người thân xa cách lâu ngày.

c. Phương pháp: Đa số học sinh đã nắm được phương pháp làm bài, phương pháp làm bài văn tự sự. Biết kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả: hình ảnh người thân, không kí cuộc gặp gỡ...

* Một số em phương pháp, có kiến thức sâu rộng về thể loại văn tự sự có bài viết khá:

+ Nắm chắc, sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm khá tốt nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn.

	+ Cách trình bày bài nhìn chung là khoa học, sạch đẹp, diễn đạt trôi chảy, lời văn trong sáng có sức thuyết phục nhờ hình ảnh, cảm xúc chân thành: Hà Phương, Hiền Linh, Lê Huyên. II. Nhược điểm: + Một số học sinh chưa biết tách các sự việc khi kể thành các đoạn văn (thân bài) mà viết liền rất dài tất cả các nội dung: Quách Cường, Khánh. + Một số các em chưa đọc kĩ đề, chưa xác định rõ yêu cầu của đề nên khi viết còn bị lạc hướng hoặc không tập trung, còn lan man: Cường, Gia Huy, Bá Huy,Nam, Thành, Nguyễn Dũng, Tiến Dũng + Một số bài viết quá sơ sài về nội dung: Khánh, Cường, Minh. + Một số bài viết cẩu thả về chữ, cách trình bày, dập xoá nhiều: + Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng: Cường, Minh.. + Một số bài viết còn không sử dụng dấu câu đúng lúc, đúng chỗ, câu cụt chưa rõ nghĩa, thiếu sự hoàn chỉnh về nội dung.v.v.:Thanh Hiền, Thành, Nguyễn Dũng, Tiến Dũng.
* Giáo viên dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả) **(Kĩ thuật động não và KN giao tiếp, tự tin…)**	III. Trả bài học sinh: IV. Chữa lỗi: 1. Chính tả: **Lớp 9a2:** + xửa xe-> sửa xe + sung quanh -> xung quanh + trò truyện-> trò chuyện + tấp lập-> tấp nập + nàn da trắng-> làn da tắng + chuyển nên Hà Nội-> chuyển lên Hà Nội **Lớp 9a2:** + uống lo nước-> uống no nước + suy nghĩ một nát-> suy nghĩ một lát + xinh sắn-> xinh xắn + dãy bày-> Dãi bày + xuy nghĩ-> suy nghĩ + tôi gieo lên-> reo lên
* Giáo viên dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ(gọi những học sinh hay	2. Dùng từ: Lớp 9a1: + mọi người giật bắn tim-> mình

sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ) **(Kĩ thuật động não và KN giao tiếp, tự tin…)** * Giáo viên dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách đặt câu(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi đặt câu) **(Kĩ thuật động não và KN giao tiếp, tự tin…)** * Giáo viên dùng phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm để chữa lỗi sai phương pháp(lập luận-> Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh **(Kĩ thuật động não và KN giao tiếp, tự tin…)**	+ giờ đây bạn đã là một thanh niên sức dài vai rộng rồi -> khỏe mạnh, vạm vỡ + đi làm trên con xe máy-> đi làm bằng xe máy + va phải một anh chàng cũng chạc bằng tuổi tôi-> một người thanh niên chạc bằng tuổi tôi + Đúng là trời có mắt hôm nay chúng ta được gặp nhau -> Đúng là quả đất tròn hôm nay chúng ta được gặp nhau Lớp 9a2 + Nhớ lại kí ức ngày xưa ở với ông bà-> nhớ lại những kỉ niệm ngày xưa + nói với giọng khoan khoái ông xoa đầu tôi-> giọng mừng rỡ, + Chia tay ông tôi thở dài một hơi-> thở dài một tiếng 3. Câu: **Lớp 9a1:** + Hiếu bảo là tôi còn nhớ năm lớp 8 không-> nhớ kỉ niệm vui (buồn, đánh nhớ) nhất năm lớp 8 không + Về nhà bị đánh một trận lên bờ xuống ruộng-> ai bị ai đánh + Bây gời tôi ước có chiếc máy thời gian của Đô rê mon để quay ngược lại khi tôi và Hiếu gặp nhau + Đã khá lâu rồi mới có dịp gặp lại nhau so với hồi THCS-> Chủ ngữ đâu (ai) khoảng thời gian chính xác là khi nào. 4. Phương pháp (lập luận) * Mở bài : a, Thời gian thấm thoắt trôi thật nhanh và giờ tôi đã 25 tuổi. Đã trở thành một người lớn không còn trẻ con như trước kia nữa. Những những kỉ niệm thời THCS thì lại cảm thấy rất vui và nhớ đến người bạn thân năm xưa đa cùng tôi trải qua bao nhiêu kỉ niệm. (Mở bài thiếu ý: Chưa giới thiệu khái quát cuộc gặp gỡ) b, Tôi đã gặp Phương người bạn thân của tôi thuở còn học trung học sau mười năm lưu lạc. 10 năm quãng thời gian dài đủ để một ai đó nuối tiếc một cái gì đó đã qua, đã mất. Tôi gặp lại Phương trong cái lạnh của mùa Đông, chúng tôi gặp nhau cũng rất tình cờ. Công việc đã khiến tôi không còn thời gian dành cho bản thân mình nữa. Cho tới ngày tôi được nghỉ 2 buổi để chuẩn bị cho chuyến đi công tác tận Miền Nam, buổi chiều

	hôm đó để bớt đi cái lạnh mùa Đông đem đến. Tôi đi bộ trong công viên để tâm hồn được thư giãn. => Mở bài dài dòng, lủng củng, câu chưa rõ ràng dấu câu còn dùng sai khi câu chưa đủ ý Lớp 9a2: * Kết bài : Sau cuộc gặp gỡ bất ngờ đó, tôi hi vọng sẽ được gặp lại bà và ngồi tâm sự lâu hơn. Tôi như mất đi thứ gì đó mà tạm thời chưa thể lấy lại được. Và chắc chắn lần sau khi gặp lại bà tôi sẽ lấy lại nó. (Diễn đạt lủng củng, chưa nêu được rõ tâm trạng, tình cảm sau cuộc gặp gỡ, những ước mong, hi vọng.v.v.)
* Giáo viên tiếp tục cho học sinh **thảo luận nhóm**(mỗi phiếu học tập chỉ gồm 2 đoạn văn chưa hoàn chỉnh cần sửa chữa) chỉ ra lỗi sai trong các phần của Bố cục-> Đưa ra một đoạn văn Mở bài và Kết bài đầy đủ nội dung và trình bày rõ ràng mạch lạc-> các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh	* Đoạn văn: a. Lúc này bạn đã nhận ra tôi. Cảnh vật xung quanh chúng tôi bỗng tươi tắn hẳn lên. Thời gian, xe cộ như đang dừng lại và chúng tôi cũng đờ người ra. Khung cảnh lúc ấy đã dần tan biến sau một hồi còi xe ô tô ngoài đường. => Diễn đạt lủng củng, chú ý sửa các câu văn miêu tả cảnh, tâm trạng lưu loát hợp lí, logic hơn nữa. (Khi chúng tôi nhận ra nhau chúng tôi đều mừng chảy nước mắt. Khung cảnh xung quanh chúng tôi cũng chợt im lặng nhường chỗ cho cuộc gặp gỡ bất ngờ và xúc động này. Một hồi còi xe ô tô đã kéo chúng tôi ra khỏi trạng thái vui như trong mơ để quay về hiện tại b, Do công việc của tôi lúc đông lúc ít khách nên tôi phải nhường cuộc nói chuyện sang một dịp khác. Chúng tôi cố kìm nén cảm xúc, bắt tay lần cuối cùng, cái bắt tay nhẹ nhàng yếu ớt hơn trước rồi lặng lẽ làm việc của mình. Ai cũng có vẻ mặt buồn chán, nặng nề khó tả. => Diễn đạt nhều chỗ lủng củng, dùng nhiều từ sai, không đúng lúc (nhường cuộc nói chuyện sang một dịp khác, không phải bắt tay lần cuối cùng mà là cái bắt tay đầy lưu luyến khi chia tay nhau. Vẻ mặt buồn buồn không mừng rỡ, vui vẻ như khi gặp lại nhau V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu: 9a1: Nguyệt Hà, Thúy Hằng 9a2: Hà Phương, Hiền Linh

VI. Thống kê điểm:

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2
9A1					

9A2					

4. **Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:**

+ Ôn tập phương pháp làm bài văn tự sự: Bố cục, các yếu tố cần kết hợp.
+ Đọc và soạn: " Đồng chí"- Chính Hữu

(Sưu tầm tư liệu về tác giả Chính Hữu, những nhận định, đánh giá về bài thơ Đồng chí, các giá trị về nội dung và nghệ thuật, tìm dẫn chứng minh hoạ các giá trị nghệ thuật và nội dung đó, phân tích các nội dung chính của văn bản)

Ngày soạn :
Ngày dạy :

Tuần 10 - Tiết 46:

Văn bản: ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Hệ thống hoá các kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật của các văn bản thuộc truyện trung đại đã học.
+ Nắm được một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, thời đại có trong các tác phẩm.
+ Hiểu những phẩm chất, cách xây dựng ở một số nhân vật chính trong một số đoạn trích.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo tư liệu soạn giáo án, sgk, sgv

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ:

? Đọc thuộc lòng một đoạn (ít nhất 3 khổ thơ) mà em thích trong " Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” ? (2đ)

? Qua bài thơ em biết gì về người chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước?(8đ)

* Đáp án:

+ Đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài thơ(ít nhất 3 khổ thơ)

+ Hình ảnh người chiến sĩ lái xe: hiên ngang, bình tĩnh, vững vàng, tự tin trong mưa bom bão đạn

+ Gặp rất nhiều khó khăn: gió, bụi, mưa

+ Thái độ bất chấp coi thường khó khăn, gian khổ nguy hiểm, vẫn lạc quan yêu đời, tâm hồn sôi nổi, trẻ trung, tinh nghịch, dí dỏm

+ Tình cảm ấm áp, thân thương sẵn sàng sẻ chia cùng đồng đội, như 1 gia đình.

+ Ý chí quyết tâm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Bài mới: Để chuẩn bị cho bài kiểm tra về truyện trung đại, giờ học hôm nay cô trò ta cùng ôn tập lại toàn bộ các đoạn trích thuộc truyện trung đại.

I. Lập bảng thống kê:

- Giáo viên cho học sinh trình bày nội dung dựa vào bảng đã chuẩn bị sẵn-> cho học sinh nhận xét và hoàn chỉnh

Hoạt động nhóm:(4 phút) **phiếu học tập** mỗi nhóm tìm hiểu 2 tác phẩm

Nhóm 1: Chuyện người con gái Nam Xương và " Chuyện cũ trong..."

Nhóm 2: Hoàng Lê nhất thống chí và Chị em Thúy Kiều

Nhóm 3: Cảnh ngày xuân,kiều ở lầu, Lục Vân Tiên

GV cho H chiếu đáp án nhận xét

STT	Đoạn trích, tác phẩm)	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc nghệ thuật
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	+ Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của họ.	+ Khai thác vốn văn học dân gian. + Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kỳ. + Sáng tạo nên một kết thúc tác phẩm không mòn sáo.
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	Phạm Đình Hổ	Đời sống xa hoa, lãng phí của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê Trịnh.	+ Lựa chọn ngôi kể phù hợp. + Lựa chọn sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa p/á bản chất s/việc, con người.

				+ Miêu tả sinh động, tỉ mỉ, chân thực, khách quan, cảm xúc được bộc lộ một cách kín đáo sâu sắc + Sử dụng ngôn ngữ khách quan thể hiện thái độ bất bình của tác giả.
3	Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô Gia Văn Phái	+ Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ: văn võ song toàn với chiến công đại phá 20 vạn quân Thanh. Tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước, cướp nước.	+ Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử + Khắc họa các nhân vật lịch sử. + Ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động. + Giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả.
4	Chị em Thuý Kiều	Nguyễn Du	+ Ca ngợi vẻ đẹp hoàn hảo của 2 chị em Thuý Kiều & dự báo cuộc đời, số phận của 2 chị em.	+ Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ. + Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. + Thủ pháp đòn bẩy.
5	Cảnh ngày xuân	Nguyễn Du	+ Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân đẹp, trong sáng.	+ Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật. + Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều.
6	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	+ Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích, thể hiện tấm lòng hiếu thảo, thuỷ chung của nàng.	+ Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. + Lựa chọn từ ngữ,
7	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	+ Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Lục Vân Tiên: anh hùng hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài.	+ Miêu tả nhân vật chủ yếu được qua cử chỉ, hành động, lời nói. + Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với lời nói thông thường mang nhiều màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện

Hoạt động của giáo viên- học sinh	**Nội dung**
*** GV :** Ở phần 2 cho học sinh thảo luận nhóm bàn(5 phút) và trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. => Giáo viên nhận xét và hoàn chỉnh	**2. Vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến:** a. Vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến:

? Vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến được thể hiện như thế nào qua Chuyện người con gái Nam Xương và các trích đoạn của Truyện Kiều?	- Là những người phụ nữ đẹp người đẹp nết + Xinh đẹp, nết na thuỳ mị, tư dung tốt đẹp: Vũ Nương + Một tuyệt sắc, tuyệt tài như Thuý Kiều (dẫn chứng) + Vũ Nương: yêu chồng, thương con, yêu kính mẹ chồng-> người vợ thuỷ chung, con dâu hiếu thảo, người mẹ hết lòng vì con + Người phụ nữ đức hạnh, trọng danh dự, nhân phẩm, tiết hạnh: lấy cái chết để rửa sạch nỗi oan, vẫn khao khát trở về dương gian được minh oan. + Một người phụ nữ giàu lòng vị tha, bao dung: Vũ Nương chết đi, sống dưới thuỷ cung song vẫn thương nhớ chồng con, gia đình, quê hương. + Một người phụ nữ giàu lòng vị tha, đức hi sinh, người con hiếu thảo, người yêu chung thuỷ: khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Thúy Kiều vẫn nhớ về cha mẹ, nhớ về người yêu với sự lo lắng, day dứt ân hận.v.v. b. Số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: + Chịu nhiều đắng cay, tủi cực, số phận lênh đênh chìm nổi: Thuý Kiều trở thành món hàng để trao đổi, mua bán, sống nơi đất khách quê người cô đơn, buồn tủi. + Vũ Nương bị nghi oan, nỗi oan khiên quá lớn khiến nàng phải dùng cái chết để minh oan-> nàng bị đẩy vào con đường cùng không lối thoát. ⇔ Họ là những nhân vật điển hình của người phụ nữ chế độ phong kiến.
*** GV :** Ở phần 3 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh ? Bộ mặt xấu xa thối nát của giai cấp thống trị, của xã hội phong kiến thể hiện như thế nào qua các văn bản" Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" và Hoàng Lê nhất thống chí?	**3. Bộ mặt xấu xa thối nát của giai cấp thống trị, của xã hội phong kiến:** + Vua chúa ăn chơi xa xỉ, hoang tàn vô độ trên mồ hôi, nước mắt của nhân dân-> bỏ bê việc triều chính, triều đình mục nát, suy yếu + Quan lại thừa gió bẻ măng: cướp đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân về tô điểm nơi phủ chúa.-> khiến cuộc sống của nhân dân lầm than khốn khổ. + Vua chúa nhà Lê Chiêu Thống: cõng rắn cắn gà nhà, hèn nhát, bạc nhược, tham sống sợ chết, đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích dân tộc, sẵn sàng từ bỏ dân tộc đi theo bè lũ cướp nước.

*** GV :** Ở phần 4 cho học sinh thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận của mình Nhóm 1 và 1/2 nhóm 2: hình tượng Quang Trung 1/2 nhóm 2 và 3: Lục Vân Tiến -> Giáo viên nhận xét và hoàn chỉnh ? Phân tích hình tượng các nhân vật Nguyễn Huệ và Lục Vân Tiên?	**4. Phân tích hình tượng:** * Vua Nguyễn Huệ- Quang Trung: + Có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén khi lựa chọn thời cơ, hành động quyết đoán, mạnh mẽ, có tầm nhìn xa trông rộng, ý chí quyết chiến quyết thắng. + Người anh hùng quả cảm, thông minh, có tài thao lược, cầm quân, dụng binh như thần. + Nhận định thời cơ chín muồi tiến đánh quân Thanh vào những ngày cuối năm khi chúng mất cảnh giác, dành thắng lợi nhanh chóng, giòn giã. + Trực tiếp chỉ huy nghĩa quân; oai phong lẫm liệt, làm nức lòng quân sĩ, tăng sức mạnh cho quân sĩ, là người tổ chức & là linh hồn của cuộc khởi nghĩa với những chiến công vang dội. * Lục Vân Tiên: + Dũng cảm, xả thân vì nghĩa lớn, không sợ hiểm nguy, tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài: Một mình không có vũ khí dám xông vào đánh cướp để cứu người bị nạn, khi Kiều Nguyệt Nga xin được lạy tạ trả ơn, đề nghị chàng đến Hà Khê đề cha nàng trả ơn, Lục Vân Tiên từ chối trình bày quan điểm: làm ơn không phải vì để mong được trả ơn, thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là anh hùng. + Nhân vật mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin ước mơ của mình: mẫu người anh hùng dám xả thân để cứu giúp người gặp nạn, đấu tranh để loại bỏ những thế lực hung tàn, mang trong mình những phẩm chất cao đẹp: chính trực, dũng cảm, hào hiệp
* Ở phần 5 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh ? Những nét chính về thời đại, gia đình, và cuộc đời Nguyễn Du, tóm tắt Truyện Kiều ?	**5. Những nét chính về thời đại, gia đình, và cuộc đời Nguyễn Du, tóm tắt Truyện Kiều** * Thời đại: + Có nhiều biến động, Xã hội phong kiến Việt Nam bước vào thời kỳ khủng hoảng sâu sắc: Đời sống nhân dân vô cùng cơ cực, xã hội loạn lạc đen tối, giai cấp phong kiến tham bạo tranh bá đồ vương, chém giết, tàn sát lẫn nhau. Trịnh Nguyễn phân tranh, vua Lê bù nhìn cõng rắn cắn gà nhà -> phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn. Phong trào Tây Sơn thất bại, chế độ triều Nguyễn được thiết lập, đây là vương triều phong kiến cuối

	cùng với những chính sách chuyên chế tàn bạo. Những thay đổi kinh thiên động địa đó đã tác động mạnh tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực: "Trải qua mấy cuộc bể dâu Những điều trông thấy mà đau đớn lòng". * Gia đình Nguyễn Du: + Cha là Nguyễn Nghiễm là tiến sĩ, nhà sử học, tể tướng triều Lê Trịnh. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản từng làm quan Thượng thư bộ lại- triều Lê Trịnh, say mê nghệ thuật. " Bao giờ ngàn Hống (Hồng Lĩnh) hết cây Sông Rum (sông Lam) hết nước họ này hết quan!" + Nguyễn Du mồ côi cha khi 9 tuổi, mồ côi mẹ khi 12 tuổi + Bản thân học giỏi nhưng chỉ đỗ tam trường (1783) + Cuộc đời ông trải qua những năm tháng gian truân, trôi giạt, vất vả long đong: 10 năm sống ở đất Bắc (1786-1796)-quê vợ ở Thái Bình & ở ẩn tại quê hương(1796-1820) + Làm quan dưới thời nhà Nguyễn, 1820 nhận lệnh đi sứ Trung Quốc lần 2, chưa kịp đi thì ông đã mất ở Huế. * Cuộc đời Nguyễn Du: + Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quí tộc. + Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội. + Những thăng trầm trong cuộc sống riêng tư làm cho tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương con người. * Tóm tắt Truyện Kiều: Truyện kể về cuộc đời λ con gái tên Thúy Kiều. Nàng là con nhà lương thiện, tài sắc tuyệt vời, giàu lòng thương người, đa cảm có tình yêu vừa hé nở với Kim Trọng. Kim Trọng về quê hộ tang chú. Nhưng tai hoạ đã xảy ra với gia đình nàng do thằng bán tơ vu vạ. Kiều nhờ Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng và quyết định bán mình chuộc cha. Từ đó cuộc đời nàng trải qua 15 năm lưu lạc. Hai lần làm kỹ nữ, làm nô tỳ bị hành hạ,

	vùi dập cho đến khi Từ Hải chuộc nàng ra khỏi lầu xanh. Nhưng sự phản bội hèn hạ của bọn quan triều đình đứng đầu là Hồ Tôn Hiến đã hại chết Từ Hải. Thúy Kiều tự trẫm mình ở sông Tiền Đường và được cứu sống. Cuối cùng nàng được đoàn tụ cùng gia đình, song vẫn giữ tình bạn với Kim Trọng. **6. Giá trị nhân đạo của Truyện Kiều:** + Ca ngợi những vẻ đẹp của người phụ nữ: Thuý Vân đoan trang, phúc hậu, Thuý Kiều lại tuyệt sắc, tuyệt tài + Ca ngợi tấm lòng chung thuỷ, hiếu thảo, giàu đức hi sinh của nàng Kiều + Thái độ cảm thông, đồng cảm với những nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích
	7. Nghệ thuật của Truyện Kiều: + Sử dụng ngôn ngữ: chọn lọc, trau chuốt, giàu sắc thái biểu cảm, gợi hình. + Tả cảnh thiên nhiên: chấm phá mà tạo cảnh rất đặc sắc, ấn tượng, + Tả cảnh ngụ tình: tả cảnh thiên nhiên để bộc lộ tâm trạng, tình cảm của nhân vật + Miêu tả nhân vật bằng bút pháp ước lệ tượng trưng, cách sử dụng thành ngữ, điển tích, điển cố,
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG - Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập - Phương pháp: Vấn đáp - Kĩ thuật: Trả lời nhanh, KT khăn phủ bàn - Thời gian:	
? Những nội dung chính nào đã được các truyện trung đại tập trung làm rõ? + Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người. + Thể hiện những ước mơ, khát vọng của nhân dân	

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Ôn tập lại toàn bộ các truyện trung đại: tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật chính, phân tích các nhân vật chính, chú ý các dẫn chứng kèm theo.

+ Ôn lại thật kĩ toàn bộ các nội dung trong phần ôn tập, chuẩn bị kiểm tra 1 tiết truyện trung đại.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tiết 38

Văn bản: ĐỒNG CHÍ

(Chính Hữu)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Hiểu về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống TDP của DT ta.

+ Hiểu về lí tưởng cao đẹp và tình cảm keo sơn gắn bó làm lên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.

+ Phát hiện đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, hợp tác, ra quyết định, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, quản lí thời gian, tìm kiếm và xử lí thông tin

3. Phẩm chất:

+ Thêm yêu mến, trân trọng tình đồng chí thiêng liêng cao cả của người chiến sĩ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Một số bài thơ về tình đồng chí trong kháng chiến của tác giả khác.

+ Bài viết của tác giả: "Một vài kỉ niệm về bài thơ Đồng chí", tranh minh hoạ về tình đồng chí

+ Máy chiếu, máy tính xách tay,

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Tại sao người Việt thường gọi những người trong cùng đất nước là "đồng bào"? Cách gọi ấy có ý nghĩa gì?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý:Cách gọi "đồng bào" này xuất phát từ truyền thuyết "Con Rồng cháu Tiên". Truyền thuyết kể rằng, mẹ Âu cơ đã sinh ra một bọc trứng, từ bọc trứng nở ra trăm người con là tổ tiên của dân tộc Việt Nam ngày nay. Từ "đồng bào" ở đây có nghĩa là "cùng một bào thai". Vì vậy, người Việt thường gọi những người trong cùng đất nước là "đồng bào" là ý coi nhau như anh em cùng sinh ra từ một bọc, có cùng một cội nguồn sinh dưỡng, cùng là "con Rồng cháu Tiên".

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trên cơ sở của từ đồng bào này, sau này, xuất hiện từ đồng chí chỉ những người có cùng chí hướng, lý tưởng, cùng đội ngũ và tổ chức với nhau

Đó cũng là tên một tác phẩm của Chính Hữu. Hôm nay, cô và các con cùng nhau tìm hiểu bài thơ này để hiểu và trân quý hơn về tình đồng chí của những người lính

Hoạt động của GV - HS	**Nội dung bài học**
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** ? Dựa vào SGK hãy nêu những nét cơ bản về tác giả Chính Hữu? ? Bài thơ được sáng tác trong thời gian nào? Hoàn cảnh sáng tác bài thơ ra sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi:	**A. Giới thiệu chung:** 1.Tác giả: + Chính Hữu tên khai sinh Trần Đình Đắc (1926-2007) + Đề tài chủ yếu viết về người chiến sĩ quân đội của ông trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. 2. Tác phẩm: + Bài thơ ra đời năm 1948.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. * Giáo viên giới thiệu chân dung nhà thơ Chính Hữu và một số bìa sách của nhà thơ Chính Hữu trên màn hình và bổ sung: + Tuổi thiếu niên ông ra Hà Nội học rồi tham gia kháng chiến chống Pháp (20 tuổi tòng quân). Từ người lính Trung đoàn Thủ Đô ông đã trở thành nhà thơ quân đội. Chính Hữu hoạt động trong quân đội suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp Mỹ đầy thiếu thốn, khó khăn, gian khổ tác giả đã cảm nhận sâu sắc tình đồng chí, đồng đội. Thơ ông hầu hết viết về người lính và hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của người lính: tình đồng chí, tình quê hương, sự gắn bó giữa tiền tuyến và hậu phương. + Thơ ông không nhiều nhưng đặc sắc, tiêu biểu là bài "Đồng chí" Thơ của ông không nhiều nhưng có phong cách ở sự gân guốc, tinh tế trong ngôn từ, nhịp điệu.Ông chỉ công bố 3 tập thơ khoảng 50-60 bài nhưng đã ghi dấu vào thi đàn Việt Nam như 1 gương mặt điển hình, tiêu biểu của thơ ca kháng chiến. "Ngày về" sáng tác 1947- bài thơ đánh dấu sự gia nhập thi đàn kháng chiến của nhà thơ Chính Hữu. * Giáo viên trình chiếu đoạn thơ minh hoạ: " Nhớ đêm ra đi đất trời bốc lửa Cả kinh thành nghi ngút cháy sau lưng Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa" => Hình ảnh người lính đẹp, lãng mạn, mang màu sắc của những người anh hùng xưa. * Chính Hữu cùng đơn vị tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947). Trong chiến dịch ấy, cũng như những năm đầu của cuộc khỏng chiến, bộ đội ta còn hết sức thiếu thốn. Nhưng nhờ tình yêu nước, ý chí chiến đấu và tình đồng đội, họ đã vượt qua tất cả để làm nên chiến thắng. Bài thơ được viết đầu năm 1948 được coi là 1 trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về người lính Cách mạng – văn học chống Pháp.	

+ Hoàn cảnh sáng tác: Sau chiến dịch Việt Bắc, tại nơi ông phải nằm điều trị bệnh. Bài thơ đó thể hiện tình cảm tha thiết, sâu sắc của tác giả với những người đồng đội của mình.Cảm hứng của nhà thơ hướng về hiện thực của cuộc sống kháng chiến, khai thác cái đẹp & chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhấn mạnh cái phi thường, khác cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh mang dáng dấp tráng sĩ, trượng phu của một số nhà thơ khác như Hữu Loan, Quang Dũng.v.v... Bài thơ đã được nhạc sĩ Minh Quốc phổ nhạc thành bài hát "Tình đồng chí" **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * HS xác định giọng đọc: Chậm rãi, tình cảm, để diễn tả những cảm xúc lắng lại, dồn nén. Chú ý các câu thơ tự do, có cấu trúc tương ứng. 3 câu cuối, đọc với giọng chậm, hơi cao, ngân nga, khắc hoạ hình ảnh vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa tượng trưng. * GV đặt câu hỏi : ? Em hiểu đồng chí là như thế nào? ? Theo em bài thơ được viết theo thể thơ nào? Mục đích của tác giả khi chọn thể thơ đó? ? Em có thể chia văn bản làm mấy phần? Nội dung từng phần là gì? ? Cảm hứng bao trùm bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	**B. Đọc- Hiểu văn bản:** 1. Đọc - Hiểu chú thích: a. Đọc: b. Chú thích: 2.Thể thơ- Bố cục: + Thể thơ tự do. + Bố cục: 3 phần

+ Thể thơ : Thơ tự do: khi giãi bày bộc lộ, khi thì dồn nén, sâu lắng -> nhịp thơ tự do – bày tỏ cảm xúc của mình về tình đồng chí, đồng đội Bố cục : + Đoạn 1: 7 dòng đầu(Cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp) + Đoạn 2: 10 dòng đầu(Những biểu hiện về vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí.) Đoạn 3: 3 dòng cuối(biểu tượng của tình đồng chí) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu cơ sở của tình đồng chí** **đánh cá ra khơi** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi 2 khổ thơ đầu *** GV gọi học sinh đọc lại 7 câu thơ đầu và đặt câu hỏi thảo luận :** ? Câu thơ nào cho biết nguồn gốc xuất thân của của những người lính trong bài thơ? ? Mỗi miền quê của anh bộ đội đều khác về vị trí địa lý, phong tục nhưng, đều giống nhau ở điểm gì? ? Nhận xét cách sử dụng các cụm từ " Nước mặn đồng chua, đất cày sỏi đá"? và nét nghệ thuật trong đoạn thơ ? +? Các cụm từ này thuộc loại từ vựng nào chúng ta vừa ôn tập? Tác dụng của việc sử dụng các cụm từ trên? ? Như vậy tình đồng chí được xây dựng trên cơ sở chung đầu tiên gì? ? Chung cảnh ngộ, chung hoàn cảnh xuất thân chưa đủ, còn điều gì khiến những người lính quen nhau và trở thành tri kỉ? Tìm chi tiết minh hoạ ? ? Điểm chung của những người lính ở đây là gì?	

? Xuất thân cùng giai cấp, ở những miền quê khác nhau, họ đã trở thành đồng chí của nhau như thế nào? ? Tác giả sử dụng từ nào để đếm? ? Tại sao dùng từ "đôi" mà không phải là từ "hai"? ? Tác giả sử dụng từ "đôi" để khẳng định điều gì? Tìm những câu thơ trong đoạn 1 để thể hiện điều đó? ? Phân tích cái hay trong câu thơ: "Đêm rét... tri kỉ"? ? Những cái chung ấy đã khiến những người xa lạ không quen biết nhau hình thành nên tình cảm gì? ? Tại sao từ " Đồng chí" lại được tác giả tách riêng và đứng độc lập thành một dòng? ? Ngoài cách sử dụng từ "đôi" tài tình, em còn nhận xét như thế nào về ngôn ngữ của đoạn thơ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Giống nhau** + Họ xuất thân là những người nông dân nghèo khổ. + Vùng đất nhiễm mặn ven biển, vùng đất phèn, có độ chua cao -> đất xấu khó trồng trọt. V í dụ: Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định. + Trung du, miền núi -> đất bạc màu, khô cằn → là các thành ngữ: miền quê nghèo, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt => tương đồng cảnh ngộ, tình đồng chí có cội nguồn từ những con người cùng giai cấp đồng khổ, dễ cảm thông với nhau. → dân nghèo, chung cảnh ngộ, hoàn cảnh xuất thân. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: * Giáo viên: Những người xa lạ đến bên nhau cùng đứng trong hàng ngũ cách mạng, cùng khát vọng đánh đuổi kẻ thù-> trở thành đồng đội, đồng chí của nhau. Họ là những người từ nhân dân mà ra,	3. Phân tích: a Cơ sở của tình đồng chí: * Nguồn gốc xuất thân + Quê anh « nước mặn đồng chua » nhiễm mặn ven biển, vùng đất phèn, có độ chua cao + Làng tôi « đất cày sỏi đá » Trung du, miền núi -> đất bạc màu, khô cằn -> thành ngữ : vùng đất xấu khó trồng trọt. -> họ đều là những người nông dân nghèo, chung cảnh ngộ, hoàn cảnh xuất thân. + Súng bên súng, đầu sát bên đầu -> gắn bó để trở thành đôi bạn tâm giao, trở thành đồng đội, đồng chí của nhau. =>Họ chung mục đích, cùng lí tưởng, chung chiến hào chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ Quốc. + Đôi người xa lạ-> đôi tri kỉ: ->Tình đồng chí là sự chia sẻ buồn vui, thiếu thốn, xoá mọi khoảng cách. + Từ xa lạ, họ tập hợp nhau lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên đồng chí, đồng đội của nhau: Đồng chí ! -> dòng thơ đặc biệt, là lời phát hiện và khẳng định cội nguồn và sự hình thành tình đồng chí keo sơn của những người lính, nó là bản lề của bài thơ(nâng cao ý thơ

vì T.Quốc, vì nhân dân chiến đấu => hình ảnh giản dị mà vô cùng đẹp đẽ. *Giáo viên bình: Tình đồng chí thân thương gắn bó như tình cảm bạn bè thân thiết, chân thành chứ không đơn thuần là tình cảm của những người cùng chí hướng=> Câu thơ quan trọng nhất của bài thơ: 1 nốt nhấn vang lên như 1 sự phát hiện 1 lời khẳng định, là bản lề gắn kết giữa đoạn thơ 1& 2 * Ngôn ngữ : + Bình dị, tự nhiên như lời kể chuyện tâm tình + Sử dụng thành ngữ	của đoạn trước và mở ra ý thơ của đoạn sau)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: ? Em nhận xét gì về cơ sở của tình đồng chí của những người lính trong bài thơ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Là những người nông dân nghèo->Cùng chung cảnh ngộ.

+ Ở họ có chung mục đích, cùng lí tưởng, chung chiến hào chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ Quốc

+ Từ xa lạ, họ tập hợp nhau lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên đồng chí, đồng đội của nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc lòng bài thơ, phân tích nội dung phần 1 của bài thơ.

+ Trình bày cảm nhận của em về một chi tiết nghệ thuật mà em tâm đắc nhất.

+ Soạn bài: Phân tích nội dung và nghệ thuật của các đoạn thơ còn lại trong bài thơ " Đồng chí"

+ Thi vẽ tranh minh hoạ cho bài thơ**(Trải nghiệm)**

Ngày soạn :

Ngày dạy :
Tuần 10 - Tiết 44:
Văn bản: ĐỒNG CHÍ (Tiếp)
(Chính Hữu)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Hiểu về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống TDP của DT ta.

+ Hiểu về lí tưởng cao đẹp và tình cảm keo sơn gắn bó làm lên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.

+ Phát hiện đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, hợp tác, ra quyết định, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, quản lí thời gian, tìm kiếm và xử lí thông tin

3. Phẩm chất:

+ Thêm yêu mến, trân trọng tình đồng chí thiêng liêng cao cả của người chiến sĩ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Một số bài thơ về tình đồng chí trong kháng chiến của tác giả khác.

+ Bài viết của tác giả: "Một vài kỉ niệm về bài thơ Đồng chí", tranh minh hoạ về tình đồng chí

+ Máy chiếu, máy tính xách tay,

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho hs nghe bài Đồng chí đã được phổ nhạc

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Từ đôi người xa lạ-> đôi tri kỉ-> Đồng chí: sự chuyển đổi tình cảm lớn lao của những người lính: từ không quen biết họ đã cảm thông, trở thành đôi bạn chia ngọt sẻ bùi, có nhau trong mọi hoàn cảnh, họ không thể tách rời bởi tình cảm keo sơn gắn bó. Không đơn thuần là tình cảm của những người cùng chí hướng, họ đã sát cánh

bên nhau suốt cả cuộc chiến đấu gian khổ và khó khăn của mình. Những khổ thơ còn lại của bài thơ đã khắc họa những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí giữa những người lính như thế nào. Cô trò ta cùng tìm hiểu tiếp những khổ thơ còn lại

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Những biểu hiện của tình đồng chí trong chiến đấu** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **NV1 :** *** Giáo viên gọi học sinh đọc 10 c©u th¬ tiÕp theo** *** GV đặt câu hỏi :** ? Em hãy tìm trong đoạn thơ trên những chi tiết, hình ảnh biểu hiện cho tình đồng chí, đồng đội? ? Ở câu thơ thứ 2 tác giả dùng từ "mặc kệ", có phải chỉ người lính vô tâm, vô tình với gia đình không? Trình bày suy nghĩ của em ? ? Phân tích hình ảnh thơ"Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính" để hiểu rõ hơn nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả? ? Qua đó ta có thể hiểu gì về những tâm tư, nỗi lòng của những người lính? **NV2:** *** GV** cho học sinh quan sát tiếp đoạn thơ "Anh với tôi...chân không giày" ? Những câu thơ tiếp theo nói về sức mạnh của tình đồng chí một cách cụ thể và cảm động. Hình ảnh nào làm em xúc động nhất? ? Không chỉ chia sẻ những đau đớn của bệnh tật, là đồng chí của nhau người lính còn chia sẻ với nhau những gì? Tìm hình ảnh thể hiện điều ấy? ? Em có nhận xét gì về các hình ảnh thơ trên? ? Tuy khó khăn thiếu thốn nhưng tinh thần của các chiến sĩ như thế nào?	b. Những biểu hiện của tình đồng chí trong chiến đấu: "Ruộng nương… lính" - mặc kệ: không phải là sự phó thác mà là thái độ dứt khoát ra đi vì nghĩa lớn của các anh-> sự hi sinh lớn lao của họ vì non sông đất nước. - Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính: hoán dụ + nhân hoá, ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, câu thơ sóng đôi, đối xứng, nghệ thuật đối, liệt kê, chi tiết thơ rất thực : hình ảnh quê hương luôn trong tâm trí các anh. -> sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng thầm kín của nhau. * Sức mạnh của tình đồng chí :

? Tuy khó khăn nhưng những người lính vẫn đến với nhau vượt mọi gian khó, chi tiết nào giúp em thể hiện điều đó? ? Câu thơ "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" gợi cho em cảm xúc gì ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Vì Tổ quốc, vì lí tưởng cao đẹp, họ trở thành những người nông dân mặc áo lính để lại quê hương, công việc đồng áng nặng nhọc-> nhờ người thân giúp đỡ, họ để lại sau lưng nỗi thương nhớ của gia đình, vợ con, bố mẹ, bạn bè, làng xóm-> * Tìm những câu thơ tiếp theo nói về sức mạnh của tình đồng chí một cách cụ thể và cảm động: + Anh với tôi: cơn ớn lạnh, sốt run người, trán ướt mồ hôi -> Trong kháng chiến người lính phải trải qua muôn vàn những khó khăn vất vả, cuộc sống thiếu thốn, họ bị những cơn sốt rét rừng hoành hành, chi tiết "sốt run người" vẽ lên cuộc sống thực của người lính khi ấy. Các chiến sĩ phải chịu đựng những trận sốt rét rừng phá huỷ hồng cầu: sốt, bệnh tật. - Họ còn chia sẻ cùng nhau: Áo anh: rách Quần tôi: vá Miệng cười: buốt giá Chân: không giày → Nhận xét +? Đó có phải là hình ảnh thực về cuộc kháng chiến của dân tộc. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** * Vốn gắn bó máu thịt với mảnh ruộng, ngôi nhà => yêu & nhớ gia đình, quê hương da diết nhưng vì nhiệm vụ cách mạng, chiến đấu vì độc lập tự do dân tộc, họ hi sinh những tình cảm riêng tư vì tình cảm lớn: tình	+ Anh với tôi: cơn ớn lạnh, sốt run người, trán ướt mồ hôi ->người lính sát cánh bên nhau chia sẻ những đau đớn của bệnh tật. - Chia sẻ khó khắn của cuộc đời người lính: + Áo anh: rách Quần tôi: vài mảnh vá ->Hình ảnh thơ chân thực mộc mạc, đối xứng vẽ lên cuộc sống gian khổ, thiếu thốn khó khăn của người lính -> Họ sẵn sàng chia sẻ những khó khăn,bất chấp mọi gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính +" Thương nhau tay nắm lấy bàn tay->tình đồng chí gắn bó keo sơn, sâu nặng, thắm thiết-> sức mạnh của tình đồng chí.

yêu nước-> sự vui đùa, hóm hỉnh, lạc quan cách mạng của người lính trẻ. Sự hi sinh đó thật lớn lao mà cũng thật giản dị, cảm động là thái độ mạnh mẽ dứt khoát của họ, chúng ta liên tưởng thơ của N.Đ.Thi với bài thơ "Đất nước" “ Người ra đi đầu không ngoảnh lại Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy” “mặc kệ” vốn là từ chỉ thái độ vô trách nhiệm, nhưng trong câu thơ này, nó mang sắc thái hoàn toàn khác. Nó chỉ thái độ ra đi dứt khoát, không vướng bận, mang dáng dấp của kẻ trượng phu, thể hiện sự hi sinh lớn lao của họ vì non sông đất nước, bởi họ ý thức sâu sắc việc ra đi của mình. * Sốt rét rừng hành hạ người lính thật đau khổ cộng với sự thiếu thốn về đồ dùng sinh hoạt cá nhân tạo nên cuộc sống gian khổ, phải vật lộn với bệnh tật, đói, rét nhưng các anh cùng nhau chia sẻ những điều đó với nhau=> Tình đồng chí thật cảm động! * Trong thời tiết giá rét khắc nghiệt của những khu rừng Việt Bắc, trang phục của họ là những tấm áo rách vai, quần vá và đôi chân lạnh cóng không giày.-> hình ảnh thơ chân thực... * Đây là thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc, các chiến sĩ phải chịu rất nhiều thiếu thốn khó khăn mà sau này được nhà thơ " 59 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt" * Trong giá rét, gian lao họ nắm chặt tay nhau, truyền hơi ấm cho nhau, truyền cho nhau sức mạnh, sức mạnh của tình yêu thương tình đồng chí để vững vàng chiến đấu, vượt qua mọi gian khổ, thử thách. Phải chăng nhờ sự gắn bó keo sơn, nhờ sức mạnh của tình đồng chí quân và dân ta giành chiến thắng vẻ vang chấn động địa cầu: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Từ thương nhau & cái nắm tay sao mà xúc động lòng người, bởi họ đồng cảm nỗi đau, đồng cảm nỗi khổ -> thương yêu nhau thật lòng, muốn sẻ chia với nhau tất cả. Đây là những câu thơ đầy tình yêu thương được viết bằng những cảm xúc chân thành nhất. Vẻ đẹp của người lính được miêu tả đó là vẻ đẹp của tình thương mộc mạc, giản dị mà có sức mạnh to lớn, giúp họ chiến thắng gian khổ, hiểm nguy. Tình đồng đội của những người lính thật đẹp, thật gắn bó.	

Hoạt động 2: Tìm hiểu Biểu tượng của tình đồng chí **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Gọi học sinh đọc lại 3 câu cuối và cho biết nội dung của ba câu thơ này? ? Trong 3 câu thơ cuối có 3 hình ảnh gắn kết với nhau đó là những hình ảnh nào? Em có nhận xét gì về những hình ảnh đó? ? Chỉ ra cái thực, cái lãng mạn trong 3 câu thơ cuối? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + 3 hình ảnh gắn kết với nhau là người lính, khẩu súng và vầng trăng -> Hình ảnh thực, lãng mạn và thơ mộng GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: * Giáo viên: Chất hiện thực: Nhà thơ đã từng kể: " Có những đêm giữa rừng già sương muối buốt lạnh, những người lính ôm súng đứng cạnh nhau chờ giặc, đêm dần khuya, chỉ có vầng trăng là bạn, trăng từ bầu trời cao xuống thấp dần, có lúc như treo lơ lửng đầu mũi súng. Những đêm phục kích chờ giặc, vầng trăng đối với chúng tôi như một người bạn: rừng hoang sương muối là một khung cảnh thật ..." + Chất lãng mạn: Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sỹ và thi sỹ -> hài hoà trong cuộc đời người lính cách mạng- Anh bộ đội Cụ Hồ.	c.Biểu tượng của tình đồng chí: + 3 hình ảnh gắn kết với nhau là người lính, khẩu súng và vầng trăng -> " Đầu súng trăng treo"->hình ảnh thực, lãng mạn và thơ mộng, hình ảnh đẹp gợi gợi liên tưởng phong phú: Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình hoà quện, giữa chiến tranh vẫn hiện lên cái thanh bình yên ả của thiên nhiên.

+ Xa hơn đó là biểu tượng cho thơ ca kháng chiến- nền thơ ca kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn. => Chính vì ý nghĩa mang tính biểu tượng, khái quát cao mà cụm từ này đã trở thành nhan đề của cả tập thơ chống Mỹ của Chính Hữu. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Qua bài thơ, em cảm nhận được vẻ đẹp nào của người lính cách mạng trong những ngày đầu của kháng chiến chống Pháp? ? Vẻ đẹp đó được làm rõ bởi những yếu tố nghệ thuật nào - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	-> Bức tranh đẹp về tình đồng chí.

	4.Tổng kết: a Nội dung- Ý nghĩa: *ND: Ca ngợi tình đồng chí keo sơn, gắn bó của những người lính trong kháng chiến chống Pháp-> Sức mạnh của tình đồng chí. * Ý nghĩa: + Bài thơ ca ngợi tình cảm đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ. b Nghệ thuật: + Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành. + Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hòa, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng. c. Ghi nhớ: (SGK-130)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi:

1. Dòng nào nêu đúng nhất về giá trị nội dung của bài thơ

A. Ca ngợi vẻ đẹp tình đồng chí- 1 tình cảm thiêng liêng sâu sắc của những người lính cách mạng

B. Thể hiện hình tượng người lính cách mạng với những phẩm chất cao đẹp

C. Tái hiện được cuộc sống chiến đấu đầy khó khăn gian khổ của người lính thời chống Pháp

D. Cả 3 ý trên

2. Dòng nào **không đúng** về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?
A. Thể thơ tự do, giàu nhạc điệu ngôn ngữ cô đọng hàm súc
B. Hình ảnh thơ giản dị chân thực mà giàu sức liên tưởng
C. Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, hình ảnh thơ lãng mạn bay bổng
D. Khai thác vẻ đẹp và chất thơ trong cái hiện thực
3. Chính Hữu khai thác đề tài của bài thơ "Đồng chí" ở khía cạnh nào là chủ yếu?
A.Cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh ước lệ mang dáng dấp tráng sĩ.
B. Vẻ đẹp và chất thơ trong những sự việc và con người giản dị,bình thường.
C. Cảm hứng về một hiện thực vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh cứu nước.
D. Vẻ đẹp của những miền quê đã gắn bó với những người lính trong chiến đấu.
4. Hình tượng người lính được tác giả khắc hoạ qua những phương diện nào?
A. Hoàn cảnh xuất thân.
C. Tình cảm đồng đội thắm thiết, sâu sắc.
B. Điều kiện sống có nhiều thiếu thốn, gian lao.
D. Cả A, B, C đều đúng
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu:
?**Em có nhận xét gì về người lính trong thời hòa bình**
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
HS đưa ra nhận định.
d. Tổ chức thực hiện:
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc lòng, đọc diễn cảm bài thơ. Tìm những chi tiết khắc họa hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động trên biển cả.

+ Thấy được bài thơ có nhiều hình ảnh được xây dựng với những liên tưởng, tưởng tượng, sáng tạo, độc đáo, giọng điệu thơ khỏe khoắn hồn nhiên.

+ Viết đoạn văn: Bài thơ được gọi là"Khúc tráng ca về những người lao động trên biển cả Việt Nam thế kỉ XX". Hãy làm rõ ý kiến trên bằng một đoạn văn 10-12 câu?

+ Chuẩn bị: " Nghị luận trong văn tự sự" (Đọc trước các nội dung trong bài học, tìm hiểu các ví dụ thông qua hệ thống câu hỏi SGK, tìm các đoạn văn tự sự có yếu tố nghi luận, tập tìm hiểu tác dụng của các yếu tố nghị luận có trong đoạn văn tự sự đó
+ Học thuộc bài thơ, phân tích những nội dung và nghệ thuật chính của bài.
+ Trình bày cảm nhận của em về một chi tiết nghệ thuật mà em tâm đắc nhất.
+ Soạn bài : "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" - Phạm Tiến Duật
(Tìm hiểu về tác giả. Hoàn cảnh ra đời bài thơ. So sánh hình ảnh của người lính trong kháng chiến chống Pháp với chống Mĩ. Phân tích nội dung và nghệ thuật bài thơ theo câu hỏi SGK)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 9 - Tiết 43:

Văn bản: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

(Phạm Tiến Duật)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những hiểu biết bước đầu về nhà thơ Phạm Tiến Duật.

+ Nhận biết đặc điểm của thơ Phạm Tiến Duật qua một sáng tác cụ thể: Giàu chất hiện thực và tràn đầy cảm hứng lãng mạn.

+ Hiểu về hiện thực cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được phản ánh trong tác phẩm: Vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng.v.v. của con người đã làm nên con đường Trường Sơn huyền thoại được khắc họa trong bài thơ.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Ảnh chân dung nhà thơ Phạm Tiến Duật; ảnh minh hoạ những chiếc xe không kính chạy trên đường Trường Sơn. Tham khảo tư liệu, bảng phụ, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Có thể nói, Trường Sơn là đề tài nổi bật trong thơ ca thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước của văn học Việt Nam. Những người thanh niên miền Bắc thuở ấy luôn ấp ủ giấc mơ "vượt Trường Sơn" đánh giặc. Chính con đường TS huyền thoại ấy đã "đẻ" cho đất nước thật nhiều nhà thơ lính, mà Phạm Tiến Duật là một nhà thơ hàng đầu của thế hệ nhà thơ chống Mĩ cứu nước. Chúng ta sẽ tìm hiểu Bài thơ Tiểu đội xe không kính của ông để hiểu hơn về cuộc kháng chiến của dân tộc, hiểu hơn về tâm hồn của những anh bộ đội Cụ Hồ

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Dựa vào chú thích Sgk, em hãy nêu những nét cơ bản về tác giả Phạm Tiến Duật? ? Qua giới thiệu em thấy phong cách thơ Phạm Tiến Duật có điều gì đặc biệt?(dựa phần chú thích) ? Em hãy nêu xuất xứ của bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** **Nhà thơ** gia nhập quân đội từ những năm đầu kháng chống Mĩ, hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn, trở thành gương mặt thơ trẻ thời chống Mĩ. Nhắc đến nhà thơ Phạm Tiến Duật, người ta nói đến những tác phẩm viết về người lái xe Trường Sơn, những cô gái thanh niên xung phong những năm 60-70 của thế kỉ trước trong cuộc chiến đấu chống Mỹ đầy ác liệt. Ông mất 8h50 phút ngày 4/12/2007 tại bệnh viện quân y 108. Trước khi lâm trọng bệnh ông là phó trưởng ban đối ngoại Hội nhà văn Việt Nam. Nhà thơ Phạm Tiến Duật	**A. Giới thiệu chung:** 1.Tác giả: + Phạm Tiến Duật(1941- 2007) + Nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, ông tập trung viết về thế hệ trẻ thời kì này. + Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, dí dỏm, tinh nghịch 2.Tác phẩm:

được coi là" Ngọn lửa đèn"của thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Thơ ông hồn nhiên, hóm hỉnh, giàu tính lạc quan với những phát hiện thi vị đầy chất thơ. Chúng ta từng biết đến 1 M.C hóm hỉnh, dí dỏm trong chương trình dành cho người cao tuổi phát trên VTV3**;" Sống khoẻ, sống có ích"** đó chính là nhà thơ Phạm Tiến Duật 1 thời với những vần thơ thật nhẹ nhàng đằm thắm khi viết về tình cảm của những người con trai, con gái trên tuyến đường Trường Sơn. **Tuyển tập Phạm Tiến Duật phần 1** (thơ & trường ca) được trao giải thưởng văn học 2007 của Trung tâm văn hoá danh nhân, bạn bè đã kịp trao cho nhà thơ vào những giờ phút cuối cùng + Giọng thơ tự nhiên, tinh nghịch, dí dỏm, sôi nổi, tươi trẻ. - Xuất xứ : Bài thơ sáng tác 1969 khi cuộc chiến đấu chống Mỹ diễn ra ác liệt- máy bay Mỹ trút hàng ngàn tấn bom và chất độc hoá học xuống con đường chiến lược mang tên Bác bởi tuyến đường TS là đầu mốigiao thông liên lạc giữa hai miền Nam Bắc.Nơi ấy,con đường bị đánh lở loét, khụng khớ b?c khúi, đất bàng hoàng. Tuy vậy những đoàn xe vận tải vẫn nối nhau đi lên phía trước. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/Tìm hiểu về tác phẩm, nhan đề, bố cục, PTBĐ bài thơ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * Giáo viên hướng dẫn đọc: Giọng đọc vui tươi, dí dỏm, khoẻ khoắn ngang tàng, chú ý những câu gần với văn xuôi có vẻ lí sự, ngang tàng. **GV** đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở: ? Bếp Hoàng Cầm mà tác giả nhắc đến trong bài thơ là loại bếp như thế nào ? Vì sao nó lại có tên gọi như thế ? ? Trong quân đội, tiểu đội gồm bao nhiêu người ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?	+" Bài thơ về tiểu đội xe không kính sáng tác năm 1969 và in trong tập thơ: "Vầng trăng quầng lửa” **B. Đọc- hiểu văn bản:** 1. Đọc-chú thích: 2. Thể thơ và phương thức biểu đạt : + Thể thơ : tự do + Phương thức biểu đạt : miêu tả, biểu cảm, tự sự. 3. Phân tích: a Nhan đề bài thơ:

? Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong bài ? ? Mạch cảm xúc của bài thơ là gì? ? Đọc nhan đề bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" có gì độc đáo mới lạ ở đây? ? Tại sao tác giả lại thêm vào hai chữ **bài thơ?** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Tiểu đội: gồm 12 người. Ở đây tác giả dùng phép tu từ hoán dụ : lấy cái cụ thể để gọi cái trìu tượng : viết về cả một đoàn xe ra trận chứ không viết về một tiểu đội xe cụ thể. Mạch cảm xúc : Cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về những chiếc xe không kính và những người chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn huyền thoại. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Khá dài, nhưng chính nhan đề ấy lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề văn bản đã làm nổi bật rõ hình ảnh toàn bài: Những chiếc xe không kính, phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và am hiểu đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. - Thêm vào hai chữ bài thơ thể hiện cách nhìn, cách khai thác hiện thực(không chỉ viết về những chiếc xe mà muốn viết về chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ: hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt qua mọi thiếu thốn). *** Giáo viên** trình chiếu nhà thơ nói về bài thơ của mình"Tôi phải thêm Bài thơ về…" để báo trước cho mọi người biết rằng là tôi viết thơ chứ không phải 1 khúc văn xuôi. Bài thơ về… là cách đưa chất liệu văn xuôi vào thơ. Những câu thơ đặc văn xuôi được kết hợp lại trong một cảm hứng chung…" **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu hình ảnh của những chiếc xe không kính** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản.	- Khá dài, như văn xuôi, độc đáo, làm nổi bật hình ảnh toàn bài: những chiếc xe không kính. - Chất thơ vút lên từ trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv đặt câu hỏi: ? Theo em, hình ảnh nổi bật và độc đáo trong bài thơ là hình ảnh nào? ? Hình ảnh những chiếc xe không kính được tác giả thể hiện qua những khổ thơ nào? ? Tìm những chi tiết miêu tả về chiếc xe không kính? ? Nhận xét gì về giọng thơ khi tác giả giới thiệu về những chiếc xe không kính? ? Với giọng thơ đó tác giả giải thích nguyên nhân của những chiếc xe không kính như thế nào? ? Cảm nhận của em về hình ảnh những chiếc xe không kính này ? ? Hình ảnh những chiếc xe không kính phản ánh hiện thực nào của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Những chi tiết miêu tả về chiếc xe không kính : - Xe không có kính không phải vì xe không có kính - Không có kính, rồi xe không có đèn, Không có mui xe, thùng xe có xước → Gần văn xuôi như lời nói thường. Ta có cảm giác như nhà thơ đang tranh cãi với ai **không có- không phải vì...** - Tác giả giải thích : xe vốn có kính, bom đạn làm biến dạng. → Những chiếc xe bị tàn phá méo mó, biến dạng nó lại trở thành phổ biến trong hiện thực chiến tranh → Hiện thực khốc liệt của chiến tranh. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức:	b Hình ảnh của những chiếc xe không kính: - Xe không có kính không phải vì - Xe không kính, không đèn,không mui xe, thùng xe có xước -> giọng như văn xuôi, thản nhiên, hóm hỉnh, ngang tàng - Do bom đạn chiến tranh tàn phá và huỷ diệt, những chiếc xe bị biến dạng, để lại dấu tích. -> Hình ảnh thực, độc đáo, hấp dẫn, gây chú ý.

*** Giáo viên:** minh hoạ chiếc xe không kính trên màn hình + Những chiếc xe bị tàn phá méo mó, biến dạng nó lại trở thành phổ biến trong hiện thực chiến tranh-> Không phải 1 vài chiếc mà cả một tiểu đội (12 chiếc xe) => Hình ảnh thực của những đoàn xe vận tải trong chiến tranh. + Đó là những chiếc xe bình thường trong chiến tranh nhưng lại không bình thường trong cấu tạo & cuộc sống hôm nay. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn không hiếm trong chiến tranh nhưng phải có hồn thơ nhạy cảm, nét ngang tàng tinh nghịch thích cái lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa nó vào thành hình tượng thơ độc đáo của chiến tranh chống Mỹ hào hùng. Những chiếc xe không kính chạy băng băng trong mưa bom, bão đạn chạm khắc vào thời gian như 1 biểu tượng cao đẹp. Việc đưa hình ảnh thực về những chiếc xe không kính là điểm khác của nhà thơ Phạm Tiến Duật so với các nhà thơ đi trước. Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền nếu đưa vào thơ thì thường được " mĩ lệ hoá", " lãng mạn hoá" và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực : Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé nhưng dưới con mắt của nhà thơ Huy Cận trong **Đoàn thuyền đánh cá:** nó kì vĩ, lớn lao để hoà nhập với kích thước của thiên nhiên vũ trụ: " Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng". Hoặc trong **"Tiếng hát con tàu"** - Chế Lan Viên:Con tàu cung hoàn toàn mang nghĩa biểu tượng: tượng trưng cho khát vọng lên đường của nhân dân chứ lúc đó chưa hề có đường tàu lên Tây Bắc. **Hoạt động 4: HD học sinh tìm hiểu hình ảnh những chiến sĩ lái xe** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:**	

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **Gv đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm:** **Nhóm 1: Tìm hiểu tư thế của người lính lái xe** ? Miêu tả những chiếc xe không kính, tác giả muốn làm nổi bật hình ảnh nào? ? Những người chiến sĩ lái xe được ngợi ca ở những phương diện nào? ? Tư thế của người lính lái xe được miêu tả ra sao? ? Từ buồng lái của những chiếc xe không kính, người lái xe đã cảm nhận được những gì? ? Những điều mà người lính cảm nhận được tác giả diễn đạt bằng biện pháp tu từ nào ? ? Những biện pháp tu từ tr ê n đã diễn tả cảm giác gì của những chiến sĩ lái xe? ? Em hình dung được điều gì về con đường mà những người lính lái xe phải đi qua? Qua đó em hiểu gì về tư thế của người lính lái xe ? **Nhóm 2 : Tìm hiểu tinh thần của người lính** **GV yêu cầu HS** quan sát khổ 3,4. ? Những người lính lái xe không kính sẽ gặp khó khăn nào? ? Trước những khó khăn đó những người lính lái xe có thái độ ra sao? tìm chi tiết minh hoạ ? ? Nhận xét về cấu t úc v à giọng thơ sử dụng trong đoạn thơ này ? ? Giọng thơ, cách nói, tiếng cười, kiểu hút thuốc, cho biết điều gì về tinh thần, thái độ cuả người lính lái xe? **Nhóm 3 : Tình đồng đội của người lính** **GV yêu cầu HS** quan sát khổ thơ 5+6 ? Từ trong bom rơi đạn nổ trở về, tình cảm của những người lính biểu hiện như thế nào ? ? Những hình ảnh trên giúp em có cảm nhận gì về tình đồng đội của những người lính ? **Nhóm 4 : Ý chí của người lính lái xe** ? Ở khổ thơ cuối tác giả trở lại viết v ề những chiếc xe không kính, TG chỉ ra cái không có và cái có của xe. Hãy phân tích ý nghĩa của những hình ảnh đó ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	c Hình ảnh của những chiến sĩ lái xe: *** Tư thế của người lính lái xe :** + Ung dung... + Nhìn đất nhìn trời, nhìn thẳng + Thấy : gió xoa mắt đắng,con đường , sao trời, cánh chim -> Điệp từ "nhìn thấy", đảo ngữ tốc độ xe lao rất nhanh, cảm giác thích thú, bình thản, chủ động tận hưởng vẻ đẹp của TN. -> hiên ngang, bình tĩnh, vững vàng, tự tin. *** Tình đồng đội :** - Họp thành tiểu đội, bắt tay, chung bát đũa -> Tình đồng đội cởi mở, chân thành, ấm áp, thân thương sẵn sàng sẻ chia như 1 gia đình. *** Ý chí của người lính lái xe :** + Không có : không kính, đèn, mui xe, thùng xe xước -> khó

Nhóm 1 + Hình ảnh những chiếc xe làm nổi bật những chiến sĩ lái xe. Những người chiến sĩ lái xe được ngợi ca ở những phương diện : tư thế, tinh thần, ý chí, nghị lực, Tư thế của người lính lái xe : + Ung dung... + Nhìn đất nhìn trời, nhìn thẳng + Gió xoa mắt đắng, con đường, sao trời, cánh chim như sa, như ùa vào buồng lái. → Con đường ra trận cheo leo, đầy rẫy khó khăn & gian khổ, nơi có suối sâu, đèo cao, bom đạn phá vô cùng hiểm nguy. **Nhóm 2 :** Những khó khăn : + Gió làm mắt đắng. + Bụi phun tóc trắng như người già + Mưa tuôn, sối như ngoài trời-> ướt áo → Thái độ người lính : Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc-> nhìn nhau mặt lấm cười ha ha + Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa-> gió lùa mau khô thôi → Họ dám nhìn vào gian khổ, hi sinh mà không run sợ hay né tránh => những con người sôi nổi, hoạt bát, nhanh nhẹn, tinh nghịch mà ấm áp tình người, tình đồng đội. **Nhóm 3 :** Tình cảm giữa những người lính thể hiện : - Họp thành tiểu đội - Bắt tay qua cửa kính Không có kính dường như họ đến với nhau dễ dàng hơn, họ bắt tay nhau để truyền sức mạnh, niềm tin cho nhau, cái bắt tay như sợi dây nối liền tình cảm, tâm hồn của người lính, nó như là lời quyết tâm ra trận, lời hứa quyết chiến quyết thắng để họ cảm thông xích lại gần nhau, để họ sống những giây phút ấm áp tình ruột thịt. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Những chiếc xe băng băng trên đường dài với tốc độ nhanh, khẩn trương của cuộc kháng chiến & sự thích thú bất ngờ trước cảnh vật hiện ra như những thước	khăn gian, khổ ngày càng khốc liệt, dữ dội, nguy hiểm hơn. + Có : trái tim :hoán dụ: Sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí, là công cụ chiến đấu mà là con người mang ý chí kiên cường. ->quyết tâm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

phim quay nhanh. Do không còn kính chắn gió nên mới thấy đắng mắt, cay mắt...Con đường phía trước như chạy thẳng vào tim, sao trời và những cánh chim trên cao như ùa vào buồng lái một cách đột ngột một cách nói rất hóm hỉnh, hài hước, đậm chất lính. + Xe không có đèn, không có kính, không mui, thùng xe có xước...-> khẳng định những gian khổ hiểm nguy ngày càng tăng, càng chồng chất, ác liệt... + Vượt qua những gian khổ ấy, xe vẫn chạy lao nhanh về phía trước tiến lên tiếp viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Thiếu mọi điều kiện vật chất tối thiểu nhưng xe vẫn tới đích an toàn vì trong xe có một trái tim, một bầu nhiệt huyết, một niềm tin tất thắng vào sự thắng lợi cuối cùng quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược... - Đằng sau ý nghĩa câu thơ còn hướng người đọc về một chân lí thời đại: Sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí công cụ chiến đấu mà là con người mang trái tim nồng nàn yêu thương, ý chí kiên cường dũng cảm, niềm lạc quan, một niềm tin vững chắc. Câu thơ cuối cùng là câu thơ hay nhất, là nhãn tự của bài thơ làm nổi bật chủ đề, toả sáng vẻ đẹp hình tượng nhân vật trong thơ. **Hoạt động 1: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Em hãy rút ra những đặc sắt về nội dung và nghệ thuật của bài thơ ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.	

GV bổ sung:	4. Tổng kết: a Nội dung - ý nghĩa : * Nội dung : - Hình ảnh độc đáo : những chiếc xe không kính. - Hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn. * ý nghĩa : Bài thơ ca ngợi người chiến sĩ lái xe Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin chiến thắng trong thời kì chống giặc Mĩ xâm lược. b Nghệ thuật: + Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực. + Ngôn ngữ đời sống-> Tạo nhịp điệu linh hoạt thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch. c Ghi nhớ : (SGK-133)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. So sánh hình ảnh người lính trong bài thơ " Đồng chí" & " Bài thơ về tiểu đội xe không kính"?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

Hình ảnh người lính trong bài thơ " Đồng chí" & " Bài thơ về tiểu đội xe không kính :

- Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ.
- Có ý chí chiến đấu kiên cường, - - Tình đồng đội keo sơn, gắn bã.
- Tinh thần dũng cảm, vượt mặt khó khăn gian khổ.

→ Đó là những đức tính mà mỗi chúng ta cần học tập và phát huy trong cuộc sống cũng như trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hôm nay, nhất là trong thời điểm này ngoài biển Đông căng thẳng, kẻ xấu đang nhòm ngó Trường Sa và Hoàng Sa của chúng ta - Những đức tính trên là hoàn toàn cần thiết.

d) Tổ chức thực hiện:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

+ vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung văn bản ?

+ vẽ bản đồ tư duy khái quát ý nghĩa, NT "Bài thơ..."

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc thuộc bài thơ, bài PT.

+ Thấy được sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng – những người đồng chí được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

+ So sánh để thấy được vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người chiến sĩ trong hai bài thơ Đồng chí và Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

+ Ôn tập truyện trung đại Việt Nam (Quang Trung đại phá quân Thanh, Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh, Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Chuyện người con gái Nam Xương: tóm tắt, hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật chính của văn bản, một số nghệ thuật trong xây dựng nhân vật.v.v. Hoàn thành các câu hỏi SGK)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 10 - Tiết 46:

Văn bản: ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:
+ Hệ thống hoá các kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật của các văn bản thuộc truyện trung đại đã học.
+ Nắm được một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, thời đại có trong các tác phẩm.
+ Hiểu những phẩm chất, cách xây dựng ở một số nhân vật chính trong một số đoạn trích.
2 Phẩm chất:
+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.
3. Năng lực:
+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Tham khảo tư liệu soạn giáo án, sgk, sgv
2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số
2. Kiểm tra bài cũ:
? Đọc thuộc lòng một đoạn (ít nhất 3 khổ thơ) mà em thích trong " Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” ? (2đ)
? Qua bài thơ em biết gì về người chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước?(8đ)
* Đáp án:
+ Đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài thơ(ít nhất 3 khổ thơ)
+ Hình ảnh người chiến sĩ lái xe: hiên ngang, bình tĩnh, vững vàng, tự tin trong mưa bom bão đạn
+ Gặp rất nhiều khó khăn: gió, bụi, mưa
+ Thái độ bất chấp coi thường khó khăn, gian khổ nguy hiểm, vẫn lạc quan yêu đời, tâm hồn sôi nổi, trẻ trung, tinh nghịch, dí dỏm
+ Tình cảm ấm áp, thân thương sẵn sàng sẻ chia cùng đồng đội, như 1 gia đình.
+ Ý chí quyết tâm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.
3. Bài mới: Để chuẩn bị cho bài kiểm tra về truyện trung đại, giờ học hôm nay cô trò ta cùng ôn tập lại toàn bộ các đoạn trích thuộc truyện trung đại.
I. Lập bảng thống kê:
- Giáo viên cho học sinh trình bày nội dung dựa vào bảng đã chuẩn bị sẵn-> cho học sinh nhận xét và hoàn chỉnh
Hoạt động nhóm:(4 phút) **phiếu học tập** mỗi nhóm tìm hiểu 2 tác phẩm
Nhóm 1: Chuyện người con gái Nam Xương và " Chuyện cũ trong..."
Nhóm 2: Hoàng Lê nhất thống chí và Chị em Thúy Kiều
Nhóm 3: Cảnh ngày xuân,kiều ở lầu, Lục Vân Tiên
GV cho H chiếu đáp án nhận xét

STT	Đoạn trích, tác phẩm)	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc nghệ thuật
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	+ Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của họ.	+ Khai thác vốn văn học dân gian. + Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kỳ. + Sáng tạo nên một kết thúc tác phẩm không mòn sáo.
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	Phạm Đình Hổ	Đời sống xa hoa, lãng phí của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê Trịnh.	+ Lựa chọn ngôi kể phù hợp. + Lựa chọn sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa p/á bản chất s/việc, con người. + Miêu tả sinh động, tỉ mỉ, chân thực, khách quan, cảm xúc được bộc lộ một cách kín đáo sâu sắc + Sử dụng ngôn ngữ khách quan thể hiện thái độ bất bình của tác giả.
3	Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô Gia Văn Phái	+ Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ: văn võ song toàn với chiến công đại phá 20 vạn quân Thanh. Tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước, cướp nước.	+ Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử + Khắc họa các nhân vật lịch sử. + Ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động. + Giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả.
4	Chị em Thuý Kiều	Nguyễn Du	+ Ca ngợi vẻ đẹp hoàn hảo của 2 chị em Thuý Kiều & dự báo cuộc đời, số phận của 2 chị em.	+ Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ. + Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. + Thủ pháp đòn bẩy.
5	Cảnh ngày xuân	Nguyễn Du	+ Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân đẹp, trong sáng.	+ Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật. + Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều.
6	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	+ Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích, thể hiện tấm lòng hiếu	+ Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. + Lựa chọn từ ngữ,

			thảo, thuỷ chung của nàng.	
7	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	+ Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Lục Vân Tiên: anh hùng hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài.	+ Miêu tả nhân vật chủ yếu được qua cử chỉ, hành động, lời nói. + Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với lời nói thông thường mang nhiều màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện

Hoạt động của giáo viên- học sinh	**Nội dung**
*** GV :** Ở phần 2 cho học sinh thảo luận nhóm bàn(5 phút) và trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. => Giáo viên nhận xét và hoàn chỉnh ? Vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến được thể hiện như thế nào qua Chuyện người con gái Nam Xương và các trích đoạn của Truyện Kiều?	**2. Vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến:** a. Vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: - Là những người phụ nữ đẹp người đẹp nết + Xinh đẹp, nết na thuỳ mị, tư dung tốt đẹp: Vũ Nương + Một tuyệt sắc, tuyệt tài như Thuý Kiều (dẫn chứng) + Vũ Nương: yêu chồng, thương con, yêu kính mẹ chồng-> người vợ thuỷ chung, con dâu hiếu thảo, người mẹ hết lòng vì con + Người phụ nữ đức hạnh, trọng danh dự, nhân phẩm, tiết hạnh: lấy cái chết để rửa sạch nỗi oan, vẫn khao khát trở về dương gian được minh oan. + Một người phụ nữ giàu lòng vị tha, bao dung: Vũ Nương chết đi, sống dưới thuỷ cung song vẫn thương nhớ chồng con, gia đình, quê hương. + Một người phụ nữ giàu lòng vị tha, đức hi sinh, người con hiếu thảo, người yêu chung thuỷ: khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Thúy Kiều vẫn nhớ về cha mẹ, nhớ về người yêu với sự lo lắng, day dứt ân hận.v.v. b. Số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: + Chịu nhiều đắng cay, tủi cực, số phận lênh đênh chìm nổi: Thuý Kiều trở thành món hàng để trao đổi, mua bán, sống nơi đất khách quê người cô đơn, buồn tủi. + Vũ Nương bị nghi oan, nỗi oan khiên quá lớn khiến nàng phải dùng cái chết để minh oan-> nàng bị đẩy vào con đường cùng không lối thoát. ⇔ Họ là những nhân vật điển hình của người phụ nữ chế độ phong kiến.

*** GV :** Ở phần 3 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh ? Bộ mặt xấu xa thối nát của giai cấp thống trị, của xã hội phong kiến thể hiện như thế nào qua các văn bản" Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" và Hoàng Lê nhất thống chí?	**3. Bộ mặt xấu xa thối nát của giai cấp thống trị, của xã hội phong kiến:** + Vua chúa ăn chơi xa xỉ, hoang tàn vô độ trên mồ hôi, nước mắt của nhân dân-> bỏ bê việc triều chính, triều đình mục nát, suy yếu + Quan lại thừa gió bẻ măng: cướp đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân về tô điểm nơi phủ chúa.-> khiến cuộc sống của nhân dân lầm than khốn khổ. + Vua chúa nhà Lê Chiêu Thống: cõng rắn cắn gà nhà, hèn nhát, bạc nhược, tham sống sợ chết, đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích dân tộc, sẵn sàng từ bỏ dân tộc đi theo bè lũ cướp nước.
*** GV :** Ở phần 4 cho học sinh thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận của mình Nhóm 1 và 1/2 nhóm 2: hình tượng Quang Trung 1/2 nhóm 2 và 3: Lục Vân Tiến -> Giáo viên nhận xét và hoàn chỉnh ? Phân tích hình tượng các nhân vật Nguyễn Huệ và Lục Vân Tiên?	**4. Phân tích hình tượng:** * Vua Nguyễn Huệ- Quang Trung: + Có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén khi lựa chọn thời cơ, hành động quyết đoán, mạnh mẽ, có tầm nhìn xa trông rộng, ý chí quyết chiến quyết thắng. + Người anh hùng quả cảm, thông minh, có tài thao lược, cầm quân, dụng binh như thần. + Nhận định thời cơ chín muồi tiến đánh quân Thanh vào những ngày cuối năm khi chúng mất cảnh giác, dành thắng lợi nhanh chóng, giòn giã. + Trực tiếp chỉ huy nghĩa quân; oai phong lẫm liệt, làm nức lòng quân sĩ, tăng sức mạnh cho quân sĩ, là người tổ chức & là linh hồn của cuộc khởi nghĩa với những chiến công vang dội. * Lục Vân Tiên: + Dũng cảm, xả thân vì nghĩa lớn, không sợ hiểm nguy, tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài: Một mình không có vũ khí dám xông vào đánh cướp để cứu người bị nạn, khi Kiều Nguyệt Nga xin được lạy tạ trả ơn, đề nghị chàng đến Hà Khê đề cha nàng trả ơn, Lục Vân Tiên từ chối trình bày quan điểm: làm ơn không phải vì để mong được trả ơn, thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là anh hùng. + Nhân vật mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin ước mơ của mình: mẫu người anh hùng dám xả thân để cứu giúp người gặp nạn, đấu tranh để loại bỏ những thế lực hung tàn, mang trong mình những phẩm chất cao đẹp: chính trực, dũng cảm, hào hiệp

* Ở phần 5 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh ? Những nét chính về thời đại, gia đình, và cuộc đời Nguyễn Du, tóm tắt Truyện Kiều ?	**5. Những nét chính về thời đại, gia đình, và cuộc đời Nguyễn Du, tóm tắt Truyện Kiều** * Thời đại: + Có nhiều biến động, Xã hội phong kiến Việt Nam bước vào thời kỳ khủng hoảng sâu sắc: Đời sống nhân dân vô cùng cơ cực, xã hội loạn lạc đen tối, giai cấp phong kiến tham bạo tranh bá đồ vương, chém giết, tàn sát lẫn nhau. Trịnh Nguyễn phân tranh, vua Lê bù nhìn cõng rắn cắn gà nhà -> phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn. Phong trào Tây Sơn thất bại, chế độ triều Nguyễn được thiết lập, đây là vương triều phong kiến cuối cùng với những chính sách chuyên chế tàn bạo. Những thay đổi kinh thiên động địa đó đã tác động mạnh tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực: "Trải qua mấy cuộc bể dâu Những điều trông thấy mà đau đớn lòng". * Gia đình Nguyễn Du: + Cha là Nguyễn Nghiễm là tiến sĩ, nhà sử học, tể tướng triều Lê Trịnh. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản từng làm quan Thượng thư bộ lại- triều Lê Trịnh, say mê nghệ thuật. " Bao giờ ngàn Hống (Hồng Lĩnh) hết cây Sông Rum (sông Lam) hết nước họ này hết quan!" + Nguyễn Du mồ côi cha khi 9 tuổi, mồ côi mẹ khi 12 tuổi + Bản thân học giỏi nhưng chỉ đỗ tam trường (1783) + Cuộc đời ông trải qua những năm tháng gian truân, trôi giạt, vất vả long đong: 10 năm sống ở đất Bắc (1786-1796)-quê vợ ở Thái Bình & ở ẩn tại quê hương(1796-1820) + Làm quan dưới thời nhà Nguyễn, 1820 nhận lệnh đi sứ Trung Quốc lần 2, chưa kịp đi thì ông đã mất ở Huế. * Cuộc đời Nguyễn Du: + Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quí tộc. + Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội.

	+ Những thăng trầm trong cuộc sống riêng tư làm cho tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương con người. * Tóm tắt Truyện Kiều: Truyện kể về cuộc đời λ con gái tên Thúy Kiều. Nàng là con nhà lương thiện, tài sắc tuyệt vời, giàu lòng thương người, đa cảm có tình yêu vừa hé nở với Kim Trọng. Kim Trọng về quê hộ tang chú. Nhưng tai hoạ đã xảy ra với gia đình nàng do thằng bán tơ vu vạ. Kiều nhờ Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng và quyết định bán mình chuộc cha. Từ đó cuộc đời nàng trải qua 15 năm lưu lạc. Hai lần làm kỹ nữ, làm nô tỳ bị hành hạ, vùi dập cho đến khi Từ Hải chuộc nàng ra khỏi lầu xanh. Nhưng sự phản bội hèn hạ của bọn quan triều đình đứng đầu là Hồ Tôn Hiến đã hại chết Từ Hải. Thúy Kiều tự trẫm mình ở sông Tiền Đường và được cứu sống. Cuối cùng nàng được đoàn tụ cùng gia đình, song vẫn giữ tình bạn với Kim Trọng. **6. Giá trị nhân đạo của Truyện Kiều:** + Ca ngợi những vẻ đẹp của người phụ nữ: Thuý Vân đoan trang, phúc hậu, Thuý Kiều lại tuyệt sắc, tuyệt tài + Ca ngợi tấm lòng chung thuỷ, hiếu thảo, giàu đức hi sinh của nàng Kiều + Thái độ cảm thông, đồng cảm với những nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích
	7. Nghệ thuật của Truyện Kiều: + Sử dụng ngôn ngữ: chọn lọc, trau chuốt, giàu sắc thái biểu cảm, gợi hình. + Tả cảnh thiên nhiên: chấm phá mà tạo cảnh rất đặc sắc, ấn tượng, + Tả cảnh ngụ tình: tả cảnh thiên nhiên để bộc lộ tâm trạng, tình cảm của nhân vật + Miêu tả nhân vật bằng bút pháp ước lệ tượng trưng, cách sử dụng thành ngữ, điển tích, điển cố,
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG - Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập - Phương pháp: Vấn đáp - Kĩ thuật: Trả lời nhanh, KT khăn phủ bàn - Thời gian:	

? Những nội dung chính nào đã được các truyện trung đại tập trung làm rõ?

+ Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người.

+ Thể hiện những ước mơ, khát vọng của nhân dân

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Ôn tập lại toàn bộ các truyện trung đại: tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật chính, phân tích các nhân vật chính, chú ý các dẫn chứng kèm theo.

+ Ôn lại thật kĩ toàn bộ các nội dung trong phần ôn tập, chuẩn bị kiểm tra 1 tiết truyện trung đại.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tiết 47

KIỂM TRA TRUYỆN TRUNG ĐẠI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng :

1. Kiến thức:

+ Nắm lại những kiến thức cơ bản về truyện trung đại Việt Nam, những thể loại chủ yếu, giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu.

2. Kỹ năng:

+ Nhận biết, viết đoạn, phân tích, cảm nhận về nhân vật

3. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân: tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.

4. Thái độ:

+ Tích cực học tập, trung thực khi làm bài

+ Yêu thương, trân trọng vẻ đẹp hình thức, tâm hồn, tinh thần nghĩa hiệp, xả thân vì nghĩa

B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

* Giáo viên: Ra đề, đáp án, biểu điểm

* Học sinh: Ôn tập văn học trung đại

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

+ Kiểm tra viết trên giấy

D. TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY:

1 Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

2. Ma trận đề

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng (Xem lại sự phát triển của từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ...)

.....

Ngày soạn :
Ngày dạy :

Tuần 10 - Tiết 48:

Tiếng Việt: TỔNG KẾT TỪ VỰNG

(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Biết các cách phát triển của từ vựng Tiếng Việt

+ Biết sử dụng các khái niệm từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trao đổi

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: Nội dung ôn tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv trình chiếu ví dụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Bên cạnh các nội dung tổng kết về từ loại Tiếng Việt hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tổng kết các hình thức để phát triển từ vựng và cách trau dồi vốn từ mà chúng ta vừa học ở chương trình ngữ văn 9, để làm tăng vốn từ vựng cũng như tăng hiệu quả khi giao tiếp.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu tạo từ ngữ mới:** **a. Mục tiêu:** biết cách tạo từ ngữ mới	**A. Lí thuyết:** **I. Sự phát triển của từ vựng:** 1. Điền vào sơ đồ: Các cách phát triển từ vựng

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv chia lớp thành 4 nhóm thảo luận:

Nhóm 1,2:

Gọi học sinh đọc câu hỏi. Giáo viên treo sơ đồ (bảng phụ) gọi học sinh điền vào bảng.

? Tìm dẫn chứng minh hoạ cho sơ đồ trên?

? Phát triển nghĩa của từ bằng cách nào?

? tìm từ đồng âm khác nghĩa

? Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách tăng số lượng các từ ngữ không?Vì sao?

+ Nếu không có sự phát triển từ ngữ thì nói chung mỗi từ ngữ chỉ có một nghĩa để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hàng ngày

Nhóm 3:

? Nêu khái niệm, đặc điểm của từ mượn?

? Nêu khái niệm, đặc điểm của từ Hán Việt?

? Thuật ngữ là gì? Nêu đặc điểm của thuật ngữ?

? Em hiểu thế nào là: biệt ngữ xã hội? Nêu đặc điểm của biệt ngữ xã hội?

? Tìm 1 số từ ngữ là biệt ngữ xã hội?

+ Kinh doanh: vào cầu, sập tiệm, chết, bốc

Nhóm 4:

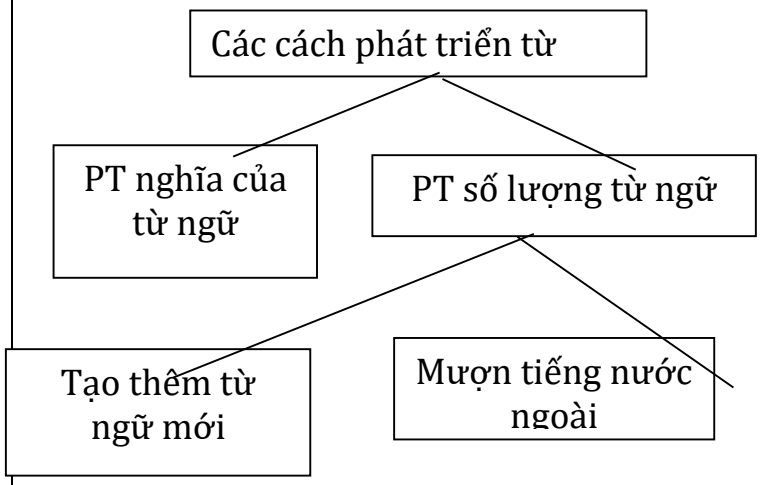

2. Ví dụ:

+ Phát triển từ vựng bằng cách phát triển nghĩa của từ :

+ Dưa (chuột) -> Con(chuột) : Bộ phận của máy vi tính.

+ Phát triển từ vựng bằng cách tăng số lượng từ ngữ :

+ Tạo từ mới: Thị trường tiền tệ.

+ Mượn tiếng nước ngoài: Intơnet.

3. Nếu không phát triển nghĩa của từ thì mỗi từ ngữ chỉ có 1 nghĩa. Trong khi đó nhu cầu giao tiếp của người bản ngữ ngày càng tăng-> số lượng từ ngữ sẽ tăng rất nhiều-> để phát triển từ vựng, mọi ngôn ngữ của nhân loại đều phát triển theo sơ đồ trên.

II. Từ mượn, Từ Hán Việt, Thuật ngữ, Biệt ngữ xã hội :

Khái niệm	Đặc điểm
+ Từ mượn: Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng Tiếng Việt. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn Hán	+ Biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm mà Tiếng Việt chưa có từ ngữ thật thích hợp để biểu thị
+ Từ Hán Việt: Là từ mượn của tiếng Hán, nhưng được phát âm	+ Là 1 kết hợp chặt chẽ giữa 2 tiếng trở lên, trong đó mỗi tiếng đều có nghĩa.

? Làm thế nào để có thể trau dồi vốn từ? Các hình thức trau dồi vốn từ ? ? Phân tích vai trò của từ mượn (hoặc từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội) trong văn bản cụ thể? ? Giải thích nghĩa của một số từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** **Hoạt động 2: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Gv hướng dẫn HS** cách làm các bài tập trong SGK - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày.	theo cách của người Việt	+ Mỗi tiếng trong từ Hán Việt đều có nghĩa tương đương với một từ điển thuần Việt.
	+ Thuật ngữ: là những từ ngữ biểu thị khái niệm xã hội công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.	+ Tính chính xác + Về nguyên tắc, trong 1 lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm. + Thuật ngữ không có tính biểu cảm
	+ Biệt ngữ xã hội : Bao gồm các đơn vị từ vựng, từ ngữ cố định, các quán ngữ,…được sử dụng trong phạm vi tập thể xã hội nhất định.	+ Thường không mang tính tiêu cực vì mọi người có thể hiểu được.

III. Trau dồi vốn từ:

1. Các hình thức trau dồi vốn từ:

+ Rèn luyện để nắm đầy đủ, chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là 1 việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.

+ Tìm hiểu để biết thêm về những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc làm thường xuyên để trau dồi vốn từ.

B. Luyện tập:

*** Phân tích vai trò của từ Hán Việt trong văn bản cụ thể.**

Ví dụ: "Ôi! Tổ quốc giang sơn hùng vĩ".

+ Giang sơn: Núi sông->Tăng sắc thái biểu cảm

* Giải thích nghĩa của một số từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

Ví dụ:

+ Thanh minh: Tiết vào đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo.

+ Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

* Trứng: Điểm 2.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	* Trúng tủ: đúng vào bài mình đã chuẩn bị tốt **Bài tập số 2(II) (SGK- 135)** + Không chọn a vì vay mượn ngôn ngữ khác để làm giàu ngôn ngữ chính mình là hiện tượng phổ quát cho tất cả ngôn ngữ thế giới. + Không chọn b vì vay mượn từ ngữ là nhu cầu tự thân của mỗi ngôn ngữ, trong đó có Tiếng Việt. + Không chọn d vi ngày nay vẫn phải vay mượn -> làm phong phú vốn từ => chọn c (đã giải thích ở phần b) **Bài tập số 3(II) (SGK-136)** + Các từ: săm, lốp, ga, phanh,…mượn ngôn ngữ Châu Âu để Việt hoá hoàn toàn, chỉ còn 1 âm tiết. + Các từ ra-đi-ô, a xít,…mượn song chưa được Việt hoá, mỗi từ còn cấu tạo bằng nhiều âm tiết **Bài tập số 2(III) (SGK- 136)** + Chọn b *** Bài tập số 2(V) (SGK- 136)** 1. Giải nghĩa từ: + Bách khoa toàn thư: Từ điển bách khoa ghi đầy đủ tri thức của các ngành. + Bảo hộ mậu dịch: chính sách bảo hộ, bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh hàng hoá nước ngoài. + Dự thảo: thảo ra để đưa thông qua. + Đại sứ quán: Cơ quan đại điện chính thức và toàn diện của 1 nhà nước ở nước ngoài. Bài tập số 2(V) (SGK- 136). Sửa lỗi dùng từ: a. Thay bằng từ "béo bở" (lĩnh vực mới ít cạnh tranh thu được lợi nhuận cao). (khác "béo bổ": cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể) b. Thay bằng từ "tệ bạc": lạnh lùng, nhạt nhẽo, dửng dưng, vô cảm, không có trước có sau. (khác với "đạm bạc": ít, sơ sài) c. Thay bằng từ "tới tấp": liên tiếp, dồn dập (khác với "tấp nập": đông vui, sống động, liên tiếp)

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Ôn tập lại kiến thức đã hệ thống.

+ Chỉ ra các từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ trong một văn bản cụ thể. Giải thích vì sao những từ đó lại được sử dụng (hay không được sử dụng) trong văn bản đó.

+ Chuẩn bị bài: " Đoàn thuyền đánh cá" (Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác bài thơ, bố cục, phương thức biểu đạt, phân tích nội dung và nghệ thuật của văn bản theo câu hỏi SGK)

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 1: cảnh hoàng hôn trên biển

Khổ thơ	Chi tiết	Nghệ thuật
Khổ 1:		
Tác dụng của chi tiết NT		

nhóm 2: cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi

Khổ thơ	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng của chi tiết NT
Khổ 2:			
Cảm nhận (Tinh thần lao động, tư thế)			

nhóm 3: Ước mơ của người đánh cá:

Khổ thơ	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng của chi tiết NT
Khổ 2:			
Cảm nhận (khát vọng, tình cảm của ngư dân)			

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 10 -Tiết 49

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

+ Nhận biết những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của người dân trên biển

+ Hiểu nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

2. Năng lực:

+ Giáo dục học sinh thêm yêu con người và cuộc sống lao động đầy thi vị, lãng mạn, nên thơ của người dân vùng biển Quảng Ninh,

* Tích hợp bảo vệ môi trường

+ Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường biển.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung nhà thơ Huy Cận; Tranh ảnh minh hoạ cho bài thơ, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Như chúng ta đã thấy, vẻ đẹp của quê hương đất nước đã khơi nguồn sáng tác cho rất nhiều nhạc sĩ trong đó có Hoàng Sông Hương. Mời các em lắng nghe ca khúc" tình ta biển bạc đồng xanh" của ông.

Cho học sinh nghe bài hát

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Cô trò chúng ta vừa nghe ca khúc" Tình ta biển bạc đồng xanh" do ca sĩ Anh Thơ và Trọng Tấn thể hiện. Bài hát đã đưa ta về với vùng quê giàu đẹp. Nơi ấy có cánh cò bay rập rờn trên thảm lóa. Nơi ấy có những đoàn thuyền đánh cá ra khơi, có cá bạc đầy khoang, có niềm vui phấn chấn của người lao động khi đón cuộc đời tự do. Nhà thơ Huy Cận cũng có những cảm hứng được khơi nguồn từ một vùng quê như thế. Trong chuyến đi thực tế ở Quảng Ninh ông đã viết về vùng mỏ QN đẹp giầu, viết về những con người lao động vốn bình dị bỗng lớn dậy, mạnh mẽ & tự tin hơn trong tư thế của 1 chủ nhân của biển cả. Những con người ấy là ai, họ làm chủ cuộc đời như thế nào? chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm	**A. Giới thiệu chung** **1. Tác giả:** - Cù Huy Cận(1919 - 2005)

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** Quan sát phần chú thích, hãy tóm tắt những nét chính về nhà thơ Huy Cân? Bài thơ sáng tác trong hoàn cảnh nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV gthiệu chân dung nhà thơ và bổ sung: + Trước CM: thơ ông giàu chất triết lý và thấm thía bao nỗi buồn: Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp Con thuyền gõ mái lướt song song Và Huy Cận từng viết về mình: Chàng Huy Cận khi xưa hay buồn lắm. + ông được nhà nước trao tặng giải thưởng HCM về VHNT năm 1996. Hoàn cảnh sáng tác: - Bài thơ được sáng tác 1958, khi miền Bắc nước ta đã hoàn toàn giải phóng, đi lên XDCNXH. Chuyến thâm nhập thực tế ở QN của Huy Cận đã giúp chúng ta thấy rõ không khí lao động của nhân dân ta trong giai đoạn đó. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS	- Là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới cũng như thơ ca hiện đại VN. **2. Tác phẩm:** - Viết trong chuyến đi thực tê dài ngày ở vùng mỏ QN, lúc này miền Bắc đang xây dựng CNXH. - In trong tập Trời mỗi ngày lại sáng **B. Đọc– hiểu văn bản**

d) Tổ chức thực hiện: **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** nêu yêu cầu đọc: đọc giọng hào hứng, vui tươi của người lao động. GV đặt câu hỏi đàm thoại gợi mở: • Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong bài? • Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? • Bài thơ được triển khai theo trình tự nào? • Dựa vào trình tự ấy, hãy chia bố cục? • Cảm hứng bao trùm bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nhân vật trữ tình: Tác giả đã hoá thân vào người lao động để cảm nhận được cuộc sống của những người lao động mới làm chủ thiên nhiên, làm chủ vùng biển quê hương. Trình tự: Bài thơ đã theo sát cuộc hành trình đánh cá trên biển; từ lúc ra khơi tới lúc trở về. Bố cục: (1) Hai khổ thơ đầu-> cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi. (2) Bốn khổ thơ tiếp theo-> Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển trong đêm trăng. (3) Còn lại -> Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: - Không gian: Rộng lớn, bao la (biển, trời, mây, gió, trăng., tiếng hát ..) - Thời gian: Nhịp tuần hoàn của vũ trụ- từ lúc hoàng hôn tới lúc bình minh => Đó là thời gian của 1 chuyến đi biển. → Cảm hứng bao trùm bài thơ là: Cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ và Cảm hứng về con người lao động mới.	**1. Đọc – Chú thích** **2. Kết cấu - Bố cục:** - Thể thơ: tự do (7chữ) - PTBĐ: Miêu tả - Biểu cảm- T? s? - Bố cục: 3 phần

Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu cảnh hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi 2 khổ thơ đầu **1. Thiên nhiên vùng biển** **GV đặt câu hỏi:** Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả qua những h/ả thơ nào? Tác giả đã dùng biện pháp NT nào để miêu tả cảnh thiên nhiên nơi đây? **2. Hình ảnh con người** **Gv đặt câu hỏi:** Việc đoàn thuyền đánh cá ra khơi được miêu tả như thế nào? Họ ra khơi với khí thế như thế nào? những từ ngữ hình ảnh nào miêu tả Có gì đặc biệt trong cách sử dụng từ ngữ ở đây? Mục đích của cách nói này? ? Không chỉ ngợi ca khí thế phấn chấn ra khơi mà câu thơ còn thể hiện tư thế người đánh cá, tư thế ấy là gì? Ra khơi, người đánh cá ước mơ điều gì? Ước mơ ấy được nhà thơ gửi gắm qua chi tiết nào? Tiếng hát không chỉ gửi ước mơ về chuyến ra khơi nhiều tôm cá mà còn thể hiện khát vọng, tình cảm của người lao động ntn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Cảnh hoàng hôn: Thiên nhiên, kì vĩ, tráng lệ như một ngôi nhà lớn, màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ và những gợn sóng là then cài cửa. Con người đi	**3. Phân tích văn bản:** **3.1. Cảnh hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi** ***) Cảnh hoàng hôn trên biển** mặt trời -như hòn lửa sóng - cài then, đêm -sập cửa. ->so sánh thú vi, nhân hoá, ĐT mạnh,liên tưởng bất ngờ. =>Thiên nhiên hiện lên thật kì vĩ, tráng lệ, rực rỡ, đầy sức sống, gần gũi với con người. ***) Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi** - Đoàn thuyền: lại ra khơi - Phó từ **lại**

trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình. Một cảm giác thật ấm áp dễ chịu. Đoàn thuyền đánh cá ra khơi → Nghệ thuật đối lập. Hoạt động của thiên nhiên và con người đối lập nhau. Sự sống của biển cả đang dần khép lại, biển thư giãn, nghỉ ngơi- những người dân chài lại giong buồm và cất cao tiếng hát ra khơi. Tư thế người đánh cá: Đây không chỉ là tư thế làm chủ cuộc đời của người ngư dân nói riêng mà con là tư thế của người lao động nói chung. . - Cá nhiều vô kể, chúng đan kín trên mặt biển, chúng bơi lội rất nhanh, từng đàn cá thu như những chiếc thoi đưa trên biển. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Tiếng hát không chỉ gửi ước mơ về chuyến ra khơi nhiều tôm cá mà còn thể hiện khát vọng, tình cảm của người lao động. Biển nhiều tôm cá, nhà thơ đã thay lời những người ngư bộc lộ khát vọng của mình: được chinh phục thiên nhiên để làm giàu cho quê hương đồng thời thể hiện tâm hồn chan chứa niềm vui, phấn khởi hăng say lao động. Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng là liệt kê, so sánh, đối lập. Tóm lại ở hai khổ thơ tác giả đã tạo ra những hình ảnh đẹp, khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết của ba sự vật và hiện tượng: cánh buồm, gió khơi và câu hát của người dân chài. tiếng hát vừa thể hiện tư thế, khát vọng và vừa thể hiện niềm vui, sự phấn chấn của người lao động. Nhà thơ đã hoá thân vào con người lao động để cảm nhận, để tận hưởng không khí vui tươi, niềm tin yêu cuộc sống. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**	- Khí thế ra khơi: hào hứng, phấn chấn, khẩn trương: Câu hát căng buồm -> ẩn dụ, phép cường điệu khoa trương-> câu hát cùng ngọn gió làm căng buồm cho con thuyền lướt nhanh ra khơi. phép đối lập: thiên nhiên và vũ trụ nghỉ ngơi, con người bắt đầu lao động. => tu th? làm ch? cu?c d?i của người lao động, con ngu?i mang t?m vúc l?n lao tru?c TN bi?n c?. - Ước mơ của người đánh cá: chuyến đi bình yên, đánh bắt được nhiều cá: + Tiếng hát: - Cá bạc, biển lặng - Cá thu- đoàn thoi - Đêm ngày: dệt biển, dệt lưới -> liệt kê, so sánh, nhân hoá, câu cầu khiến : biển thật giầu và đẹp!

GV đặt câu hỏi: Nhận xét về môi trường biển Việt Nam **? Nhóm 1:** Hãy chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường biển? **Nhóm 2:** Môi trường biển bị ô nhiễm gây tác hại xấu như thế nào? **Nhóm 3:** Chúng ta cần phải làm gì bảo vệ môi trường biển? (giải pháp khắc phục). Nêu một thông điệp cho môi trường biển. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	=> Khát vọng chinh phục thiên nhiên và tâm hồn chan chứa niềm vui, phấn khởi hăng say lao động. **C. Luyện tập:** **Bài 1**: Đọc diễn cảm khổ thơ mà em thích, giải thích lí do: **Bài 2:** Suy nghĩ về môi trường biển: **Biển đang bị ô nhiễm nặng nề.** - Nguyên nhân: sự cố không mong muốn, con người vô ý thức, cố tình bức tử biển... - Tác hại: làm chết sinh vật biển, ảnh hưởng tới đời sống của ngư dân, mất mĩ quan... - Giải pháp khắc phục: không vứt rác thải, xả nước thải chưa qua xử lí ra biển, tuyên truyền ..., xử phạt các hành vi làmô nhiễm môi trường biển. => Thông điệp: **Hãy chung tay bảo vệ môi trường biển!**

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.

+ Soạn tiếp tiết 2: Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển và bức tranh lao động vùng biển.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 10 - Tiết 50:

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (Tiếp)

(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

+ Nhận biết những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của người dân trên biển

+ Hiểu nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

2. Năng lực:

+ Giáo dục học sinh thêm yêu con người và cuộc sống lao động đầy thi vị, lãng mạn, nên thơ của người dân vùng biển Quảng Ninh,

* Tích hợp bảo vệ môi trường

+ Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường biển.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung nhà thơ Huy Cận; Tranh ảnh minh hoạ cho bài thơ, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt vào bài:

Đây là những người đã góp phần xây dựng đất nước từ hàng trăm, hàng ngàn năm nay. Đặc biệt là những ngư dân, họ không chỉ phát triển kinh tế mà còn góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Để xem hoạt động đánh bắt cá của những người dân chài diễn ra như thế nào, cô trò ta sẽ cùng nhau theo dõi tiết 2 của bài học ngày hôm nay

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	b Đoàn thuyền đánh cá trên biển

MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Đoàn thuyền đánh cá trên biển trong đêm trăng** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên:** Các khổ thơ tiếp theo tập trung miêu tả vào hoạt động của những người dân chài lưới trên biển. Đó là cảnh biển đêm và bức tranh lao động trong khung cảnh biển đêm đó. *** Giáo viên** chiếu 4 khổ thơ tiếp theo *** GV** đặt câu hỏi : **Nhóm 1, 3 : Cảnh đánh bắt cá** ? Hai câu đầu của khổ thơ thứ 3 miêu tả điều gì? ? Từ " lướt" gợi tả điều gì? ? Cách viết " Thuyền ta lái gió với buồm trăng, lướt giữa mây cao với biển bằng"gợi cho em suy nghĩ gì? ? Hình ảnh con thuyền trước biển cả lúc này như thế nào? ? Công việc đánh bắt cá của các thuỷ thủ được m.tả như thế nào? ? Khổ thơ trên còn gợi cho em những liên tưởng nào khác nữa? ? Câu thơ "Biển cho ta cá như lòng mẹ... buổi nào" gợi ra cho em sự liên tưởng nào? ? Sự giàu có của biển được tác giả miêu tả qua hình ảnh nào? **Nhóm 2,4 : Cảnh kéo lưới** ? Sự giàu có của biển được tác giả miêu tả qua hình ảnh nào? ? Hình ảnh cá song được nhà thơ đặc tả như thế nào? ? Cho biết trong câu thơ " Đêm thở sao lùa nước Hạ Long" tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để diễn tả cảnh đêm Hạ Long? ? Cách đánh bắt cá của người dân có gì đặc biệt? ? Em hiểu 2 câu thơ " Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng... rạng đông" như thế nào? ? Em có nhận xét gì về cảnh kéo lưới của những người đánh cá?	trong đêm trăng: + Hình ảnh" Thuyền ta lái gió...lướt…"-> Bút pháp lãng mạn, hào hùng, ĐT lái, lướt :con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ với kích thước rộng lớn để hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ. + So sánh, liên tưởng, động từ mạnh liên tiếp-> công việc lao động nguy hiểm, gian nan, vất vả như một trận chiến đấu thực sự. - Cách đánh bắt cá: + Hát: gọi cá. + Gõ thuyền: nhịp trăng cao -> Cảnh vừa thực vừa lãng mạn, nghệ thuật nhân hoá => Khả năng chinh phục thiên nhiên và sức mạnh to lớn của con người. + Biển-như lòng mẹ: hình ảnh so sánh, ẩn dụ-> Biển không chỉ đẹp rực rỡ, giàu có, mà còn rất huyền bí ân tình như người mẹ: ca ngợi và biết ơn biển. + Liên tưởng, liệt kê, so sánh, nhân hoá-> Vẻ ®ẹp lung linh, huyền ảo của biển: sự phong phú đa dạng của các loài cá => bức tranh rực rỡ sắc màu và kì ảo về biển. * Cảnh kéo lưới: + Kéo xoăn tay chùm cá nặng → Khoẻ khoắn, mạnh mẽ, say sưa, hào hứng => Kết quả lao động tốt đẹp, rực rỡ. + Miêu tả sự hài hòa giữa thiên

- HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** + Hai câu đầu khổ 3 : Cảnh đoàn thuyền lướt đi êm trên biển đêm trăng và chuẩn bị đánh cá được tả như bức tranh lãng mạn, hào hùng. + Hình ảnh con thuyền trước biển cả lúc này : + Lái gió với buồm trăng + Lướt, ra đậu, dò, dàn, đan, giăng... + Công việc đánh bắt cá của các thuỷ thủ được m.tả + Dò bụng biển... + Dàn đan thế trận... + Thuyền có gió làm bánh lái, trăng làm buồm + Khổ thơ gợi ra h/a con thuyền ra khơi có gió làm lái, có trăng làm buồm. Trăng gió, mây trên cao hoà với biển bằng và con thuyền ở dưới -> bức tranh hài hoà... Mỗi thuỷ thủ trên tàu là một người chiến sỹ, mỗi dụng cụ đánh bắt cá là một thứ vũ khí, con người bước vào trận chiến thực sự chinh phục thiên nhiên. **Nhóm 2,4 :** + Sự giàu có của biển dc thể hiện qua rất nhiều loài cá từ biển: + Cá thu như đoàn thoi + Cá nhụ, chim, đé, song ..-> lấp lánh Hình ảnh cá song: + Dùng đại từ xưng "em" để gọi cá + Động từ: lóe + Tính từ: vàng choé → Sự sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ của tác giả. Tạo được những hình ảnh đặc biệt sinh động và mới lạ về cá, biển -> dựng lên bức tranh đầy màu sắc kì ảo về biển. + Hình thức đánh bắt cá cổ truyền được nhà thơ vận dụng đưa vào trong thơ ca, ở đây gõ vào mạn thuyền không phải ai khác mà là trăng, nước vỗ mạn thuyền mang theo ánh trăng. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.	nhiên và con người

GV bổ sung: -> Động từ mạnh chỉ hoạt động để miêu tả tư thế lướt sóng ra khơi nhanh, con thuyền thật dũng mãnh và hoạt động đánh bắt của con thuyền như một trận chiến đấu thực sự trên biển->hiện lên như một bức tranh đẹp, lãng mạn, hào hùng. -> Tầm vóc con người đã thay đổi: họ có sức mạnh to lớn để chinh phục thiên nhiên, khai thác tài nguyên của biển cả. **Giáo viên binh:** Lời cảm tạ đất trời, cảm ơn biển cả đem lại cuộc sống ấm no. Lời cảm ơn ấy nhà thơ Tế Hanh viết: " Nhờ ơn trời biển lặng cỏ đầy ghe". Đây chính là khúc ca say đắm về sự giao hoà biết bao thân thiết, ưu ái giữa con người & biển cả. Hình ảnh so sánh thật đẹp, gần gũi. Biển như bà mẹ hiền từ mãi mãi chở che, nuôi dưỡng, bao bọc con người không chỉ hôm nay mà cả mãi mãi về sau=> Tình yêu & niềm tự hào, biết ơn của con người dành cho biển cả. + Câu thơ " Đêm thở sao lùa nước Hạ Long"tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá: Biển đêm thở phập phồng, ánh sao đêm tan in trong lòng biển-> Cảnh vật lung linh huyền ảo như thế giới thần tiên cổ tích. + Cảnh kéo lưới diễn ra vào thời điểm đêm tàn, trời sắp sáng nhưng động tác kéo lưới khỏe khoắn, khéo léo → Câu thơ gợi tả hình ảnh người dân chài khỏe mạnh trong tư thế nghiêng mình dồn hết sức lực vào đôi tay cuồn cuộn để kéo mẻ lưới đầy ắp cá. + Bài thơ miêu tả cảnh đánh bắt cá đêm trên biển nhưng hầu như tác giả không m.tả trực tiếp, hay khắc hoạ những động tác, hình ảnh lao động. Nhưng người đọc vẫn hình dung ra được không khí lao động say mê, hào hứng qua âm thanh, tiếng hát, hành động khoẻ "Kéo xoăn tay" thành công đó nhờ những âm hưởng sôi nổi, phơi phới, bay bổng với lời thơ dõng dạc, trầm hùng, cách gieo vần biến hoá linh hoạt, bút pháp lãng mạn => Sự hoà hợp giữa con người & thiên nhiên tạo sức mạnh chinh phục biển cả. **Hoạt động 2: Tìm hiểu hình ảnh bình minh trên biển, đoàn thuyền đánh cá trở về** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung	

kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Khổ thơ cuối m.tả cảnh gì? ? Cảnh đoàn thuyền trở về được miêu tả trong khung cảnh ra sao? ? Ở khổ thơ cuối tác giả đã lặp lại những hình ảnh & câu thơ nào? ? Dụng ý của tác giả khi sử dụng các hình ảnh đó? ? Hình ảnh mặt trời ở khổ thơ cuối có gì khác so với khổ thơ đầu? ? Hai câu thơ " Câu hát căng buồm cùng gió khơi & Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" thể hiện điều gì về những người lao động trên biển? ? Cả bài thơ được coi là khúc ca, đây là khúc ca gì? Tác giả làm thay lời của ai? ? Qua bài thơ, em cảm nhận được vẻ đẹp nào của thiên nhiên của con người lao động? ? Nếu cho rằng: Bài thơ là sự kết hợp hai nguồn cảm hứng của tác giả thì theo em đó là hai cảm hứng nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Ở khổ thơ cuối tác giả đã lặp lại những hình ảnh: + Mặt trời + Câu hát Hình ảnh mặt trời ở khổ thơ cuối so với khổ thơ đầu: + Mặt trời xuống biển: 1 ngày đã kết thúc, vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi, ngày lao động trên biển bắt đầu. + Mặt trời đội biển: Ngày lao động trên biển đã kết thúc, mở ra 1 ngày mới với những hoạt động của con người trên đất liền. Hai câu thơ " Câu hát căng buồm cùng gió khơi & Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" thể hiện:	3.2 Bình minh trên biển, đoàn thuyền đánh cá trở về: + Thời điểm: lúc rạng đông. + Câu hát căng buồm... + Đoàn thuyền chạy đua mặt trời. -> Biện pháp nhân hoá. => Đoàn thuyền trở về trong cảnh bình minh rực rỡ huy hoàng cùng niềm vui thắng lợi.

+ Câu hát đẩy thuyền ra khơi, câu hát gọi cá vào dệt lưới, câu hát ca ngợi những thành quả lao động của người dân đánh cá. + Sau 1 đêm lao động vất vả, mệt nhọc họ vẫn giữ được khí thế náo nức, hăng say, vui vẻ, yêu đời của mình **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: ***** Sự liên tưởng mới mẻ: Đây không chỉ là màu sắc hiện thực của những khoang cá lộng lẫy, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Đó còn là thành quả huy hoàng của 1 ngày lao động trên biển. Thiên nhiên tự nguyện dâng tặng, phục vụ con người những tài nguyên của biển, con người lao động miệt mài, khẩn trương, hăng say. + Là bài ca ca ngợi thiên nhiên, con người lao động=> của chính những người dân chài lưới. *** Bài thơ là** tiếng hát say mê, hào hứng, phần khởi nhưng mang nhiều ý nghĩa mới: tiếng hát của người chiến thắng. Hình ảnh câu hát được nhắc lại 4 lần như một điệp khúc với âm điệu khoẻ khoắn, sôi nổi. Đó là khúc ca khải hoàn của người chiến thắng, của người lao động. + Bài thơ là sự kết hợp hai cảm hứng của tác giả: cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kì Miền Bắc xây dựng CNXH và cảm hứng thiên nhiên vũ trụ-> Tạo ra hình ảnh rộng lớn tráng lệ, lung linh như một bức tranh sơn mài. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Bài thơ " Đoạn thuyền đánh cá" có ý nghĩa như thế nào? ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	**4. Tổng kết** 4.1 Nội dung- ý nghĩa * Nội dung + Vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên hoài hoà với vẻ đẹp con người lao động: khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước cuộc sống và đất nước. * ý nghĩa: Bài thơ thể hiện nguồn cảm hứng lãng mạn ngợi ca biển cả lớn lao, giàu đẹp, ngợi ca nhiệt tình lao động vì sự giàu đẹp cảụ đất nước của những con người lao động mới. 4.2 Nghệ thuật: + Sử dụng bút pháp lãng mạn với các biện pháp nghệ thuật đối lập, so sánh, nhân hóa, phóng đại + Khắc họa những hình ảnh đẹp về mặt trời lúc hoàng hôn, bình minh, hình ảnh biển cả và bầu trời trong đêm, hình ảnh ngư dân và đoàn thuyền đánh cá + Miêu tả sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người. + Sử dụng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu, gợi liên tưởng. 4.3 Ghi nhớ: (SGK -142)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi: Sau khi học bài thơ, trong em đã được bồi đắp thêm tình cảm nào? Em học được cách miêu tả như thế nào của tác giả khi viết văn m.tả, biểu cảm?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, gợi cảm xúc.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

? Tình cảm của em đối với vùng biển quê hương, con người quê hương?

? Em có suy nghĩ gì về việc nhiều ngư dân sử dụng những công cụ bắt cá theo kiểu tận diệt: lưới mắt nhỏ, đánh mìn, kích điện (xung điện/xuyệt điện/ cào điện)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc lòng, đọc diễn cảm bài thơ. Tìm những chi tiết khắc họa hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động trên biển cả.

+ Thấy được bài thơ có nhiều hình ảnh được xây dựng với những liên tưởng, tưởng tượng, sáng tạo, độc đáo, giọng điệu thơ khỏe khoắn hồn nhiên.

+ Viết đoạn văn: Bài thơ được gọi là“Khúc tráng ca về những người lao động trên biển cả Việt Nam thế kỉ XX". Hãy làm rõ ý kiến trên bằng một đoạn văn 10-12 câu?

+ Chuẩn bị: " Nghị luận trong văn tự sự" (Đọc trước các nội dung trong bài học, tìm hiểu các ví dụ thông qua hệ thống câu hỏi SGK, tìm các đoạn văn tự sự có yếu tố nghi luận, tập tìm hiểu tác dụng của các yếu tố nghị luận có trong đoạn văn tự sự đó

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tiết 31

NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nhận biết yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

+ Hiểu mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

+ Hiểu tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc lại từ mượn, từ Hán Việt (lớp 6,7) tra Từ điển Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Các em thấy trong văn bản tự sự, ngoài việc sử dụng những yếu tố miêu tả nội tâm để thể hiện những ý nghĩ, cảm, xúc, diễn biến tâm trạng của nhân vật, đôi lúc chúng ta còn thể hiện những ý kiến, quan điểm, tư tưởng, đáng giá để người đọc, người nghe suy nghĩ về một vấn đề nào đó. Khi đó chúng ta sẽ kết hợp hình thức lập luận với các yếu tố tự sự khi diễn đạt. Vậy các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự được kết hợp như thế nào? Nó có tác dụng ra sao, bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ nghiên cứu về vấn đề này.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Phân tích ví dụ/ tìm hiểu đoạn trích a** **a. Mục tiêu:** hiểu được các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1: * GV** gọi học sinh đọc yêu cầu phần 1 SGK ? Văn bản" Lão Hạc" và "Truyện Kiều" thuộc kiểu văn bản nào? Tại sao em lại khẳng định như vậy? ?Vậy em hãy nhắc lại thế nào là nghị luận? **Nhiệm vụ 2 : Giáo viên** trình chiếu ví dụ a-> Gọi học sinh đọc đoạn trích a . ? Đoạn trích (a) là lời nói của ai với ai? Nói về vấn đề gì?	**I Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:** 1. Phân tích VD(SGK- 137) * Đoạn trích a:

? Đoạn trích (a) là lời nói của ai với ai? Nói về vấn đề gì? ? Từ đó em hãy chỉ ra những câu văn mang tính nghị luận trong đoạn trích (a)? ? Tìm câu văn nêu luận điểm? Người ta gọi câu này là câu gì trong đoạn văn? ? Em hãy tóm tắt nội dung của câu văn trên một cách ngắn gọn? ? Nếu gọi câu (2) là câu nêu vấn đề(luận điểm) thì những câu nào trong đoạn văn là câu phát triển vấn đề? + Câu (3), (4), (5), (6): phát triển vấn đề ? Trong số các câu văn câu trên (3,4,5,6) câu nào dùng để trình bày luận cứ ? Những câu văn nào được dùng làm lí lẽ trong đoạn trích? Đó là những lí lẽ nào? ? Câu văn thứ 7 đóng vai trò như thế nào trong đoạn văn? ? Ông giáo đã kết luận suy nghĩ của mình bằng cách nào? ? Ông giáo đã dùng kiểu câu và từ nào để lập luận? ? Cách lập luận trên có tác dụng ra sao? Hình thức và cách lập luận vừa nêu có phù hợp với tính cách của ông giáo không? Vì sao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. + Câu văn nêu luận điểm : Câu 2-> câu chủ đề (câu chốt) (Đây chính là vấn đề ông giáo suy nghĩ) + Nếu câu (2) trên là câu nêu vấn đề(luận điểm) thì những câu (3), (4), (5), (6): phát triển vấn đề trong đoạn văn là câu phát triển vấn đề. + Trong số các câu văn câu (3,4,5,6) câu dùng để trình bày luận cứ là câu (3), phát triển vấn đề: Vợ tôi không phải là người ác, những thị khổ quá rồi + Những câu văn 4,5,6 được dùng làm lí lẽ trong đoạn trích : + Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau. + Khi người ta khổ quá thì người ta không còn nghĩ đến ai được nữa. + Vì cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.	+ Ông giáo đối thoại với chính mình rằng vợ mình không ác để chỉ buồn chứ không nỡ giận.

GV bổ sung: + Để tăng tính thuyết phục cho vấn đề ông giáo vừa nêu" vợ tôi không phải là người ác mà là thị khổ quá lâu rồi", tác giả đã sử dụng 3 lí lẽ để thuyết phục chính mình bằng cách đi từ giả thiết đến kết luận, nêu vấn đề có tính chất đối lập, lấy dẫn chứng minh hoạ. Ông giáo đã dùng kiểu câu và từ nào để lập luận : + Câu mang tính chất nghị luận: câu ghép có cặp từ hô ứng thể hiện các phán đoán dưới dạng: khi ...thì, nếu...thì + Câu kết luận: Biết vậy...nên + Các câu văn đều là những câu khẳng định, ngắn gọn, khúc triết như diễn đạt 1 chân lí. + ? Hình thức và cách lập luận vừa nêu rất phù hợp với tính cách của ông giáo vì ông là người có học thức, hiểu biết, giàu lòng thương người, luôn nghĩ suy, trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn đời, nhìn người... **Hoạt động 2: Phân tích ví dụ/ Tìm hiểu đoạn trích b** **a. Mục tiêu:** HS hiểu được các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Gv đặt câu hỏi:** ? Đoạn trích (b) là cuộc đôi thoại của ai với ai? Trích ở văn bản nào? ? Hoàn cảnh diễn ra cuộc đối thoại trên ? ? Cuộc đối thoại giữa Thuý Kiều và Hoạn Thư diễn ra dưới hình thức nào? ? Hãy xácđịnh những câu thơ mang tính nghị luận trong đoạn trích (b)? ? Thúy Kiều đã kết tội Hoạn Thư như thế nào? ? Trong cách lập luận của Thuý Kiều, tác giả đã sử dụng kiểu câu nào? Tác dụng của cách sử dụng kiểu câu đó? ? Hoạn Thư trong cơn "hồn bay phách lạc" đã biện minh cho mình bằng cách lập luận như thế nào? Nhằm mục đích gì?	-> Lập luận chặt chẽ, rõ ràng phù hợp với quy luật tự nhiên và tính cách của ông giáo-> vấn đề ông giáo suy nghĩ có sức thuyết phục * Đoạn trích b:

? Từ đó em có nhận xét gì về cách lập luận của Hoạn Thư? ? Thuý Kiều có thái độ như thế nào trước những lí lẽ, dẫn chứng Hoạn Thư đưa ra? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư trích ở văn bản" Thúy Kiều báo ân báo oán" (Truyện Kiều của Nguyễn Du) Hoàn cảnh : Từ Hải- một anh hùng hảo hán nổi tiếng vì mến mộ tài sắc của Thúy Kiều đã chuộc nàng ra khỏi lầu xanh và cưới nàng làm vợ. Từ Hải đã giúp Kiều mở một cuộc báo ân báo oán cho Kiều để nàng trả nghĩa cho những người đã cứu giúp mình, cũng như trừng trị những kẻ gây sóng gió cho nàng. Trong có đó Hoạn thư- Vợ Thúc Sinh, người đã vì cảnh chồng chung mà gây rất nhiều nỗi đắng cay, tủi nhục cho Kiều. Hình thức : + Trước toà, điều quan trọng nhất là người ta phải trình bày lí lẽ, chứng cớ, nhân chứng, vật chứng... sao cho có tính thuyết phục hòng kết tội hoặc giảm nhẹ tội=> Hình thức đối thoại có tính nghị luận phù hợp với một phiên toà. + Đoạn trích b là lời nói của Thuý Kiều ở phần đầu và lời nói của Hoạn Thư. ? Trong phiên toà này : quan toà: Thuý Kiều và bị cáo: Hoạn Thư Thúy Kiều đã kết tội Hoạn Thư : + Sau câu chào mỉa mai là lời đay nghiến: Xưa nay đàn bà có mấy người ghê gớm cay nghiệt như cô và xưa nay càng cay nghiệt thì càng chịu lấy nhiều oan trái. - Lập luận của Hoạn Thư: gồm 4 lí lẽ, + Thứ nhất: Tôi cũng là đàn bà nên ghen tuông là chuyện thường tình-> đưa ra vấn đề có tính chất thông thường, không thể bác bỏ + Thứ hai: Tôi cũng đã đối xử tốt với cô khi ở gác Quan Âm để viết kinh, khi cô trốn khỏi nhà, tôi cũng chẳng	+ Cuộc đối thoại giữa Kiều và Hoạn Thư được diễn ra dưới hình thức nghị luận trong một phiên toà.

cho người đuổi theo-> Kể công, khơi gợi lòng thương của Thúy Kiều + Thứ ba: Tôi với cô đều trong cảnh chồng chung chẳng ai dễ nhường cho ai.-> Mong sự cảm thông vì hoàn cảnh trớ trêu. + Thứ tư: Nhưng dù sao, tôi cũng đã gây đau khổ cho cô nên bây giờ chỉ biết trông chờ vào lòng khoan dung, độ lượng của cô.-> Nhận tội và đề cao Thuý Kiều **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Trước lời kết tội của Thuý Kiều, Hoạn Thư vừa ở vị trí bị cáo, vừa là luật sư tự bào chữa cho mình. ***** Hoạn Thư với vai trò bị cáo, vừa là luật sư tự bào chữa cho mình, Hoạn Thư đã lập luận rất sắc sảo, từ từ từng bước một, Hoạn Thư đã từ chỗ chỉ ra sự ghen tuông là lẽ thường tình của đàn bà, tiếp đến khơi gợi đạo lí sống phải có nghĩa tình bằng cách kể công mình đã đối xử tốt với Thuý Kiều khi ở gác Quan Âm, sau đó là gợi sự đồng cảm của Kiều vì hoàn cảnh trớ trêu của hai người "chồng chung", cuối cùng Hoạn Thư khôn ngoan hơn là nhận hết tội lỗi và đề cao Thuý Kiều, khiến cho Thuý Kiều rơi vào tình thế khó xử và phải thốt lên: "Khen cho thật đã nên rằng, Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời" và từ chỗ nộ khí xung thiên: “Dưới cờ gươm tuốt nắp ra” đến “Truyền quân lệnh xuống trường tiền tha ngay” => Giáo viên ghi bảng **Hoạt động 3: Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự** **a. Mục tiêu:** HS hiểu được các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Gv đặt câu hỏi:** ? Từ các đoạn trích vừa phân tích em rút ra những dấu hiệu và đặc điểm của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự? ? Khi nào chúng ta cần sử dụng yếu tố nghị luận?	=> Lập luận của Hoạn Thư sắc sảo, có lí có tình, tạo sức thuyết phục cao, khiến cho Kiều phải thay đổi quyết định.

+ ? Nghị luận trong văn tự sự thường được thể hiện dưới những hình thức nào? (Chú ý cách thể hiện nội dung nghị luận của 2 đoạn trích) ? Từ các ví dụ vừa phân tích, em hãy nêu tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên** bổ sung: Trong văn bản tự sự, để người đọc (người nghe) phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết (người kể) sẽ sử dụng hình thức nghị luận. Nghị luận trong tự sự thường xuất hiện trong những lời đối thoại hoặc độc thoại khi nhân vật muốn bày tỏ một quan điểm, một phán đoán, một lí lẽ về vấn đề nào đó nhằm thuyết phục người đọc, người nghe hay thuyết phục chính mình. Nghị luận trong văn bản tự sự thường gắn với không khí tranh luận, tức là đòi hỏi phải có đối tượng giao tiếp (ngay cả trong độc thoại, người độc thoại cũng đang trong trạng thái phân vân để tự mổ xẻ vấn đề, tự tranh luận với bản thân, nhất là đối với những nhân vật dang trong trạng thái đấu tranh tư tưởng...). Như vậy, nghị luận trong văn bản tự sự phải thể hiện dấu ấn cá nhân của nhân vật. ***** Từ kết luận trên cho thấy nghị luận rất cần trong văn bản tự sự vì nó sẽ khắc học chân dung nhân vật hay triết lí, có đời sống nội tâm phong phú, hay suy nghĩ, trăn trở, day dứt về lẽ sống, về lí tưởng, về cuộc đời. * Mặc dù yếu tố nghị luận chỉ đóng vai trò phụ trong văn bản nghị luận nhưng nó lại có tác dụng tạo tính triết lí cho câu chuyện, làm cho câu chuyện sinh động và hấp dẫn hơn. Đó chính là nội dung của phần Ghi nhớ SGK -138 → Giáo viên kết luận trên bảng **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**	* Dấu hiệu và đặc điểm của nghị luận trong văn tự sự. + Những biểu hiện suy nghĩ, đánh giá, bàn luận trong văn bản tự sự là những yếu tố nghị luận. + Các loại câu thường dùng: nghi vấn, khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng. + Các từ lập luận có tính chất kết luận, khẳng định, liệt kê, tổng hợp, tương phản đối ý.v.v. * Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự: + Khắc hoạ rõ nét chân dung của nhân vật về tư tưởng, quan

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : **Nhóm 1,3 : Giáo viên** trình chiếu bài tập thêm số 1 *** Học sinh** đọc lại nội dung bài tập 1 **Bà tôi** Bố mẹ tôi đều làm ruộng nên nhà tôi nghèo lắm. Bà tôi tuy tuổi đã cao những vẫn còn khoẻ nên bà thường đỡ đần công việc nội trợ giúp mẹ tôi những lúc mẹ tôi còn bận hay chúng tôi còn học bài. Bà thường căn dặn chúng tôi: - Đối với con người, hạt gạo là quý giá nhất đấy các cháu ạ. Mỗi lần đong gạo nấu cơm bà th?ờng làm rất thong thả, cẩn thận. Một lần bà tôi bị mệt, tôi thay bà nấu cơm. Khi cầm rá gạo xuống bếp chẳng may tôi bị vấp ngã chúi về phía trước nhưng tôi vẫn cố giữ cho bằng được rá gạo trong tay, chỉ có vài hạt rơi vãi ra ngoài. Tôi thản nhiên xuống bếp nấu cơm. Xong việc, tôi định chạy lên khoe với bà thì...Tôi bỗng sững lại ở cửa. Bà đang chống gậy dò đi từng bước để nhặt các hạt gạo mà tôi làm rơi lúc nãy. Thấy tôi đang tròn xoe mắt nhìn bà một cách ngạc nhiên, bằng giọng thều thào bà giải thích: - Cháu ơi, thóc gạo là Đức Phật đấy... Không có nó thì cũng chẳng có ai hương khói nơi cửa Phật nữa đâu... Lúc đó tôi chưa hiểu câu nói của bà, còn bây giờ thì tôi đã hiểu. Càng hiểu tôi càng thương bà nhiều hơn. Cuộc đời bà tuy vất vả, nhọc nhằn, xong những lời dạy bảo của bà đáng quý biết bao nhiêu. Chính nhờ những lời dạy bảo đó chúng tôi đã khôn lớn như ngày hôm nay. a,Vấn đề nghị luận đua ra trong văn bản văn tự sự là gì? b, Vấn đề nghị luận đã được người viết thể hiện nhu thế nào? d, Tác dụng của việc sử dụng yếu tố nghị luận đó?* **Nhóm 2,4:**	điểm.v.v.-> làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, có tính triết lí. 2.Ghi nhớ: (SGK- 138) **II. Luyện tập:** Bài tập thêm số 1 ? Đọc kĩ văn bản tự sự và trả lời câu hỏi bên dưới

* Giáo viên trình chiếu bài tập thêm số 2 ? Đọc đề bài thêm số 2 * Yêu cầu học sinh lập dàn ý và dự kiến những vị trí để kết hợp với nghị luận. * Cho học sinh lập dàn ý sơ lược và trình bày -> Giáo viên trình chiếu dàn ý sơ lược và hướng dẫn học sinh về nhà viết thành bài văn hoàn chỉnh - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Học sinh đọc và thảo luận nhóm (3 phút) **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	* Vấn đề nghị luận: Gạo là thứ quý giá nhất. * Cách lập luận đươợc thể hiện: + Nhận định của bà: Đối với con ngươời, gạo là thứ quý giá nhất + Dẫn chứng: hành động của bà " bà chống gậy dò đi từng bươớc để nhặt những hạt gạo vươơng vãi trên nền nhà." + Lí lẽ: lời dạy của bà "Cháu ơi thóc gạo là Đức Phật đấy... Không có nó thì cũng chẳng có ai hương khói nơi cửa Phật nữa đâu..." + Nhận định của người cháu về cuộc đời của người bà. => Tác dụng: Lời dạy bảo của bà trở nên thấm thía, giàu sức thuyết phục, sinh động và hấp dẫn hơn. Câu chuyện trở nên xúc động, để lại ấn tượng mạnh đối với ngươời đọc, người nghe bởi tính triết lí sâu sắc. **Bài tập thêm số 2:** Lập dàn ý cho đề văn sau:

	? Kể về một việc tốt mà em đã làm(hoặc chứng kiến) trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận? Dàn ý: A. Mở bài: + Giới thiệu hoàn cảnh vệc tốt em làm (chứng kiến) + Cảm xúc, suy nghĩ của em khi làm(chứng kiến) việc tốt đó B. Thân bài: + Kể diễn biến việc tốt em đã làm (chứng kiến) + ý nghĩa về việc tốt em đã làm (chứng kiến)- Nghị luận C. Kết bài: + Khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa to lớn của những việc làm tốt trong đời sống, xã hội.(Nghị luận)

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

- GV đặt câu hỏi: Nêu các dấu hiệu để nhận biết các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự?

? Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn tự sự?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Luận điểm, luận cứ, trình tự lập luận-> làm cho người đọc và người nghe phải suy nghĩ về vấn đề đó.

+ Diễn đạt bằng câu khẳng định, phủ định, câu ghép, câu miêu tả…-> tạo tính triết lí (khẳng định hoặc bác bỏ)

+ Làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, có tính triết lí.

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc ghi nhớ

+ Phân tích vai trò của các yếu tố miêu tả và nghị luận trong đoạn văn tự sự cụ thể.

+ Đọc và chuẩn bị: "Bếp lửa"(Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, chủ đề, cách thể hiện các nội dung tư tưởng của văn bản, biện pháp nghệ thuật chính của bài thơ, thi vẽ tranh minh hoạ cho văn bản thơ)

+ Phiếu học tập: - Phiếu số 1:

Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc

Khổ thơ	**Chi tiết**	**Nghệ thuật**	**Tác dụng**
Khổ thơ đầu			

Cảm nhận về hình ảnh bếp lửa	
Cảm nhận về tình bà cháu	

Phiếu số 2: nhóm bàn

Hình ảnh người bà và những kỉ niệm về tình bà cháu trong hồi tưởng của tác giả:

Khổ thơ	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng
2			
3			
Cảm nhận chung về hình ảnh người bà			

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 11 - Tiết 54

Tiếng Việt TỔNG KẾT TỪ VỰNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm các khái niệm từ tượng thanh, tự tượng hình; phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, diệp ngữ, chơi chữ.

+ Phát hiện các biện pháp tu từ có trong các dạng văn bản.

+ Biết tác dụng và cách sử dụng thành thạo, sáng tạo các từ tượng hình, từ tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, thể hiện sự tự tin, lắng nghe tích cực, ra quyết định, giải quyết vấn đề, hợp tác, tư duy sáng tạo .v.v.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: : Ôn tập các biện pháp tu từ đã học ở 6,7,8**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Giáo viên giới thiệu những kiến thức sẽ ôn tập.

<table>
<tr><th>HĐ CỦA THẦY VA TRÒ</th><th>SẢN PHẨM DỰ KIẾN</th></tr>
<tr><td>

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.

Hoạt động 1: Tìm hiểu tạo từ ngữ mới:

a. Mục tiêu: biết cách tạo từ ngữ mới

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: cả lớp

Trò chơi hỏi giáo sư: mỗi nhóm cử hai bạn thành một đội đưa ra các câu hỏi cho giáo sư (học sinh đóng) trả lời.

Giáo sư: Thúy Hằng

Câu hỏi:

? Phân biệt từ tượng thanh và từ tượng hình? Lấy ví dụ, phân tích chỉ ra sự khác nhau đó?

? Từ tượng thanh & tượng hình có thể giống nhau ở đặc điểm cấu tạo như thế nào?

? Đặt 1 câu có sử dụng từ tượng thanh?

? Đặt 1 câu có sử dụng từ tượng hình?

? Đặc điểm, công dụng khi sử dụng từ tượng thanh, từ tượng hình?

Nhiệm vụ 2: hoạt động nhóm

Tìm khái niệm, ví dụ về các phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

</td><td>

I. Từ tượng thanh, từ tượng hình:

<table>
<tr><th><u>Từ tượng thanh</u></th><th><u>Từ tượng hình</u></th></tr>
<tr><td>+ K.N: Là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.
- VD: ư ử, ào ào, xào xạc</td><td>+ K.N: Là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ trạng thái của sự vật.
- VD: Lắc lư, lảo đảo, liêu xiêu</td></tr>
</table>

-> Gợi tả âm thanh, hình ảnh cụ thể, sinh động, có tính biểu cảm cao, dùng trong văn bản miêu tả và tự sự.

II.Một số phép tu từ từ vựng:

1 Đặc điểm, tác dụng:

<table>
<tr><th>Các phép tu từ</th><th>Đặc điểm</th><th>Tác dụng</th></tr>
<tr><td>So sánh</td><td>+ Có những nét tương đồng</td><td>-> Tăng sức gợi hình,gợi cảm cho sự diễn đạt.</td></tr>
<tr><td>Ẩn dụ</td><td>+ So sánh ngầm, có nét chung về nghĩa</td><td>-> Làm câu văn giàu hình ảnh, gợi tả, gợi cảm xúc, hàm xúc</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

Nhóm 1: So sánh, ẩn dụ,nhân hóa
Nhóm 2: hoán dụ, nói quá,nói giảm nói tránh
Nhóm 3: điệp ngữ, chơi chữ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.
- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Hoạt động 2: Luyện tập
a. Mục tiêu: HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài tập
b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS
d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Gv đặt câu hỏi:
GV tổ chức các trò chơi:
Bài tập số 2 (SGK-146)
Trò chơi tiếp sức : Nhóm 1,2,3(3 phút) tìm được nhiều tên loài vật là từ tượng thanh.
Gọi hs mô phỏng tiếng kêu của loài vật đó.
+ Tìm những con vật lấy tên âm thanh của nó phát ra để đặt tên cho con vật đó.

Bài tập số 3(SGK-146)
Chơi trò chơi đuổi hình bắt chữ

Nhân hóa	+ Gọi hoặc tả con vật...= những từ ngữ vốn dựng để gọi người hoặc tả người	-> Làm câu văn sinh động, thế giới cây cối, loài vật trở nên gần gũi hơn.
Hoán dụ	+ Có quan hệ nhất định (gần gũi)	-> Làm câu thơ giàu tình cảm, cảm xúc.
Nói quá	+Phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự việc, hiện tượng	-> Nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.
Nói giảm nói tránh	Phải là những từ ngữ tránh gây cảm xúc quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề	-> Tránh thô tục, thiếu lịch sự
Điệp ngữ	Dùng đi dùng lại từ ngữ trong 1văn bản	-> Làm tăng giá trị cho lời văn
Chơi chữ	Lợi dụng đặc điểm về âm, nghĩa của từ - Sử dụng nhiều trong câu văn, câu nói hàng ngày.	-> Tạo cách hiểu bất ngờ, thú vị, hài hước

2. Bài tập

Chiếu hình ảnh- học sinh tìm từ tượng hình mô phỏng hình ảnh đó ? Căn cứ vào đó em hãy tìm? **Bài tập số 2(SGK-147)** HS làm các câu a,b,c,d,e ? Phân tích biện phép so sánh? Tác dụng của cách sử dụng đó như thế nào ? **Bài tập 3: cá nhân** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	Bài tập số 2 (SGK-146) Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh ? - Mèo, bò, tắc kè, tu hú... Bài tập số 3(SGK-146) Xác định từ tượng hình và giá trị sử dụng? + Các từ tượng hình: Lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ..-> miêu tả hình ảnh đám mây một cách cụ thể, sinh động Bài tập số 2(SGK-147) Chỉ và phân tích tác dụng của các phép tu từ? a) Phép ẩn dụ (Từ "hoa, cánh" dùng để chỉ Thúy Kiều, cuộc đời của nàng. Từ "lá" dùng để chỉ gia đình của Thúy Kiều và cuộc sống của họ. ->Quyết định dứt khoát khi Kiều bán mình để cứu gia đình. b) Phép so sánh: So sánh tiếng đàn của Thúy Kiều với tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa-> tài đàn của TK và tâm trạng đau đớn xót xacủa nàng khi phải mua vui cho Hồ Tôn Hiến. c) Phép nói quá (về tài, sắc của Kiều) -> Nhờ biện pháp này ND thể hiện đầy ấn tượng 1 nhân vật tài sắc vẹn toàn. d) Phép nói quá ->để cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thúy Kiều và Thúc Sinh e) Phép chơi chữ: Tài và tai Bài tập số 3

	a) Phép điệp ngữ (còn) sử dụng từ đa nghĩa (say sưa) Say sưa: - Chàng trai uống nhiều rượu mà say - Chàng trai đắm say vì tình

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Lập sơ đồ thống kê

+ Làm tiếp bài tập SGK

+ Tập viết các đoạn văn có sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình.

+ Tập viết đoạn văn có sử dụng một trong số các phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ

+ Chuẩn bị: " Tập làm thơ 8 chữ" (tìm hiểu các thể thơ đã học, phân tích cấu tạo của bài thơ viết theo thể thơ tám chữ, sưu tầm các bài thơ tám chữ)

- Xem lại cách gieo vần thường gặp: vần chân, vần lưng,
- Xem cách ngắt nhịp
- Tập làm thơ 8 chữ, chủ đề tự do

*** Phiếu học tập:**

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 1: Khổ thơ 1:

Dòng thơ	Số chữ trong một dòng	Gieo vần (Ở từ nào? Thuộc cách gieo vần chân hay vần lưng, gieo liền hay giãn cách)	Nhịp thơ	Số câu trong một đoạn	Số khổ thơ trong đoạn
1					
2					
3					
4					

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 2,3: Khổ thơ 2,3

Dòng thơ	Số chữ trong một dòng	Gieo vần (Ở từ nào? Thuộc cách gieo vần chân hay vần lưng, gieo liền hay giãn cách)	Nhịp thơ	Số câu trong một đoạn	Số khổ thơ trong đoạn
1					
2					
3					
4					

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 11 - Tiết 55

Tập làm văn: TẬP LÀM THƠ 8 CHỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm được đặc điểm của thể thơ 8 chữ.

+ Hiểu cách tạo đối, vần, nhịp trong khi làm thơ tám chữ.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Đọc và tham khảo tư liệu soạn giáo án. Sưu tầm các bài thơ 8 chữ theo nhiều chủ đề khác nhau đặc biệt môi trường. Chuẩn bị máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc trước bài, SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Ở những lớp dưới các em đã được tập làm thơ 4 &5 chữ (lớp 6), thơ lục bát (lớp7) & thơ 7 chữ (ở lớp 8). Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu thơ 8 chữ. Mục đích của tiết học này là giúp các em luyện kĩ năng nhận diện về vần, nhịp của thể thơ 8 chữ để có thể sáng tác về thể thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: TÌm hiểu thể thơ 8 chữ** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV	**I Nhận diện thể thơ 8 chữ:** 1. Phân tích ngữ liệu: (SGK- 148) + Số lượng chữ trong mỗi dòng: 8 chữ + Số câu: Không hạn định (a,b) Chia thành các khổ (c)

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS đọc ví dụ và đặt câu hỏi: Các em đã được học bài thơ 8 chữ nào?

? Nhận xét về số chữ trong mỗi dòng ở các đoạn thơ trên?

? Tìm những chữ có chức năng gieo vần ở mỗi đoạn?

*** Nhiệm vụ 2: Giáo viên gạch chân các từ có chức năng gieo vần khi học sinh trả lời**

+ Đoạn 1: Tan - ngàn, mới gội, bùng - rừng, gắt - mật

+ Đoạn 2: về - nghe, học - nhọc, bà - xa

+ Đoạn 3: ngát - hát, non - son, đứng - dưng, tiên - thiên

? Chỉ ra cách ngắt nhịp trong các khổ thơ?

? Vận dụng kiến thức về cách gieo vần, hãy nhận xét về cách gieo vần của từng đoạn?

- GV đặt câu hỏi: Từ phân tích trên, em nhận xét gì về cách gieo vần ở thể thơ 8 chữ và đặc điểm của thể thơ tám chữ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.

- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết quả mong đợi:

Cách ngắt nhịp của từng câu thơ trong từng đoạn thơ:

Đoạn 1	Đoạn 2	Đoạn 3
2/ 3/ 3	3/ 3/ 2	3/ 3/ 2
3/ 2/ 3	4/ 2/ 2	3/ 2/ 3
3/ 2/ 3	4/ 4	3/ 3/ 2
3/ 3/ 2	3/ 3/ 2	3/ 2/ 3

Cách ngắt nhịp của từng đoạn thơ.

+ Đoạn 1,2: Gieo vần chân liên tiếp, chuyển đổi theo từng cặp

+ Đoạn 3: Gieo vần chân nhưng lại gián cách.

Đoạn	Các chữ được gieo vần
a.	Tan - ngàn; mới - gợi; bùng - rừng; gắt - mật;

+ Gieo vần và ngắt nhịp:

* Dấu hiệu nhận biết:

Cách gieo vần	Cách ngắt nhịp
Vần chân liên tiếp Chuyển đổi từng cặp	2 / 3 / 3 3 / 2 / 3 3 / 3 / 2 4 / 2 / 2
Vần chân liên tiếp Chuyển đổi từng cặp	3 / 3 / 2 3 / 2 / 3
Vần chân giãn cách Chuyển đổi từng cặp	

+ Mỗi dòng thơ có tám chữ

+ Phổ biến là gieo vần chân(chữ cuối câu) Gieo liên tiếp hoặc gián cách

+ Cách ngắt nhịp đa dạng, linh hoạt

+ Bài thơ có thể gồm nhiều đoạn dài (không hạn định số câu) hoặc có thể chia thành các khổ (thường 4 dòng một khổ)

2. Ghi nhớ: (SGK- 150)

b.	Về(1) - nghe (2); học(3) - nhọc(4); bà(5) - xa(6);
c.	Ngát(1) - hát(3); non(2) - son(4); đứng)5) - dựng(7); tiên(6) - nhiên (8);

→ Đặc điểm:
+ Gieo vần chân (chữ cuối câu) có thể giãn cách hoặc liên tiếp.
+ Ngắt nhịp đa dạng
+ Số chữ trong 1 dòng, cách ngắt nhịp, gieo vần, kết cấu của bài thơ tám chữ

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV bổ sung:
*** Giáo viên** cho học sinh trình bày và trình chiêu trên bảng phụ cách ngắt nhịp của từng câu thơ trong từng đoạn thơ

Đoạn 1	Đoạn 2	Đoạn 3
2/ 3/ 3	3/ 3/ 2	3/ 3/ 2
3/ 2/ 3	4/ 2/ 2	3/ 2/ 3
3/ 2/ 3	4/ 4	3/ 3/ 2
3/ 3/ 2	3/ 3/ 2	3/ 2/ 3

Giáo viên trình chiếu cách ngắt nhịp của từng đoạn thơ.
+ Đoạn 1,2: Gieo vần chân liên tiếp, chuyển đổi theo từng cặp
+ Đoạn 3: Gieo vần chân nhưng lại gián cách.

Đoạn	Các chữ được gieo vần
a.	Tan - ngàn; mới - gợi; bừng - rừng; gắt - mật;
b.	Về(1) - nghe (2); học(3) - nhọc(4); bà(5) - xa(6);
c.	Ngát(1) - hát(3); non(2) - son(4); đứng)5) - dựng(7); tiên(6) - nhiên (8);

→ Đặc điểm:
+ Gieo vần chân (chữ cuối câu) có thể giãn cách hoặc liên tiếp.

+ Ngắt nhịp đa dạng + Số chữ trong 1 dòng, cách ngắt nhịp, gieo vần, kết cấu của bài thơ tám chữ *** Giáo viên:** Như vậy, câu thơ có 8 tiếng: Mỗi bài tùy thuộc thể loại có thể có 4 câu, tám câu hoặc có nhiều khổ thơ, ngắt nhịp linh hoạt 4/4 hoặc 3/3/2 hoặc 3/2/3. **Hoạt động 2: Luyện tập nhận diện thể thơ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** trình chiếu bài tập cho học sinh đọc. Nhóm 1,: bài tập 1 Điền từ thích hợp vào chỗ trống Nhóm 2: bài tập 2 Nhóm 3,4: bài tập 3 ? Bài tập 3 yêu cầu chúng ta làm gì? ? Đọc đoạn thơ trong bài"Tựu trường (Huy Cận)? ? Hãy chỉ ra chỗ chép sai ở câu thứ 3 trong doạn thơ? ? Vì sao em biết từ đó bị bạn chép sai? ? Hãy sửa lại cho đúng? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Thực hành làm thơ 8 chữ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và làm bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.	* Dấu hiệu nhận biết: + Mỗi dòng thơ có tám chữ + Phổ biến là gieo vần chân(chữ cuối câu) Gieo liên tiếp hoặc gián cách + Cách ngắt nhịp đa dạng, linh hoạt + Bài thơ có thể gồm nhiều đoạn dài (không hạn định số câu) hoặc có thể chia thành các khổ (thường 4 dòng một khổ) 2. Ghi nhớ: (SGK- 150 **II. Luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ:** Bài tập số 1: Điền từ...thích hợp C1. Ca hát C3. Bát ngát C2. Ngày qua C4. Muôn hoa => Cách gieo vần liên tiếp Bài tập số 2: Điền từ C1. Cũng mất C3. Tuần hoàn Cách gieo vần liên tiếp C4. Đất trời Bài tập số 3: Sửa lại vần Từ sai: Rộn rã -> Sửa lại: tới trường

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhóm 1: Giáo viên** trình chiếu bài tập 1 cho học sinh đọc. ? Đọc bài thơ? ? Từ điền vào chỗ trống phải đảm bảo yêu cầu gì? ? Từ nào đảm bảo các yếu tố trên để điền vào chỗ trống? **Nhóm 2: Giáo viên** trình chiếu bài tập cho học sinh đọc. (?) Nêu yêu cầu của Bài tập 2 (SGK- 151)? (?) Câu thơ cuối này phải có đặc điểm gì? (?) Nếu gieo vần cách phải gieo vần ntn? (?) Nếu gieo vần liền phải gieo vần ntn? **Nhóm 3: Giáo viên** trình chiếu bài tập cho học sinh đọc. ? Bài thơ có đúng thể 8 chữ không? + ? Bài thơ đã có vần chưa? Cách gieo vần, ngắt nhịp đúng, sai, đặc sắc n.t.n? + ? Kết cấu bài thơ đó có hợp lý không? Nội dung cảm xúc có chân thành, sâu sắc không? + Chủ đề bài thơ đó có ý nghĩa gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức:	-> Đoạn thơ gieo vần chân liên tiếp **III Thực hành làm thơ 8 chữ:** Bài tập số 1 (SGK- 151) Điền từ đúng thanh, vần vào chỗ trống

	* Chú ý: Vần chân câu trên: "a"- thanh bằng -> để hiệp vần chọn từ có vần "a"- thanh bằng. VD: Vườn (thanh bằng)- vần cách: "qua" Bài tập số2 (SGK- 151) Làm thêm câu cuối cho phù hợp với cảm xúc và vần: + Thêm vần cách: có âm "ương" VD: " Như còn đây những người bạn thân thương". " Bóng ai kia thấp thoáng giữa màn sương." + Thêm vần liền: có âm "a" VD: "Thoang thoảng hương bay dịu ngọt quanh ta" Bài tập số3 (SGK- 151) Thực hành làm thơ 8 chữ: Tập sáng tác bài thơ 8 chữ có chủ đề tự chọn

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: ?Tập làm bài thơ tám chữ không giới hạn số câu về trường lớp, bạn bè, gia đình

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc và chuẩn bị bài đọc thêm" Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"

(Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác bài thơ, những nội dung và nghệ thuật chính của bài thơ: Bài thơ có mấy khúc hát ru, những khúc hát ru đó có đặc điểm gì giống và khác nhau. Sưu tầm bài hát minh hoạ cho bài học)

+ Chuẩn bị phiếu học tập:

Phiếu số 1: Hình ảnh người mẹ Tà Ôi

Khổ thơ	Việc làm của mẹ	Nghệ thuật	Tác dụng
Cảm nhận về công việc mẹ đã làm			

Phiếu số 2: Tình cảm và những ước vọng của bà mẹ Tà Ôi:

Khổ thơ thể hiện	Mong ước của mẹ	Nghệ thuật	Tác dụng
Cảm nhận về hình ảnh bà mẹ			

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 12- Tiết 56

Đọc thêm- Văn bản:

KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

(Nguyễn Khoa Điềm)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

+ Hiểu tình cảm bà mẹ Tà - Ôi dành cho con gắn chặt với tình yêu quê hương đất nước và niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng.

+ Nắm được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, hình ảnh thơ mang tính biểu tượng, âm hưởng của những khúc hát ru thiết tha, trìu mến.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Thêm yêu mến, tôn trọng, tự hào về những người mẹ Việt Nam trong kháng chiến.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Ảnh chân dung nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm. Tham khảo tư liệu soạn giáo án, máy chiếu

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho học sinh nghe bài hát " Lời ru trên nương"- Trần Hoàn

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Tuổi thơ mỗi người gắn liền với những lời ru ầu ơ của bà, của mẹ. Lời ru nhẹ nhàng ẩn chứa những bài học sâu xa, ý nghĩa về cuộc sống và là tình yêu thương dạt dào của cha mẹ gửi gắm. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản **Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ**

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**	**A. Hướng dẫn TH giới thiệu chung:** 1. Tác giả:

a. Mục tiêu: nắm được thông tin tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc & chú ý đoạn 2 GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **?** Hãy nêu một vài nét khái quát về tác giả Nguyễn Khoa Điềm ? ? Em biết gì về hoàn cảnh sáng tác của bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. *** Giáo viên:** Bài thơ ra đời trong những năm tháng quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên 2 miền Nam - Bắc. Thời kỳ này, cuộc sống của cán bộ nhân dân ta trên các chiến khu (phần lớn là những miền rừng núi) rất gian nan, thiếu thốn. Cán bộ, nhân dân vẫn bám rẫy, bám đất tăng gia sản xuất và sản xuất chiến đấu bảo vệ căn cứ. **Hoạt động 2: Tìm hiểu thể thơ, bố cục, PTBĐ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được thể thơ, bố cục, PTBĐ **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Giải thích các từ : Akay, Cu Tai ? ? " Bắp" là từ toàn dân hay từ địa phương ? ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào? thử phân tích nhịp bài thơ ? Căn cứ vào lời ru có thể chia bài thơ thành mấy phần? Nội dung từng phần như thế nào ? ? Em có nhận xét gì về nhan đề bài thơ ?	+ Sinh năm 1943, là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. + Chất chính luận làm cho thơ N.K.Đ vừa dạt dào cảm xúc, vừa lắng đọng suy nghĩ. 2. Tác phẩm: + Bài thơ được sáng tác năm 1971, tại chiến khu miền Tây Thừa Thiên. **B.Hướng dẫn tìm hiểu văn bản:** 1. Đọc- chú thích: 2. Thể thơ - Bố cục + Thể thơ: tự do (trữ tình)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + "Bắp": từ địa phương - "Ngô": từ toàn dân. Bố cục: + Từ đầu đến lún sân: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương bộ đội. + Tiếp => Ka Lưi: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương dân làng. + Còn lại: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương đất nước. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Nhan đề: Độc đáo. + Vì: đem lại cho người đọc cảm giác vừa quen thuộc vừa lạ lùng. Khúc hát ru là quen, những em bé lên trên lưng mẹ cũng không có gì xa lạ (các dân tộc miền núi phụ nữ thường địu con trên lưng để làm việc) ➔ ghép hai cụm từ lại thành nhan đề bài thơ gây khó hiểu, ngạc nhiên. Ai cũng muốn biết nhà thơ sẽ hát ru những gì, người mẹ ấy sẽ ru con như thế nào **Hoạt động 3: Tìm hiểu hình ảnh người mẹ Tà Ôi** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm: Nhóm 1: **Sử dụng phiếu học tập số 2 đã chuẩn bị ở nhà** **(Chiếu phiếu học tập)** ? Qua tìm hiểu nội dung của các khúc hát ru em thấy bà mẹ Tà Ôi được giới thiệu ở những khía cạnh nào?	+ Bố cục: 3 phần + Bài thơ là lời hát ru, có 3 khúc hát ru. Mỗi khúc hát ru gồm 2 lời ru: lời của tác giả, lời ru của mẹ + Lời ru của mẹ vừa có sự lặp lại, vừa có sự phát triển, xác thực và giàu tính biểu tượng.

? Hình ảnh bà mẹ Tà Ôi được khắc hoạ qua những công việc cụ thể ra sao ? ? Mức độ của các công việc đó ? ? Hãy chỉ rõ điều đó ở từng khúc hát ru ? **Nhóm 2:** **Sử dụng phiếu học tập số 2 đã chuẩn bị ở nhà** **(Chiếu phiếu học tập)** ? Người mẹ gửi gắm ước mơ gì qua lời ru thứ nhất ? ? Biện pháp nghệ thuật qua lời ru thứ nhất:"Mai sau...lún sân",? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó? ? Người mẹ gửi gắm ước mơ gì qua lời ru thứ hai ? Biện pháp nghệ thuật qua lời ru thứ hai:"Mai sau...Ka Lưi"? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó? *** Nhóm 3** ? Ước vọng ở khúc hát ru thứ 3 có gì khác so với hai khúc hát ru trước? +? Người mẹ có ước mong sức khoẻ phi thường cho con nữa không? Người mẹ mong muốn cho con điều gì ? ? Tại sao trong lời ru người mẹ lại sử dụng cụm từ " con mơ cho mẹ" mà không phải là " mẹ mơ cho con" hoặc "mẹ mơ con sẽ" ? ? Qua hai câu thơ: " Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, con nằm trên lưng". Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy ? ? Em có nhận xét gì về lời ru của mẹ trong mối liên hệ với công việc mẹ đang làm ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **Học sinh** các nhóm trình bày kết quả thảo luận, giáo viên chốt những kiến thức cơ bản **Kết quả mong đợi:** Nhóm 1: Bà mẹ được giới thiệu ở những khía cạnh + Công việc, hoàn cảnh + Tình cảm, ước mơ. **Nhóm 2:**	3. Hướng dẫn phân tích: a. Hình ảnh người mẹ Tà Ôi: + Mẹ địu con giã gạo nuôi bộ đội. + Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka Lưi. + Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đạp rừng -> tham gia kháng chiến. => Công việc càng ngày càng nặng nhọc, vất vả, gian nan. b Tình cảm và những ước vọng bà mẹ Tà - Ôi: + Con mơ hạt gạo trắng ngần Mai sau...vung chày lún sân. + Con mơ hạt bắp lên đều Mai sau..phát mười Ka Lưi. => Nghệ thuật phóng đại: mong con khôn lớn, có sức vóc phi thường. + Con mơ…thấy Bác Hồ Mai sau.. làm người tự do. => mong con khôn lớn về tinh thần, mang lí tưởng của cả dân tộc. + Nghệ thuật ẩn dụ-> Con là mặt trời của mẹ là nguồn sáng, niềm tin, hạnh phúc, sự sống.v.v. của mẹ. + Con mơ…thấy Bác Hồ Mai sau.. làm người tự do. => mong con khôn lớn về tinh thần, mang lí tưởng của cả dân tộc. + Nghệ thuật ẩn dụ-> Con là mặt trời của mẹ là nguồn sáng, niềm tin, hạnh phúc, sự sống.v.v. của mẹ. -> Tình cảm, khát vọng của người mẹ ngày càng rộng lớn, hoà cùng cuộc kháng chiến gian

Biện pháp nghệ thuật qua lời ru thứ nhất:“Mai sau...lún sân: + Tác dụng: nghệ thuật phóng đại diễn tả mong muốn của người mẹ muốn con mình trở thành chàng trai khỏe mạnh có sức khỏe thần thông như Đam San phi phàm có sức thần thông phát mười Ka Lưi Biện pháp nghệ thuật qua lời ru thứ hai:“Mai sau...Ka Lưi: + Tác dụng: nghệ thuật phóng đại diễn tả mong muốn của người mẹ muốn con mình trở thành chàng trai khỏe mạnh có sức khỏe thần thông như Đam San phi phàm có sức thần thông phát mười Ka Lưi *** Nhóm 3** Ước vọng ở khúc hát ru thứ 3 có gì khác so với hai khúc hát ru trước: Người mẹ gửi trọn niềm tin mong mỏi vào giấc mơ của đứa con. Mẹ mong con ngủ ngoan, ngủ say có những giấc mơ đẹp, điều em mơ sẽ là điều mẹ ước ao, mong đợi ở nơi con yêu -> Giọng điệu lời ru thêm tha thiết, tin tưởng.=> Sự gắn bó giữa 2 mẹ con. Qua hai câu thơ: “ Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, con nằm trên lưng”. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật : + Nghệ thuật ẩn dụ -> Con là mặt trời của mẹ, là nguồn hạnh phúc ấm áp, gần gũi thiêng liêng của đời mẹ => Con góp phần sưởi ấm lòng tin yêu, ý chí của mẹ trong cuộc sống. lời ru của mẹ trong mối liên hệ với công việc mẹ đang làm: - Tự nhiên, chặt chẽ, phù hợp với hoàn cảnh công việc. + Mẹ giã gạo: Mơ gạo trắng ngần + Tỉa bắp: Mơ bắp lên đều + Giành trận cuối: Mơ thấy Bác Hồ, làm người tự do. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS ***** Tình cảm và ước vọng của người mẹ Tà Ôi được thể hiện ra sao qua 3 khúc hát ru này , cô trò ta cùng tìm hiểu tiếp b ***** Giáo viên chia lớp thành ba nhóm cho chọc sinh thảo luận tìm hiểu tình cảm và ước vọng của bà mẹ Tà Ôi qua các khúc hát ru	khổ anh dũng của quê hương đất nước. => Người mẹ Tà Ôi bền bỉ quyết tâm trong lao động, chiến đấu. Người mẹ ấy yêu con thắm thiết và cũng nặng tình thương buôn làng, quê hương, bộ đội, khát khao đất nước được độc lập tự do.

***** Người mẹ gửi trọn niềm tin mong mỏi vào giấc mơ của đứa con. Mẹ mong con ngủ ngoan, ngủ say có những giấc mơ đẹp, điều em mơ sẽ là điều mẹ ước ao, mong đợi ở nơi con yêu -> Giọng điệu lời ru thêm tha thiết, tin tưởng.=> Sự gắn bó giữa 2 mẹ con. " Con dù lớn vẫn là con của mẹ. Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con". => Các ước mong đều xuất phát từ công việc mẹ đang làm, hoàn cảnh cuộc sống, rất cụ thể, giản dị, mộc mạc nhưng cũng thật cháy bỏng tràn đầy niềm tin & hi vọng. + Những ước mơ ngày càng lớn, sự phát triển trong tình cảm ước mong của người dân kháng chiến -> Bố cục đặc sắc của bài thơ là sự lặp lại nhưng không đơn điệu mà là sự phát triển lên cao trong sự thống nhất. **Hoạt động 3: Tìm hiểu hình ảnh người mẹ Tà Ôi** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm: ? Từ hình ảnh, tấm lòng của người mẹ Tà Ôi, tác giả muốn thể hiện điều gì? (?Gợi: Từ tấm lòng và hình ảnh người mẹ Tà Ôi, nhà thơ muốn thể hiện tình cảm gì và của những ai ?) ? Qua 3 khúc hát ru em cảm nhận được điều gì về hình ảnh của bà mẹ Tà Ôi ? ? Em hãy khái quát những nghệ thuật đặc sắc của bài thơ ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **Học sinh** các nhóm trình bày kết quả thảo luận, giáo viên chốt những kiến thức cơ bản **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	4. H ướng dẫn tổng kết: a Nội dung- Ý nghĩa : * ND : Qua các khúc hát ru, tình yêu con của người mẹ Tà Ôi gắn liền với tình yêu nước, yêu cách mạng, niềm tin tưởng và lạc quan cách mạng. * Ý nghĩa của văn bản: + " Khúc hát ru…" Ca ngợi tình cảm thắm thiết và cao đẹp của bà mẹ Tà Ôi dành cho con, cho quê hương, đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước b Nghệ thuật:

	+ Sáng tạo trong hết cấu nghệ thuật, tạo nên sự lặp lại giống như những giai điệu của lời ru, âm hưởng của lời ru. + Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại. + Liên tưởng độc đáo, diễn đạt bằng những hình ảnh thơ có ý nghĩa biểu tượng. c Ghi nhớ: (SGK- 155)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi:

Khúc hát ru trong bài này có gì kế thừa & đổi mới so với những khúc hát ru truyền thống?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Kế thừa: Tình yêu con, muốn con nên người, giọng điệu ngọt ngào thắm thiết.

+ Mới : Kết hợp tình yêu con, yêu nước, yêu cách mạng-> hài hoà, nhịp vần có những đổi mới hiện đại trong thơ trữ tình.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

? Em hiểu như thế nào về ước mong, ý chí của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được thể hiện qua các khúc hát ru?

? Em nhận xét gì về hình ảnh của bà mẹ Tà Ôi ?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Ước mong có sức mạnh để lao động và chiến đấu, quyết tâm bảo vệ và giành độc lập, tự do cho đất nước.
+ Người mẹ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mĩ: tình yêu con hoà trong tình yêu nước, bền bỉ, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, gian nan để phục vụ cách mạng vì có tình yêu con, tình yêu nước và niềm tin, lạc quan cách mạng.

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc lòng, đọc diễn cảm bài thơ .

+ Trình bày nhận xét về giọng điệu của bài thơ "Khúc.....mẹ"

+ Soạn bài: "Ánh trăng" (Tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ, sưu tầm chân dung nhà thơ, hoàn cảnh sáng tác bài thơ, ý nghĩa của bài thơ, tìm hiểu bố cục, PTBĐ, nội dung và nghệ thuật của bài.v.v.)

*** Phiếu học tập số 1: vầng trăng trong hoài niệm và nỗi nhớ**

Thời gian	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng
Hồi nhỏ			
Thời chiến tranh			
Cảm nhận chung về vầng trăng			

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 12 - Tiết 57

Văn bản: **ÁNH TRĂNG**
(Nguyễn Duy)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

- Nhớ những kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

+ Hiểu sự kết hợp các yếu tố tự sự, nghị luận trong một tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại và tác dụng của nó.
+ Hiểu những ngôn ngữ, hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng lắng nghe tích cực, giao tiếp, thảo luận nhóm, thu thập và xử lí thông tin.v.v

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung nhà thơ Nguyễn Duy và tập thơ " Ánh trăng", Tham khảo tư liệu soạn giáo án.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Kể tên một số bài thơ, ca dao, truyện ngắn viết về trăng mà em biết

Gợi ý: Ngắm trăng, Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Đêm trăng thanh, Mảnh trăng cuối rừng...

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trăng là chủ đề quen thuộc, là nguồn cảm hứng vô tận của các nhà thơ. Cũng chọn chủ đề trăng làm cảm hứng sáng tác, nhưng Nguyễn Duy không giống các nhà thơ khác đi m.tả vẻ đẹp của ánh trăng, mà tác giả mượn ánh trăng để bộc lộ những suy nghĩ của riêng mình. Trong chiến tranh gian khổ, những người lính cách mạng từng sống gắn bó với thiên nhiên. Nhưng khi đã đi qua thời bom đạn, được sống trong không khí hoà bình giữa những tiện nghi hiện đại, không phải ai cũng nhớ những gian nan, những kỉ niệm tình nghĩa của thời đã qua. Bài thơ "Ánh trăng" là 1 lần "Giật mình" của Nguyễn Duy trước những điều vô tình dễ có ấy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.	**A. Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: + Tên khai sinh:Nguyễn Duy Nhuệ sinh 07/12/ 1948 + Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. 2. Tác phẩm:

d) Tổ chức thực hiện: **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **- GV đặt câu hỏi:** ? Hãy nêu những nét tiêu biểu về nhà thơ Nguyễn Duy ? ? Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đó có ý nghĩa gì? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Kết quả mong đợi: **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** *** Giáo viên** nhà thơ Nguyễn Duy và bổ sung: Nhà thơ từng là bộ đội thông tin, hiện nay là đại diện báo Văn nghệ tại thành phố HCM. Thơ Nguyễn Duy trẻ trung, linh hoạt và bất ngờ trong ngôn từ, cấu tứ mà lại thấm đượm âm hưởng dân ca đồng quê. Ông là 1 trong những nhà thơ đang được nhiều người tìm đọc. Ông đạt nhiều giải thưởng về thơ văn. Tác phẩm tiêu biểu " Cát trắng" 1973... ***** Năm 1978, 3 năm sau ngày giải phóng, chiến tranh đã lùi xa, không phải ai cũng nhớ về những kỉ niệm tình nghĩa, những vất vả gian nan của 1 thời đã qua. Bài thơ như 1 lời nhắc nhở mỗi người về lẽ sống thuỷ chung với quá khứ, ân tình với những hi sinh mất mát đã qua. Bài thơ được tặng giải A của Hội nhà văn Việt Nam năm 1984 **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV** hướng dẫn cách đọc : + Khổ 1,2,3: Giọng kể, nhịp thơ trôi chảy bình thường	+ Sáng tác năm 1978, in trong tập "Ánh trăng"

+ Khổ 4: Đột ngột rất cao, nhấn mạnh các từ: " thình lình, đột ngột"...thể hiện sự bất ngờ + Khổ 5,6: Thiết tha, trầm lắng cảm xúc suy tư, lặng lẽ **- GV đặt câu hỏi, HS thảo luận cặp đôi:** ? Bài thơ cần đọc với giọng điệu như thế nào ? ? Giải thích các từ: tri kỉ, người dưng, buyn đinh? ? Em hiểu gì về từ "thình lình", " Rưng rưng" ? ? Em nhận xét gì về thể thơ trong bài thơ này? ? Bài thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào? ? Nhìn vào các chữ đầu của bài thơ em thấy có gì đặc biệt so với bài thơ khác? ? Tác giả viết như vậy với dụng ý gì? ? Có người cho rằng bài thơ mang dáng dấp một của chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian em có đồng ý không? Tại sao? ? Bài thơ được viết theo trình tự nào? ? Bài thơ có thể chia thành mấy phần? Nội dung từng phần ntn? Hãy chia và đặt tiêu đề cho từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nghĩa của từ + Thình lình: một cách hết sức bất ngờ không thể ngờ trước + Rưng rưng: nước mắt ứa ra đọng đầy trong mắt tuy chưa chảy thành giọt Nhìn vào các chữ đầu của bài thơ , điểm đặc biệt so với bài thơ khác : Những chữ đầu dòng không viết hoa. → Tác dụng : Nhà thơ muốn cho mạch cảm xúc được dào dạt trôi theo dòng chảy của thời gian, của kỉ niệm Bài thơ được viết theo trình tự : Quá khứ, hiện tại và suy ngẫm Bố cục : - 1: 2 khổ thơ đầu: Vầng trăng kỉ niệm - 2: Khổ 3 + 4: Vầng trăng hiện tại - 3: Khổ 5 + 6: Cảm xúc suy ngẫm của tác giả **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**B. Đọc - hiểu văn bản:** 1. Đọc-chú thích: 2. Thể loại- Bố cục: + Thể thơ: 5 chữ + PTBĐ: Tự sự + Biểu cảm + Bố cục: 3 phần

GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu vầng trăng trong hoài niệm và nỗi nhớ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi lại đoạn văn đầu tiên. *** GV gọi học sinh đọc 2 khổ thơ đầu và trả lời câu hỏi :** **Nhóm 1.3 :** ? Hai khổ thơ kể về chuyện gì? ? Vầng trăng tuổi thơ hiện lên trong không gian như thế nào? ? Từ nào được lặp lại? Tác dụng? **Nhóm 2,4 :** ? Khi đã là người lính, trăng gắn bó với tác giả ra sao? Tác giả đã sử dụng phép tu từ nào ở đây? ? Vì sao giữa con người và vầng trăng trở thành tri kỉ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** Vầng trăng tuổi thơ hiện lên trong không gian : + Không gian bao la: đồng, sông, bể + Từ "với" được điệp lại 3 lần nhằm diễn tả 1 tuổi thơ đi nhiều, được hạnh phúc, cảm nhận những vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên từng được ngắm trăng trên đồng quê, ngắm trăng trên dòng sông, trên bãi biển. => Đó là kỉ niệm đẹp con người sống gắn bó với thiên nhiên, quê hương yêu dấu **Nhóm 2,4 :** Khi đã là người lính, trăng gắn bó với tác giả : + Là người tri kỉ, thân, hiểu mình	3. Phân tích:

+ Trăng với người thân thiết với nhau, hiểu nhau như đôi bạn không thể thiếu nhau được. Trăng chia ngọt xẻ bùi, trăng đồng cam cộng khổ Trăng và người trở thành tri kỉ : + Vì khi đó, cuộc sống giản dị, chân thật, hòa hợp với thiên nhiên: Trần trụi với thiên nhiên Hồn nhiên như cây cỏ + Trăng khi đó là trò chơi của tuổi thơ cùng với ước mơ trong sáng. + Trăng khi đó là ánh sáng trong đêm tối chiến tranh, là niềm vui bầu bạn của người lính trong gian lao thử thách, gian khổ thiếu thốn. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: ***** Tuổi thơ của chúng ta có lẽ ai cũng được gắn bó với vầng trăng yêu dấu. Trong thơ Trần Đăng Khoa có lúc ông đã viết: " Ông trăng tròn sáng tỏ. Soi rõ sân nhà em." Song vầng trăng tuổi thơ của Nguyễn Duy trải rộng trên một khoảng không gian bao la: Đồng, sông, bể. Dù ở đâu, đi đâu trăng cũng ở bên cạnh nhà thơ. ***** Người chiến sĩ ngủ dưới trăng: "Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm". Giữa rừng khuya sương muối, người chiến sĩ đứng chờ giặc tới "Đầu súng trăng treo". Nẻo đường hành quân nhiều đêm đã trở thành "nẻo đường trăng dát vàng"-> Trăng chia sẻ ngọt bùi, sẻ chia niềm vui thắng trận. * Vầng trăng là biểu tượng của cái đẹp của những năm tháng đó trở thành vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa ngỡ không bao giờ quên. Vầng trăng không những là người bạn tri kỉ biểu tượng cho quá khứ tình nghĩa, trăng là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống	a Vầng trăng trong hoài niệm và nỗi nhớ: * Hồi nhỏ: + Điệp ngữ " với"-> Vầng trăng gắn với những kỉ niệm đẹp, trong sáng thời thơ ấu nơi làng quê. * Thời chiến tranh: (người lính) + Nhân hoá: Vầng trăng là người bạn tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa + Giọng thơ tự nhiên như lời kể => Tuổi thơ cho đến khi trưởng thành vầng trăng đẹp, gắn bó sâu nặng, thân thiết, nghĩa tình với con người. => Trăng là thiên nhiên, đất nước, người bạn bình dị, hiền hậu, nghĩa tình, trong sáng và thuỷ chung, là vẻ đẹp vĩnh hằng của đời sống.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng được nhà thơ thể hiện như thế nào qua hai khổ thơ đầu tiên ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung

+ Tình cảm gắn bó khăng khít giữa con người với vầng trăng: trăng gắn với những kỉ niệm tuổi thơ nơi làng quê yêu dấu, trăng là người bạn tri âm, tri kỉ trong thời chiến tranh -> Từ khi còn nhỏ tới khi trưởng thành (là người lính) vầng trăng với người sống nghĩa tình với nhau như bạn bè thân thiết không thể tách rời.

.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc bài thơ, phân tích khổ thơ thứ nhất

+ Phân tích tiếp các khổ thơ còn lại của bài thơ

(Tình cảm của người đối với trăng trong cuộc sống hiện tại, suy ngẫm của tác giả về những sự việc xảy ra -> rút ra ý nghĩa, bài học cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống những gì thuộc về quá khứ)

*** Phiếu học tập số 1: vầng trăng trong hiện tại**

Thời gian	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng
Khi về thành phố			
Tình huống gặp lại trăng			

*** Phiếu học tập số 2: Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả**

	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng
Tư thế			
Cảm xúc			
Bài học chung			

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 12 - Tiết 58

Văn bản : **ÁNH TRĂNG (Tiếp)**
(Nguyễn Duy)

A.Mục tiêu bài dạy:

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nắm và nhớ những kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

+ Hiểu sự kết hợp các yếu tố tự sự, nghị luận trong một tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại và tác dụng của nó.

+ Hiểu những ngôn ngữ, hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung nhà thơ Nguyễn Duy và tập thơ " Ánh trăng", Tham khảo tư liệu soạn giáo án.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Thật vậy, cuộc sống luôn chảy trôi, con người bị cuốn vào vòng xoay cơm áo gạo tiền và đôi khi chúng ta quên mất những thứ đã từng là tình nghĩa, là động lực, là tri kỉ. Để rồi khi bắt gặp lại chính hình ảnh đó, con người không thể không giật mình nhìn lại và suy ngẫm về thái độ, cách cư xử của mình với người bạn tri kỉ ngày xưa. Bài

học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung còn lại của bài thơ, để hiểu rõ hơn điều mà nhà thơ Nguyễn Duy muốn nói với mọi người về cách sống hôm nay.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu hình ảnh vầng trăng trong hiện tại** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1 : GV gọi học sinh đọc khổ 3** **Sử dụng phiếu học tập số 1 đã chuẩn bị ở nhà:** ? Trong hoàn cảnh nào thì tình cảm của tác giả với vầng trăng đã thay đổi? ? Nguyên nhân của sự thay đổi đó? ? Khi ấy con người có thái độ như thế nào với trăng ? ? Đọc em có nhận xét gì về giọng điệu và cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh của khổ thơ thứ 3 có điều gì đặc biệt? Tác dụng của cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu đó? ? Theo em trăng không quen biết người hay người xa lạ với trăng? ? Qua đây tác giả muốn phản ánh quy luật nào của cuộc sống con người? **Nhiệm vụ 2: HS theo dõi khổ 4** ? Vầng trăng xuất hiện trong tình huống nào? Tình huống gặp lại vầng trăng có gì đặc biệt? ? Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ miêu tả của tác giả? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Khi về thành phố thì tình cảm của tác giả với vầng trăng đã thay đổi :	b Vầng trăng trong hiện tại: + Khi về thành phố: cuộc sống hiện đại, đầy đủ tiện nghi, con người không cần đến trăng. -> vầng trăng- như người dưng qua đường + Nhân hoá, so sánh diễn tả thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, xa lạ, không quen biết, không quan tâm của con người đối với trăng. => Cuộc sống hiện đại khiến con người dễ dàng quên những giá trị trong quá khứ. + Tình huống gặp lại trăng: Mất điện, phòng tối. + Nhiều động từ liên tiếp, từ láy, đảo trật tự từ, giọng thơ đột ngột cất cao-> cuộc gặp gỡ bất ngờ con người nhận ra sự vô tình của mình.

Nguyên nhân của sự thay đổi: + Khi chiến tranh kết thúc, sự khó khăn gian khổ của chiến tranh đã lùi xa cuộc sống trở lại bình yên -> người lính năm xưa đã thay đổi hoàn cảnh sống, chuyển từ trong rừng núi ra thành phố, chuyển từ lán trại nghèo khổ của cuộc chiến tranh về căn phòng hiện đại sáng choang với cửa gương ánh sáng điện -> Cuộc sống phồn hoa đầy đủ tiện nghi: con người không cần đến ánh trăng, không cần một người bạn như trăng. + Như người dưng qua đường" + Trăng vẫn là trăng cũ, nhưng người không còn là người xưa. Người xa lại với trăng-> Cả 2 tự thấy xa lạ với nhau + Bốn câu thơ với 2 từ "thình lình, đột ngột" được đảo trật tự tạo nên nhịp thơ nhanh, nhấn mạnh sự việc bất thường:đèn điện tắt, phòng tối ->Không gian chật hẹp của phòng tối + Vầng trăng vẫn tròn, đẹp như xưa **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** Tác giả đã phản ánh quy luật , đó là khi người ta thay đổi hoàn cảnh có thể dễ dàng lãng quên quá khứ, nhất là quá khứ nhọc nhằn, gian khổ. Trước vinh hoa phú quý, người ta dễ có thể phản bội lại chính mình, thay đổi tình cảm với nghĩa tình đã qua * Cách so sánh trong khổ thơ thật thấm thía làm chột dạ bao người. Chính vì giọng thơ và hình ảnh so sánh, nhân hoá ấy đã làm cho chất trữ tình của lời thơ trở nên sâu lắng chân thành hơn. * Trăng và người - đến với nhau thật ngẫu nhiên vô tình. Sự xuất hiện của vầng trăng tròn đầy đặn, tình nghĩa trước sụ vô tình của con người lên đến điểm đỉnh. Mất điện phòng tối để con người nhận ra ánh trăng, kéo con người trở lại với trạng thái ban đầu, làm thức tỉnh con người không nên quên quá khứ **Hoạt động 2: Tìm hiểu những cảm xúc và suy ngẫm của tác giả** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS	

d) Tổ chức thực hiện: **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: *** Học sinh đọc lại 2 khổ thơ cuối** ? Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả tư thế, tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi đột ngột gặp lại vầng trăng ? ? Vì sao tác giả viết " Ngửa mặt lên nhìn mặt" mà không viết " ngửa mặt lên nhìn trăng"? ? Cảm xúc "rưng rưng- như là đồng là bể, như là sông là rừng" phản ánh tâm trạng như thế nào ? ? Hình ảnh vầng trăng gợi nhớ gì cho nhà thơ ? ? Có ý kiến cho rằng: khổ cuối bài thơ tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng, chiều sâu tư tưởng mang tính chất triết lí của tác phẩm. Em có đồng ý với ý kiến ấy không? Vì sao? ? Nêu ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh "Trăng cứ tròn vành vạnh, vầng trăng im phăng phắc" ? Em cảm nhận như thế nào về cái giật mình của tác giả? ? Qua đây nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì tới tất cả chúng ta? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Nếu tác giả viết " Ngửa mặt lên nhìn mặt" thì rất đỗi bình thường. Mặt thứ 2 hiểu là mặt trăng - người bạn tri kỉ, tình nghĩa mà bấy lâu nay con người vô tình. Nay đối diện với sự thuỷ chung tình nghĩa của vầng trăng đã làm lay động lòng người vô tình. Con người bỗng nhận thấy 2 ta tuy 2 là 1 tuy 1 mà là 2. Cảm xúc của tác giả : Tác giả nghẹn ngào muốn khóc mà không khóc được. Hình ảnh vầng trăng khiến nhà thơ gợi nhớ: Sông, bể, núi rừng, đồng.... những nơi anh đã đi qua, nơi anh đã sống, đã gắn bó, thậm chí đã để lại 1 phần máu thịt **Thông điệp:** Con người có thể vô tình, lãng quên quá khứ, nhưng thiên nhiên, nghĩa tình, quá khứ thì tròn đầy, bất diệt, bao dung, độ lượng	c Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả: + Tư thế "ngửa mặt nhìn mặt": người và trăng đối diện với nhau. + Cảm xúc dâng trào: Có cái gì rưng rưng... -> Những từ không cụ thể gợi tả tâm trạng.

=> Hãy biết trân trọng và gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Con người lãng quên quá khứ là kẻ phản bội lại chính mình. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Tác giả nghẹn ngào muốn khóc mà không khóc được. Sự rung động của người đã từng trải nghiệm. Trăng đây không còn là hình ảnh thiên nhiên, ánh sáng mà là hình ảnh quá khứ trọn vẹn của nhà thơ. Đó là cảm xúc trong niềm xót xa, ân hận. + Không phải con người vô tâm đến thế, kí ức đó chỉ tạm lắng xuống trong lúc con người bận rộn có thể quên đi nhưng chỉ cần một động tác nhỏ nó sẽ trỗi dậy nguyện vẹn có khi còn đằm thắm hơn. + Vầng trăng im phăng phắc-> nhân hóa trăng như con người độ lượng bao dung không trách móc về sự vô tình, lãng quên của con người, mà để con người tự nhìn lại mình + Giá như trăng cứ cất lời trách móc hay ẩn mình dưới đám mây thì có lẽ lòng người vô tình đỡ day dứt. Nhưng không trăng vẫn lặng lẽ toả sáng, cống hiến khiến cho ta "giật mình" + Cái giật mình đó không phải giật mình theo phản xạ tự nhiên mà cái giật mình của lương tâm mà giật mình để nhớ lại, để nối hiện tại với quá khứ đã đi qua, để tự vấn lương tâm, để con người tự hoàn thiện mình. + Có người cho rằng nếu không mất điện thì liệu nhà thơ có giật mình, thức tỉnh không? đây là cách dẫn mạch cảm xúc nhà thơ muốn nói với chúng ta ai cũng tình quên đi những gì tốt đẹp. Nhưng nếu không có sự thức tỉnh, không có những lần giật mình nhìn lại lương tâm thì biết đâu chúng ta đang đánh mất chính mình, đánh mất những điều quí giá và sau cái giật mình mình để con người sẽ hướng thiện tốt đẹp hơn. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:**	

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Nêu chủ đề, ý nghĩa khái quát của bài thơ? ? Bài thơ Ánh trăng có ý nghĩa như thế nào? ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**4. Tổng kết:** c Nội dung- ý nghĩa : *ND : Lời nhắc nhở thầm kín về thái độ, tình cảm với quá khứ gian lao, nghĩa tình với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. * Ý nghĩa của văn bản: + Khắc họa một khía cạnh trong vẻ đẹp của người lính sâu nặng, nghĩa tình, thủy chung sau trước. b Nghệ thuật: + Nghệ thuật kết cấu kết hợp giữa tự sự và trữ tình, tự sự làm cho trữ tình trở nên tự nhiên mà cũng rất sâu nặng. + Sáng tạo nên hình ảnh thơ có nhiều tầng ý nghĩa: Trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên, tự nhiên, là người bạn gắn bó với con người; là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp của đời sống tự nhiên vĩnh hằng. c Ghi nhớ: (SGK- 157)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi:
Đọc những câu thơ gần gũi với chủ đề của Nguyễn Duy
? Tại sao chúng ta không nên lãng quên quá khứ?
? Trong cuộc sống có hiện tượng lãng quên, phủ nhận quá khứ không? Lấy ví dụ minh hoạ?
? Thái độ của chúng ta đối với những hành vi đó?
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu:
? Bài thơ có sự sáng tạo như thế nào trong cách khai thác đề tài về trăng ?
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Gv đặt câu hỏi : ? Bài thơ có sự sáng tạo như thế nào trong cách khai thác đề tài về trăng ?
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
+ Là đề tài quen thuộc trong các bài thơ trữ tình, ca ngợi trăng đẹp, trăng thơ mộng, trăng lãng mạn, trăng như bạn tri âm, tri kỉ.v.v.
+ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy lại không miêu tả vẻ đẹp của ánh trăng mà là cách nhìn nhận về những kỉ niệm, giá trị tinh thần trong quá khứ-> nhắc nhở con người phải biết trân trọng quá khứ, sống có nghĩa tình, thuỷ chung với quá khứ.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học bài, nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích.
+ Cảm nhận và phân tích được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích.
+ Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.
+ Chuẩn bị: "Sự phát triển của từ vựng." (Tiếp theo)
(Tham khảo các tư liệu, tra Từ điển, chuẩn bị các bài tập SGK...)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 12 - Tiết 59
Tiếng Việt: TỔNG KẾT TỪ VỰNG
(Luyện tập tổng hợp)
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:

+ Hệ thống các kiến thức về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường từ vựng, từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ từ vựng.
+ Tác dụng của việc sử dụng các pháp tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trao đổi
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ ghi ví dụ, từ vựng Tiếng Việt

2. Chuẩn bị của học sinh: Nội dung ôn tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv trình chiếu ví dụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Giáo viên nêu lại những kiến thức đã tổng kết ở các tiết trước & nội dung tiết tổng kết –luyện tập tổng hợp.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** biết cách tạo từ ngữ mới **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv chia lớp thành 4 nhóm thảo luận:	**Bài tập số 1** (SGK- 158) - Dùng từ "gật đầu" thích hợp hơn * Ý nghĩa biểu đạt: Tuy món ăn đơn sơ, đạm bạc nhưng đôi vợ chồng nghèo vẫn ăn rất ngon miệng vì họ biết chia sẻ niềm vui đơn sơ trong cuộc sống. Bài tập số 2 (SGK- 158) + Người vợ không hiểu cách nói chuyển nghĩa (bằng phương thức hoán dụ). " chỉ có 1 chân sút": Cách nói này có nghĩa là cả đội bóng chỉ có 1 người giỏi ghi bàn thôi. Bài tập số 3 (SGK- 158)

*** Giáo viên chiếu bài tập số 1,2,3,4,5,6** cho học sinh đọc và nêu yêu cấu của các bài tập **Làm nhóm(5 phút)** **Nhóm 1:** bài 1,2 **Nhóm 2:** bài 3,4 **Nhóm 3:** 5,6 - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:**	+ Những từ được dùng theo nghĩa gốc: miệng, chân, tay - Những từ được dùng theo nghĩa chuyển: + Vai: phương thức hoán dụ (lấy bộ phận chỉ toàn thể) + Đầu: phương thức ẩn dụ (dùng trong từ đầu súng) so sánh ngầm với tinh thần chiến đấu trong sự lãng mạn. Bài tập số 4 (SGK-159) + Nhóm 1: Đỏ, xanh, hồng -> Trường từ vựng chỉ màu sắc + Nhóm 2: Lửa, cháy, tro -> Trường từ vựng liên quan đến lửa Cái hay trong cách dùng từ trên là: 2 trường từ vựng cộng hưởng với nhau về ý nghĩa để tạo nên 1 hiện tượng về chiếc áo đỏ bao trùm cả không gian. Bài tập số 5 (SGK-159) + Cách đặt tên: Dùng từ ngữ có sẵn để đặt tên với nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên. Ví dụ: Rạch -> Rạch mái ngầm Ví dụ: Kênh -> Kênh 3 khía,... * 5 ví dụ: + Cà tím (Quả cà tím, màu tím hoặc nửa tím nửa trắng) + Cá kìm (cá biển có hàm dưới nhô ra, nhỏ và dài như cái kìm) + Chè móc câu (chè búp nhọn, cánh săn, nhỏ và cong như hình cái móc câu) + Chim lợn (cú có tiếng kêu eng éc như lợn) + Ớt chỉ thiên (ớt quả nhỏ, quả chỉ thẳng lên trời) + Ong ruồi (ong mật, nhỏ như ruồi) Bài tập số 6 (SGK-) + Ông sánh chữ đang trong tình thế nguy cấp vẫn bày trò phân biệt tiếng tây, tiếng ta -> Phê phán thói sánh dùng chữ không đúng lúc đúng chỗ. => Cần hiểu rõ nghĩa của từ để sử dụng đúng. Khi đã có từ Thuần Việt biểu đạt đúng sắc thái, tình cảm, ý nghĩa thì không cần dùng từ mượn.

+ Xem lại toàn bộ các bài tổng kết từ vựng đã học

+ Tập viết đoạn văn có sử dụng một trong số các phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa,

hoán dụ, nói quá, nói giảm, núi tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

+ Đọc & chuẩn bị bài: " Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận".

*** Phiếu học tập:**

Câu	Yếu tố NL	Vai trò của yếu tố NL	Bài học

*** Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố NL**

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tiết 32

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ
CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Đoạn văn tự sự.
+ Các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo tư liệu soạn giáo án, chuẩn bị một số văn bản tự sự mẫu có yếu tố nghị luận, chuẩn bị bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài theo hướng dẫn: Ôn tập và trả lời câu hỏi SGK, chuẩn bị bảng nhóm

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv đặt câu hỏi :

? Em hãy nêu dấu hiệu dùng để nhận diện yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự ?
? Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
* Dấu hiệu nhận biết yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:
+ Trong văn bản tự sự, nghị luận thường được thể hiện ở các cuộc đối thoại (hoặc đối thoại nội tâm) trong đó người viết thường nêu các nhận xét, phán đoán, suy nghĩ, đánh giá,các lí lẽ, bàn luận trong văn bản tự sự là những yếu tố nghị luận, nhằm làm thuyết phục người đọc, người nghe (có khi thuyết phục chính mình) về 1 vấn đề, 1 quan điểm, 1 tư tưởng nào đó.
+ Các loại câu thường dùng: nghi vấn, khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng.
+ Các từ lập luận có tính chất kết luận, khẳng định, liệt kê, tổng hợp, tương phản, đối ý.v.v.
* Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:
+ Khắc hoạ rõ nét chân dung của nhân vật về tư tưởng, quan điểm.v.v.-> làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, có tính triết lí.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt:. Giáo viên chốt lại kiến thức cơ bản trong phần kiểm tra bài cũ => nêu mục đích của giờ học: luyện tập cho học sinh quen với việc đưa các yếu tố nghị luận vào đoạn văn tự sự.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Sự việc được kể, người kể, ngôi kể, trình tự kể...có gì cần chú ý ? ? Trong đoạn văn tự sự, các yếu tố nghị luận đòi hỏi yêu cầu nào? **Nhiệm vụ 2:** **GV** gọi học sinh đọc đoạn văn " Lỗi lầm và sự biết"(SGK- 160) **Sử dụng phiếu học tập đã chuẩn bị để phân tích** ? Đoạn văn kể về SV gì?	**I Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự:** 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/160 Đoạn văn " Lỗi lầm và sự biết ơn" * Yếu tố nghị luận được thể hiện trong đoạn văn: + Câu trả lời của người bạn được cứu. + Câu kết của văn bản. -> Yếu tố nghị luận đan xen trong đoạn văn tự sự. Làm rõ hơn vấn đề ứng xử của con người với nhau. => Có tính chất triết lí về cái "giới hạn" và cái "trường tồn" trong đời sống tinh thần của con người. <=>Yếu tố nghị luận làm tăng sức thuyết phục với người đọc, người nghe, làm người đọc, người nghe hiểu sâu hơn về vấn

? Trong đoạn văn trên, yếu tố nghị luận được thể hiện trong những câu văn nào ? ? Chỉ ra vai trò của yếu tố nghị luận trên trong việc làm nổi bật nội dung đoạn văn? ? Giả định câu chuyện không có những câu văn trên thì sẽ như thế nào? ? Bài học được rút ra từ câu chuyện là gì? + Bài học về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình. ? Vậy yếu tố nghị luận có vai trò như thế nào trong đoạn văn tự sự? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Đoạn văn kể về SV : Chuyện 2 người bạn cùng đi trên sa mạc. - Yếu tố nghị luận thể hiện rõ trong câu trả lời của người bạn được cứu và trong câu kết của văn bản. + Câu 1: " Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xoá nhoà theo thời gian, nhưng không ai có thể xoá được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người." + Câu 2: " Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá." + Làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, giàu tính chiết lí và có ý nghĩa giáo dục cao. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV chuẩn kiến thức:** - Yếu tố nghị luận làm rõ hơn cách ứng xử của con người với nhau: Nên bao dung, độ lượng với những lỗi lầm và ghi nhớ công ơn của người khác (quên những cái cần quên, nhớ những cái cần nhớ) => Đó là ứng xử có văn hoá. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.	đề.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : Nhóm 1,3: bài 1 *** GV** gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu bài tập 1 *** Giáo viên** đưa 1 đoạn văn hs đã chuẩn bị (gửi trên trường học kết nối) Thứ 7 vừa qua, tiết cuối cùng lớp em lại sinh hoạt lớp như thường lệ. Mai Lan- lớp trưởng lên điều khiển sinh hoạt, không khí buổi sinh hoạt thật sôi nổi. Sau phần nhận xét các ưu nhược điểm của lớp là đến phần kiểm điểm của các cá nhân vi phạm nội quy trường lớp làm ảnh hưởng đến tập thể. Đến phần tự kiểm điểm của bạn Nam, 1 số bạn cho rằng: Nam là người bạn không tốt vì Nam đã mách cô về việc các bạn bỏ học đi xem đá bóng. Nam ít nói lại không biết thanh minh. Thấy vậy nên tôi đưa ra ý kiến: " Nếu ai cũng bỏ học tự do như các bạn thì đâu còn nội quy tổ chức lớp nữa. Nam có làm như vậy mới giúp các bạn nhận ra khuyết điểm của mình mà sửa chữa chứ. Vả lại Nam rất hay giúp đỡ các bạn trong lớp những lúc các bạn gặp khó khăn. Như vậy Nam đâu phải là người bạn không tốt như một số bạn đánh giá, phải không các bạn? " ? Chỉ rõ yếu tố nghị luận trong đoạn văn trên? **(Thảo luận nhóm bàn- 3 phút: KN tự tin, giải quyết vấn đề, tìm kiếm thông tin…)** **(đã chuẩn bị ở nhà)** a. Buổi sinh hoạt lớp diễn ra thế nào? (Thời gian, địa điểm, ai là người điều khiển, không khí của buổi sinh hoạt ra sao?) b. Nội dung của buổi sinh hoạt là gì? Em đã phát biểu về vấn đề gì? Tại sao lại phát biểu về việc đó? c. Em đã thuyết phục cả lớp rằng Nam là người bạn rất tốt như thế nào (Lý lẽ, ví dụ, phân tích...)? * Giáo viên gọi các nhóm trình bày kết quả thảo luận-> học sinh nhận xét, sửa lại (nếu cần) **Nhóm 2,4: bài 2** * Đọc đoạn văn mẫu S.G.K- 161 ? Hãy tìm các câu văn nghị luận trong đoạn văn trên ? ? Tác dụng của các câu văn nghị luận đó trong đoạn văn tự sự ?	**B. Luyện tập:** Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận **Bài tập số 1 (SGK- 161)** Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến chứng minh " Nam là người bạn tốt. " ? **Bài tập số 2 (SGK-161)** Viết đoạn văn kể về việc làm, lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của một người thân làm cho em cảm động?

? Ở câu cuối đoạn trích, tác giả đã lồng ghép các yếu tố nghị luận vào đoạn văn như thế nào? *** G.viên** phát phiếu học tập cho các nhóm yêu cầu học sinh đọc đoạn văn mẫu. * Đoạn văn mẫu: " Ông tôi vẫn như xưa, tóc bạc trắng, dáng người cao to, mặt hồng hào trông thật phúc hậu. Lúc đầu tôi cảm thấy ngỡ ngàng thật sự vì đã năm năm nay từ khi ông mất, tôi đã không còn gặp ông nữa. Tôi chạy tới sà vào lòng ông. Bàn tay ấm áp của ông xoa nhè nhẹ đầu tôi, ánh mắt ông nhìn tôi trìu mến như ông chưa hề cách xa chị em tôi ngày nào…Tôi được nghe lại giọng nói quen thuộc của ông. Trong câu chuyện, ông phê bình tôi tội lười học và nói dối bố mẹ. Giọng ông trầm xuống, như thoáng có nỗi buồn: - Ông rất buồn vì cháu đã không còn biết vâng lời ông như trước. Ông thất vọng vì cháu bao nhiêu thì thương cháu bấy nhiêu. Cháu nghĩ mình học hộ ai hay sao? Cháu quên trách nhiệm của mình mất rồi. Ông nói đến đây, tôi chợt nhớ lời dặn dò của ông trước lúc đi xa. Ông dặn các con phải yêu thương nhau, giúp đỡ lẫn nhau, với các cháu ông khuyên phải chăm chỉ học để làm người sống có ích cho xã hội. Riêng với tôi, đứa cháu gái nội thì ông dặn học sao cho rạng danh con cháu họ Phạm nhà mình. Bây giờ, nghe ông nói, lòng tôi trĩu nặng nỗi ân hận, tôi đã khóc một cách cay đắng cho lỗi lầm của mình…" ? Em có nhận xét gì về yếu tố nghị luận trong văn bản trên ? * G.viên hướng dẫn học sinh: Nội dung đoạn văn có thể nêu 1 số ý sau: a) Người em kể là ai? b) Người đó đã để lại 1 việc làm, lời nói hay một suy nghĩa? Điều đó diễn ra trong hoàn cảnh nào? c) Nội dung cụ thể là gì? Nội dung đó giản dị mà sâu sắc, cảm động như thế nào? d) Suy nghĩ về bài học rút ra từ câu chuyện trên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** * Học sinh dựa vào phần bảng phụ để viết đoạn văn theo yêu cầu trong vòng 10 phút. Sau đó giáo viên cho học sinh trình bày và chữa.	

* Các nhóm đọc đoạn văn của mình, nhóm khác nhận xét.-> Giáo viên rút kinh nghiệm về kĩ năng đưa yếu tố nghị luận vào đoạn văn tự sự. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Theo em yếu tố nghị luận có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự ? Cách viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Học sinh thảo luận, viết kết quả thảo luận ra nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

+ Làm tăng sức thuyết phục cho người đọc về vấn đề, làm người đọc, người nghe hiểu sâu hơn về vấn đề trình bày.

+ Các yếu tố nghị luận là những nhận xét, đánh giá, bàn bạc trong văn tự sự. Là cách lập luận, đưa lí lẽ nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tin và hiểu theo một vấn đề nào đó.

+ Đưa các yếu tố nghị luận đúng lúc đúng chỗ, không quá nhiều, tránh gây nặng nề cho người đọc, nghe

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Rút ra được bài học trong việc viết đoạn văn tự sự có sử dụng kết hợp được các yếu tố nghị luận: đoạn văn được sắp xếp nhằm mục đích tự sự, các yếu tố nghị luận được đưa vào bài chỉ khi cần thiết và không làm ảnh hưởng tới việc kể chuyện.

+ Viết một đoạn văn tự sự kể lại một sự việc trong một câu chuyện đã đọc.

+ Đọc và chuẩn bị: " Làng" (Kim Lân)

(Tìm hiểu các nét chính về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt tác phẩm, thể loại, PTBĐ, các nội dung và nghệ thuật chính, phân tích nhân vật chính ông Hai…)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 13 - Tiết 61.

Văn bản: **LÀNG**

(Kim Lân)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:
+ Nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại
+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại.
+ Tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.
2. Năng lực:
+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, ra quyết định, hợp tác, giải quyết vấn đề, tìm kiếm và xử lí thông tin.
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Chân dung nhà thơ, tác phẩm, máy chiếu.
2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, tình huống truyện, diễn biến tâm lí nhân vật.
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU
a. Mục tiêu: :
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt:
Khi ta ở đất chỉ nơi ta ở
Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn ”
Nhà thơ Chế Lan Viên đã nói hộ bao người tình cảm đối với quê hương, đất tổ thiết tha, sâu nặng. Có lúc tình cảm là nỗi nhớ da diết về làng quê, trong những hoàn cảnh đặc biệt, tình yêu & nỗi nhớ quê hương đó lại trở thành máu thịt, danh dự, lòng tự hào của mỗi con người khi xa quê. Ông Hai trong tác phẩm “ Làng” của Kim Lân là một trong số những con người có tình cảm như thế. Cô trò ta cùng tìm hiểu về tình yêu làng của ônh Hai qua bài học hôm nay.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**	**A. Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: Kim Lân (1920-2007)

a. Mục tiêu: tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** **GV đặt câu hỏi:** Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Kim Lân? ? Cho biết xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn " Làng" ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên** giới thiệu chân dung nhà văn Kim Lân và bổ sung: Kim Lân bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn Kim Lân thường tập trung ở khung cảnh nông thôn & hình tượng người nông dân, thể hiện không khí tiêu điều, ảm đạm của nông hôn Việt Nam & cuộc sống vất vả, lam lũ của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Ngòi bút Kim Lân đặc biệt hấp dẫn khi viết về những cảnh sinh hoạt phong phú ở thôn quê với những thú chơi lành mạnh như đánh vật, chọi gà, thả chim.v.v. Qua đó hể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước cách mạng: sống cực nhọc, nghèo khổ nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, tài hoa. Sau cách mạng tháng Tám ông vẫn tiếp tục viết về làng quê Việt Nam & gặt hái được những thành công mới ở đề tài sở trường của mình với những tập truyện ngắn: ‘‘ Nên vợ nên chồng (1955) & ‘‘ Con chó xấu xí (1962) Vợ nhặt .v.v. + Là tác phẩm thành công của văn học Việt Nam thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Tác phẩm được đăng lần đầu tiên trong tạp chí văn nghệ năm 1948. *** Giáo viên** bổ sung phần ‘‘ Nhà văn nói về tác phẩm”:"Sau ngày toàn quốc kháng chiến, gia đình tôi tản	+ Là cây bút có sở trường về truyện ngắn. + Am hiểu, gắn bó với nông thôn và người nông dân-> có những truyện ngắn đặc sắc về đề tài nông thôn. 2. Tác phẩm: + " Làng" sáng tác trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. + Lần đầu tiên đăng trên báo văn nghệ năm 1948.

cư lên Cao Thượng – Nhã Nam (nay đổi tên thành Tân Yên). Làng tôi có nhiều người buôn bán nên dân làng tản cư lên vùng này rất đông. Lúc đó vào khoảng năm 1947, gia đình tôi & gia đình anh Nguyên Hồng, cùng ở nhờ 1 nhà chủ trong 1 làng nhỏ. Truyện"Làng" được tôi viết ở đây" Ở truyện này hầu hết các chi tiết đều bắt nguồn từ sự thực. Những chi tiết: Tác giả Kim Lân nghe thấy tin làng chợ Dầu của mình theo giặc, vì tác giả yêu làng, thương làng nên không tin làng mình theo giặc. Nhân vật ông Hai do tác giả xây dựng lên để phản ánh tình yêu nước của những người nông dân & cũng là nói hộ lòng mình. Sau này rất nhiều nhà văn, thơ gọi Kim Lân là ông Hai vì Kim Lân có nhiều nét giống ông Hai quá. Tính hay khoe làng là của bà mẹ anh Nguyên Hồng. Bà muốn nói: "Chẳng qua vì chiến tranh mà tôi phải nhờ cậy bà con ở đây thôi." Nhân vật ông Hai khi nói chuyện với con, chính là những câu anh Nguyên Hồng thường hay hỏi con khi nằm cùng con những trưa hè. Thế nhà con ở đâu? Thế con có thích về làng chợ Dầu không? Thế con ủng hộ ai ?.v.v. rất hợp với khung cảnh & tính cách của ông Hai. Tác giả dù có hư cấu hay xây dựng trên sự thật, tất cả nhân vật trong truyện ngắn làng đều rất sinh động & mang ý nghĩ điển hình. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên hướng dẫn đọc:** Giọng chậm, thể hiện cảm xúc, tâm trạng của ông Hai, chú ý ngôn ngữ độc thoại, đối thoại.Chú ý những từ địa phương, lời ăn tiếng nói của người nông dân lao động. Ở đoạn đầu giọng, bất ngờ, ngạc nhiên, xen lẫn tủi hổ, đoạn giữa cay đắng, xót xa, tủi hờn, đoạn cuối (khi nói chuyện với con) giọng dứt khoát thể hiện suy nghĩ & quyết tâm hành động của ông Hai. *** Giáo viên đặt câu hỏi :** ? Xác định các sự việc và nhân vật chính?	**B. Đọc-hiểu văn bản:** 1. Đọc-chú thích: 2. Kết cấu- Bố cục: + Thể loại: truyện ngắn + PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

? Hãy nêu kiểu văn bản và phương thức biểu đạt chính của văn bản? ? Qua tóm tắt em biết gì về nhân vật chính và chủ đề của chuyện ? ? Tác giả đã sử dụng ngôi kể nào ? Tác dụng của cách sử dụng ngôi kể đó ? ? Đoạn trích có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Xác định các sự việc và nhân vật chính : + Ông Hai Thu định ở lại làng cùng du kích chiến đấu giữ làng, nhưng vì hoàn cảnh gia đình ông phải cùng vợ con rời bỏ làng đi tản cư. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ làng, kể chuyện, khoe làng với người dân trên đó. Bỗng 1 hôm, ông nghe tin cả làng Dầu của ông theo giặc Pháp làm Việt gian. Ông đau khổ, cả gia đình ông buồn rầu. Ông chủ tịch tìm đến và cải chính với ông là làng theo kháng chiến. Ông sung sướng khoe nhà ông bị Pháp đốt cháy rụi. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Nhân vật : + Nhân vật chính là ông Hai Thu. Qua câu chuyện diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng quê của ông Hai - người nông dân phải dời làng đi tản cư trong thời kháng chiến chống Pháp. + Ngôi thứ 3 -> Tác dụng đảm bảo tính khách quan của những cái được kể, gợi cảm giác chân thực cho người đọc. Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu -> không nhúc nhích: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc. + Phần 2: Tâm trạng của ông trong 3, 4 ngày sau đó. + Phần 3: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính *** Giáo viên** gợi nhắc đến phần đã bị lược bỏ: Nhà văn Kim Lân đem đến cho người đọc 1 cảm nhận về tình yêu làng ở nhân vật Ông Hai. Đó là tình cảm ở có nhiều người nông dân, nhưng với nhân vật Ông Hai, tình yêu	+ Bố cục: 3 phần

làng có nét riêng biệt thật đáng yêu: đó là tính hay khoe làng. Cũng từ ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng, nhà văn đã phát hiện trong tình yêu làng của Ông Hai có sự thay đổi, phát triển tình cảm lớn hơn. Ông Hai rất tự hào về làng. Ông luôn kể về làng với sự say mê, náo nức. Khi kể 2 con mắt ông sáng hẳn ra, mê man giảng giải, kể rành rọt, nói liên miên. Ông khoe làng có nhà ngói san sát, sầm uất, phòng thông tin, chòi phát thanh.v.v.-> Tự hào về phong trào kháng chiến ở làng. Vì hoàn cảnh phải đi tản cư, ông khổ tâm, nhớ làng vô cùng. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu tình huống truyện** **a. Mục tiêu:** HS nắm tình huống truyện và ý nghĩa **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên đặt câu hỏi :** ? Để khắc họa nổi bật chủ đề của truyện, tính cách của nhân vật, Kim Lân đã đặt nhân vật chính vào một tình huống truyện như thế nào? ? Cách đặt tình huống trên có gì đáng chú ý ? ? Tình huống ấy có tác dụng như thế nào ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** . Ông Hai tình cờ nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc → Tình huống đặc sắc, bất ngờ, gay cấn. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng nhận vật. → tác dụng : Tạo nút thắt của câu chuyện gây ra một mâu thuẫn giằng xé, tạo điều kiện để thực hiện tâm trạng và phẩm	3. Phân tích: a Tình huống truyện: + Ông Hai tình cờ nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc-> Tình huống đặc sắc, bất ngờ, gay cấn. + Đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ

chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc-> Phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi 2 khổ thơ đầu ? Ở nơi tản cư tình yêu làng của ông được thể hiện qau những chi tiết nào ? ? Câu văn nào diễn tả trực tiếp nỗi nhớ làng của ông Hai ? ? Em có nhận xét gì về tình yêu làng của nhân vật Ông Hai ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Ở nơi tản cư tình yêu làng của ông được thể hiện qua những chi tiết : + Ông nhớ làng, nhớ về phong trào kháng chiến của làng quê, muốn về làng, muốn cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.v.v.. + Ông thường ra phòng thông tin nghe đọc báo, nghe ngóng tin về làng Chợ Dầu của ông. Câu văn nào diễn tả trực tiếp nỗi nhớ làng của ông Hai : Chao ôi ! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: NV ông Hai yêu tha thiết & mãnh liệt, tự hào, gắn bó với làng quê. Tình cảm ấy luôn thường trực trong ông. Đó cũng là niềm vui, tự hào của người nông trước thành quả cách mạng của làng quê, tình cảm đó thật đáng trân trọng	chiều sâu tâm trạng nhận vật thể hiện qua xung đột nội tâm. Tạo điều kiện bộc lộ tình cảm đối với làng, quê hương, đất nước của ông Hai. b Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai: * Trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc: + Nhớ làng, nhớ phong trào kháng chiến ở làng, muốn về làng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi**: ? Qua phần đọc đoạn trích em nhận thấy ông Hai có tình cảm như thế nào đối với làng Chợ Dầu? ? Nhà văn Kim Lân đã xây dựng tình huống truyện như thế nào để ông Hai bộc lộ tình yêu làng yêu nước của mình? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	-> Yêu tha thiết, mãnh liệt, tự hào, gắn bó với làng quê.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc kĩ đoạn trích, tóm tắt đoạn trích,

+ Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong đoạn truyện từ khi ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc đến khi tin làng được cải chính.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 13- Tiết 62

LÀNG (Tiếp)

(Kim Lân)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại

+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại.

+ Tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, ra quyết định, hợp tác, giải quyết vấn đề, tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh tình yêu quê hương, đất nước, con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung nhà thơ, tác phẩm, máy chiếu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, tình huống truyện, diễn biến tâm lí nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu vấn đề:

Vào tháng 6-7/ 2018, sau khi Quốc hội thông qua dự thảo Luật An ninh mạng và Luật Đặc khu, đã có rất nhiều người ở Thành Phố HCM, Bình Dương, Bình Thuận, Tây Ninh, Đà Nẵng...tham gia biểu tình phản đối các dự luật. Đáng nói, đám đông người biểu tình đã bị lợi dụng lòng yêu nước, bị kẻ xấu kích động, giật dây và có hành động quá khích khi đốt phá nhà xưởng, cơ quan nhà nhà nước, tài sản công gây thiệt hại kinh tế hàng ngàn tỉ đồng và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Ngay sau đó, chính quyền đã bắt tạm giam những kẻ tham gia biểu tình có hành động quá khích nhằm chống phá nhà nước

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt vào bài:

Đây là những người đã góp phần xây dựng đất nước từ hàng trăm, hàng ngàn năm nay. Đặc biệt là những ngư dân, họ không chỉ phát triển kinh tế mà còn góp phần không nhỏ trong việc bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Để xem hoạt động đánh bắt cá của những người dân chài diễn ra như thế nào, cô trò ta sẽ cùng nhau theo dõi tiết 2 của bài học ngày hôm nay

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV	b Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc : *** Trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc** (Tiết 61) *** Khi nghe tin làng theo giặc.**

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** gọi học sinh đọc đoạn truyện (S.G.K- 164) Ông lão bước ra khỏi phòng... (S.G.K-166) Cái giống việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa 1 nhát.) **GV** đặt câu hỏi, HS thảo luận : ? Khi nghe tin từ những người tản cư từ Gia Lâm cho biết: Cả làng Chợ Dầu theo Tây, tâm trạng của ông Hai như thế nào? ? Tâm trạng đó được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào ?(T165-166) Tại sao ông lại sững sờ và ngạc nhiên đến lặng người đi như vậy? ? Lúc này Ông Hai có những cử chỉ, hành động như thế nào?(T166) ? Hãy phân tích tâm trạng của ông qua từng cử chỉ, hành động đó? ? Kiểu ngôn ngữ nào được sử dụng để nhân vật ông Hai bộc lộ tiếng nói nội tâm mình ? Cùng với cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, em có nhận xét gì về cách kể chuyện xen lẫn miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn ở đoạn truyện này ? tác dụng của nó? ? Tại sao tác giả có thể miêu tả tâm lí nhân vật Ông Hai một cách tinh tế & thành công đến như vậy ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Tâm trạng của ông Hai khi nghe được tin: + Cổ: Nghẹn ắng lại + Da mặt tê rân rân, lặng đi tưởng như đến không thở được. + Giọng lạc hẳn đi, + Ông Hai có tâm trạng ấy vì làng ông có truyền thống kháng chiến: 1 làng quê tinh thần cách mạng lắm.Vì ông vốn rất yêu, tự hào về làng quê của mình.	+ Tâm trạng: sửng sốt, bàng hoàng, đau đớn, bẽ bàng: cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, giọng lạc hẳn đi. + Cử chỉ,hành động: - Nói lảng:- Hà,nắng gớm, về nào… - Cúi gằm mặt -ngôn ngữ độc thoại miêu tả cụ thể, tinh tế, sâu sắc : nỗi cay đắng, xấu hổ, tủi nhục, uất hận của ông Hai.

+ Vì làng của ông theo Tây thật thì sẽ là kẻ phản bội kháng chiến, phản bội đất nước, thành kẻ lạc loài với thiên hạ, với cả nước Việt Nam này, người ta ghê tởm, người ta thù hằn với cái giống Việt gian bán nước -> điều đó khiến nội tâm ông day dứt. Tâm trạng ông Hai: Tin dữ đến quá bất ngờ, đột ngột, không còn cách nào khác ông Hai chỉ còn nước lảng đi trước những câu nói mỉa mai, căm ghét của những người tản cư nói về làng chợ Dầu. Ông cúi gằm mặt mà đi trong sự trốn tránh, xấu hổ nhục nhã, ê chề như họ đang chửi mắng chính ông. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** ***** Sau phút giây bàng hoàng, Ông Hai cố trấn tĩnh để hỏi lại những người dân tản cư, vì trong ông đang nảy sinh sự hoài nghi xen lẫn hi vọng rằng đó không phải là sự thật. Nhưng rồi những bằng chứng cụ thể(họ vừa ở dưới ấy lên) buộc ông đành phải tin cái sự thật khủng khiếp ấy. + Nhà văn đã miêu tả rất cụ thể, tinh tế, sâu sắc những biến động dữ dội trong nội tâm nhân vật nhằm miêu tả nỗi cay đắng, xấu hổ, tủi nhục, uất hận của ông Hai. → Tác giả rất am hiểu, gắn bó với những người nông dân và cuộc sống thôn quê. Đó cũng chính là tình yêu của tác giả đối với quê hương, đất nước **Hoạt động 2: Tâm trạng ông Hai khi về đến nhà và nói chuyện với đứa con** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhóm 1,3:** • Học sinh theo dõi đoạn truyện tiếp (Khi ông Hai về đến nhà T166) GV đặt câu hỏi: Về đến nhà, dbiến tâm trạng ông ntn?	*** Khi về đến nhà:** + Thương con: Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư…tuổi đầu ?

Kiểu ngôn ngữ nào đc sử dụng để n/vật bộc lộ nội tâm? Tác dụng ? ? Em hãy tìm tiếp những hành động bộc lộ tâm trạng của ông Hai? ? Em hãy phân tích tâm trạng của ông Hai trong đoạn ông trò chuyện với vợ? + ? Tìm những từ ngữ thể hiện hành động, cử chỉ, lời nói, thái độ của Ông Hai khi nói chuyện với vợ?(? Mầy ngày sau tâm trạng ông Hai ra sao ? + ? Trong cuộc xung đột nội tâm này ông Hai đã bộc lộ tâm trạng ? **Nhóm 2,4 :** *** Học sinh** đọc đoạn văn cuộc nói chuyện của Ông Hai với con**(SGK- 169/170)** **GV đặt câu hỏi :** ? Ông Hai tâm sự với con nhằm mục đíchgì ? ? Em hãy tìm những câu nói& câu văn miêu tả thái độ của Ông Hai lúc này ? Qua cuộc trò chuyện, em cảm nhận được điều gì về tấm lòng của ông Hai đối với làng quê, đất nước, với cuộc kháng chiến ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** + Về đến nhà, dbiến tâm trạng ông Hai: Nghĩ thương các con vì chúng nó còn nhỏ mà bị hắt hủi -> càng căm làng phản bội. + Tác giả đã xây dựng cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt trong lòng Ông Hai bằng 1 cuộc độc thoại nội tâm: bộc lộ sự thương xót, tủi hờn cho lũ trẻ khi phải chịu mang tiếng là trẻ con làng Việt gian. Những hành động bộc lộ tâm trạng của ông Hai : + Nằm rũ trên giường, không nói gì. + Trả lời: Gì + Gắt lên: Biết rồi + Không trả lời + Trằn trọc không ngủ được, trở mình, lặng hẳn đi, chân tay nhủn ra, tưởng chừng như không cất lên được	->độc thoại nội tâm :xót xa, tủi hờn cho lũ trẻ. + Ông băn khoăn, kiểm diện từng người trụ lại làng, gắt với vợ +Trằn trọc không ngủ, lặng đi, chân tay nhủn ra ; trống ngực đập thình thịch, nín thở, lắng tai nghe... nằm không nhúc nhích -> Ám ảnh, day dứt nặng nề. *** Mấy ngày sau:** Xung đột nội tâm gay gắt :+ yêu làng- thù làng + Về làng- Không về -> dằn vặt, khổ tâm, bế tắc và tuyệt vọng *** Trò chuyện với con:**

+ Trống ngực đập thình thịch, nín thở, lắng tai nghe... nằm im chịu trận. Ông gắt gỏng bà vô cớ, trằn trọc thở dài, rồi lo lắng đến mức chân tay nhũn ra, nín thở, lắng nghe, không nhúc nhích-> Tâm trạng Ám ảnh, day dứt nặng nề Mấy ngày sau tâm trạng ông Hai : + Chột dạ, nơm nớp (mấy ngày sau)- yêu làng- thù làng + Về làng- Không về vì làng theo giặc **Nhóm 2,4:** Ông Hai tâm sự với con nhằm mục đích: Nói với con để bày tỏ nỗi lòng mình cho vợi bớt nỗi buồn khổ trong lòng, vì không biết nói cùng ai, Những câu nói và câu văn miêu tả thái độ của Ông Hai lúc này **:** + Thế nhà con ở đâu ? + Thế con có thích về làng Chợ Dầu không? + Thế con ủng hộ ai? + Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ. + Nước mắt giàn ra, chảy ròng ròng trên má **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: * Tác giả đã xây dựng cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt trong lòng Ông Hai bằng 1 cuộc độc thoại nội tâm: bộc lộ sự thương xót, tủi hờn cho lũ trẻ khi phải chịu mang tiếng là trẻ con làng Việt gian. ***** Chúng ta thấy khi sử dụng các yếu tố độc thoại & độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự sẽ giúp người đọc hình dung ra diễn biến tâm trạng, tình cảm của nhân vật 1 cách rõ nét hơn. Điều đó các em sẽ được tìm hiểu & thực hành trong giờ tập làm văn sắp tới: Đối thoại, độc thoại & độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự. ***** Nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong Ông Hai cùng nỗi đau xót, tủi hổ của ông. Giá như Ông Hai không yêu làng đến say mê như vậy thì ông đã không cảm thấy chính mình mang nỗi nhục qua lớn của một người dân ở cái làng Việt gian ấy. * Qua cuộc trò chuyện, Ông muốn đứa con nhỏ ghi nhớ câu " Nhà ta ở làng chợ Dầu"->Tình cảm sâu nặng với làng. + Anh em đồng chí... -> Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, cách mạng.	Giãi bày nỗi lòng, giải toả tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng. -> Tình yêu sâu nặng đối với làng quê, tình cảm son sắt, thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng, với Cụ Hồ, đó là tình cảm thiêng liếng, bền vững.

*** GV bình :** Mặc dù dã quyết định không về làng nữa, nhưng tình yêu làng vẫn tồn tại nguyên vẹn trong lòng Ông Hai. Nó trở thành nỗi đau khổ, dằn vặt trong lòng, khiến ông đau đớn mỗi lần nhắc tới nó. Ta nghe như thấy những tiếng nức nở, nghẹn ngào mà Ông Hai cố kìm nén, để rồi những giọt nước mắt cứ lăn dài trên gò má. Tình quê & lòng yêu nước của người nông dân ấy sâu nặng & thiêng liêng biết bao. Điều đó chứng tỏ không chỉ thay đổi trong tình cảm mà Ông Hai đã có sự thay đổi cả trong nhận thức-> Đó là T/c của người dân làng Chợ Dầu nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung. **Hoạt động 2: Tìm hiểu tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu HS theo dõi đoạn chữ nhỏ cuối (170->171)** **GV đặt câu hỏi :** ? Đến đỉnh điểm câu chuyện tác giả đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn bằng cách nào? ? Tâm trạng của Ông Hai đã có sự thay đổi như thế nào khi nghe tin làng Chợ Dầu được cải chính ? ? Tại sao ông lại khoe với mọi người rằng "Tây nó đốt nhà tôi rồi" bằng 1 giọng vui vẻ, hớn hở đến như vậy ? ? Những chi tiết đó bộc lộ tâm trạng của ông Hai như thế nào? ? Bình luận về nhân vật ông Hai bằng 1 câu ngắn gọn **- HS** tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Ông Hai nghe được tin cải chính về làng Chợ Dầu không theo giặc. Ông lại khoe với mọi người rằng "Tây nó đốt nhà tôi rồi" bằng 1 giọng vui vẻ, hớn hở.	b **Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính**: + Nét mặt: tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. + Hành động: chia quà cho con, lật đật đi khoe mọi người. + Lời nói: K Đ thông tin sai, khoe nhà ông bị giặc đốt cháy.

→ Đó là bằng chứng gia đình ông không theo giặc mà còn là gia đình kháng chiến, gia đình cách mạng. Ông không tiếc nhà, cái nhà không quý bằng cái tiếng được trở lên trong sạch, không phải cái tiếng của ông mà của cả dân làng ông (trong đó có ông và gia đình ông) **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức:** ***** Khi nghe được tin cải chính làng chợ Dầu không theo giặc Ông Hai như mở cờ trong bụng, ông như trút được gánh nặng trong lòng. Ông Hai lại trở thành Ông Hai của mấy hôm về trước, mừng rỡ đi khoe khắp nơi tin tức về làng. Ông đã không chú ý đến những thiệt hại của bản thân gia đình ông (dù ngôi nhà là tài sản lớn của một cuộc đời nông dân nghèo nay đã bị giặc đốt trụi). Ông coi đó như 1 minh chứng về tinh thần tuyệt đối trung thành với cách mạng của gia đình cũng như của cả làng chợ Dầu. Đó là một sự hi sinh quá lớn : ông hi sinh ngôi nhà để làng chợ Dầu được hồi sinh. ***** Tình yêu làng của Ông Hai là cội nguồn của tình yêu nước. Hai tình cảm đó thống nhất & gắn bó mật thiết với nhau, tạo thành sức mạnh để Ông Hai nói chung & mỗi chúng ta nói riêng vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống, giống như Ông Hai trước tin làng Chợ Dầu theo giặc. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Nêu những nét đặc sắc về nội dung của truyện ngắn " Làng"? ? Hãy nêu ý nghĩa của văn bản " Làng" ? ? Để xây dựng được 1 nhân vật Ông Hai mang tính cách đại diện cho nông dân V.Nam trong kháng chiến chống Pháp, nhà văn đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào ?	-> Tâm trạng : nhẹ nhõm, vui sướng, hả hê đến tột đỉnh. <=> Tình yêu làng của ông Hai đồng thời là biểu hiện của tình yêu đối đất nước, với kháng chiến, với Bác Hồ.

+ ? Tâm lí nhân vật được khắc hoạ qua những phương diện nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	4. Tổng kết: a Nội dung:- ý nghĩa: * Nội dung: Tình yêu làng, yêu nước, yêu kháng chiến, của người nông dân phải rời làng đi tản cư được bộc lộ chân thực, cảm động qua nhân vật ông Hai. * Ý nghĩa của văn bản: + Đoạn trích thể hiện tình yêu làng, yêu nước của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp b Nghệ thuật: + Tình huống truyện gay cấn. + Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực và sinh động qua suy nghĩ, hành động, lời nói (đối thoại và độc thoại). + Ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ c Ghi nhớ (Sgk – 174)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi:

? Tính điển hình của nhân vật thể hiện như thế nào?

? Từ xưa đến nay, tình yêu quê hương luôn là cảm hứng dồi dào cho sáng tác văn học nghệ thuật ở nước ta.Hãy tìm những tác phẩm minh chứng cho lời nhận xét đó ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

1. Tính điển hình của nhân vật
Ông Hai là hình ảnh của những người nông dân trong những ngày đầu kháng chiến: yêu làng, yêu quê hương gắn liền với tình yêu cách mạng.

2. Những tác phẩm thể hiện tình yêu quê hương + Quê hương & Nhớ con sông quê hương (Tế Hanh) + Lao xao - Duy Khán + Bếp lửa (B Việt)
+ Đoàn thuyền đánh cá(Huy Cận)
+ Tiếng gà trưa (X.Quỳnh)
->Dù chỉ viết về dòng sông quê khi TH xa quê ; viết vẻ đẹp của làng quê khi chớm hè, vẻ đẹp của người lao động mới trong một chuyến ra khơi, hay viết về một âm thanh quen thuộc của tiếng gà vào buổi trưa…tất cả những gì giản dị, gần gũi ấy đều là tình yêu quê hương đất nước.
-> Và tình yêu làng của Ông Hai tuy không nằm trong mạch cảm xúc ấy nhưng ta nhận ra : tình yêu làng đặt trong tình yêu nước, thống nhất với tinh thần cách mạng, tinh thần kháng chiến khi đất nước bị xâm lược, khi dân tộc đang tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước. Đó là tình cảm đáng trân trọng !
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.
GV nêu yêu cầu:
? Sau khi học xong đoạn trích Làng của nhà văn Kim Lân, tình cảm nào trong em đã được bồi đắp ?
? Việc làm cụ thể của em để phát huy tình cảm yêu quê hương, đất nước ?
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Học bài: phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai
+ Nhớ được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc miêu tả nhân vật ông Hai trong truyện. Lấy ví dụ phân tích.
+ Chuẩn bị chương trình địa phương phần Tiếng Việt (Sưu tầm từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hành động, tình cảm...nơi mình sinh sống hoặc ở địa phương khác (trong và ngoài tỉnh) theo mẫu:

STT	TỪ NGỮ TOÀN DÂN	TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG MÌNH	TN ĐỊA PHƯƠNG KHÁC
1			

Ngày soạn :
Ngày dạy :

Tuần 13 - Tiết 63

Tiếng Việt:

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất...

+ Sự khác biệt giữa các từ ngữ địa phương.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bảng phụ, soạn giáo án

2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị theo hướng dẫn SGK, yêu cầu của giáo viên

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Trong T.Việt không thể thiếu các từ ngữ địa phương. Các từ ngữ địa phương tạo nên các sắc thái riêng cho mỗi vùng miền. Khi xuất hiện trong văn bản, nó sẽ làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn hơn. Hôm nay chúng ta cùng ôn lại 1 số từ ngữ địa phương & tác dụng của nó khi tạo lập văn bản.

<table>
<tr><th>HĐ CỦA THẦY VA TRÒ</th><th colspan="4">SẢN PHẨM DỰ KIẾN</th></tr>
<tr><td rowspan="2">B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.
Hoạt động 1: Bài tập 1
a. Mục tiêu: biết được các phương ngữ
b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV</td><td>STT</td><td>TỪ NGỮ TOÀN DÂN</td><td>TỪ NGỮ .....</td><td>TN ĐỊA PHƯƠNG KHÁC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Cái bàn</td><td></td><td></td></tr>
</table>

c) Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

*** GV** Sưu tầm từ ngữ đp chỉ sv, hđ,t/c...nơi mình sinh sống hoặc ở địa phương khác (trong và ngoài tỉnh)theo mẫu:

+ Sưu tầm từ ngữ đp trong tác phẩm văn học.

*** GV** gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu bài tập 1

? Tìm trong phương ngữ em đang sử dụng hoặc trong 1 phương ngữ mà em biết những từ ngữ chỉ các sự vật, hình thái...không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.

- **Học sinh** thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV bổ sung: Là những từ ngữ phù hợp với từng vùng miền.

Bài tập 1: (SGK- 175): Tìm phương ngữ ?

a. Chỉ sự vật- hiện tượng ...không có tên trong phương ngữ khác và từ ngữ toàn dân.

+ Nhút: Mún ăn làm bằng sợi mới muối trộn với 1 vài thứ khác.(Phổ biến ở Nghệ An- Hà Tĩnh)

+ Bồn bồn: 1 loại cây thân mền, sống ở dưới nước, có thể làm dưa hoặc xào nấu(vùng Tây Nam Bộ)

+ Chẻo: 1 loại nước chấm
+ Tắc: 1 loại quả(họ quít) — Nghệ Tĩnh

- Nốc: Thuyền
- Nuộc chạc: mối dây — Nghệ Tĩnh

- Mắc: đắt
- Reo: Kích động — Nam Bộ

- Sương: gánh
- Bọc: các túi áo — Thừa Thiên Huế

b. Từ đồng nghĩa- khác âm:

Phương ngữ Bắc Bộ	Phương ngữ Trung Bộ	Phương ngữ Nam Bộ
Bố, mẹ Giả vờ	Bọ, mạ Giả đò	Ba, má (tía, má) Giả bộ

Nghiện Vừng Vào Xa Quả Cái bát	Nghiền Mè Vô Ngái Trái Cái tô, cái đọi	Nghiền Mè Vô Trái Cái chén

c. Từ đồng âm- khác nghĩa:

Từ p. âm	Phương ngữ Bắc Bộ	Phương ngữ Trung Bộ	Phương ngữ Nam Bộ
Nón	Chỉ đồ dùng đội đầu làm bằng lá, có vòng tròn nhỏ dần lên tới đỉnh.	Dùng như phương ngữ Bắc Bộ	Chỉ chung nón, mũ trong ngôn ngữ toàn dân.
Hòm	Chỉ dụng cụ để đựng đồ	Chỉ áo quan để khâm liệm xác chết	Dùng như phương ngữ Trung Bộ
Bắp	Bắp cây, bắp chân	Bắp ngô	Bắp ngô
Nỏ	Cái nỏ, củi nỏ(khô)	Không, chẳng	Không, chẳng

Trái	+ tay trái, bên trái, sai trái	Quả	Quả

Hoạt động 2: bài tập 2

a. Mục tiêu: HS nắm được nguyên tắc mượn từ tiếng nước ngoài.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

*** GV yêu cầu HS** nêu yêu cầu của bài tập 2 và đặt câu hỏi :

(Kĩ thuật động não)

? Cho biết vì sao những từ ngữ địa phương như ở bài tập 1a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân?

? Sự xuất hiện những từ ngữ đó thể hiện tính đa dạng về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên các vùng miền của đất nước ta như thế nào?

*** Giáo viên** yêu cầu học sinh quan sát bảng 1b và 1c và nhận xét:

Bài tập 2(SGK-175)

+ Có những từ ngữ địa phương như ở phần (1a): có ở địa phương này nhưng không có ở địa phương khác.

-> Cho thấy Việt Nam là đất nước có sự khác biệt giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí, phong tục tập quán…Tuy nhiên sự khác biệt không quá lớn, bằng chứng là từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều.

? Trường hợp nào ở b,c được coi là ngôn ngữ toàn dân? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	
Hoạt động 3: bài tập 3, 4 **a. Mục tiêu:** HS nắm được nguyên tắc mượn từ tiếng nước ngoài. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** ***** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm : Nhóm 1,3 : bài 3 **Giáo viên** gợi ý bài tập 3: Khi trong các phương ngữ khác có những từ ngữ đồng nghĩa nhưng khác về âm hay đồng âm nhưng khác về nghĩa thì phương ngữ Bắc thường được lấy làm cơ sở để lựa chọn từ ngữ toàn dân.	Bài tập 3 (SGK- 175) + Trong 2 bảng mẫu ở mục b, c: những từ ngữ: cá quả, lợn, ngã và cách hiểu (bị bệnh) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân. -> Phương ngữ được lấy làm chuẩn của Tiếng Việt (từ toàn dân) là phương ngữ Bắc Bộ. * Lưu ý: Trong phương ngữ Bắc Bộ cũng có phương ngữ nhiều vùng miền, phần lớn ngôn ngữ thế giới đều lấy phương ngữ có tiếng thủ đô làm chuẩn cho ngôn ngữ toàn dân.
Nhóm 2,4 : bài 2 ? Tìm 1 số tác phẩm mà tác giả sử dụng phương ngữ địa phương?Chỉ rõ các từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	Bài tập 4 (SGK- 176) + Những từ ngữ địa phương trong đoạn trích: chi, rứa, nờ, cớ răng, ưng, mụ (thuộc phương ngữ Trung) được dùng phổ biến ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế. -> Tác dụng: góp phần thể hiện chân thực hình ảnh của 1 vùng quê và tình cảm suy nghĩ tính cách của người mẹ trên vùng quê ấy, làm tăng sự sống động, gợi cảm của tác phẩm. - " Mẹ Suốt" là bài thơ của Tố Hữu viết về bà mẹ Quảng Bình anh hùng

	-> Dùng từ ngữ địa phương góp phần thể hiện chân thực hình ảnh bà mẹ cụ thể ở 1 vùng quê -> làm tăng sức sống động, gợi cảm cho bài thơ. - 1 số tác phẩm: Đi đi em, Bầm ơi, Bà Bủ,…

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

?Hoàn thiện bảng về phương ngữ dưới đây?

Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam	Phương ngữ của địa phương em
Cá quả			
Con lợn			
Ngã			
Mẹ			
Con ngan			
	Choa		
	mi		
	bứt		
	ngái		
	Con me		
		Bùng binh	
		chén	
		chiên	
		đờn	
		nhậu	
		vá	
		Bể bánh(xe)	
		Căm(xe)	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

? Sưu tầm 1 số bài thơ sử dụng từ ngữ địa phương, phân tích, tìm hiểu giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Điền thêm một số từ ngữ, cách hiểu vào bảng đã lập ở lớp

+ Chuẩn bi "Đối thoại, độc thoại ….trong văn bản tự sự"

(Đọc các ví dụ phân tích rút ra kết luận về vai trò, vị trí, của yếu tố: Đối thoại, độc thoại…trong văn bản tự sự, viết đoạn văn ngắn có sử dụng các yếu tố trên)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tiết 34

ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI
VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1.Kiến thức:

+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự .

+ Tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự .

2. Năng lực:

+ KĨ năng giao tiếp, trình bày, lắng nghe tích cực, đọc hợp tác, học theo nhóm, tìm kiếm và xử lí thông tin.v.v.

3. Phẩm chất:

+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Đọc tài liệu, soạn giáo án, chuẩn bị máy tính, máy chiếu

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài cũ, nghiên cứu bài mới theo hướng dẫn SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu :

Cho học sinh đóng lại cảnh ông Hai gặp người đàn bà tản cư và đoạn ông về nhà nghĩ thương lũ con vì chúng là trẻ con làng Việt gian

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:. Trong các văn bản tự sự, các yếu tố độc thoại, đối thoại và độc thoại nội tâm giúp cho các tác giả thể hiện được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm, làm rõ hơn các phẩm chất, tính cách của nhân vật. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu **Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.**

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự** **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Gv hướng dẫn HS phân tích 3 ví dụ:** **Ví dụ a:** *** Giáo viên :** ?Hoạt cảnh trên thuộc tác phẩm nào? của ai? ? Nội dung của đoạn trích ? Trong 3 câu đầu đoạn trích, ai nói với ai? Tham gia câu chuyện có ít nhất mấy người? ? Dấu hiệu nào cho thấy đó là cuộc trò chuyện trao đổi qua lại? ? Vậy thế nào là đối thoại ? ? Làm thế nào để nhận ra đối thoại trong văn bả **Ví dụ b :**	**I Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:** 1. Phân tích ngữ liệu: (SGK- 176, 177) a. Những người đàn bà tản cư nói chuyện với nhau, tham gia câu chuyện có hai người. - Dấu hiệu : * Hình thức : + Hai lượt lời: trao và đáp + Hai gạch đầu dòng ở hai lượt lời. *Nội dung : mỗi người đều hướng tới người tiếp chuyện : chuyện về làng Chợ Dầu theo giặc **-> đối thoại.** * Trong văn bản đối thoại được thể hiện bằng các gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp. b. Câu : - "Hà, nắng gớm, về nào..."

* câu: "Hà, nắng gớm, về nào!..." ? Ông Hai nói với ai ? ? Trong đoạn trích còn có câu nào kiểu này không ?Hãy dẫn ra các câu đó ? ? Câu này ông nói với ai ? ? Hai câu trên có phải là đối thoại không ?Vì sao ? ? Vậy em hiểu thế nào là độc thoại ? ? Dấu hiệu nào nhận ra độc thoại trong văn bản tự sự ? **Ví dụ c :** ? Những câu như: "**Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn...đầu"** là những câu ai hỏi ai ? Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu đã nêu ở ? Vậy độc thoại nội tâm là gì ? ? Trong văn bản tự sự ta nhận ra độc thoại nội tâm nhờ dấu hiệu nào ? ? Hình thức độc thoại và độc thoại nội tâm đã giúp nhà văn thể hiện thành công những diễn biến tâm lí của ông Hai như thế nào ?) **GV** khái quát: ? Tóm lại hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm có tác dụng như thế nào trong văn bản tự sự ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Ví dụ a :** Nội dung của đoạn trích: - Đoạn trích "Làng" của Kim Lân - Nội dung: Tâm trạng ông Hai khi nghe được những người đàn bà tản cư nói về làng chợ Dầu theo giặc. Trong 3 câu đầu đoạn trích **:** Có 2 người phụ nữ nói chuyện với nhau Dấu hiệu cho thấy đây là cuộc trò chuyện trao đổi qua lại : * Dấu hiệu: HT : + Có 2 lượt lời qua lại. + Đầu mỗi lượt lời có gạch đầu dòng.	-> Ông Hai nói thành lời với chính mình, - Chúng bay ăn miếng cơm...thế này . -> nói với ai đó trong tưởng tượng **-> độc thoại.** * Trong văn bản khi độc thoại được nói thành lời thì phía trước của độc thoại có gạch đầu dòng. c. Câu "Chúng nó…....đầu" - Ông Hai hỏi chính mình - Không phát ra thành lời, chỉ nghĩ thầm nên không có gạch đầu dòng -> **Độc thoại nội tâm.** * Trong văn bản khi độc thoại không thành lời,không có gạch đầu dòng thì đó là độc thoại nội tâm. d. Tác dụng : => Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm là ngôn ngữ của

+ Nội dung : mỗi người đều hướng tới người tiếp chuyện :chuyện về làng Chợ Dầu theo giặc **-> Đây gọi là cuộc đối thoại.** **Ví dụ b** + Câu: "Hà, nắng gớm, về nào" là ông Hai nói với chính mình, nói bâng quơ để tìm cách thoái lui khi nghe tin dữ : làng Chợ Dầu theo giặc. + Không hướng tới ai + Chỉ có 1 lượt lời, trước có gạch đầu dòng. - Chúng bay ăn miếng cơm...thế này ? → **đây là câu** nói với ai đó trong tưởng tượng (ông rít lên), chỉ có 1 lượt lời, phía trước có gạch đầu dòng. **Ví dụ c :** Những câu như: "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn...đầu" là những câu ông Hai hỏi chính mình. + Những câu này không phát ra thành lời mà chỉ âm thầm diễn ra trong suy nghĩ, tình cảm của ông Hai **-> Những câu này là độc thoại nội tâm.** + Hình thức đối thoại: Tạo cho câu chuyện có không khí như cuộc sống thật, thể hiện thái độ căm giận của những người tản cư đối với dân làng chợ Dầu, tạo tình huống để đi sâu vào nội tâm nhân vật. + Hình thức độc thoại và độc thoại nội tâm: Giúp tác giả khắc hoạ được rõ nét tâm trạng dằn vặt, đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV chuẩn kiến thức:** Hình thức : + Hai lượt lời: trao và đáp + Hai gạch đầu dòng ở hai lượt lời. *Nội dung : mỗi người đều hướng tới người tiếp chuyện . **-> đối thoại.** - Hai câu không phải là đối thoại vì về hình thức : hai câu chỉ có 1 lượt lời. Còn nội dung hai câu nói không hướng đến đối tượng nào cụ thể, cũng không liên quan đến nội dung câu chuyện mà 2 người phụ nữ kia trao đổi, -> ông nói với chính mình, nói trong tưởng tượng **-> Đó là hai lời độc thoại.**	nhân vật, là hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự. 2. Ghi nhớ (Sgk-178)

- Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm là phương tiện để nhà văn khắc hoạ phẩm chất và tình cảm của nhân vật trong văn bản tự sự. Những hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm sẽ vận dụng để viết văn tự sự, bài viết văn số 3 sắp tới giúp bài văn sinh động, nhân vật thể hiện tâm trạng… **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV hướng dẫn HS làm các bài tập : **Nhóm 1,3: bài 1/t178** *** GV** gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu bài tập 1 GV gợi ý ? Tác dụng của các câu văn nghị luận đó trong đoạn văn tự sự ? ? Ở câu cuối đoạn trích, tác giả đã lồng ghép các yếu tố nghị luận vào đoạn văn như thế nào? **Nhóm 2,4 : bài 2/t178** *** GV** gọi học sinh đọc, nêu yêu cầu bài tập *** Giáo viên** hướng dẫn học sinh viết đoạn văn + Theo chủ đề nhất định:nói chuyện giữa bạn bè với nhau, thầy cô với học sinh, bố mẹ với con, anh chị em với nhau ; về thăm trường (chọn 1 trong các chủ đề này) + Các câu trong đoạn văn hướng vào chủ đề(có sự liên kết giữa các câu) + Sử dụng dấu câu: dấu gạch đầu dòng, chấm hỏi thích hợp + Có các yếu tố đối thoại, độc thoại độc thoại nội tâm sử dụng thích hợp VD : kể về buổi thăm trường, gặp lại thầy cô - Đối thoại : trò truyện với thầy cô - Độc thoại : bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp, sự thay đổi của trường, thầy cô - Độc thoại nội tâm : suy nghĩ về mái trường	

*** Giáo viên** yêu cầu viết đoạn văn 7 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** * Học sinh thực hiện làm bài tập vào vở, các nhóm thảo luận và thống nhất đáp án **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Th

PHIẾU BÀI TẬP

Hình thức	Nội dung hướng tới	Hình thức thể hiện	Tác dụng
+ Đối thoại + Độc thoại + Độc thoại nội tâm			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Học sinh thảo luận, viết kết quả thảo luận ra nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

Phản hồi phiếu học tập

Hình thức	Nội dung hướng tới	Hình thức thể hiện	Tác dụng
+ Đối thoại + Độc thoại + Độc thoại nội tâm	+ Người tiếp chuyện + Nói với chính mình + Nói với chính mình	+ Gạch đầu dòng + Gạch đầu dòng + Không gạch đầu dòng, không cất thành tiếng	+ Tạo không khí cuộc sống như thật. + Khắc hoạ tâm trạng, diễn biến tâm lí. + Đi sâu vào nội tâm, suy nghĩ, tâm trạng

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học ghi nhớ. Lấy một ví dụ và phân tích tác dụng của việc sử dụng các yếu tố đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự
+ Chuẩn bị bài " Luyện nói Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm"
(Theo yêu cầu SGK)
(Không viết thành bài văn, chỉ nêu các ý chính mà mình sẽ nói -> trên lớp dựa vào ý chính để nói thành bài hoàn chỉnh, diễn đạt lưu loát. Luyện nói trước ở nhà:
+ Giới thiệu.
+ Nội dung chính.
+ Kết thúc câu chuyện.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 13 - Tiết 65

Tập làm văn: **LUYỆN NÓI:**
TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.
+ Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.
2. Năng lực:
+ KĨ năng giao tiếp, trình bày, lắng nghe tích cực, đọc hợp tác, học theo nhóm, tìm kiếm và xử lí thông tin.v.v.
3. Phẩm chất:
Giáo dục học sinh
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Bảng phụ, một số văn bản mẫu.
2. Chuẩn bị của học sinh: :
Ôn thể loại văn tự sự. Lập đề cương cho 3 bài tập SGK.
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU
a. Mục tiêu: :
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.
b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Như vậy việc kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm & nghị luận trong văn bản tự sự là rất cần thiết. Vậy chúng ta sẽ kết hợp các yếu tố này như thế nào, các em đã có sự chuẩn bị bài ở, chúng ta sẽ trình bày các nội dung đó để rút kinh nghiệm về việc kết hợp các yếu tố này.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Ôn tập lí thuyết** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV đặt câu hỏi Hãy nêu những yêu cầu của một bài luyện nói trên lớp ? ? Miêu tả nội tâm là gì ? Có thể miêu tả nội tâm theo những cách nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Những yêu cầu của một bài luyện nói trên lớp : + Yêu cầu trình tự : Mở đầu, nội dung câu chuyện. Kết thúc + Kĩ năng nói: tự nhiên, rõ ràng, rành mạch, có giọng điệu. + Tư thế: Nghiêm túc, ngay ngắn, hướng vào người nghe, thu hút họ vào nội dung cần nói. Miêu tả nội tâm : + Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật thêm sinh động. + Người ta có thể miêu tả nội tâm theo hai cách: Cách 1.Trực tiếp: Diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật	**I. Lí thuyết:**

Cách 2 Gián tiếp: Miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **- GV chuẩn kiến thức:** *** Giáo viên** củng cố kiến thức: + Sự việc được kể, người kể, ngôi kể, trình tự kể ...trong tác phẩm tự sự. + Các yếu tố nghị luận được sử dụng để làm cho việc tự sự sâu sắc hơn với việc bày tỏ quan điểm, lập trường, cách nhìn nhận, đánh giá. + Các yếu tố miêu tả được sử dụng để làm hiện lên hình ảnh nhân vật với các đặc điểm diện mạo, hành động và nội tâm nhân vật. + Trong đoạn văn tự sự, các yếu tố nghị luận, miêu tả không được lấn át tự sự **Hoạt động 2: Luyện tập** **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm.** - Mỗi nhóm làm 1 bài tập trong thời gian 7’ (thảo luận về 1 bài tập – đưa ra 1 đề cương thống nhất). * Gợi ý : **Bài tập số 1:** + Em gây ra chuyện có lỗi với bạn nào ? Khi nào ? ở đâu ? đó là người bạn nào của em (cùng xóm, cùng lớp...) + Em gây ra lỗi gì cho bạn -> Làm tổn thương đến bạn như thế nào? + Sau khi xảy ra câu chuyện đó em có tâm trạng ra sao ? (dằn vặt, hối hận...) + Em đó làm gì để sửa lỗi lầm ấy ? + Qua đó em rút ra bài học gì về lẽ sống, đạo đức, tình bạn... **Bài tập số 2:** + Giới thiệu chung về buổi sinh hoạt lớp: Hôm đó	**Bài tập số 1 (SGK -)** Tâm trạng của em khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn ? **Nhóm 1** a. Diễn biến của sự việc: + Nguyên nhân nào dẫn tới việc làm sai lầm của em ? + Sự việc đó là sự việc gì ? Mức độ “có lỗi” với bạn ? + Có ai chứng kiến hay chỉ 1 mình em biết ? b. Tâm trạng: + Tại sao em phải suy nghĩ, dằn vặt ? Em tự vấn lương tâm hay có ai nhắc? + Em có những suy nghĩ cụ thể như thế nào? Tự hứa đối với bản thân ra sao?

(Tiết 5 ngày thứ 7) có gì đặc biệt so với các buổi sinh hoạt khác. + Tình huống gì xảy ra (Nam - 1 học sinh trong lớp bị các bạn hiểu lầm là người xấu- vì sao có tình huống đó ? + Bị hiểu lầm, bạn Nam không thể tự thanh minh cho mình. + Em là người bạn hiểu rõ tính cách và hoàn cảnh của Nam -> Em hãy chứng minh, thuyết phục mọi người bằng cách đưa ra lí lẽ, dẫn chứng, nhận xét, quan điểm của mình để các bạn hiểu và đồng tình với mình: Nam không phải là người xấu mà ngược lại là người bạn rất tốt -> Lớp hãy yêu quý và giúp đỡ Nam. + Qua câu chuyện trên, em đã rút ra bài học gì cho mình (Phải biết bao dung, hiểu người khác một cách sâu sắc -> quan hệ giữa người với người sẽ trở lên tốt đẹp hơn)	**Bài tập số 2 (SGK-)** Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một người bạn tốt ? **Nhóm 2 trình bày** a. Không khí của buổi sinh hoạt lớp + Là 1 buổi sinh hoạt định kì hay đột xuất? + Có nhiều nội dung hay chỉ có 1 nội dung là phê bình, góp ý cho bạn Nam? + Thái độ của các bạn đối với Nam ra sao? b. Nội dung ý kiến của em + Phân tích nguyên nhân khiến các bạn có thể hiểu lầm bạn Nam: khách quan, chủ quan... + Những lí lẽ, dẫn chứng dùng để khẳng định bạn Nam là 1 người bạn tốt. + Cảm nghĩ của em về sự hiểu lầm đáng tiếc đối với bạn Nam trong quan hệ bạn bè.
Bài tập số 3: - Giới thiệu câu chuyện: cu Tự giới thiệu: Tôi là Trương Sinh- chồng Vũ Nương. + Lí do tôi kể lại câu chuyện đau lòng của đời mình -> Là bài học đắt giá cho những ai hay ghen mù quáng như tôi. - Nội dung: + Lí do tôi kết hôn với Vũ Nương: Vì mến dung nhan, đức hạnh.... + Chúng tôi sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng chẳng được bao lâu tôi phải đi lính khi Vũ Nương bụng mang dạ chửa. + Vũ Nương ở nhà thay tôi chăm sóc mẹ già, nuôi con thơ, mọi việc đều một tay nàng vun vén... + Khi trở về, tôi đau lòng vì mẹ đã mất, nghe lời con trẻ, tôi hiểu lầm nghi oan cho vợ, bỏ ngoài tai những lời thanh minh của nàng và hàng xóm, tôi nghĩ trẻ con có bao giờ nói sai... + Vũ Nương đã tự vẫn- việc mà tôi không hề ngờ tới. + Vô tình câu nói của con trong đêm vắng khiến tôi thấu hiểu sự thật. Tôi vô cùng ân hận xong không thể cứu vãn được tình thế vì tất cả mọi chuyện đã trót rồi. - Kết thúc: Đó là câu chuyện đau lòng nhất mà suốt đời, tôi không bao giờ chuộc lại được lỗi lầm của mình -> Tôi muốn gửi tới các bạn một lời khuyên: Hãy bình tĩnh, sáng suốt trước mọi tình huống, hãy tôn trọng, yêu	Bài tập số 3 (SGK-) **Nhãm 3** Dựa vào nội dung phần đầu tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương” từ đầu -> trót qua rồi!”. Hãy đóng vai Trương Sinh kể lại câu chuyện và bày tỏ nỗi ân hận ? a. Xác định ngôi kể + Đóng vai T.Sinh kể lại truyện (phần đầu) + Ngôi kể thứ nhất (người kể xưng tôi) b. Cách kể + Đảm bảo các sự việc chính trong truyện + Tập trung kể những suy nghĩ, tình cảm của nhân vật T.Sinh khi hiểu ra nỗi oan của vợ.

thương những người phụ nữ quanh bạn vì họ là những người đáng trân trọng và cần được che chở, bảo vệ, thiếu họ chúng ta sẽ không có hạnh phúc mặc dù cuộc sống vật chất có đủ đầy. **GV** nhắc lại yêu cầu: * Đọc kĩ lại phần đầu văn bản. * Kể phải bám sát nội dung câu chuyện, có sáng tạo xong phải đảm bảo tính hợp lí, không làm thay đổi nội dung. **- HS** thực hiện nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đề 1: 3 học sinh nhóm 1 trình bày -> Các nhóm khác nhận xét => Giáo viên nhận xét, chốt lại yêu cầu. Đề 2: 3 học sinh nhóm 2 trình bày -> Các nhóm khác nhận xét => Giáo viên nhận xét, chốt lại yêu cầu. Đề 3 : 3 học sinh nhóm 3 trình bày -> Các nhóm khác nhận xét => Giáo viên nhận xét, chốt lại yâu cầu. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS Gv chuẩn kiến thức	**2. Phần trình bày của học sinh:**

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DUNG

a. Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: ? Mục đích của việc đưa các yếu tố tự sự nghị luận và miêu tả nội tâm là gì? Tác dụng ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Làm tăng sức thuyết phục với người đọc, người nghe, giúp hiểu sâu hơn về vấn đề trình bày, cũng như khắc hoạ rõ nét hơn tâm trạng nhân vật

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Về tập luyện nói hoàn chỉnh các bài tập một cách rõ ràng, rành mạch

+ Tìm hiểu sự kết hợp các yếu tố, nghị luận và miêu tả trong truyện Lặng lẽ Sa Pa

+ Chuẩn bị bài: " Lặng lẽ Sa Pa" (Đọc văn bản, tìm hiểu tác giả N.T.Long & các tác phẩm của ông, Tìm hiểu tư liệu về Sa Pa, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt, tìm hiểu thể loại, bố cục, PTBĐ, tình huống truyện, các nội dung và nghệ thuật chính cả văn bản, phân tích vẻ đẹp của nhân vật- Tìm hiểu lí tưởng sống của thanh niên, thiếu niên hiện nay..v.v.)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 14 - Tiết 66

Văn bản : LẶNG LẼ SA PA

(Nguyễn Thành Long)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Vẻ đẹp của hình tượng con người thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.

+ Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.

2. Năng lực:

+ KĨ năng giao tiếp, trình bày, lắng nghe tích cực, đọc hợp tác, học theo nhóm, tìm kiếm và xử lí thông tin.v.v.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh biết yêu những con người chân chính, tìm được hạnh phúc trong lao động xây dựng đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo tư liệu soạn giáo án, chuẩn bị phiếu học tập chuẩn bị chân dung tác giả, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc kĩ văn bản " Lặng lẽ Sa Pa": tình huống truyện, bố cục, ngôn ngữ, nghệ thuật, phân tích vẻ đẹp của nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trên và cho biết là địa danh nổi tiếng nào ở nước ta?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt:
Đây chính là hình ảnh của một SP đời thường, hiện đại, là nóc nhà của Đông Dương, là một trong những địa danh đáng đến nhất của VN. Vậy, đất và người vùng đất này gần 50 năm về trước có gì đặc biệt? Cô và các con sẽ tìm hiểu truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long để thấy điều này

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **- GV đặt câu hỏi:** ? Nêu những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Thành Long ? Truyện ngắn " Lặng lẽ Sa Pa" được sáng tác trong hoàn cảnh nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: * Giáo viên giới thiệu chân dung nhà văn và bổ sung: N.T.Long tham gia hoạt động văn nghệ trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung Bộ. Sau 1954 tập kết ra Bắc, ông chuyển về sáng tác & biên tập ở các báo chí, nhà xuất bản, có tham gia dạy ở trường viết văn nguyễn Du. Mất ở Hà Nội ngày 6/5/1991. Các tác phẩm nổi tiếng của ông: Bát cơm Cụ Hồ (1955) Chuyện nhà chuyện xưởng (1962) Những tiếng vỗ cánh (1967) Giữa trong xanh (1972) Nửa đêm	**A. Giới thiệu chung:** **1. Tác giả:** + Nguyễn Thành Long (1925-1991) + Nhà văn chuyên viết truyện ngắn và tuỳ bút. **2. Tác phẩm:** + Ra đời năm 1970, sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai của tác giả. + Truyện rút từ tập " Giữa trong xanh"- in 1972

về sáng (1978) Lí Sơn mùa tỏi (1980) => nhà văn Tô Hoài gọi ông là Cây truyện ngắn. Ông là cây truyện ngắn với một phong cách văn xuôi nhẹ nhàng, tình cảm, giàu chất thơ và ánh lên vẻ đẹp con người, mang ý nghĩa sâu sắc. Văn của ông có khả năng thanh lọc làm trong sáng tâm hồn, khiến chúng ta yêu mến cuộc sống và những người xung quanh. Ngoài truyện, kí ông còn làm thơ, viết phê bình văn học. Đề tài: Chủ yếu viết về công cuộc xây dựng CHXH ở miền Bắc. **- GV đặt câu hỏi:** Truyện ngắn " Lặng lẽ Sa Pa" được sáng tác trong hoàn cảnh nào ? *** Giáo viên bổ sung:** Hè 1970, tác giả cùng nhà thơ Yến Lan đi nghỉ ở Sa Pa. Hai người không vào các cơ quan, đơn vị địa phương tìm hiểu các điển hình tiên tiến như những lần đi thực tế khác. Nhà văn tình cờ đọc được 6 dòng tin ngắn trên 1 tờ báo tỉnh Lào Cai -> Hình thành 1 truyện ngắn hay. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên hướng dẫn đọc:** Đọc chậm, chân thành, cảm xúc, giọng lắng sâu. Chú ý ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. Nhấn giọng ở những đoạn văn tả cảnh, bình luận. * Đọc kết hợp với kể. Đoạn đầu kể tóm tắt. Đọc từ đoạn "Trong lúc mọi người xôn xao...lại nói". Đoạn nhiều suy nghĩ của hoạ sĩ, cô gái *** GV :** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu 1 số chú thích trong sgk: Sa Pa, vật lí địa cầu, máy nhật quang kí, máy bộ đàm. *** GV đặt câu hỏi :** ? Tóm tắt ngắn gọn nội dung đoạn trích Lặng lẽ Sa Pa ? ? Nêu thể loại của văn bản và phương thức biểu đạt ? ? Em có nhận xét gì về ngôi kể, lời kể ?	**B. Đọc- hiểu văn bản:** 1. Đọc-chú thích: **2. Thể loại- bố cục:** + Thể loại: Truyện ngắn + PTBĐ: Tự sự, miêu tả, biểu cảm + Ngôi kể: thứ 3 nhưng được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn, ý nghĩ của nhân vật ông hoạ sĩ.

? Tác phẩm này theo lời tác giả là "Một bức chân dung ". Đó là bức chân dung của ai? Hiện ra trong cái nhìn & suy nghĩ của những nhân vật nào ? ? Em có nhận xét gì về cốt truyện & tình huống truyện? **- HS** tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu tình huống truyện** **a. Mục tiêu:** HS nắm tình huống truyện và ý nghĩa **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên đặt câu hỏi :** ? Em có nhận xét gì về cốt truyện & tình huống truyện? ? Cốt truyện có phức tạp không ? Tại sao ? ? Tạo ra tình huống như vậy nhằm mục đích gì ? ? Ngoài bác lái xe, cô gái, ông hoạ sĩ còn có những nhân vật nào? ? Bên cạnh anh thanh niên tác giả xây dựng 1 loạt các nhân vật phụ, tác dụng của việc xây dựng các nhân vật này ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Tình huống truyện : + Đơn giản, chỉ tập trung vào cuộc gặp gỡ tình cở của mấy người khách trên chuyên xe với người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn ở Sa Pa.	**3. Phân tích:** a Tình huống truyện: + Cốt truyện đơn giản + Tình huống truyện : Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông hoạ sĩ già, cô gái, anh thanh niên trên đỉnh núi Yên Sơn. ->Tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn,

+ Để tác giả giới thiệu nhân vật chính 1 cách thuận lợi, nhất là để nhân vật ấy hiện ra qua cách nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác. + Các nhân vật trong truyện: Ông kĩ sư ở trại rau, anh cán bộ kĩ thuật nghiên cứu về sét,.v.v.. → Tác dụng : Khắc hoạ rõ nét hơn tư tưởng chủ đề tác phẩm: "Trong cái im lặng của Sa Pa, chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người đang làm việc & lo nghĩ cho đất nước." **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức:** Nhân vật chính - Xuất hiện qua lời giới thiệu của bác lái xe: 27 tuổi, nhỏ bé, mặt rạng rỡ...Là người cô độc nhất thế gian, làm nghề khí tượng-> Nhân vật chính chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi 1 ấn tượng " 1 kí hoạ về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn & cái lặng lẽ muôn thủa của núi cao Sa Pa. Nhân vật anh thanh niên hiện ra để cho mọi người cảm nhận được cuộc sống."-> Gây ấn tượng mạnh mẽ, sinh động, thiện cảm. Ngoài nhân vật anh thanh niên, tác giả còn xây dựng 1 loạt các nv phụ như: Ông kĩ sư ở trại rau, anh cán bộ kĩ thuật nghiên cứu về sét,.v.v.. → Tác dụng : Khắc hoạ rõ nét hơn tư tưởng chủ đề tác phẩm: "Trong cái im lặng của Sa Pa, chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người đang làm việc & lo nghĩ cho đất nước." **Hoạt động 4: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu cảnh đẹp Sa Pa** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** đặt câu hỏi, HS thảo luận cặp đôi và trả lời: ? Cảnh Sa Pa được miêu tả qua những chi tiết nào ? **?** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật thuật và tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó sử dụng trong những câu văn trên ?	

? Nói cảnh Sa Pa là một bức tranh nên thơ, em có đồng ý với ý kiến trên không ? Nếu bình về bức tranh này, em sẽ bình như thế nào ? ? Là học sinh, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vẻ đẹp thiên nhiên nơi Sa Pa như thế nào ? + ? Thiên nhiên nơi Sa Pa có tác dụng như thế nào đối với môi trường sống của chúng ta ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Cảnh Sa Pa được miêu tả qua những chi tiết : + (SGK-181) Đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn vào cả gầm xe...-> chất trữ tình toát lên. + Đoạn cuối (SGK- 188)...nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ ... Là học sinh, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vẻ đẹp thiên nhiên nơi Sa Pa : + Phát triển du lịch bền vững + Gìn giữ cảnh đẹp tự nhiên… **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS *** GV bình** : Đến với Sa Pa, không phải ai cũng thấy được hết vẻ đẹp của Sa Pa, mà phải là người có tâm hồn nhạy cảm, có một tình yêu mãnh liệt với Sa Pa thì mới có thể vẽ được bức tranh tuyệt hảo như vậy. Bởi vì: cũng là nắng, là mây, là rừng cây.v.v nhưng Nguyễn Thành Long lại miêu tả được một cách cụ thể, sinh động, hấp dẫn và cũng đầy chất trữ tình toát lên từ các hình ảnh: " Nắng len tới...Những cây thông rung tít trong nắng...cây tử kinh nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.	b Cảnh đẹp Sa Pa: + Nghệ thuật miêu tả kết hợp nhân hoá, chất trữ tình, tạo cho Sa Pa một vẻ đẹp kì lạ->Bức tranh sống động, nên thơ.

Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn vào cả gầm xe...tạo cho Sa Pa đẹp một cách kì lạ.Và nói đến Sa Pa hiện nay đó là một khu du lịch nổi tiếng hấp dẫn du khách bốn phương. Tác giả đã thể hiện sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng bay bổng đầy cảm xúc. **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi**: Tình huống truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long độc đáo, hấp dẫn vì sao ? Cảnh đẹp Sa Pa để lại cho em ấn tượng như thế nào ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Soạn tiếp phần còn lại: (Tìm hiểu về hình ảnh những con người lao động, đặc biệt là bức chân dung nhân vật anh thanh niên; hoàn cảnh sống, điều kiện làm việc, những phẩm chất cao đẹp của anh thanh niên (sgk))

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 14 - Tiết 67

Văn bản : **LẶNG LẼ SA PA**

(Nguyễn Thành Long)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Vẻ đẹp của hình tượng con người thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.
+ Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.

2. Năng lực:

+ Kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, ra quyết định, hợp tác, giải quyết vấn đề, tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh tình yêu quê hương, đất nước, con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tham khảo tư liệu soạn giáo án, chuẩn bị phiếu học tập chuẩn bị chân dung tác giả, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh Sa Pa

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc kĩ văn bản " Lặng lẽ Sa Pa": tình huống truyện, bố cục, ngôn ngữ, nghệ thuật, phân tích vẻ đẹp của nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv cho HS quan sát một số hình ảnh và cho biết điểm chung của những bức hình trên là gì? (hình ảnh cô giáo với lớp học vùng cao, cô lao công quét rác đêm khuya, bộ đội Trường Sa)

Gợi ý: sự vất vả, hi sinh thầm lặng

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt vào bài: Trong cuộc sống này, có rất nhiều người vẫn âm thầm lao động và cống hiến thầm lặng cho quê hương đất nước. Đó là những cô lao công oằn mình đẩy những xe rác trong đêm, là những thầy cô vượt khó để cõng chữ lên bản cho các em học sinh vùng cao, là những người lính đang ngày đêm canh gác biển đảo quê hương và có một người mà ta không thể không nhắc tới đó chính là nhân vật Anh thanh niên trong các phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu nhân vật anh thanh niên** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung	**c Hình ảnh người lao động:** a. Nhân vật anh thanh niên: * Hoàn cảnh sống và làm việc:

kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm theo các nội dung sau **Nhóm 1,3 :** tìm hiểu hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên ? Ấn tượng đầu tiên đối với mọi người về anh thanh niên qua lời giới thiệu của bác lái xe là gì ? ? Tại sao có thể coi anh thanh niên là 1 con người đặc biệt ? ? Qua đó em có nhận xét gì về hoàn cảnh sống của anh thanh niên ? ? Qua lời kể của anh thanh niên, em hiểu gì về công việc của anh ? ? Công việc đó đòi hỏi người làm phải có tinh thần, thái độ như thế nào ? ? Hãy tìm dẫn chứng minh hoạ cho sự vất vả của anh thanh niên ? Vì sao ông hoạ sĩ lại rất ngạc nhiên khi bước lên cầu thang đất ? ? Theo em cái khó khăn nhất trong cuộc sống của anh là gì? ? Lí do nào khiến anh vượt qua những khó khăn thử thách đó ? ? Tại sao ông hoạ sĩ già lại nghĩ; " Đã bắt gặp 1 điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi 1 nét thôi...? **Nhóm 2,4:** Thái độ của anh TN với công việc ? Anh thanh niên có những suy nghĩ như thế nào về nghề nghiệp, công việc ? Hãy tìm những câu văn thể hiện điều đó? Trang ? Qua lời kể em có suy nghĩ gì về thái độ làm việc của anh thanh niên ? ? Cuộc sống của anh thanh niên không cô đơn, buồn tẻ là do đâu? ? Anh tổ chức, sắp xếp cuộc sống 1 mình ở trạm khí tượng như thế nào? ? Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách, phẩm chất đáng mến nữa thể hiện trong thái độ của anh đối với mọi người. Hãy chứng minh điều đó? ? Khi ông hoạ sĩ tỏ ý muốn vẽ chân dung mình có thái độ như thế nào?	+ Sống 1 mình trên đỉnh núi cao 2600m, chỉ có cỏ cây, mây núi làm bạn-> anh thèm người nói chuyện. => hoàn cảnh sống khắc nghiệt, gian khổ. + Công việc: - Làm công tác khí tượng...vật lí địa cầu: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, chấn động.v.v. => công việc thầm lặng, vất vả, đòi hỏi chính xác, tỉ mỉ, công phu, tinh thần trách nhiệm cao. Tận tuỵ, yêu công việc. - Thái độ với công việc: yêu công việc, say mê, có ý thức trách nhiệm, hiểu rõ ý nghĩa công việc của mình, anh tìm thấy niềm vui trong công việc -> giàu nghi lực, vượt khó khăn thử thách sống lạc quan, sẵn sàng cống hiến,…. + Sống không cô đơn buồn tẻ, coi sách như người bạn, ham học hỏi. tổ chức, sắp xếp cuộc sống thật chủ động, ngăn nắp. + Sống cởi mở, chân thành rất quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò truyện. Chu đáo, quan tâm đến mọi người. + Khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình là nhỏ bé. -> Anh là người sống có lí tưởng, cống hiến lặng lẽ âm thầm cho đất nước. => Là bức chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần,

? Chỉ bằng 1 số chi tiết và chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng nhân vật anh thanh niên có những phẩm chất đáng quý nào? ? Nhân vật anh thanh niên đại diện cho ai trong thời kỳ đó ? ? Từ những biểu hiện về cách sống của anh thanh niên, hãy phát biểu ngắn gọn những bình luận của em về con người này ? Ấn tượng của em về anh thanh niên như thế nào ? ? Có ý kiến cho rằng: Trong truyện, Nguyễn Thành Long đã khắc họa thành công chân dung nhân vật anh thanh niên, em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3** Ấn tượng đầu tiên đối với mọi người về anh thanh niên qua lời giới thiệu của bác lái xe : Một con người thật đặc biệt, vì : + Thèm người: lấy cây chặn xe lại -> nói chuyện. + 27 tuổi 1 mình sống trên đỉnh núi 2600m làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Dẫn chứng minh hoạ cho sự vất vả của anh thanh niên: + 1giờ sáng rét, gió tuyết: tung chăn 1 mình xách đèn đi.v.v.. Ông hoạ sĩ lại rất ngạc nhiên khi bước lên cầu thang đất vì: + Nhà giản dị, đồ đạc sơ sài + Vườn hoa thược dược tươi tốt + Nuôi gà, vườn thuốc quý… → Cái gian khổ, khó khăn nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng 1 mình trên đỉnh núi cao không 1 bóng người – 1 hoàn cảnh thật đặc biệt. **Nhóm 2,4 :** Khi ông hoạ sĩ tỏ ý muốn vẽ chân dung mình , anh thanh nien đã từ chối, giới thiệu những người khác đáng cảm phục hơn (Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, những kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa...)	tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

Nhân vật anh thanh niên đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm miền Bắc vừa sản xuất vừa chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. → nhận xét : Anh TN là người giàu tình cảm, chân thành, tận tuỵ với công việc, chủ động trong cuộc sống và tìm thấy niềm vui trong công việc. Đó là cách sống tích cực mới mẻ, là tấm gương sáng về lao động để mọi người noi theo. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** - Cái gian khổ nhất của anh thanh niên không phải là công việc vất vả mà là nỗi cô đơn vắng vẻ. để vượt qua nó, chiến thắng được nó quả là 1 thử thách khó khăn. Xong người thanh niên ấy đã vượt qua hoàn cảnh đó, bởi anh ý thức được công việc của mình, trách nhiệm phải hoàn thành công việc đó-> Đó là lí tưởng sống cao đẹp , sự hi sinh & cống hiến thầm lặng của những người dân lao động ở Sa Pa nói chung. - Công việc của anh rất cần cho đất nước nhưng không phải ai cũng biết đến những cống hiến, hi sinh thầm lặng đó. Dù sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng ở anh thanh niên vẫn toát lên những phẩm chất tốt đẹp. - Anh quan tâm đến những con người thầm lặng miệt mài lao động sáng tạo phục vụ nhân dân, anh am hiểu, ngưỡng mộ và ca ngợi họ -> Tác giả dùng ngôn ngữ độc thoại để ca ngợi những người lao động tích cực. Anh cảm thấy những đóng góp của mình còn nhỏ bé…-> Anh khiêm tốn, thành thực, coi trọng lao động sáng tạo. → Anh TN là đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm miền Bắc vừa sản xuất vừa chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. - Anh là người giàu tình cảm, chân thành, tận tuỵ với công việc, chủ động trong cuộc sống và tìm thấy niềm vui trong công việc. Đó là cách sống tích cực mới mẻ, là tấm gương sáng về lao động để mọi người noi theo. Chỉ bằng 1 số chi tiết và xuất hiện trong 1 khoảng khắc của truyện, tác giả đã phác hoạ chân dung nhân vật chính với những nét đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống và suy nghĩ tích cực về ý nghĩa công việc và cuộc sống: sống có lí tưởng, cống hiến hiến lặng lẽ âm thầm cho đất nước -> Đó là vẻ đẹp giản dị nhưng cao đẹp với	

những khát vọng của người lao động mới. → Tác giả đã khắc hoạ thành công nhân vật. **Hoạt động 2: Tìm hiểu những nhân vật khác** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** HS thảo luận theo cặp đôi về các nhân vật ? Bác lái xe khiến cho người đọc yêu mến, vì sao ? ? Nhân vật ông hoạ sĩ già đóng vai trò gì trong truyện ? ? Tình cảm, thái độ của ông khi tiếp xúc, trò truyện với anh thanh niên ? ? Chi tiết " Người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh và về những điều anh suy nghĩ " chứng tỏ ông họa sĩ có tâm trạng như thế nào ? ? Ông hoạ sĩ suy nghĩ gì về nghề nghiệp, nghệ thuật về cuộc sống con người ? ? Em có nhận xét gì về bác lái xe và ông hoạ sĩ ? ? Cô kĩ sư trẻ nhận công tác lên miền núi, cuộc sống của anh thanh niên có tác động như thế nào đến cô ? ? Ngoài những nhân vật trên, truyện còn có những nhân vật nào? Những nhân vật này có điểm gì chung ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Bác lái xe khiến cho người đọc yêu mến, vì sự cởi mở, tốt tính. Nhân vật ông hoạ sĩ già đóng vai trò : + Vừa là nhân vật trong truyện. + Vừa là điểm nhìn trần thuật của tác giả, là người thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của tác giả.	b. Những nhân vật khác: * Bác lái xe: + Cởi mở, tốt tính * Ông hoạ sĩ già: Say mê sáng tạo, trăn trở về nghệ thuật. * Cô kĩ sư trẻ: Qua cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên cô yên tâm với quyết định lựa chọn nơi công tác. * Ông kĩ sư ở vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét: say mê khoa học, miệt mài cống hiến thầm lặng cho đời.

Tình cảm, thái độ của ông khi tiếp xúc, trò truyện với anh thanh niên : Xúc động, bối rối vì đã bắt gặp 1 điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, khơi gợi 1 ý sáng tác. Những nhân vật như anh TN, cô kĩ sư… có điểm gì chung , họlà đội ngũ những người trí thức đang ngày đêm lao động miệt mài, cống hiến thầm lặng, hi sinh cả tuổi trẻ, hạnh phúc cá nhân, góp phần xây dựng đất nước. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên:** Cảm xúc của hoạ sĩ được gợi lên mãnh liệt hơn từ chính những con người đang âm thầm làm việc trên đỉnh Sa Pa. Chi tiết " Người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh và về những điều anh suy nghĩ " … chính vẻ đẹp mới lạ khơi dậy biết bao cảm xúc và suy nghĩ. Đó là cái nhọc tinh thần rất cần cho sự sáng tạo nghệ thuật → Suy tư sâu sắc về nghề nghiệp, cuộc sống con người, về sức mạnh và sự bất lực của nghệ thuật trước cuộc sống... + Sự bối rối của người tìm kiếm cái đẹp bỗng phát hiện cái đẹp hiển hiện ngay trước mắt mình-> Sáng tạo nghệ thuật. (một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác) + Về quan niệm định dành những năm tháng cuối đời về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng ở vùng núi Sa Pa đẹp lặng lẽ này. Nhưng Sa Pa không lặng lẽ như ông tưởng, ở đó còn có bao người đang âm thầm, lặng lẽ say mê làm việc cống hiến cho đất nước. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV** đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Nội dung của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa? ? Tại sao các nhân vật trong truyện đều không được gọi tên cụ thể ?	

? Văn bản " Lặng lẽ Sa Pa" có ý nghĩa như thế nào? ? Nghệ thuật chính của truyện là gì ? *** Giáo viên:** Gọi học sinh đọc Ghi nhớ - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	4. Tổng kết: a Nội dung: Ý nghĩa : *ND : + Ca ngợi vẻ đẹp của những người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. * Ý nghĩa của văn bản: + Tác giả thể hiện niềm yêu mến đối với những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc. b Nghệ thuật: + Tạo tình huống tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn. + Xây dựng đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm. + Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên đặc sắc miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn. + Kết hợp giữa kể với tả và nghị luận + Tạo tính chất trữ tình trong tác phẩm truyện c Ghi nhớ: (SGK-189)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi:

? Qua truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa, em học tập được điều gì ở các nhân vật trong truyện ?

? Vì sao có thể cho rằng truyện "Lặng lẽ Sa Pa" có dáng dấp như 1 bài thơ ?

? Từ vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện, em có nhận xét gì về lí tưởng sống của 1 số thanh niên hiện nay ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Lí tưởng sống không đúng đắn: ăn chơi đua đòi, sa ngã vào các tệ nạn xã hội, sống không có lí tưởng, không biết phấn đấu, không lo cho tương lai, sống phụ thuộc, không có lập trường, không yêu quê hương đất nước, gia đình.v.v...

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV đặt câu hỏi: Vì sao có thể nói: Anh thanh niên đại diện cho thanh niên V.Nam trong công cuộc dựng nước & giữ nước ? Hãy nêu những nhận xét của em về hình ảnh anh thanh niên trong truyện Lặng lẽ Sa Pa?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Phẩm chất tốt đẹp, tri thức tiến bộ, tâm hồn trong sáng, sống có lí tưởng quên mình vì đất nước, vì cộng đồng

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Hoàn thành bài tập luyện.

+ Đọc, tóm tắt tác phẩm

+ Viết một đoạn văn ghi lại cảm nhận về một chi tiết nghệ thuật mà bản thân em thích nhất.

+ Chuẩn bị: Ôn tập Tiếng Việt (Xem lại các nội dung đã học chuẩn bị cho giờ ôn tập, đọc trước các bài tập:

- Học thuộc KN PCHT
- Đóng tiểu phẩm cho phần khởi động " Người ăn xin" & " Lợn cưới áo mới"-> ? PCHT nào được tuân thủ và phương châm HT nào không được tuân thủ trong hai tiểu phẩm trên?

- Phiếu học tập số 1 phục vụ phần II

Nhóm	Các từ xưng hô	Từ ngữ cụ thể	Cách dùng
1	1. Đại từ xưng hô (nhân xưng)		
2	2. Dùng chỉ quan hệ họ hàng, chức vụ, nghề nghiệp		
3	3. Danh từ chỉ tên riêng		

- Phiếu học tập số 2 phục vụ phần LT

Nhóm	ND tình huống	PC vi phạm	Lí do vi phạm
1	Câu chuyện 1:		
2	Câu chuyện con rắn vuông		
3	Câu chuyện 2: nói có đầu có đuôi		

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 13 - Tiết 63

Tuần 14 - Tiết 68
ÔN TẬP TIẾNG VIỆT
(Các phương châm hội thoại... Cách dẫn gián tiếp)
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Nhận biết, hiểu các phương châm hội thoại
+ Nhận biết, hiểu xưng hô trong hội thoại
+ Nhận biết, hiểu lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.
2. Năng lực:
+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.
3. Phẩm chất:
+ Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:Bảng phụ, soạn giáo án
2. Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị theo hướng dẫn SGK, yêu cầu của giáo viên
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU
a. Mục tiêu: :
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.
b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV yêu cầu HS đóng tiểu phẩm cho phần khởi động " Người ăn xin" & " Lợn cưới áo mới".
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt: Chúng ta vừa theo dõi hai tiểu phẩm thuộc hai phương châm hội thoại khác nhau. Hôm nay cô trò ta sẽ ôn lại các PCHT và cách xưng hô trong HT, cách chuyển lời dẫn TT sang lời dẫn gián tiếp để giúp giao tiếp của mỗi cá nhân có hiệu quả.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Ôn tập các phương châm hội thoại** **a. Mục tiêu:** biết được các PC hội thoại **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Nêu các phương châm hội thoại đã học và khái niệm của chúng? PCHT nào được tuân thủ và phương châm HT nào không được tuân thủ trong hai tiểu phẩm trên? Vì sao? ? Hãy lấy VD về các phương châm hội thoại khác bị vi phạm? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm.	**A Lí thuyết:** **I. Các phươngchâm hội thoại:** - Phương châm về lượng; - Phương châm về chất; - Phương châm quan hệ; - Phương châm cách thức; - Phương châm lịch sự.

<table>
<tr>
<td>- Học sinh thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày.
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
Kết quả mong đợi:

<table>
<tr><td>Phương châm về lượng</td><td>+ Khi giao tiếp cần có nội dung Nội dung lời nói phải đúng với yêu cầu giao tiếp (không thừa, không thiếu)</td></tr>
<tr><td>Phương châm về chất</td><td>Khi giao tiếp không nói những điều mà mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực</td></tr>
<tr><td>Phương châm quan hệ</td><td>Nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề</td></tr>
<tr><td>Phương châm cách thức</td><td>Cần nói ngắn gọn, rành mạch</td></tr>
<tr><td>Phương châm lịch sự</td><td>Cần chú ý đến sự lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng người đàm thoại.</td></tr>
</table>

+ Tiểu phẩm: - Người ăn xin tuân thủ PCHT lịch sự vì tuy không có gì cho người ăn xin nhưng cậu bé đã thể hiện thái độ lịch sự, tôn trọng ông lão(cầm tay, xin ông lão tha lỗi)
- Lợn cưới áo mới: vi phạm PCHT về lượng vì cả hai anh chàng nói thừa điều cần nói.(chiếc áo mới này & con lợn cưới)
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV bổ sung:</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Hoạt động 2: Xưng hô trong hội thoại
a. Mục tiêu: HS nắm được nguyên tắc mượn từ tiếng nước ngoài.
b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</td>
<td>II. Xưng hô trong hội thoại:
1. Từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt, Cách dùng:</td>
</tr>
</table>

? Hãy nêu 1 số từ xưng hô trong tiếng Việt ? Cách dùng chúng như thế nào?

Nhóm các từ xưng hô	Từ ngữ cụ thể	Cách dùng
Nhóm 1: 1. Đại từ xưng hô (nhân xưng)	+ Tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ… + Cậu, bạn, các cậu… + Nó, hắn…	- Ngôi 1, ngôi 2, ngôi 3 (số ít, số nhiều)
Nhóm 2: 2. Dùng chỉ quan hệ họ hàng, chức vụ, nghề nghiệp	+ Anh, em, chị, chú, bác, cô + Thủ trưởng, giám đốc, công nhân, cô giáo,…	+ dùng theo quan hệ trên, dưới, + nghề nghiệp
Nhóm 3: 3. Danh từ chỉ tên riêng	+ Hoa, Lan… + Nam, Hải,…	+ Dùng để gọi, xưng tên

? Nhìn bảng thống kê em hãy cho biết trong T v thường dùng từ ngữ xưng hô nào và cách sử dụng nó ra sao?

? Vì sao ta cần lựa chọn từ ngữ xưng hô?

(Dùng từ ngữ xưng hô phù hợp thì hiệu quả gt sẽ ntn? Vd với người lớn tuổi ta xưng mày tao có dc không

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS. Gv chuẩn kiến thức

Hoạt động 3: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

a. Mục tiêu: HS nắm được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

* Từ ngữ xưng hô:

1. Đại từ xưng hô ;
2. Dùng chỉ quan hệ họ hàng, chức vụ, nghề nghiệp;
3. Danh từ chỉ tên riêng.

* Cách dùng

- Dùng theo ngôi 1,2,3
- Dùng theo quan hệ trên dưới, ngề nghiệp.
- Dùng để gọi tên, xưng tê

2. Lí do chú ý lựa chọn từ ngữ xưng hô:

Dùng từ ngữ xưng hô phù hợp hiệu quả giao tiếp sẽ cao.

III Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp:

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Phân biệt lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Một nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết quả mong đợi:

Dẫn trực tiếp	Dẫn gián tiếp
+ Nhắc lai nguyên vẹn lời người khác (đúng ý, nguyên văn lời) + Để sau dấu (:) và "…"	+ Nhắc lại lời hay ý người khác không cần nguyên vẹn (có thể điều chỉnh) + Không dùng dấu "…", có thể thêm "rằng, là…"

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* Cả lớp làm bài tập theo nhóm, GV hướng dẫn HS làm các bài tập

Nhóm 1: Bài tập về PCHT

Chiếu 3 câu chuyện trong SGV/206: phiếu HT số 2: ba câu chuyện trên màn hình.

Chỉ rõ phương châm HT không được tuân thủ và giải thích lí do?

Bài 1

Nhóm	ND tình huống	PC vi phạm	Lí do vi phạm
1	Câu chuyện 1: Sóng	PC quan hệ	Nói lạc đề
2	Câu chuyện 2: Nói có đầu có đuôi	PC cách thức	Nói dài dòng
3	Câu chuyện 3: Con rắn vuông	PC về chất	Nói không đúng sự thật

Nhóm 2: Bài tập về xưng hô trong hội thoại Nhận xét về cách xưng hô trong tiếng Việt: **Nhóm 3:** Bài tập về lời dẫn trực tiếp- lời dẫn gián tiếp ? Tìm lời dẫn trực tiêp trong đoạn văn? Căn cứ vào đâu em xác định đó là lời dẫn TT? ? Vậy chuyển lời dẫn TT sang gián tiếp sẽ dùng thống nhất ở ngôi ba ta sẽ chuyển ntn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	2 Bài tập về xưng hô trong hội thoại: Bài tập 2 phần II/190: Nhận xét về cách xưng hô trong tiếng Việt: "xưng khiêm, hô tôn": Người nói xưng mình 1 cách khiêm nhường, gọi người đối thoại 1 cách tôn kính. VD: - Gọi vua: Bệ hạ(xưa), - Bần sĩ (kẻ sĩ nghèo) - Bần tăng (nhà sư nghèo) 3 Bài tập về lời dẫn trực tiếp-lời dẫn gián tiếp Bài 2 phần III/190: * Chuyển lời dẫn TT sang lời dẫn GT, phân tích sự thay đổi về từ ngữ: + Thay ngôi kể: (ngôi 3) - tôi-> nhà vua - chúa công-> vua QT + Thay từ: bây giờ-> bấy giờ + Bỏ từ đây

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV đặt câu hỏi: Lập sơ đồ về hệ thống từ xưng hô trong hội thoại

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Xem lại phần lí thuyết giờ Ôn tập. Hoàn chỉnh các bài tập

+ Chuẩn bị Viết bài TLV số 3 (Xem lại các tiết lí thuyết kết hợp các yếu tố miêu tả, nghị luận, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. Xem, lại các đoạn trích " Lặng lẽ Sa Pa ", "Làng" Các nhân vật chính, đóng vai nhân vật chính kể lại diễn biến tâm trạng," Bài thơ về tiểu đội xe không kính" Chú ý kết hợp các yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 17 - Tiết 69 & 70

Tập làm văn: VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3

A. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, HS có khả năng :

1. Kiến thức:

+ Vận dụng kiến thức đã học để viết bài văn tự sự kết hợp nghị luận và miêu tả nội tâm.

2. Kỹ năng:

+ Rèn kĩ năng vận dụng lí thuyết, diễn đạt trong sáng mạch lạc, trình bày rõ ràng, khoa học.v.v.

3. Thái độ:

+ Bồi đắp tình cảm yêu làng, yêu đất nước, có niềm tin vào những điều tốt đẹp.

B. Chuẩn bị:

*** Giáo viên:** Chuẩn bị đề bài, đáp án, biểu điểm.

*** Học sinh:** Chuẩn bị và ôn kĩ phần kiến thức liên quan

C. Phương pháp:

+ Thực hành viết, kĩ thuật động não.

D. Tiến trình giờ dạy:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.

2. Ma trận đề:

3. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Xem lại phần lí thuyết.

+ Đọc trước bài: Người kể chuyện trong văn tự sự.

+ Chuẩn bị trả bài Kiểm tra văn truyện trung đại và tự học có hướng dẫn " Người kể chuyện trong văn bản tự sự" (Xem lại các kiên thức có liên quan đến đề kiểm tra, chữa các lỗi có ở trong bài, xem trước nội dung bài " Người kể chuyện trong văn bản tự sự" , trả lời các câu hỏi SGK)

Ngày soạn :
Ngày dạy :

Tuần 15 - Tiết 71:

TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN TRUYỆN TRUNG ĐẠI
TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: NGƯỜI KỂ CHUYỆN
TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1.Kiến thức:

+ Củng cố kiến thức về văn học trung đại với các kiến thức về tác giả, tác phẩm, thể loại, ý nghĩa, nội dung chính, nghệ thuật.

+ Hiểu vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm tự sự.

+ Nắm những hình thức kể chuyện trong tác phẩm tự sự.

+ Hiểu đặc điểm của mỗi hình thức người kể chuyện trong tác phẩm tự sự.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh ý thức tự giác học tập, tích cực khi chữa lỗi và học hỏi bạn kĩ năng, phương pháp làm bài kiểm tra tổng hợp, qua đọc rút kinh nghiệm bài viết của những học sinh khá.

+ Ý thức vận dụng ngôi kể trong giao tiếp cũng như viết văn bản khi cần thiết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bài chấm và nhận xét cụ thể. chuẩn bị các phiếu học tập, bảng phụ

2. Chuẩn bị của học sinh: : Xem lại phương pháp làm bài văn phân tích nhân vật, lập dàn ý chuẩn bị cho giờ trả bài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Phương pháp phân tích nhân vật là một phương pháp quan trọng trong việc học văn của chúng ta. Vì nó yêu cầu người đọc hiểu nội dung của văn bản mà còn phải nắm vững kĩ năng phân tích nhân vật: Các phẩm chất, tính cách, tình cảm của nhân vật.v.v. không những chỉ được sử dụng khi làm văn mà còn được sử dụng khi thuyết minh, giới thiệu, trình bày về một đối tượng nhân vật nào đó trong cuộc sống giúp người nghe hiểu được một cách chính xác về đối tượng qua những kiến thức khi trình bày. Thế nên khi phân tcish nhân vật chúng ta cần chú ý những kĩ năng nào, giờ trả bài hôm nay cô trò ta cùng nhau ôn lại phương pháp làm bài phân tích nhan vật văn học.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	
HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	**NỘI DUNG BÀI HỌC**
* Giáo viên chép lại đề bài và nêu qua đáp án biểu	**A. Trả bài kiểm tra Truyện trung đại:** **I. Đề bài & đáp án biểu điểm: (Giáo án-Tiết 47)** **II. Nhận xét chung:** 1. Ưu điểm:

điểm cho học sinh theo dõi.	+ Đã nắm được phương pháp làm bài kiểm tra mang tính tổng hợp gồm 2 phần trắc nghiện và tự luận. + Nhìn chung một số em hiểu đề, tập trung vào làm rõ các đặc điểm của nhân vật Lục Vân Tiên. * Một số em có kết quả bài viết khá tốt: + Một số em đã nắm được phương pháp phân tích nhân vật. Biết kết hợp các dẫn chứng và các lí lẽ khi phân tích. Nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn. + Cách trình bày bài nhìn chung là khoa học, sạch đẹp, diễn đạt trôi chảy, lời văn trong sáng có sức thuyết phục nhờ hình ảnh, cảm xúc chân thành. 9a1: Giang, Huệ Phương, Thúy Hằng, Nguyệt Hà, Diệu Linh, 9a2: Ngọc, Thu Huyền, Hà Phương * Một số em có sự tiến bộ rõ rệt về ý thức học tập, cách trình bày, diễn đạt: A1: Thương, Trương Minh, Huệ, Công Minh A2: Thanh Huyền, Hạnh, Ngọc, Mai II. Nhược điểm: + Nhược lớn nhất của học sinh là đa số các em chưa có kĩ năng miêu tả chân dung nhân vật, phân tích tính cách nhân vật dựa vào các câu thơ: + Miêu tả không đầy đủ các chi tiết, không bám vào lời thơ, ý thơ của tác giả. + Bức chân dung sơ sài, đơn giản chỉ là phát biểu cảm nghĩ + Khi phân tích: chưa có dẫn chứng, các đặc điểm phân tích sơ sài, chỉ là những nhận xét về nhân vật + Sau khi phân tích, chưa có sự đánh giá khái quát về nhân vật.
	+ Đa số học sinh chưa biết cách kết hợp dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc khi phân tích nhân vật, chưa bám sát các từ ngữ, hình ảnh để phân tích các đặc điểm, phẩm chất nổi bật của Lục Vân Tiên. + Một số em ý thức học tập không cao, nên không nắm được phương pháp, đặc điểm nhân vật, không thuộc dẫn chứng trong văn bản nên bài viết phân tích không đạt yêu cầu, sơ sài, cẩu thả 9a1: Sơn, Tuấn, Công 9a2: Cường, Trung, Bá Huy, Gia Huy + Một số em chưa đọc kĩ đề, chưa xác định rõ yêu cầu của đề nên khi viết còn bị lạc hướng hoặc không tập trung: các em chưa xác định được nội dung cần

	phân tích là nhân vật Lục Vân Tiên nên còn phân tích cả nhân vật Kiều Nguyệt Nga 9a1: Không có học sinh nào mắc 9a2: Tiến Dũng, Nguyễn Dũng + Một số bài viết quá sơ sài về nội dung(kiến thức về nhân vật không có, chưa vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp, các yêu tố kết hợp khi phân tích nhân vật-> quá sơ sài, thiếu ý: 9 a1: Sơn, Tuấn, Công, Trung 9a 2: Cường, Trung, Bá Huy, Gia Huy + Một số bài viết cẩu thả về chữ, cách trình bày, dập xoá nhiều: 9 a1: Hoà, Hoàng 9a 2: Cường, Trung, Bá Huy, Gia Huy + Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng, 9 a1: Lâm Nhi, Trung, 9H: Hiền, Huy, Cường
	+ Một số bài viết còn không sử dụng dấu câu đúng lúc, đúng chỗ, câu dài, chưa rõ nghĩa, thiếu sự hoàn chỉnh về nội dung.v.v.. + Một số bài còn đưa quá nhiều dẫn chứng vào, thiếu sự chọn lọc, tiêu biểu + Một số học sinh khi đưa dẫn chứng thơ vào thì viết liền mạch như văn xuôi không có sự phân biệt các câu thơ **III. Trả bài học sinh:** IV. Chữa lỗi: 1. Chính tả: + kinh tài, trớ ra, luôn rúp, hữu sông, gặp lạn, câu thơ chên, đoạn văn lày, cư sử, giám đối đầu, liềm tin.v.v. => khinh tài, chớ ra, hữu xông, gặp nạn, câu thơ trên, đoạn văn này, cư xử, dám đối đầu, niềm tin 2. Dùng từ: +Văn võ toàn vẹn -> song toàn + Lục Vân Tiên xông xáo tung hoành-> tả đột hữu xông + Lục Vân Tiên là một người lí tưởng-> nhân vật

	+ Ca ngợi nhân vật Lục Vân Tiên và khát vọng lãnh đạo cứu đời của Nguyễn Đình Chiểu-> hành đạo. 3. Diễn đạt &Câu: + Chàng đã nói lên một câu mà ai nghe cũng có thể nhận thấy chàng là người trọng nghĩa khinh tài-> Qua cách trả lời của Lục Vân Tiên ta thấy chàng là một người trọng nghĩa khinh tài. + Khi đánh tan bọn cướp thì Lục Vân Tiên nếu có tài mà không giúp dân thì khác nào bọn vô nghĩa-> Quan điểm của Lục Vân Tiên là thấy việc nghĩa không làm thì không phải là anh hùng
* Giáo viên dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả)	+ Tác phẩm có thể nói Lục Vân Tiên là con người dũng cảm, chính trực tài ba-> Qua đoạn trích, chúng ta thấy Lục Vân Tiên là con người dũng cảm, chính trực tài ba. + Giữ lễ nghĩa của một người đàn bà và đàn ông trong thời phong kiến-> Lục Vân Tiên đã giữ gìn lễ giáo phong kiến với quan điểm " nam nữ thụ thụ bất thân"
* Giáo viên dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ, đặt câu, chỉ ra lỗi sai trong các phần của Bố cục(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ đặt câu)	4. Bố cục: * Mở bài: + Tác phẩm Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm nói về hình ảnh nhân vật Lục Vân Tiên và hành động đánh cướp của chàng. + Hình ảnh Lục Vân Tiên trong Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga đã được tác giả Nguyễn Đình Chiểu khắc hoạ rõ nét với những hành động, cử chỉ, lời nói trong đoạn trích. * Kết bài: + Qua bài thơ tác giả cho ta thấy Lục Vân Tiên có tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm và nhân hậu. Đó là lời thơ mộc mạc, bình dị gần gũi với tiếng nói thường ngày và mang đậm sắc thái địa phương Nam Bộ. + Là hình ảnh đẹp, lí tưởng hành đạo cứu đời, vì dân dẹp loạn. Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm niềm tin qua nhân vật Lục Vân Tiên.
* Giáo viên đọc mẫu một vài đoạn văn hay, viết có hình ảnh, cảm xúc, đúng phương pháp để học sinh rút kinh nghiệm.	**V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu:** + 9ª1: Giang, Huệ Phương, Vương Oanh + 9a2: Ngọc, Lê Huyền, Hà Phương **VI. Thống kê điểm:**

* Giáo viên thống kê điểm bài viết số 1 cho học sinh nghe.	

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2

B. Tự học có hướng dẫn: Người kể chuyện trong văn tự sự:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự** **a. Mục tiêu:** hiểu được vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** NV1: Phân tích ví dụ** **GV:** Gọi học sinh đọc đoạn trích trong SGK/ 192 * Cho học sinh thảo luận nhóm 2 bàn các câu hỏi SGK: ? Đoạn trích này nói về ai và về sự việc gì ? ? Đoạn trích ai là người kể về các nhân vật và sự việc trên ? ? Nếu người kể là một trong 3 nhân vật trên thì ngôi kể và lời kể sẽ như thế nào ? (Thay đổi) ? Những câu "Giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ" và "Những người con gái sắp xa ta biết không bao giờ gặp ta nữa hay nhìn ta như vậy" ... là nhận xét của người nào ? Về ai ? **NV2: Rút ra nhận xét** ? Hãy nêu những căn cứ có thể nhận xét người kể chuyện ở đây dường như thấy hết và biết tất cả mọi việc, mọi hành động, tâm tư của các nhân vật ? ? Căn cứ vào câu chủ thể đứng ra kể chuyện được miêu tả, ngôi kể điểm nhìn và lời văn em rút ra nhận xét gì? ? Nêu các hình thức kể chuyện trong văn tự sự ? ? Người kể chuyện có vai trò gì ? ? Người kể chuyện là ai ?	**B. Tự học có hướng dẫn: Người kể chuyện trong văn tự sự:** I. Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự . 1. Phân tích ngữ liệu: (SGK-192)

? Có nên đánh đồng người kể chuyện với tác giả không ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Đoạn trích kể về phút chia tay giữa người hoạ sĩ già, cô gái và anh thanh niên. Các nhân vật : + Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. + Cô kĩ sư mặt đỏ ửng. + Bỗng nhà hoạ sĩ già quay lại -> Người kể về phút chia tay không xuất hiện, không phải là ông hoạ sĩ , cô kĩ sư, anh thanh niên. -> Các nhân vật đều trở thành đối tượng miêu tả một cách khách quan => Người kể chuyện ở đây là vô nhân xưng không xuất hiện trong câu chuyện. ? Nếu người kể là một trong 3 nhân vật trên thì ngôi kể và lời kể sẽ thay đổi: Hoặc là xưng tôi, hoặc là xưng tên 1 trong 3 nhân vật đó để kể lại chuyện. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: Những câu "Giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ" và "Những người con gái sắp xa ta biết không bao giờ gặp ta nữa hay nhìn ta như vậy" ... là nhận xét của người kể chuyện về anh thanh niên và suy nghĩ của anh. + Câu nhận xét thứ 2, người kể chuyện như nhập vào nhân vật anh thanh niên để nói hộ suy nghĩ và tình cảm của anh ta nhưng vẫn là câu trần thuật của người kể chuyện. → Câu nói đó vang lên không chỉ nói hộ anh thanh niên mà là tiếng lòng của rất nhiều người trong tình huống đó. Nếu đó là lời nói trực tiếp của anh thanh niên thì tính khái quát sẽ bị hạn chế rất nhiều. Không nên đánh đồng người kể chuyện và tác giả, ngay cả khi người kể chuyện xưng " tôi" *** Giáo viên** khái quát ý toàn bài rồi rút ra ghi nhớ.	* Các hình thức kể chuyện trong văn tự sự: + Ngôi thứ nhất xưng " Tôi": Thường là nhân vật của truyện hay nhân vật chứng kiến câu chuyện. + Ngôi thứ 3: Người kể dấu mình nhưng cái nhìn của người kể này lại có mặt ở tất cả mọi nơi trong văn bản, đó biết hết mọi sự việc, nhìn thấu được nhân vật trong truyện. * Vai trò của người kể chuyện: Dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện, kết nối các sự việc, giúp người đọc hiểu về nhân

Hoạt động 2: Luyện tập **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết vào làm bài tập **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên gợi ý** ? Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi: So sánh đoạn văn của Nguyên Hồng với đoạn văn của Nguyễn Thành Long vừa phân tích ở trên ? ? Người kể chuyện ở đây là ai ? ? Ngôi kể này có ưu điểm gì và có hạn chế gì so với ngôi kể ở đoạn trên ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	vật, đưa ra nhận xét, đánh giá về những điều được kể. 2. Ghi nhớ (SGK- 193) **II. Luyện tập:** Bài tập 1,2 + Người kể chuyện trong đoạn văn của Nguyên Hồng là nhân vật " Tôi" (ngôi thứ nhất) – Chú bé trong cuộc gặp gỡ cảm động với mẹ mình sau những ngày xa cách. + Ngôi kể này giúp cho người kể dễ đi sâu vào tâm tư tình cảm, miêu tả được những diễn biến tâm lí tinh vi phức tạp đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật. " Tôi". + Ngôi kể này có hạn chế trong việc miêu tả bao quát các đối tượng khách quan sinh động khó tạo ra cái nhìn nhiều chiều, do đó dễ gây nên sự đơn điệu trong giọng văn trần thuật.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: **? Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự ?**

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
+Vai trò của người kể chuyện: Dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện, kết nối các sự việc, giúp người đọc hiểu về nhân vật, đưa ra nhận xét, đánh giá về những điều được kể.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học thuộc ghi nhớ, hoàn thành bài tập 2 (b) .

+ Đọc và chuẩn bị: " Chiếc lược ngà" - Nguyễn Quang Sáng

(Tìm hiểu thêm về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Quang Sáng, tóm tắt truyện, tình huống truyện, PTBĐ, chia đoạn, phân phân tích các ý chính)

*** Phiếu học tập**: Nỗi niềm người cha lần đầu gặp con

Tình huống	**Chi tiết**	**Nghệ thuật**	**Tác dụng của giá trị NT**
Trước khi về thăm nhà			
Khi nhìn thấy con			
Khi con không nhận			
Cảm nhận về tình cảm của ông Sáu dánh cho con			

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 15 - Tiết 72

CHIẾC LƯỢC NGÀ

(Nguyễn Quang Sáng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nhận biết về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện "Chiếc lược ngà"
+ Hiểu tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
+ Nắm sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ biết ơn, trân trọng những hi sinh của thế hệ cha anh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Đọc tư liệu tham khảo soạn giáo án, chuẩn bị chân dung tác giả, tác phẩm, máy chiếu, máy tính, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm. Tình huống truyện, bố cục, tóm tắt, PTBĐ, phân tích các nội dung nghệ thuật chính của văn bản.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Để có được độc lập của dân tộc ngày hôm nay, những người lính đã phải hi sinh đi rất nhiều thứ. Có người đã ngã xuống vì hai chữ "Tự do", có người không còn lành lặn để trở về, có người phải quên đi hạnh phúc cá nhân....Cảm kích trước những sự hi sinh này, có không ít nhà văn, nhà thơ đã đưa vào tác phẩm của mình những hình ảnh thật ý nghĩa. Một trong những tác phẩm đó là truyện ngắn Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm là một câu chuyện rất cảm động viết về tình cha con trong cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh chống Mĩ cứu nước.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** Nêu những nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Quang Sáng ? ? Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản ?	**A. Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: + Sinh năm 1932- Quê ở Quảng Ngãi + Là nhà văn mà cuộc sống và sáng tác gắn liền với vùng đất Nam Bộ trong hai cuộc chiến đấu chống Pháp và Mĩ và sau hòa bình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên** giới thiệu dung nhà văn N.Q.S các tác phẩm của ông và bổ sung: Nguyễn Quang Sáng tham gia kháng chiến chống Pháp, năm 1945 tập kết ra Bắc, viết văn. Kháng chiến chống Mĩ ông về Nam tiếp tục khỏng chiến, viết văn. Nguyễn Quang Sáng rất am hiểu, gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong 2 cuộc kháng chiến và khi hoà bình. Truyện của ông thường có cốt truyện khá hấp dẫn, xoay quanh những tình huống khá bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí. Ngôn ngữ truyện của ông gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc Nam Bộ. Nhà văn đã có những tiểu thuyết chuyển thể thành phim: Cánh đồng hoang, Mùa gió chướng.v.v... ***** Sáng tác vào thời điểm khi cuộc kháng chiến đang diễn ra quyết liệt. Đáng chú ý là truyện viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung nói về tình người – tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh và tình đồng chí của những người cán bộ Cách mạng thật cảm động=> Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" tiêu biểu cho những đặc điểm trong nhệ thuật viết truyện ngắn của N.Q.Sáng. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **NV1 : * Giáo viên hướng dẫn đọc:** To rõ ràng, chú ý nhấn mạng những từ ngữ miêu tả tâm trạng, giọng đọc	2. Tác phẩm: + Sáng tác năm 1966 được in trong tập truyện cùng tên "Chiếc lược ngà" + Đoạn trích nằm ở phần giữa truyện. **B. Đọc- hiểu văn bản**: 1. Đọc - Hiểu chú thích: **2. Bố cục:** 2 phần + Thể loại: Truyện ngắn + PTBĐ: tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm và nghị luận.

phù hợp với từng nhân vật: Bé Thu bướng bỉnh, ngang ngạnh-> xúc động, yêu thương ba. Ông Sáu yêu con, buồn vì con không nhận mình, khi con nhận lại xúc động. **NV2 : Giáo viên** tóm tắt phần lược bỏ ở đầu truyện: Bác Ba & 1 số đồng chí khác trong 1 chuyến công tác đã gặp cô giao liên thông minh, nhanh trí, dũng cảm đã đưa đoàn cán bộ cách mạng qua quãng sông an toàn trước sự dữ dội của bom đạn. Bác Ba đã hỏi ra mới biết tên cô giao liên & hình ảnh của cô giúp bác nhớ lại câu chuyện cha con ông Sáu- 1 người bạn của ông đã hi sinh. *** Giáo viên** yêu cầu HS tóm tắt văn bản *** NV3 : Giáo viên** hướng dẫn học sinh tìm hiểu 1 số chú thích sgk qua 1 số câu hỏi : ? Trong văn bản có sử dụng 1 số từ ngữ địa phương em hãy tìm & giải nghĩa chúng ? ? Em hãy tóm tắt ngắn gọn nội dung văn bản ? **?** Nêu thể loại và phương thức biểu đạt của văn bản ? ? Xác định ngôi kể ? Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể đó ? ? Em hãy xác định bố cục đoạn trích ? - HS tiếp nhận văn bản. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **HS tóm tắt** + Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Trước khi chuẩn bị đi tập kết, ông Sáu cùng bạn là ông Ba về thăm nhà. Lúc này con gái của ông Sáu(bé Thu) đã lên 8 tuổi. Bé Thu không nhận ra Ba vì sẹo trên mặt ba làm ba em không giống với bức hình chụp mà em đã biết. Em đối xử với ba như người xa lạ làm cho ông Sáu rất khổ tâm. Đến lúc bé Thu nhận ra ba mình, tình cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm yêu quý, nhớ thương đứa con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn ông Sáu đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt ông còn kịp trao chiếc lược cho người bạn (ông Ba) để trao lại cho đứa con gái yêu quý của mình.	+ Ngôi kể: Thứ nhất, lời kể của anh Ba - người chứng kiến câu chuyện -> Tạo cảm giác chân thực... + Bố cục: 2 phần

+ Ngôi kể : ngôi thứ nhất (Lựa chọn anh Ba- người kể chuyện là bạn của ông Sáu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật trong truyện) -> tác dụng: tăng độ tin cậy, tính trữ tình của chuyện. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Nhân vật : + Nhân vật chính là ông Hai Thu. Qua câu chuyện diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng quê của ông Hai - người nông dân phải dời làng đi tản cư trong thời kháng chiến chống Pháp. + Ngôi thứ 3 -> Tác dụng đảm bảo tính khách quan của những cái được kể, gợi cảm giác chân thực cho người đọc. Bố cục 2 phần **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu tình huống truyện** **a. Mục tiêu:** HS nắm tình huống truyện và ý nghĩa **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên đặt câu hỏi :** ? Trong đoạn trích tình huống nào bộc lộ sâu sắc, cảm động tình cảm cha con của ông Sáu ? ? Em nhận xét gì về cách đưa tình huống truyện của tác giả ? Cốt truyện có gì đặc biệt ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **+ Tình huống 1:** Sau 8 năm xa cách, 2 cha con ông Sáu gặp nhau nhưng bé Thu không nhận cha, đến khi hiểu ra thì ông Sáu phải ra đi -> bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành với cha.	3. Phân tích: a Tình huống truyện:

+ **Tình huống 2:** Ông Sáu ở chiến khu làm cây lược ngà tặng con nhưng ông đã hi sinh. Lúc sắp hi sinh chỉ kịp trao cho đồng đội nhờ chuyển chiếc lược cho con -> bộc lộ tình cảm người cha với con **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: Truyện có 2 tình huống sâu sắc, qua đó tạo tình huống truyện éo le, các nhân vật bộc lộ được tâm trạng, cảm xúc của mình. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu diễn biến tâm trạng người cha** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** * GV yêu cầu HS theo dõi 2 khổ thơ đầu ? Khi được về thăm nhà ông Sáu có cảm giác, tâm trạng nhưthế nào? Hành động nào thể hiện rõ nhất điều đó? ? Vì sao anh lại có những hành động đó ? ? Khi được gặp con, anh Sáu có những cử chỉ, hành động như thế nào? Điều đó thể hiện tình cảm gì của ông Sáu ? ? Khi con không nhận là cha, ông Sáu có biểu hiện và tâm trạng ra sao? ? Tại sao ông Sáu lại có tâm trạng đó ? ? Hình ảnh Ông Sáu lúc này được miêu tả như thế nào? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Khi được về thăm nhà ông Sáu có cảm giác, tâm trạng : + Tình người cha cứ nôn nao trong người anh. + Khi xuồng vào bến, không chờ xuồng cập bến, anh nhún chân nhảy lên bờ để gặp con khiến xuồng tạt ra. → Vì xa nhà gần 8 năm, chưa được gặp con, anh rất mong được gặp con...	+ Tạo tình huống truyện éo le. + Cốt truyện mang yếu tố bất ngờ b Nỗi niềm của người cha * Lần đầu tiên gặp con: + Tình người cha cứ nôn nao trong người anh. + Xuồng chưa cập bến, anh nhún chân nhảy lên bờ để gặp

Khi được gặp con, anh Sáu có những cử chỉ, hành động : + Kêu to: Thu ! Con + Đưa tay đón, giọng run run.. Khi con không nhận là cha, ông Sáu có biểu hiện và tâm trạng: Ông đứng sững lại, đau đớn, mặt sầm lại, 2 tay buông xuống như bị gãy **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: + Anh Sáu khao khát gặp con để được nghe một tiếng gọi ba của con bé. Và ông cũng nghĩ đứa con sẽ chạy sà vào loàng ông để ông ôm ấp, vỗ về-> nhưng anh đó bị từ chối. → Ông đứng sững lại, đau đớn, mặt sầm lại, 2 tay buông xuống như bị gãy -> Miêu tả nội tâm : hụt hẫng, ***** Cả cha và con đều khao khát gặp nhau nhưng đến khi gặp rồi con lại không nhận ra cha chỉ vì cha có vết sẹo làm khuôn mặt biến dạng -> Tác giả không miêu tả chiến tranh khốc liệt nhưng người đọc vẫn cảm nhận được sự tàn nhẫn của chiến tranh: huỷ hoại con người, chia rẽ tình cảm gia đình: tình cảm vợ chồng, tình cha con,…	con, vừa gọi, vừa chìa tay đón con. + Nỗi nhớ thương, xúc động, khao khát, vui mừng khi gặp con. + Khi con không nhận là cha: Ông đứng sững lại, đau đớn, mặt sầm lại, 2 tay buông xuống như bị gãy -> Miêu tả nội tâm : hụt hẫng, thất vọng, buồn khổ vô cùng. -> Tình yêu thương con tha thiết nhưng chưa được đền đ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi: Tâm trạng nhân vật ông Sáu được thể hiện như thế nào qua đoạn truyện vừa phân tích? Qua đoạn trích em có nhận xét gì về cuộc chiến tranh của Mĩ tại Việt Nam ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Vì xa nhà gần 8 năm, anh rất mong được gặp con -> Nỗi nhớ thương, xúc động, khao khát, vui mừng khi gặp con.

+ Tình người cha cứ nôn nao trong người anh.

+ Khi xuồng vào bến, không chờ xuồng cập bến, anh nhún chân nhảy lên bờ để gặp con khiến xuồng tạt ra.

+ Kêu to: Thu ! Con

+ Đưa tay đón, giọng run run..

- Khao khát gặp con để được nghe một tiếng gọi ba của con bé . Và ông cũng nghĩ đứa con sẽ chạy sà vào loàng ông để ông ôm ấp, vỗ về -> nhưng anh đó bị từ chối.

+ Ông đứng sững lại, đau đớn, mặt sầm lại, 2 tay buông xuống như bị gãy

+ Khi con không nhận là cha -> hụt hẫng, thất vọng, buồn khổ vô cùng.

<=> Tình yêu thương con tha thiết nhưng chưa được đền đáp.

+ Chiến tranh tàn khốc, vô nhân đạo, hủy diệt cuộc sống mọi mặt của con người để lại những vết thương đau lòng cho những người dân Việt Nam.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc và tóm tắt văn bản

+ Phân tích tình cảm, tâm trạng của ông Sau khi gặp con sau 8 năm xa cách

+ Soạn tiếp: Tình cảm của ông Sau đối với bé Thu những ngày ở nhà, khi ở chiến khu

*** Phiếu học tập số 1: Nỗi niềm người cha những ngày đoàn tụ**

Tình huống	Phản ứng của con	Nghệ thuật	Tác dụng của giá trị NT
Khi con gọi vào ăn cơm			
Khi gắp trứng cá cho con			
Cảm nhận chung về tình cảm của ông Sáu với con			

*** Phiếu học tập số 2: Nỗi niềm người cha trong buổi chia tay**

Tình huống khi con nhận là ba	Chi tiết	Nghệ thuật	Tác dụng của giá trị NT
Thái độ lúc ban đầu			
Hành động			
Cảm nhận chung về tình cảm của ông Sáu với con			

***Phiếu học tập số 3: Nỗi niềm người cha những ngày xa con:**

Tình huống	Tâm trạng, hành động	Nghệ thuật	Tác dụng của giá trị NT
Khi nhớ lại việc trót đánh con			

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 15 - Tiết 73

Văn bản: CHIẾC LƯỢC NGÀ (Tiếp)

(Nguyễn Quang Sáng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nhận biết về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện "Chiếc lược ngà"

+ Hiểu tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

+ Nắm sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ biết ơn, trân trọng những hi sinh của thế hệ cha anh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Đọc tư liệu tham khảo soạn giáo án, chuẩn bị chân dung tác giả, tác phẩm, máy chiếu, máy tính, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm. Tình huống truyện, bố cục, tóm tắt, PTBĐ, phân tích các nội dung nghệ thuật chính của văn bản.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Đó là tình cảm thiêng liêng của hai cha con ông Sáu. Vì chiến tranh mà giây phút cha con ông gặp nhau thật đau lòng: con không nhận cha, khi nhận ra nhau thì là lúc phải chia tay. Nỗi niềm của người cha với con trong những thời khắc đó như thế nào? Ta tìm hiểu bài hôm nay.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng ông Sáu** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời	b. Nỗi niềm người cha: * Lần đầu gặp con: (Tiết 72) * Những ngày đoàn tụ : Ông Sáu khao khát mong con gọi 1 tiếng " ba":

câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV :** Để truyện được liền mạch một học sinh kể lại tóm tắt nội dung câu chuyện theo tranh. * GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm : **Nhóm 1,3 :** **Sử dụng phiếu học tập số 1** đã làm ở nhà để tìm hiểu phần nỗi niềm người cha trong những ngày đoàn tụ. ? Trong suốt 3 ngày thăm nhà thăm nhà, ông Sáu khao khát điều gì?Những chi tiết nào thể hiện điều đó ? ? Thậm chí trong lúc nồi cơm có nguy cơ bị nhão, nồi to, con không bắc xuống được, ông Sáu vẫn ngồi im. Chi tiết đó có ý nghĩa gì? ? Trong bữa cơm, ông đã làm gì? gắp cho nó cái trứng cá nhưng nó hất ra, ông Sáu đã có phản ứng như thế nào? ? Theo em vì sao ông Sáu lại hành động như vậy ? Em có nhận xét gì về cách xây dựng tâm lí nhân vật? ? Từ những hành động trên ta có nhận xét gì về tình cảm của ông Sáu với bé Thu? **Nhóm 2,4 :** **Sử dụng phiếu học tập số 2** đã làm ở nhà để tìm hiểu phần nỗi niềm người cha trong buổi chia tay ? Buổi chia tay, ông Sáu nhìn con với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Ánh mắt đó nói lên điều gì ? Khi con nhận, ông Sáu đã có hành động như thế nào? Em có cảm nhận như thế nào về nỗi lòng người cha trong cuộc chia tay? **Nhóm 5,6 :** **Sử dụng phiếu học tập số 3** đã làm ở nhà để tìm hiểu phần nỗi niềm người cha trong những ngày xa con *** Theo dõi đoạn: "tôi hãy còn nhớ…mong gặp lại con"** ? Khi tìm được khúc ngà voi anh có thái độ như thế nào? ? Tại sao anh không mua lược mà lại tự làm lược cho con ? ? Tác giả đã miêu tả ông Sáu làm lược cho con như thế nào? ? Nét NT đặc sắc nào được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh ông Sáu làm lược cho con?	+ Không đi đâu xa,vỗ về, ngồi im, giả vờ không nghe, khe khẽ lắc đầu -> ông Sáu kiên trì cảm hóa con, mong chờ con gọi một tiếng ba đến cùng. + Quan tâm, gắp trứng cá cho con, con hất ra- đánh con -> Hành động bột phát do nóng giận trước sự bướng bỉnh của con. => Xây dựng tâm lí phù hợp với tình huống và nhân vật: Yêu thương con mãnh liệt, nhưng chưa được con đền đáp, bất lực trước sự ương ngạnh của con. * Trong buổi chia tay: - Buồn, độ lượng - Cảm động, sung sướng, hạnh phúc đón nhận tình cảm chân thành nồng nhiệt từ con. =>Trong giây phút cuối cùng ngắn ngủi, quý giá, tình cảm của người cha mới được đền đáp. * Những ngày xa con: - Ân hận, dằn vặt vì chót đánh con. -> yêu thương con vô bờ bến, hiền lành, nhân hậu. - Vui mừng, hớn hở khi tìm được khúc ngà voi. + Làm lược - Để xoa bớt nỗi ân hận, gửi tình cảm nhớ thương đến con. - Thận trọng, tỉ mỉ, cố công , gò lưng, tẩn mẩn, như người thợ bạc, khắc chữ vào lược. -> liệt kê, so sánh, kết hợp bình luận.

? Những hành động này tiếp tục khẳng định tình cảm của ông Sáu với con như thế nào ? ? Hạnh phúc chưa kịp mỉm cười với anh, viên đạn của kẻ thù đã ngăn cách tình cha con. Trước khi hi sinh anh sáu đã làm gì? ? Em có cảm nhận gì về hành động và tình cảm của ông Sáu với con?	=> yêu mến, nhớ, mong muốn bù đắp cho con.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1,3:** Khi con gọi vào ăn cơm nhưng nó nói trổng (nói trông không) ngồi im, giả vờ không nghe, khe khẽ lắc đầu Trong bữa cơm, ông đã gắp cho nó cái trứng cá nhưng nó hất ra → ông Sáu đánh con → hành động đó đã làm ông ân hận, dày vò bản thân mình mãi -> ông rất yêu con. **Nhóm 2,4 :** Buổi chia tay, ông Sáu nhìn con với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Hạnh phúc bất ngờ đến với ông. Khi bỏ sang ngoại, nó đã được ngoại giải thích về vết thẹo trên mặt ông, bé Thu đã nhận cha. Khi con nhận, ông Sáu đã có hành động : 1 tay ôm con, 1 tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con. **Nhóm 5,6 :** Khi tìm được khúc ngà voi anh có thái độ : Vui mừng, hớn hở như trẻ con được quà. Anh không mua lược mà lại tự làm lược cho con vì sự day dứt, ân hận, vì đã đánh con khi nóng giận -> Làm lược tặng con để hi vọng gặp lại con, làm dịu nỗi ân hận. + Cây lược tự làm: Ông gửi gắm biết bao tình cảm yêu mến, nhớ thương... **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	+ Trước khi hi sinh: nhờ đồng đội trao lược cho con ->Hành động đó của ông như chuyển giao một sự sống, khẳng định tình cha con bất diệt => Người cha yêu thương con tha thiết, mãnh liệt, sâu nặng, tận tụy vì con.

GV chuẩn kiến thức * Những ngày ở nhà, bé Thu bướng bỉnh không nhận cha. Đánh con là hành động bột phát trong khi nóng giận trước những hành vi bướng bỉnh ngang ngạnh của con, rồi chính hành động đó đã làm ông ân hận, dày vò bản thân mình mãi, qua đó cho thấy ông rất yêu con. Có đặt mình vào hoàn cảnh của ông Sáu mới thấy nỗi buồn của người cha thật lớn: xa con trong mấy năm trời, từ lúc con còn tấm bé, sống nơi chiến trường, nơi bom rơi đạn nổ chẳng chừa một ai, trở về thăm nhà với mong muốn giản đơn: mong được gặp con, khao khát được nghe một tiếng ba vậy mà giây phút gặp thật trớ trêu: con không nhận. Một người cha vào sinh ra tử nơi chiến trường khốc nghiệt mà đành bất lực trước sự ương ngạnh của đứa con gái bé bỏng. * Buổi chia tay, ông Sáu nhìn con với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Ánh mắt đó tuy buồn nhưng giàu tình yêu thương độ lượng. Hạnh phúc bất ngờ đến với ông. Khi bỏ sang ngoại, nó đã được ngoại giải thích về vết thẹo trên mặt ông, bé Thu đã nhận cha. Khi con nhận, ông Sáu đã có hành động : 1 tay ôm con, 1 tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con. Đó là cuộc chia tay đầy nước mắt, nó làm cho bao người chứng kiến như nghẹt thở. Trong giây phút cuối cùng ngắn ngủi, quý giá, tình cảm của người cha mới được đền đáp. Niềm hạnh phúc vỡ òa. Ông Sáu cảm động, sung sướng, hạnh phúc đón nhận tình cảm chân thành, nồng nhiệt từ con. Ông làm cây lược ngà để tặng con, đó là biểu hiện tình cảm trong sáng, sâu nặng, yêu nhớ con. Dường như mỗi răng lược, mỗi dòng chữ…-> Ông dồn hết tình yêu & nỗi nhớ thương con vào từng chi tiết khi làm lược.Đó là sự yêu mến, nhớ mong, muốn bù đắp cho con. *** GV bình:** Trước khi hi sinh ông Sáu vẫn nhớ tới con, nhớ tới chiếc lược ngà. Nhờ đồng đội chuyển nó cho con. Hành động đó của ông như chuyển giao một sự sống. Hành động đó khẳng định" tình cha con bất diệt. Kẻ thù có thể hủy diệt tất cả nhưng chúng không hủy diệt được tình cha con và hành động đó cũng giúp ta nhận ra tình cảm tha thiết, mãnh liệt với con của người cha.Chính tình yêu thương của ông Sáu đã truyền sức mạnh cho bé Thu khôn lớn và trưởng thành, bước tiếp con đường mà ông đã đi.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi:

? Ý nghĩa của chi tiết chiếc lược ngà

? Hãy trình bày suy nghĩ của em về cuộc chiến tranh của đế quốc Mĩ gây ra cho VN?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

1.Ý nghĩa chi tiết chiếc lược ngà là biểu tượng của tình cha con sâu nặng, thiêng liêng và bất tử.

2- Suy nghĩ về chiến tranh ở Vn: Cuộc chiến tranh tàn khốc, mang đến nhiều đau thương.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

Gv bổ sung: Cuộc chiến mà đế quốc Mĩ gây ra ở Vn là cuộc chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh đã để lại bao thảm họa khôn lường: con mất cha, gia đình li tán, vì chiến tranh để lại trên khuôn mặt người cha vết thẹo dài để rồi giây phút gặp lại cha của bé Thu thật đau lòng, éo le: con không nhận cha, đến khi hiểu ra thì cha lại phải đi xa**(xem các hình ảnh về chiến tranh ở VN)**

Và giờ đây chiến tranh đã lùi xa nhưng hệ lụy của nó còn khôn lường(chúng để lại nỗi đau cho các bà mẹ mỏi mắt trông chờ những đứa con ra đi mãi không về, những đứa trẻ sinh ra mang trên mình di chứng chất độc màu da cam

(xem hình ảnh những nạn nhân chất độc màu da cam) -> chúng ta cần chung tay bảo vệ hòa bình để không còn những thảm họa đau lòng do chiến tranh gây ra.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

*** GV yêu cầu:** HS vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung 2 tiết học(tiết 72,73)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Phân tích được tâm trạng, tình cảm của nhân vật ông Sáu trong các tình huống truyện: những ngày ở nhà đoàn tụ cùng vợ con, trong cuộc chia tay, khi xa con ở chiến khu.

+ Học bài, soạn tiếp: Niềm khao khát tình cha của người con : tình cảm, tâm trạng, suy nghĩ, hàng động của nhân vật bé Thu trong các tình huống: lần đầu sau 8 năm ông Sáu về nhà, trong những ngày ông Sáu ở nhà, khi ông Sáu chuẩn bị trở lại chiến trường.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 15 - Tiết 74

Văn bản: CHIẾC LƯỢC NGÀ (Tiếp)

(Nguyễn Quang Sáng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Nhận biết về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện "Chiếc lược ngà"
+ Hiểu tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
+ Nắm sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ biết ơn, trân trọng những hi sinh của thế hệ cha anh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Đọc tư liệu tham khảo soạn giáo án, chuẩn bị chân dung tác giả, tác phẩm, máy chiếu, máy tính, phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm. Tình huống truyện, bố cục, tóm tắt, PTBĐ, phân tích các nội dung nghệ thuật chính của văn bản.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv chiếu một clip khoảng 3-4 phút về những giây phút xúc động của chương trình **Như chưa hề có cuộc chia li**

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Chiến tranh đã khiến cho bao gia đình phải rơi vào cảnh li biệt, vợ xa chồng, con vắng cha. Nhưng vượt qua tất cả những khó khăn, đau khổ của cuộc chiến

tranh, tình cảm gia đình vẫn mãi là ngọn lửa hồng, sưởi ấm trái tim những người lính. Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu tác phẩm.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng bé Thu trước khi nhận ông Sáu là cha** **a. Mục tiêu:** hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi:** **Giai đoạn 1:** Trước khi nhận ông Sáu là cha ? Thế nhưng khi được gặp con, đáp lại sự vồ vập của ông Sáu là những phản ứng gì của bé Thu ? ? Bé Thu có phản ứng như thế nào khi nghe ông Sáu gọi là "con" và xưng là "ba" ? ? Những chi tiết đó biểu hiện thái độ, cảm xúc gì của bé Thu ? ? Những biểu hiện đó của bé Thu có hợp lí không? Vì sao ? ? Vì sao Thu lại có tâm trạng ấy ? ? Cách miêu tả tâm lí nhân vật ở đây của tác giả có đặc điểm gì ? ? Trong 2 ngày sau đó, thái độ của bé Thu đối với anh Sáu như thế nào ? ? Vì sao ông Ba lại nhận xét " Con bé đáo để thật"? ? Với những hành động đó, bé Thu đã tỏ ra là 1 cô bé như thế nào ? ? Sự ương ngạnh đó của bé Thu có đáng trách hay không? Tại sao? ? Có ý kiến cho rằng: Những phản ứng trên của bé Thu thể hiện tình cảm của em thật sâu sắc, chân thật, yêu quý ba. Em có đáng yêu không? Vì sao? ? Qua việc bé Thu không nhận cha vì có vết thẹo dài trên má, em có suy nghĩ gì về cuộc chiến tranh của Mỹ ? ? Em có nhận xét gì về bé Thu qua đoạn truyện này ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ	c Niềm khao khát tình cha của người con: * Trước khi nhận ông Sáu là cha: + Khi gặp ông Sáu: ngơ ngác, sợ hãi, lảng tránh, ngờ vực, lạnh nhạt. + Hai ngày sau đó bé Thu vẫn không nhận cha, lại xa lánh ông Sáu, bướng bỉnh, ương ngạnh: nói trống không, hất trứng cá, bỏ về nhà ngoại -> cự tuyệt một cách

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Bé Thu có phản ứng khi nghe ông Sáu gọi là "con" và xưng là "ba": + Hành động: giật mình, tròn mắt nhìn, vụt chạy, kêu thét… + Thái độ: ngơ ngác, lạ lùng, thấy lạ quá, mặt tái đi… -> Cử chỉ nhanh, mạnh, biến đổi -> Cảm xúc ngờ vực, sợ hãi + Bé Thu có phản ứng như vậy là hoàn toàn hợp lí. Hai cha con xa cách quá lâu. Ba em đi kháng chiến từ khi em cha đầy tuổi. Nhìn ông Sáu và tấm hình chụp chung với má thấy không giống. Em không tin ông Sáu là cha của mình. + Thu ngờ vực ông Sáu không phải là cha của mình. Vì vậy, ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa lánh, không chịu gọi ông Sáu là ba, nhất định không nhờ ông chắt nước nồi cơm to đang sôi trên bếp. Trong 2 ngày sau đó, thái độ của bé Thu đối với anh Sáu : + Khi ông Sáu vỗ về, con bé đẩy ra. + Nói trống không. + Không gọi ba. + Hất cái trứng cá mà ông Sáu gắp cho. + Bỏ về nhà ngoại khi bị ông Sáu đánh. => Thái độ: Không chấp nhận ông Sáu là ba.Từ chối sự quan tâm chăm sóc của ông Sáu vì nghĩ rằng ông không phải là cha mình. Sự ương ngạnh đó của bé Thu không đáng trách vì hoàn cảnh xa cách trắc trở của chiến tranh. Bé Thu còn quá nhỏ để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất th-ường, nên nó không tin ông Sáu là ba nó chỉ vì trên mặt ông có thêm vết sẹo, khác với hình ba mà nó đã được biết + Nhận xét về bé Thu: Một cô bé có tình cảm sâu sắc, nồng nàn, mãnh liệt với cha: kiên quyết không nhận	quyết liệt trước sự quan tâm, chăm sóc của ông Sáu vì nghĩ rằngông không phải là cha mình. -> Gan lì, ương bướng, cương quyết…

người cha có vết thẹo dài trên má(không giống với bức hình chụp chung với má) → Một cô bé có cá tính mạnh mẽ, hành động quyết liệt để bảo vệ tình cha con của mình. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV chuẩn kiến thức** - Bé Thu có phản ứng khi nghe ông Sáu gọi là "con" và xưng là "ba" . Tâm trạng ấy hoàn toàn hợp lí. Hai cha con xa cách quá lâu. Ba em đi kháng chiến từ khi em cha đầy tuổi. Nhìn ông Sáu và tấm hình chụp chung với má thấy không giống. Em không tin ông Sáu là cha của mình. - Thu ngờ vực ông Sáu không phải là cha của mình. Vì vậy, ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa lánh, không chịu gọi ông Sáu là ba, nhất định không nhờ ông chắt nước nồi cơm to đang sôi trên bếp. → Cách miêu tả tâm lí nhân vật ở đây của tác giả rất tinh tế, miêu tả cụ thể, tỉ mỉ: Tâm lí sợ hãi được miêu tả bằng tiếng kêu thét & hành động vụt chạy rất phù hợp tâm lí trẻ thơ, gây cho người đọc sự xúc động, cảm thương cho ông Sáu & sự tò mò về bé Thu. + Có thể coi những hành động của bé Thu là sự ương ngạnh nhưng không đáng trách, vì hoàn cảnh xa cách trắc trở của chiến tranh. Phản ứng tâm lí của em là hoàn toàn tự nhiên chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, nó còn chứng tỏ cá tính mạnh mẽ, tình cảm sâu sắc nồng nàn & lớn lao mà em đã dành cho người cha yêu quý. → Qua đó chứng tỏ N.Q.Sáng rất am hiểu tâm lí trẻ thơ-> miêu tả 1 cách chân thực, tinh tế, tỉ mỉ, phù hợp đến như vậy. + Bé Thu có tình cảm đối với Ba thật sâu sắc, chân thật. Em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. Trong cái "cứng đầu" của em có ẩn chứa cả sự kiêu hãnh trẻ thơ về 1 tình yêu dành cho ngời cha trong tấm hình chụp chung với má. Cô bé yêu cha sâu sắc đến nỗi nêu ai không giống cha nó trong ảnh thì nó không thể nhận. - Nhưng dù thế nào đi nữa, tình cảm con người vẫn là thiêng liêng, bất diệt. Tình cha con bé Thu là minh chứng cụ thể. Trước khi ông Sáu trở lại chiến trường,	-> Bé Thu là một em bé rất ngây thơ, hồn nhiên song cũng có cá tính mạnh mẽ, yêu ghét rõ ràng, tình cảm với ba chân thành, sâu sắc.

bé Thu đã nhận cha như thế nào, cô trò ta cùng tìm hiểu ở tiết sau. - Rõ ràng bé Thu rất yêu cha, vì yêu cha mà cô không nhận người có vết sẹo là cha. Cô bé tôn thờ người cha trong bức ảnh, mong chờ giây phút gặp mặt cha. Vậy khi bé Thu đã nhận ra ông Sáu là cha, cô bé sẽ có những hành động, lời nói như thế nào, cô trò ta cùng tìm hiểu tiếp. **Hoạt động 2: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng bé Thu khi nhận ra anh Sáu là cha mình** **a. Mục tiêu:** hiểu được thái độ, hành động của bé Thu khi nhận ra anh Sáu là ba mình. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi:** *** Theo dõi đoạn:** Sáng hôm sau (SGK- 197) ? Trong buổi sáng trước lúc ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu có gì khác mọi ngày? Hãy tìm các chi tiết thể hiện điều đó ? ? Vẻ mặt đó biểu hiện 1 nội tâm như thế nào ? ? Khi ba chào để đi, thì bé Thu đã có những cử chỉ, hành động gì ? ? Em cảm nhận được gì qua tiếng gọi ba của bé Thu ? ? Những câu nói của bé Thu "Không cho ba đi nữa, ba ở nhà với con. Ba về ba mua cho con 1 cây lược nghe ba" thể hiện điều gì ? ? Nhận xét gì về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật bé Thu của tác giả ? ? Qua đó, tác giả muốn thể hiện tình cảm của bé Thu đối với người cha của mình như thế nào? ? Cử chỉ: Hôn lên vết thẹo của ba chứng tỏ điều gì ở bé Thu? ? Tại sao bé Thu lại có sự thay đổi như vậy ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:**	* Thái độ, hành động của bé Thu khi nhận ra anh Sáu là ba mình: + Khi hiểu ra, tình cảm tự nhiên của bé Thu được thể hiện qua tiếng gọi cha đầu tiên+ hành động-> Tình yêu thương dồn nén, mãnh liệt, xúc động trào dâng

Trong buổi sáng trước lúc ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu: + Bé Thu thay đổi hoàn toàn. Vẻ mặt sầm lại, buồn rầu, nhìn không chớp, không ngơ ngác, không lạnh lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu sa. → Không còn lo lắng, sợ hãi như những hôm trước nữa. Khi ba chào để đi, thì bé Thu đã có những cử chỉ, hành động: + Cất tiếng gọi ba, tiếng kêu như tiếng xé. + Vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như 1 con sóc, ôm chặt lấy cổ ba nó. + Hôn ba nó: tóc, cổ, vai, cả vết thẹo dài trên má. + Hai tay siết chặt lấy cổ ba, dang 2 chân câu chặt lấy ba nó, đôi vai nhỏ bé của nó run run... → Bé Thu rất yêu ba, muốn được ba chăm sóc, che chở. Cử chỉ: Hôn lên vết thẹo của ba → Yêu quý, kính trọng, thương & tự hào về những chiến công của ba; người chiến sĩ anh dũng **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **Gv chuẩn kiến thức:** + Tiếng gọi ba nghe như tiếng xé lòng, đau đớn, xót xa. Lần này bé Thu cũng kêu thét nhưng không phải gọi má mà là gọi ba, không phải là tiếng kêu biểu lộ biểu lộ sợ hãi mà là tiếng nói của tình yêu thương ruột thịt. + Trong đêm bỏ về nhà bà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu đã được giải toả và ở Thu nảy sinh 1 trạng thái nhưlà sự ân hận, hối tiếc "Nghe bà kể nó nằm im, lăn lộn, thỉnh thoảng nó lại thở dài như người lớn". Vì thế trong giờ phút chia tay với ba, tình yêu và nỗi mong nhớ người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu nay bùng ra thật mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt, xen lẫn cả hối hận. Trong trí nhớ, ba của bé Thu đẹp lắm. Vì bom đạn quân thù, ba mang vết sẹo trên mặt. Đấy là điều đau khổ. Vậy mà bé Thu lại không hiểu, xa lánh khiến ba đau khổ thêm. Khi hiểu ra thì đã muộn. Cha sắp đi xa, xa mẹ, xa con, tiếp tục cuộc chiến đấu gian khổ -> Vì thế Thu siết chặt cổ ba, níu chặt lấy cha như muốn đền bù sự hẫng hụt vừa qua.	-> Miêu tả dáng vẻ, lời nói, hành động để bộc lộ nội tâm, kết hợp bình luận => Tình cảm sâu sắc, nồng nàn, mãnh liệt, tự hào về ba.

→ thể hiện sự am hiểu tâm lí trẻ thơ & thể hiện nó thật tài tình. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** nắm được nội dung và ý nghĩa của văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** ? Văn bản "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng tập trung ca ngợi điều gì ? ? Em học được cách kể chuyện như thế nào của tác giả Nguyễn Quang Sáng ? ? Văn bản có ý nghĩa như thế nào ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	**4. Tổng kết** a Nội dung- Ý nghĩa: * ND: Tình cha con sâu nặng mà cảm động, cao đẹp, thắm thiết, bất diệt trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh-> Ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng và bất diệt. * Ý nghĩa của văn bản: + Là của chuyện về tình cha con sâu nặng. Câu chuyện cho ta hiểu thêm về những mất mát to lớn của chiến tranh mà nhân dân ta đã trải qua trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. b Nghệ thuật: + Tạo tình huống truyện éo le. + Có cốt truyện mang yếu tố bất ngờ. + Lựa chọn người kể chuyện là bạn của ông Sáu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật trong truyện. c Ghi nhớ: (Sgk-202) .

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi:

? Có thể đặt những tên gọi nào khác cho truyện ngắn này ?

? Đọc và xác định yêu cầu bài tập 1?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Cuộc gặp gỡ cuối cùng.

+ Tình cha con.

+ Câu chuyện cảm động.

+ Chuyện kể của anh Ba

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV đặt câu hỏi: Em có giữ kỉ vật nào của người thân không? Hãy chia sẻ với bạn những suy nghĩ của em về kỉ vật và tình cảm của người thân đó đối với em.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc, nhớ những chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích.

- Nắm được những kiến thức của bài học, tìm các chi tiết chứng minh cho những nội dung này.

+ Đóng vai bé Thu nói lên tình cảm, tâm trạng của bé Thu khi nghe bà ngoại kể chuyện vết sẹo trên má cha nó & khi ông Sáu trở lại đơn vị.

+ Chuẩn bị: " Ôn thơ và truyện hiện đại" (Kẻ bảng ôn tập các tác phẩm thơ và truyện hiện đại đã học- tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác(năm sáng tác) nội dung và nghệ thuật chính)

*** Phiếu học tập: mẫu**

Đoạn trích, tác phẩm)	Tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
Đồng chí	Chính Hữu	1948	Thơ tự do	+ Ca ngợi tình đồng chí keo sơn, gắn bó của những người lính trong kháng chiến chống Pháp.	+ Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành. + Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hòa, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng.
.....					

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 15 - Tiết 75:

Văn học: ÔN THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Hệ thống hoá các kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật của các văn bản thơ và truyện hiện đại đã học.

+ Hiểu được một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, thời đại có trong các tác phẩm.

+ Hiểu và nhớ những phẩm chất, cách xây dựng ở một số nhân vật chính trong một số đoạn trích thơ và truyện

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ biết ơn, trân trọng những tác phẩm văn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Tham khảo tư liệu soạn giáo án, chuẩn bị máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: : Kẻ bảng ôn tập theo sự hướng dẫn của giáo viên: các văn bản thơ và truyện hiện đại: Tác giả, tác phẩm, năm sáng tác, thể loại, nội dung, nghệ thuật

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Để chuẩn bị cho bài kiểm tra về thơ và truyện hiện đại, giờ học hôm nay cô trò ta cùng ôn tập lại toàn bộ các đoạn trích thơ và truyện hiện đại đã học.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
* **Giáo viên :** Ở phần 1 lập bảng thống kê: giáo viên cho học sinh trình bày nội dung dựa vào bảng đã chuẩn bị sẵn -> nhận xét	1. Lập bảng thống kê:

và hoàn chỉnh **Chiếu slied 1(phiếu học tập số 1)**					
Đoạn trích, tác phẩm)	**Tác giả**	**Năm sáng tác**	**Thể loại**	**Nội dung**	**Nghệ thuật**
Đồng chí	Chính Hữu	1948	Thơ tự do	+ Ca ngợi tình đồng chí keo sơn, gắn bó của những người lính trong kháng chiến chống Pháp.	+ Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành. + Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hòa, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng.
Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật	1969	Thơ tự do	+ Ca ngợi những chiến sĩ lái xe hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm hi sinh tất cả vì M. Nam kháng chiến	+ Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực. + Ngôn ngữ đời sống-> Tạo nhịp điệu linh hoạt thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch.
Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Thơ tự do	+ Vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên hoài hoà với vẻ đẹp con người lao động: khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước cuộc sống và đất nước.	+ Sử dụng bút pháp lãng mạn với các biện pháp nghệ thuật đối lập, so sánh, nhân hóa, phóng đại + Khắc họa những hình ảnh đẹp về mặt trời lúc hoàng hôn, bình minh, hình ảnh biển cả và bầu trời trong đêm, hình ảnh ngư dân và đoàn thuyền đánh cá. + Miêu tả sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người. + Sử dụng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhạc điệu, gợi liên tưởng.
Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Thơ tám chữ	+Tình yêu & lòng biết ơn của tác giả đối với bà=> Tình yêu con người, yêu đất nước.	+ Hình ảnh vừa thực vừa mang tính chất biểu tượng (bếp lửa). + Miêu tả, tự sự, bình luận. biểu cảm. + Giọng điệu phù hợp với cảm xúc hồi tưởng, suy ngẫm.

Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ	Nguyễn Khoa Điềm	1971	Thơ tự do	+ Qua các khúc hát ru, tình yêu con của người mẹ Tà Ôi gắn liền với tình yêu nước, yêu cách mạng, niềm tin tưởng và lạc quan cách mạng	+ Sáng tạo trong hết cấu nghệ thuật, tạo nên sự lặp lại giống như những giai điệu của lời ru, âm hưởng của lời ru. + Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại. + Liên tưởng độc đáo, diễn đạt bằng những hình ảnh thơ có ý nghĩa biểu tượng.
Ánh trăng	Nguyễn Duy	1978	Thơ năm chữ	+ Lời nhắc nhở thầm kín về thái độ, tình cảm với quá khứ gian lao, nghĩa tình với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu.	+ Nghệ thuật kết cấu kết hợp giữa tự sự và trữ tình, tự sự làm cho trữ tình trở nên tự nhiên mà cũng rất sâu nặng. + Sáng tạo nên hình ảnh thơ có nhiều tầng ý nghĩa: Trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên, tự nhiên, là người bạn gắn bó với con người; là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp của đời sống tự nhiên vĩnh hằng.
Làng	Kim Lân	In lần đầu 1948	Tr. ngắn	+ Tình yêu làng, yêu nước, yêu kháng chiến, của người nông dân phải rời làng đi tản cư.	+ Tình huống truyện gay cấn. + Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực và sinh động qua suy nghĩ, hành động, lời nói (đối thoại và độc thoại).
Lặng lẽ Sa Pa	Nguyễn Thành Long	1970	Tr. ngắn	+ Ca ngợi vẻ đẹp của những người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.	+ Tạo tình huống tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn. + Xây dựng đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm. + Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên đặc sắc miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn. + Kết hợp giữa kể với tả và nghị luận. + Tạo tính chất trữ tình trong tác phẩm truyện.

Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng	1966	Tr. ngắn	+ Tình cha con sâu nặng mà cảm động, cao đẹp, thắm thiết, bất diệt trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh-> Ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng và bất diệt.	+ Tạo tình huống truyện éo le. + Có cốt truyện mang yếu tố bất ngờ. + Lựa chọn người kể chuyện là bạn của ông Sáu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật trong truyện.

* Ở phần 2 cho học sinh **thảo luận nhóm** + Hình thức: thảo luận nhóm + Thời gian: 5 phút + Yêu cầu: hình ảnh người lính trong hai bài thơ" Đồng chí" và " Bài thơ..." -> HS trình bày kết quả thảo luận của mình Giáo viên nhận xét và khái quát những đặc điểm chung	2. Hình ảnh người lính trong bài thơ Đồng chí và Tiểu đội xe không kính: + Những người lính có chung nguồn gốc xuất thân, chung mục đích, lí tưởng sống-> hiểu và chia sẻ những gian nan, thử thách, thiếu thốn, sự hiểm nguy trong cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc. + Họ là những con người lạc quan cách mạng, sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch và cũng thật dí dỏm, hài ước, bất khuất, hiên ngang trước những khó khăn, gian khổ, hiểm nguy.v.v.
* Ở phần 3 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và khái quát những đặc điểm chung	3. Hình ảnh những con người lao động mới trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa và Đoàn thuyền đánh cá: + Những con người lao động mới với tình yêu cuộc sống, lạc quan, yêu thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên, hăng say lao động, tìm thấy niềm vui, ý nghĩa trong lao động. + Họ âm thầm, lặng lẽ cống hiến, hi sinh quên mình vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc -> lí tưởng sống cao đẹp, trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.
* Ở phần 4 cho học sinh **thảo luận nhóm** + Hình thức: thảo luận nhóm + Thời gian: 5 phút + Yêu cầu: Tình yêu gia đình, quê hương đất nước: Bếp lửa, Làng,Chiếc lược ngà, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ: HS trình bày kết quả thảo luận của mình -> Giáo viên nhận xét và khái quát những đặc điểm chung	4. Tình yêu gia đình, quê hương đất nước: Bếp lửa, Làng,Chiếc lược ngà, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ: + Tình yêu quê hương đất nước thường gắn với tình yêu gia đình, trở thành nỗi nhớ, niềm tin, hi vọng, sức sống + Đôi khi tình yêu nước bao trùm lên tình yêu gia đình, yêu quê hương song những tình cảm đó vẫn thống nhất hòa quyện với nhau trong

* Ở phần 5 học sinh thực hiện bằng cách vấn đáp miệng-> giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh * Ở phần 6,7 cho học sinh thực hành->đọc đoạn văn, dàn ý -> học sinh nhận xét-> Giáo viên hoàn chỉnh.	mỗi con người tạo thành sức mạnh, niềm tin chiến thắng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống 5. Bài học triết lí rút ra từ Ánh trăng: + Con người có thể lãng quên quá khứ. Song quá khứ vẫn nguyện vẹn, sáng trong, thủy chung và bất diệt. Con người phải sống ân nghĩa, thủy chung với quá khứ. 6. Viết đoạn văn Phân tích: a. Khổ thơ đầu tiên của bài thơ " Bếp lửa", b. Khổ thơ đầu tiên của bài thơ " Đoàn thuyền đánh cá" 7. Lập dàn ý cho bài văn phân tích: b. Nhân vật anh thanh niên trong " Lặng lẽ Sa Pa" và bé Thu trong " Chiếc lược ngà"

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi:

Vẽ sơ đồ tư duy về những nội dung chính đã được các tác phẩm thơ và truyện hiện đại tập trung làm rõ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người.

+ Thể hiện những ước mơ, khát vọng của nhân dân.

+ Những bài học về lí tưởng sống, quan niệm sống.v.v.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

GV nêu yêu cầu:

*** GV yêu cầu:** HS vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung 2 tiết học(tiết 72,73)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Ôn tập lại toàn bộ các tác phẩm thơ và truyện trung đại: tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật chính, phân tích các nhân vật chính, chú ý các dẫn chứng kèm theo.

+ Ôn lại thật kĩ toàn bộ các nội dung trong phần ôn tập, chuẩn bị kiểm tra 1 tiết thơ và truyện hiện đại.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 18 - Tiết 76

KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

A. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, HS có khả năng :

1. Kiến thức:

+ Qua bài kiểm tra giúp học sinh hệ thống hoá các kiến thức về văn học hiện đại.
+ Học sinh có ý thức yêu mến tác phẩm văn học của dân tộc.

2. Kỹ năng:

+ Kĩ năng trả lời câu hỏi trắc nghiệm và viết bài tự luận
+ Rèn luyện kĩ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học cho học sinh.

3. Thái độ:

+ Nghiêm túc khi làm bài, cố gắng suy nghĩ vận dụng các kiến thức vào bài kiểm tra.

B. Chuẩn bị:

* Giáo viên: Ra đề, đáp án, biểu điểm
* Học sinh: Ôn tập kiến thức thơ và truyện hiện đại

C. Phương pháp:

+ Thực hành viết trên giấy.

D. Tiến trình giờ dạy:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ:

+ Nhắc nhở học sinh ý thức làm bài

3. Bài mới:

I.Ma trận đề:

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Xem lại tòan bộ kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì I và các bài tập-> chuẩn bị cho giờ Kiểm tra 45 phút Tiếng Việt

+ Chú ý hình thức bố cục đoạn văn, cách viết đoạn văn theo các kiến thức đã học: phương châm hội thoại, các phép tu từ.v.v.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 16 - Tiết 77

Tiếng Việt : **KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

A. Mục tiêu bài dạy:

1. Kiến thức:

+ Qua bài kiểm tra giúp học sinh hệ thống hoá các kiến thức về Tiếng Việt đã học trong học kì I.
+ Học sinh có ý thức sử dụng Tiếng Việt đúng, hay, phù hợp tình huống giao tiếp trong văn viết cũng như khi giao tiếp hàng ngày.

2. Kỹ năng:

+ Rèn luyện kĩ năng sử dụng Tiếng Việt trong viết văn bản và giao tiếp.

3. Thái độ:

+ Nghiêm túc khi làm bài, cố gắng suy nghĩ vận dụng các kiến thức vào bài kiểm tra.

4. Năng lực cần hình thành

B. Chuẩn bị:

* Giáo viên: Ra đề, đáp án, biểu điểm
* Học sinh: Ôn tập kiến thức Tiếng Việt từ đầu năm.

C. Phương pháp:

+ Thực hành viết trên giấy.

D. Tiến trình giờ dạy:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ: không

3 Bài mới:

I Ma trận đề:

+ Thu bài, nhận xét ý thức chuẩn bị cho giờ kiểm tra
+ Nhận xét ý thức trong giờ làm bài của học sinh

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Xem lại toàn bộ kiến thức Tập làm văn của chương trình Ngữ văn lớp 9 học kì I
+ Xem lại phương pháp, kĩ năng làm văn thuyết minh ở lớp 8:
+ Khái niệm, các phương pháp thuyết minh, các yếu tố kết hợp trong văn thuyết minh, các dạng đề thuyết minh ở lớp 9.v.v.)
+ So sánh các yếu tố kết hợp trong văn bản thuyết minh với các loại văn bản tuyết minh: tự sự, miêu tả, nghị luận biểu cảm. Lấy ví dụ minh họa.

*** Phiếu học tập**

Nội dung so sánh	**Thuyết minh**	**Miêu tả**
Mục đích		

Phương pháp		
Một số điểm lưu ý khác		

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 16 - Tiết 78
Tập làm văn: **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.
+ Hiểu sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.
+ Nắm hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực và hệ thống hóa kiến thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Bài học hôm nay sẽ tổng kết những kiến thức về văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Ôn tập văn thuyết minh** **a. Mục tiêu:** nắm được các kiến thức về văn thuyết minh. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** **GV đặt câu hỏi:** Phần tập làm văn trong Ngữ Văn 9 tập I có trong nội dung lớn nào? Nội dung nào là trọng tâm cần chú ý ? ? Những nội dung này có gì giống và khác so với chương trình lớp dưới ? ? Thế nào là văn thuyết minh ? ? Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh ? ? Lấy đoạn văn thuyết minh có sử dụng biện pháp nghệ thuật ? Chỉ ra tác dụng của cách sử dụng biện pháp nghệ thuật đó ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. **Học sinh** thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày.	I. Lí thuyết: **1. Văn thuyết minh:** + Khái niệm: là văn bản thường dùng trong các lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tri thức, nguyên nhân của các hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giải thích, giới thiệu. **2. Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh:**

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV bổ sung:** a. Văn bản thuyết minh: Trọng tâm là thuyết minh kết hợp với một số BPNT, yếu tố miêu tả. b. Văn tự sự với trọng tâm: + Tóm tắt văn bản tự sự. + Tự sự kết hợp với miêu tả. + Miêu tả và nghị luận trong văn bản tự sự. + Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm, Người kể chuyện trong văn bản tự sự. **Hoạt động 2: Phân biệt Văn bản thuyết minh có yếu tố tự sự và văn bản tự sự, miêu tả** **a. Mục tiêu:** nắm được đặc trưng của các loại văn bản. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** **GV đặt câu hỏi: GV** So sánh thuyết minh với miêu tả về mục đích, phương pháp để thấy được sự khác biệt về bản chất giữa thuyết minh và miêu tả **Sử dụng phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.** **+ Hình thức:** nhóm bàn **+ Thời gian:** 5 phút **+ Yêu cầu:** **- Nhóm 1:** Mục đích **- Nhóm 2:** Phương pháp **- Nhóm 3:** điểm cần lưu ý - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm.	+ Trong thuyết minh nhiều khi người ta phải kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả để bài viết được sinh động và hấp dẫn. 3. Phân biệt Văn bản thuyết minh có yếu tố tự sự và văn bản tự sự, miêu tả: * Giống: Đều có yếu tố miêu tả, tự sự * Khác: + Văn bản thuyết minh: Yếu tố thuyết minh là chính (Mục đích: Củng cố kiến thức về đối tượng…), miêu tả và tự sự chỉ là yếu tố phụ làm nổi bật đối tượng thuyết minh (phương pháp phụ trợ) + Văn bản miêu tả hoặc tự sự: Yếu tố miêu tả- tự sự là chính.

Học sinh thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới	

Nội dung so sánh	**Thuyết minh**	**Miêu tả**
Mục đích **(Nhóm 1)**	+ Củng cố tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân…các hiện tượng sự vật trong tự nhiên, xã hội (thường là sự vật, đồ vật,..)	+ Giúp người đọc, người nghe hình dung được đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người, phong cảnh (trong 1 hoàn cảnh cụ thể)
Phương pháp **(Nhóm 2)**	* 6 phương pháp + Nêu định nghĩa, ví dụ (giải thích làm rõ); Liệt kê, số liệu, So sánh, phân loại	+ Quan sát, nhận xét + Liên tưởng, tưởng tượng + So sánh, biểu cảm
Một số điểm lưu ý khác **(Nhóm 3)**	+ Trung thành với đặc điểm sự vật, hiện tượng, đối tượng (ít dùng tưởng tượng) + Đảm bảo tính khách quan, khoa học + Dùng nhiều số liệu cụ thể chi tiết + Dùng trong cuộc sống, văn hóa, khoa học,.. + Thường theo yêu cầu giống nhau + Đơn nghĩa	+ Có hư cấu, tưởng tượng (dùng nhiều so sánh, liên tưởng) + Mang nhiều cảm xúc, cảm quan của người viết + Ít dùng nhiều số liệu cụ thể. chi tiết. + Dùng trong sáng tác văn chương, nghệ thuật + Ít tính khuôn mẫu + Đa nghĩa

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

? Vai trò tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật, miêu tả trong văn bản thuyết minh

? Trong văn thuyết minh người ta thường sử dụng những phương pháp thuyết minh nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Trong thuyết minh nhiều khi người ta phải kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả để bài viết được sinh động và hấp dẫn.
+ Miêu tả trong văn thuyết minh giúp người đọc, người nghe hình dung được đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người, phong cảnh (trong 1 hoàn cảnh cụ thể)
+ có 6 phương pháp: Nêu định nghĩa, ví dụ (giải thích làm rõ); Liệt kê, số liệu, So sánh, phân loại

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Tiếp tục ôn tập dựa trên câu hỏi SGK- 206
+ Tìm 1 số ví dụ minh hoạ kiến thức ôn tập

(yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.v.v.)

*** Phiếu học tập số 1:**

Văn tự sự			
Khái niệm	Đặc điểm	Yếu tố NL	Miểu tả nội tâm

*** Phiếu học tập số 2:**

	Đối thoại	Độc thoại	Độc thoại nội tâm
KN			
Hình thức			
VD			

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 16 - Tiết 79
Tập làm văn: **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Năm được khái niệm văn bản tự sự.
+ Biết kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự.
+ Năm hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực và hệ thống hóa kiến thức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Thể loại Tập làm văn trọng tâm của học kì I là thể văn tự sự. Tự sự khác với văn thuyết minh ở chỗ nào? Các yêu tố cần kết hợp và chúng có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự? Tiết ôn tập này cô trò ta cùng nhau ôn lại.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Ôn tập văn tự sự** **a. Mục tiêu:** nắm được các kiến thức về văn thuyết minh. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** **GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm** + Hình thức: phiếu học tập đã làm ở nhà + Thời gian: 5 phút + Yêu cầu: tổng kết về văn TS	

*** GV** chia lớp ra thành các nhóm nhỏ cho học sinh thảo luận **Nhóm 1 :** Tìm hiểu đặc điểm văn tự sự **Nhóm 2 :** So sánh hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ? Hãy cho ví dụ 1 đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, 1 đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận và 1 đoạn văn tự sự có sử dụng cả yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận ? **Nhóm 3 :** ? Ở lớp 9 giới thiệu thêm về người kể. Có thể chuyển đổi ngôi kể như thế nào ? Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự ? ? Tìm 2 đoạn văn tự sự trong đó 1 đoạn người kể chuyện kể theo ngôi thứ nhất 1 đoạn kể theo ngôi thứ 3. Sau đó nhận xét vai trò của mỗi loại người kể chuyện đã nêu ? ? Nhận xét tác dụng của mỗi hình thức kể trên ? **Nhóm 4 :** Chỉ ra sự giống nhau của nội dung văn bản tự sự đã học ở lớp 9 so với các lớp dưới ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. **Học sinh** thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. Lớp 6, 7, 8 đã được học: + Nhân vật chính và 1 số nhân vật phụ + Văn bản tự sự phải có cốt truyện (bao gồm sự việc chính và sự việc phụ.	

4. Văn tự sự

Văn tự sự			
Khái niệm	**Đặc điểm**	**Yếu tố NL**	**Miểu tả nội tâm**

+ Là phương thức trình bày chuỗi các sự việc, cuối cùng dẫn đến 1 kết cục, thể hiện 1 ý nghĩa. + Tự sự giúp người kể giải thích đượcc sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề, bày tỏ sự khen chê	+ Nhận diện các yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận. + Sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm + Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự -> Thấy rõ vai trò, vị trí, tác dụng của các yếu tố trên và kĩ năng kết hợp các yếu tố trên trong một văn bản tự sự.	+ Yếu tố nghị luận thường xuất hiện trong các đối thoại, độc thoại trong đó người nói nêu ra những nhận xét, phán đoán, lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục người nghe, người đọc về 1 vấn đề nào đó-> Làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.	+ Yếu tố miêu tả nội tâm giúp người đọc thấy rõ những suy nghĩ, tình cảm, diễn biến tâm trạng nhân vật, góp phần thể hiện chân dung nhân vật.

	Đối thoại	**Độc thoại**	**Độc thoại nội tâm**
KN	Là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa 2 người hoặc nhiều người. .	Là lời của người nào đó nói với chính mình hoặc nói với 1 ai đó trong tưởng tượng.	Người độc thoại không cất thành tiếng ->Giúp đi sâu vào nội tâm nhân vật, độc thoại nội tâm để thấy rõ diễn biến tâm lí nhân vật, bộc lộ tình cảm nhân vật, giúp cho bài văn sinh động, tạo không khí như cuộc sống thật.
Hình thức	Trong văn bản thể hiện bằng dấu gạch đầu dòng (lời trao, lời đáp), mỗi lượt lời là 1 dấu gạch đầu dòng	Trong văn bản người độc thoại cất thành tiếng thì trước câu nói đó có gạch đầu dòng.	Nói với chính mình, không gạch đầu dòng
VD	Lan từ tốn hỏi: Bạn ăn cơm chưa? Hoa nhẹ nhàng đáp lại: - Tớ ăn cơm rồi.		

6.Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự:
+ Ngôi kể: ngôi thứ nhất, ngôi thứ 3
+ Người kể:
+ Kể theo ngôi thứ nhất
7. Văn bản tự sự lớp 9 có gì giống và khác các lớp dưới:
* Giống:
+ Kể các sự việc theo mối quan hệ nào đấy: quan hệ nhân quả, quan hệ liên tưởng.
+ Mục đích: nhận thức sự việc.
* Khác:
+ Có sự lặp lại nhưng nâng cao cả về kiến thức và kỹ năng. Chương trình lớp 9:
+ Sự kết hợp giữa tự sự, miêu tả nội tâm và biểu cảm

+ Sự kết hợp giữa tự sự và các yếu tố nghị luận
+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong
nhân vật.
+ Người kể chuyện và vai trò người kể chuyện trong văn bản tự sự
-> Thấy được vai trò, vị trí của các yếu tố trên, đồng thời có khả năng sử dụng chúng làm nổt bật nhân vật.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

? Vậy theo em, có văn bản nào chỉ dùng 1 phương thức biểu đạt không?

? Ngoài yếu tố tự sự còn có những yếu tố nào khác tham gia với vai trò yếu tố phụ trợ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Không có văn bản nào chỉ dùng 1 phương thức biểu đạt, mà có sự kết hợp các phương thức biểu đạt khác nhằm bổ trợ cho phương thức chính.

+ Nghị luận, miêu tả nội tâm

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Tiếp tục ôn tập dựa trên câu hỏi SGK

+ Tìm 1 số ví dụ minh hoạ kiến thức về văn thuyết minh, văn tự sự vừa ôn tập trong 2 tiết: Các biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, nghị luận.v.v.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 16 - Tiết 79
Tập làm văn: **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Năm được khái niệm văn bản tự sự.

+ Biết kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự.

+ Năm hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

2. Năng lực:

+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực và hệ thống hóa kiến thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Thể loại Tập làm văn trọng tâm của học kì I là thể văn tự sự. Tự sự khác với văn thuyết minh ở chỗ nào? Các yêu tố cần kết hợp và chúng có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự? Tiết ôn tập này cô trò ta cùng nhau ôn lại.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Ôn tập văn tự sự** **a. Mục tiêu:** nắm được các kiến thức về văn thuyết minh. **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** **GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm** + Hình thức: phiếu học tập đã làm ở nhà + Thời gian: 5 phút + Yêu cầu: tổng kết về văn TS *** GV** chia lớp ra thành các nhóm nhỏ cho học sinh thảo luận **Nhóm 1 :** Tìm hiểu đặc điểm văn tự sự **Nhóm 2 :** So sánh hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm	

? Hãy cho ví dụ 1 đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, 1 đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận và 1 đoạn văn tự sự có sử dụng cả yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận ?

Nhóm 3 :

? Ở lớp 9 giới thiệu thêm về người kể. Có thể chuyển đổi ngôi kể như thế nào ? Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự ?

? Tìm 2 đoạn văn tự sự trong đó 1 đoạn người kể chuyện kể theo ngôi thứ nhất 1 đoạn kể theo ngôi thứ 3. Sau đó nhận xét vai trò của mỗi loại người kể chuyện đã nêu ?

? Nhận xét tác dụng của mỗi hình thức kể trên ?

Nhóm 4 : Chỉ ra sự giống nhau của nội dung văn bản tự sự đã học ở lớp 9 so với các lớp dưới ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: trình bày theo nhóm.

Học sinh thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Lớp 6, 7, 8 đã được học:

+ Nhân vật chính và 1 số nhân vật phụ

+ Văn bản tự sự phải có cốt truyện (bao gồm sự việc chính và sự việc phụ.

4. Văn tự sự

Văn tự sự			
Khái niệm	**Đặc điểm**	**Yếu tố NL**	**Miểu tả nội tâm**
+ Là phương thức trình bày chuỗi các sự việc, cuối cùng dẫn đến 1 kết cục, thể hiện 1 ý nghĩa.	+ Nhận diện các yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận. + Sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm	+ Yếu tố nghị luận thường xuất hiện trong các đối thoại, độc thoại trong đó người nói nêu ra những nhận xét, phán	+ Yếu tố miêu tả nội tâm giúp người đọc thấy rõ những suy nghĩ, tình

+ Tự sự giúp người kể giải thích được sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề, bày tỏ sự khen chê	+ Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự -> Thấy rõ vai trò, vị trí, tác dụng của các yếu tố trên và kĩ năng kết hợp các yếu tố trên trong một văn bản tự sự.	đoán, lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục người nghe, người đọc về 1 vấn đề nào đó-> Làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.	cảm, diễn biến tâm trạng nhân vật, góp phần thể hiện chân dung nhân vật.

	Đối thoại	**Độc thoại**	**Độc thoại nội tâm**
KN	Là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa 2 người hoặc nhiều người. .	Là lời của người nào đó nói với chính mình hoặc nói với 1 ai đó trong tưởng tượng.	Người độc thoại không cất thành tiếng ->Giúp đi sâu vào nội tâm nhân vật, độc thoại nội tâm để thấy rõ diễn biến tâm lí nhân vật, bộc lộ tình cảm nhân vật, giúp cho bài văn sinh động, tạo không khí như cuộc sống thật.
Hình thức	Trong văn bản thể hiện bằng dấu gạch đầu dòng (lời trao, lời đáp), mỗi lượt lời là 1 dấu gạch đầu dòng	Trong văn bản người độc thoại cất thành tiếng thì trước câu nói đó có gạch đầu dòng.	Nói với chính mình, không gạch đầu dòng
VD	Lan từ tốn hỏi: Bạn ăn cơm chưa? Hoa nhẹ nhàng đáp lại: - Tớ ăn cơm rồi.		

6.Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự:
+ Ngôi kể: ngôi thứ nhất, ngôi thứ 3
+ Người kể:
+ Kể theo ngôi thứ nhất
7. Văn bản tự sự lớp 9 có gì giống và khác các lớp dưới:
* Giống:
+ Kể các sự việc theo mối quan hệ nào đấy: quan hệ nhân quả, quan hệ liên tưởng.
+ Mục đích: nhận thức sự việc.
* Khác:
+ Có sự lặp lại nhưng nâng cao cả về kiến thức và kỹ năng. Chương trình lớp 9:
+ Sự kết hợp giữa tự sự, miêu tả nội tâm và biểu cảm
+ Sự kết hợp giữa tự sự và các yếu tố nghị luận
+ Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong
nhân vật.
+ Người kể chuyện và vai trò người kể chuyện trong văn bản tự sự
-> Thấy được vai trò, vị trí của các yếu tố trên, đồng thời có khả năng sử dụng chúng làm nổt bật nhân vật.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

* GV hướng dẫn HS làm các bài tập :

? Vậy theo em, có văn bản nào chỉ dùng 1 phương thức biểu đạt không?

? Ngoài yếu tố tự sự còn có những yếu tố nào khác tham gia với vai trò yếu tố phụ trợ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Không có văn bản nào chỉ dùng 1 phương thức biểu đạt, mà có sự kết hợp các phương thức biểu đạt khác nhằm bổ trợ cho phương thức chính.

+ Nghị luận, miêu tả nội tâm

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Tiếp tục ôn tập dựa trên câu hỏi SGK

+ Tìm 1 số ví dụ minh hoạ kiến thức về văn thuyết minh, văn tự sự vừa ôn tập trong 2 tiết: Các biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, nghị luận.v.v.

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 16 - Tiết 80

Tập làm văn : **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN** (TIẾP)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Năm sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.

+ Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đó học.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh: : Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của PTBĐ trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Qua 2 tiết ôn tập văn bản tự sự và thuyết minh, hôm nay chúng ta sẽ lần lượt giải quyết một số bài tập có liên quan đến 2 thể loại Tập làm văn này để các em có kĩ năng làm bài khi gặp các đề có liên quan.

Hoạt động của GV - HS	**Nội dung bài học**
Hoạt động 1: Luyện tập **a. Mục tiêu:** HS vận dụng lí thuyết vào làm bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm :** **Nhóm 1 :** *** Giáo viên** giúp học sinh xác định và phân tích việc sử dụng một số BPNT trong văn bản thuyết minh. + Yêu cầu: XĐ và phân tích việc sử dụng BPNT trong văn bản TM trình bày kết quả thảo luận **Nhóm 2 :** * So sánh các văn bản tự sự khác nhau để thấy được sự khác nhau giữa các ngôi kể. ? Nhận xét về vai trò của ngôi kể trong Đoạn trích: "Những ngày thơ ấu"- Nguyên Hồng?	**B. Luyện tập:** **Bài tập số 1.** Xác định và phân tích việc sử dụng Biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh Dê sống ở vùng núi khi vui đùa thường hay húc nhau bằng trán, đẩy bằng lưng hoặc vai, ôm nhau xoay tại chỗ, húc vào sườn, nhưng ít khi đá nhau bằng móng. Thông thường, một trong hai con dê đang vui đùa gác vào gáy hoặc cổ bạn và muốn bằng cách này quật ngã hoặc đè bạn xuống đất. Trong những trường hợp khác, một con luồn đầu và cổ, có khi cả nửa thân trước vào dưới ngực của con kia, rồi " nhấc" bạn của mình lên, nhưng không bao giờ làm bạn bị thương. Dê cũng biết nghịch ngợm như trẻ con. Người chăn dê định đi hướng này, nó lại tự ý chạy theo hướng khác. Chủ nó vỗ về, nó trở nên ngoan ngoãn. Nhưng nếu bị đánh oan, dê "be" ầm ĩ để phản đối. * Nghệ thuật nhân hóa, liệt kê-> những hoạt động của đàn dê trở nên thân thiết, quen thuộc, gần gũi như hoạt động của trẻ con => Đối tượng thuyết minh trở nên cụ thể, sinh động và hấp dẫn người đọc. **Bài tập số 2.** Ngôi kể trong văn bản tự sự a, Lời kể của cậu bé Hồng xưng " Tôi" (Đoạn trích: "Những ngày thơ ấu"- Nguyên Hồng) Người kể có thể kể ra trực tiếp những gì mình nghe, mình thấy, mình đã trải qua, có thể nói ra cảm xúc, suy nghĩ của mình -> ngôi kể thứ nhất. Ngôi kể này giúp cho người kể dễ đi sâu vào tâm

và " Làng" của nhà văn Kim Lân ? ? Xác định ngôi kể và tác dụng của người kể chuyện trong "Lặng lẽ Sa Pa" ? **Nhóm 3 :** + Yêu cầu: Phân tích để thấy được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong một văn bản tự sự. ? Chỉ ra các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận trong đoạn văn tự sự sau ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức:	tư tình cảm, miêu tả được những diễn biến tâm lí tinh vi phức tạp đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật " Tôi". - Ngôi kể này có hạn chế trong việc miêu tả bao quát các đối tượng khách quan sinh động khó tạo ra cái nhìn nhiều chiều, do đó dễ gây nên sự đơn điệu trong giọng văn trần thuật b. Tác phẩm: "Làng" : Người kể có thể linh hoạt, tự do thể hiện quan sát, miêu tả khách quan đối tượng (có cái nhìn nhiều chiều, nhiều nhân vật)-> Kể theo ngôi thứ 3 + "Lặng lẽ Sa Pa": ngôi kể thứ 3. Đôi lúc người kể chuyện nhập vai anh thanh niên ("Lặng lẽ Sa Pa"), nói hộ suy nghĩ của anh -> tạo ra cái nhìn nhiều chiều, thay tác giả bộc lộ tư tưởng tình cảm, suy nghĩ của mình, khi trực tiếp, khi gián tiếp, khi thì đi sâu vào tâm lí nhân vật, khi thì miêu tả khách quan… **Bài tập số 3.** * Ví dụ: Đoạn trích "Lão Hạc" + "…Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm…những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế…" -> Miêu tả nội tâm, nghị luận + " Lão Hạc ơi lão Hạc, thì ra đến lúc cùng lão cũng liều hơn ai hết…một con người như thế ấy…"-> Miêu tả nội tâm + "…Cuộc đời này quả thật cứ nỗi ngày 1 thêm đáng buồn…" -> Nghị luận => Miêu tả nội tâm và nghị luận có vai trò giúp người đọc, người nghe hiểu rõ hơn những suy nghĩ, đánh giá, nhìn nhận của nhân vật.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Luyện tập các bài tập trong SGK

+ Đọc và soạn: Cố hương

(Tìm hiểu thêm về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, các tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn, tóm tắt tác phẩm, tình huống truyện, PTBĐ, chia đoạn, phân tích các ý chính).

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 17 - Tiết 81
Văn bản : **CỐ HƯƠNG**
(Lỗ Tấn)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại.

+ Tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.

+ Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

+ Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện Cố hương.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tình bạn trong sáng thuỷ chung, căm ghét chế độ phong kiến hà khắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung tác giả, tác phẩm, bảng phụ, tài kiệu tham khảo-> bài soạn

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, tóm tắt tác phẩm. Tình huống truyện, bố cục, ngôn ngữ, nghệ thuật, nội dung phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Kể tên các tác phẩm viết về đề tài quê hương: Hai cây phong, Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Quê hương, Bến quê....

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Từ xưa đến nay, quê hương luôn là đề tài cho các nhà văn, nhà thơ sáng tác. Sau nhiều năm xa cách, nhân vật "tôi" trong "Cố hương" của Lỗ Tấn trở về quê nhà. Tuy không bẽ bàng như nhà thơ họ Hạ, nhưng cũng bùi ngùi 1 nỗi buồn tê tái…Phê phán xã hội phong kiến, lễ giáo phong kiến & con đường đi của nông dân T.Quốc cũng như của toàn xã hội T.Quốc là để người đọc suy ngẫm. Đó chính là mục tiêu, mục đích của nhà văn Lỗ Tấn khi viết truyện ngắn Cố hương.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Lỗ Tấn ? ? Nêu xuất xứ của tác phẩm ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên** giới thiệu ảnh chân dung nhà văn Lỗ Tấn, và bổ sung thêm những tư liệu về ông: Lỗ Tấn là nhà văn TQ, sinh trưởng trong 1 gia đình quan lại sa sút, cơ nghiệp cha ông có tới 40, 50 mẫu ruộng, sống không đến nỗi vất vả.Cha ông là Chu Phượng Nghi (hiệu Bá Nghi, mẹ là Lỗ Thụy (hiệu Trình Hiên). Bà là người hiền lành, nhân hậu, tự học đến trình độ xem sách được,	**A. Giới thiệu chung.** **1. Tác giả :** Lỗ Tấn (1881-1936) là nhà văn nổi tiếng của T.Quố. + Sự nghiệp sáng tác đồ sộ & đa dạng. **2. Tác phẩm:** + Trích trong tập truyện ngắn " Gào thét" năm 1923.

bà dễ tiếp thu cái mới, hiểu thời thế, tán thành những việc Lỗ Tấn làm (sống đến 1943 mới chết). 18 tuổi ông xa quê. Từ năm 28 tuổi (1909) đến năm 30 tuổi (1911), Lỗ Tấn dạy học tại trường trung học và sư phạm ở quê nhà. Năm 39 tuổi (1919), Lỗ Tấn đưa mẹ và em lên Bắc Kinh, từ đó ông ít có dịp về thăm quê + Bối cảnh xã hội Trung Quốc trì trệ, lạc hậu, những đặc điểm tinh thần của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX đã thôi thúc nhà văn có ý chí và mục đích lập nghiệp cao cả. + Các công trình nghiên cứu và tác phẩm của Lỗ Tấn rất đồ sộ và đa dạng: 17 tạp văn và 2 tập truyện ngắn xuất sắc: "Gào thét" (1923) và "Bàng hoàng" (1926). **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên hướng dẫn đọc:** Chú ý giọng điệu chậm buồn, hơi bùi ngùi khi kể, tả, giọng ấp úng của nhân vật Nhuận Thổ; giọng chua chát của tím Hai Dương; giọng suy ngẫm, triết lí ở 1 số câu, đoạn. ? Hãy tóm tắt nội dung của truyện? * Giáo viên cùng học sinh giải nghĩa 1 số chú thích trong SGK ? Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của truyện ? Ngôi kể ? ? Chuyện được kể theo ngôi thứ nhất. Vậy nhân vật Tôi có phải là tác giả không ? Tại sao? ? Câu chuyện được kể theo trình tự nào ? ? Tìm hiểu bố cục của truyện ? ? Em có nhận xét gì về sự tương ứng này ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	**B. Đọc- Hiểu văn bản:** 1. Đọc - chú thích:

Kết quả mong đợi: Tóm tắt nội dung của truyện : (1) Tôi trở về quê sau hơn 20 năm xa cách, lúc này thời tiết vào độ giữa đông: âm u, gió lạnh lùa vào khoang thuyền, hình ảnh xóm làng tiêu điều xơ xác, hình ảnh quê cũ hiện lên trong kí ức làm lòng Tôi thấy không vui. Về quê chuyến này Tôi có ý định từ giã quê lần cuối và lo chuyển nhà đi nơi khác. (2) Những ngày ở quê, Tôi gặp lại những người bạn thưở nhỏ là Nhuận Thổ, 1 cậu bé nông dân khoẻ mạnh, tháo vát, hiểu biết, hồn nhiên – ngày ấy 2 đứa chơi với nhau rất thân. Sau 20 năm gặp lại Nhuận Thổ thay đổi nhiều: Anh trở thành người nông dân nghèo khổ, đần độn, mụ mẫm…gặp lại chị Hai Dương (Tây Thi đậu phụ)…(3) Tôi buồn bã rời quê với niềm băn khoăn không biết tương lai của cháu Hoàng (cháu của nhân vật Tôi) và Sinh (con Nhuận Thổ) sẽ ra sao…hình ảnh con đường cuối truyện -> Hi vọng cho sự đổi thay của đất nước Ttung Quốc. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Phương thức biểu đạt sinh động, phong phú: Yếu tố chính là tự sự (kể, tường thuật) song phương thức biểu cảm có vai trò quan trọng (nhiều đoạn đối thoại, độc thoại nội tâm, ngôi kể thứ nhất để dẫn dắt truyện, dễ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm, quan điểm của bản thân, kể cả khi miêu tả lập luận tình cảm của tác giả thể hiện ở mỗi dòng, mỗi chữ, mỗi hình ảnh, chi tiết,…) ***** Truyện có nhiều chi tiết là sự việc có thật trong cuộc đời Lỗ Tấn song không nên đồng nhất nhân vật "tôi" với tác giả bởi ngay câu đầu ta đã thấy vai trò hư cấu trong sáng tạo nghệ thuật: " Xa quê đã hơn 20 năm nay" -> nổi bật sự thay đổi ghê gớm của quê hương, đặc biệt là người bạn thời thơ ấu-> Phản ánh tình trạng sa sút của xã hội Trung Quốc những năm đầu thế kỉ XX, đồng thời chỉ ra nguyên nhân…những tiêu cực trong tâm hồn, tính cách của người lao động (qua nhân vật Nhuận Thổ, chị Hai Dương…) Trình tự : + Diễn ra theo trình tự thời gian, nhưng mạch tường thuật sự việc luôn bị gián đoạn bởi những đoạn hồi ức xen kẽ. + Theo trình tự thời gian trong một chuyến đi với sự thay đổi không gian: Tôi trên đường trở về	**2. Thể loại- Bố cục:** + Thể loại: Truyện ngắn có yếu tố hồi kí. + PTBĐ: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận. + Ngôi kể ngôi thứ 1. + Bố cục: 2 phần

thăm quê, trên thuyền, và những ngày ở quê. + Thay đổi thời gian: nhớ lại quá khứ hồi còn nhỏ đan xen với thời gian hiện tại. Bố cục : + Đ1: " Tinh mơ sáng hôm sau… sạch như quét (215)": Nhân vật "Tôi" những ngày ở quê + Đ2: Còn lại: Nhân vật "Tôi" trên đường rời quê. → Nhận xét : Một con người đang suy tư trong một con thuyền dưới bầu trời u ám về cố hương và cũng con người ấy đang suy tư trong một chiếc thuyền rời cố hương. → "Đầu cuối tương ứng". Một con người đang suy tư trong 1 chiếc thuyền, dưới bầu trời u ám, về cố hương và cũng con người ấy đang suy tư trong 1 chiếc thuyền rời cố hương. Tất nhiên tương ứng không phải là lặp lại đơn thuần. Trên đường rời quê, còn có mẹ "Tôi", Hoàng, về quê, "Tôi" hình dung, dự đoán thực trạng của cố hương - rời quê, "Tôi" ước mơ cố hương đổi mới... => Trong quá trình phân tích, không theo trình tự chia đoạn mà phân tích bổ ngang. **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu nhân vật Nhuận Thổ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm nhân vật **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời : ? Ai là nhân vật chính của tác phẩm ? ? Trong kí ức của nhân vật"Tôi", hình ảnh Nhuận Thổ gắn với cảnh tượng nào? ? Tại sao nhân vật "Tôi" gọi đó là "cảnh tượng thần tiên" ? ? Trong cảnh tượng thần tiên ấy, Nhuận Thổ hiện lên với những biểu hiện nào? ? Hình dáng, trang phục, tính tình, sự hiểu biết). ? Trong kí ức của nhân vật "Tôi", Nhuận Thổ là cậu bé như thế nào ? ? Em nhận xét gì về PTBĐ ở đoạn này ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày.	3. Phân tích: a Hình ảnh những con người lao động: a. Nhân vật Nhuận Thổ: * Nhuận Thổ thời quá khứ:

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** Nhân vật chính của tác phẩm : Nhuận Thổ Trong kí ức của nhân vật"Tôi", hình ảnh Nhuận Thổ gắn với cảnh thần tiên kì dị: + Vầng trăng tròn vàng thắm nằm trên nền trời xanh đậm + Dưới là bãi cát trên bờ biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát 1 màu xanh rờn. + 1đứa bé 11-12 tuổi, cổ đeo vòng bạc, đứng giữa ruộng dưa, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba…đang cố sức đâm theo 1 con tra… **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Đoạn văn chủ yếu là phương thức tự sự (kể) kết hợp miêu tả, biểu cảm làm nổi bật tình bạn của 2 người thời quá khứ, đồng thời làm nổi bật sự thay đổi của Nhuận Thổ với tôi hiện nay ở phần sau. + Tình bạn sau hơn 20 năm xa cách…kí ức không phai mờ trong tâm trí "Tôi"…niềm khao khát gặp bạn càng mãnh liệt…hi vọng bao nhiêu cho tới ngày gặp bạn, chuẩn bị cho sự xuất hiện tâm trạng mới của nhân vật "Tôi »	+ Gắn với cảnh tượng thần tiên kì dị. -> Kí ức đẹp, tươi sáng, dấu hiệu cho một cuộc sống thanh bình hạnh phúc ở làng quê - Hình dáng: Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật. - Trang phục: đầu đội mũ lông chiên, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. - Tính tình: Bẽn lẽn - Biết nhiều chuyện lạ lùng -> Nhuận thổ khôi ngô, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, hồn nhiên và hiểu biết, gần gũi và giàu tình cảm. + Phương thức tự sự (kể) kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Tiếp tục tìm hiểu tác phẩm:
- H/ả những người dân lao động

+ Nhân vật Nhuận Thổ thời quá khứ và hiện tại.

+ Nhân vật chị Hai Dương thời quá khứ và hiện tại.

+ Hiện thực thay đổi của xã hội Trung Quốc.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 17- Tiết 82
Văn bản: CỐ HƯƠNG (Tiếp)
(Lỗ Tấn)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại.
+ Tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.
+ Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.
+ Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện Cố hương.

2. Năng lực:

+ Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tình bạn trong sáng thuỷ chung, căm ghét chế độ phong kiến hà khắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung tác giả, tác phẩm, bảng phụ, tài kiệu tham khảo-> bài soạn

2. Chuẩn bị của học sinh: : Đọc và trả lời câu hỏi, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, tóm tắt tác phẩm. Tình huống truyện, bố cục, ngôn ngữ, nghệ thuật, nội dung phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Kể tên các tác phẩm viết về đề tài quê hương: Hai cây phong, Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Quê hương, Bến quê....

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.
GV dẫn dắt:
Nhân vật Tôi trong lần về quê cuối cùng rất mong gặp lại người bạn thuở nhỏ: Nhuận Thổ. Vì người bạn đó gắn liền với những ngày tháng mà theo nhân vật tôi : những ngày

tháng thần tiên. Cuộc gặp gỡ đó diễn ra như thế nào? Tâm trạng nhân vật Tôi trên đường rời quê ra sao? Chúng ta cùng theo dõi phần còn lại của bài học.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu nhân vật Nhuận Thổ** **a. Mục tiêu:** hiểu được đặc điểm, tính cách nhân vật **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản và đặt câu hỏi:** ? Khao khát gặp bạn và có nhiều điều muốn nói với nhau, vậy mà sau 20 năm Nhuận Thổ xuất hiện ntn? ? Tại sao khi Nhuận Thổ chào: "Bẩm ông…", nhân vật "Tôi" cảm thấy "chết điếng, không nói nên lời"? ? Em có nhận xét gì về sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt? Tác dụng ? ? Thông qua sự thay đổi của nhân vật: Nhuận Thổ tác giả muốn chúng ta hiểu gì về cuộc sống ở quê hương ? ? Thái độ của tác giả với cuộc sống ấy như thế nào ? (Thảo luận nhóm) ? Tác giả làm rõ sự thay đổi ấy bằng biện pháp nghệ thuật nào? ? Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi về tính cách của những người dân lao động ? ? Em suy nghĩ gì về lời than thở của nhân vật "Tôi" dành cho Nhuận Thổ: "con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, thân hào đầy đoạ thân anh…"? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Trong kí ức tuổi thơ đẹp đẽ, "Tôi" và Nhuận Thổ là 2 người bạn thân thiết, bình đẳng…Sau 20 năm gặp	* Nhuận Thổ thời hiện tại: + Nước da vàng xạm, vết nhăn sâu hoắm, mi mắt viền đỏ, húp mọng. + Người co ro, cúm rúm + 2 bàn tay nứt nẻ... + Mũ lông chiên rách, áo bông mỏng + Dáng điệu: cung kính: "Bẩm ông…" + Kết hợp nhuần nhuyễn các PTBĐ tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật Nhuận Thổ: Nghèo khổ, vất vả, tội nghiệp -> Tình cảnh sa sút, suy nhược của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX mà cố hương là hình ảnh thu nhỏ của XH TQ thời đó.

bạn, sự đổi thay không chỉ trong hình dáng mà còn có cả sự phân cách về đẳng cấp. + Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi lạ kì đó chính là tình trạng thê thảm của người dân trong xã hội đen tối bị áp bức…-> Hiện thực c/s trong xã hội đã mà người dân phải chịu. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. **GV chuẩn kiến thức:** ***** Sự thay đổi của Nhuận Thổ là có nguyên nhân từ cách sống lạc hậu của người nông dân, tự hiện thực đen tối của xã hội áp bức...Hoàn cảnh xã hội đã khiến cho diện mạo, tinh thần của người Trung Quốc thay đổi_-> Nạn nhân của xã hội, lạc hậu của chính mình. ***** Ở NhuậnThổ có sự thay đổi từ hình dáng -> lời nói, cử chỉ, suy nghĩ. Nhưng trước người bạn cũ, anh vẫn giữ được những phẩm chất tốt đẹp: quý bạn, biết tin bạn về là đến thăm ngay, mang chút quà quê tặng bạn, không tham lam, chỉ xin mấy thứ cần thiết cho cuộc sống vật chất và hi vọng tinh thần nhỏ nhỏi, đáng thương của mình. * Như tác giả nhận xét: "Anh trở nên đần độn, mụ mẫm…", "khổ mà không nói ra được, chỉ trầm ngâm hút thuốc…"-> Miêu tả bằng hồi ức và đối chiếu so sánh làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật Nhuận Thổ: Già mua, tiều tuỵ, hèn kém, cam chịu số phận. ***** Qua sự thay đổi của nhân vật, tác giả phản ánh tình trạng sa sút về mọi mặt của xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX. Đó là cuộc sống nghèo khổ làm cho con người kẻ thì hèn kém tiều tuỵ, kẻ thì tàn tạ, bất lương…tác giả đã chỉ ra ngay những mặt tiêu cực trong tâm hồn, tình cảm của bản thân người lao động, lên án các thế lực đã tạo ra thực trạng đáng buồn ấy-> Cuộc sống quẩn quanh bế tắc, nghèo khổ lạc hậu khiến làng quê ngày càng tàn tạ, con người hèn kém, khổ sở, bất lương ***** Điều là nhân vật "Tôi" cảm thấy đáng buồn hơn từ nhân vật Nhuận Thổ chính là gánh nặng về tinh thần: Đó chính là cảnh sống lạc hậu của người dân, sự mê tín và quan niệm cũ kĩ về đẳng cấp, sự phân biệt đẳng cấp, đặc biệt là thái độ cam chịu, an phận của người nông dân. * Trong bài Tập làm văn "Vì sao tôi viết tiểu thuyết" Lỗ Tấn nói rõ: Ông hay chọn những người bất hạnh làm đề tài, chọn như vậy trong điều kiện lịch sử đương	+ So sánh, đối chiếu tương phản, sử dụng nhiều phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận * Nguyên nhân của thực trạng đáng buồn đó: - Tình trạng thê thảm của người dân trong xã hội đen tối bị áp bức - Cảnh sống lạc hậu của người dõn, sự mê tín và quan niệm cũ kĩ về đẳng cấp. - Thái độ cam chịu, an phận của người nông dân -> Điều trăn trở của nhà văn.

thời có thể làm 1 công đôi việc. Vừa có điều kiện vạch trần ung nhọt của xã hội, vừa có điều kiện lôi hết bệnh tật của chính những người nông dân, người lao động ra làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa. Trong việc chỉ rõ sự thay đổi của con người, cảnh vật, làng quê, tác giả có nói đến sự sa sút về kinh tế, tình cảnh đói nghèo của nông dân do nạn áp bức tham nhũng nặng nề, song trọng tâm vẫn là làm nổi bật sự thay đổi về diện mạo tinh thần → điểm tiêu cực của người nông dân. **Hoạt động 2: Tìm hiểu nhân vật "Tôi"** **a. Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm, tính cách nhân vật **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv yêu cầu HS quan sát tiếp văn bản và trả lời câu hỏi : ? Nhân vật Tôi có vai trò gì trong tác phẩm ? ? Nhân vật "Tôi" rời quê hương trong thời điểm nào? Việc lựa chọn thời điểm ấy có ý nghĩa gì ? ? Vì sao khi rời quê, nhân vật "Tôi" lại cảm thấy "không chút lưu luyến" và "vô cùng lẻ loi ngột ngạt"? ? Nhân vật "Tôi" đã mong ước điều gì khi rời quê ? ? Theo em, cuộc đời mới mà nhân vật "Tôi" mong ước là cuộc đời như thế nào ? ? Cùng với hi vọng ấy, cảnh tượng nào xuất hiện? Điều đó bộc lộ mong ước gì của nhân vật "Tôi"? Em đã gặp hình ảnh này ở đoạn nào? ? Suy nghĩ của em về hình ảnh con đường cuối truyện ? ? Tại sao khi nói tới hi vọng, mong mỏi 1 cuộc đời mới cho cố hương, tác giả lại nhắc tới hình ảnh con đường ? ? Từ đó nhân vật"Tôi" bộc lộ tư tưởng, tình cảm nào muốn nói với cố hương? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	3.2 Nhân vật "Tôi":

Kết quả mong đợi: + Nv Tôi là nhân vật trung tâm, đồng thời là người kể chuyện. Nhân vật "Tôi" rời quê hương trong thời điểm : Buổi chiều khi hoàng hôn buông xuống. Nhân vật "Tôi" đã mong ước khi rời quê : + "…con cháu được sống…không bao giờ phải cách bức nhau, thân thiết, không phải chạy vạy vất vả,…không phải khốn khổ đần độn…không tàn nhẫn…sống 1 cuộc đời mới mà tôi chưa từng được sống". + Mong ước cho thế hệ mai sau, con cháu được sống 1 cuộc đời mới: Qua đó nv bộc lộ mơ ước : + " Một cánh đồng cát màu xanh biếc, cạnh bờ biển, treo trên vòm trời xanh đậm…trăng tròn vàng thắm…" + Từ ước mơ trở thành niềm hi vọng của "Tôi" + Hình ảnh, cuộc sống ấm no, yên bình. Thể hiện tình yêu quê hương -> Hình ảnh đẹp về quê hương đã từng hiện lên trong kí ức của "Tôi", nay lại trở về trong hi vọng. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Là nhân vật trung tâm, đồng thời là người kể chuyện. Đó là hình tượng nhân vật nhạy cảm, hiểu biết, sâu sắc và tỉnh táo, là hóa thân của tác giả tuy không đồng nhất với tác giả. Nhân vật này thực hiện vai trò đầu mối của toàn bộ câu chuyện, có quan hệ với hệ thống các nhân vật, từ đó thể hiện tư tưởng chủ đạo của tác phẩm. + Hình ảnh quê hương vô cùng tốt đẹp trong kí ức giờ đây đã hoàn toàn sụp đổ, nhân vật "Tôi" rời quê không còn chút lưu luyến song không tránh khỏi những suy tư, day dứt về quê, đặc biệt là sự sụp đổ của 1 tình bạn nay đã cách bức, phân biệt làm cho nhân vật "Tôi" cảm thấy lẻ loi, cô độc, cuộc sống nơi quê hương nghèo nàn lạc hậu, sự mụ mẫm, an phận của người dân làm cho nhân vật "Tôi" cảm thấy ngột ngạt. + Nv mong ước cho thế hệ mai sau, con cháu được sống 1 cuộc đời mới → Cuộc sống yên bình, ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp. + Mong ước từ cụ thể, hiện thực đến khái quát cho tương lai, trở thành niềm hi vọng vào tương lai.	- Hình ảnh con đường mang nhiều nét nghĩa: + Nghĩa đen: Hình ảnh con đường & đường đi của tác giả + Nghĩa bóng: Con đường là hình ảnh ẩn dụ, mang ý nghĩa triết lí sâu sắc- hình ảnh đi tới tương lai mới, tự do, bình đẳng và hạnh phúc.

+ Quê hương luôn thường trực trong tâm trí "Tôi" -> tình yêu đối với quê. + Con đường là hình ảnh đi tới tương lai, tới cuộc sống đổi mới, tự do, hạnh phúc, là con đường có ý nghĩa biểu tượng, tượng trưng. Để có con đường con người phải "đi mãi", phải hành động, xây dựng. Con đường ấy không tự nhiên mà có, không do thần linh hay chúa trời ban tặng mà do chính con người góp phần tạo dựng lên. → Tác giả muốn thức tỉnh điều gì ở người dân Trung Quốc : Không cam chịu cuộc sống nghèo hèn, bị áp bức. Ông tin thế hệ con cháu sẽ mở đường đến ấm no hạnh phúc cho quê hương. *** Giáo viên** giáo dục KNS cho học sinh: + Có được con đường ấy con người phải biết hi vọng, phải hành động, xây dựng, tạo dựng lên. + Thức tỉnh con người không cam chịu cuộc sống nghèo nàn áp bức, phải tự mình hành động tạo dựng cuộc sống mới. + Tin tưởng vào thế hệ trẻ và cuộc sống mới ở quờ hương. *** Giáo viên bình:** Lỗ Tấn mong ước, hi vọng vào thế hệ trẻ, vào tương lai, mong ước cái lí tưởng dân chủ, ấm no, bình đẳng không ngăn cách. hạnh phúc…được mọi người tin tưởng làm theo. Có như thế quê hương mới thoát khỏi sự nghèo nàn, lạc hậu và ngột ngạt-> Tư tưởng tiến bộ của nhà văn, phê phán sâu sắc xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX và niềm tin trong sáng vào sự xuất hiện tất yếu của xã hội mới, cuộc sống mới. **Hoạt động 3: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi: ? Hãy cho biết giá trị nội dung và giá trị tư tưởng của văn bản "Cố hương" ? ? Hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm? - HS tiếp nhận nhiệm vụ	

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Giá trị nội dung: Thuật lại chuyến về thăm quê lần cuối của nhân vật "Tôi", tâm trạng của nhân vật "Tôi" trước sự đổi thay của quê hương và những con người ở đây, đặc biệt là Nhuận Thổ- người bạn thân thời thơ ấu. + Giá trị tư tưởng: Phê phán xã hội và lễ giáo phong kiến, đặt ra vấn đề đường đi của người dân và toàn xã hội Trung Quốc, thức tỉnh họ. Nghệ thuật : + Kết hợp nhuần nhuyễn các PTBĐ tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận. + Xây dựng hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. + Kết hợp giữa kể với tả, biểu cảm và lập luận làm cho câu chuyện được kể sinh động, giàu cảm xúc và sâu sắc.	4. Tổng kết: a Nội dung- Ý nghĩa : * Nội dung: + Tâm trạng của nhân vật "Tôi" trước sự đổi thay của quê hương và những con người ở đây, + Phê phán xã hội và lễ giáo phong kiến, đặt ra vấn đề đường đi của người dân và toàn xã hội Trung Quốc, thức tỉnh họ. * Ý nghĩa : Cố hương là nhận thực về một thực tại và là mong ước đầy trách nhiệm của lỗ Tấn về một đất nước Truing Quốc đẹp đẽ trong tương lai. b Nghệ thuật: + Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận. + Xây dựng hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. + Kết hợp giữa kể với tả, biểu cảm và lập luận làm cho câu chuyện được kể sinh động, giàu cảm xúc và sâu sắc. c Ghi nhớ: (SGK-219)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đăt câu hỏi: Nêu ý nghĩa nhan đề ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ "Cố hương" là quê cũ -> thể hiện tình cảm với quê hương

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

- GV đặt câu hỏi: Tác phẩm bộc lộ quan điểm tiến bộ của tác giả về con người và thời đại. Em có đồng ý không ?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

- Quan điểm tiến bộ của tác giả thể hiện ở tư tưởng:

+ Phê phán:

- Xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX, xã hội áp bức, lễ giáo PK đè nặng lên cuộc sống người dân.

- Con người: Bị bần cùng hoá, lạc hậu, mụ mẫm, cam chịu, bị tha hoá, ích kỉ, nhỏ nhen…

+ Hi vọng và tin tưởng vào tương lai tốt đẹp, thức tỉnh người dân Trung Quốc không nên cam chịu, phải tự mình xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới.

d. Tổ chức thực hiện: -

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài.

+ Đọc, nhớ được một số đoạn truyện miờu tả, biểu cảm, lập luận tiêu biểu trong truyện.

+ Chuẩn bị cho giờ trả bài viết Tập làm văn số 3 và bài kiểm tra Thơ & truyện hiện đại (Xem lại bài viết số 3 lập dàn ý, các kiến thức có liên quan đến bài kiểm tra, chữa các lỗi mắc phải trong bài kiểm tra.v.v.)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tuần 17 - Tiết 83

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

& TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

A. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, HS có khả năng :

1. Kiến thức:

+ Thông qua giờ trả bài, cùng cố cho học sinh về kiến thức văn tự sự(tưởng tượng kết hợp với văn bản văn học) két hợp các yếu tố khác trong văn tự sự như miêu tả, phép tu từ, miêu tả nội tâm, nghị luận v.v.

+ Củng cố cho học sinh về kiến thức thơ & truyện trung đại

2. Năng lực

+ Học sinh được rút kinh nghiệm về các kĩ năng làm bài, vận dụng kiến thức để làm tự luận và trắc nghiệm, cách trả lời các dạng câu hỏi trong bài kiểm tra

3. Phẩm chất

+ Giáo dục học sinh ý thức học tập và sửa lỗi rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra

II. Thiết bị dạy học và học liệu

* Giáo viên: Bài chấm và nhận xét cụ thể. chuẩn bị các phiếu học tập, bảng phụ

* Học sinh: Xem lại phương pháp làm bài tự sự, lập dàn ý chuẩn bị cho giờ trả bài.

III. Tiến trình bài dạy:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ:

(Kết hợp trong quá trình trả bài kiểm tra)

3. Giảng bài mới:

Bài viết Tập làm văn số 3 là dạng bài văn yêu cầu phải kể chuyện tưởng tượng gắn với việc đóng vai một nhân vật văn học trong tác phẩm đã học. Nhưng ở bài viết này các em cũng còn rất nhiều nhược điểm mà giờ trả bài hôm nay cô trò ta cùng rút kinh nghiệm cho các bài văn tự sự tưởng tượng sau.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
*** Giáo viên** chép lại đề bài và yêu cầu học sinh đọc lại đề bài. ? Xác định thể loại, yêu cầu của đề văn trên? ? Nội dung, hình thức cần đảm bảo cho đề bài văn tự sự trên? *** Giáo viên** cho học sinh trình bày dàn ý đã chuẩn bị ở nhà -> Học sinh khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh.	A. Bài viết Tập làm văn số 3 I Đề bài- Dàn bài: (Giáo án tiết 69,70 Viết bài Tập làm văn số 3-Văn tự sự) II. Nhận xét chung: 1. Ưu điểm: a. Kiểu bài: Đa số đều đúng kiểu bài văn tự sự b. Nội dung: Hầu hết đảm bảo nội dung của một bài văn mang yếu tố tưởng tượng kể về lần trót xem nhật kí(9A1) và kỉ niệmvới thầy cố giáo cũ(9A2) c. Phương pháp: + Đa số học sinh đã nắm được phương pháp làm bài văn tự sự. Biết kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận khi kể lại những sự việc chính của văn bản. Không có học sinh nào nhầm lẫn đối tượng, yêu cầu của đề văn tự sự. * Một số em có bài viết khá: + Nắm chắc phương pháp, có kiến thức sâu rộng về thể loại văn tự sự, sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận khá tốt nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn, có cảm xúc. 9a1: Hằng, Phương Anh, Ngân 9a2: Hà phương, Minh, Lê Huyền II. Nhược điểm: + Một số bài viết quá sơ sài về nội dung (kiến thức về nhân vật không đầy đủ, chưa vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp, các yêu tố kết hợp khi làm văn tự sự. Miêu tả nội tâm quá mờ nhạt, chưa có sự sáng tạo. Yếu tố nghị luận đưa vào gượng ép, quá sơ sài, thiếu ý: 9a1: Vũ, Việt, Trường 9a2: Cường, Minh, Đức B

	+ Một số bài viết cẩu thả về chữ, thiếu nét, cách trình bày: dập xoá nhiều, bẩn: 9a1: Tuấn, Tới, Nguyễn Tùng, Ngà, Hải, Bình, Thắng, Quang, Thảo, Đạt, Nam, 9ª2: Nam, Đức, Loan, P.Hương, Huy, + Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng, 9a1: Tuấn, Kim Anh, Sơn, Tới, Nguyễn Tùng, Ngà, Hải, Thương, Trang, Bình, Thắng, Thảo, Nam, 9a2: Điệp, Nam, Bùi Hoàng, Thế, Nguyễn Hương, Huy, Hiếu, + Toàn bộ Thân Bài là một đoạn văn dài: 9 a2: Cường + Một số bài văn tự sự xong không có sự phân biệt giữa lời thoại với lời kể, hoặc thiếu lời thoại 9a2: Lụa, Thoan, Bùi Hoàng, Thuỳ Linh, Bảo, Loan, Nguyễn Hương, An Linh, Thế, + một số bài phần mở bài chưa gt vấn đề cần kể: Một lần trót xem nhật kí của bạn, đi kể lan man về tình bạn(1,5 trang giấy rồi mới đi kể về lần đọc trộm nhật kí) 9A1: Hương 9A2: Hòa + Một số bài viết chưa bám vào vào văn, nội dung bài viết chưa sâu, chưa đủ ý theo yêu cầu 9a1: Thanh, Tuấn, Vũ Huyền, Bình, Thắng, Tứ, 9a2: Thi, Nam, Nguyệt, + Diễn đạt lủng củng: 9a1: Kim Anh, 9a2: Lệ, Quyên, Bình, Tuấn Anh, Duy, Nguyệt, + Một bài còn viết tắt nhiều, viết hoa không đúng quy định: 9a2: Nguyễn Tùng, Trang, Toàn, Sơn, Vũ Huyền, Bình, Thắng, Ba, + Dấu câu chưa đúng chỗ 9a2: Hải, Bình, Thắng, III. Trả bài học sinh: IV. Chữa lỗi: 1. Chính tả: + lắm chặt-> Nắm chặt, núi lại-> níu lại, không nén lỗi cảm xúc-> không nén nổi, căm gét-> căm ghét, nằm vật ra dường-> nằm vật ra giường,
*** Giáo viên** dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(	2. Dùng từ: + chiến tranh nội tâm -> đấu tranh

gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả) *** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ, đặt câu(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ đặt câu) *** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm để chữa lỗi sai phương pháp(lập luận-> Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh *** Giáo viên** tiếp tục cho học sinh thảo luận nhóm(mỗi phiếu học tập chỉ gồm 2 đoạn văn chưa hoàn chỉnh cần sửa chữa) chỉ ra lỗi sai trong các phần của Bố cục-> Đưa ra một đoạn văn Mở bài và Kết bài đầy đủ nội dung và trình bày rõ ràng mạch lạc-> các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh *** Giáo viên** dùng các phiếu học tập cho học sinh đọc rút kinh nghiệm các đoạn, các phần bài viết của nhữnh học sinh Khá, Giỏi để các em nhận xét và rút ra kinh nghiệm làm bài cho bản thân. *** Giáo viên** thống kê điểm bài viết số 1 cho học sinh nghe.	3. Câu: + Tình yêu làng của tôi nằm gọn trong tình yêu nước-> Tình yêu làng thống nhất trong tình yêu đất nước (Tình yêu nước bao trùm lên tình yêu làng) + Theo thói quen như thường lệ, tôi ra phòng thông tin nghe đọc báo-> bỏ chữ 1 trong 2 chữ có nghĩa giống nhau(thói quen, thường lệ) V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu: + 9a1: Hằng, Phương Anh + 9a2: Hà Phương, Hải Minh

VI. Thống kê điểm:

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2
9a1					
9a2					

*** Giáo viên** cho học sinh xem lại đề bài và nêu đáp án biểu điểm dàn ý đã chuẩn bị ở nhà. Giáo viên nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh (ghi ngắn gọn) *** Giáo viên** nhận xét nhanh các ưu nhược điểm của học sinh *** Giáo viên** dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả)	B. Trả bài kiểm tra Văn Đề bài& Đáp án biểu điểm(Giáo án tiết 76- Kiểm tra thơ và truyện hiện đại) II. Nhận xét chung: 1. Ưu điểm: + Học sinh có sự chuẩn bị cho giờ kiểm tra khá tốt. 9 a1: Phương Anh, Hà Phương, Nguyệt Hà, 9 a2: Hà Phương, Minh, Lê Huyền. + Nhiều em có sự tiến bộ trong ý thức học tập thể hiện ở kết quả bài kiểm tra có sự thay đổi nhiều so với bài kiểm tra trước. 9 a1: Trang, Long, Hoàng Anh, Huệ Phương 9a2: Đức, Nguyễn Hương, Thế, Ninh, Hậu, II. Nhược điểm: + Mở đoạn chưa giới thiệu được nhân vật cần phân tích & những đặc điểm của anh TN, ông Hai 9 a1: Vũ Huyền, Thanh, 9 a2: Lụa, Huy, Đức, Hậu, M.Hương, Vũ Hoàng, Thế, Bùi Hoàng, P.Hương, + Kết đoạn đã có nhưng chưa liên hệ bản thân: 9 a1: Tuấn, Vũ Huyền, Toàn, Phượng, Tới, Sơn, Đạt, N.Huyền, Ba, Nhật, Xoài, Trang, Phi, Tứ, Đỗ Tùng, Hải, Quang, Tiên 9 a2: Hiếu, P,Hương, Lệ, Huy, Thoan, Bảo, N.Hương, Thuỳ Linh, Thi, Nam, Điệp, Nguyệt, Đức, Yên, Hậu, P.Anh, Vũ Hoàng, An Linh, Yến, Dung, Thế, Bùi Hoàng, + Mở đoạn chưa có: 9ª2Lụa, Quyên, Hải, Vương, Trường, M.Hương, Bình + Học bài chưa kĩ nên các phẩm chất của anh thanh niên phân tích chưa sâu, thiếu dẫn chứng ở một số đặc điểm, bài văn phân tích nhân vật thiếu sức thuyết phục 9 a2: Hạnh, Vũ Huyền, Tuấn, Thảo, Trâm, Thương, Sơn, Toàn, Bình, Tới, Đạt, Ba, N.Tùng, Tứ, Hải, Quang, + Một số học sinh chưa có ý thức chuẩn bị chu đáo cho giờ kiểm tra, chưa học bài, chưa có kiến thức về nhân vật nên bài viết quá sơ sài, thiếu nhiều ý 9 a1: Nam, Thương, 9 a2: Điệp, Huy, Quyên, Hiếu + Một số bài trình bày quá bẩn, gạch, dùng bút xoá nhiều: 9 a1: Hoà, Công

*** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ, đặt câu(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ đặt câu)	9 a2: Lụa, Nguyệt, Bình +Câu 6: Một số học sinh liên hệ về lí tưởng sống của tuổi trẻ hiện nay còn hời hợt. III. Trả bài học sinh: IV. Chữa lỗi: 1. Chính tả: + trò truyện-> chuyện niềm vui lớn nao-> lao, anh thanh liên-> niên, ngắn lắp-> nắp, trân thành-> chân thành, dan lao-> gian lao, trính xác-> chính xác, bàn gế-> ghế, nhà ba dan-> gian, dản dị-> giản dị, từ trối->từ chối, 2. Dùng từ: + Hành động của anh thể hiện tư chất quý báu-> phẩm chất quý báu 3. Câu: + Công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ để định nắng, khả năng quan sát để nhìn trời vào ban đêm, thấy sao nào khuất, sao nào sáng thì tính được mây và gió. 4. Phương pháp (lập luận) + Đó là những đức tính quý báu phẩm chất tốt đẹp ở anh thanh niên càng cho anh trở nên lí tưởng cho một bức chân dung mà ông hoạ sĩ muốn vẽ. (diễn đạt lủng củng, chưa thoát ý)=> Những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên đã giúp ông hoạ sĩ nhận ra anh chính là hình mẫu lí tưởng mà ông đang khao khát kiếm tìm làm đề tài sáng tác nghệ thuật của ông. + Anh rất thèm người để trò chuyện, Anh chặt cây to chắn ngang đường khi nào thấ xe đến thì anh chạy ra để trò chuyện. Bác lái xe đã gặp anh thanh niên nghe bác lái xe nói vợ bác bị ốm anh liền đào củ tam thất đưa cho bác để ngâm rượu cho vợ uống. (Đoạn văn còn có câu dài, cách diễn đạt giống như kể chuyện chứ không phải cảm nhận về nhân vật) => Nỗi khó khăn lớn nhất của anh là phải đối diện với nỗi cô đơn, buồn chán không có ai làm bầu bạn. Anh nghĩ ra cách chặn xe lại để có thể trò chuyện cùng mọi người. Anh là người rất coi trọng, quan tâm, chu đáo đến mọi người. Khi nghe tin vợ bác lái xe bị ốm, anh đã tìm đào được mấy củ tam thất gửi biếu vợ bác lái xe. + Bạn của anh là những vật vô tri vô giác: cỏ cây mây núi Sa Pa. Sống các dụng cụ đo mây, đo mưa, đo gió. (Diễn đạt lủng củng, câu chưa rõ ý) => Anh sống cô đơn một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Bốn mùa bạn bè xung quanh anh chỉ là cỏ, cây,

*** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm để chữa lỗi sai phương pháp(lập luận-> Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh. *** Giáo viên** dùng các phiếu đọc rút kinh nghiệm các đoạn, các phần bài viết của nhữnh học sinh Khá, Giỏi để các em nhận xét và rút ra kinh nghiệm làm bài cho bản thân. *** Giáo viên** thống kê điểm bài viết số 1 cho học sinh nghe.	mây, núi, nên mới đầu anh cũng thấy cô đơn và thèm người để trò chuyện. V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu: + 9 a1: Hằng, Hà Phương, Phương Anh... + 9 a2: Hà Phương

VI. Thống kê điểm:

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2
9a1(38)					
9a2(34)					

4. **Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:**

+ Ôn tập phương pháp làm bài văn tự sự: Bố cục, các yếu tố cần kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận

+ Đọc và chuẩn bị tốt cho kiểm tra tổng hợp cuối học kì I : Xem lại kiến thức, kĩ năng phương pháp làm bài với cả 3 phân môn; Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tiết 84,85

KIỂM TRA TỔNG HỢP HỌC KÌ I

A. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, HS có khả năng :

1 Kiến thức:

+ Qua bài kiểm tra giúp học sinh hệ thống hoá các kiến thức về văn học, TLV, TV kì I
+ Học sinh có ý thức yêu mến phân môn văn học.

2 Kỹ năng:

+ Rèn kĩ năng viết bài tự luận
+ Rèn luyện kĩ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học cho học sinh.

3. Đánh giá năng lực: viết sáng tạo, cảm thụ nhân vật văn học
4 Thái độ:
+ Nghiêm túc khi làm bài, cố gắng suy nghĩ vận dụng các kiến thức vào bài kiểm tra.
B. Chuẩn bị:
* Giáo viên: ôn tập học kì
* Học sinh: Ôn tập kiến thức văn học, TV, TLV(theo giới hạn của PGD và hướng dẫn của GV)
3. Phương pháp:
+ Thực hành viết trên giấy.
4. Tiến trình giờ dạy:
1 Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số
2 Kiểm tra bài cũ:
3 Bài mới: đề bài

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:
+ Xem lại toàn bộ kiến thức Tiếng Việt, VH, TLV để củng cố kiến thức và chuẩn bị tâm thế cho học kì II: khởi ngữ

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 18 - Tiết 86
ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (Tiếp)
I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Sự kết hợp của phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.
+ Hệ thống văn bản thuộc kiểu thuyết minh và văn bản tự sự đó học.
2. Năng lực:
+ Giao tiếp: trình bày, trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt.
+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.
3. Phẩm chất:
+ Giáo dục tình yêu quê hương đất nước
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
Bảng phụ, soạn giáo án
2. Chuẩn bị của học sinh: Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự Sự kết hợp của các phương thức biểu đạt trong thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Ở giờ trước chúng ta đã nhắc lại những kiến thức về văn tự sự. Các yếu tố cần kết hợp trong văn tự sự. Giờ học này chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu các yếu tố dùng để nhận diện văn bản tự sự so với các văn bản khác

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Nhận diện văn bản** **a. Mục tiêu:** nhận diện được văn bản **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi:** Tại sao trong văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi là văn bản tự sự ? Theo em liệu có một văn bản nào chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt duy nhất không ? ? Kẻ bảng, đánh dấu (x) vào ô trống mà kiểu văn bản chính có thể kết hợp với các yếu tố tương ứng ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Học sinh thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi là văn bản tự sự bởi người ta phải	8. Nhận diện văn bản: a. Khi gọi tên một văn bản người ta căn cứ vào phương thức biểu đạt chính của văn bản đó. Ví dụ: + Phương thức tái tạo hiện thực bằng cảm xúc chủ quan văn bản miêu tả. + Phương thức tác động vào cảm xúc: Văn bản biểu cảm + Phương thức cung cấp tri thức về đối tượng: Văn bản thuyết minh. + Phương thức tái tạo hiện thực bằng nhân vật và cốt truyện: Văn bản tự sự b. Trong một văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm mà vẫn gọi là đó là văn bản tự sự vì các yếu tố ấy chỉ có ý nghĩa bổ trợ cho các phương thức chính là " kể lại hiện thực bằng con người và sự việc" c. Trong thực tế ít gặp hoặc không có văn bản nào duy

căn cứ vào phương thức biểu đạt chính (kiểu văn bản) của văn bản đó. Văn bản đó vẫn được coi là tự sự vì các phương thức trên chỉ bổ trợ cho phương thức biểu đạt chính: Tự sự

+ Kiểu văn bản chính: Tự sự có thể kết hợp với yếu tố miêu tả, nghị luận, biểu cảm, TM.

+ Kiểu văn bản miêu tả có thể kết hợp với yếu tố tự sự, biểu cảm, thuyết minh.

+ Kiểu văn bản nghị luận có thể kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, thuyết minh.

+ Kiểu văn bản biểu cảm có thể kết hợp với các yếu tố tự sự, miêu tả, nghị luận.

+ Kiểu văn bản thuyết minh có thể kết hợp với yếu tố…nghị luận

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

nhất chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt

9. Khả năng kết hợp:

Kiểu VB chính	Các yếu tố kết hợp với văn bản chính					
	Tsự	Mtả	Nluận	Bcảm	Tminh	Điều hành
Tsự		X	X	X	X	
Mtả	X			X	X	
Nluận		X		X		
Bcảm	X	X	X			
Tminh		X	X			
Điều hành						

Hoạt động 2: Bố cục của văn bản tự sự

a. Mục tiêu: HS nắm được bố cục của văn bản tự sự

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

? 1 số tác phẩm tự sự đã học trong SGK từ lớp 6->9 không phải bao giờ cũng đủ 3 phần: Mở bài- Thân bài- Kết bài. Tại sao bài văn của các em vẫn yêu cầu đảm bảo bố cục 3 phần ?

? Những kiến thức, kĩ năng của kiểu văn bản tự sự của phần Tập làm văn giúp gì cho em trong việc đọc- hiểu văn bản các tác phẩm văn học trong SGK ngữ văn không ?

10. Bố cục của văn bản tự sự:

* Bố cục 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật, sự việc

+ Thân bài: Diễn biến sự việc

+ Kết bài: Kết thúc sự việc, cảm nghĩ của bản thân

? Những kiến thức, kĩ năng về văn bản tự sự của phần đọc- hiểu văn bản và phần Tiếng Việt tương ứng giúp em những gì trong việc viết văn tự sự ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** + Những kiến thức, kĩ năng về văn bản tự sự (phần đọc- hiểu văn bản) và phần Tiếng Việt tương ứng giúp học sinh những tri thức cần thiết để làm văn tự sự: + Các văn bản tự sự cung cấp cho học sinh đề tài, nội dung, csach kể chuyện, cách dựng ngôi kể, cách dẫn dắt, xây dựng và miêu tả nhân vật, sự việc,… VD: Lặng lẽ Sa Pa, Làng,… **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: + Bố cục 3 phần: MB, TB, KB là bố cục bắt buộc đối với học sinh khi viết bài tập làm văn. Nó giúp cho học sinh bước đầu làm quen với tư duy cấu trúc khi xây dựng văn bản để sau này học cao lên có thể viết luận văn, luận án, viết sách. -> Bố cục này giúp học sinh làm quen với tư duy cấu trúc để sau này tiến tới tư duy logic, khoa học, mang tính quy phạm đối với học sinh. *** Giáo viên:** Một số tác phẩm tự sự từ lớp 6 đến lớp 9 không phải bao giờ cũng phân biệt rõ ràng bố cục 3 phần vì các nhà văn không bị bó buộc bởi tính qui phạm. Điều quan trọng với họ là vấn đề tài năng và tính sáng tạo + Những kiến thức, kĩ năng của kiểu văn bản tự sự (phần TLV) soi sáng thêm nhiều cho chúng ta trong phần đọc- hiểu văn bản, tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn. - Hiểu nội dung tác phẩm trước hết là tóm tắt văn bản tự sự, xác định được nhân vật chính- phụ. - Đánh giá được nhân vật (thông qua biểu hiện hình dáng, hành động, nội tâm, cử chỉ của nhân vật)	

-> Phân tích nhân vật, qua nhân vật thể hiện tư tưởng, chủ đề của văn bản. + Phương thức biểu đạt, giá trị nghệ thuật, ngôi kể, lời kể,…-> Cách thể hiện của nhà văn, mục đích cần đạt, cần nói đến của văn bản. VD: Làng, Truyện Kiều,… + Những kiến thức, kĩ năng về văn bản tự sự (phần đọc- hiểu văn bản) và phần Tiếng Việt tương ứng giúp học sinh những tri thức cần thiết để làm văn tự sự: + Các văn bản tự sự cung cấp cho học sinh đề tài, nội dung, csach kể chuyện, cách dựng ngôi kể, cách dẫn dắt, xây dựng và miêu tả nhân vật, sự việc,… VD: Lặng lẽ Sa Pa, Làng,… **Hoạt động 3: luyện tập** **a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** ***** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm : Giáo viên sử dụng bảng phụ (Cung cấp cho học sinh 2 bài tập) **Bài tập 1:** So sánh 2 đoạn văn sau, nhận xét về ngôi kể và cách kể? a) Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác lạ. Bà bước từng bước, mặt cúi xuống. Đôi quang thúng lủng lặng trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào 1 xó ròi ra bậu cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào vòi quà. Trong nhà im ắng, không tiếng nói. b) Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước từng bước uể oải, cái mặt cúi xuống bần thần. Đôi quang thúng thõng thẹo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng ra 1 xó, rồi lẳng lặng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám vòi quà. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám nhìn nhau nữa.	*** Bài tập:** Bài tập 1: Nhận xét về vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự + Trong đoạn văn (a) người kể quan sát từ bên ngoài, tả 1 cách khách quan nên chưa so sánh. + Trong đoạn văn (b) người kể thấu suốt từ dáng vẻ đến tâm tư tất cả các nhân vật, tạo nên 1 không khí ám ảnh tất cả mọi người, cảnh vật trong nhà ông Hai (dẫn chứng)

Bài tập 2. Cho đoạn văn sau đây: "Nhìn đỏ chói trên bài kiểm tra Tiếng Anh, Tâm nở nụ cười. Tan học, nó về thẳng nhà, chạy tìm ông nội. Ông đang đọc báo, nó đặt bài kiểm tra ấy lên tờ báo. Ông thấy ngay điểm 10 nhưng chỉ nói "Được" và xoa đầu nó. ? Vẫn dùng ngôi kể thứ 3 nhưng thay đổi điểm nhìn để tạo ra các biểu hiện nhiều chiều, khiến cho đoạn tự sự sinh động hơn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS	Bài tập 2 - Thêm nhiều từ ngữ miêu tả dáng vẻ, thái độ, tình cảm của 2 nhân vật (Ví dụ: nụ cười rạng rỡ, trịnh trọng đặt bài kiểm tra ấy). * Thêm những câu văn từ ngữ miêu tả tâm trạng nhân vật. + Nó nóng lòng đợi lời khen. + Ông thấy ngay điểm chỉ nói "Được" nhưng đôi mắt lấp lánh nheo cười rồi xoa đầu nó. Bài tập 3. Viết 1 đoạn văn tự sự có yếu tố nghị luận, ghi lại diễn biến cuộc đấu tranh nội tâm của nhân vật khi rơi vào tình huống phải tự nhận khuyết điểm, lỗi lầm của mình ?

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Tìm ví dụ minh hoạ cho sự kết hợp các phương thức biểu đạt khác nhau trong văn bản tự sự.

+ Vận dụng kiến thức phần Tập làm văn, Tiếng Việt để đọc – hiểu một đoạn văn bản theo đặc trưng thể loại tự sự.

+ Đọc và soạn văn bản " Những đứa trẻ"

(Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt đoạn trích, thể loại PTBĐ, bố cục, các nội dung và nghệ thuật chính.v.v.

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 18 - Tiết 87

ĐỌC THÊM: **NHỮNG ĐỨA TRẺ**

(Trích " Thời thơ ấu" – M. Go-rơ-ki)

(Kim Lân)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

+ Hiểu những đóng góp của M.Go-rơ-ki đối với văn học Nga văn học TQ và văn học nhân loại.

+ Nắm được mối đồng cảm chõn thành của nhà văn với những đứa trẻ bất hạnh.

+ Hiểu cách sử dụng lời văn tự sự giàu hình ảnh, đan xen giữa chuyện đời thường với truyện cổ tích.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân: tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.

3. Phẩm chất:

+ Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tình bạn trong sáng thuỷ chung, căm ghét chế độ phong kiến hà khắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Chân dung tác giả, tác phẩm, bảng phụ, tài kiệu tham khảo, bài soạn

2. Chuẩn bị của học sinh:

+ Đọc và trả lời câu hỏi, tìm hiểu thêm về tác giả tác phẩm, tóm tắt tác phẩm.

+ Tình huống truyện, bố cục, ngôn ngữ, nghệ thuật diễn biến tâm trạng của nhân vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv đặt câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về tình bạn thời thơ ấu? Hãy chia sẻ suy nghĩ đó với người bạn bên cạnh.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung bài học
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung** **a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: **GV đặt câu hỏi:** Giới thiệu những hiểu biết của em về tác giả M.Go-rơ-ki? ? Nêu những hiểu biết của em về văn bản " Những đứa trẻ" ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. - GV chuẩn kiến thức: *** Giáo viên** giới thiệu chân dung nhà văn & bổ sung: Go-rơ- ki (Tiếng Nga có nghĩa là: cay đắng) Tên thật là Alécxây Pêskốp Ông sinh trưởng trong gia đình lao động nghèo, tuổi thơ trải qua nhiều cay đắng: 3 tuổi mồ côi cha, 10 tuổi mẹ đi lấy chồng khác, phải ở với ông bà ngoại, người ông khó tính thường hay đánh đập vô cớ, phải tự lập từ rất sớm, kiếm sống bằng nhiều nghề khác nhau... M.Go-rơ-ki là tấm gương tự học, tự rèn luyện với nghị lực phi thường, là những nhân tố góp phần tạo nên tấm lòng nhân hậu và tài năng nghệ thuật để trở thành nghệ sĩ ưu tú của nghệ thuật vụ sản, là đại văn hào của nước Nga và thế giới, có ảnh hưởng sâu rộng đến văn học Việt Nam.	**A. Giới thiệu chung:** 1. Tác giả: + M. Go rơ ki (1868-1936) + Là nhà văn lớn của Nga và thế giới đầu thế kỉ XX. 2. Tác phẩm: + Thời thơ ấu- Tiểu thuyết gồm 13 chương, là 1 trong 3 bộ tiểu thuyết tự thuật (1913-914) + Những đứa trẻ trích từ chương I X của tác phẩm.

Tác phẩm Bộ 3 tự truyện (Thời thơ ấu, Những trường đại học của tôi, Kiếm sống) là những trang văn thấm đầy nước mắt, có cả tiếng thở dài, có cả nụ cười, tiếng hát ngây thơ…Đó là chặng đường đầy thử thách trong cuộc đời của nhân vật Aliôsa (Tên tác giả còn nhỏ) từ năm 3-4 tuổi đến năm 17 tuổi. -Tác phẩm "Thời thơ ấu" gồm 13 chương là cuốn đầu tiên trong bộ ba tiểu thuyết nói trên.Nhà văn viết tác phẩm này (1913-1914) lúc ông đã ngoài 40 tuổi. Ông kể lại quãng đời của mình mấy chục năm về trước, từ lúc lên 3 tuổi đến năm 10 tuổi. Mở đầu tập tiểu thuyết là chuyện bố mất, lúc đó Aliôsa mới 3 tuổi. Chú về sống với gia đìnhông bà ngoại. Mẹ đi lấy chồng khác, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Aliôsa sống những năm tháng tuổi thơ héo hắt ở đây, sớm chứng kiến ngay trong gia đình những cảnh đời nhức nhối. Ông ngoại Vaxili Casirin là người khó tính, thiếu tình thương, 2 cậu của Aliôsa thì đánh nhau vì tranh chấp gia tài, lão đại tá Ôpxian nicốp bên nhà hàng xóm hách dịch, coi khinh những người thuộc tàng lớp dưới... - Đoạn trích nằm ở chương thứ 9 sau đoạn Aliôsa cứu thằng bé con ông đại tá. **Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh đọc, tìm hiểu chú thích, PTBĐ, bố cục** **a. Mục tiêu:** HS nắm được phương thức biểu đạt và bố cục văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** GV yêu cầu đọc:** Đoạn văn có nhiều đối thoại, chú ý đọc với giọng điệu phù hợp. Chú ý từ phiên âm tiếng nước ngoài-> phát âm chính xác **GV đặt câu hỏi :** ? Hãy tóm tắt đoạn trích ? ? Phương thức biểu đạt chính của văn bản? ? Tác giả đã sử dụng ngôi kể nào khi kể chuyện? ? Nhân vật chính trong văn bản là ai?	**B. Hướng dẫn tìm hiểu văn bản:** 1. Đọc - Hiểu chú thích:

? Có thể coi tác giả chính là nhân vật " Tôi" trong văn bản không? Vì sao? ? Văn bản được viết theo thể loại nào? ? Em hiểu gì về tiểu thuyết tự thuật? ? Em nhận xét gì về PTBĐ của truyện? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung từng phần? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Tóm tắt** + Sau gần 1 tuần, không thấy, sau đó 3 anh em con đại tá lại ra chơi với Aliôsa. Chúng trò truyện về bắt chim, dì ghẻ...Aliôsa đã kể cho lũ trẻ nghe chuyện cổ tích mà bà ngoại đã kể cho chú. Viên đại tá già cấm các con chơi với Aliôsa, đuổi em ra khỏi sân nhà lão. Nhưng Aliôsa vẫn tiếp tục bí mật chơi với những đứa trẻ ấy và cả bọn cảm thấy vui thích. Phương thức biểu đạt : Tự sự kết hợp miêu tả Ngôi kể : Ngôi thứ nhất - cậu bé Aliôsa - Văn bản chính là đoạn trích của tiểu thuyết tự thuật. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV bổ sung: + Vì văn bản này nằm trong bộ tự truyện của M.Go-rơ-ki, ở đó nhà văn dùng ngôi thứ nhất, tự kể về cuộc đời mình. + Tiểu thuyết tự thuật còn gọi là tự truyện. Loại tiểu thuyết trong đó nhà văn kể chuyện đời mình. Truyện kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng Tôi là tác giả... + PTBĐ : + Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. (Ngôn ngữ đối thoại, chi tiết thật kết hợp chi tiết hư ảo) -> Sự ngây thơ, hồn nhiên, trong trắng của những đứa trẻ khi nghĩ về bà, về mẹ,… Bố cục : + Phần 1: "…ấn cổ em nó xuống": Tình bạn tuổi thơ trong trắng. + Phần 2: "…cấm không được đến nhà tao": Tình bạn bị cấm đoán. + Phần 3: Còn lại: Tình bạn vẫn cứ tiếp diễn	2. Thể loại, bố cục: + PTBĐ: Tự sự kết hợp với tả và biểu cảm.

*** Giáo viên** tóm tắt đoạn trước: Aliôsa nhà nghèo, ít học sống với ông ngoại khó tính nhưng bà ngoại nhân hậu. Em thường trèo lên cây nhìn sang sân nhà đại tá -> 3 đứa trẻ lảng tránh không chơi với Aliôsa. Một lần Aliôsa tình cờ cứu 1 đứa trẻ rơi xuống giếng -> tình bạn nảy sinh giữa chúng **Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ tìm hiểu hoàn cảnh đáng thương của những đứa trẻ** **a. Mục tiêu:** HS nắm nội dung, nghệ thuật văn bản **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **NV1:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Giáo viên** chia nhóm và học sinh thảo luận câu hỏi, ghi lại đáp án (Kĩ thuật mảnh ghép) **Nhóm 1:** Câu hỏi 1? Hãy nêu lên những lí do khiến những đứa trẻ kết bạn với nhau? **Nhóm 2:** Câu hỏi 2? Em có suy nghĩ gì về hoàn cảnh của những đứa trẻ ? **Nhóm 3:** Câu hỏi 3 ? Trong đoạn hồi ức thể hiện những quan sát và cảm nhận rất tinh tế của Aliôsa. Hãy lấy 1 số Vví dụ? ? Tại sao ông đại tá lại không cho Aliôsa chơi với những đứa con của mình? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **Nhóm 1:** + Tình bạn gắn bó trên nhu cầu đồng cảm và chia sẻ-> trở thành những người bạn thân thiết **Nhóm 2:** + Hoàn cảnh sống thiếu thốn tình cảm khiến những đứa trẻ luôn hướng về nhau, hiểu nhau, quan tâm, đoàn kết và chia sẻ với nhau dù bị người lớn cấm đoán.	+ Bố cục: 3 phần + Thể loại: Tiểu thuyết tự thuật 3. Hướng dẫn tìm hiểu văn bản: a Hoàn cảnh đáng thương của những đứa trẻ: + Chúng cùng trang lứa, ở gần nhau, là hàng xóm. + Chúng đều thiếu tình yêu thương của người mẹ, đều yêu quý bà.

Nhóm 3: + Vì 2 gia đình thuộc 2 tầng lớp xã hội khác nhau: 1 bên là dân thường (lao động) và 1 bên là quan chức giàu sang (quý tộc). **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS GV chuẩn kiến thức: ***** Tình bạn đã để lại trong lòng Aliôsa ấn tượng sâu sắc khiến mấy chục năm sau ông vẫn nhớ như in và kể lại thật xúc động. ***** Những đứa trẻ sinh ra trong những gia đình có hoàn cảnh khác nhau, khác nhau cả về vị trí xã hôi. Mặc dù bị người lướn cấm đoán: ông ngoại của Aliôsa và lão đại tá, xong tình cảm của bọn trẻ không vì thế mà tan vỡ. Tình cảm đó phát triển như thế nào, chúng ta cùng theo dõi phần còn lại của văn bản **Hoạt động 4: Đọc hiểu văn bản/ HD học sinh tìm hiểu tình cảm trong sáng, đẹp đẽ của những đứa trẻ** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *** Thảo luận nhóm các câu hỏi** - Thêi gian: 4 phút - Yêu cầu: **Nhóm 1:** Câu hỏi 1? Tình bạn của bọn trẻ xuất phát từ đâu ? **Nhóm 2:** Câu hỏi 2? Dù bị cấm đoán nhưng vì sao lũ trẻ vẫn tìm đến nhau ? Tình cảm của chúng với nhau được thể hiện như thế nào ? Vì sao Aliôsa lại kể chuyện cổ tích cho bạn nghe? ? Bọn trẻ có biểu hiện như thế nào khi nghe những câu chuyện đó ? Em suy nghĩ như thế nào về chúng? ? Sau rất nhiều câu chuyện cổ tích, liên quan đến bà, thằng lớn khái quát: "Tất cả những người bà đều tốt…ngày trước…"em suy nghĩ gì về câu nói này ?	b Tình cảm trong sáng, đẹp đẽ của những đứa trẻ:

Nhóm 3: ? Qua những câu chuyện của bọn trẻ, em có cảm nhận ntn về tình bạn của chúng ? ? Cách kể chuyện đời thường và chuyện cổ tích lồng trong nhau có tác dụng gì ? ? Tác dụng của việc kết hợp kể với tả và biểu cảm ? Nêu những nét đặc sắc về nội dung đoạn trích? ? Văn bản có ý nghĩa như thế nào? ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **Kết quả mong đợi:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức: M.Go rơ ky đã thuật lại 1 cách sinh động tình bạn thân thiết của ông hồi nhỏ với những đứa trẻ thiếu tình thương bên hàng xóm, bất chấp sự ngăn cản của người lớn. **Hoạt động 5: Tổng kết** **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **GV đặt câu hỏi :** ? Nêu những nét đặc sắc về nội dung đoạn trích? ? Văn bản có ý nghĩa như thế nào? ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS **GV** chuẩn kiến thức:	+ Tình bạn gắn bó trên nhu cầu đồng cảm và chia sẻ-> trở thành những người bạn thân thiết + Aliôsa muốn an ủi những người bạn mồ côi, muốn chúng tin vào những điều kì diệu, tốt đẹp, muốn chúng vui, hạnh phúc,… -> Bọn trẻ ngây thơ, hồn nhiên, đáng thương. => Cảm nhận tình bạn gắn bó từ sự cảm thông, từ những mất mát và hi vọng của chúng

	4. Tổng kết: a Nội dung- Ý nghĩa: * ND: Tình bạn trong sáng, ấm áp của những đứa trẻ sống thiếu tình thương * Ý nghĩa của văn bản: + Đoạn trích thể hiện tình bạn tuổi thơ trong sáng, đẹp đẽ và những khao khát tình cảm của những đứa trẻ. b Nghệ thuật: + Cách kể chuyện đời thường và chuyện cổ tích lồng trong nhau có tác dụng thể hiện tâm hồn trong sáng, khát khao của những đứa trẻ. + Kết hợp kể với tả và biểu cảm: Làm cho câu chuyện về những đứa trẻ được kể sinh động, chân thực và đầy cảm xúc. c Ghi nhớ: (SGK-234)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

? Em có nhận xét gì về tình bạn của những đứa trẻ trong đoạn trích?

? Qua đoạn trích em rút ra được bài học gì cho bản thân về cuộc sống gia đình về tình bạn?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
a. Mục tiêu: Hệ thống những kiến thức đã học và luyện tập
b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.
d) Tổ chức thực hiện:
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV đặt câu hỏi:
? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? Hình ảnh lũ trẻ hiện lên như thế nào ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
+ Kể chuyện chủ yếu bằng ngôn ngữ đối thoại, kết hợp sinh động giữa đời thường và chuyện cổ tích. Hình ảnh lũ trẻ hiện lên sinh động, chân thực với tình bạn gắn bó dựa trên cơ sở sự đồng cảm, hiểu biết, sẻ chia, trong mất mát và hi vọng…
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS
*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**
+ Đọc lại đoạn trích, học ghi nhớ
+ Nêu cảm nhận của em về tình bạn của những đứa trẻ.
+ Đọc và chuẩn bị " Tập làm thơ tám chữ (Tiếp tiết 55)

Ngày soạn :
Ngày dạy :
Tuần 18 -Tiết 88

Tập Làm văn **TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.
1.Kiến thức:
+ Tiếp tục tìm hiểu những bài thơ tám chữ hay của các nhà thơ.
+ Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hoặc viết tiếp các câu thơ vào một bài thơ cho trước.
2. Năng lực:
+ Sáng tác được những bài thơ ca ngợi quê hương, đất nước

3. Phẩm chất:

+ Phát huy tinh thần sáng tạo, sự hứng thú trong cảm nhận, rèn luyện năng lực cảm thụ thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Sưu tầm các bài thơ 8 chữ theo nhiều chủ đề khác nhau đặc biệt về môi trường Các câu hỏi, bài tập để học sinh thực hành

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài, tìm hiểu các thể thơ đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: :

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

b. Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt: Ở tiết 55 các em đã được tìm hiểu các đặc điểm nổi bật của thơ tám chữ. Hôm nay các em sẽ tiếp tục củng cố kiến thức đã học tập nhận diện và sáng tác các bài thơ tám chữ đơn giản.

HĐ CỦA THẦY VA TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. **Hoạt động 1: LÍ thuyết** **a. Mục tiêu:** **b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV **c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra. **d) Tổ chức thực hiện:** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1: GV đặt câu hỏi:** Nhắc lại những đặc điểm của thể thơ 8 chữ? ? Tìm trong các văn bản đã học, những văn bản nào dược viết bằng thể thơ 8 chữ? ? Tìm trong các văn bản đã học: đ/chí, bài thơ về tiểu đội xe không kính, Bếp lửa có những đoạn, khổ nào thuộc thể thơ 8 chữ? **Nhiệm vụ 2: Giáo viên** dùng phiếu học tập cho các nhóm thảo luận.	**A. Lí thuyết:** I. Tìm hiểu 1 số đoạn thơ 8 chữ: * Ví dụ 1: + Sử dụng vần chân giãn cách + Ngắt nhịp: 3/2/3 -> Thơ 8 chữ gần với văn xuôi nên cách ngắt nhịp cũng linh hoạt

Nhóm 1: *** Giáo viên** đưa bảng phụ " Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa Và dầm mưa dòng sông trôi dào dạt Mặc con thuyền cắm lái đậu bơ vơ…" ? Chỉ ra chức năng gieo vần? Cách gieo vần ngắt nhịp? **Nhóm 2:** * Ví dụ 2: " Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ Chim trên cành há mỏ hát ra thơ Xuân là lúc gió về không định trước. Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược Mây bay đi để hở một khung trời Thế là xuân. Ngày chỉ ấm hơi hơi Như được nắm một bàn tay son trẻ..." **GV đặt câu hỏi:** Chủ đề trình bày trong đoạn thơ là gì ? Đoạn thơ được gieo vần nào ? Chỉ ra cách gieo vần cụ thể trong đoạn thơ? Chỉ ra cách ngắt nhịp của đoạn thơ ? ? Nêu 1 số bài thơ mình sưu tầm và nhận xét đặc điểm của thể thơ 8 chữ ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** trình bày theo nhóm. - **Học sinh** thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.	
Hoạt động 2: Luyện tập **a. Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập. **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS **d) Tổ chức thực hiện:**	**B. Luyện tập**: 1. Viết thêm từ, câu để hoàn thiện khổ thơ:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 4 nhóm** **Nhóm 1,3: bài tập 1** ? Hãy điền câu tiếp trong đoạn thơ sau ? *** Yêu cầu:** + Câu mới phải đảm bảo 8 chữ + Phải logic với nghĩa câu đã cho + Phải hiệp vần chân (gián tiếp hoặc trực tiếp với câu đã cho) * Học sinh thảo luận, trả lời a. Bỏ câu cuối, học sinh tự tìm. " Yêu biết mấy những bước chân dáng đứng Của đời ta chập chững buổi đầu tiên Tập làm chủ, tập làm người xây dựng Dám vươn mình cai quản lại thiên nhiên." (Tố Hữu- Mùa thu mới). Nhóm 2: ? Điền từ cho đúng ? (bỏ từ im lặng ở câu thứ 4) *** Giáo viên đưa bảng phụ** Những sớm nay tôi chợt đứng sững sờ Phố hàng ngang dâu da xoan nở trắng. Và mưa rơi thành dịu dàng (im lặng) Cho một người nào đó ngạc nhiên hoa. **Nhiệm vụ 2: Cả lớp** Tập làm thơ 8 chữ theo đề tài: + Trường lớp (nhóm 1) VD: Nhớ trường Nơi ta đến hàng ngày quen thuộc thế Sân trường mênh mông nắng cũng mênh mông Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng. Xa bạn bè, sao bỗng thấy bâng khuâng. + Bạn bè (mhóm 2) VD Nhớ bạn Ta chia tay nhau, phượng đỏ đầy trời Nhớ những ngày rộn rã tiếng cười vui Và nhớ những đốm lửa trại tuyệt vời Quây quần bên nhau long lanh lệ rơi. + Quê hương (Nhóm 3) VD Con sông quê Con sông quê ru tuổi thơ trong mơ Giữa những hoàng hôn ngời lên ánh mắt Gặp nhau hồn nhiên, nụ cười rất thật Để mai ngày thao thức viết thành thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	2. Điền từ đúng thanh, vần: 3. Tập làm thơ tám chữ theo đề tài: + Nhớ trường. + Nhớ bạn. + Con sông quê hương.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Một nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. * GV Gọi học sinh trình bày theo sự chuẩn bị ở nhà-> học sinh khác nhận xét, bổ sung **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS *** Giáo viên:** Nhận xét, đánh giá, động viên học sinh có ý thức học tập	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

? Em có nhận xét gì về thể thơ 8 chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

+ Gần với văn xuôi, phù hợp với kể, tả, bộc lộ cảm xúc…

+ Ngắt nhịp đa dạng, linh hoạt

+ Gieo vần: vần chân (liên tiếp hoặc giãn cách)

d. Tổ chức thực hiện:

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Chuẩn bị trả bài Kiểm tra Tiếng Việt- Xem lại đề kiểm tra, cách trả lời câu hỏi (Đọc các ví dụ phân tích rút ra kết luận về vai trò, vị trí, của yếu tố: Đối thoại, độc thoại…trong văn bản tự sự, viết đoạn văn ngắn có sử dụng các yếu tố trên)

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Tiết

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

A. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, HS có khả năng :

1. Kiến thức:

+ Thông qua giờ trả bài, cùng cố cho học sinh về kiến thức văn nghị luận(phân tích về nhân vật văn học)

2.Kỹ năng:

+ Học sinh được rút kinh nghiệm về các kĩ năng làm bài, vận dụng kiến thức để trả lời các dạng câu hỏi trong bài kiểm tra.

3. Đánh giá năng lực: năng lực tự đánh giá, kĩ năng tự sửa chữa lỗi sai của bản thân.

4. Thái độ:

+ Giáo dục học sinh ý thức học tập và sửa lỗi rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra

B. Chuẩn bị:

* Giáo viên: Bài chấm và nhận xét cụ thể. chuẩn bị các phiếu học tập, bảng phụ

* Học sinh: Xem lại phương pháp làm bài tự sự, lập dàn ý chuẩn bị cho giờ trả bài.

C. Phương pháp:

+ Thuyết trình, hỏi đáp, phân tích, qui nạp, thảo luận.

D. Tiến trình bài dạy:

1 Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.

Ngày giảng	Lớp	Sĩ số

2 Kiểm tra bài cũ:

(Kết hợp trong quá trình trả bài kiểm tra

3 Giảng bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	**NỘI DUNG BÀI HỌC**
*** Giáo viên** chép lại đề bài và yêu cầu học sinh đọc lại đề bài. ? Xác định thể loại, yêu cầu của đề văn trên? ? Nội dung, hình thức cần đảm bảo cho đề bài văn tự sự trên? *** Giáo viên** cho học sinh trình bày dàn ý đã chuẩn bị ở nhà -> Học sinh khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh.	I Đề bài- Dàn bài: (Giáo án tiết 84,85 do PGD ra đề) II. Nhận xét chung: 1. Ưu điểm: a. Kiểu bài: Đa số học sinh nắm được kiểu bài. b. Nội dung: nắm được yêu cầu của đề, xác định đúng đề bài: phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật văn học. c. Phương pháp: Xác định đúng phương pháp: phân tích kết hợp bình luận. * Một số em có bài viết khá: + Nắm chắc phương pháp, có kiến thức sâu rộng về thể loại văn nghị luận khá tốt nhờ đó tạo cho bài văn sinh động hấp dẫn, có cảm xúc, viết sáng tạo. 9a1: Hằng, Phương Anh, Ngân 9a2: Hà phương, Minh, Lê Huyền II. Nhược điểm: + Một số bài viết quá sơ sài về nội dung (kiến thức về nhân vật không đầy đủ, chưa vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp, đi vào kể lại nội dung văn bản. 9a2: Cường, Minh, Đức B, Nam + Một số bài viết cẩu thả về chữ, thiếu nét, cách trình bày: dập xoá nhiều, bẩn: 9a1: Việt, Vũ 9ª2: Quách Cường + Một số em không đảm bảo về bố cục bài văn: thiếu một trong 3 phần của bố cục bài văn, nội dung Mở bài (Kết bài) không đủ ý, không rõ ràng, 9a2: Quách Cường, Nam + Toàn bộ Thân Bài là một đoạn văn dài: 9 a2: Cường + một số bài phần mở bài chưa gt vấn đề nghị luận. 9A1: Hương, Vũ, Long

	9A2: Hòa, Nam. + Một bài còn viết tắt nhiều, viết hoa không đúng quy định: 9a2: Nguyễn Tùng, + Dấu câu chưa đúng chỗ 9a2: Hải, Bình, Thắng, III. Trả bài học sinh: IV. Chữa lỗi: 1. Chính tả: + lắm chặt-> Nắm chặt, núi lại-> níu lại, không nén lỏi cảm xúc-> không nén nổi, căm gét-> căm ghét, nằm vật ra dường-> nằm vật ra giường, 2. Dùng từ: + chiến tranh nội tâm -> đấu tranh 3. Câu: + Tình yêu làng của tôi nằm gọn trong tình yêu nước-> Tình yêu làng thống nhất trong tình yêu đất nước (Tình yêu nước bao trùm lên tình yêu làng) + Theo thói quen như thường lệ, tôi ra phòng thông tin nghe đọc báo-> bỏ chữ 1 trong 2 chữ có nghĩa giống nhau(thói quen, thường lệ) V. Đọc bài, đoạn, phần tiêu biểu: + 9a1: Hằng, Phương Anh, Việt Anh + 9a2: Hà Phương, Hải Minh
*** Giáo viên** dùng bảng phụ cho học sinh chữa lỗi sai chính tả(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi chính tả) *** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh chữa lỗi sai về cách dùng từ, đặt câu(gọi những học sinh hay sai lỗi tạo cơ hội cho các em phát hiện lỗi và cách sửa lỗi dùng từ đặt câu) *** Giáo viên** dùng phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm để chữa lỗi sai phương pháp(lập luận-> Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh *** Giáo viên** tiếp tục cho học sinh thảo luận nhóm(mỗi phiếu học tập chỉ gồm 2 đoạn văn chưa hoàn chỉnh cần sửa chữa) chỉ ra lỗi sai trong các phần của Bố cục-> Đưa ra một đoạn văn Mở bài và Kết bài đầy đủ nội	

dung và trình bày rõ ràng mạch lạc-> các nhóm khác nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh *** Giáo viên** dùng các phiếu học tập cho học sinh đọc rút kinh nghiệm các đoạn, các phần bài viết của nhữnh học sinh Khá, Giỏi để các em nhận xét và rút ra kinh nghiệm làm bài cho bản thân. *** Giáo viên** thống kê điểm bài viết số 1 cho học sinh nghe.	

VI. Thống kê điểm:

Lớp	Điểm 9 – 10	Điểm 7 – 8	Điểm 5 – 6	Điểm 3 – 4	Điểm 1 -2
9a1					
9a2					

9a2(34)					

4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:

+ Về nhà soạn; trả lời các câu hỏi bài Bàn về đọc sách, liên hệ các loại sách của bản thâ